



The *Collected best short stories*
Nobel Prize

Tuyển truyện ngắn các tác giả đoạt giải Nobel
O'Henry ; Sách quốc gia Mỹ...

Giải
hải
Chồng



vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Giải hai Chông

TRUYỆN NGẮN CÁC TÁC GIẢ ĐẠT GIẢI THƯỞNG:
NOBEL, O'HENRY, LỖ TẤN, PEN/MALAMUD, GONCOURT ...

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC



TÌNH YÊU

Amy Boom

Nhà văn Mỹ – Giải thưởng O' Henry

Tôi thường đi mua sắm vào ban đêm. Cứ đến thứ năm mỗi tuần, tôi lại vẫy tay tạm biệt bà vú và lái xe đi, giả vờ lưỡng lự. Khu phố mới có ba cửa hàng bách hóa tổng hợp, một rạp hát và hàng trăm cửa hiệu nhỏ, tôi đã vào tất cả các cửa hàng, trừ Compleat Sportsman. Nghe có vẻ vô lý nhưng tôi không thể ngồi xem hết một bộ phim khi biết rằng còn phải đi mua bán. Tôi thường ăn lạc rang bơ nóng và đi loanh quanh gần hai giờ đồng hồ, ngó qua các băng nhạc Jazz của cửa hàng đĩa hát, xem lướt các đĩa hát bán chạy nhất. Lúc chín giờ ba mươi, khi khu mua bán chuẩn bị đóng cửa thì chỉ còn tôi, một lão già lang thang và những người gác trẻ tuổi, tôi đi mua vài thứ lặt vặt.

Cửa hàng tạp hóa mở cửa suốt đêm dường như là một vị cứu tinh, là nơi thường lui tới của những người đàn bà ăn mặc lờ lợt, đẩy chiếc xe chở đứa bé đang ngủ, giống như món hàng mua thêm của người đàn ông, đàn bà trung niên độc thân quá khỏe mạnh và quá cô đơn nên không thể ngủ được vào lúc mười giờ, và những người như tôi, sợ hãi phải về nhà. Tôi nghĩ và đôi khi ước mong

chồng tôi chết trong khi tôi đi ra khỏi nhà vào một trong những buổi tối thứ năm.

Tôi và Max sống với nhau đã được mười năm, từ khi tôi mười tám và ông năm mươi tuổi. Cuộc hôn nhân của chúng tôi không còn là một xì căng đan, hay một thảm kịch nữa. Bạn bè của vợ ông và những người chúng kiến khác đã chuyển đi xa, im lặng hoặc trở thành bạn bè với chúng tôi, ở cái thị trấn nhỏ này thì chỉ có cách lựa chọn đó. Những người đàn bà định hoặc đã khắc nỗi vào món súp của tôi trong bữa tiệc lặng lẽ đau đớn mười năm trước đây, bây giờ thường mang rau tươi đến cho Max. Tôi đã trở thành một người vợ, chẳng bao lâu nữa sẽ là người góa phụ. Sau mười năm lấy chồng, tôi cảm thấy mình yếu đuối và ngốc nghếch hơn chính tôi lúc mười tám tuổi, chuyển đến căn hộ của Max, mang theo hai chiếc áo phông, một hộp đĩa bát và không có giày. Trong lần xuất hiện đầu tiên, Max giới thiệu tôi với trưởng ban của ông, và mua cho tôi đôi giày thể thao.

Ông không ra khỏi giường đã ba tuần nay rồi, và không nói gì từ hôm đó. Tôi thường tưởng tượng mình thành một góa phụ kiểu Audrey Hepburn, cổ cao, xanh xao, mặc bộ đồ đen chặt. Nhưng không, tôi sẽ ngấp mình trong dòng người, sẽ mặc những chiếc quần vải bông và áo sơmi của Max. Những buổi tối thứ năm, tôi mặc áo sơmi vải bông rộng thùng thình, quần bó đen nhún nhảy trong đôi giày ủng cao gót màu đen dài tới đầu gối. Tôi chưa bao giờ mặc như vậy trong đời và tôi sẽ rất vui sướng được mặc lại quần gín và giày thể thao như trước khi tôi tới nhà này.

Ray, ở Deli Counter là người tôi vẫn tìm kiếm. Đầu tiên hấn ngưỡng mộ đôi giày của tôi. Sau đó toàn bộ trang phục của tôi và sau ba ngày thử nài nhau, tôi cảm thấy phải mua một chiếc áo để hấn ngắm nghía và hấn vươn người qua quầy để nói với tôi rằng hấn rất thích và nháy mắt khi quay vào làm việc. Ray không hơn hai mươi hai tuổi và tôi dám chắc rằng hấn là một kẻ mới cai nghiện, bởi vì hiện nay hấn có vẻ khá sung sức và lại hay nói những lời giống anh trai tôi, một con nghiện không cai được, vẫn thường nói khi chúc tôi khỏe hoặc vay tiền. Tôi nghĩ rằng Ray là một người tình khá, chúng tôi không tranh luận về thơ ca, chủ nghĩa tượng trưng hay cách chữa bệnh hoặc quá khứ. Tôi uống một cốc bia còn anh ta thì không. Tôi sẽ đặt tay lên bắp đùi khỏe khoắn của anh ta cho tới khi cảm thấy làn vải căng lên dưới những ngón tay. Khi đã mệt nhoài tôi bò ra khỏi xe tải, phòng ngủ hay nhà của mẹ anh ta, rồi cảm ơn anh ta bằng lời lẽ từ tận đáy lòng và đi về nhà với Max.

Tôi đi về nhà để nhìn thấy bà vú cúi người bên Max, vuốt lại chần gối cho ông, bộ ngực khổng lồ khê lác lư và che khuất mặt ông. Ông mỉm cười và tôi thấy rằng ông không nhận ra sự có mặt của tôi và bà vú cũng vậy.

- Những viên ngọc, - bà ta vẫn tiếp tục câu chuyện, cực kỳ quý giá và tuân theo ý muốn của con người, chị gái tôi và tôi đều nghĩ rằng: số ngọc ấy phải thuộc về chúng tôi. Số ngọc của mẹ chúng tôi phải thuộc về chúng tôi, bởi vì nó đã là của chúng tôi rồi.



Tôi không thể hiểu được bà ta đang nói gì, nhưng có vẻ bóng gió đáng ngại. Có lẽ những viên ngọc ấy là ám chỉ sức khỏe của Max, hoặc cuộc hôn nhân đầu tiên của ông, hay lời thề của chúng tôi sẽ gắn bó với nhau. Mọi thứ vẫn trôi đi, không chống lại nổi. Tôi muốn bà ta câm miệng lại, để khỏi làm chúng tôi đau khổ, nhưng Max lại mỉm cười và một thoáng thanh thản trên khuôn mặt xanh xám, xương xẩu, thậm chí tôi cũng thấy rằng ông chẳng hề đau khổ. Tôi gõ vào khung cửa và biết rằng Max vẫn như mọi khi, rất ngây thơ, còn bà vú quá chú ý đến bản thân nên không thấy ý mỉa mai trong tiếng gõ của cửa tôi. Tôi vẫn cứ biểu diễn mà không có khán giả, được một lúc. Nếu người ta cảm thấy thương hại bản thân, thì vẫn có thể gọi đó là tấm thảm kịch chứ? Hay sẽ chịu nhún nhường làm nhân vật phụ kém hấp dẫn, tương phản để tôn lên các nhân vật chính, mù lòa và xinh đẹp, dũng cảm đánh bóng bức tượng đồng trong khi nước lạnh buốt ngập đến mắt cá chân? Hình như tôi cảm thấy rằng tôi đã hoàn toàn biến mất và không cảm thấy thương hại bản thân về chuyện này.

- Em yêu, - ông nói và bà vú cau mày.

- Ông ấy vẫn hỏi bà đấy, - bà ta nói và tôi thả thứ cho thói dâm dăng của bà ta bởi vì bà ta có vẻ quan tâm tới ông ấy và phật lòng khi ông ấy nhớ tôi. Những người vú khác thì chỉ quan tâm tới bệnh tật và sức khỏe của ông chủ, còn cảm xúc thì chỉ là triệu chứng bệnh tật chứ không hơn. Một lát, tôi thấy yêu quý bà ấy vì tình yêu đối với ông; ông đã làm tôi yêu những người mà tôi sẽ căm ghét nếu ông còn sống.

- Mẹ của Dawn vừa mới mất, bà ấy đang kể với anh, - rung động vì tình yêu và xúc động trước cố gắng của ông nhằm gắn bó chúng tôi với nhau và giữ chúng tôi là của ông, tôi mỉm cười với Dawn.

- Tôi rất lấy làm tiếc, - tôi nói và cố tỏ ra tốt bụng.

- Tôi cũng vừa mất mẹ năm ngoái và tôi cũng có chị gái. Thế đấy. Tôi không thể nghĩ ra, sự trùng hợp nào đáng kinh ngạc hơn để gắn bó chúng tôi lại.

- Chị gái tôi là người bạn thân thiết nhất của tôi, - Dawn nói, bà ta ngồi trong chiếc ghế bành cạnh giường, cứ như bà ta chỉ ghé qua thăm Max.

- Chị tôi cũng thế, lạ nhỉ. Chị tôi, Irene là bạn thân của tôi. Trong khi cha tôi khóc lóc và mẹ tôi lảm bảm chúc mừng, thì chị gái tôi lên gác, trước kia là phòng của chị ấy, để tranh cãi với tôi về việc lấy Max.

- Mà có thể lấy bất cứ ai, mà có biết không. Kể cả sau tất cả chuyện này. Mà có thể chuyển tới học ở một trường nào đó ở California và không ai biết được. Mà sẽ không phải lấy ông ấy.

- Em yêu ông ấy, Ren. Em muốn lấy ông ấy.

- Được, được. Tao sẽ đến. Để xem lão ta có bỏ mà để lấy một con bé trẻ hơn không. Có ra tòa không hay chỉ qua loa thôi?

- Có, Thứ tư.

- Thôi được. Thế còn trang phục thì sao? Trang phục lụa và hoa cài tóc? Mà đến cửa hàng mỹ phẩm thì cũng không ai giết đâu mà sợ.

Và chị gái tôi lau chùi đôi chân tôi, rửa sạch các lỗ chân lông, vẽ lông mày trong chưa đầy tám tiếng đồng hồ. Trong ảnh trông tôi lộng lẫy hơi quá trẻ so với bộ đồ lụa mà Irene tìm thấy và lột ra khỏi một người manơcanh, và chưa đầy bốn năm phút thì thanh toán xong. Tôi cài những bông hồng bằng ngà lên mái tóc đen buông xõa còn Max thì lộn cười phá lên trước camera do một ông bạn già nhất của ông quay. Chị gái tôi trông như mẹ cô dâu kiệt sức và cảnh giác, có vẻ hài lòng. Cha mẹ tôi thì không có mặt ở đó bởi vì tôi không mời, bất chấp lời cầu xin của Max.

Dawn quay đi và tôi thấy rằng bà ba không yêu Max; ông chỉ tốt hơn người bình thường một chút, và tồi tệ hơn một số người khác. Tôi được thoải mái cảm ghét bà ta, tôi tiễn chân bà ta ra tận cửa, lẳng lặng mở cánh cửa, một kiểu thô lỗ văn minh mà tôi học được ở mẹ tôi.

- Nằm xuống đây, - Max nói, nhưng tôi không thể nằm ở giường đó.

- Em sẽ nằm ở võng, - khi chúng tôi ở bệnh viện về, một bà bảnh bao và cau có ở nhóm hộ lý dặn tôi phải kiểm một cái võng và bà ta thậm chí không giả vờ lắng nghe khi tôi nói rằng: chúng tôi sẽ tiếp tục ngủ chung. - Cởi quần áo từ từ thôi, em yêu. Anh vẫn có thể nhìn được mà. Trong những cuốn sách mà tôi vẫn giấu, những lời khuyên khi đau khổ, những cuốn sách hướng dẫn cho các góa phụ vào giai đoạn trước đó, người viết nêu thẳng ra rằng người vợ còn sống thường chịu cảm giác đau đớn, giận dữ vì thiếu đi phần tình dục của

người đã chết. Điều này có vẻ không giống với trường hợp của Max.

Tôi cởi bộ quần áo ngoài và nằm xuống võng, như một hướng đạo sinh, vẫn mặc áo phông, quần vải bông và tất. Tôi nghe có âm thanh ẩm ướt và sủi bọt, giờ đây ông vẫn cười như thế.

Max đặt bàn tay lạnh lẽo và mỏng manh lên bụng tôi.

- Ngoài siêu thị thế nào?
- Bình thường thôi. Em mua vài món hàng lật vặt.
- Còn khu phố.
- Vẫn vui. Em mua mấy đôi tất.

Ông véo hai đầu ngón tay khô vào bụng tôi, và tôi cảm thấy mỗi đầu ngón tay vẫn còn thịt. Tôi muốn hát đi và tôi muốn khóc.

- Em có gặp ai không?

- Ai? - Tôi hỏi. Cho dù có chuyện gì, tôi không bao giờ nghĩ Max là người hay ghen, phần lớn chúng tôi chỉ hiểu nhầm nhau. Mỗi lần, chúng tôi lái xe về nhà, ông thường nhắc tôi rằng ông thích ngưỡng mộ những người phụ nữ trẻ, vì thế người ta không nghĩ rằng tôi là một phần sự tôn thờ đó của ông, rằng tôi kém độc đáo. Ông nói rằng tôi nợ ông sự chăm sóc tương tự, và tôi cần phải bỏ tính háp tấp đi, rất ít người nghĩ rằng đám cưới của tôi với ông cũng chỉ là sự nôn nóng của người lớn và giới tính thúc đẩy. Chúng tôi đã nhiều lần đồng ý rằng ông không ghen và không bông bột, không có thói sở hữu và chúng tôi chắc chắn đã nói về chuyện tán tỉnh hàng trăm lần trong mười năm chung sống.

Max khẽ véo tôi:

- Anh không biết là ai cả. Một chàng trai trẻ nào đó?

- Không, chẳng có ai cả, - tôi quay người sang một bên, tránh khỏi tầm với của ông.

- Thôi được, đừng giận dữ. Dawn đã đưa thuốc cho anh rồi. Chúc ngủ ngon, em yêu.

- Chúc ngủ ngon, ông là lão già ác tâm chó chết.

Tôi nằm xuống văng, lắng nghe hơi thở ngắt, không đều tới khi ông lăn ra ngủ và đi xuống nhà dưới để thanh toán hóa đơn. Phòng ông ta, phòng của chúng tôi ban đêm đầy ắp không khí ẩm ướt và những cơn đau rình rập vô hình. Đó là một thứ mà tôi không nói.

Ngày thứ năm tiếp theo, tôi mạnh dạn mỉm cười với Ray, anh ta rất bận rộn với đám đông đi mua sắm, cả hai chúng tôi đứng sau một cậu đèn thui, đèn tới mức cơ thể màu nâu của cậu dường như chìm xuống than. Toàn bộ cơ thể là những đường tròn má cao đầy đặn, mắt to tròn, tay và vai tròn, phía trước và phía sau quần cũng tròn. Sự đầy đặn đã bắt đầu nhỏ lại và chìm mất dần đi, cơ bắp mỗi năm mất đi một chút. Tôi muốn bỏ cậu ta ra như quả dưa và ăn từng miếng, từng miếng một. Tôi có thể nói với Max rằng giờ đây tôi hiểu ông rõ hơn mười năm trước đây. Nhưng ông sẽ phải sợ vì tôi nghĩ rằng thói dâm dăng cộng với bức tức là cái gì đó giống tình yêu của ông dành cho tôi. Còn tôi thì chỉ kinh sợ bản thân tôi, điều tôi muốn làm với cậu bé này chắc sẽ không bao giờ có giữa Max và tôi.

Ray và tôi trao đổi ánh mắt đăm đúi, cuồng nhiệt, nghe có vẻ kỳ dị, nhưng điều chúng tôi muốn duy nhất là làm tình với nhau một cách rồ dại và trở về nhà trước khi bị bắt. Thái độ của tôi là không tốt.

Tôi trở về nhà với Max và Dawn. Bà ta đang ở trong bếp của tôi, nhấm nháp nước trà đựng trong cái ca hình nàng tiên cá của tôi, món quà Max tặng sau một tuần mưa khủng khiếp trên đảo Block. Chiếc đuôi màu xanh của nàng tiên dùng làm tay cầm và những ngón tay mềm mại của Dawn đang đặt ở đó.

Sau khi bà ta đi khỏi, Max lại hỏi tôi.

- Em không gặp ai cả, lạ Chúa. Em còn gặp ai được nữa? Em không còn là một cô gái. Em đã hai tám tuổi và có lẽ trông như bà lão chín mươi. Em còn gặp ai cơ chứ?

- Em có thể gặp bất cứ ai. Nhìn anh đây này, anh sáu mươi, sắp chết vì bệnh ung thư, mà anh đã gặp Dawn đấy.

- Hay lắm. Em hy vọng là hai người hạnh phúc với nhau, - tôi tắt đèn để ông không thể trông thấy tôi thay quần áo và tự hỏi không biết ông có bảo Dawn cởi quần áo cho ông ta xem vào thứ năm hàng tuần không.

- Thật đấy, - ông nói, xung quanh ông toàn gối để ông không nằm xuống và bị nghẹt thở. - Hãy nói đi. Tại sao em không gặp ai đó?

Tôi cố nhìn ông trong bóng tối lúc trước mọi thứ rộng rãi và xương xẩu, bây giờ trong suốt ở mé ngoài và hơi lõm lại ở giữa.

- Em gặp ai?

- Một chàng trai trẻ đẹp ở khu phố chẳng hạn. Không phải là một người bán hàng, em không bao giờ thích người bán hàng. Họ đã cố rất nhiều phải không?

- Vâng, -tôi muốn bảo ông nghỉ đi, nhưng không định nói chuyện đó cho ông.

- Cao lớn và đen. Tính tình ngọt ngào, không thông minh lắm. Tất nhiên không ngu ngốc, nhưng không thông thái. Không phải một viện sĩ. Anh muốn tránh cho em phải nghe một bài giảng dài lê thê trong khi em chỉ có vài tiếng đồng hồ.

- Một ý hay. Em có bao nhiêu lâu?

- Phải, em biết kế hoạch của em rõ hơn anh. Hai giờ trong khu phố, một giờ rưỡi ở siêu thị. Chúng ta có thể bỏ qua erôbic. Anh không thể hình dung em đi với một người đàn ông tập erôbic.

- Ông nói đúng. Tôi thích đàn ông to khỏe và lực lưỡng hoặc mảnh khảnh, mềm mại nhưng tôi không thể chịu được một gã có thân hình thể thao do tập luyện, những kẻ luôn đo mạch, cơ bắp và mức độ côlestêrôn.

- Nói đi, em yêu. Hãy kể về người đàn ông mà em gặp trong siêu thị ấy.

- Chứ không phải trong khu phố à?

Đừng đùa giỡn. Hãy kể xem chuyện gì đã xảy ra.

- Anh ta tóc đen nhưng đẹp. Một người Ai len da đen lực lưỡng, không cao, nhưng to con. Vững chãi như bức tường, - tôi thấy mình đang tả Max, hình ảnh mà tôi chỉ thấy trong các bức ảnh, một cậu thanh niên to khỏe, chất phác, ngạo mạn đặt chân lên chiếc xe Jeep quân

đội; vừa mới học xong Havót vài năm trước, cười nhăn nhơ như một tên tướng cướp gió thổi tung hai đầu khăn ra phía sau.

- Tiếp đi, -Max nói, dường như tôi đang kể về ai khác.

Em gặp anh ta trong siêu thị. Em thay quần áo để đi tới đó, -tôi đã kể sự thật với Max về chuyện áo và ông nói: “Ồ” khi tôi kể đến đôi giày ủng đen đến mắt cá chân. Chúng tôi đang đùa cợt ở trong căn phòng khủng khiếp này.

- Em mặc áo lót chứ?

- Thôi nào Max, tất nhiên là em có mặc áo lót.

- Hãy chậm thôi nào. Thôi được, ít ra thì đó cũng là một trong những chiếc áo đáng yêu của em, hy vọng là không phải những chiếc Ace như bó bột. Thế còn chiếc áo màu đen lẫn đỏ với các hình cắt nhỏ xú? -Max thích chiếc áo lót “trò ú tim” bằng lụa và tôi mua nó, nhưng hàng ngày thì tôi không mặc chiếc áo lót khâu tay trị giá tới bảy mươi đô la ấy. Chủ yếu là tôi mặc đồ vải lông rẻ tiền mà ông rất ghét.

- Em mặc chiếc áo đen đỏ đó.

- Còn quần lót?

- Không quần lót.

- Tuyệt quá! Lần đầu tiên anh đặt vào chỗ đó để trần của em, anh tưởng mình đã lên thiên đàng rồi. Và sau đó anh sợ rằng điều đó không phải dành cho anh, chỉ là do em không bao giờ mặc đồ lót mà thôi.

- Max, anh bảo em không mặc mà, nhớ chưa? Em thì bao giờ cũng mặc đồ lót, - tôi vài lần, hơi quá nhiều lần

làm tình với bọn con trai trước khi tôi gặp Max, nhưng tôi chưa bao giờ có người tình. Mọi thứ quan trọng mà tôi được biết, văn học, con người và cơ thể của riêng tôi, tôi đều biết được từ chính con người này và ông đang bỏ tôi theo cái cách mà cả hai chúng tôi đều nghĩ là tôi sẽ bỏ ông, yêu thương, hối tiếc và không thể tránh khỏi.

- Hãy kể cho anh nghe về gã khổng lồ đó đi.

Gã Khổng Lô, - đó là tên mà tôi vẫn thường gọi Max. Người đàn ông đã từng cưới một người phụ nữ coi mình là “anh yêu quý” và sau đó lại được những cô gái trẻ trung, có học thức đeo đuổi, gọi ông là giáo sư Boyle và nghĩ ông là Chúa trời, nhưng ông lại thấy cái tên “gã khổng lồ” và “kẻ hung hăng” là tên gọi yêu thương thân mật.

- Anh ta là quản đốc ca đêm, - tôi thắng cược cho Ray. Tôi biết chắc rằng sẽ có lúc những người có vẻ đẹp đẽ, phong thái dễ chịu như anh ta sẽ được làm quản đốc, và kết bạn tình với Ray, một gã bán thịt bò nướng thì có vẻ hạ phẩm giá của cả hai chúng tôi.

- Hay quá. Vậy em làm chuyện đó ở đâu?

- Lạy Chúa, Max, anh làm sao thế?

- Em cần phải hỏi ư? Nào, nào đừng lồng lên thế. Em làm chuyện đó ở đâu? - Giọng thúc giục giận dữ ấy đã từng làm tôi sợ chết khiếp và tôi không thể chịu được rằng nó không còn làm tôi sợ chút nào nữa.

- Bọn em đến công viên Wadsworth, - tôi và Max đã từng đến đó khi tôi vẫn còn sống với cha mẹ tôi và ông vẫn sống với vợ cũ. Mới đây thôi, khi ngồi phân loại

thuốc và cạo râu cho bộ mặt méo mó của ông, tôi nghĩ, vợ là thế này đây. Chúng tôi giờ đây không còn thấy người khác nhìn mình với đôi mắt tò mò, thích thú nữa. Sự khác biệt ngày một phai nhạt đi. Chúng tôi chỉ còn là một người – người đàn ông đang chết và người đàn bà không chết.

- Một chiếc xe nhỏ à?

- Không, không tồi lắm, - tôi tránh không nhầm lẫn, sợ rằng không kể đúng câu chuyện.

- Nhưng em có cái chần nhỏ mà không chú ý tới lỗ rệp.

- Max, anh muốn gì đây?

- Anh muốn em kể chuyện gì đã xảy ra khi em đi vào rừng. Em dẫn anh ta đi vào bãi đá to, bên dòng suối à?

Cây cối rậm rạp ở hai bên bờ nước, che khuất cả hai phiến đá hoa cương. Khi chúng tôi tới đây, Max thường đẩy tôi về phía sau, khiến tóc tôi vờn dưới nước lạnh, nhặt những chiếc lá nhỏ và đặt nằm dưới người ông.

- Thôi được. Bọn em đi đến bãi đá và làm tình. Sau đó em thay quần áo và lại về nhà.

- Đừng có kể với anh như thế, - ông nói và bắt đầu ho, toàn bộ cơ thể ông nảy lên trên chiếc chiếu nilông. Ông ngủ và vãn ho, còn tôi đi xuống cầu thang chẳng làm gì cả.

Đến hết tuần đó ông bỗng bồng bính trôi giữa những cuộc nói chuyện và những giấc ngủ giả tạo. Ngày thứ năm, tôi mặc quần áo đi mua sắm, Max nhìn và mỉm cười vẻ lạnh lợi. Dawn đang đọc báo và đợi tôi đi khỏi.

- Đêm nay à? - Ông hỏi, cố sức đẩy từng từ bật ra khỏi đôi môi. Tôi không trả lời, chỉ buộc lại đôi giày và ngồi xuống chải tóc.

- Em có biết Dawn khiến anh nhớ đến em không?

- Không hẳn mà nhưng chắc chắn? Eren Goknar đấy, nhớ chưa?

Tôi nhớ và vẫn tiếp tục chải tóc.

- Không biết giờ cô ấy ở đâu.

- Em không biết, - tôi nói. -- Có lẽ cô ta về Thổ Nhĩ Kỳ rồi.

- Anh không nghĩ thế. Cô ấy viết thư cho anh từ California, nói rằng đang dạy học ở Berkeley. Một cô gái kỳ diệu, - ông nói, vật lộn với từng từ một. Tôi bước ra khỏi phòng.

Tôi mang lên một ít nước nóng cho tôi và Dawn, rồi quay lại nhìn Max, tôi sợ rằng ông sẽ chết khi tôi giận dữ với ông.

- Xong rồi à?

- Vâng. Vài tiếng nữa em sẽ về.

- Anh đã ngủ với Eren, - ông nói và thở dài.

- Em biết, - tôi nói, mặc dù cho tới lúc đó tôi mới biết. Và tôi cần biết rằng ông đang cố đẩy tôi đi, cái kỉnh, cứ như là tôi sẽ ít nhớ ông vì ông đã quan hệ với Eren Goknar. Ông không mất tôi mà tôi lại đánh mất bản thân mình, chúng tôi giống như chùm chìa khóa biết kêu bíp khi nghe thấy giọng chủ. Tôi hôn gió sát mặt Max và quay về phía Dawn, bà ta đã pha xong trà.

Chúng tôi tán róc hai giờ, giữa những lần bà ta chạy lên gác, bà ấy cũng không hỏi tại sao tôi lại không đi nữa. Tôi cho bà ấy về nhà lúc mười một giờ.

Max mở mắt khi tôi bật đèn ngủ để cởi quần áo. Ông khẽ nhấc một tay lên và tôi đi về phía ông, vẫn mặc đồ lót.

- Cười đi, - ông thì thầm. Ông quay đi và ho, âm thanh nặng nhọc, khô khè như phát ra từ một cọng rơm trong chiếc cốc gần rỗng.

Tôi cởi bỏ hết mọi thứ và leo lên giường, cố gắng để không đè lên ông, lúc này chỉ những tấm vải cũng có thể làm ông đau.

- Em đã làm thế à?

Tôi trườn vào gần hơn tới khi mặt chúng tôi kề sát nhau và tôi hôn lên đôi môi khô của ông và chạm vào những vết sưng, vết nứt nhỏ quanh miệng.

- Vâng, em đã tìm anh ấy, người mà em vẫn kể với anh. Gã cao lớn, khi nào em đến là anh ấy nghỉ làm sớm. Em không bao giờ phải đợi.

Max nhắm mắt lại và đặt tay lên chân tôi.

- Trời tối quá, nên bọn em không đến công viên. Bọn em vào một khách sạn. Ở đó giấy dán tường màu đỏ và giường hình trái tim lớn trải nhung đỏ.

- Đường 68, - Ông nói.

- Đúng cái đó. Anh nhớ cái giường ấy chứ? Đầu giường có những chiếc hộp nhỏ và tay cầm?

Tôi cầm tay ông xoa dọc đùi tôi thật nhẹ.

Anh ấy cởi quần áo cho em, Max. Anh ấy quì xuống và tháo giày của em, sau đó anh ấy đặt em nằm xuống giường và cởi quần áo cho em. Anh ấy vẫn mặc complê.

- Complê à? -Max thì thầm.

- Bộ quần áo làm việc của anh ấy, em định nói thế. Không phải complê. Anh ấy vẫn để đèn sáng và bắt đầu hôn khắp người em, nhưng mỗi lần em định ôm anh ấy thì anh ấy lại ngăn. Sau đó khá lâu anh ấy mới để em chạm vào.

Max cựa khe khẽ để gạt đầu và tôi nâng những chiếc gối cao hơn.

- Anh ấy hôn vào giữa hai đùi, rồi phía sau chân, rồi lưng em rất lâu và khi anh ấy xoay em lại thì anh khoảng nửa mét, rồi cả hai cùng lăn xuống giường, thế rồi anh ấy đi vào trong em, vào mãi, vào mãi tới khi em bắt đầu kêu lên, thế rồi cả hai chui vào chăn cùng kêu lên, và cùng lăn ra ngủ.

Tôi áp khuôn mặt ướt đầm vào mặt Max và lắng nghe ông thở.

Đó là điều tuyệt diệu nhất, Max ạ. Trong cuộc đời em không bao giờ có điều gì được như thế. Anh có nghe thấy em nói không? Không bao giờ có điều gì tuyệt diệu như thế.

Nguyễn Thị Hiền Thảo dịch

TRONG CÔNG VIÊN

Cao Hành Kiện
Nhà văn Trung Quốc – Giải thưởng Nobel

- Đã lâu lắm rồi mình không còn đi dạo công viên. Không lúc nào có thì giờ rồi mà cũng chẳng còn thấy thú vị gì với chuyện ấy nữa...

- Mọi người ai cũng thế cả, hễ xong công việc là chạy thẳng về nhà, bao giờ cũng vội vã.

- Mình nhớ thuở bé cứ thích đến cái công viên này để nhào lộn trên cỏ.

- Bố mẹ dẫn đến đấy chứ.

- Dĩ nhiên rồi.

- Nhất là khi có đồng bạn ở đó.

- Mình còn nhớ chứ.

- Thuở đó đồng bạn còn có hai cái bím tóc.

- Còn đồng bạn thì mặc một cái quần yếm, trông ra vẻ lắm.

- Còn đồng bạn thì lại quá cao xa, trông rất kiêu.

- Thế à?

- Chứ sao, chả ai dám đến gần.

- Thế mà mình không nhớ đấy, ấy thế mà mình lại rất thích chơi với đồng bạn mới lạ chứ, và ngay cả đá bóng.

- Đùa, đằng ấy mà đá bóng à! Đi giày trắng nồn, lúc nào cũng sợ bẩn giày.

- Đúng đấy, hồi bé lúc nào mình cũng thích đi giày thể thao trắng.

- Trông cứ như là một nàng công chúa.

- Sao lại không, một nàng công chúa đi giày thể thao.

- Sau đó đằng ấy dọn đi nơi khác.

- Ừ nhỉ.

- Lúc đầu, chủ nhật đằng ấy còn hay đến nhà mình chơi, sau đó thưa dần.

- Lúc đó mình lớn rồi.

- Mẹ mình quý đằng ấy lắm.

- Mình biết chứ.

- Trong gia đình không có con gái mà.

- Mọi người đều bảo chúng mình giống nhau, trông như hai chị em.

- Nay đằng ấy đừng quên là mình sinh cùng một năm mà tổ còn hơn đằng ấy những hai tháng đấy.

- Nhưng trông tổ lại lớn hơn đằng ấy, lúc nào cũng cao hơn một gang tay, ai cũng bảo tổ là chị.

- Ở tuổi đó con gái bao giờ cũng lớn nhanh hơn con trai. Mà thôi, mình nói chuyện khác được không?

- Nói chuyện gì bây giờ?

Dưới hai hàng cây bên lối đi là một rặng bách cắt gọn ghẽ; trên con dốc phía bên kia hàng bách, một cô gái mặc váy hồng cầm xác tay đỏ đang ngồi trên một chiếc ghế đá dài.

- Mình cũng ngồi xuống đây một lát đã.
- Được.
- Mặt trời sắp lặn.
- Ừ đẹp nhỉ.
- Tổ không thích cái kiểu đẹp giữa cảnh giả tạo này.
- Đằng ấy chẳng bảo vẫn thích đi công viên mà.
- Đó là lúc mình còn bé. Sau đó mình lên sống ở miền núi, làm nghề đốn củi trong rừng hoang bảy năm liền.
- Gian khổ thế mà cũng chịu được.
- Đúng là đời sống trong rừng không phải là dễ.

Người con gái mặc váy đứng lên khỏi ghế, ngóng về cuối lối đi, qua hàng rào sắt thẳng tắp, vài người từ phía này đi lại, trong số ấy có một thanh niên tóc dài xuống mang tai. Phía bên trên vòm cây và đầu tường, các tia nắng sắp tắt ngập trời một màu đỏ rực, ngả sang màu tím rồi vươn lên rẽ quạt theo hình thù khúc khuỷu những đám mây.

Đã lâu lắm rồi tổ chưa nhìn thấy một buổi hoàng hôn đẹp như thế này, cả bầu trời rực lửa.

- Như một đám cháy.
- Như một đám cháy rừng.
- Nói đi, nói tiếp đi mà.

Khi có đám cháy rừng, trời cũng y như thế này, lửa lan nhanh một cách mãnh liệt đến độ không ai có thì giờ đốn cây nữa. Cảnh tượng rất kinh hoàng, tất cả củi đốn rồi đều bay tung lên trời, chẳng khác nào những tàn rơm bay loạn trong bếp lửa. Lúc đó những con báo bắt đầu



chạy trốn như điên khùng, nhảy cả xuống sông và bơi về phía người...

- Báo không tấn công người à?
- Chúng còn thiết gì đến việc ấy nữa.
- Các anh không bắn chúng à?
- Bọn này cũng thế, sợ xanh mặt, đứng tất cả trên bờ, gương mặt nhìn như chôn chân tại chỗ.

- Thế không có cách nào chạy à?

Cả cái khe núi cũng không là chướng ngại gì đối với lửa, những thân cây bên kia sông đều nằm đen, nổ "lộp bộp" rồi bắt đầu cháy trong một tiếng vang "ào. . ." lớn. Trong vòng mấy cây số chung quanh, khói, lửa tràn ngập tất cả, không khí ngột ngạt khó thở chỉ còn cách chờ cho lửa đổi chiều hoặc cháy đến bờ sông mới yếu đi mà lui dần.

Cô gái mặc váy lại ngồi xuống ghế đá, đặt cái xác tay bên cạnh người.

- Này, đảng ấy hãy kể về những năm tháng ấy đi.
- Có gì mà kể.
- Làm sao mà không có gì, tất cả những điều vừa kể chẳng là thú vị?
- Không đâu, những thứ ấy có gì là hay ho. Thôi, nói về chuyện của đảng ấy đi.
- Về mình à?
- Ừ về đảng ấy.
- Tổ có một đứa con gái.
- Nó mấy tuổi?

- Sáu tuổi.

- Nó giống đằng ấy nhiều không?

- Giống, mọi người ai cũng bảo thế.

- Có giống đằng ấy lúc còn bé không, trắng à? Nó cũng đi giày thể thao

- Không, nó chỉ thích đi giày da thường, bố nó mua cho nó hàng lò.

- Đằng ấy sống có hạnh phúc không? Ông chồng thế nào?

- Anh ấy đối với mình tốt lắm, nhưng bảo là có hạnh phúc không thì mình cũng chẳng biết thế nào mà nói.

- Hiện giờ công việc làm ăn ra sao? Có gì thú vị không?

- Cũng được, nếu so sánh với những người cùng tuổi mình thì cũng khỏe: Ngồi văn phòng, trực điện thoại, bàn giao hồ sơ lên ban giám đốc.

- Thư ký à?

- Thủ thư.

- Đó là một công việc đòi hỏi sự tin cẩn, như thế là được tin dùng đấy.

- Khá hơn làm công nhân một tý, còn đằng ấy, không tìm cách mà đổi đời đi chứ.

- Có đấy cũng cố gắng lắm nên giờ có khá hơn.

Trên bầu trời, ánh chiều đã yếu ớt, ngả sang màu đỏ sẫm, chỉ còn phía chân trời xa, dưới một viên mây đen kịt, là còn một vệt ánh sáng vàng nhạt chiều lờ mờ lên các ngọn cây. Trên con dốc, mấy bụi cây đã trở thành các

bóng đèn. Người con gái vẫn ngồi đó, đầu cúi xuống trên ghế đá, cô ta làm một động tác như đang nhìn đồng hồ, rồi đứng lên, cầm xác tay, xong lại đặt xuống ghế, ngong ngóng về phía lối đi bên kia hàng bách; rõ ràng là cô đã nhìn thấy mặt trắng vừa lộ rạn từ mấy đám mây, cô quay người lại, bắt đầu đi từng bước chậm rãi, đầu cúi thấp.

- Cô này đang chờ ai đó.

- Không gì mệt bằng chờ đợi, thời buổi này mấy thằng con trai toàn cho con gái ăn thịt thỏ.

- Ở đây trong thành phố, con gái nhiều hơn con trai à?

- Thật ra con trai cũng không ít, nhưng con nhà đảng hoàng thì hiếm lắm.

- Trông cô bé này xinh ra phết.

- Con gái mà đi bước đầu thì đứa nào cũng khổ cả.

- Không biết thằng bồ rồi có đến không?

- Ai biết được, lo làm gì cho mệt đầu.

- May mà chúng mình cũng đã qua cái thời ấy rồi. Đảng ấy đã bao giờ đợi ai thế chưa?

- Chỉ có cái ông nhà mình là lúc nào cũng phải đợi thôi. Còn đảng ấy có hay bắt người ta đợi không?

- Tổ chưa bao giờ lỗi một cuộc hẹn nào cả.

- Đảng ấy hiện đang có cô nào phải không?

- Ừ cũng nhì nhằng.

- Thế sao không lấy nhau đi?

- Có lẽ rồi cũng phải thế.

- Đẳng ấy có vẻ không thích cô ta mấy thì phải?
- Tổ chỉ thấy thương hại.
- Thương hại không phải là tình yêu. Nếu đã không yêu người ta thì đừng nói dối người ta làm gì.
- Tổ chỉ tự dối mình thì có.
- Nhưng thành ra cũng dối cả người ta nữa.
- Thôi bỏ chuyện ấy qua một bên đi.
- Ừ thì thôi.

Người con gái đã ngồi xuống. Bỗng nhiên, cô ta đứng bật dậy nhìn ra lối đi đã nhá nhem, chỉ còn lờ mờ một vệt đỏ nhợt nhạt cuối cùng ở phía chân trời. Cô lại ngồi xuống, như thể biết mọi người đang nhìn mình, cô cúi xuống, hình như đang sửa lại váy nơi đầu gối.

- Không biết anh chàng rồi có đến không?
- Chìu.
- Đáng lẽ anh ta không nên làm như thế.
- Có biết bao nhiêu thứ đáng lẽ người ta không nên làm.
- Cô bạn đẳng ấy có xinh không.
- Trông chán mớ đời.
- Ai lại nói như vậy. Nếu không yêu người ta thì cũng đừng nói dối. Sao không tìm lấy một người mà mình yêu thích thật sự một cô nào trẻ, đẹp đấy?
- Một cô gái đẹp mà thích tổ làm gì có trên đời này.
- Tại sao?
- Bố tổ có quyền cao chức trọng gì đâu.

- Đừng nói thế, tớ không muốn nghe ai nói như vậy cả.

- Thế thì đừng nghe nữa, chúng mình phải đi thôi.

- Đẳng ấy đến nhà tớ đi.

- Tớ phải tìm một món quà gì cho con gái đẳng ấy, để mừng chứ.

- Đừng nói thế.

- Có gì là xấu đâu?

- Chỉ giỏi; Châm chọc.

- Tớ có ý ấy đâu.

- Tớ chỉ muốn đẳng ấy được hạnh phúc.

- Tớ không muốn nghe nói đến hai chữ đó nữa.

- Đẳng ấy không hạnh phúc à?

- Tớ không muốn nói về chuyện đó nữa. Trong tất cả những năm tháng ấy, gặp nhau đâu có dễ gì. Nói làm gì những lời ác độc thế.

- Được rồi, chúng ta nói chuyện khác.

- Đột nhiên người con gái đứng dậy. Ở cuối lối đi một bóng đen đang đến gần, đi rất nhanh.

- Cuối cùng anh chàng cũng đã đến.

Đó là một thanh niên, đeo trên vai cái cặp vải. Nhưng người này tiến thẳng, không dừng chân, đi ngang qua chỗ cô gái rồi xa dần. Cô gái ngoảnh mặt đi.

Vẫn không phải người cô ta đang đợi. Trong cuộc đời thường như vậy, thế có lạ không?

- Cô gái khóc.

- Ai?

Cô gái ngồi, úp mặt vào hai bàn tay như muốn trốn. Lùm cây bên dốc mờ tối đến độ không còn rõ hình thù. Chỉ còn nghe thấy tiếng chim sẻ riu rít.

- Vẫn còn chim à?

- Cứ phải ở trong rừng mới có chim đấy.

- Vẫn còn chim sẻ à?

- Này, đừng có khinh bạc như thế.

- Tổ lúc nào cũng thế thôi. Nếu không giữ được cái khinh bạc đó thì ngày hôm nay tổ đã không còn ở đây.

- Đảng ấy không nên quá hận đời. Đâu phải chỉ có mỗi đảng ấy là phải chịu khổ đâu. Tất cả mọi người đều phải rời thành phố. Đảng ấy phải hiểu: một người con gái trẻ mà phải về miền quê, không gia đình, không quen biết còn gặp khó khăn nhiều gấp mấy đám con trai. Nếu tổ đã phải lấy chồng, ấy là vì không còn cách nào khác tốt hơn. Chính bố mẹ anh ấy đã xoay xở cho tổ về lại thành phố.

- Tổ có trách đảng ấy đâu.

- Đảng ấy cũng chẳng có quyền làm điều đó.

- Có ai có quyền được trách ai đâu.

Đèn đường đã sáng, luồng ánh sáng vàng xuyên qua vòm lá cây xanh. Bên trên thành phố, trong ánh sáng mờ mờ của khung trời đêm, ngay cả ánh những vì sao cũng bị che phủ, nhạt mờ. Trong khi đó những cột đèn giữa các bụi cây lại trở thành rực rỡ.

- Có lẽ mình nên đi đi thôi.

- Đúng rồi, mà đáng lẽ mình cũng chẳng nên đến đây làm gì.

- Người ta lại nghĩ mình là những kẻ yêu nhau. Nhờ chồng đảng ấy biết được, ông ấy lại có thể hiểu lắm, đúng không?

- Anh ấy không thể đâu.

- Nếu thế thì cũng là người khá đấy.

- Đảng ấy có thể đến nhà tụi này chơi.

- Nếu ông ấy mời tớ.

- Nếu mình mời đảng ấy thì có khác gì nào?

- Nhưng đáng tiếc là tớ không biết địa chỉ nhà đảng ấy ở đâu, nên mới phải đến cơ quan tìm. Nếu không tớ đã đi thẳng đến nhà đảng ấy rồi.

- Bỏ cái kiểu lý sự ấy đi.

- Thôi, cãi nhau làm gì.

- Chính đảng ấy chọc tức người ta đấy chứ.

- Được rồi, tớ xin lỗi, tớ có cố ý đâu.

- Bây giờ ta nói chuyện khác đi.

- Ồ.

Cái lùm cây đã hoàn toàn chìm vào màn đêm, cả bóng người con gái cũng không còn rõ ràng nữa. Tuy nhiên ánh sáng đèn làm vòm lá cây dương xanh màu ngọc thạch như có ánh lân tinh. Một cơn gió nhẹ lướt qua làm rung động bề mặt lá óng ánh mịn màng.

- Hình như cô ta vẫn chưa đi về.

- Chưa, cô ta đang đứng tựa vào cây.

- Cách cái ghế khoảng mười thước là một thân cây lớn, đúng là trên đó có lơ mờ một bóng người dựa vào.

- Cô ta đang làm sao thế?

- Đang khóc.

- Đáng gì mà khóc.

- Tại sao?

- Khóc cho một người như thế thì chả bỏ. Cô ta có thể tìm được một người con trai khác yêu cô mà được cô yêu. Cô ta nên đi về thì hơn.

- Cô ta vẫn còn hy vọng.

- Thật ra rồi giữa đường đời rộng lớn, thế nào mà cô ấy lại không tìm được con đường của mình.

- Đừng có tưởng cái gì mình cũng biết. Đảng ấy không hiểu một tí gì về đàn bà cả. Nếu muốn xúc phạm đến họ thì cũng dễ thôi. Đó là những sinh vật yếu đuối.

- Nếu họ biết là mình yếu, sao không phấn đấu cho mạnh lên.

- Nói thì lúc nào nghe cũng hay lắm.

- Cần gì cứ phải tự làm khổ mình. Đau khổ trong cuộc sống cũng quá đủ rồi. Phải biết sáng suốt chứ.

- Có biết bao nhiêu điều phải thế này, phải thế kia.

- Tôi muốn nói con người đáng lẽ phải làm những điều phải làm.

- Đảng ấy nói toàn những câu vô nghĩa.

- Cứ thế đấy, đáng lẽ tôi chẳng nên đến gặp đảng ấy làm gì.

- Nói thế cũng lại là vô nghĩa.

- Được rồi chúng ta nên đi thôi, tớ mời đằng ấy đi ăn cơm.

- Tớ chẳng thích ăn gì cả. Có lẽ mình có thể nói chuyện gì khác.

- Nói về gì bây giờ?

- Về đằng ấy.

- Nói về thế hệ sau đi, con gái đằng ấy tên gì?

- Thật ra là tớ mong có một đứa con trai.

- Nhưng một đứa con gái thì cũng thế.

- Không, lớn lên con trai không phải chịu khổ nhiều như con gái.

- Trong tương lai, bọn trẻ sẽ đỡ khổ hơn vì chúng ta đã trả nợ cho chúng rồi.

- Cô ta khóc.

Chỉ có tiếng lá xạc xào trong gió; tuy nhiên, trong tiếng lay động của lá người ta vẫn có thể phân biệt được tiếng thốn thức từ sau cái ghế và thân cây.

- Phải an ủi cô ta.

- Không được đâu.

- Cứ phải thử.

- Đi đi

- Một phụ nữ mà làm chuyện này thì tốt hơn.

- Cô ta có cần đâu cái loại an ủi đó.

- Tớ không hiểu đằng ấy muốn nói gì.

- Đằng ấy chả hiểu gì cả.

- Thà không hiểu còn hơn.

- Hiểu nhiều quá lại càng nặng nợ.
- Nếu như thế, cần gì an ủi cô ta? Đằng ấy tự an ủi lấy mình còn hơn.
- Nói thế là nghĩa gì?
- Đằng ấy chẳng hiểu gì tình cảm con người cả. Nếu tình cảm chỉ là gánh nặng thì cũng chẳng cần hiểu làm gì.
- Thế thì chúng mình đi đi.
- Mình đi về nhà tớ?
- Chẳng để làm gì.
- Thế thì chúng ta chia tay như thế này à?
- Tớ đã mời đằng ấy đến nhà ăn cơm ngày mai rồi mà. Anh ấy sẽ có mặt.
- Tớ cho là tớ không nên tới làm gì, đằng ấy thấy thế nào?
- Thế nào cũng được.
- Trong bóng đêm, tiếng thỏn thức bị dồn nén càng trở nên rõ ràng. Nó nổi trôi, quện vào trong tiếng lá xạc xào trong gió tối.
- Tớ sẽ gửi thư cho đằng ấy khi tớ lấy vợ.
- Tốt hơn là đừng gửi gì cả.
- Mai kia nếu tớ đi ngang đây, có lẽ tớ sẽ ghé thăm đằng ấy.
- Tốt hơn là đừng bao giờ đến.
- Đúng rồi, đó là một sai lầm.
- Sai lầm gì?

- Đáng lẽ tớ không bao giờ nên quay lại gặp đằng ấy.
- Không, đằng ấy làm điều đó là đúng.
- Đằng ấy và tớ, chúng ta chẳng có tội tình gì. Đó là lỗi lầm của thời đại. Tất cả cũng trở thành quá khứ rồi. Phải cố mà quên đi thôi.

- Riêng tớ, khó mà quên tất cả được.
- Có lẽ với thời gian...
- Thôi bây giờ đằng ấy đi đi.
- Đằng ấy không muốn tớ đưa đến xe buýt à?

- Hai người đứng dậy. Tiếng thổn thức bị dồn nén không kìm hãm nổi vang lên từ chiếc ghế đá trống giờ đã khó phân biệt được, ở đằng kia, sau vệt thân cây đen, cái bóng người cũng nhòe nhoẹt trong bóng đêm.

- Có lẽ chúng mình nên khuyên cô ấy đi về nhà đi nhỉ?

Trong vùng ánh sáng đèn đường, những cây dương rung nhẹ tàn lá xanh non óng ả mịn màng.

Nguyễn Hồi Thủ dịch

PHẢI LÒNG

Andre Dubus

Nhà văn Mỹ – Giải thưởng Pen/Malamud

Ted Briggs trở về bảy năm trước khi cuộc chiến kết thúc. Hai năm sau cuộc chiến đó, vào một buổi tối chủ nhật mùa xuân, anh gặp Susan Dorsey trong bữa tiệc ăn mừng cảnh cuối cùng của một vở kịch được hoàn thành, tổ chức ở thị trấn nhỏ phía bắc Boston. Anh không muốn đi xem vở kịch cũng như dự buổi tiệc mà ngồi uống với Nick. Lúc bắt đầu buổi chiều chủ nhật muộn đó bên quầy rượu, trong một quán bán thịt rán, họ nhìn thấy một người đàn bà hiện lên trong tấm gương dài của quầy rượu, Nick nói: "Hãy đi với tôi. Em tôi giống cô ta lắm".

- Chị ấy đang đạo diễn vở kịch. Chị ấy khó chiều lắm.

- Vở kịch tên gì?

- Tôi quên rồi. Về một người Pháp nào đấy. Anh sẽ biết thôi.

Ted nhìn vào anh. "Có vẻ như một từ khác. Cái đó không phải là vấn đề. Bữa tiệc mới là vấn đề. ở những nhà hát này: Người xem không cần đến cuộc cải cách tình dục".

- Tôi không cần phải xem vở kịch mới ăn nằm với ai đó.

- Việc gì anh phải bức bối như vậy? Anh hành động mông muội quá. Anh luôn luôn đọc cái gì đấy; anh đi

xem kịch đi". Nick ra hiệu cho người đứng quây. Rồi vẩy tay về phía cô phục vụ đang đứng gần cửa ra vào. Khi cô nhìn về phía bọn anh, Nick ra hiệu bằng ngón tay trở và ngón giữa xòe hình chữ V, rồi chỉ về phía những chiếc bàn sau họ. Ted nhìn các ngón tay anh ta và nói: "Như thế à?"

Nick hạ tay xuống thành quây hỏi lại: "Như thế nào?"

- Cử chỉ hòa bình. Tôi đã từng dự tiệc với các nghệ sĩ. Mọi người cứ hỏi về cái chân của tôi. Tôi kể cho họ nghe. Bọn họ rất lịch sự.

- Lịch sự!

- Đó là một cố gắng.

- Vì họ.

- Đúng vậy.

- Nay, chúng ta là luật sư, họ sẽ ghét cả hai. Ted nhìn vào gương mặt hau háu và tối sầm của Nick nói: "Chúng ta không thể để công việc giữ chân ở nhà chứ?"

- Mọi người thích chúng ta.

- Mọi người yêu chúng ta.

Ted Briggs là một người đàn ông cao to, ngực nở với đôi cánh tay rắn chắc và hàng ria nâu rậm. Susan Dorsey thấy mẩn gương mặt anh ngay khi anh vừa bước vào phòng tiệc, một phòng khách rộng, chật cứng người. Cô cũng vừa từ nhà hát về và đã làm việc rất hiệu quả để bây giờ đứng đây uống rượu gin và nước khoáng quinin, cô cảm thấy mình còn lớn hơn cả căn phòng rộng này. Cô không biểu lộ cảm xúc ấy cho ai. Cô cư xử nhã nhặn, phải phép. Cô mới hai mươi hai tuổi và say mê với nghề được bảy năm; cô biết

rằng chỉ có thể bộc lộ niềm hân hoan, vui sướng với người nào thân thiện. Với bất cứ ai khác, đó chỉ biểu hiện ra ngoài như là lòng can đảm. Công việc của cô vô cùng nguy hiểm, trong suốt quá trình dần dựng vở kịch cô đã hóa thân vào Lucile với tất cả khả năng, và cô biết rằng những gì cô cảm thấy lúc này là lòng biết ơn chứ không phải sự tự hào. Cô cũng biết sự vẹn đầy có lúc sẽ xa rời cô, có lẽ chỉ trong ba ngày, để sau đó, vào một khoảnh khắc nào đấy, cô sẽ thấy mất mát và vô vị. Nhưng hiện tại cô uống, len giữa đám người về phía một người đàn ông với cốc rượu trên tay trái, tay phải buông thông tựa nhẹ vào cây gậy, đôi bắp tay to nở làm căng phồng cánh tay ngắn của chiếc sơmi xanh. Đứng cạnh anh ta là một người thấp và già hơn. Người này da ngăm đen, trên trán có vài múi tóc quăn. Cô dừng lại trước hai người đàn ông và chủ động giới thiệu tên mình. Lúc đó cô nhận ra ánh mắt họ đều nói lên rằng họ chưa xem vai diễn của cô trong vở kịch. Tên họ là Nick và Kakonis. Ted bỏ cây gậy tựa vào chân rồi bắt tay với cô. Cô nhìn thẳng vào mắt anh, hỏi: "Anh thích vở kịch chứ?"

- Chúng tôi vừa mới tới, - Nick phân bua, và Ted liền cướp lời: Là gì vậy?

- *Cuộc diễn tập*, của Jean Anouilh.

- Tên người đàn ông Pháp đấy Ted, - Nick nói.

- Tôi thích kịch của ông ta, - Ted nói.

- Cô cũng có vai trong đó à?

- Tôi là Lucile.

- Chúng tôi lỡ mất rồi, - Ted nói có vẻ tiếc nuối.

Họ đã lỡ vì vodka rượu vang với thịt rán, và cả cognac; sau đó Nick đánh xe ra ngoại ô thành phố về phía Bắc. Một lần họ phải đi tiểu và Nick lái xe ra khỏi đường quốc lộ dừng bên một con đường nhánh thưa người. Họ đứng bên cạnh xe và tiểu tiện xuống bãi cỏ dưới chân. Nick đánh xe trở lại đường cao tốc; họ nói về đàn bà và công việc, thời gian chả còn quan trọng. Vẫn chuyện, họ rời thành phố đến bữa tiệc. Nếu vở kịch bắt đầu đúng giờ thì lúc chiếc màn sân khấu kéo lên cũng là lúc họ đang lái xe ra khỏi Boston. Lúc tới thị trấn và tìm được nhà hát, vở kịch đã mở màn một giờ năm phút trước đó, họ tạt vào quán ngồi uống cà phê. Qua cửa sổ, cả hai quan sát cửa ra vào Nhà hát phía bên kia con đường lát gạch. Khi mọi người đi ra Ted và Nick cũng đứng dậy bước về phía đó, và trong hành lang nhà hát, giữa đám người ra về. Nick gặp em gái, một người đàn bà cao to vận váy đen. Cô ta có khuôn mặt to và đẹp, cô thốt lên với Nick: “Ài chà”.

Cô ôm chặt lấy Nick và bắt tay Ted. Cô tên là Cindy. Họ cùng rảo bước trên hè phố lát gạch tới căn phòng của ông giám đốc sân khấu, người giảng dạy kịch nghệ tại một trường đại học. Không khí trong lành đến nỗi Ted có thể ngửi thấy mùi biển; anh không cảm thấy say và biết đúng là vậy. Bên ngoài căn hộ, một ngôi nhà hai tầng cũ kĩ, anh nghe thấy giọng người nói và tiếng saxophone đơn độc. Ba người lên gác hai. Cindy giới thiệu họ với mọi người đứng cạnh cửa rồi để mặc họ. Ted và Nick bước tới chiếc bàn dài bày rượu và khay đá, tự rót cho mỗi người một ít Scotch vào trong chiếc cốc nhựa. Cả hai

đứng tựa lưng vào cửa sổ. Ted ngắm nhìn người đàn bà tóc đỏ trong chiếc váy màu be đang bước lại gần anh, nhìn vào mắt anh và mỉm cười. Anh thở hắt ra và trong thoáng chốc không còn hít vào được nữa.

Cô ta lại gần, nhìn anh lặng lẽ; đôi mắt cô màu xanh, cô nhìn anh nói: "Susan Dorsey," và chìa tay ra. Ted dựa cây gậy bên hông và bắt tay cô. Từ đó đến hết buổi tiệc anh chỉ ở bên cạnh cô, trừ những lúc đi vào phòng vệ sinh. Anh đến bên bàn rót rượu, khuấy đều cốc rượu của cô bằng con dao vừa dùng cắt lát chanh; tiến về phía Nick và nói: "Xin lỗi" tỏ ý xin phép với người đàn bà ngồi cạnh Nick; hay kéo Nick ra một góc hỏi thăm: "Thị trấn này có ga tàu chứ?"

- Nick vòng tay ôm chặt lấy Ted.

- Anh không cần ga tàu gì hết, - anh ta nói. - Cô ấy sống ở Boston.

- Sao anh biết?

- Cindy nói với tôi thế. Tôi phải đi về hướng Bắc một quãng có việc. Nhìn tôi thế nào?

- Anh trông khá lắm.

Vào lúc một giờ Susan mới dùng hết cốc rượu gin và nước khoáng quinin. Lúc Ted cầm lấy chiếc cốc định rót thêm thì cô nói: "Tôi dùng coca".

Cô sợ bị chết trẻ. Cô thông minh và mọi việc còn ở phía trước nên cô sợ lúc nào đó chúng sẽ biến mất. Nỗi sợ đến với cô bằng hình ảnh về cái chết trong ô tô hay trên máy bay. Nhạc không còn chơi nữa, mọi người đều nói chuyện lặng lẽ, từ đâu đó khoảng mười một giờ, khi vị giám đốc

nhà hát nhắc nhở mọi người hãy giữ ý với hàng xóm của ông. Cô nắm Ted khi anh đi về phía cô, trên tay trái là cốc của cô. Một quả đạn súng cối bắn tới, nổ tung và hất anh lên khỏi mặt đất. Anh rơi xuống mà vẫn sống. Cô muốn khỏa thân, ôm lấy anh lúc đó cũng trần truồng. Cô nhận cốc coca và nói: "Tôi cần một giờ. Tôi không muốn lái xe trong tình trạng say rượu".

- Cô say rồi sao?

- Chưa hẳn vậy, sau khi làm cái gì đấy.

Ôtô của cô nhỏ, và khi họ lên xe, anh phải ngả chiếc ghế ra sau để lấy khoảng trống đặt chân. Cô cũng ngả ghế ra sau, quay về phía anh, ôm lấy anh rồi cả hai cứ thế hôn nhau trong xe. Cô thấy thú vị với sức mạnh toát ra từ đôi cánh tay anh lúc hai người ôm nhau. Cô khởi động máy và ngồi thế lái chiếc xe; chỉ có phần đầu bàn chân đặt lên cần ga. Cô lái xe ra khỏi thị trấn. Băng qua rừng nhỏ về phía đường quốc lộ. Một lúc sau cô nhận xét: Anh có đôi mắt buồn.

- Không phải lúc này.

- Ngay cả khi chúng long lanh. Anh muốn mình là một người nhái.

- Không hẳn như em nghĩ. Anh vào hải quân để đạt mục đích đó, trên một con tàu. Trước khi qua được đợt huấn luyện trên cạn, anh cảm thấy nó giống như một hành động né tránh. Sau đó anh đòi hỏi được là người nhái và gia nhập thủy quân. Một thời gian dài ở Khe Sanh, anh hy vọng mình chỉ gia nhập thủy quân thôi.

- Để anh có thể trở về?

- Gần như vậy. Em đóng khá chứ, trong vở kịch ấy?

Cô định trả lời vâng, nhưng đã không hé miệng. Cô với chiếc ví trên sàn xe, một tay ấn lên chân anh. Sau đó cô trở lại tay lái, nhìn con đường tràn ngập bóng tối của cây và nói: Em quên không mua thuốc lá.

- Một điếu *Con sóc*?

Anh đốt một điếu Lucky Strike rồi đưa cho cô. Cô đưa nó lên miệng, rít một hơi và cầm luôn điếu thuốc, nhưng thuốc cũng không chạm tới được điếu chất chứa trong lòng. Cô phả khói thuốc ra qua cửa xe và trả lời: Em rất thành công trong vở kịch.

Sau khi anh trở về từ cuộc chiến, việc làm tình đã trở nên dễ dàng. Anh gia nhập hải quân sau năm thứ nhất ở đại học Boston bởi vì trí óc anh không thể tiếp tục nhồi nhét thêm vào những cái vĩa, tranh luận anh từng tham gia với bè bạn, đa số chúng chỉ là những đứa trẻ, và với chính bản thân anh từ khi mười sáu tuổi. Một buổi sáng anh thức giấc với tàn tích của một cơn say bí tỉ tối hôm trước và theo bản năng anh dẫn xác tới phòng đăng ký tuyển mộ hải quân. Từ chiến trường trở về và sau tám tháng nằm trong bệnh viện hải quân ở Philadelphia, anh bị giữ ở đó do nhiễm trùng, anh trở lại đại học Boston và sống trong một kí túc xá. Anh đã yêu hồi còn ở trung học rồi ở đại học trước chiến tranh và lần đầu tiên với mỗi cô gái đều khiến anh ngạc nhiên, có cảm giác lạ lẫm. Sau chiến tranh mọi thứ chẳng còn lạ lẫm với anh. Anh còn hiểu được rằng nếu một cô gái đến phòng anh, hay mời anh sang phòng cô, hay hẹn anh một dịp nào đó, ngoài trường đại học, thả bộ trên đường phố Boston, cô

ta sẽ làm tình. Có một vài cô chả cần biết đến bản thân anh bởi anh đã tham gia chiến tranh và chiếc gậy anh dùng chả khác mấy bộ quân phục. Rất ít trong số đó nói điều gì nhưng anh nhìn ra trong ánh mắt họ. Anh cảm thấy đau và tức giận nhưng chỉ giữ im lặng.

Bọn trẻ cũng vậy, và cả một số người lớn như thầy giáo của anh, những người anh chỉ muốn cho một trận. Trong phòng riêng, anh đắm vào các túi nhựa cỡ trung bình và tập các bài tập để giữ trọng lượng. Vài lần say khướt trên giường với một cô gái, anh hỏi về điều này cho tới ứa nước mắt. Chả cô gái nào an ủi được bởi vì nguyên nhân khiến anh khóc không phải do chính anh. Anh khóc cho người đàn ông, người bạn anh biết trong chiến tranh, người anh đã bằng bó, đã bảo vệ nhưng rốt cuộc lại không bảo vệ được; và cho người đàn ông ở nơi đó mười ba tháng mà không hề bị dính đạn, đạn súng cối, đạn pháo. “Những điều đó không phải trêu tượng quá đối với người khác”, anh nói vậy với một cô gái một đêm nọ; và, ghì chặt lấy cô ta, anh hét tướng lên tên một vài người; với anh rõ ràng những người này ở trong căn phòng tối tăm; nhưng không phải với cô gái. Sau đó nhìn vào mắt cô, anh thấy hình ảnh mình trong chiến tranh, cứu thương lại cứu thương và lại cứu thương, và bỗng khóc nức nở. Anh nói: khốn nạn làm sao nếu bạn cần được người khác căm ghét, bởi vì bạn đã làm một việc tốt mà không bị giết? Cô gái đã an ủi anh khi cô nói rằng cô ta thích giết một ai đó.

Lúc đó anh hai mươi tám tuổi và việc ấy vẫn còn dễ dàng; và có thể tin chắc được điều đó; anh chỉ cần mời

một cô nào đấy đi uống hay đi ăn tối. Cô ta sẽ đồng ý tức thì và thường thì anh có thể thấy điều đó qua mắt họ ngay những phút đầu. Nếu cả hai cùng ước ao và đồng ý, họ sẽ làm tình. Susan là người như vậy. Mọi việc xảy ra nhanh chóng khi họ uống, nói chuyện hay liếc bản thực đơn. Nó kéo dài vài tháng, vài tuần hay đôi lần chỉ vài ngày. Anh vuốt nhẹ má Susan và nói: "Có lẽ anh nên theo đuổi tán tỉnh em. Mang hoa tặng em. Nắm tay em khi chúng ta ngồi xem trong rạp hát. Đưa em đi ăn hàng hay đi nghỉ dã ngoại. Hôn tạm biệt em ngoài cửa".

- Thế anh có đến hai mươi phút còn gì. Mà có lẽ hai mươi nhăm phút ấy.

Nằm bên cạnh anh, gạt tàn vào chiếc gạt tàn anh để trên ngực, cô muốn cảm nhận được điều cô đang cảm thấy, điều cô trông chờ lâu rồi, sự trào dâng dồn dập của tình yêu đã kéo cô trở lại căn hộ nhỏ của mình, vào trong phòng tắm lấy chiếc bao tử cung cô đã dùng nhiều lần trong năm nay với vài người đàn ông. Nhưng lúc này cô thấy mãn nguyện, bởi vì điều đó đã không xảy ra hơn một năm qua và cô cũng không dám chắc đấy là tình yêu đang dâng trào trong cô hay là vai diễn Lucile thành công và sau đó thỏa mãn với người đàn ông cường tráng nhưng yếu đầu gối, có đôi mắt đượm buồn này. Trong anh ta là cả một dòng lịch sử cô có thể cảm nhận được qua từng cái hôn. Khi họ làm tình cô còn thấy được cả mùi vị chiến tranh trong đó, thấy được anh đang đi lên từ những gì anh chứng kiến và những gì anh làm từ những lần bị hất tung lên vì pháo. Trái tim cô mách bảo cô đang yêu. Cô nói: Em rất thích anh.

- Nhưng sao cơ?

- Không gì cả. Nhưng em sẽ gặp lại anh chứ?
- Việc đó vừa xảy ra với em còn gì?
- Tất nhiên là vừa xảy ra. Em quá dễ dãi. Anh cũng vậy.

- Em sẽ còn gặp anh nhiều. Chúng ta đi ăn tối thôi. Thức ăn Pháp - vì vở kịch.

- Vở kịch đã lỡ.

- Bọn anh không lỡ gì cả. Cả hai uống quá nhiều và nói cũng quá nhiều.

- Và cả hai đều gặp may.

- Anh nghĩ đã được nhận cái gì đó còn hơn là điều may mắn.

- Anh đã được vậy. Em hy vọng anh đã xem em.

- Anh cũng vậy. Anh sẽ xem vào dịp tới, hàng tới.

- Ở rạp hát Charles. Bọn em sẽ bắt đầu diễn tập hai tuần tới: Anh đặt chiếc gậy tàn lên chiếc bàn bên cạnh. Cô đặt tay lên ngực anh và nhìn sâu vào trong mắt anh - Sau đó em sẽ đi New York. Tháng trước em đã môi giới được với một người đại diện.

- Tốt quá. Đó là nơi em sẽ tới.

- Vâng. Em yêu nó, điện ảnh cũng vậy.

- New York như một con thoi.

- Em hy vọng không chỉ một mà còn nhiều hơn thế.

Cô hôn và ôm chặt lấy anh.

Anh ăn trưa với Nick. Họ đều mặc comle, đeo cravat. Anh đã tranh thủ ngủ hai giờ, thức giấc lúc bảy giờ sáng nhờ tiếng đài phát thanh của Susan. Anh tắt nó đi trước

khi Susan kịp tỉnh giấc. Anh gọi xe và chờ bên lề đường. Anh về nhà tắm rửa, cạo râu, thay quần áo và sau đó cuộc bộ đến cơ quan. Chín giờ anh đã ngồi bên bàn làm việc. Bốn mươi phút sau Nick tới. Đứng lại bên cửa phòng Ted mỉm cười. Nhún vai và nói: “Ăn trưa?”

Bữa trưa Nick lại gọi một cốc Bloody Mary. Anh nói:

- Tôi ghét trận say hôm thứ hai quá. Cậu không uống gì à?

Ted chỉ dùng trà ướp lạnh.

- Không. Tôi say ngất ngưỡng lúc chúng ta về. Nhưng tôi không uống gì nữa và tỉnh táo đến tận năm giờ sáng. Từ lúc đó trở đi tôi hoàn toàn tỉnh táo.

- Chúng ta đã uống.

- Tôi thì chả bao giờ uống đến say. Tôi trị nó bằng cách luyện tập. Susan chuẩn bị đi New York.

- Lâu dài?

- Không có gì lâu dài. Cô ấy là diễn viên.

- New York cũng chả xa là bao.

- Nhưng Hollywood thì xa đấy.

- Làm sao anh biết được cô ta giỏi đến vậy?

- Linh cảm.

- Đã xảy ra chuyện gì?

- Tôi ở với cô ấy cả đêm qua.

- Nhưng điều gì đã xảy ra? Mới hai tuần trước anh nói cần một cô gái anh gặp cuối tuần. Thậm chí nếu cô ta đến được Hollywood, người ta sẽ gạt cô ta ra khỏi hàng nghìn cô gái trẻ đẹp khác. Điều đó như là một ngày nghỉ cuối tuần đối với tôi.

- Tôi muốn cô ấy vào được Hollywood. Tôi muốn cô ấy có chỗ đứng ở Broadway. Và tôi muốn cả bản thân cô ấy.

Anh ở với cô hàng tối trước khi đợt diễn tập của cô bắt đầu họ cùng ăn trưa và uống rượu. Vì việc đó anh thường phải rời cơ quan hai giờ. Cuối tuần, anh và cô đã ngoại và lái xe ra bãi biển. Nước biển lạnh nhưng nắng mặt trời thì ấm nên họ mặc đồ lót và ngồi trên bờ. Tối họ ăn ở nhà hàng, làm tình ở nhà anh hay nhà cô. Đến lúc phải đi diễn tập, cô không còn thì giờ cho bữa trưa. Anh làm việc ở cơ quan cả ngày và luôn chờ đợi để được gặp cô. “Em là người dễ dãi”, cô đã nói vậy và khi anh mừng tượng cuộc sống của cô ở New York, đóng vai một cô hầu, tập tành với bọn đàn ông, anh không chịu nổi. Anh biết cô yêu anh và tin cô muốn trung thực với anh, nhưng cô quá xinh đẹp, lại là người theo chủ nghĩa khoái lạc. Bởi thế nên có một gã nào đấy theo đuổi, tìm cách làm tình với cô là điều khó tránh khỏi. Khi đó trong cô chắc hẳn cũng có ý nghĩ gì đấy về người đó. Không hề lên tiếng, anh lẳng lặng để cô được tự do làm theo ý mình. Mặt khác anh cố hình dung ra một tình huống để bản thân có thể chấp nhận được, như kiểu: nếu một đêm ở New York khi cô đã say và việc ấy chỉ xảy ra vào đúng đêm đó.

Nhưng việc đó chẳng phải là một đêm với một người đàn ông. Tới lúc này anh đã thấy cô trong vở kịch mới. Cô đóng vai người em gái út, Beth, trong một đại gia đình tập hợp lại tại căn nhà của bà mẹ khi bà mất. Beth là người con đã không rời bỏ bà đi xa. Cô ở lại trong thị trấn nhỏ và sống cạnh bà mẹ già, trông nom bà lúc ốm

đau, cũng như cô đã chăm sóc người cha. Những người con khác đều ở xa, công việc bận bịu và thường say sưa bù khú. Beth hai mươi chín tuổi, bởi vậy Ted cứ đoán chắc là người viết kịch bản đã sáng tạo vai diễn đó cho cô và việc cô không có lấy một người tình còn quan trọng hơn việc họ có xứng đáng hay không. Mặc dầu cô đã đóng vai Laura trong *Bảy thú thủy tinh*, nhưng Susan đã diễn xuất vai Beth đầy gợi tình, tuy đơn độc và dững cãm. Bạn hẳn nghĩ Susan sẽ có một người tình đúng lúc, khi cô đã sẵn sàng chọn lựa. Ted biết việc này sẽ xảy ra, trừ phi Susan là người không may mắn, cô sẽ làm việc ở New York và Hollywood. Bởi vậy không chỉ có một đêm say rượu với một người đàn ông; Susan sẽ tiếp bước trên con đường đó trong cả phần đời còn lại của cô.

Trong phòng mình cô có một chiếc bàn chải đánh răng, một chiếc váy dạ hội, một áo ngủ, một cuốn tiểu thuyết đang đọc dở. Hai tuần trước khi vở kịch kết thúc, cô có một vụ mua bán. Cô bán nhà và chuyển tạm đến chỗ anh. Căn hộ của anh rộng rãi và từ phòng khách có thể chiêm ngưỡng dòng sông Charles. Đến khi vở kịch hoàn tất, niềm đau trong anh bắt đầu. Nhưng anh cũng đã phấn khích bởi những đêm trong suốt một tuần, những ngày nghỉ cuối tuần ở New York và cả việc Susan đang đóng kịch ở đây. Anh nuôi niềm tin rằng trong cô có cả một sự vĩ đại và anh muốn được chiêm ngưỡng nó. Một buổi hoàng hôn chiều thứ sáu, hai người đứng bên cửa sổ, ngắm nhìn con sông và khu Cambridge. Cô nói: "Em phải làm việc gì đó trước khi đi New York. Em đã mang thai được sáu tuần". Anh nhìn vào mắt cô, và hiểu

rằng những gì đang quấn đầu trong anh sẽ không quấn đầu nữa cho tới khi nó vỡ tan ra. Anh thốt lên: “Không”

- Không cái gì? Em không mang thai? Phải chăng anh nghĩ anh chưa làm được cái gì sao?

- Không, đừng làm vậy.

- Em mới hai mươi tuổi, em đang chuẩn bị đi New York, và anh lại muốn em nuôi dưỡng đứa bé chết tiệt ấy sao?

Vật đang rơi trong anh vụt rơi xuống và vỡ tan. Anh run rẩy nói: “Sao lại một đứa bé chết tiệt. Đứa bé của chúng ta, Susan. Con của chúng ta”.

Anh phải quay mặt nhìn đi chỗ khác, tránh điều chết chóc đang ánh lên trong mắt cô.

Cô nhìn ra con sông. Từ lúc chiều đi gặp bác sĩ đến giờ, cô cảm thấy cuộc đời mình sao lại gặp toàn vận rủi và buồn hơn bao giờ hết. Đến lúc này Ted nài xin cô tổ chức đám cưới. Từ trước đến nay chưa ai làm vậy với cô, chả có lời cầu hôn nào, thậm chí còn chưa ai có ý định đề cập đến việc đó. Chỉ có Ted là người duy nhất đòi hỏi. Cuối cùng cũng đến lúc cô nhìn thẳng vào anh, nói: “Cuối xin không để làm gì được. Thậm chí em còn chưa nghĩ tới việc đó. Em không muốn có con. Sao anh không hiểu điều đó nhỉ?”

- Vậy hãy làm việc đó đi. Hãy ban cho anh một đứa con.

- Làm việc đó? Anh làm việc đó?

- Bỏ tháng rưỡi thôi. Tất cả những gì anh cần ở em.

- Anh nghĩ nó là số học? Thứ lịch chết tiệt? Anh lại muốn em trải qua tất cả việc đó để rồi anh có được đứa bé? Hãy đi tìm người khác mà sinh con với anh.

- Anh đã tìm được em. Vậy mà bây giờ em lại định giết nó.

- Em chả muốn giết ai cả, bất kể thứ gì. Không phải bụng mang dạ chửa là điều duy nhất em muốn. Thêm nữa, ước gì em đã không làm tình với anh.

- Nhưng em đã làm. Lúc này cần một sự hy sinh. Được chứ? Có lẽ là một vết thương. Và có gì mới mẻ đâu nào. Chỉ có bảy tháng rưỡi. Cuộc sống của em với nó cũng khá quan trọng đấy chứ.

- Cô giờ tay định tát vào mặt anh, chặn đứng cái nhìn giọng nói của anh, nhưng lại thôi. Tất cả những rủi ro và buồn bã cô đã chịu đựng tới khi thông báo với anh việc thâm kín giữa hai người, và khuôn mặt anh tỏ rõ mọi điều, cô cảm thấy mình sao cô đơn đến vậy, cô đơn một cách lạ lùng. Cô chả còn thiết sống nữa. Cô bật khóc, đưa tay lên bưng mắt. Anh nắm lấy hai bàn tay cô, nhưng cô giật lùi vài bước, gạt nước mắt và mở mắt ra.

- Anh chả biết gì cả, - cô nói. - Anh nghĩ rằng có thể có con nhưng không yêu nó. Anh mà lại ngu dân vậy sao? Em không thể yêu trẻ con, ít nhất là bây giờ. Em nghĩ em có thể yêu anh. Thế là đủ.

- Em chả yêu ai cả.

- Đúng vậy, em không yêu ai. Và em cũng không có ý định nói rằng em ước gì không bao giờ làm tình với anh. Nhưng cũng sẽ không tiếp tục làm vậy. Anh dừng cuộc

chiến với cây gậy trên tay. Sự hi sinh. Sự đau đớn. Đừng bao giờ nghĩ là em không biết những cái đó. Đừng bao giờ nghĩ rằng anh là người duy nhất phải đau khổ. Hãy làm cái gì đó vì em. Hãy tránh ra. Em sẽ đến chỗ Cindy. Em không muốn anh ở đây khi em gối đồ, luẩn quẩn, khóc lóc và yêu cầu em thay đổi cuộc sống của mình. Được chứ? Chỉ cần đi cho khuất mắt. Đi uống đâu đấy. Anh thạo việc đó lắm mà.

Cô muốn cái gì đó khác trước. Cô cũng không thể hình dung nó là cái gì? Một sự thay đổi nào đấy, của Ted, của cô, của thời gian. Anh nói: "Em đuổi người giỏi đấy".

Anh bước ra ngoài và cô nhắc máy gọi Cindy. Cô chỉ kịp nói: "Cindy?" rồi bật khóc nức nở.

Ít lâu sau, cô đã ở New York nhưng sự trống vắng thì ăn sâu trong cô một thời gian dài. Nó như một sa mạc bao la, khô cằn và chẳng có gì trên đó cả. Một ngày nào đấy cô sẽ đi đặt vòng tránh thai, nhưng không phải bây giờ, có lẽ đến cuối hè, hay sang xuân. Việc trước mắt là cô cần phải làm để *vun tưới* cho cái sa mạc khô cằn đó.

Một buổi tối mùa hè, Ted và Nick cùng đi ăn tối. Sau đó, cả hai tới công viên Fenway xem ban nhạc Red Sox chơi bài *Những con chim hoàng oanh*. Buổi biểu diễn tuyệt vời diễn xuất điêu luyện và đầy xúc cảm và tới khi ban Red Sox đắm chìm trong quãng chín, với âm thứ đi vào nhịp ba và âm trưởng đi vào nhịp hai, thì nỗi đau của Ted càng trở nên sâu sắc; và chỉ là một trò tiêu khiển suông sẽ giống như đầu gối anh, cái đầu gối đẩy chân anh ra giữa lối đi. Anh đã uống rượu mạnh với

Nick trước bữa tối. Trong bữa ăn họ lại dùng rượu vang và suốt buổi biểu diễn họ uống bia. Sau đó Nick rủ bộ cùng Ted về căn hộ của anh, họ đi thang máy lên tầng trên. Ted rót cognac, tay trái kẹp hai cốc rượu, tay phải khoác vai Nick sang phòng khách. Nick đứng lại gần cửa sổ, đưa mắt nhìn ra ngoài. Ted nói: "Lần cuối cùng tôi được ngắm cô ấy là ở chỗ đó. Chúng tôi đứng nhìn xuống dòng sông".

Anh thấy cảm giác, đầu gối chốc chốc như chực muốn khụy xuống và anh biết lúc này đã say rồi. Khi uống nhiều, anh cứ đứng thế mà uống. Đầu gối vô dụng của anh chỉ còn chức năng như một dấu hiệu, nhưng đầu gối còn lại thì đang cảnh báo. Tiếng động cơ ô tô từ dưới phố, tiếng người lao xao yếu ớt vang lên. Nick lên tiếng: "Nó đã làm gì. Một tháng rồi ư?"

- Đến tối nay là năm tuần.

Ted đặt cốc rượu lên ngang mặt, hít sâu một hơi cay xè rượu cognac, nhắm nháp mùi vị đó trước khi uống một ngụm. Anh uống. Anh quan sát Nick qua lớp thủy tinh trên miệng cốc và lại uống. Nhìn xuống làn ánh sáng mờ đục phản lên mặt sông, anh nói: "Sau đó cô ấy đến một lò mổ. Những người đàn ông đứng tuổi đều chết hết. Bọn trẻ còn lại thì ậm à ậm ừ ... Đứa bé bị lạnh cóng cho đến chết". Anh biết Nick đang theo dõi anh. Nhưng anh không thể cảm nhận được việc đó. Anh cũng cảm nhận ra sự minh bạch và sự hùng biện của nỗi sâu khổ tuôn trào hết ra khi uống. "Tôi cần có thời gian để tìm kiếm những đứa trẻ của tôi và xem là tôi có thể tìm được bao nhiêu. Cố nhiên cũng không loại trừ là tôi sẽ tìm ra chúng trong số đã chết ... Tôi

mệt mỏi quá rồi. Trái tim tôi đang buồn đau khắc khoải. Từ nơi mặt trời không còn tỏa sáng tôi sẽ không bao giờ thêm tranh đấu thêm nữa".

Nhắm mắt lại, anh thấy khuôn mặt Susan hiện ra. Anh đã nghĩ nếu mình có đột ngột mở mắt ra, nhưng chỉ vào lúc đúng nhất trong cả suốt buổi đêm, Susan sẽ ở ngay trước mắt anh; cô sẽ đứng ở ngay đây, vị trí này. Nick nói: "Điều đó là tốt, sếp Joseph ạ".

Ted mở mắt ra nói lại: "Tôi đã từng biết tường tận điều đó". Anh rời mắt khỏi dòng sông, quay sang Nick và gào tướng lên: "Anh biết điều tôi nói chứ, Nick? Từ nơi mặt trời không còn tỏa sáng nữa, tôi sẽ không bao giờ thêm thưởng một người đàn bà, để rồi người đó lại giết đi đứa con chung của hai người". Anh nói vậy rồi lại lải nhải lặp lại lần sau càng to hơn lần trước, giải tỏa hết nỗi đau khổ dần vật, như là một điều anh có thể nhìn thấy, sờ thấy, trong khoảng không ngay trước mặt. Bây giờ anh cảm thấy mình nổi cơn thịnh nộ, thấy sức mạnh và sự kết án nó mang theo. Nó thấm nhuần trong cơ thể anh, đôi cánh tay, cốc cognac và chiếc gậy vung lên cao. Miệng anh há ra khóc đầy đau khổ. Anh nhìn thấy Nick đang đứng cạnh cửa sổ, nhưng không nhìn thấy gì khác. Một lúc sau cơn thịnh nộ qua đi, nhanh chóng và gọn sắc như ngọn lửa nến bị thổi tắt. Và hơi thở nhẹ nhàng xua tan nó đi là hơi thở của một người đàn bà. Cô ấy là nhiều người đàn bà khác nữa. Cô là bất cứ người nào đẩy mà mất người đó, cái vuốt ve, giọng nói, đôi môi sẽ còn moi móc tâm hồn anh lần nữa. Anh khép miệng lại, hạ tay xuống và đầu không còn ngẩng cao như trước. Anh nhìn

kẻ ăn không ngồi rồi Nick, và điều duy nhất trong suy nghĩ anh lúc đó là sự bất lực anh thấy thật đáng xấu hổ khi nhận ra một người đàn bà có thể kích động được mình. Cô ta kích động được anh bởi vì chính anh muốn vậy. Anh thấy tay Nick đặt lên sau gáy, bóp mạnh. Nick an ủi: "Anh phải tìm cách bắt đầu lại từ đầu. Lần này với người nào thì phải dùng thuốc thôi".

Ted nhìn thẳng vào anh ta, ném chiếc gậy lên ghế trường kỷ, ôm lấy đôi cánh tay Nick. Anh nói:

- Viên thuốc không phải là thứ triết lý. Tôi cần một triết lý để hòa nhập vào xã hội như thế. Anh hiểu không? Tôi không thể hòa nhập vào cái xã hội đó như một con gà trống với một trái tim. Có thể tôi cần một người vợ.

- Vợ là tốt. Tôi cũng muốn có vợ. Tôi đã hơn bốn mươi rồi. Anh có biết đến đâu thế kỷ tới, ở Hoa Kỳ một người đàn ông trung bình chỉ sống tới bốn mươi bảy tuổi? Với người đàn bà đó là bốn mươi sáu. Có lẽ đúng là anh cần một người vợ.

- Tôi cần sự nghỉ ngơi.

- Anh mới ở với một người năm tuần còn gì.

- Không phải với đàn bà. Với đàn bà, đúng vậy. Tôi có ý nói hai tuần ở một nơi nào đấy. Mexico. Chỉ một mình thôi. Tôi không nói tiếng Tây Ban Nha. Tôi có thể gọi bữa ăn. Nhưng ngoài những thứ đó tôi chẳng hiểu gì hết. Tôi sẽ ở một mình. Tôi cần suy nghĩ thêm Nick ạ. Tất cả những gì tôi đã, đang và sẽ làm là cảm giác. Tôi sẽ tìm đến một ngôi làng gần sân bay; sẽ làm gì đó ở trên núi; sẽ mang theo vài quyển sách; chỉ một cốc trước bữa tối



và có thể uống bia khi ăn, tất nhiên chỉ một thôi, ăn náu và dạo chơi; giữ im lặng. Tỉnh táo để đối phó với con ma men.

Nick xoa cổ anh và chêm vào:

- Hãy uống nước đóng chai. Gọt vỏ hoa quả trước khi ăn. Đừng tự hủy hoại mình bằng những việc tạp nham.

- Nếu có vậy thì anh cũng chỉ nhìn thấy nước trong cốc của tôi thôi.

- Hãy dừng lại. Đó chỉ là điều mới xảy ra. Hãy bỏ con ma men lại đây. Anh nhìn ra vấn đề là được rồi.

- Không. Tôi chưa nhìn vào vấn đề. Tôi chỉ mới chửi rủa nó. Giờ đây tôi phải nhìn vào nó, tranh đấu với nó.

Nắm chặt lấy cánh tay Nick, anh nhắm mắt lại, ấn mạnh gáy mình vào đó.

Tô Đức Huy dịch

ĐOM ĐÓM CỦA TÌNH YÊU

Luigi Pirandello

Nhà văn Ý – Giải thưởng Nobel

Đã ba đêm, Neli Xoghembri ngủ ngoài trời, trên đồng rơm còn lưu lại ngoài sân phơi sau buổi đập lúa, và ông chần mấy con vật: một la cái với hai con lừa, chúng đang gặm cỏ ngay gần bên.

Rơm còn đầy hơi sương, hay, như Neli vẫn bảo, còn đầm nước mắt của muôn vì sao. Các chú đế mền nỉ non ca hát xung quanh ông, tiếp sau tiếng nghiêng chổi tai đơn điệu của đàn ve sầu lúc ban ngày, thì tiếng vang rền êm dịu của bản hòa tấu này làm ấm hẳn lòng người.

Thế nhưng, ông lão, nằm ngửa nhìn trời, đang mang một tâm trạng ưu tư, ông ngắm các vì sao và thỉnh thoảng lại nhắm mắt, thở dài.

Ông cảm thấy số phận đã lừa dối ông: đời chẳng dành cho ông chút gì trong các điều ông hi vọng thực ở tuổi thanh xuân. Và bây giờ khi tuổi đã xế chiều, đời cũng chẳng cho ông được hưởng tí chút cái ông từng có, tuy lòng ông chẳng muốn có. Và chẳng, từ bốn năm nay, Neli lại mất cả bà vợ, người vợ mà ông còn đang thấy cần thiết cho đời ông. Và ông lấy làm xấu hổ vì đến cái tuổi tóc đã hoa râm, lưng đã còng, mà lại còn phải đi tìm kiếm tình cảm.

Trong khi ông còn đang thả hồn vào những suy nghĩ mông lung, thì bất chợt, dưới ánh sao dịu dàng, ẩm ướt, điểm sáng lập lờ của một con đom đóm đập vào mắt ông, nó vừa mới sà xuống đồng rơm ngay bên cạnh ông.

Ông chợt tưởng như thấy một mảnh trời bé nhỏ rơi xuống ngay sát bên mình, tuy bầu trời vẫn còn ở tít mù xa. Ông bật ngồi dậy, rồi lại nằm xuống, như vừa thức tỉnh sau một cơn mơ. Nhưng vẫn chỉ là cảnh tượng những gì ở quanh ông, nhòa lẫn trong đêm tối, tất cả đã cho ông cảm giác như mơ: túp lều tranh rạn nứt và ám khói đen sì của ông, con la cái, hai con lừa giữa đám rơm rạ, và ở tít đằng xa cuối trời, những ánh đèn lấp lánh của xóm làng Rapphadali bé nhỏ của ông.

Con đom đóm vẫn còn đấy, trên đồng rơm cạnh ông. Neli bắt nó, rồi giấu nó trong lòng bàn tay to lớn sần chai của mình; nó vẫn còn tỏa ra một làn ánh sáng xanh mờ mờ; ông nghĩ rằng: “Ngọn nến nhỏ của mục đồng” kia đã đến với ông từ những năm tháng đẹp đẽ xa xưa thời trai trẻ. Biết đâu, chính là con đom đóm ấy, một tối tháng sáu, bay chập chờn trên sân phơi như ở đây, bốn mươi lăm năm về trước, đã vương vào làn tóc huyền của Trisuzza Tumminia, khi nàng qua đêm trên cánh đồng với các cô mót lúa trẻ của Rapphadali để dự đêm kết thúc hội mùa và khiêu vũ dưới ánh trăng theo nhịp trống.

- Ôi tuổi trẻ!

Trisuzza Tumminia sợ rúm cả người vì con đom đóm nằm bẹp trong tóc nàng. Nàng có hiểu đâu đó chỉ là “ngọn nến nhỏ của mục đồng”. Neli đã đến bên nàng, và sau khi đã nhẹ nhàng khéo léo dùng mấy ngón tay lấy

con đom đóm ra khỏi tóc nàng, giơ cho nàng xem, và đã nói với nàng, như ông sắp ứng khẩu một khúc nhạc tấu cho nàng nghe:

- Cô em có biết không? Nó lập lòe, nó vừa đến đặt một ngôi sao lên vầng trán cô em đấy. Vào cái thời mà thiên hạ đều khác hẳn thời nay, ông đã bắt đầu tán tỉnh Trisuzza Tumminia. Nhưng cha mẹ đôi bên, vì những mối hiểm thù gia đình cũ đã chống lại việc kết hôn. Sau đó, Trisuzza đã lấy một chàng trai khác, còn Neli cũng đã lấy vợ.

Đã hơn bốn mươi lăm năm trôi qua; nay ông đã góa vợ, còn nàng cũng đã thành quả phụ hơn mười năm rồi...

Tại sao con đom đóm ấy lại quay trở lại đây nhỉ? Tại sao nó lại chiếu sáng vào mắt ông, trong khi ông đang cảm thấy buồn bã và cô đơn nẫu cả ruột gan? Và tại sao nó lại hạ xuống đây trên đám rơm tắm ánh sao đêm, ngay cạnh ông?

Neli rút từ trong túi ra một mẩu giấy, đem bọc con côn trùng thật cẩn thận vào đó. Suốt mấy canh dài trong đêm thâu, ông cứ suy đi nghĩ lại một mình rồi tủm tỉm cười thầm. Sáng hôm sau, nhìn thấy một bé gái đi trên con đường nhỏ từ ngoài đồng hướng về làng Rapphadali, từ đằng sau bụi cây, ông cất tiếng gọi.

Cô bé này cũng thế, mắt nhấp nháy cười, miệng cũng muốn nở hoa. Ông lấy bàn tay che đôi môi râu đã cạo nhẵn, nói:

- Cháu này, cháu có biết bà Trisuzza Tumminia không?

- Cái thím có con lợn nái ý ả?

Neli cau lông mày, vẻ bức mình. Như thế đấy? Ngày nay, cả làng Rapphadali gọi Trisuzza Tumminia là: “Cái thím có con lợn nái”! Họ mệnh danh cho bà như vậy, vì một con lợn nái mà bà đã nuôi bao năm nay, yêu thương nó như mẹ với con, vỗ cho nó béo hú ụt à ụt ịt đến không còn có thể đứng vững được nữa.

Trisuzza Tumminia, sau khi chồng mất, đã gây dựng cho các con ra ở riêng, và chỉ sống bầu bạn với con lợn nái. Nhưng hãy liệu hồn cho kẻ nào dám cả gan gạ bà làm thịt nó. Bà thường cúi xuống gãi gãi vào đầu con vật, cô lợn nái, da hồng hồng, pha màu đất sét, lê cái bụng bự trên đống rơm, sung sướng ủn ỉn, khoan khoái, cảm thấy nhộn nhột, nó vươn dài mình ra, nhếch cái mõm như muốn cười, phờ cả ức ra. Cái vẻ khoái trá vô lo của con vật ấy hầu như không thể giải thích được, và mọi người cảm thấy bức dọc. Họ không thể chấp nhận, một khi đã không định đưa nó đến lò mổ, thì cứ tiếp tục vỗ cho nó béo lẳn ra làm gì.

- Thím Tresa, đúng, - Neli nói với nó, - cháu có biết thím ấy không?

- Cháu biết tổng đi ấy chứ.

- Tốt, nghe đây: trong mẫu giấy này, có “ngọn nến nhỏ của mục đồng”. Cần thận kéo nó bay mất, cũng đừng bóp bẹp nó nhé. Hãy mang nó lại cho thím Tresa, và nói rằng đây là của ông Neli Xoghembri gửi đến. Cháu nói thêm với thím đây chính là ngọn nến từ ngày xưa ngày xưa đấy nhé! Chiều nay trở về, cháu cho ông

biết thím đã trả lời thế nào, và ông sẽ làm quà cho cháu một bình bột đậu tằm. Thôi đi đi?

Kể ra thì ông đã sáu mươi ba tuổi, nhưng còn khỏe, thân hình chắc nịch như thân cây ô liu, cả thím Tresa cũng vậy, thím vẫn còn tươi tắn như quả đậu tằm trên cây, khỏe mạnh, hồng hào, mũm mĩm.

Chiều đến, con bé quay lại, mang theo câu trả lời:

- Thím Tresa bảo hồi này tóc tai đã bạc cả rồi, còn “ngọn nển nhỏ” cũng chẳng chiếu sáng nữa.

- Đúng thím đã nói với cháu thế?

- Y xì!

Hôm sau, râu cạo nhẵn như một chú rể trẻ, áo quần bảnh bao. Neli đến gặp Trisuzza Tumminia để bày tỏ với bà rằng: Lửa của “ngọn nển mục đồng” ông vẫn còn giữ mãi trong lòng, nó vẫn sống động, xanh tươi như ông đã từng trông thấy nó lấp lánh trên trán bà, tựa một ngôi sao sáng.

- Chúng ta gây dựng với nhau, rồi thịt con lợn nái nhá!

Thím Tresa giờ cả hai tay đẩy phăng ông ra.

- Về đi cho rồi, cái ông lão ngớ ngẩn này!

Nhưng bà lại cười. Đừng có mà nghĩ đến giết con lợn nái. Còn về việc cưới xin... thì sao lại không nhỉ?

Đúng là số phận ông đã xui nên như thế. Trước kia thì ông bố bà mẹ, giờ thì lũ con ông và cả lũ con bà đều chống lại việc cưới xin này.

Nhưng lần này, cả hai ông bà già chẳng quan tâm gì đến cái cuộc công kích ấy. Họ bị xúc phạm vì các con đã phản đối lại họ. Nhưng trong thâm tâm, họ cảm thấy thu thú vì chính sự phản đối ấy đã gia thêm chút ý vị trẻ trung cho đám cưới của họ. Thật vui tai khi được nghe con cái của đôi bên nói đến nào là đức độ, nào là nghi lễ trong chuyện cưới xin.

Cuộc hôn nhân trước đã cho họ, mỗi bên bốn người con: Tresa Tumminia bốn trai, Neli Xoghebri, hai trai, hai gái. Con cái của Tresa thấy đều yên phận cả, và còn khá khấm nữa, mỗi đứa đã được nhận phần thừa kế của bố chúng, bốn phần đều nhau, thật hợp lệ.

Về bên Neli, ông hãy còn một con gái sống với mình, cháu Nardă, đã đến tuổi lấy chồng.

Để bịt miệng họ hàng thân thuộc, trước khi cưới hai ông bà già đã nhờ công chứng viên làm giấy tờ cần thiết, nhằm bảo vệ quyền lợi các con bên này cũng như bên kia, một khi các cụ qua đời.

Bằng cách ấy, ông bà hy vọng đánh tan được sự hiềm khích hết sức dữ dội đối với họ, ngay từ thời gian đầu tiên. Nhưng vô ích. Quyết liệt nhất là mấy đứa con trẻ nhà Neli, mặc dầu chúng đã được hưởng lợi nhiều hơn, vì ông già tội nghiệp đã cho chúng không những phần di sản của bà vợ đã mất, mà còn cho tất cả những gì thuộc phần riêng ông, ông đã quyết định hể còn đủ sức làm việc thì chỉ sống bằng đôi bàn tay lao động của chính mình, bằng lợi tức gia sản bà vợ kế, cũng như với thu nhập của cháu Nardă, cho đến ngày cháu đi lấy chồng.

Nhất là cô chị cả Sidôra, nay được gọi là Perônella sau khi lấy chồng, cứ tức tối chạy ngược lên về chuyện này. Nói với chồng, với các em dâu và hai em trai, Saru và Luzzu về cô em gái Nardă hiện đang ở với bà mẹ kế, cô bảo:

- Tôi mà nói sai thì xin cứ rứt ngay lưỡi lại: rồi cả nhà xem, dưới nanh vuốt của con mụ phù thủy già đó, cô Nardă sẽ mãi mãi chỉ là gái già cho coi. Con vua mà có đến hỏi em gái mình thì rồi mụ ấy cũng sẽ bảo rằng chưa phải môn đăng hộ đối!

Cô giữ giọng lưỡi ấy là bởi vì theo cô, cái mụ già Trisuzza Tumminia sẽ không bao giờ chấp nhận cho ông chồng thứ hai của mình được sống trên hoa lợi của món tài sản cộng đồng sau khi ông đã cho Nardă tất cả mọi thứ dành làm của hồi môn cho con gái.

Nghe các bà láng giềng kể về thái độ ân cần của bà Tresa đối với Nardă, mà bà chăm nom săn sóc còn tận tình hơn cả con gái của chính bà: hết quà này lại đến quà khác, nào khuyên tai vàng, nhẫn vàng, chuỗi hạt san hô đeo cổ, nào khăn quàng khăn vuông lụa, khăn lụa dài có viền tua rua dài đến bốn ngón tay, nào giày ban cao gót da bê non, mũi đánh vecni bóng loáng, những chuyện nói chung khó có thể tin được, Sidôra giận tím mặt, trả lời rằng:

- Ôi! Toàn những điều láo toét. Các bà không biết là mụ ấy làm thế để chiếm lấy em tôi à? Mụ ấy muốn vỗ béo nó để giữ chặt nó ở nhà mụ ấy, như giữ con lợn nái ấy!

Nhưng khi người ta đến báo tin Nardă chuẩn bị đi lấy chồng, thì chị ta choáng cả người. Mà là đám nào kia

chứ! Loại thượng hảo hạng cơ đấy, lại do chính dì Tresa tìm ra: đó là Pitrinô Xanhcômani, mọi người biết cả đấy. Một chàng trai quý như vàng cốm, em vợ cậu cả nhà bà. Pitrinô Xanhcômani, cậu thanh niên đẹp trai đó, một nghiệp chủ có đất, có nhà, có gia súc vừa thồ hàng vừa làm đồng.

- Thật hả? Thế đấy, thế đấy? - Cô chị lên tiếng để che giấu nỗi bực mình của cô đối với tất cả các bà ngồi lê mách lẻo đang hoan hỉ về việc này. - Pitrinô Xanhcômani ư? A, tội nghiệp con bé Narda, quả thật chuyện này làm tôi rất vui. Tôi rất mừng cho nó đấy!

Không hơn gì hai cậu em trai, cô chẳng bao giờ đến thăm em gái, đang ở nhà bà mẹ kế. Thế mà, trang trại của Saru, cậu em trai lớn, chỉ ở cách trại dì Tresa có một tầm súng. Đứng từ phía cơ ngơi bên này, nhìn qua các cây vả và hạnh đào, ta có thể thấy rõ, không những mái nhà xinh xinh, mảnh sân của bà mẹ kế, máng ăn của đàn gia súc, mà có thể đếm được cả mấy con gà mái ghe đang tìm bới trên đám phân chuồng. Họ không còn muốn nghe nói đến em họ nữa, vì Narda, bị cám dỗ bởi những thủ đoạn khéo léo, bởi bùa phép của mụ phù thủy, đã hoàn toàn ngã về mẹ kế và các con riêng của mụ, vốn không có em gái, nên đã tranh nhau quý hóa cô bé, và hết sức chiều chuộng cô.

Hôm trước ngày cưới, Neli Xoghebri, mặt mày rầu rĩ, tay gãi gãi chòm râu xồm xoàm trên cằm, bước tới trang trại của Saru. Ông nói với cậu con cả để cậu ta thuật lại chuyện cho các con khác. Mắt nhìn xuống, ông bắt đầu:

- Các con ạ, qua bao năm đói kém nên chúng ta đều nghèo cả. Có trời biết, bố sẽ mừng biết bao nhiêu nếu tất cả các con đều quây quần bên bố, nhân ngày vui của em Nardã. Nhưng mà các quả chuông làng Rapphadali nói gì nhỉ? Chúng bảo: “Với gì đây? Với gì đây? Với gì đây?” Bố đã chia chác đi tất tần tật và giờ thì bố nghèo như Chúa Giêsu bị đóng đinh trên cây thánh giá. Bố chẳng còn có thể làm gì được nữa cả. Chỉ cái tối thiểu cần thiết, có thể thôi. Nếu các con là họ hàng thân cận của nhà gái mà đến dự đám cưới thì Pitrinô Xanhcômani cũng sẽ đòi mời họ hàng nhà nó, họ đều là những người thân bên nhà dì Tresa, các con biết cả đấy, họ cũng sẽ đến dự. Nhưng giữa hai gia đình có sự bất hòa. Cho nên bọn ta đã quyết định, không mời ai cả, bên này không, mà bên ấy cũng không. Tất cả chỉ có bốn người thôi: Dì Tresa và bố dượng họ nhà gái, với bố mẹ chú rể. Chỉ cái cần thiết tối thiểu, không hơn.

Saru, mắt cũng nhìn xuống, tay nấn cầm, lắng nghe lời diễn giải của bố, bài nói tất nhiên đã được chuẩn bị kỹ từ trước rồi anh ta trả lời:

- Bố ạ, chúng ta phải coi chừng đó. Bố là người chủ trong gia đình, chúng con là máu mủ của bố và chúng con làm theo ý bố. Nhưng bố đừng đặt cái sự cấm đoán này riêng đối với chúng con thôi. Bố ạ, con xin báo trước để bố biết: Chuyện đó sẽ chẳng ra sao đâu!

Không ngược mắt lên, Neli còn ngồi yên một lúc, tay gãi má. Về phần bố, các con ạ, bố đã nhấn bảo với họ là đừng đến, như bố vừa nói với con.

- Thế nếu có kẻ nào cứ đến thì sao?

Người cha không trả lời. Sự yên lặng của ông có nghĩa là, trong trường hợp ấy, ông cũng chẳng biết đối xử ra sao nữa.

- Được thôi, bố ạ, - lúc bấy giờ Saru mới nói. - Bố cứ yên trí. Chúng con sẽ tự lo chuyện ấy.

Anh ta đưa mắt nhìn theo ông bố đang vừa đi vừa dùng hai tay kéo kéo cái dải tai bên trái. Trở về nhà, Saru lôi một con dao bầu ra, từ đáy một cái dây treo trên chiếc đỉnh. Anh ta lấy hòn đá mài, thấm ướt lưỡi dao, ngồi ngay ngưỡng cửa, mài đi mài lại xòen xọet, hòn đá kẹp giữa hai đầu gối.

Chị vợ sợ hết hồn, gọi chồng mấy lần, chẳng thấy nói năng gì. Hốt hoảng, hai tay vò đầu bứt tóc, mắt đầm lệ, chị van xin:

- Lạy Đức Mẹ đồng trinh! Anh Saru ơi, anh định làm gì đấy?

Saru bật dậy như một con hổ, vung con dao lên.

- Lạy Chúa. Đừng có mở mồm, không thì tôi bắt đầu từ cô đấy!

Chị vợ tội nghiệp chạy trốn vào một góc nhà, hai tay ôm mặt. Saru tiếp tục mài con dao bầu, trước mắt ba đứa con trai, chúng ngồi xung quanh, im như thóc.

Từ sân nhà dì Tresa, con gà trống gáy vang, và con bên trái Saru cũng co một cái lên, lắc lắc cái mào, gân cổ đáp lại ngay lập tức.

Một... hai... ba... bốn năm sáu!

Thế là đã có sáu con la yên cương chỉnh tề, đứng trước máng ăn, dưới mái nhà nho nhỏ của trang trại

trước mặt. Chúng nó kia: Cả sáu con rõ rành rành, con nọ cạnh con kia, dưới ánh trăng.

Đứng trước cửa nhà, Saru ghé nghiêng cái đầu, nhìn qua kẽ lá cây, đếm từng con và giận run lên.

- Đã sáu con rồi, nhiều con khác sẽ còn đến, chắc thế.

Sẽ là một đám cưới linh đình đây! Tất cả lũ con trai bà kể, bầu đoàn thể tử chúng nó đều đã được mời. Chỉ có họ, những người bà con thân nhất, các anh trai, chị gái ruột của cô dâu, là bị loại ra khỏi hội. Lúc này, có thể bọn kia đang yến tiệc đây, lúc nữa sẽ bắt đầu có âm nhạc và khiêu vũ. Saru cởi áo vét, vắt lên tay để che con dao bầu sắc bén. Vợ và ba con, từ trong nhà, chăm chú theo dõi anh, bụng sợ phát run lên.

Trước đó anh đã ra lệnh cho vợ nhóm lửa và đặt nước đun sôi trong một chiếc chảo lớn. Choáng váng và sợ chết khiếp, chị vợ đã vâng lời ngay lập tức, không hiểu vì sao chồng lại đòi làm như vậy.

- Lạy Đức Mẹ lòng lành, - giờ đây chị đang cầu khẩn.
- Xin Người làm thế nào để có ai tới đây đi! Xin Người khiến chồng con tỉnh tâm lại!

Bên ngoài, dưới ánh trăng vàng vạc, lũ đế mèn cất tiếng kêu ra rả, giọng kim kéo dài nghe chói tai.

- Niluzzu, - bất ngờ Saru gọi, - chạy đến bác Sidôra ngay cạnh đây, rồi đến chú Luzzu, bảo họ đến đây ngay lập tức: Vợ chồng, con cái, kéo nhau đến nhà ta tuốt tuốt hiểu chưa? Phối mau?

Niluzzu, đáng nhẽ phải nhúc nhắc, thì lại đứng trân trân nhìn cha, kinh khiếp, một cánh tay giơ lên để che đầu, như chờ nhận một cái bộp tai.

- Bố ơi, con sợ, bố...

- Sợ à? Thằng ngực - ông bố vừa quát, vừa lay con. Rồi nói với vợ: Cô cũng đi, đi kèm nó? Rồi tất cả cùng về cho nhanh!

Chị vợ đánh bạo hỏi chồng một lần nữa, cổ nghẹn lại:

- Nhưng anh muốn làm gì, anh Saru thân yêu? Xin anh hãy thương vợ, thương con!

Saru đặt ngón tay trở lên miệng, và rồi cũng với bàn tay ấy, làm hiệu ra lệnh cho vợ phải tuân theo.

Lúc sau, anh ta cũng thận trọng ra đi, hướng về phía trang trại trước mặt, núp mình để khỏi bị phát hiện, khi thì dưới gốc cây này, khi dưới bóng cây khác, trong lúc ánh trăng tỏa sáng rực rỡ.

Cuối cùng, anh tới sát được đến cây vả cuối hàng, ngay trước mảnh sân. Tim anh nhảy thình thịch trong lồng ngực, thái dương rần rật. Con la, trước máng ăn gần sát ngay đó, tự nhiên thở phì phì làm Saru nẩy thót người lên. Anh đã ngửi thấy mùi nồng nồng, gây gây của phân chuồng. Anh ta nghe thấy tiếng cười nói râm ran, lẫn tiếng bát đĩa va lách cách của những người đang tiệc tùng trong nhà bà mẹ kế. Anh vươn đầu lên trên các cành cây vả, rình cơ hội. Trong sân chẳng có ai, trừ sáu con la vẫn còn đóng yên cương, và xa hơn một chút, gần cửa vào nhà, là con lợn nái kéch xù.

Con vật nằm ẹp bụng xuống đất, mõm vươn ra giữa hai chân trước, tai rủ xuống, mắt lim dim, như đang uể oải ngắm nhìn mê mải ánh sáng dịu dàng, mát mẻ của chị Hằng. Đôi lúc nó thở dài. Nó cảm thấy mãn nguyện trong cảnh cô tịch êm đềm và nhàn nhã của nó.

Saru cúi mình, tiến đến gần từ phía sau, rất nhẹ nhàng. Anh thò tay ra gỡ nhẹ vào trán nó. Cảm thấy nhồn nhột, con vật vươn giãy mình, nhếch mõm lên như thể muốn cười, và phớt cái ức ra. Nhanh như chớp, Saru dùng tay kia đâm phập con dao vào giữa tim nó.

Vác con lợn kênh nặng trĩu, Saru trở về nhà, gần như cùng lúc với chị vợ và cậu con trai, đám anh chị em họ hàng hốt hoảng theo sau.

- Im ngay, trời ạ. - Anh ta hạ lệnh cho mọi người, thở hổn hển, mình vấy đầy vết máu, anh đặt phịch gánh nặng xuống.

Chúng ta cũng sẽ chèn tủy lủy một phen - anh thốt lên thở phào nhẹ nhõm, - ở ngay đây, và còn thịnh soạn hơn bọn họ nữa kia! Chị với chú nó mỗi người một phần tư con; một nửa cho tôi, tôi xứng đáng được như vậy. Nhưng trước hết, hãy giúp tôi phanh con lợn ra đã. Luzzu đứng trấn ở chỗ này; chị Sidôra ở đây. Còn mày, Niluzzu, đi lấy đĩa to, cái tròn ấy ở trong hộc tủ tường. Lá gan, tôi muốn gửi nó cho con mụ già! Im cái mồm cả lũ! Lá gan là để cho mụ già.

Anh ta mổ phanh con lợn, kéo lá gan ra rửa rấy trong chậu nước; cổ gan bóng loáng và óng ánh được xếp trên chiếc đĩa; anh đưa cho thằng con trai:

- Cầm lấy, Niluzzu, chạy sang nhà ông, thưa với ông đúng như tao bảo đây: “Bố Saru bảo cháu mang quà này đến cho bà Tresa, và bố cháu nhờ bà chào con lợn nái họ bố cháu”.

CON QUỲ GIÀ

Pearl Buck

Nhà văn Mỹ – Giải thưởng Nobel

Cố nhiên bà lão Vương biết có chiến tranh. Từ lâu, mọi người đều đã biết chiến tranh tiếp diễn và bọn Nhật càng giết người Trung Hoa. Tuy nhiên, điều đó không hiện thực và chẳng hơn gì lời đồn đại vì không có ai trong dòng họ Vương bị giết cả. Làng Vương Tam Lý trên bờ sông Hoàng Hà, vốn là làng của bộ tộc bà lão Vương, chưa hề trông thấy một tên Nhật nào hết. Thành thử họ có bàn bạc gì về bọn Nhật thì cũng chỉ nói có thể thôi.

Đó là một buổi chiều đầu mùa hạ, và sau bữa ăn chiều, bà cụ Vương leo các bậc lên đê, như mọi ngày, để xem mực nước sông đã dâng đến đâu. Bà sợ con sông này hơn bọn Nhật. Bà biết con sông có thể làm gì. Và lần lượt, dân làng theo bà lên đê và giờ đây, họ đứng dăm dăm nhìn dòng sông nước vàng đục tinh quái cuộn mình như một bầy rắn nghiêng ngấu cắn vào bờ đê cao.

- Ta chưa bao giờ thấy nó lên cao thế vào cỡ này, bà Vương nói. Bà ngồi xuống một cái ghế tre do gã cháu nội Tiểu Trư mang tới cho bà và nhỏ xuống nước.

Cái con sông quý giá này còn tệ hơn bọn Nhật, Tiêu Trư nói bặt mạng.

- Đồ ngu dại? Bà Vương vội mắng. Khéo Hà Bá nghe thấy đó. Nói chuyện gì khác đi.

Thế là họ bàn tán về bọn Nhật... chẳng hạn, anh Vương chủ lò bánh, cháu gọi bà cụ Vương bằng bà bác, hỏi: làm sao nhận ra được bọn Nhật khi thấy chúng? Đến đây, bà cụ Vương quả quyết:

- Các cháu sẽ nhận ra được bọn chúng. Bà đã có lần trông thấy một người nước ngoài. Y còn cao hơn mái chùa nhà bà, tóc màu bùn và mắt màu mắt cá. Kề nào trông không giống chúng ta - đó là một tên Nhật.

Mọi người lắng nghe vì bà là người già nhất trong làng và bất kỳ điều gì bà nói ra đều giải quyết một vấn đề gì đó. Thế rồi Tiểu Trư lên tiếng theo cái lối dậm ngang của già:

- Bà không nhìn thấy chúng được đâu, bà ạ, chúng nó nấp ở trên trời, trong những chiếc máy bay.

Bà Vương không trả lời ngay. Giá như trước đây, ắt bà đã quả quyết: "Bao giờ ta trông thấy máy bay thì ta mới tin là có nó". Song le, đã có biết bao điều bà không tin mà vẫn có thực - chẳng hạn, Hoàng hậu mà bà không tin là có thể chết, thì lại chết thật.

Lại nữa, như nền Cộng hòa, mà bà cũng chẳng tin vì bà không biết nó là cái gì. Bà không biết, nhưng bây giờ bà chỉ lặng lẽ nhìn quanh con đê, nơi tất cả đang ngồi quây lấy bà. Trời rất dễ chịu và mát rượi, bà thấy chẳng việc gì cả nếu nước sông không dâng to đến mức thành lụt lội.

- Ta chả tin là có bọn Nhật, bà nói dứt khoát.

Mọi người cười bà một chút, nhưng không ai nói gì. Có người châm ống điếu cho bà - đó là vợ Tiểu Trư, cháu dâu cứng của bà - và bà hút.

- Hát đi, Tiểu Trư! - Một người nào đó đề nghị. Thế là Tiểu Trư hát một bài hát cổ bằng một giọng cao, run run. Bà lão Vương nghe và quên hẳn bọn Nhật. Buổi chiều thật đẹp, trời quang tĩnh đến nỗi rặng liễu rủ trên đê soi bóng xuống cả dòng nước ngấu bùn. Mọi vật đều yên bình. Hơn ba mươi nóc nhà họp thành làng tãi ra rải rác mé dưới. Không gì có thể phá vỡ sự yên bình này. Nói cho cùng, bọn Nhật cũng là người.

- Bà vẫn nghi ngờ những cái máy bay ấy, bà nhẹ nhàng nói với Tiểu Trư khi anh ngừng hát.

Nhưng không trả lời bà, anh lại tiếp sang bài khác.

Năm này sang năm khác, bà đã qua những buổi tối mùa hè như thế này trên mặt đê. Lần đầu tiên vào lúc bà mười bảy tuổi, vừa mới cưới, chồng bà kêu to gọi bà ra khỏi nhà để lên đê và bà tới nấu trong đám phụ nữ, mặt đỏ bừng bừng và hai tay xoắn vào nhau vịn vịn, trong khi cánh nam giới hò la và bõn cợt bà. Mặc dù thế, họ đều mến bà: "Cậu vợ được miếng thịt bở bát thật ngon lành", họ nói với chồng bà như vậy: "Chân khí to", chồng bà đáp, vẻ không tán thành, nhưng bà có thể thấy là ông vừa ý, thế là bà dần dần hết nhút nhát bên lến.

Tội nghiệp, ông đã bị chết đuối trong một vụ lũ lụt từ hồi còn trẻ. Và bà đã mất bao nhiêu năm chạy thầy chùa cầu xin cho ông thoát khỏi ngục tỉnh tội.

Cuối cùng, bà đâm mỏi mệt, một phần cũng vì phải lo toan gánh vác tất cả, nào con nhỏ, nào ruộng vườn cho nên khi thiền sư ngon ngọt dỗ: “Mười quan tiền bạc nữa là anh ấy sẽ thoát khỏi hoàn toàn”, bà liền hỏi: “Vậy anh ấy còn mắc cái gì trong đó?”

- Chỉ còn bàn tay phải nữa thôi, nhà sư đáp.

Ấy thế là bà hết kiên nhẫn. Mười quan tiền bạc.

Chừng ấy đủ nuôi cả nhà bà đến hết mùa đông. Và lại bà còn phải thuê lao động để đóng góp phần mình vào việc sửa chữa đê cho khỏi bị lụt nữa.

Nếu chỉ còn một bàn tay thì anh ấy có thể tự lực rút ra được bà rần rỏi nói.

Bà vẫn thường tự hỏi: Tội nghiệp con người khờ khạo, chẳng biết anh ấy đã rút ra được chưa. Cũng như, ban đêm bà thường buồn bã nghĩ rằng ông ấy vẫn nằm đó, đợi bà làm một cái gì để cứu ông ấy, ông là loại người như thế đó. Thôi được có lẽ để khi nào vợ Tiểu Trư để đứa con đầu lòng yên ổn trót lọt và bà dư dật thêm một chút, thì bà sẽ trở lại lo nốt việc cứu ông ra khỏi ngục tĩnh tội. Dù sao thì cũng chẳng thật vội lắm...

-Bà ơi, bà phải về đi thôi, giọng vợ Tiểu Trư nhẹ nhàng nói. Bây giờ, mặt trời đã lặn rồi, đang có sương mù dâng lên từ mặt sông.

Ồ chắc ta phải về thôi, bà lão Vương tán thành. Bà dăm dăm nhìn dòng sông một lúc. Cái con sông này, nó chứa đầy cả cái tốt lẫn cái xấu. Khi nào ngăn chặn cản thận, nó tưới nước cho ruộng đồng, nhưng hễ thả lỏng một vài phân là nó xô vỡ bờ như một con rồng gầm thét.

Chính chồng bà đã bị cuốn đi như thế - ông đã không trông nom cẩn thận đoạn đê của mình. Ông luôn luôn đi vá đê, luôn luôn đắp thêm đất lên mặt đê, thế rồi, trong một đêm, nước dâng cao và bực qua. Ông chạy ra khỏi nhà và bà bế đứa con trèo lên mái, nhờ đó hai mẹ con sống sót trong khi ông thì chết đuối. Thế rồi họ lại đẩy con sông trở về sau những thân đê và lần này, nó đã ở lại đấy. Ngày ngày, bà đích thân đi tới đi lui, xem xét đoạn đê được giao cho làng phụ trách. Cánh nam giới cười nói với nhau: "Nếu đê có làm sao thì có bà nội báo cho chúng ta biết".

Chẳng bao giờ có ai trong số họ nảy ra ý nghĩ chuyển làng cách xa dòng sông. Họ Vương đã sống ở đây bao đời, một số thế hệ luôn luôn thoát khỏi nạn lụt và càng chiến đấu với con sông dữ dằn hơn bao giờ hết.

Đột nhiên, Tiểu Trư ngưng hát.

- Trăng đang lên kia! Anh kêu lên. Thế là không tốt đâu, máy bay thường đi vào những đêm sáng trăng.

- Mày học ở đâu những điều đó về máy bay vậy? Bà lão Vương thốt lên. Tao thấy phát ớn, bà nói thêm, giọng nghiêm nghị đến nỗi không ai dám lên tiếng. Trong sự im lặng đó, bà vịn vào cánh tay vợ Tiểu Trư, chậm rãi bước xuống những bậc đất dẫn vào làng, tay kia dùng chiếc ống điếu làm gậy chống.

Đằng sau bà, dân làng từng người một lục đục theo xuống đi ngủ. Không ai dám ra về trước bà, nhưng cũng không ai ở lại lâu sau khi bà đã về.

Và cuối cùng, trong chiếc giường của mình đằng sau những rèm vải bông xanh ngăn muỗi mà vợ Tiểu Trư cài

ghép thật kín, bà thiếp đi trong giấc ngủ bình yên. Trước đó, bà đã nằm thao thức một lúc, nghĩ về bọn Nhật và thắc mắc tại sao chúng lại muốn đánh nhau. Chỉ có những kẻ rất thô lỗ mới muốn chiến tranh. Bà hình dung trong óc những người to lớn thô lỗ. Nếu họ đến, ta phải dỗ ngọt họ, bà nghĩ, mời họ uống trà và giảng giải cho họ hiểu phải trái - có điều, tại sao họ lại phải đến một cái làng nông nghiệp thanh bình? Cho nên, bà hoàn toàn không chờ đợi vợ Tiểu Trư thét lên bảo bà là bọn Nhật đã đến, bà ngồi dậy trên giường, miệng lẩm bẩm: “Các chén trà đổ trà...”

- Bà, không có thì giờ đâu! Vợ Tiểu Trư la. Chúng đến đây rồi... Chúng đến đây rồi.

- Đâu? Bà lão Vương hỏi to, lúc này đã tỉnh hẳn.

- Ở trên trời? Vợ Tiểu Trư rên rĩ.

Thế là họ chạy cả ra, trong tang tảng bình minh và ngược nhìn lên. Trên kia, như đàn ngỗng trời bay trong mùa thu, có những hình chim to đùng.

- Cơ mà chúng là cái gì vậy? Bà lão Vương kêu lên.

Thế rồi, như một quả trứng bạch rơi, một cái gì trôi thẳng xuống và rớt vào một cánh đồng ở đầu làng kia. Một cột đất phụt lên và tất cả chạy tới xem. Thấy một cái hố đường kính khoảng gần mười mét, to như cái ao. Họ sững sốt không thốt nên lời, thế rồi, chưa ai kịp nói gì thì một quả trứng nữa và một quả nữa đã lại bắt đầu rơi và tất cả mọi người đều chạy, chạy...

Tất cả mọi người có nghĩa là trừ bà cụ Vương.

Khi vợ Tiểu Trư nắm tay bà để lôi đi, bà cụ Vương giật ra và ngồi xuống, dựa vào bờ đê.

- Bà không thể chạy được, bà nói. Bảy mươi năm nay, bà không chạy, vì trước đó bà đã bó chân. Cháu đi đi! Tiểu Trư đâu rồi? Bà nhìn quanh. Tiểu Trư đã biến mất rồi.

Y như ông nội nó, bà nhận xét, bao giờ cũng chạy trước tiên.

Nhưng vợ Tiểu Trư không muốn để bà lại, có nghĩa là chỉ chịu rời khi bà nhắc rằng đó là bổn phận của cô.

- Nếu Tiểu Trư chết, bà nói, thì điều cần thiết là con trai nó phải được sinh ra trót lọt. - Và khi cô gái vẫn còn chần chừ, bà lấy chiếc ống điếu gõ nhẹ vào cô "Đi đi, đi đi" bà kêu lên.

Thế là, một cách miễn cưỡng, bởi lúc này, hai bà cháu gần như không nghe thấy nhau vì tiếng gầm rú của những chiếc máy bay bổ nhào, vợ Tiểu Trư đành chạy đi cùng những người khác.

Lúc này, mặc dù mới có mấy phút trôi qua, làng đã tan tành và những mái rạ cùng rui mè gỗ đang cháy bùng bùng. Tất cả mọi người đều bỏ chạy. Qua chỗ bà cụ Vương, họ la bà đi theo và bà vui vẻ đáp lại:

- Ta đi đây... ta đi đây?

Nhưng bà không đi. Bà ngồi lại một mình: giờ đây, bà đang theo dõi một cảnh tượng phi thường.

Vì chẳng mấy chốc đã có mấy chiếc máy bay khác đến, bà chẳng biết là từ đâu, nhưng chúng đánh những chiếc lúc đầu. Mặt trời chiếu xuống những cánh đồng lúa đang chín và trong không khí mùa hè trong veo, đám

máy bay phăng phăng lao vun vút và khạc vào nhau. Khi nào kết thúc cuộc này, bà nghĩ bụng, bà sẽ quay về làng xem có sót lại gì không. Đó đây một bức tường vẫn còn đứng vững chống đỡ cho một cái mái, từ đây, bà không nhìn thấy nhà mình được. Nhưng bà không phải không quen với chiến tranh. Có lần, bọn đạo tặc đã đến cướp phá làng và hồi đó, nhà cửa cũng bị đốt. Ở bây giờ chuyện đó lại xảy ra. Đốt nhà thì có thể là chuyện thường thấy, nhưng cái trò giao tranh loang loáng ánh bạc, lao vun vút trong không trung này thì chưa hề. Bà chẳng hiểu mô tê gì cả, những vật đó là gì? Làm sao chúng trụ lại được ở trên trời, thật không biết đằng nào mà lần. Bà đành chỉ ngồi nhìn, mỗi lúc một đôi.

“Mình những muốn nhìn một chiếc ngay gần kê” bà nói to ý nghĩ của mình. Và giữa lúc đó, như đáp lại nguyện ước của bà, một chiếc trong đám đột nhiên chúc xuống và lão đảo xoay lộn như bị thương, nó đâm xuống một cánh đồng mà Tiểu Trư vừa mới cày vỡ hôm qua để gieo đậu tương. Và phút chốc bầu trời lại trống không và trên mặt đất chỉ còn cái vật bị thương này cùng bản thân bà.

Bà thận trọng nhắc mình lên khỏi mặt đất, ở tuổi này, bà chẳng cần phải sợ cái gì. Bà quyết định là mình có thể lại gần xem nó là cái gì. Thế là, chống chiếc ống điếu bằng tre, bà chậm rãi đi qua cánh đồng. Đằng sau bà, trong sự yên tĩnh đột ngột, vài ba con chó làng xuất hiện và đi theo, len lết trườn mình bám sát bà. Khi đến gần chiếc máy bay rơi, chúng sủa như điên. Rồi bà lấy chiếc ống điếu đánh chúng:

- Im, bà mắng, vừa mới đây cũng đủ âm ỉ để vỗ tai tao rồi còn gì.

Bà gõ gõ vào chiếc máy bay.

Kim loại, bà bảo lũ chó. Chắc chắn là bạc đây, bà nói thêm. Dem nấu chảy ra, cả làng sẽ giàu to.

Bà đi quanh, xem xét thật kỹ. Cái gì làm cho nó bay được nhỉ? Nom nó như chết rồi. Không có gì động đậy hoặc phát ra tiếng gì bên trong nó. Rồi đi sang mé nó lật nghiêng, bà trông thấy một gã trai trẻ trong đó, rụn xuống thành một đồng trong chiếc ghế nhỏ. Lũ chó gầm gừ, nhưng bà lại đánh và chúng lùi lại.

- Cậu chết rồi? Bà lễ phép hỏi.

Gã trai trẻ, nghe tiếng bà, gã cử động nhưng không nói gì. Bà tiến lại gần hơn và ngó vào cái hốc chỗ gã ngồi. Mạn sườn gã chảy máu.

- Bị thương! Bà kêu lên. Bà nắm lấy cổ tay gã.

Cổ tay ấm nhưng cứng đơ, và khi buông ra, nó rơi bịch vào thành cái hốc. Bà nhìn gã chòng chọc. Tóc gã đen, da ngăm ngăm như người Trung Hoa.

"Chắc cậu ta là người phương Nam", bà nghĩ thầm. Chà, điều chủ yếu là gã còn sống.

- Cậu nên chui ra thì hơn. Già sẽ đắp cỏ thuốc vào mạn sườn cho cậu.

Gã thanh niên lí nhí điều gì nghe không rõ.

- Cậu bảo gì? Bà hỏi. Song gã không nhắc lại.

"Ta hãy còn khỏe chán", bà cả quyết như vậy sau một lát. Thế là bà vươn tay vào, ôm lấy ngang lưng gã vừa từ

từ kéo gã ra, thở hỗn hà hỗn hển. May sao, gã là người nhỏ con và rất nhẹ. Khi bà đưa được gã xuống đất, gã có vẻ như tìm thấy lại được chân mình; gã đứng run rẩy, bám lấy bà và bà xốc gã lên. - Bây giờ, nếu cậu đi được về nhà già, bà nói. Già sẽ xem xét có cỏ thuốc ở đấy không?

Rồi gã nói một câu gì rất rành rở. Bà lắng nghe và không hiểu một tiếng nào. Bà lùi ra khỏi gã và nhìn chằm chằm.

- Cái gì thế? Bà hỏi.

Gã chỉ lủ chó. Chúng đang đứng gằm gừ, lông cổ dựng đứng. Rồi gã lại nói, đang nói thì gục xuống đất. Lủ chó xô đến, thành thử bà phải vung hai tay đánh đuổi chúng.

- Cút đi! Bà quát. Ai bảo chúng mày định giết cậu ấy.

Thế rồi, sau khi chúng lùi lại, bà xoay sở cách nào đó vực được gã lên lưng mình, và run rẩy, nửa công nửa kéo lê, bà tha gã về một ngôi làng bị tàn phá và đặt gã trên đường để đi tìm nhà, dắt cả lủ chó theo sau.

Nhà bà đi tong rồi. Bà tìm thấy chỗ đó khá dễ dàng: Nó đối diện với cửa cống ăn vào đê. Trước đây, chính bà vẫn thường ngắm nhìn cái cửa cống ấy.

Thần tình làm sao, giờ đây nó không hề bị hư hại, con đê cũng không vỡ. Dựng lại nhà thì cũng khá dễ thôi. Có điều hiện tại, nó đi tong rồi.

Cho nên bà quay trở lại chỗ gã thanh niên. Gã nằm y nguyên trong tư thế bà đã đặt gã, dựa vào bờ đê, thở hỗn hển và tái xanh tái xám. Gã đã mở phanh áo ngoài và cầm một cái túi nhỏ, lấy ra những băng vải, cùng một lọ đựng

thứ gì đó. Và gã lại nói, và bà không hiểu mô tê gì. Gã bèn ra hiệu và bà thấy là gã cần nước, cho nên bà nhặt một chiếc bình vỡ trong đám vô số bình lọ vung vãi trên đường và lên đê mức đầy nước sông, mang xuống, rửa vết thương cho gã, và bà xé những dải gã rút ra từ những cuộn băng. Gã biết cách đắp vãi lên. Vết thương hoác miệng và gã ra dấu cho bà theo đó mà làm. Suốt thời gian đó, gã cố nói cho bà điều gì, song bà chẳng hiểu gì sất.

- Chắc là cậu ở phương Nam đến, bà nói. Cũng dễ thấy là gã có học vấn. Nom gã rất thông minh.

- Già nghe cậu nói tiếng khác với tiếng vùng này.

Bà khẽ cười một chút để khiến gã yên tâm thoải mái, song gã chỉ lăm lăm nhìn bà bằng cặp mắt lơ đãng. Cho nên bà tươi tỉnh nói:

- Giờ mà già này kiếm được cái gì cho hai ta ăn thì hay quá.

Gã không trả lời. Thực tế, gã nằm ngất ra sau, thở dốc nặng nề hơn và trần trần nhìn vào khoảng không như thể bà chẳng nói gì.

- Có cái ăn, cậu sẽ đỡ hơn, bà nói tiếp. Già cũng thế, bà nói thêm. Bà bắt đầu cảm thấy đói không sao chịu nổi.

Bà chợt nghĩ ra là ở cửa hàng anh Vương, có thể có chút bánh mì. Cho dù có lấm bụi vì vừa đổ thì vẫn cứ là bánh mỳ. Bà sẽ tới xem. Nhưng trước khi đi, bà dịch gã lỉnh đi một tý cho gã nằm vào mép bóng râm của một cây liễu mọc trên bờ đê. Rồi bà đến cửa hàng bánh. Lũ chó đã đi khỏi rồi.

Như mọi thứ khác, cửa hàng bánh cũng tan hoang, không có ai ở đó. Thoạt đầu, bà không trông thấy gì ngoài đồng vách rụn đỏ. Nhưng rồi bà nhớ ra rằng lò ở ngay bên trong cửa ra vào, mà khung cửa thì còn đứng thẳng, đỡ một đầu hồi mái. Bà đứng giữa khung cửa ấy, và đưa tay lần lần dưới lớp mái đỏ bên trong, bà sờ thấy cái vung gỗ của cái chảo sắt. Bên dưới vung, có thể có bánh mì hấp. Bà nhẹ nhàng, thận trọng luồn cánh tay vào. Mất một lúc lâu, nhưng ngay cả nhẹ tay thế mà vôi, bụi cũng bốc mù lên khiến bà nghẹn thở. Tuy nhiên, bà đã đoán đúng. Bà lách bàn tay dưới vung chảo và sờ thấy lớp cùi mịn chắc của những ổ bánh mì hấp và lần lượt lôi ra bốn ổ.

Khó mà chết nổi đồ cóc già như ta đây, bà vui vẻ nhận xét chẳng với ai cả trên đường về, bà bắt đầu ăn một ổ. Giá có một mẩu tỏi và một chén trà... song thời buổi này, người ta không thể có đủ mọi thứ được.

Chính lúc ấy, bà nghe thấy có những tiếng người.

Khi đến quãng có thể thấy gã lính, bà trông thấy một đám lính khác chẳng biết từ đâu đến vây quanh gã. Họ đứng nhìn xuống gã thương binh lúc này đang nhắm nghiền mắt.

- Mẹ già ơi, mẹ vợ đầu được tên Nhật này vậy? Họ la hỏi bà.

- Tên Nhật nào? Bà bước đến chỗ họ, hỏi.

- Tên này! Họ nói lớn.

- Cậu ta là một tên Nhật à? Bà kêu lên, kinh ngạc hết sức. Cơ mà nom cậu ấy giống như chúng ta... mắt cậu đen... da cậu...



- Nhật đấy! Một người trong bọn họ hét lên với bà.
- Ở bà điểm tĩnh nói, cậu ta từ trên trời rơi xuống.
- Cho tôi mấy ổ bánh mì ấy! Một người khác hét.
- Lấy đi, bà nói, trừ ổ này để cho cậu ấy.
- Để cho một con khỉ Nhật ăn bánh mì thơm ngon à?
Người lính nọ quát.
- Ta đồ rằng cậu ấy cũng đói chứ, bà lão Vương đáp.
Bà bắt đầu ghét bọn này. Song le, xưa nay bao giờ bà cũng vẫn ghét bọn lính trắng.
- Ta muốn các người đi khỏi đi, bà nói. Các người làm gì ở đây? Làng ta xưa nay vẫn yên bình.
- Quả thật là giờ đây làng mẹ nom rất yên bình đấy, một gã trong bọn nhe răng cười nói, yên bình như một nắm mồ vậy.
- Ta đồ là thế, bà tán thành. Rồi bà hỏi: Tại sao nhỉ?
Đấy là điều ta không hiểu.
- Tại sao ư? Vì chúng muốn chiếm đất đai của ta, thật thế đấy.
- Đất đai của ta! Bà lặp lại. Chà? Chúng không thể lấy đất đai của ta được.
- Không bao giờ? Họ hét lớn.
- Nhưng suốt thời gian đó, trong khi họ vừa nói chuyện vừa nhai bánh mì đã chia cho nhau, họ luôn quan sát chân trời phía đông.
- Tại sao các người cứ nhìn hoài về hướng đông thế.
Bà lão Vương hỏi.
- Bọn Nhật từ phía đó tới, gã lấy bánh mì trả lời.

- Các người chạy trốn bọn chúng à? Bà ngạc nhiên, hỏi.

- Bọn tôi chỉ có một dúm người, gã phân trần.

- Bọn tôi được để lại bảo vệ một làng - làng Bảo An thuộc hạt.

- Ta biết làng ấy, bà cụ Vương ngắt lời. Cậu không cần phải nói dài dòng. Hồi con gái, ta đã ở đấy. Ông lão Bảo chủ tiệm trà ở phố chính ra sao rồi? Đó là anh trai ta đấy.

- Mọi người ở đó đều chết cả rồi, gã kia đáp. Bọn Nhật đã chiếm làng - một đạo quân lớn đã đến cùng với súng ống ngoại quốc và xe tăng, vậy bọn tôi làm gì được?

- Cố nhiên chỉ còn cách tẩu thoát mà thôi bà tán thành.

Tuy nhiên, bà cảm thấy choáng váng, sây sẩm. Vậy là ông anh trai duy nhất còn lại của bà đã chết! Giờ đây bà là người cuối cùng của gia đình cụ thân sinh ra bà.

Nhưng bọn lính lại tản đi, để bà lại một mình.

- Chúng sẽ đến đây, cái bọn lùn đen trụi ấy, họ nói. Tốt hơn hết là chúng ta đi tiếp thôi.

Tuy nhiên, một người - anh chàng xin bánh mì - nán lại một lúc dăm dăm nhìn gã thanh niên bị thương từ nãy nằm không nhúc nhích, mắt nhắm nghiền.

- Nó chết chưa? Anh ta hỏi. Rồi, bà Vương chưa kịp trả lời anh ta đã rút từ thắt lưng ra một con dao ngắn. - Chết hay không, tôi cũng phải cho nó một vài nhát dao này...

Nhưng bà lão Vương đã đẩy anh ta ra.

- Cậu không được thế, - bà hách dịch nói. - Nếu nó chết rồi thì hà chi phải để nó mang cái xác nát bướm xuống ngục tịn tội. Chính ta đây cũng là một phật tử tin thành.

Anh chàng cả cười: "À, thì thôi, nó chết rồi", anh ta đáp; rồi thấy đồng đội đã cách xa, anh bèn chạy theo.

Đây là một tên Nhặt ư? Còn lại một mình với cái thân hình bất động, bà thử nhìn kỹ nó. Lúc này, mắt già nhắm nghiền, bà có thể thấy gã thật trẻ măng. Bàn tay mềm oặt trong cơn bất tỉnh, nom như tay trẻ con, chưa định hình và còn đang phát triển. Bà sờ nắn cổ tay gã, nhưng không thấy tí mạch nào. Bà cúi xuống, gi vào môi gã nửa ổ bánh mỳ bà chưa ăn tới.

- Ăn đi, bà nói rất to và rất rành rọt, bánh mỳ đấy!

Nhưng không hề thấy trả lời. Rành là gã chết rồi. Chắc là gã chết trong khi bà đang moi bánh trong lò ra.

Vậy chả còn gì khác để làm ngoài việc tự bà ăn nốt ổ bánh mỳ. Và ăn xong, bà tự hỏi chẳng biết mình còn cần phải đi theo vợ chồng Tiểu Trư và toàn thể dân làng hay không? Mặt trời đang lên và mỗi lúc một nóng. Nếu phải đi thì đi luôn cho được việc. Nhưng trước hết bà phải leo lên đê để xem hướng đã. Họ đã đi thẳng về hướng tây và mạn này là một dải đồng bằng lớn trải đến tận cuối tầm mắt. Thậm chí bà có thể nhìn thấy một đám đông cách hàng dặm. Dù sao đi nữa, bà cũng có thể nhìn thấy làng bên và có lẽ họ đang ở đó.

Thế là bà chậm rãi leo lên đê, người nóng ran. Tới mặt đê, có một ngọn gió hây hây, thật dễ chịu. Bà choáng người thấy nước sông mấp mé ngọn đê. Chà, nó vừa mới lên trong giờ qua.

- Đồ quý giá. Bà nghiêm nghị nói. Mặc cho Hà Bá nghe thấy nếu ông ấy muốn.

- Ông ấy thật là ác, thế đấy - giữa lúc có bao chuyện rối ren thế này, lại còn dọa lút nữa.

Bà cúi xuống, vã nước vào má và cổ tay. Nước mát lạnh, hình như ở nơi nào đó vừa mới mưa. Rồi bà đứng dậy nhìn quanh. Phía tây không có gì ngoài tốp lính vẫn nửa đi nửa chạy ở tận xa và đằng trước họ là làng bên in mờ mờ trên một gò đất dài. Tối mai là bà đến làng ấy. Chắc hẳn vợ chồng Tiểu Trư đang chờ bà ở đó.

Bà vừa toan xuống khỏi mặt đê và khởi hành thì trông thấy một cái gì đó trên đường chân trời phía đông. Thoạt đầu chỉ là một đám mây bụi rất lớn. Nhưng khi bà nhìn kỹ lại nó rất nhanh chóng trở thành một lô những chấm đen và những vật lấp lánh. Rồi bà thấy ra đó là cái gì. Đó là một đám người một đạo quân. Bà lập tức biết đó là đạo quân nào.

“Đó là bọn Nhật”, bà nghĩ bụng. Phải, bên trên chúng là những máy bay cánh bạc vè vè. Chúng lượn vòng như đang tìm kiếm ai.

“Ta chẳng biết chúng bay đang tìm ai”, bà lẩm bẩm, “Trừ phi là ta và vợ Tiểu Trư. Cả họ chỉ còn mấy bà cháu ta. Chúng bay đã giết ông anh Bảo của ta rồi”.

Bà đã gần như quên là ông Bảo đã chết. Giờ thì bà nhớ lại rất rõ nét. Ông có cái tiệm thật tuyệt. - Lúc nào cũng sạch thơm, trà ngon và bánh bao nhân thịt, giá lúc nào cũng thế. Ông Bảo là người tốt. Ngoài ra, còn bà vợ và bảy đứa con ông thì làm sao? Chắc họ cũng đã bị giết cả rồi. Bây giờ, những tên Nhật ấy đang tìm bà. Bà chợt

nghĩ ra là chúng có thể dễ dàng nhìn thấy bà ở trên đê. Thế là bà lật đật bò xuống.

Xuống đến nửa chừng, bà bỗng nghĩ đến cái cửa cống. Cái con sông già cỗi đế này, từ thuở ban sơ, chỉ độc gieo tai họa cho người. Tại sao bây giờ nó không thể bù đắp lại chút ít mọi thứ độc ác nó đã làm nhỉ? Nó lại đang mưu toan điều độc ác định lên trào qua bờ.Ồ, tại sao lại không nhỉ? Bà phân vân một lúc. Cố nhiên, thật đáng tiếc là cậu thanh niên Nhật vừa chết sẽ bị cuốn vào dòng nước lụt. Cậu ta nom thật xinh trai và bà đã cứu cậu ta khỏi bị đắm nát người. Cố nhiên, chả bằng cứu sống cậu ta, song kể ra cũng gần gần như thế. Nếu cậu ta còn sống thì chắc hẳn sẽ được cứu thoát. Bà đến gần gã kéo lên đến bờ đê. Rồi bà lại đi xuống.

Bà thừa biết cách mở cống. Bất kỳ đứa trẻ con nào cũng biết mở cửa kênh dẫn thủy nhập điền.

Nhưng bà còn biết cách mở toang cánh cửa cống lớn nữa kia. Vấn đề là liệu bà có thể mở đủ nhanh để né tránh kịp không? “Ta chỉ là một cụ già mà thôi”, bà lẩm bẩm. Bà lưỡng lự thêm một giây nữa.

Ồ kể ra cũng tiếc là không được thấy đứa bé vợ Tiểu Trư đã sinh ra, thế nhưng con người ta không thể thấy hết được mọi thứ. Bà đã thấy ới sự việc trên đời này. Dù sao đi nữa cũng phải có lúc kết thúc những điều mình thấy.

Bà lại liếc về phía đông. Bọn Nhật đang đi qua dải đồng bằng. Một tuyến đen dài, điểm hàng nghìn chấm lấp lánh. Nếu bà mở cái cửa cống này, dòng nước hung dữ sẽ ầm ầm đổ về phía chúng. Áo vào cánh đồng, cuộn sóng thành một con hồ rộng nhấn chìm chúng cũng nên.

Chắc chắn chúng sẽ không thể tiếp tục tiến lại gần bà, gần vợ chồng Tiểu Trư đang chờ bà ở đằng kia. Ồ, hai vợ chồng Tiểu Trư... chúng sẽ thắc mắc về bà - Nhưng chúng sẽ không bao giờ ngờ rằng sự việc lại như thế này. Thành một câu chuyện hay đấy - già bà có thể kể được cho ai nghe thì khoái biết mấy.

Bà quả quyết quay về phía cửa cống. Ồ, có người chiến đấu bằng máy bay, có người bằng súng ống, nhưng người ta cũng có thể chiến đấu bằng một con sông nếu như nó dữ dằn như con sông này. Bà vịn mạnh một cái chốt gỗ to tướng giật ra. Nó đầy rêu xanh bạc, trơn tuột. Nước vọt ra thành một tia mạnh. Khi nào bà giật thêm một chốt nữa, những cái còn lại sẽ tự khểch bật ra thôi. Bà bắt đầu kéo và cảm thấy nó tuột ra khỏi lỗ một chút.

“Làm thế này, mình có thể thoát được tình tội”, bà nghĩ, “và biết đâu họ chả để cho mình đem theo ông xã luôn thể. Một bàn tay của ông ấy so với cái này thì nghĩa lý gì? Thế rồi chúng mình sẽ...”.

Cái chốt đột ngột tuột hẳn ra và cánh cửa bung mạnh, đập vào người bà, làm bà không thở được.

Bà chỉ còn kịp há mồm bảo con sông:

- Làm tới đi, con quỷ già!

Rồi bà cảm thấy nó túm lấy bà, tung lên trời. Nó ở bên dưới bà và xung quanh bà. Nó vui vẻ lăn bà ra chỗ này chỗ kia và rồi, bao bọc và ôm chặt lấy bà, nó ào ào lao tới quân thù.

Dương Tường dịch

TUYẾT BÔNG NHIÊN RƠI

Sihabaki Yoshiko

Nhà văn Nhật Bản – Giải thưởng quốc gia

Chuyến tàu tới ga Shibuya đã gần tới. Kanako nhìn xuống những đường phố phía dưới qua cửa sổ toa tàu. Tín hiệu giao thông trên đường tới Dogenzaka hẳn là đã chuyển sang màu xanh, vì những đoàn người tràn lên, lấp kín cả con đường. Kanako cảm thấy thực ra họ chỉ là những sinh vật bị xô đẩy, cuốn đi trên đường một cách vô nghĩa. Con tàu từ từ dừng lại trên sân ga.

Kanako xuống tàu, vào sân ga, hòa nhập trong đám đông rộng lớn. Đường phố về đêm giống một dòng sông ảm đạm, tối tăm: không chịu trôi nổi theo dòng, con người bị cuốn đi và sau đó, bị nhấn chìm. Có quá nhiều linh hồn lang thang phiêu bồng vô mục đích trong thành phố này. Những người giống như cô, không nhà cửa, không gia đình, bước vắn vơ đây đó. Kanako không coi những căn hộ như những cái hộp trong các tòa nhà bằng gỗ và xi măng là những mái ấm. Cô cũng không nghĩ rằng chỉ cần sống với nhau đủ khiến cho một người đàn ông và một người đàn bà làm thành một gia đình. Vì như thế chẳng mà đến giờ cô vẫn chưa tìm được điều có thể an ủi cô?

Cô nhằm hướng Dogenzaka cho đến khi tới một tòa nhà nam bên phải đường, trèo lên một cầu thang dẫn tới một quán ăn nhỏ trên lầu hai. Đây là nơi cô và Horie Nobutaka gặp nhau để ăn tối mỗi tháng một lần. Có lẽ vì vẫn còn sớm, một chỗ ngồi cạnh cửa sổ còn trống, chùng nào còn có thể ngắm nhìn dòng suối người qua lại trên vỉa hè, cô không lo bị muộn. Người này theo sau người kia, đám người dường như là một tồn tại vật chất nhưng rồi họ lại biến mất vào trong bóng đêm trống rỗng. Hôm nay, khi Kanako rời phòng thiết kế Shima sau giờ làm việc, Shima gọi cô lại. Hôm nay là ngày phát lương và không ai làm thêm giờ vào ngày phát lương trong phòng thiết kế vốn thường xuyên bận rộn này. Tất nhiên, cái phòng thiết kế chỉ chiếm một phòng trong một tòa nhà công sở nhỏ bé ấy, kể cả chỉ có năm nhân viên. Kanako là người phụ nữ duy nhất trong phòng, vì vậy nhiệm vụ chính của cô là pha trà, nhưng sau một năm làm việc, cô đã theo học hai năm ở một lớp ban đêm tại một viện thiết kế nên giờ đây cô được giao một số việc thiết kế thực sự.

“Mọi người sẽ đến đón Noel ở nhà tôi đấy nhé. Seki sẽ đi với một người khách nữa. Tôi sẽ giới thiệu ông ta với cô”. Cái đầu dài của Shima lúc lắc khi ông nói. Seki là một người bạn thường đến phòng thiết kế thăm Shima. Kanako ngẩng lên, mỉm cười. Mỗi năm, vào dịp Noel, cả phòng lại được mời đến nhà Shima và được vợ ông, Yoshiko, một người đàn bà hoạt bát nấu ăn rất khéo, đón tiếp hết sức nồng nhiệt. Mặc dù Kanako, trong những công việc xã hội, luôn cảm thấy bị gạt ra ngoài

nhưng, cuộc sống bình thường thì đôi lúc, rõ ràng có lỗi cuốn sự chú ý của cô.

Thực khách bắt đầu ngồi xuống những bàn khác trong quán ăn, nhưng vẫn chưa thấy bóng dáng Nobutaka đâu cả. Điều đó khiến Kanako nghĩ rằng anh cô thế sẽ không đến. Anh luôn luôn đến muộn, và lúc ngồi đợi, Kanako không khi nào gạt bỏ được ý nghĩ có thể anh sẽ không đến. Căn hộ của anh rất gần căn hộ của cô, ở cùng một ga xe lửa, có thể đi bộ đến, nhưng Kanako luôn cảm thấy một ngày nào đó, Nobutaka bỗng dưng biến mất khỏi căn hộ của anh. Mặc dầu anh chỉ là một tác giả kịch bản loại hai, Kanako có thể tìm được anh nếu cô muốn làm. Nhưng cô quyết định không làm như vậy. Cô không biết gì hơn. Đơn giản là cô chỉ sống với cảm nghĩ thoáng qua rằng anh sẽ biến mất. Những căn hộ của họ chỉ là những cái hộp nhỏ, và vì thế, nếu ai trong số họ chuyển đến ở cùng trong nhà người kia thì cũng chỉ có chút ít thay đổi. Nhưng Nobutaka không đề nghị cô đến ở với anh - còn Kanako không bao giờ tự xúc tiến được chuyện đó. Qua chuyện trò, cô lơ mờ biết về quê anh và công việc của những người thân của anh, nhưng cô không chủ tâm để biết nhiều thông tin hơn nếu anh không muốn kể cho cô biết. Như với Kanako, thì cô chẳng có gì đặc biệt để có thể kể cho anh nghe về mình cả. Họ, cả hai, có lẽ giống như những thực vật thủy sinh, không gốc rễ, trôi dạt trong thành phố hoặc để mặc mình bồng bềnh nổi trên dòng sông ấy - đại loại như vậy - và là những thành viên vô nghĩa của xã hội. Kanako thấu cảm sự trống rỗng của tình trạng tồn tại mà không có

lấy một mái nhà, một nơi chốn để quay về cũng như sự cô độc của kẻ sớm mồ côi cha mẹ, chẳng có ai thân thích mà thăm viếng. Đôi khi cô mơ ước đến một mái nhà, một mảnh đất cô có thể nói đến như nơi chôn rau cắt rốn của mình.

Có lần, Kanako đã kể cho Nobutaka về cha cô, một công chức xoàng suốt đời di chuyển từ nơi này đến nơi khác theo những công việc được giao. Kanako đã đổi trường tiểu học bốn lần, và rõ nét hơn quê hương Chiba của mình, cô nhớ một ngôi nhà mà cha cô đã thuê ở vùng ngoại ô một thị xã gần một đại lộ cũ ở Gumma. Ngôi nhà có một vườn nhỏ, ở góc vườn có một cây bào đồng rất to. Ngôi nhà đó rộng hơn tất cả những ngôi nhà Kanako đã ở trước đó và từ mái hiên đầy nắng của nó, cô đã lần đầu tiên nhìn thấy những đóa hoa đỏ thắm trở bông trên cây bào đồng. Có một Ketatsu¹ lớn và sâu trong phòng khách, nơi Kanako từng ngồi ăn tối cùng cha mẹ và em trai cô những buổi tối mùa đông. Đó là lần cuối cùng cô được trải nghiệm sự ấm cúng, gắn bó của cuộc sống gia đình. Sau đó, Kanako chỉ còn nhớ những ngôi nhà xiêu vẹo trong gió. Cha mất năm cô tốt nghiệp phổ thông trung học, một năm sau, em cô cũng tốt nghiệp, nó rời nhà đến học trường đại học ở Hokkaido. Kanako tới Tokyo, làm việc cho một công ty xây dựng. Ba năm sau, cô thôi việc ở nơi đó, đến làm ở phòng thiết kế Shima. Cô đã đến dự phỏng vấn sau khi đọc rao vặt trên báo, chỉ bản khoản không biết có được trả một món lương đều

1. Chiếc bàn thấp có gắn thiết bị sửa ẩm, dùng để sưởi chân.



đặn hàng tháng không. Sau đó, cô nghe nói rằng có một sinh viên đại học dự phỏng vấn đã trả lời cô ta định dùng món thu nhập ở phòng thiết kế chỉ như một khoản tiền tiêu vặt.

Phòng thiết kế Shima thoát đầu chỉ có ba nhân viên mà công việc chính là những thiết kế cho các nhà sản xuất hàng dân dụng. Nhờ các mối việc nhận được từ các nhà sản xuất, công việc của họ được ổn định và giờ đây họ đã có năm nhân viên. Biên chế khiêm tốn đó có nghĩa tất cả đều rất bận và hay phải làm thêm giờ. Công việc chông chênh cần thiết cho sự tồn tại của họ. Kanako phải đến học các lớp buổi tối ở viện thiết kế chính vì mong muốn đỡ được việc cho phòng trong khả năng mà cô có thể có.

Nobutaka hiện ra trên cầu thang của quán ăn. Dáng mảnh khảnh, gầy gò khiến anh có vẻ cao kêu, khuôn mặt hốc hác, trông già hơn tuổi, nhưng ở anh không có nét gì mất thiện cảm. Mặc dù anh dễ nổi cáu, Kanako cảm thấy bị anh lôi cuốn mỗi khi anh thanh thản lại và mỉm cười hiền hậu, dễ thương. Khi anh bước lại gần, Kanako tự nhủ vậy là cuối cùng anh đã đến, vậy là cô vẫn cảm thấy anh một lần nữa hôm nay, nhưng với anh cô không nói gì cả. Họ ngồi đối diện nhau qua cái bàn, cả hai trước gió.

- Vì sao em lại nhìn anh như thế?

Câu hỏi của Nobutaka như chấm dứt dòng suy nghĩ của cô.

- Không có gì đâu.

Kanako nhìn qua cửa sổ xuống vỉa hè phía dưới. Đường phố chìm trong ánh sáng rực rỡ, diện mạo của những ngày cuối năm.

- Có nhiều người qua lại chen chúc quá nhỉ - vì hôm nay là thứ bảy, em cho là thế. Harajuku chắc hẳn còn tẻ hơn. Mọi người chen vai thích cánh bên nhau. Anh có ghét phải đụng chạm, xô đẩy với người khác không?

- Em đang nghĩ gì thế?

Anh nhìn xuống đường phố đông chật thanh niên, nhưng rồi anh nhanh chóng quay lại cầm tờ thực đơn lên. Tuy không bao giờ chọn món gì cầu kì, đặc biệt nhưng anh rất cẩn thận khi chọn món. Kanako sẽ ăn bất cứ món gì anh gọi. Anh ngồi trước mặt cô, thế là đầy đủ rồi. Cô cảm thấy bên anh, cô thôi không còn là một sinh vật phiêu dạt, lênh đênh.

Vì định vẽ một con bướm phát quang trong đồ án tốt nghiệp ở viện thiết kế, Kanako muốn có một loài bướm thật làm nguyên mẫu. Có người đã mách cho cô một hiệu bán các loài bươm trên phố Tekeshita, gần Omotesandô ở Harajuku. Cô đã tìm đến đó vào một ngày chủ nhật. Phố Tekeshita, một thánh địa đôi với giới trẻ Tokyo, thậm chí còn đông hơn cả Omotesandô. Bầy đầy các bộ quần áo và các loại trang phục đi kèm một nhất, những cửa hiệu ở cả hai bên đường buôn bán hết sức hối hả, sầm uất. Những chàng trai và cô gái, tay trong tay, vừa thả bước vừa mút những cái kem hình con ốc. Hiệu bán bướm ở lầu hai của một tòa nhà nằm trên con hẻm dẫn xuống phố. Tên trên cửa đề "Tropicana" (Vùng nhiệt đới). Một căn hộ nhỏ, được sửa sang thành cửa hiệu với

hàng dãy những tủ đựng bướm. Sau khi cởi giày và chào người chủ trẻ, khách xem những con bướm đã được phân loại và xếp vào từng ngăn tủ. Đối với những giống bướm thường gặp, cứ chừng hai chục con được xếp đặt bên nhau một cách công phu, tỉ mỉ, đẹp như một mẫu họa tiết kimono. Những loài lớn hoặc hiếm được xếp riêng, một hoặc ba con vào một ngăn. Chưa bao giờ trong đời, Kanako được thấy thế giới đa dạng, phong phú đến như vậy của loài bướm. Người khách hàng đến trước cô đang trò chuyện với chủ hiệu. Người chủ nói rằng hè nào anh ta cũng đến Nam Hải bắt bướm và năm nay anh ta định đi Celebes. Người chủ hiệu đang ngồi trong khu vực làm việc chật hẹp nơi một cái bàn trên đó đặt một con bướm - đuôi - én, đôi cánh giăng rộng dưới những chiếc kim găm.

- Anh có thể bắt đủ số bướm ở Nam Hải để duy trì công việc kinh doanh không? - Người khách hàng hỏi, anh ta già hơn người chủ một chút.

- Có lần gặp may, tôi bắt được một con *Graphium androcles*, nhưng nó đẹp đến mức tôi không thể bán nó. Giống bướm này dùng đôi cánh trước để bay, kéo theo những đuôi dài, màu trắng. Tuyệt đẹp.

Bộc lộ vẻ phấn khích, người chủ lim dim đôi mắt một cách thích thú.

- Những nhà sưu tập bảo ông đi à?

- Những nhà tài trợ cho tiền, nhưng đối với một số loại bướm, ngay cả trả 300.000 yên tôi cũng không chịu rời ra.

Chủ hiệu vẫn tiếp tục câu chuyện với người khách hàng trong lúc anh ta lấy ra một con *Papilio ulysses* đưa cho Kanako. Người khách kia nhìn chằm chằm vào những con bướm trắng Kanako đang cầm.

Anthocharis, cardamines ngón chân màu cam. Chúng giống hệt những bông hoa tuyết khi chúng bay? Anh ta lẩm bẩm. Những con bướm nhỏ, đẹp sắc sảo, tinh tế, trên cánh trắng điểm những đốm màu son. Kanako cũng hỏi mua một con bán với giá chỉ vài trăm yên, số khác, hàng chục ngàn yên, và có những con, tới hàng trăm ngàn yên. Kanako mua hai con trong một ngăn nhỏ rồi rời cửa hàng. Có một quán café ngay góc phố. Khi ngồi vào trong quán, Kanako mở những con bướm ra, cảm thấy chúng làm cô được an ủi đôi chút. Ngay cả sau khi chết hình dáng bất động và đôi cánh giang rộng của chúng vẫn cứ đẹp. Nơi loài bướm, con người đã hình tượng hóa niềm vui tái sinh và bay lượn một lần nữa trên những tầng trời. Ý tưởng về một mẫu thiết kế đã hình thành trong hình dung của Kanako. Một người đàn ông bước vào quán, ngồi xuống chiếc ghế còn trống duy nhất, cạnh ghế của cô. Đó chính là người khách hàng cô đã gặp trong hiệu bướm Tropicana. Con người có thể thể hiện sự độc lập, tự chủ của mình bằng nhiều phương thức, nhưng đôi điều thì họ hoàn toàn quy phục sự sắp xếp của ngẫu nhiên hoặc định mệnh. Chính Kanako đã gặp Horie Nobutaka theo sự sắp xếp đó.

Ở bàn bên cạnh, một nhóm nam nữ sinh viên phổ thông trung học đang tán gẫu. Đề tài là về một cô giáo và họ có vẻ chẳng quan tâm đến trên dưới gì cả:

- Bà ấy đã là một bà già hai mươi sáu tuổi, cậu biết đấy, và bà ấy vẫn còn nghĩ về sex chứ. - Kanako giặt mình quay đi.

Theo logic đó, chính cô đã ở vào tuổi mấp mé đến cái kết thúc buồn chán của cuộc sống. Một nụ cười hóm hỉnh, thoáng qua cũng xuất hiện trên miệng Nobutaka. Những giọng khàn khàn vô tiếng của các chàng sinh viên khiến họ rời khỏi quán café. Những người trẻ luôn rất ít trong số họ có thể được gọi là đàn bà và đàn ông, đang dạo bước trên phố xá Harajuku như những chủ nhân thực sự của nó. Còn Nobutaka và Kanako thì cả hai lại không sao thoát khỏi cảm giác ngượng ngáp lúng túng đối với nơi này. Cảm giác ấy dường như cuốn họ đến gần nhau hơn. Ở ga Harajuku họ nhận ra rằng cả hai đều về tuyến Tokyo.

- Anh có thích bướm không? - Kanako hỏi.

- Tôi đã từng bẫy rất nhiều bướm khi tôi còn học ở trường cấp II.

- Anh có một bộ sưu tập không?

- Có một bộ sưu tập nhỏ ở quê, nhưng ở đây, trong căn hộ của tôi thì chỉ có chừng mười hộp. Chúng đều thuộc giống bướm Hairtreak.

- Hairstreak là loại bướm gì?

- Chỉ là những con bướm nhỏ, bình thường, không thú vị lắm.

- Xếp thành nhóm chừng ba bốn mươi con, ngay cả bướm nhỏ cũng đẹp.

- Tôi từng có một cô em gái yêu những con bướm chân màu cam vì vẻ dễ thương của chúng.

Hình như anh phát hiện ra điều mà anh đang động chạm tới và đột nhiên im lặng. Kanako nghĩ, có lẽ em gái anh đã mất lúc còn rất trẻ. Vì cô đã mua hai con bướm đẹp, Kanako bảo rằng, tới đây cô muốn có thêm một con bướm hairstreak.

- Tôi sẽ cho em những con bướm của tôi. Tôi chẳng cần chúng, chúng chỉ làm chật nhà. - Nobutaka nói.

- Có lẽ họ đã ngẫu nhiên trôi dạt bên nhau như hai chiếc lá ngập ngừng trong dòng nước lặng lẽ của một khúc sông cạn. Sự ngẫu nhiên đã kết hợp họ với nhau, hai con người vốn không chủ động kết bạn với nhau cũng không đặc biệt khao khát kết bạn với những người khác. Tình thân đến với họ như do một sự đưa đẩy. Thời gian đó, Nobutaka đang ngồi viết những kịch bản truyền hình trong căn hộ của anh, xa hơn căn hộ của Kanako một ga tàu điện. Một nửa thời gian, anh làm cho một hãng sản xuất nhỏ, nửa thời gian còn lại, thực chất là anh thất nghiệp. Nobutaka hay đến căn hộ của cô vào buổi tối sau khi viết lách và quay về căn hộ của anh vào sáng hôm sau. Đôi khi suốt một tuần anh không tới. Kanako đợi và tự nhủ rằng câu chuyện đang đi đến hồi kết cuộc như vậy đấy. Cô sẽ không thể trách móc anh nếu anh không xuất hiện ở phòng cô nữa. Từ khởi đầu, chưa bao giờ có những lời hẹn hứa về tương lai, họ chỉ đơn giản có với nhau một quan hệ bản năng tự nhiên ở cái lứa tuổi mà ngôn từ trở nên không cần thiết. Vài ngày sau, Nobutaka có thể lại đến gõ cửa và Kanako sẽ

thầm kêu lên một tiếng kêu khe khẽ, hoặc nhắm mắt lại trong chốc lát. Căn hộ của cô quá nhỏ. Nó chẳng phải một mái nhà, mà chỉ là một cái hộp. Thời gian cô và Nobutaka ở bên nhau là một thoáng nghỉ ngơi ngắn ngủi nơi ống nước lặng. Và chưa ai trong số họ khi nào thổ lộ niềm khao khát hay chờ đợi điều gì xa hơn, lớn hơn nữa.

Họ bắt đầu gặp gỡ nhau trong thành phố mỗi tháng một lần vào ngày trả lương của Kanako. Nó dường như là một cách thức khiêm nhường để thỏa mãn những thèm muốn của họ. Họ tránh những nơi những đôi trẻ trung hơn thường lui tới, họ thích đến một nơi nào đó ngời lớn hơn một chút ở Dogenzaka. Nobutaka có tài chọn những quán dễ chịu, biết gọi những đồ ăn ngon và phong cách bên bàn ăn của anh thật là tuyệt. Khi Kanako nói điều đó với anh, Nobutaka chỉ trả lời một cách giễu nhạo rằng anh là dân nhà quê.

Đêm nay, anh gọi món lưỡi hằm. Kanako không ưng lắm và cô đã hưởng ứng món ăn đó không mấy nhiệt tình.

- Nó ngon lắm. Sao em không ăn nữa?

Nobutaka dùng muỗng vét sạch món hằm của anh. Với Kanako thế là đủ cho cô hài lòng. Một năm sắp trôi qua, chỉ vài ngày nữa. Cô không biết năm tới sẽ mang đến điều gì: một năm nữa trên dòng chảy vô đích. Việc của Nobutaka sẽ chẳng đi đến đâu. Dưới cửa sổ, những người đi bộ biến vào trong bóng tối âm u.

- Anh nhận được thư của mẹ anh.

Anh có vẻ không biết phải tiếp tục ra sao. Kanako im lặng. Anh không bị buộc nói bất cứ điều gì nếu anh không muốn thổ lộ.

- Anh đã bao giờ kể với em về anh trai anh ở Mỹ chưa nhỉ? Vợ anh ấy sắp sinh cháu bé nữa, vì vậy anh ấy nhờ mẹ đến giúp đỡ. Bà viết thư báo rằng bà sắp đi. Sau khi anh đã khuyên là bà đã quá già đối với những công việc loại đó.

Kanako gật đầu. Cô biết mọi năm Nobutaka luôn về nhà đón Tết với mẹ anh.

- Tết năm nay ngôi nhà sẽ không có người ở đấy vì vậy mẹ muốn anh về trông nom nó.

- Vâng, một ngôi nhà trống thì không an toàn.

- Chẳng có gì đáng lấy đâu. Tất cả đều cũ kĩ lắm rồi?

Mặc dù Nobutaka nói vậy, cô vẫn khuyên anh chuẩn bị về nhà. Cô cảm thấy cực kì ghen tị với ai đó có một ngôi nhà để trở về. Ngôi nhà Nobutaka lưu giữ tất cả kỉ niệm của đời anh. Anh đã từng nói rằng quê anh là một làng ở Shiga, phía đông hồ Biwa. -Kanako không có nhà để về. Cô nghĩ tới những nơi cô từng ở khi cha cô di chuyển công tác, nhưng chẳng có chỗ nào trong số những nơi đó cô có thể trở về. Em trai Kanako đã tới sống ở Asahikawa ở Hokkaido và chị em cô mất liên lạc từ đó.

Khi em nghĩ tới một mái ấm gia đình, em nhớ tới ngôi nhà ở Gumma, có cây bào đồng to lớn. Mẹ em thường lột vỏ những trái hồng để đem phơi khô trên hiên nhà đầy nắng. Em nghĩ, thật tuyệt nếu có một mái nhà, dù nó có hư nát. Em thường tự hỏi con người có bản năng về nhà cửa, gia đình hay chẳng. Nơi để họ có thể trở về một ngày nào đó. Nơi họ có thể chết ở đó.

Nobutaka không trả lời. Một lát sau, anh nói giọng lạnh lùng:

- Nó cũng chẳng đưa em đến đâu với sự khởi đầu của một cuộc đời tầm thường vô nghĩa.

- Anh muốn nói rằng anh có thể tự tách rời khỏi những gốc rễ của mình để trở thành một mảnh đồ vô dụng nơi đô thị chẳng? Nhưng em biết thực sự thì anh không thấy thế đâu.

Kanako đã mồ côi cha mẹ, thậm chí không thể nhớ quê quán mẹ cha. Họ đã từ bỏ thị xã quê hương trước cô. Nơi cư ngụ duy nhất mà cô có là một cái hộp, đôi khi cô có anh ở bên. Anh sẽ ở bên cô bao lâu là điều cô không biết.

Về chứ em? - Nobutaka hỏi. Anh đứng lên trước, một kiểu chia tay mà tính đa cảm của cô không khỏi cảm thấy thương tổn.

Phố phường ban đêm, lúc năm hết Tết đến, hoạt động hối hả. Một làn gió thổi qua, Kanako dựng cổ áo khoác lên. Dòng suối người qua lại trông có vẻ tối tăm và lạnh lẽo.

Nhà Shima ở Setagaya. Lí do khiến mọi người trong phòng thiết kế tụ tập ở đây rất đơn giản: họ quen kết hợp tiệc cuối năm của phòng vào một dịp với tiệc mừng Noel luôn. Nhà của Shima đem lại mối liên hệ duy nhất của Kanako với một mái ấm gia đình, nhưng họ đều sống trong cái mà Kanako gọi là những cái cái hộp. Chỉ mình Shima có một mái nhà. Cô chưa tới cửa đã thấy vợ Shima chào đón và mời cô vào. Yoshiko mặc một chiếc tạp dề bên ngoài cái váy đỏ, rất đậm hương vị của một mái ấm. Gia đình Shima có hai con gái đang học tiểu học.

Thức ăn và đồ uống đã được bày trên những chiếc bàn trong phòng khách và nối liền với phòng ăn. Ngoài bốn người ở phòng thiết kế, còn hai người khách đàn ông nữa. Kanako sà vào giúp đỡ việc chuẩn bị đồ ăn, nhưng hai đứa bé nhà Shima làm thay chỗ cô, còn cô bị kéo ra đi vắng.

Hôm nay cô là khách của chúng tôi - Yoshiko sốt sắng, rót đầy bia vào li của Kanako. Khi người phụ nữ dồn tâm sức chăm lo công việc nội trợ, Kanako nghĩ, bà ta trở thành chỗ dựa cho chồng. Những đứa trẻ rất có giáo dục nhà Shima đã ăn tiệc từ chiều và nhanh chóng rút lui.

Mặc dù trong công việc, Shima bộc lộ một cá tính riêng nhưng ở nhà ông trở về là một người chồng bình dân, luôn mồm gọi vợ "Mẹ nó, mẹ nó". Kanako không cảm thấy ông có chút gì nổi trội thu hút về phương diện cuộc sống thường ngày trong gia đình.

Khi bữa tiệc trở nên có không khí dưới ảnh hưởng của rượu, Kanako bắt đầu quan sát gương mặt của hai người khách đàn ông. Người mà Seki, bạn của Shima đưa đến, làm công sở với Seki. Kanako ngả lưng trên ghế. Liếc nhìn khuôn mặt ông ta một lần nữa. Ông ta người tầm thước, chiều cao trung bình và có một phong thái hào hoa, lịch sự. Gia đình Shima nghe nói ông ta định kết hôn lần nữa và có lẽ đã nghĩ tới Kanako. Nếu họ định tạo cơ hội để cô có thể gặp gỡ, kết bạn tự nhiên với một người khác giới thì đây là cơ hội đầu tiên đối với cô. Cô thậm chí cảm thấy ngạc nhiên về việc cô được người khác tạo cho một cơ hội. Cô nghe nói ông ta đã có một

đứa con đang ở với mẹ nó. Trước đó một chút, khi Yoshiko nhắc đến chuyện ông ta li dị, Kanako đã không hỏi lại lí do. Sự chú ý của cô đến ông ta tăng dần chỉ do vận động của chính các sự kiện, chứ không phải do vị trí của một “đôi tác” tương lai mà người ta đã nhắm cho cô.

Đồ ăn ở gia đình Shima có vị ngon của thứ đồ ăn nấu trong gia đình. Yoshiko nghe Kanako nói như vậy thì rất vui và để khen lại, bà nói rằng bà đã không có được tài năng thiết kế của cô.

- Tài năng thiết kế của em ấy à? - Kanako cười phá lên - Cô chủ yếu chỉ thực hiện những phần việc thô cho thiết kế của Shima mà thôi.

- Kanako thiết kế một tách cà phê vĩ đại đấy, - Một trong những bạn đồng nghiệp nói.

- Điểm mạnh nhất trong tài năng là tính cách cô ấy. Cô ấy không bao giờ để mình bị kích động, bực tức cả.

Kanako lần lượt nhìn từng người trong số các bạn cô.

- Mặt khác, cũng chẳng điều gì các anh làm tôi hạnh phúc quá cả. Đó chính là điều mà anh sắp nói đến, phải không nào?

- Chắc chắn là cô phải tự hiểu rõ về mình chứ.

Tất cả cùng cười vui vẻ. Người khách đàn ông nhìn cô. Shima gọi tên ông ta - Ông Okabe.

- Tôi nghĩ, công việc ngành cơ khí của ông khiến ông khá là bận rộn, thưa ông Okabe.

- Trong lĩnh vực chuyên môn tôi làm được nhiều hơn sự đòi hỏi của phận sự, nhưng tôi e rằng trong lĩnh vực cuộc sống riêng tư, tôi không thành công lắm.

- Tất cả chúng ta ai cũng cảm thấy như thế hết. - Một trong những người đàn ông ở phòng thiết kế đồng tình. Kanako bị thuyết phục mạnh bởi sự thẳng thắn chân thành của Okabe và lần đầu tiên cô nhìn ông ta với nhiều thiện cảm. Giá mà cuộc sống riêng tư của ông thành công mỹ mãn, điều ấy sẽ chỉ khiến cô cảm thấy thiếu an toàn. Không nghi ngờ gì rằng hình thức bên ngoài của một gia đình có thể đạt đến được một cách dễ dàng khi đứa con đầu lòng ra đời và cả người chồng lẫn người vợ lấy nó làm trung tâm cuộc sống của họ. Kanako, không có nhà cửa cũng không có gia đình, không thể không cảm động bởi dịp may hiếm hoi đang đến với cô. Chia tay với vợ vì một lí do nào đó Okabe dường như đã trải qua một nỗi buồn sâu sắc và một cảm nghiệm rất đổi riêng tư khiến cho ngay cả khi say, ông vẫn không có chút vẻ gì của một con người hồn nhiên, vô tư lự. Những người đàn ông từ phòng thiết kế thì trông rất hoan hỉ, tươi vui.

- Cô chẳng ăn gì cả. - Yoshiko nói, mắt nhìn vào đĩa của Kanako.

- Có em đang ăn. Ngon lắm.

Từ một tuần nay, Kanako chán ăn, nhưng không khí bữa tiệc quả là vui vẻ. Cuối buổi, Shima bảo mọi người rút những tấm thiệp Noel và mở những gói quà. Kanako rút tấm thiệp có dòng chữ *Kōfuku no Tani* và nhận được một đôi chim bằng kẹo gắn trên đôi dũa. Cô xem nó như một điềm lành và mỉm cười. Thiếp của Okabe ghi *Sự lạ đời của thần Venus*, và quà của ông là một chiếc đĩa sứ màu trắng hình con sò, ở rìa có một bức tượng nhỏ. Ông có vẻ thực sự sung sướng và nhắc đi nhắc lại mãi:

- Thật tuyệt quá.

Mọi người vỗ tay mỗi khi một món quà được mở ra. A, một người đàn ông trung niên, làm kế toán ở phòng thiết kế, rút được cái thiệp *Hattoshin no Bijō*. Ông nhận được món quà là chiếc thắt lưng phụ nữ đẹp. Mọi người cười vang khi ông mở ra và thấy chiếc thắt lưng và làm như vung tay vứt nó đi.

Tiệc Noel vui vẻ đã đến hồi kết thúc. Chào tạm biệt các anh bạn đồng nghiệp còn ngồi lại để uống tiếp, Kanako ra về với hai người khách đàn ông. Seki nhanh chóng lên một chiếc taxi còn Okabe đi cùng Kanako trong chiếc taxi sau.

- Một đêm Noel thật tuyệt vời. Tôi không thường xuyên đón mừng Noel nhưng đây là lần tôi thực sự vui thú. Phòng thiết kế Shima hẳn là một nơi làm việc rất dễ chịu. - Okabe bảo.

- Nó ấm cúng, hơi giống một mái lều.

Trả lời ông Okabe xong, Kanako chợt nhận ra rằng chính sự thô cứng của công việc ở xưởng khiến cho một niềm vui hiếm hoi như thế này trở nên dễ chịu đến vậy. Đối với những kẻ khát khao tình người, sự vui vẻ ở gia đình Shima sưởi ấm trái tim họ. Kanako và Okabe chìm trong làn ánh sáng dịu dàng sau lúc hoàng hôn. Kanako bảo người lái xe taxi cho cô xuống ở một góc phố trên con đường dẫn tới căn hộ của cô.

- Rất cảm ơn ông.

- Tôi hi vọng được gặp lại cô. - Okabe nói, và taxi chuyển bánh.

Nếu đó là một cơ hội để cô có thể chạm được tới bến bờ, đây là cơ hội đầu tiên đối với cô. Bước dọc con phố tối, sau khi xuống taxi, cô nhận ra rằng cô thích Okabe. Ngay cả nghĩ đến việc cưới một người đàn ông như Okabe hình như, đối với cô, cũng là một chuyện xa xỉ, một thái độ hơi xác xược.

Ngày hôm trước, Kanako đến bệnh viện để soi vùng bụng. Sau khi khám, ông bác sĩ thông báo:

- Tôi có thể nói rằng cô đã có mang. Cô cần đến khám bác sĩ phụ khoa sau dịp Tết.

Điều ấy có vẻ khó mà có khả năng xảy ra, và một phức hợp những tình cảm xúc động, ngạc nhiên, bối rối, thẹn thùng, khiến cô không thể thốt nên lời. Kanako, lúc đó và ở đó, không thể quyết định được rằng cô có nên sinh con hay không? Nobutaka sẽ nghĩ gì không quan trọng, điều quan trọng hơn, cô muốn hiểu rõ tình cảm của chính mình và tự quyết định phải làm gì. Một kẻ lang thang trong thành phố biết làm gì đây với một đứa bé? Đứa bé thuộc về nơi nào? Nếu điều đó có nghĩa sự tăng số lượng những kẻ lang thang vô gia cư, có thêm một đứa bé phải chăng là một việc sai lầm? Tuy nhiên, đối với cô, nâng đỡ, nuôi dưỡng một đứa con có lẽ là đặc quyền duy nhất người phụ nữ có được. Đêm nay, gặp Okabe trong tâm trạng bồn chồn, lưỡng lự như vậy, cô cảm thấy, sau tất cả mọi điều, cô có thể mong muốn có một đứa con. Cô đã chán chường sự tồn tại không gốc rễ của cô. Một ngày nào đó, có thể bỗng dưng cô thấy Nobutaka bỏ rơi cô. Anh, cũng vậy, giống một nhánh cỏ dại, không gốc rễ.

Có ánh đèn trong căn hộ của cô. Kanako ngừng bước. Có thể là anh chăng? Anh đã biết đêm nay có tiệc ở nhà Shima mà. Khi mở cửa, cô thấy Nobutaka trong căn phòng phía trong, cạnh cái phòng nhỏ vừa là phòng ăn vừa là bếp. Dựa vào bàn, anh quay lại nhìn cô. Anh đang ở đây. Hạnh phúc của cô đã đến chăng, vì anh là bến bờ mà dường như cô luôn luôn bơi về đó?

- Em mệt mỗi khi khủng khiếp. Em cảm thấy đơn độc khi hưởng niềm vui thú đến thế.

Kanako bước vào phòng, chào Nobutaka và ngồi xuống trước mặt anh.

- Vui lại làm em cảm thấy đơn độc sao? - Anh hỏi, hàng ria in bóng trên khuôn mặt. Kanako trả lời một cách nghiêm trang.

- Đối với người Nhật chúng ta, tất cả những tiệc tùng Noel và tiệc tùng cuối năm đều giống nhau. Và ngoài ra, chúng ta không quen hưởng niềm vui nên chúng ta mệt mỗi khi làm điều gì đó khác thường.

- Đó không phải một cá tính có ích gì lắm đâu.

Gượng cười, Nobutaka hỏi xin uống trà. Anh không bao giờ muốn tự pha trà khi anh ở nhà cô. Kanako mang đến tách trà vừa pha xong, anh liền uống cạn.

- Em về bằng taxi chứ, phải không em?

Một câu hỏi như thường lệ.

- Một ông khách của Shima tiễn em. Ngay việc nhỏ mọn như vậy cũng tạo ra một kiểu ràng buộc giữa con người. Lần sau gặp lại em sẽ cảm ơn ông ta, rồi... Em ghét những mối ràng buộc con người lại với nhau theo kiểu đó.

- Vì sao? - anh hỏi cô.

- Em đang tự hỏi. Vì nó khiến ta nghĩ rằng ta có thể bám víu vào những sợi dây ràng buộc đó. Chúng nặng nề, khó chịu biết bao. Thanh thản hơn nhiều là cứ đi con đường riêng của mình, ngay cả dù chẳng có nơi nào để đến.

- Đúng vậy.

Mặc dù Nobutaka cảm nhận được những xúc cảm đang diễn ra trong lòng Kanako, nhưng anh không nói gì thêm, giang chân phía trước lò sưởi ga, Nobutaka bảo mẹ anh đã đi Mỹ, vì vậy anh sẽ trở về nhà trước Tết. Trong tưởng tượng của Kanako, ngôi nhà trống ở quê Nobutaka hiện ra trong hình ảnh ngôi nhà ở Gumma với cây bào đồng. Cô cảm thấy ý muốn về thăm ngôi nhà ấy khi chủ nó đi vắng là tội lỗi, cố nén nỗi xúc động, căng thẳng, cô hỏi:

- Nếu em đến ở nhà anh có được không? Nếu quá phiền phức thì em sẽ chỉ đứng từ xa mà ngắm nó rồi sẽ trở lại ngay.

- Làm thế thì được cái gì?

- Em không biết. Riêng ngôi nhà nơi anh đã sinh ra dường như đủ khiến anh trở nên thực hơn và được ràng buộc em hơn. Nếu anh vẽ, viết bất cứ cái gì trên cột nhà, tường nhà thì em muốn xem những hình vẽ ấy.

Nobutaka im lặng một lát rồi sau đó đồng ý một cách bất ngờ lời đề nghị của cô.

- Chúng ta sẽ về xem. Ai biết được khi nào ngôi nhà có thể sẽ không còn ở nữa.

Kanako nhìn anh chăm chú. Trong người đàn ông đã tặng cô cơ hội trở về một ngôi nhà này, e không hề không thấy sự sâu sắc về một mái ấm.

* *

*

Chưa bao giờ Kanako hình dung rằng cô được đón mừng năm mới trong căn nhà của gian đình Nobutaka. Dù họ biết nhau đã hơn hai năm. Nobutaka ít khi nói về quê quán cùng những người thân thiết. Anh thường nhắc đến một làng gần hồ Biwa, có thể thực, nhưng Kabako chưa bao giờ sống ở gần đó và đây là lần đầu tiên cô tới huyện Ômi.

Sáng 31 tháng 12, họ rời Tokyo đi Ômi - Yahata ở quận Shiga. Từ đây, họ đi taxi, qua dọc những phố xá buôn bán tấp nập phía trước nhà ga và đến những cánh đồng bao quanh. Trái tim Kanako dâng đầy phấn khích. Qua cây cầu trên một khúc suối nông, cô hỏi Nobutaka khi còn bé có hay ra đây chơi không.

- Ô, với bạn bè và với em gái anh. Bọn anh thường bắt tôm, - anh trả lời nhìn qua cửa xe taxi xuống dòng sông.

Anh bảo lái xe dừng lại ở một con đường được đánh dấu bởi một hàng cây nhỏ. Kanako xuống xe trước và nhìn quanh. Giữa những rặng cây, có một đám những ngôi nhà cũ kĩ, tĩnh lặng. Đối diện với bụi cây là một cánh đồng nhỏ và xa hơn nữa là một ngôi nhà cổ, rất đẹp, bao quanh là hàng rào gỗ màu đen. Chim chóc đậu trên mái nhà. Có một mái nhà tranh hai lầu tách biệt

khỏi căn nhà đó, và đằng sau căn nhà chính hiện ra có lẽ mái của một cái nhà kho. Chắc có là nơi cư ngụ của người chủ vùng này. Taxi đi tiếp và Nobutaka bắt đầu đi bộ. Theo một con đường qua cánh đồng, anh rẽ vào cánh cổng có vòm của căn nhà với hàng rào gỗ màu đen. Thoạt tiên, Kanako nghĩ là anh định đến để tỏ lòng kính trọng với người chủ ở địa phương. Nobutaka vòng tay quanh trụ cửa để mở cái cửa lưới sắt. Kanako nhận ra biển trên trụ cửa để "Horie". Dòng chữ ấy đánh gục cô. Lát sau cô hỏi:

- Đây là nhà của anh sao?

- Vì thế mà anh đang vào nhà đây.

Cửa mở, Nobutaka bước lên những bậc đá. Tòa nhà chính có một tầng lửng; những con chim trên mái là các họa tiết trang trí. Lối vào mang phong cách nhà của võ sĩ Samurai: hai cánh cửa gỗ mở về phía bên trái và bên phải dẫn tới lối vào. Đằng sau chúng sẽ còn những tấm cửa trượt nữa. Kanako nhìn lên cấu trúc của ngôi nhà, cố bao quát, ghi nhớ tất cả. Nobutaka dùng chìa khóa mở cánh cửa bên phải và đi vào. Tiếp theo tiền sảnh là phòng khách và một bên là nhà bếp nền đất rộng rãi, những cột nhà to dày, lò bếp cổ, bồn rửa chén - tất cả khiến cô hình dung tới những người từng ở đây trong những năm tháng đã qua. Cô để ý tới phòng dành cho những người giúp việc và sâu hơn vào bên trong là một khu vực nhà kho rộng lớn.

Trong phòng khách có một Kotatsu, mẹ của Nobutaka đã cẩn thận cuộn lên mép của tấm mền đắp chân. Nobutaka dắt cô vào nhà. Ở đây hẳn phải có người túc

trực bảo vệ, vì những cửa mưa dọc hành lang phía trước được mở ra và tất cả mọi thứ đều rất sạch sẽ. Qua một phòng khách hết sức đúng quy cách, nghi thức và một phòng ngủ, họ bước đến một tủ kính trang trí cầu kì, Nobutaka mở ra để lộ một bàn thờ Phật của gia đình. Theo thói quen, Nobutaka ngồi xuống và gõ chuông trên diện thờ, đầu cúi thấp. Kanako làm theo anh. Bức ảnh cha Nobutaka cho thấy một người đàn ông chừng bốn mươi, trong bộ đồ âu phục, phong cách nghiêm trang và đẹp trai hơn con trai của ông.

Vậy là cô đang ở đây, trong một ngôi nhà trống, ngồi thần thơ trước bàn thờ gia đình trên tấm chiếu không có chút ấm áp từ lò sưởi trong phòng. Cô không thể nhận ra mấy may gì khoe khoang trong mọi câu chuyện giữa cô và Nobutaka có thể khiến cô mơ tưởng được một ngôi nhà như thế này. Anh không để lộ chút dấu hiệu nào, dù nhỏ nhất, về việc anh đã sinh trưởng trong một gia đình sang trọng như thế này. Tại sao vậy? Điều đó xuất phát từ sự không tin tưởng đối với một người nghèo hèn như cô chẳng?

Anh nhận thấy gương mặt cô nhợt nhạt đi.

- Có gì thế? Em lạnh ư?

Cô lắc đầu nhưng cô đang run lên. Nobutaka tính xem mẹ anh sẽ đi bao nhiêu ngày.

- Một ngôi nhà cổ, bỏ hoang không được hiếu khách lắm nhỉ. Nó không có vẻ kì quái, cổ lỗ quá chứ em? Mọi khi nó sáng sủa và ấm áp hơn thế này.

Anh nhìn qua những cửa trượt ra vườn. Trong khu vườn được chăm sóc cẩn thận, có một cây tùng đỏ, một

lồng đèn bằng đá tuyệt đẹp và những phiến đá cảnh được giữ gìn, tất cả toát lên vẻ phong nhã, sang trọng của ngôi nhà.

- Ngôi nhà này được xây dựng từ hơn một trăm năm trước. Nó vẫn còn hình dáng đẹp như thế này, anh nghĩ là do mẹ anh đã chăm sóc nó rất cẩn thận.

Gỗ ánh màu bóng láng còn kính thì sạch lau, không một vết gợn. Nobutaka giải thích rằng trong cái cách ruộng đất sau chiến tranh, gia đình anh đã nhường bỏ rất nhiều đất đai thuộc sở hữu nhưng những người làm muốn trước đây vẫn thường lui tới giúp việc cho bà chủ cũ của họ.

- Đây thực đúng là gia đình mà anh đã sinh ra. Vậy sao anh giấu em? Vì sao chưa bao giờ anh kể cho em biết?

- Cái gì chứ, một chàng quý tử của một gia đình gia giáo đã bị thổi đi phiêu bạt để trở thành một tay viết kịch bản truyền hình loại xoàng xĩnh. Nào, hãy tiếp tục đi - Anh trả lời chưa chút. Rồi anh nhìn lên những hốc tường và những cây xà ngang.

- Rất nhiều thương gia thành đạt đã xuất thân từ vùng quê này. Rất ít người trong số họ lãnh đạo những công ty lớn của Nhật Bản. Ngôi nhà này thuộc về mẹ anh, còn ba anh - người anh họ của mẹ - mang tên mẹ sau khi họ cưới nhau. Cha anh làm nghề ngành dệt nhưng ông mất khi anh trai anh mới học trường phổ thông cấp II. Giá mà ông sống thêm mười năm nữa, mọi điều có lẽ đã khác.

- Anh hẳn là có nhiều kỉ niệm về ông?

- Anh mới học tiểu học và cha anh thì quá bận không còn thì giờ để ở nhà. Anh luôn tự hỏi không hiểu ông có thực sự quan tâm đến gia đình không. Ngôi nhà này được dựng lên do ông cố nhà anh vào lúc cuối đời cụ.

- Ông cố nhà anh.

Kanako cảm thấy lẫn lộn vừa ghen tị, vừa hằn học, oán ghét người đàn ông có cội rễ gia đình sâu bên mà cô xưa nay vẫn tin không khác gì bản thân cô.

- Anh có một cây gia hệ vĩ đại quá nhỉ! Dòng họ Horie có một nhà và một gia sản, thậm chí cả một người mẹ để xác nhận cả những cái đó nữa. Chắc chắn anh cảm thấy ý nghĩ phiền muộn rằng anh chỉ là một người viết kịch bản tầm thường chẳng có ý nghĩa gì, phải không? Chỉ là một ý nghĩa làm dáng, điệu bộ, kiểu cách thôi, phải không?

Kanako cảm thấy tuyệt vọng về sự thấp kém của mình. Nobutaka hiểu ra cơn sốt mà cô đang trải qua.

- Anh quyết định cho em thấy ngôi nhà vì nó sẽ sớm biến mất, em ạ.

- Ngôi nhà sẽ mất? - Cô lặp lại như một tiếng vọng.

Khuôn mặt Nobutaka trở nên khắc khổ - Anh trai của anh đã qua Mỹ, thử sức trong buôn bán, nhưng đã gặp khó khăn. Trong bước đường cùng anh đã đề nghị mẹ bán ngôi nhà này. Nhờ mẹ đến giúp trông cháu bé mới sinh có lẽ chỉ là cái cớ để anh có dịp thuyết phục bà thôi. Mẹ anh, tất nhiên, hoàn toàn hiểu điều đó. Và vì vậy mà bà đã vượt đại dương, lần đầu tiên trong đời, ở tuổi sáu mươi.

- Bà đúng là một người phụ nữ thực thụ.

Hình ảnh một người đàn bà có tuổi, thánh thiện hiện ra trong tâm trí Kanako.

Mẹ anh đã sống trong căn nhà này từ khi bà chào đời. Bà không bao giờ biết đến bất cứ một nơi chốn nào khác. Bà sống ở đây với linh hồn của cả ngôi nhà - nếu rời khỏi nó, bà mất đi cái đem lại ý nghĩa cho cuộc đời bà. Ngay cả những khi mẹ đến thăm dì anh ở Kyoto, bà cũng luôn trở về nhà trong vòng chưa đến ba ngày.

- Thế còn chỗ của một người con trai của bà ở Tokyo?

- Bà không thể rời bỏ Ômi để đến sống ở Tokyo.

Bây giờ đây, khi đã quen với nguy cơ ngôi nhà có thể bị bán đi thực, Kanako không thể không cảm thấy gần bó quuyến luyến. Cô băn khoăn không hiểu Nobutaka sẽ làm gì.

- Anh sẽ để mẹ làm điều mẹ muốn. Anh còn biết làm gì khác nữa, phải không nào?

Anh đứng dậy, mời cô cùng anh vào cái nhà tranh tách biệt khỏi tòa nhà chính. Được xây sau ngôi nhà chính, nó có một vẻ ngoài đẹp xinh, tinh tế. Từ phía cuối hành lang ngôi nhà chính, Kanako nhìn thấy nhà kho, cách nhà chính một cái vườn nhỏ. Nobutaka bước theo những lối đi bằng đá trong vườn, con đường hình như dẫn đến cuối vườn. Kanako tìm kiếm những liên hệ giữa ngôi nhà cổ, đẹp, quá mức mơ ước này với quãng đời Nobutaka từ thuở lọt lòng rồi lớn lên. Ở đây, Nobutaka kể với Kanako rằng hai anh em thường dùng súng phun lửa bắn theo những con chim qua cái cửa sổ lỗi ra ngoài của căn phòng. Khi câu chuyện đưa anh về quá khứ, khuôn mặt anh trông nhẹ nhõm hơn. Cô gái trong bức



ảnh trên chiếc bàn nhỏ trong phòng chính chắc là em của anh, Yuri. Theo Nobutaka, cô đã mất vì bệnh bạch huyết khi cô mới hai mươi hai tuổi. Cô bệnh hơn hai năm, Nobutaka và mẹ anh đã chăm sóc cô. Nobutaka phải bỏ việc ở Tokyo và quay về Ômi để chăm em. Suốt thời gian bệnh tình thuyên giảm, ba mẹ con đã tham quan quanh vùng hồ Biwa. Càng đi xa về phía bắc, nước hồ càng xanh trong sâu thẳm. Họ tới tận mũi Sugaura. Yuri e thẹn thổ lộ cô muốn mặc một chiếc kimono màu xanh hồ thủy như vậy, với chiếc khăn choàng màu trắng trong ngày cưới. Cho tới khi lên tám, Yuri vẫn luôn nói rằng cô sẽ cưới Nobutaka khi cô lớn lên. Nobutaka, lớn hơn năm tuổi, cười và bảo rằng cô sẽ sớm thay đổi ý kiến. Sau chuyến thăm hồ Biwa, Yuri lại vào viện và chỉ ra viện khi cô mất. Phòng chính của ngôi nhà tranh là phòng dưỡng bệnh của cô.

Ngôi nhà cổ này đã ghi dấu nhiều cái chết khác nhau. Linh hồn những người đã khuất luôn mong mỗi sự trở lại của Nobutaka. Kanako không sao xua đuổi được ý nghĩ đó. Cô cảm thấy bất kỳ lúc nào, cánh cửa nhà kho sẽ đột nhiên mở và hiện ra người cha đã mất quá sớm. Rồi bỏ những linh hồn thân yêu đã khuất này quay lại Tokyo, Nobutaka sẽ cảm thấy ra sao nhỉ?

Một người khách cất tiếng gọi từ xa. Nobutaka bước ra, và Kanako, không dám ở lại một mình, cũng theo sau anh. Một ông lão nông thôn đang đứng trên nền đất trong ánh trăng khuyết. Ông ta và Nobutaka chào hỏi nhau thân thiết, sau đó ông cụ đặt một cái gói xuống bậc cửa, rõ ràng, ông làm theo lời dặn của mẹ Nobutaka. Kanako rụt rẹ đứng đợi trong bóng tối hành lang.

- Anh sẽ ở lại bao lâu? - Ông già hỏi.
- Cháu định ở đây quãng một tuần.
- Nếu anh cần gì, cứ bảo tôi, đừng ngại.

Ông cụ lịch sự xin phép và lui gót. Ông ta là người được giao việc trông nom ngôi nhà. Cái gói chứa những cái đĩa quà năm mới buộc với những hộp sơn mài, bánh gạo hồng khô và sushi. Kanako thấy ngỡ ngàng vì cô đã không có thì giờ để mang theo bất cứ cái gì từ Tokyo chuẩn bị cho năm mới. Cô vẫn còn lo lắng về khả năng được đón năm mới trong một ngôi nhà rộng lớn thế này. Bất cứ lúc nào Nobutaka rời đi đâu, cô lại cảm thấy không an tâm. Tầng lửng của ngôi nhà có thể nhìn sang bụi cây bên Lãng mộ Shinoda cạnh đó và Kanako tò mò muốn xem. Nobutaka dường như bước vào một cuộc sống khác khi anh trèo lên thang trước cô.

Mai chúng ta sẽ làm một chuyến viếng thăm đầu năm Lãng mộ này nhé? Vị thần ở đây rất linh thiêng do các lễ hội lửa của thần. Có lần, khi em gái anh đang bệnh, nó bảo, nó muốn xem lễ lửa, và anh đã bế nó lên đây. Trong đêm, những ngọn đuốc từng nổ lộp bộp, hắt sáng lên trời cao, hai anh em thấy rộn ràng, vui thú lắm.

Nobutaka trở nên nói nhiều hơn bao giờ hết. Anh kể cho Kanako nghe những hồi ức khác nhau về ngôi nhà và mọi người trong gia đình.

- Tối nay chúng mình sẽ ngủ ở đâu?
- Phòng nào tốt nhất nhỉ? Phòng nào mà em thích ấy!

Thế thì ngủ ở phòng bên. Đừng nằm riêng vì em chưa bao giờ ở trong một tòa nhà lớn đến thế này và em sợ lắm. Anh làm thế nào để em không sợ nhỉ?

- Vớ vẩn. Đây là nhà anh mà!

Anh cố cười thật to.

- Căn hộ của anh ở Tokyo có vẻ bé nhỏ kinh khủng.

- Đúng là anh luôn luôn có ngôi nhà này để về. Ý nghĩ nó có thể bị bán một khi anh lấy làm vui rằng anh vẫn còn một nơi khác để cư trú ở Tokyo. Bây giờ đây, ngôi nhà ở Tokyo là tất cả những gì anh có.

Kanako nhận ra rằng cả cô và Nobutaka đều cảm thấy bị cuốn đi như những vật rác rến vô giá trị nơi dòng sông thành phố.

Đêm đó họ ngủ bên nhau trên tấm nệm trải trong căn phòng dành cho khách ngủ lại. Kanako nghĩ đây có lẽ là lần duy nhất trong đời cô được ngủ trong phòng lớn thế ở một tòa nhà không phải là nhà trọ. Cô gối trên chiếc gối kê gần điện thờ gia đình có lẽ điều đó đã xui nên giấc mơ của cô. Bình minh hình như đang rạng và trong ánh sáng nhạt nhòa của vườn cây, sát bên đèn bằng đá lớn, một người đàn bà mặc áo choàng đen đang đứng đó. Kanako biết đó là mẹ của Nobutaka. Người đàn bà đứng im lặng, như quả trách Kanako đã xác xược đến ngôi nhà khi người chủ đi vắng. Kanako căng thẳng sợ hãi, cô xin lỗi bà:

- Cháu xin lỗi. Hãy tha thứ cho cháu ... cháu sẽ đi khỏi ngay bây giờ. Cháu hứa không dám quấy rầy sự tĩnh mịch của ngôi nhà và trật tự, ngăn nắp này.

Lát sau, Kanako tỉnh giấc, nhưng trong mơ cô không nhớ rõ người đàn bà mặc áo choàng đen đã bỏ đi. Kanako dùng tay massage thân mình, bắt đầu từ ngực

rồi chuyển dần xuống. Quả là xác xược chẳng một người hèn kém như cô mà muốn đến gần ngôi nhà ông cố Nobutaka đã xây? Cụ sẽ nói gì nếu biết điều đó? Kanako kiên nhẫn đợi những tia sáng yếu ớt buổi mai rạng dần lên, và cảm thấy phục hồi dần dần sức mạnh.

Nobutaka của mình rồi mở mắt. Anh hỏi Kanako đã dậy rồi sao, sau đó, với lấy những điều thuốc bên gối, anh châm lửa một điếu và rít một hơi.

- Em cũng nằm mơ đấy.

- Thật khó ngủ dưới một mái nhà to lớn thế này.

Nobutaka kể, anh mơ công em gái anh lên tầng lửng. Có lẽ việc kể lại chuyện xưa cho Kanako nghe đã là nguyên nhân của giấc mơ. Lâu lắm rồi trước đây, anh tiếp, anh đọc một câu chuyện kể một biệt thự trên cao nguyên, nơi người ta thường đến nghỉ hè, nhưng dần dà nó bị bỏ hoang, cũ nát. Người chủ mất đi, ngôi biệt thự được đem bán và một số công nhân đến để phá dỡ. Ở tầng lửng, nơi họ mang chiếc thang đi chỗ khác, họ tìm thấy một xác chết khô.

- Chuyện thật ghê sợ. Anh quên rồi, nhưng hẳn là nó đã được chôn sâu trong ký ức anh. Anh đoán các tiểu thuyết ở lại trong tâm trí người ta cũng bằng cách đó.

Kanako đoán rằng có lẽ anh bị ám ảnh cái ý tưởng đã để em gái anh chết khô trên tầng lửng và cô cảm thấy gần gũi anh hơn bao giờ hết.

Ở trong một ngôi nhà cổ, người ta có cảm giác có những con ma ẩn náu đâu đó trong bóng tối, trong râm thướt sát mái nhà, đầu đầy quanh lò bếp. Anh muốn chuyện trò với chúng nếu có thể được.

- Anh quá hãi sợ đấy thôi.

Nhưng Nobutaka không nghĩ rằng cô đang nói dối.

- Em sung sướng là anh đã đưa em đến đây. Em sẽ không bao giờ quên ngôi nhà này.

Kanako nhắm mắt lại. Nobutaka cảm thấy lạnh vai, rùng mình và cuộn người lại dưới tấm chăn. Họ đã tỉnh giấc nhưng không có gì để làm cả. Nằm yên trên giường có vẻ là một cách thức thú vị để đón mừng năm mới.

Họ ngủ lại, chỉ thức dậy khi mặt trời đã lên cao. Kanako đứng dậy và bắt đầu mặc quần áo. Nobutaka, giữ ấm dưới chăn, và nói:

- Ngày đầu năm, chúng mình sẽ đến hồ Biwa nhé.

- Có sao không nếu bất chợt họ gặp người quen anh?

Kanako bước tới mở những bức rèm che căn phòng. Đêm qua họ đi ngủ mà quên không đóng những cánh cửa mưa to nặng. Ánh mặt trời tràn qua cửa sổ, nhưng khi Kanako mở cửa sổ và nhìn xuống vườn trong ánh sáng buổi ban mai cô nín thở vì ngạc nhiên. Mặc dù nền trời rất xanh trong, những bông hoa tuyết đang múa lượn nhẹ nhàng trong gió. Cứ như thể một đàn bướm nhỏ, trắng muốt đang bay lượn.

- Tuyết bắt đầu rơi. Thật đẹp quá. Lại đây mà xem anh.

Giọng cô khiến Nobutaka trở dậy, đến bên mái hiên. Những bông tuyết nhỏ, tinh xảo trở thành một họa tiết trang trí nhuốm vào cảnh vật chung quanh.

- Tuyết rơi kìa. Nhìn xem, anh sẽ hiếm khi được nhìn thấy tuyết rơi giữa một ngày quang đãng, sáng sủa như thế này ở Tokyo.

Những bông hoa tuyết bay lượn trong ánh nắng ban mai thêm một nét mỏng manh, quyết rũ vào cảnh sắc của khu vườn giữa một tòa nhà cổ. Ngắm nhìn tuyết rơi, Kanako ôm trọn cả buổi sáng Ômi vào trái tim cô.

Phan Thu Hiền dịch

NHỮNG NGÀY TƯƠI SÁNG Ở PHÍA TRƯỚC

Catherine Young
Nhà văn Mỹ – Giải thưởng khu vực

Andrea đứng trong bóng tối của tiền sảnh vừa xoay xoay tách cà phê trong tay, nàng vừa lặng lẽ quan sát những đồ vật đang nằm xung quanh một cách chán nản, ử rử: những vali áo quần, đồ đạc, hộp giấy nằm lộn xộn, bừa bãi trông thật ảm đạm, chúng sắp sửa được đem đi khỏi đời nàng cùng với chủ của chúng.

“Mọi thứ xem ra đã xong xuôi cả rồi nhỉ?” David nói vọng ra từ nhà bếp, giọng vô cùng thoải mái. “Anh sẽ rời đây trong một vài phút nữa!”

“Một vài phút! Thật quá ngắn ngủi!” Andrea nuốt nghẹn giọng, người nàng cố căng lên để ghìm những giọt nước mắt. Họ đã đồng ý, sau tất cả mọi chuyện, rằng sẽ không có thời gian để chia tay một cách yếu đuối, ủy mị. Không cả khi mọi thứ đã sắp xếp xong và 18 tháng chung sống ngọt ngào.

“Tốt? Thế là xong!” David đã mặc xong áo jacket. “Anh sẽ liên lạc với em khi nào anh thu xếp xong chỗ ở mới”.

“À vâng”. Thích hợp thật là thích hợp. Andrea nghĩ với một cái mỉm cười gượng. Sau tất cả chuyện đó, chính

tính buồng bình tôn thờ chủ nghĩa độc thân của David là nguyên nhân của mọi đổ vỡ.

“Anh sẽ nhớ em nhiều đấy, Andrea ạ!” David nói một cách nhẹ nhàng rồi ngập ngừng rời ô cửa.

“Anh muốn nói là mối quan hệ bạn bè của chúng ta sẽ không bao giờ mất!”

“Và anh cũng nói rằng anh không sẵn sàng thực hiện lời hứa”. Andrea thở dài, nhớ lại những cuộc tranh cãi đã từng ngấm ngấm chia cắt họ:

“Phải chăng chính những mong muốn viễn vông của nàng về cái gì đó cao hơn, sâu sắc hơn là đơn giản cùng nhau chung sống. Có thể David cũng đã từng nghĩ như vậy”.

“Anh để lại một vài vật linh kinh không cần thiết” David nói ra vẻ bất cần khi chỉ tay về một hộp carton trên bàn. “Em có thể giữ lại hoặc bán chúng đi bất cứ lúc nào em muốn”...

Khuôn mặt của anh ta thoáng chút luyến tiếc một cách hời hợt, giả tạo khi cúi xuống hôn tạm biệt Andrea “Chúng ta vẫn sẽ là bạn chứ?”

Andrea gật đầu như một cái máy “Vâng, dĩ nhiên rồi!”

“Tất cả thật kinh khủng”. Andrea nghĩ một cách cay đắng khi nàng dõi theo David lái xe mất hút trong màn đêm. Không nước mắt, không la hét, xáo động, chỉ đơn giản là một cuộc chia tay nhẹ nhàng, lịch sự - nhưng ít nhất đã để lại một nỗi buồn, trống rỗng, lạnh lẽo trong lòng nàng.

Rã rời, nàng mở nắp hộp carton mà David để lại. Hỗn độn bên trong là một mớ những vật trang hoàng, những bức tranh, và cục chặn giấy cùng những vật linh tinh vô giá trị khác mà từ lâu David đã không dùng đến.

“Giống như mình”. Nàng nghĩ một cách chán chường rồi vội vã đóng nắp hộp lại. Đó chỉ là một đam mê vô nghĩa, việc đầu tiên của ngày mai là nàng sẽ tổng khur tất cả đi, rồi bằng cách nào đó bắt đầu lại từ đầu.

“Bygones” (Những kỷ niệm đã qua) Andrea mỉm cười âu sầu nhìn tấm bảng hiệu trên cửa sổ một cửa hàng bán đồ cũ. Thật là thích hợp. Trời vẫn còn tối lơ mờ. Những quầy hàng được đánh số lẻ với những đồ vật lạ lẫm không liên quan nhau! Những hình nhân bằng sứ, những cốc uống trà lớn, đồng hồ cổ và cả đồ nữ trang rẻ tiền. Andrea nhìn lướt qua các bảng hiệu rồi giật nảy mình khi một chàng trai trẻ dong dỏng cao với những lọn tóc xoắn xuất hiện từ căn phòng sau:

“Liệu những vật này có ích cho ngài chăng?”

Nàng nhẹ nhàng hỏi, rồi đặt cái hộp lên quầy hàng. Chàng trai trẻ nhìn nàng một cách thích thú.

“Ồ là những gì vậy?”

“À chỉ là một vài đồ vật nhỏ mà người bạn...Ừm... cùng phòng tôi để lại.”

Nàng không đủ can đảm để dùng từ “người bạn trai cũ”. Không!

“Hay đấy, để tôi xem nào!”

Chàng trai bắt đầu mở hộp và bối chọn ra ngoài một vài mẫu tin và đọc nó một cách thân thiện.

Theo bản năng Andrea ngoảnh mặt đi, nàng cảm thấy bị xúc phạm trước cảnh tượng đồ đạc của David bị lục lọi như vậy.

“Những vật dụng này nói lên gì chẳng?”. Đột nhiên anh ta hỏi. Andrea cau mày “gì cơ?”.

“À không có gì”. Anh ta đáp một cách tử tế. “Tôi có thể thấy việc này gây đau khổ cho tâm hồn cô. Hình như người đàn ông này có ý nghĩa hơn là một người bạn cùng phòng, đúng không?”

Andrea đành mặt lại đáp trả: “Thật nực cười. Ngài ở đây là để phục vụ khách hàng hay để điều tra tâm lý”.

“Ai nói là tôi không thể kiểm cả hai cơ chứ” Anh ta mỉm cười “Đây là nơi lí tưởng để quan sát mọi người. Ngôn ngữ của thể xác cũng có thể tiết lộ rất nhiều điều đấy, thưa quý bà!”

Sau khi đóng nắp hộp lại, anh ta chốt kết thúc với một giọng hối lỗi “Xin lỗi, tôi chỉ có thể đưa cô 20 đôla”.

“Thế là đủ”.

Andrea ngập ngừng, chú ý đến một cái hộp đựng tiền quyen góp từ thiện trên quầy hàng. “Cho tất cả vào cái hộp kia”. Nàng chốt bốt đồng nói.

“Cảm ơn. Tính hào phóng đó liệu có cho phép cô dùng với tôi một tách cà phê hảo hạng không?”. Anh ta mỉm cười và hoàn toàn tự nhiên với tay đựng bình cà phê “và một cái bánh ngọt nữa nhé”. “Tôi hứa sẽ không hỏi bất cứ điều gì khi cô đang uống đâu”.

“Ồ, không, cảm ơn. Tôi còn nhiều việc phải làm”. Chùm chuông cửa reo lên lạnh lạnh một cách nhạo báng, giễu cợt khi Andrea bước xuống đường.

“Nhiều việc phải làm”. Thật là nực cười! Bóng chiều trải rộng trên đầu nàng, cũng tro tro, u buồn và trống trải như chính tâm hồn nàng.

...Đêm đó, Andrea nằm thức trắng, nhìn chăm chăm vào bóng tối và nhớ lại vòng tay ấm áp của David.

... Những tình cảm nồng nhiệt giữa họ không thể hàn gắn tất cả những rạn nứt bắt đầu xuất hiện trong mối quan hệ của họ. Nàng nhận thấy nó chỉ là cái mặt nạ, tạm thời đánh lừa hạnh phúc và che giấu những đổ vỡ. Sớm muộn những rạn nứt đó cũng sẽ sâu hơn và ngày càng khó lòng giải quyết. Andrea biết điều đó quá rõ.

Nhưng tối nay, nàng lại nhớ đến David.

Gần một tuần sau, Andrea lại đi bộ qua cửa hàng Bygones. Dù là trong ý nghĩ, nàng cũng ít khi nhìn thoáng qua, cho đến khi nàng nghe tiếng chuông cửa và một giọng nói cất lên:

“Chờ tôi đã nào!”

Andrea nhìn quanh. Chủ hiệu Bygones đang hồi hả chạy về phía nàng.

“Tôi có thể nói nhanh với cô một vài điều được không?” Anh ta hỏi một cách dễ chịu, nắm lấy tay nàng và dẫn vào quầy hàng. “Tôi là Tom”.

“Lại một lời thỉnh cầu quen thuộc” nhưng Andrea không nói gì. Nàng có cảm giác lại bắt đầu một trò tán tỉnh mới.

Nhưng nàng không phải lo lắng nhiều.

“Đó là chuyện kinh doanh”. Tom giải thích như thể đọc được ý nghĩ của nàng. “Là thế này, một trong những

cái giá cắm nển trong hộp carton hôm nọ đã trở nên có giá trị”.

Andrea nhún mày: “Ồ!”

“Đừng quá ngạc nhiên thế. Tôi không nói là tiền triệu đâu, tôi xin lỗi” Anh ta nhanh chóng bổ sung. “Nhưng chắc chắn khoảng bốn... không... có thể là năm trăm đô la. Tôi có một khách hàng rất thích nó, một người sưu tầm đến từ thị trấn”.

Andrea im lặng một lúc lâu. Sau đó, nàng vui mừng nói: “Anh thật là tốt bụng, Tom ạ. Lẽ ra anh có thể im lặng và dễ dàng bỏ túi riêng”.

Tom nhún vai: “Tôi chỉ muốn tâm hồn thanh thản mà ngủ ngon mỗi tối thôi. Hơn nữa, tôi đoán là cô đang buồn và điều đó không thể che giấu những người như tôi”.

Andrea ra vẻ nhăn mặt “Lại ngôn ngữ của thể xác hả?”

“Cả những cái khác nữa kia”. Tom với lấy ấm đun nước, đưa tay lên trước khi nàng kịp từ chối. “Nào, tôi nghĩ là cả hai chúng ta đều xứng đáng được thưởng thức cả phê đấy. Trong khi uống, tôi sẽ im lặng”.

Andrea trầm ngâm im lặng khi Tom lấy hai cốc uống cà phê bằng gốm từ tủ chén bát.

“Tôi luôn trông có vẻ âu sầu à?” Cuối cùng nàng hỏi.

“Ồ, cô luôn che giấu điều đó rất tài tình”. Tom lầu lỉnh đáp lại. “Nhưng tôi làm việc ở đây đã rất lâu đủ để hiểu những biểu hiện đó khi cô đi đến đây với cái hộp đầy những kỉ vật kia. Tôi biết là cô đang cố gắng xóa bỏ

mọi dấu tích cuối cùng của người đàn ông vừa đi khỏi cuộc đời cô”.

Andrea không nói gì.

“Cô biết là cô cảm thấy dễ chịu hơn khi không có anh ta”. Đột nhiên Tom nói.

Andrea nhìn thẳng vào mặt Tom, má nàng bừng đỏ tức giận khi nghe những lời nhận xét trắng trợn của Tom.

“Làm sao anh có thể nói như vậy trong khi anh không biết tí ti về anh ta, về tôi?”.

“Xin lỗi, xin lỗi” Tom giơ tay lên như thế đầu hàng. “Điều đó thật nằm ngoài mong đợi”.

“Dù sao đi nữa, anh cũng thật sai lầm”. Andrea nói một cách đắc thắng. “Tôi không xóa bỏ mọi kỉ vật của David ra khỏi đời tôi. Chúng tôi đã đồng ý giữ mãi tình bạn”.

“Ừm... hừm”. Tom nhìn nàng một cách nghi ngờ, giễu cợt. “Nếu cô hỏi tôi thì tôi cho rằng một cuộc chia tay trong sáng vẫn hay hơn cả. Cô biết đấy, thật sai lầm trầm trọng khi chúng ta cứ cố níu kéo quá khứ”.

“Điều đó thật kì khôi”. Andrea phản lại. “Khi được khuyên bởi ông chủ hiệu cái cửa hàng Bygones này”. Tom cười nhạo “À”, ra vậy đấy. Nhưng, đây vẫn là nơi được mọi người quan tâm nhất đấy. Tôi vẫn là một người hoàn toàn tin cậy. Gặp tôi vẫn là cách duy nhất để rũ bỏ những kỉ vật”.

“Nếu đơn giản chỉ là thế”. Andrea thở dài. “Rũ bỏ quá khứ, bằng lòng với hiện tại,... và không một quá khứ đau buồn nào có thể giữ anh nhìn lại”.

“Trông cô dễ chịu hơn rồi đấy?”

Tom mỉm cười, chạm cốc cà phê với nàng. “Nào, bây giờ tôi muốn đề nghị nâng cốc chúc cho những ngày tươi sáng ở phía trước”.

“Những ngày tươi sáng ở phía trước”. Andrea thì thầm, mong ước sao đó là sự thật. Sau đó đột ngột nàng quay ngoắt sang việc buôn bán mà Tom đề nghị trước đó, cảm thấy bức bối vì mình đã để câu chuyện đi quá xa.

“Thế này nhé, về cái chân nến ấy”. Nàng nói nhanh. “Tôi sẽ gọi điện cho David và nói cho anh ấy biết giá trị của nó. Nếu anh ấy đồng ý bán, tôi sẽ gọi lại cho anh”.

“Tại sao không để tôi gọi cho anh ta nhỉ?” Tom đề nghị. “Trong trường hợp này, điều đó có thể bất lợi cho cô”.

Andrea lại nhìn thẳng vào mắt anh ta, ngạc nhiên bởi sự lo lắng tràn đầy trong đó. “Không cần đâu, tôi đã bảo mà, chúng tôi vẫn là bạn”.

“À đây là số điện thoại của tôi”. Tom viết ra một mẩu giấy, sau đó đưa cây bút cho nàng. “Tôi có thể có số điện thoại của cô không? Có lẽ tôi cần nó để liên lạc lại với khách hàng”.

Andrea ngập ngừng, cuối cùng nàng cũng viết tên và số điện thoại của mình.

“Cẩn thận nhé” đột nhiên Tom nói khi nàng chuẩn bị ra về. Nàng quay lại “Gì cơ?”

“À, không, không có gì. Chúc may mắn!”

Andrea tiến đến gần điện thoại, tay run run quay số. Mặc dù ban đầu cố tỏ ra bạo dạn nhưng ý nghĩ phải liên

hệ với David cứ luẩn quẩn trong đầu nàng với bao nỗi sợ hãi lo âu:

“David sẽ chào đón mình như thế nào đây? Lạnh nhạt hay vẫn bực bội khó chịu?”.

Nhưng cuối cùng nàng cũng tập trung đủ nghị lực để gọi cho David. Và, thật bất ngờ, David trả lời nàng hoàn toàn với giọng ngạc nhiên, vui vẻ:

“Ôi, Andrea! Thật là tuyệt khi lại được nghe giọng em”.

“Nghe em nói đây, David”. Nàng đánh liều. “Anh có thể ghé vào đây một lúc nào đó không? Chúng ta cần bàn luận với nhau một số vấn đề”

“Tại sao anh lại không đến chỗ em ngay bây giờ nhỉ?”

David nói.

Andrea ngập ngừng. Nàng không hề trông đợi điều này. “Ừm, em đang nấu dở một số món ăn”.

“Ồ anh hiểu”.

Andrea có thể nghe thấy giọng David kéo dài. “Có lẽ cả tuần nay anh ấy chỉ dùng thức ăn mua sẵn”. Nàng nghĩ, và một ý nghĩ liêu lĩnh chợt vụt qua trong đầu nàng.

“Ồ không, đừng làm điều đó”. Một giọng nói vang lên rần rề, nhưng sức cảm dỗ của sự liêu lĩnh lại quá mạnh mẽ.

“Em nấu đủ cả cho hai người đấy. Nếu muốn, anh có thể dùng bữa tối với em”. Nàng ngạc nhiên nghe mình nói.

“Tại sao lại không nhỉ?” Nàng cố tìm lí do thuyết phục mình khi David đã đồng ý nhiệt tình như vậy chứ. Có gì là sai trái khi hai người bạn cùng nhau dùng bữa tối chứ?

Khi nàng đặt ống nghe xuống, một làn sóng với bao ước ao tuyệt diệu chợt lướt nhanh qua. David nhớ nàng, điều đó thật quá rõ ràng và bây giờ họ lại sắp cùng nhau dùng một bữa tối thân mật chỉ có họ.

Một cách đầy chủ ý, nàng vội chạy lên lầu trang điểm. Khi nàng mặc vội vào chiếc váy bó sát màu đen tuyệt đẹp và xúc khắp người loại nước hoa đầy quyến rũ, nàng biết đích xác chuyện gì sẽ xảy ra.

Tối nay, họ sẽ lại đoàn tụ. Chưa bao giờ trong đời nàng, nàng cảm thấy chắc chắn như vậy.

David đã trải qua một tuần sống hoàn toàn đơn độc và có lẽ như vậy đủ cho anh ấy nhận ra quyết định sai lầm của mình. Và bây giờ, lời hứa đó của David thật hấp dẫn...

Chuông điện thoại đột nhiên reo lên, cắt ngang ý nghĩ của nàng "Ôi, lạy Chúa, David xin đừng hủy bỏ cuộc hẹn".

"Xin chào Tom đây! Từ cửa hiệu Bygones" Andrea thở hắt ra, cảm thấy đỡ chóng mặt hơn. "Tôi chỉ muốn báo cho cô biết là khách hàng của tôi ngày mai sẽ tới đây". Tom đột nhiên hăm hở, "vì vậy cô cố gắng thông báo câu trả lời của David vào sáng mai cho tôi nhé".

"Vâng, được rồi". Andrea hứa, rồi vừa kẹp điện thoại vào cằm nàng vừa đeo bông tai. "Tối nay David sẽ đến đây ăn tối, chúng tôi sẽ nói về chuyện đó".

"Anh ta sắp đến đấy à?" Tom lo lắng thốt lên. Nhưng cô không phải... Tôi muốn nói là cô có thể thảo luận chuyện ấy qua điện thoại cơ mà!"

Andrea cố tưởng lơ một cách khó khăn, nàng không thể tin được những gì mình đang nghe. Người đàn ông lạ lẫm này hầu như đang cố gắng can thiệp vào cuộc sống riêng tư của cô. Có thể anh ta ghen tị với David nhưng dù sao, anh ta cũng đã đi quá trớn.

“Tôi sẽ gọi lại cho anh vào ngày mai”. Nàng lạnh lùng nói. “Và thông báo cho anh biết anh ấy muốn gì. Tạm biệt!”.

Thật là một người đàn ông táo tợn - nàng phần uất nghĩ rồi treo máy.

“Ồi!”, David đứng trên bậc tam cấp, nhìn Andrea không chớp mắt với vẻ thán phục thực sự. “Trông em thật là xinh đẹp!”

“Cảm ơn anh, David!”

“Cảm giác này giống hệt như ngày đầu gặp gỡ”. Nàng nghĩ, mặt ửng hồng vì e thẹn.

“Anh mang đến một ít rượu vang”, David nói rồi đưa cho nàng. “Thứ mà chúng ta thích nhất đấy”. Tim Andrea đập rộn lên mừng rỡ “Thứ mà chúng ta yêu thích nhất” David nói cứ như thể họ vẫn còn là một đôi tình nhân.

Tất cả sau đó đều diễn ra như những gì trong quá khứ khi họ cùng nhau nói chuyện, đùa giỡn và thưởng thức bữa tối tuyệt vời mà Andrea đã chuẩn bị. Andrea có cảm giác như giữa họ chưa từng có một rạn nứt nào.

“Tình yêu giữa mình và David vẫn mãnh liệt như xưa”. Nàng thích thú nghĩ khi tay David vô tình chạm phải người nàng và cứ để như vậy mãi. “Tại sao không

thể quay lại với nhau chứ khi mà tình cảm giữa mình và David vẫn còn quá sâu sắc”.

“Anh nhớ em nhiều lắm!” David thì thầm, khe vuốt má nàng.

“Ôi David!” - Andrea nhắm mắt lại, đợi chờ.

Nhưng thật là kinh khủng. Nàng nghe chuông cửa reo, phá vỡ cái khoảnh khắc êm ái đó. Theo bản năng họ cùng giật mình. Mạch đập của Andrea vẫn đang đập rộn ràng khi nàng ra mở cửa. Khi nhìn thấy đó là ai, nàng không thể thốt nên lời. Tom đang đứng trên bậc tam cấp.

“Tôi không thể tin được”. Nàng giận dữ nhìn Tom, hốt hoảng khi nghe bước chân của David ở phía sau.

“Xem kìa, Tom...” Nàng bắt đầu một cách sống sượng “Đã quá khuya để...”

“A! Xin chào! Chắc hẳn anh là David”. Tom bắt tay David một cách thân thiện. “Andrea báo cho tôi biết là tối nay anh ghé sang đây. Vì vậy, tôi nghĩ mình nên đến đây để bàn với anh về chuyện cái giá cấm nển đó, giữa hai người đàn ông với nhau”. Anh ta mỉm cười. “Nếu em đồng ý, Andrea...”

“Ừm..., à, vâng!” Andrea thở dài. Làm sao một người lại có thể quá vô tâm như vậy chứ? Chắc hẳn anh ta biết mình đang nhúng mũi vào chuyện gì? Nhưng, giờ đây anh ta đang lưng thưng bước vào phòng khách tán chuyện thân mật với David.

“Em sẽ pha một ít cà phê cho chúng ta”. Nàng nói một cách khó chịu, cầu mong tổng khứ Tom càng sớm

càng tốt. Nàng chỉ hi vọng David đừng hiểu lầm và mọi việc suôn sẻ...

Vài phút sau, khi nàng bước vào phòng khách, David và Tom đang bắt tay nhau. “Mọi việc như vậy là xong”. Tom nói. “Đó thật sự là một vụ làm ăn dễ chịu cho em đấy”.

“Cảm ơn!”

Đột nhiên, David tiến lại phía Andrea “Bây giờ anh thật sự phải về rồi”. Anh ta nói, tất cả vẻ lãng mạn nơi gương mặt lúc này đã biến mất. “Cảm ơn em về bữa tối thật tuyệt”.

“Sao cơ?” Andrea hoang mang vội vã tiến về phía David, “Ồ”, David. Đó không phải là như anh nghĩ đâu. Tom chỉ là ...”

“Anh phải đi, Andrea ạ?”

David lịch sự hôn lên má nàng và bước nhanh ra cửa. Andrea đứng bất động một lát, cảm lạnh. Sau đó, giận dữ nàng quay sang Tom. “Sao anh có thể làm tiêu tan buổi tối của tôi như vậy chứ?”. Giọng của nàng run rẩy, uất nghẹn. Nàng ghì mình lại để khỏi phải bật khóc. “Anh không thấy những gì đang diễn ra giữa hai chúng tôi ư? Chúng tôi có thể quay trở lại với nhau nếu anh không đến và làm hỏng tất cả”.

“Tôi xin lỗi”. Tom lúng túng.

“Anh đi đi, đi ngay khỏi đây”. Nàng giận dữ chỉ ra cửa. Đột nhiên, ngưng bật, nàng nhìn thấy một bì thư trên tấm thảm.

“Gì đây nhỉ?”. Nàng thăm thì, khẽ nhặt lên. “Chắc hẳn nó rơi ra từ túi của David khi anh ấy...”

“Vứt nó đi”. Tom nhảy lại chỗ nàng và cố gắng giật lấy bức thư. “Đó là của tôi!”

“Không. Địa chỉ của David”. Andrea cau mày nhìn Tom”.

“Chuyện gì xảy ra vậy? Tại sao anh muốn giấu tôi?”. Tò mò, nàng mở phong bì để rồi sững sờ rớt phịch xuống ghế. “Đó là thư của Malanie Philips, bạn gái cũ của David”. Nàng thở dài nhận ra nét chữ viết tay. “Cách đây hai tháng”. Nàng không thể đọc tiếp được nữa, chỉ một, hai dòng đầu đã quá đủ. “David thân yêu! Cảm ơn anh về ngày nghỉ cuối tuần tuyệt diệu đó. Bao lâu nữa thì bọn mình lại trốn đi chơi?...”

“Tôi tìm thấy nó được giấu trong ngăn đáy của cái hộp vào ngày em mang nó đến cửa hàng”. Tom giải thích một cách nghiêm nghị. “Chắc hẳn David để nó lẫn lộn giữa đồng đồ vật vô giá trị”.

“Và bây giờ anh đến đây để trả lại cho David”

Tom gật đầu. “Tôi đoán đó là lí do tại sao anh ta nhanh chóng bỏ đi. Có thể anh ta nghĩ tôi đã kể với em bí mật này”.

“Nhưng anh đã không”, Andrea trầm ngâm. “Anh đã giấu nó để không làm tổn thương em”. Nàng ngừng lại, lắc đầu hoài nghi. “Vì vậy, anh đã cố gắng ngăn cản em quay trở lại với David bởi anh biết rằng David đã lừa dối em, phải không?”

Tom gật đầu nghiêm nghị. “Ngay cả em khi nói rằng David sẽ đến đây tối nay, anh đã quyết định là mình phải làm một điều gì đó để ngăn cản mặc dù anh biết em sẽ căm ghét anh vì điều đó”.

“Anh biết đấy, em không thể mang ý nghĩ là anh... à... có thể tha thứ cho em được, Tom ạ!”

“Tha thứ”, Andrea ngập ngừng. Thật là một từ đau khổ nhưng lại thích hợp một cách kinh khủng. “David và mình luôn có những ý thích trái ngược nhau”. Nàng bình thần nghĩ. “Và những gì xảy ra tối nay là điều tất yếu”. Làm sao nàng có thể quá trễ thơ mơ đến một giấc mơ hồng về một kết thúc có hậu trong ngày cưới. Đáng lẽ nàng phải nhận ra điều đó từ lâu để kế hoạch của David tối nay kết thúc sớm hơn nhiều. Những kí ức, những tình cảm nồng cháy mãnh liệt nhanh chóng ủa đến, hơi hột ác độc xây dựng bao ước ao trên hi vọng của nàng, rồi bỏ đi, để lại nàng với một trái tim tan vỡ.

Và Tom đã cứu vớt nàng lên từ đó...

Andrea nhắm mắt lại, chờ đợi nỗi đau đến với nàng. Nhưng, nàng chỉ cảm thấy một cảm giác lạ lẫm, nhẹ nhàng như một sự khuây khỏa. Mọi xích xiềng trời buộc nặng nề như thể đã bị cắt đứt, tung nàng lên bay bổng, bay ra khỏi những giấc mơ hão huyền ràng buộc nàng với ý nghĩ quay trở lại với David. Tự do. Có lẽ cuộc đời nàng sẽ lại bắt đầu...

“Ôi Tom!” nàng nhẹ nhàng thầm thì. “Bức thư có lẽ là vật tốt nhất để xóa đi mọi huyền hoặc trong em. Anh đã đúng. Một cuộc chia tay trong sáng vẫn tốt hơn nhiều không níu kéo kí ức...”

Nàng chợt ngừng, đột nhiên cảm thấy bên lên.

“Điều đó nghe có vẻ không hoàn chỉnh lắm” Tom nói đầy ý nghĩa, tiến lại gần và nắm chặt tay nàng trong tay

mình. “Có lẽ chúng ta nên làm lại nửa kia của cuộc đời bên nhau”.

“Vâng...” Andrea mỉm cười với Tom, một làn sóng hạnh phúc đang dâng trào trong lòng khi nàng cảm thấy quá khứ đã phai mờ trong kí ức.

Cuộc đời vẫn quá mới mẻ, và nàng vẫn còn một quãng đời dài để sống. Nhưng, những tia nắng ấm áp trong mắt Tom đang bảo với nàng rằng những ngày tươi sáng đang ở phía trước và rất gần đây.

Trần Nhật Lệ dịch

NGÔI NHÀ CÓ MA

Virginia Woolf

Nhà văn Anh – Giải thưởng khu vực

Dẫu bạn thức giấc vào bất kì giờ khắc nào thì cánh cửa vẫn đang khép lại. Họ đi từ phòng này sang phòng kia, tay trong tay, nhắc cái này, mở cái kia, chắc chắn... một đôi vợ chồng mà.

“Ta để nó ở đây,” vợ bảo. Và chồng tiếp lời, “Ồ, nhưng đồ nghề ở đây”. “Ở trên gác,” vợ thì thầm. “Và trong vườn,” chồng khẽ nói. “Yên nào,” họ nói, “nếu không ta sẽ làm mọi người thức giấc.”

Nhưng đây không phải là nguyên nhân bạn làm chúng tôi thức giấc. Ô, không.

“Họ đang tìm nó; họ đang kéo rèm,” một người có thể nói, và thế là tiếp tục đọc một, hai trang. “Bây giờ họ đã tìm thấy nó,” một người hẳn sẽ khẳng định, đang dùng bút chì trên mép giấy. Và rồi, mệt mỏi do đọc, một người có lẽ đứng dậy, nhìn ngắm một mình, ngôi nhà trống rỗng, những cánh cửa đang mở, chỉ có đám chim câu rừng đang nhặng lên và tiếng o o của máy đập lúa từ nông trại vọng đến. “Mình đến đây làm gì? Mình muốn tìm kiếm cái gì?” Tay tôi trống rỗng. “Vậy thì chắc nó ở trên gác?” Táo để ở trên gác. Rồi lại trở xuống, khu vườn vẫn tĩnh lặng như mọi khi chỉ có cuốn sách trượt nằm trên cỏ.

Nhưng họ đã tìm thấy nó trong phòng khách. Chẳng ai có thể nhìn thấy họ. Kính cửa sổ phản hình mấy quả táo, bông hồng; lá cây xanh rờn trong kính. Nếu họ vào phòng khách thì táo sẽ chuyển sang phía màu vàng của nó. Nhưng nếu lát sau, cửa mở ra, quét trên sàn, tựa vào tường, đèn chùm trên trần... thì gì nhỉ? Tay tôi trống không. Bóng của con sơn ca vút qua thẳm; Từ dưới những cái giếng lạng cam sâu nhất chú bồ câu rừng cất lên lời. “Bình yên, bình yên, bình yên” mạch của ngôi nhà khê đập. “Tài sản đã chôn; căn phòng...” mạch dừng lại một lát. Ô, đây là tài sản được chôn sao?

Lát sau ánh sáng phai dần. Vậy thì ở ngoài vườn chẳng. Nhưng vườn cây đã quây một giọt nắng lang thang trong bóng tối. Rất tuyệt, rất hiếm, cái lạnh chìm bên dưới bề mặt bóng nắng tôi thấy luôn bốc cháy sau tấm kính. Cái chết là tấm kính; cái chết ở giữa chúng tôi, đến với phụ nữ trước tiên, hàng trăm năm trước, rồi bỏ ngôi nhà, niêm phong tất cả cửa sổ; những căn phòng tối đen. Hấn rồi bỏ nó, rồi bỏ nàng, đi lên phương Bắc, đi về phương Đông, thấy những ngôi sao đổi hướng trên bầu trời miền Nam; tìm kiếm ngôi nhà, tìm thấy nó rơi xuống vùng đồi đá vôi. “Bình yên, bình yên, bình yên,” mạch của ngôi nhà đập vui vẻ. “Gia tài của bạn.”

Gió rộ trên đại lộ. Cây cối rạp xuống ngã nghiêng. Ánh trăng lấp lánh nháy nhót hoang dại trong mưa. Nhưng ánh đèn vẫn cứ từ cửa sổ chiếu thẳng ra. Ngọn nến bình thản cháy. Lang thang qua ngôi nhà, mở cửa sổ, thì thảo để không làm chúng tôi thức giấc, đôi vợ chồng ma đang tìm kiếm trò vui.

“Chúng mình đã ngủ nơi đây,” vợ nói. Và chồng tiếp lời. “Hôn nhiều đến không đếm xuể.” “Đi dạo buổi sáng...” “Bạc ở giữa vườn cây...” “Trên gác...” “Trong vườn...” “Khi mùa hè đến...” “Trong mùa đông tuyết rơi...” “Những cánh cửa đang đóng đằng xa kia, nhẹ nhàng gõ hết nhịp tim.” Họ đến gần hơn, dừng trước những cửa. Gió đổ, mưa quăng ánh bạc lên kính. Mắt chúng tôi tối đen chúng tôi không còn nghe tiếng bước chân bên cạnh, chúng tôi không nhìn thấy phu nhân vung chiếc áo choàng ma quái của nàng. Tay chàng che ngọn đèn lồng. “Nhìn kìa.” Chàng thì thầm. “Tiếng ngủ. Tình yêu đọng trên môi.”

Cúi xuống, đưa ngọn đèn bạc lên chúng tôi, họ nhìn thật kĩ và thật lâu. Họ dừng lại lâu. Gió thổi mạnh; ngọn đèn khê chao. Ánh trắng dài chiếu qua sân và tường, và gặp, nhuộm những khuôn mặt đang cúi xuống những khuôn mặt trầm ngâm; những khuôn mặt quan sát những người ngủ và tìm kiếm trò chơi đang ẩn nấp của mình.

“Bình yên, bình yên, bình yên,” trái tim của ngôi nhà đập tự hào. “Nhiều năm...” chồng thở dài. “em lại tìm thấy ta.” “Ở đây,” vợ thì thầm, “đang ngủ đang đọc trong vườn; cười vang, lăn tảo vào trong nhà. Nơi đây chúng mình đã để lại gia tài...” Cúi mình, ánh sáng của họ nhắc sự thiếu cận trên mắt tôi. “Bình yên? Bình yên! Bình yên?” mạch của ngôi nhà đập nhanh. Thức giấc, tôi kêu lên “Ôi, đây là tài sản được chôn giấu của mày ư? Ánh sáng trong tim.”

Lê Huy Bắc dịch

THẰNG BÉ NGÃ TỪ ĐỘ CAO 12 MÉT

Elizbeth Graver
Nhà văn Mỹ – Giải thưởng O' Henry

Cô bé mà nó yêu nhanh nhẹn và rụt rè, nhỏ bé nhất lớp. Thường thì cô bé chẳng nói gì, nhưng một hôm cô đã mở miệng và rống lên khi thầy giáo - lúc đó đang là giờ học tiếng Pháp - hỏi cô làm gì vậy và cô liền đáp bằng tiếng Pháp: Thưa thầy em là con sư tử. Và thế là nó muồn ngửi mùi hơi thở của cô bé và đặt tay lên cổ họng găm gờ của cô.

Thằng bé mà nó yêu học ở lớp phía trên và từ đất nước Ả Rập xa xôi đến đây, tên nó là Rachid. Khi những đứa khác mặc màu xanh nước biển, thì Rachid mặc màu đỏ. Khi những đứa khác cắt tóc ngắn, thì Rachid để mở tóc quăn của mình dài quá tai. Khi những đứa khác túm tụm trước một trận đá bóng, quàng tay lên vai nhau và gào lên thì thằng bé Ả Rập đứng một mình và nhắm mắt lại, và có nó thì bao giờ chúng cũng thắng.

Thằng bé không hiểu tại sao ai cũng có thể chạy nhanh như thế, Rachid khuấy động cả sân bãi. Nó không biết tại sao người ta có thể bám sát quả bóng và lia nó bay theo một đường cong, nhẹ nhàng vào lưới như thế. Cuối cùng thì điều đó không quan trọng bởi vì niềm hạnh phúc suýt làm nó ngạt thở khi nó lao ra và biết

rằng chẳng còn gì phá được bàn thắng của nó nữa. Nó hít lấy mùi chua đan quyện của cỏ và bùn, nó nhẩy cẫng lên cùng những thằng bé khác. Sau đó, lúc ngồi trong phòng kín so sánh các vết thương, chúng cùng hát với nhau, bài hát ở trường, hoặc thứ gì đó tục tĩu, hoặc bản Thánh ca nhuộm màu châm chọc. Đối với thằng bé chỉ có vài thứ so được với điều đó: thử chân vào đôi giày mới, vặn mẩu vỏ cam cho tới khi nó phọt nước ra, ngủ quên trong xe hơi và mùi xăng. Có quá nhiều chuyện để nghĩ tới và cũng có quá nhiều cách để tẩy nó ra khỏi đầu, -nó nghĩ. Bác nó vẫn hay nói với mẹ nó như thế này: "Hãy đi xem phim, đi cắt tóc, làm thứ gì đó để đẩy nó ra khỏi đầu". Và nó hình dung đầu mẹ nó giống như cái khay đựng bữa sáng, văng lại ở giữa vì sử dụng quá tải.

Ở nhà một mình trong phòng, nó thường đặt tay lên đỉnh đầu, xoa dọc xuống mặt, qua bộ ngực lép, xuống đầu gối và xuống chân. Đôi khi nó nằm xuống sàn và cố cơ chân vắt ra sau cổ như kiểu Người Vận. Nó có khá nhiều thời gian để làm việc này và chắc chắn rằng cuối cùng sẽ thành công.

Mẹ nó có một việc làm có thể kiếm tiền cho gia đình. Nhưng, mẹ nó nói, công việc thư ký buộc bà phải suy nghĩ đôi chút tới son môi, tất và kiểu tóc. Bà có cái máy vi sóng, nhanh và đơn giản, một ít nhựa thông đáng để đun nước nóng cho bồn tắm -phương thuốc duy nhất để chữa đau cơ và tẩy bụi bặm của thành phố. Thường thường họ lên giường ngủ cùng một lúc, sau đó mẹ nó thường nằm trong phòng để xem một bộ phim tâm lý hoặc phim phương tây cũ nào đó trên ti vi. Một lúc sau

các giọng nói làm nó tỉnh giấc và ngỡ ngác không biết ai nói chuyện trong nhà nó thế nhỉ.

Ở trường, thầy cô giáo thấy nó dễ thương và dễ sai bảo, thường họ nhờ nó mở cửa sổ, đóng rèm, hoặc xóa bảng. Nó làm mọi việc đó với nụ cười gượng ép và đầu nó nghĩ tới cô bé sư tử hoặc thằng bé A Rập hoặc việc gì khác. Cứ mỗi lần biết hoàn cảnh của nó các thầy cô giáo lại tìm cách nói chuyện với nó ở ngoài lớp học, nhưng mắt nó thường lơ đãng nhìn cửa sổ hoặc cửa ra vào và nó trả lời : “Em khỏe, bà cũng khỏe, ông ấy khỏe, chúng em khỏe cả”, cứ như đang chia động từ. Mẹ nó thường để lại mẫu giấy “Chào con. Trở về nhà lúc chín giờ, có phim đặc biệt trên ti vi vào lúc 8 giờ” hoặc “Đừng trả lời điện thoại vì có thể đó là người của công ty bảo hiểm”. Đôi khi bà mang từ nơi làm việc về cho nó cây bút. Khi từ bệnh viện về đến nhà, bà bước vào và nói chúc ngủ ngon và tỏ thái độ cảm kích vì nó quả đã trưởng thành, giỏi chịu đựng bởi vì theo lời bà nói thì thêm bất cứ chuyện trục trặc gì xảy ra, bà sẽ vỡ tung ra mất, nó không thể tưởng tượng ra điều đó.

Khi bà mang nó theo, điều này không thường xuyên lắm, nó mua kẹo trong cửa hàng và lê đôi giày qua các sàn nhà bóng loáng. Một hôm cô hộ lý đưa cho nó cái gang tay phẫu thuật bằng cao su, nó thổi phồng lên như cái vú bò. Một người phụ nữ ngồi trên xe đẩy vẫy nó xuống và đề nghị kể chuyện Bessie Bò. Thằng bé nói rằng nó không biết, nó cảm thấy lúng túng và ngượng ngập, tuy nhiên, nó vẫn đứng như hóa đá với chiếc gang tay phồng. Nó cực kỳ tò mò muốn biết kia có phải là

chân bà ta không, hay là một cái gì đó vô hình? Người đàn bà mỉm cười, đầu không động dấy. Bà ta hỏi tên nó, và nói những từ rời rạc. Nó muốn hát tung tấu vài phủ trong lòng bà ta, nhưng mẹ nó đã tới và xin lỗi người đàn bà, quả trách nó sao không đọc truyện vui ngoài ghế đá. Đó là lý do tại sao mà trẻ con chỉ thỉnh thoảng mới được đến thăm nơi đây thôi. Nhân viên ở đây sợ rằng chúng sờ mó thứ gì đó hoặc làm ồn.

Đến khi vào ban đêm thằng bé cuộn tròn ôm lấy chiếc gối, đôi khi nó chơi đồ chữ và lẩm bẩm một mình: “Ông già mình đang đá xô, bố mình sẽ đi xa, cha mình sẽ chết sớm”. Ở trường chỉ có mỗi mình nó là như thế, nó nghĩ, mặc dù không chắc chắn lắm. Nó thường tưởng tượng rằng nó sống một mình và gần như đúng sự thật. Xưa nay nó vẫn luôn sống một mình. Một lần nó đọc chuyện về những người da đỏ Maya đang đợi ngày tận thế, nó nhận ra rằng cuộc sống của nó đã trở nên lạnh lùng và căng thẳng như quả bóng bay. Đó là vì nó đã lên tám tuổi cách đây vài năm. Cơ thể nó đã bắt đầu khiến nó tỉnh giấc vào ban đêm, và các cơ thể của bố nó bắt đầu gặm nhấm từ bên trong ra, từ đó trở đi nó bắt đầu lặng lẽ chờ đợi mọi thứ chấm dứt và bắt đầu.

Ra khỏi trường, nó đưa mắt tìm hai người. Cố tách riêng ra một mình, mặc áo mưa kể cả trong những ngày nắng nhất, Rachid đứng tựa vào bức tường gạch và đợi các bạn, hét toáng lên khi họ xuất hiện, âm ỹ như xe hơi trong đường ngầm và ra về, không thềm nhìn lại phía sau. Thằng bé nghĩ, nhà nó chắc phải đầy người tới mức đi vào chỗ nào cũng không thể không đâm sầm vào ai đó,

có lẽ tất cả bọn trẻ con ngủ trên một chiếc giường lớn. Cô bé sử tử thì có một anh trai học cao đẳng, một lần ở lớp cô ta đã nói thế. Nếu cô ta mà ăn nhiều đường quá, thì sẽ có chuyện xấu xảy ra với máu của cô, cô ta sẽ xanh xao, tay sẽ mọc lên mặt và mặt sẽ mọc ở đầu gối. Nó biết nói thứ cô ta mặc, màu các quyển vở, và số khóa của cô bé là : S417. Nó hầu như thành thạo cách liếc nhìn con bé, nhưng khi bị cô ta bắt được thì nó lại ước giá gì mình không nhìn và vương vịu như người ngậm đầu bút chì trong miệng.

Bố nó nói rằng thứ thuốc người ta đưa cho nó sẽ khiến nó cảm thấy nhẹ nhõm và thay đổi cảm giác trên da nó. Vì thế nó băn khoăn không biết nó có mọc lông tơ như quả đào hay không. Trước đây ông ta đã từng là giám đốc của cửa hàng thể thao và bây giờ, thường những lúc không ngủ được, ông nói với cậu con trai rằng ông đang nhắm trang đầu bảng kiểm kê. Thành bé tưởng tượng ra một dây quần áo thể thao, vệt ten nít, đệm hốc cây để bảo vệ các vận động viên va vào nhau.

Xem nó mừng như thế nào khi nó được gặp anh, mẹ nó nói khi chồng bà nhắm mắt lại. - Nó sẽ có một ngày thực sự vui vẻ.

- Con phải đi tắm đây, -thằng bé thì thầm.

- Hãy tạm biệt bố đi.

- Con phải đi, -nó nói và mẹ nó dắt nó ra.

Phần lớn các buổi chiều nó về nhà để đọc các tờ nhắn hàng ngày của mẹ và biết chắc không có gì thay đổi, sau đó nó đội chiếc mũ chơi bóng chày màu vàng bẩn thỉu lên đầu. Người ta không cho nó đội chiếc mũ này ở

trường, nó vươn vai và đi lang thang hay rình mò. Mẹ nó gọi là đi lang thang, “lang thang vô vẩn”, nhưng thằng bé thì thích từ rình mò hơn, giống như một con thú, nghe có vẻ bí mật, cuối cùng sẽ tóm được cái gì đó. Có lẽ nó biết về hàng xóm láng giềng ở đây ít nhất cũng bằng bác đưa thư, hoặc bằng bọn lang thang, hay lũ chó lạc nhìn quanh các góc ngách rồi mới tới.

Một buổi trưa tháng Năm, khi mẹ đi làm, thằng bé ngồi vắt vẻo lên thùng thư, xem xét đế chiếc giày thể thao, nó làm cho lòng bàn chân bên trong mỏng hơn những chỗ khác.

Phải làm gì đó, nó tự nhủ, thế là nó nhảy từ thùng thư xuống, đi vào một cái ngõ và đá chiếc thùng rác, cho tới khi mũi bàn chân tê đi và nó đã làm cho chiếc thùng bẹp một miếng nhỏ.

Gì nữa nhỉ, nó nói một mình. Đi xuống dọc bờ sông, chỗ đó có nhiều chuột. Thế là nó đi qua cửa hàng Trung Quốc, qua các vỉa hè mà ở đó nó trông thấy một ông đang nôn mửa vào bàn tay, qua sân bóng rổ, ở đó đã có lần bố chơi với nó dưới ánh mặt trời nóng. Lúc thằng bé cũng không biết nó có vui sướng với quả bóng màu da cam mới, với buổi chiều dành cả cho thể thao hay không, hay là bối rối trước cái bụng hơi phệ của bố, và việc nó hò hét quá to, bảo bọn trẻ bên sân bên kia rằng quả bóng của họ có thể bay sang đấy nhé.

Thằng bé thọc tay vào túi quần và nghĩ sẽ có một ngày nào đó chỗ này sẽ không còn sân bóng nữa, không còn bóng rổ và tất cả những thằng bé kia sẽ biến hết đi. Nó sẽ

cố gắng biến thành phố này giống như trước kia, chỉ có không khí, một hoặc hai con chó gầy trơ xương và rác.

Nó nhìn thấy một đồng xu trên nắp cống và nhặt lên. Khi nó đi qua chỗ một người đàn bà đang làm kem ốc quế, nó dừng lại xem. Nó nhìn thấy giàn giáo và những người đàn ông đội mũ nặng trĩu và mặc áo dạ, nó vòng lại chỗ người ta không làm nữa và leo lên. Ở tầng thứ nhất, nó tìm thấy một túi giấy đựng bữa trưa của ai bỏ lại. Ở tầng hai nó thấy một đồng đinh ốc vít, bèn thả vào túi một ít. Việc leo trèo nhắc nó nhớ đến cơ thể nó, đôi cánh tay đang kéo nó lên, bàn tay vòng qua những ống sắt ấm ánh mặt trời, hai ống quần bó chặt lấy chân. Nó vượt qua các cửa sổ như một cái bóng và ước lượng độ cao khi nó lên đến tầng năm, sau đó lên tầng sáu, rồi tầng thượng. Tới tầng thượng nó nằm áp xuống những tấm gỗ ram ráp, và ghé mắt nhìn qua các kẽ nứt. Bên dưới nó hình dung ra mọi người đứng thành một vòng tròn - mẹ nó, bố nó, thằng bé Á Rập và cô bé Sư Tử. Bố nó quàng tay giữa mẹ và Rachid, cô bé nhỏ xíu đứng tách riêng.

Bốn gương mặt chụm lại về phía nó như những hành tinh to nhỏ khác nhau, chỉ nằm thu hẹp trong lỗ nứt. Họ tụ tập ở đây để nhìn lên nó, chăm sóc nó. Họ tới đây để thán phục từ xa. Thằng bé lại nhìn xuống dưới và thấy một chiếc taxi, một chiếc xe tải đang đi, một người đàn ông với chiếc xe đẩy mua hàng, một thằng bé đẩy dít một thằng bá khỏe leo lên tường. Nó cúi đầu xuống tấm gỗ để ngửi mùi cô bé, nhưng nó chỉ ngửi thấy mùi nhựa thông. Nó lại ép người xuống sàn lần nữa và cảm thấy trái tim va vào xương sườn nhọn của nó.

Cuối đường hẻm là con sông, gần con sông là khu công trường. Ở đó, nó thường tìm chuột rìa công trường, một chiếc cần cầu văng vươn cổ qua lối đi tạm thời và một cái hố. Một người phụ nữ đang đi dọc lối. Có một chuyện chưa từng có và có lẽ không bao giờ có nữa đã xảy ra. Chiếc cần cầu hạ xuống để nhắc khối kim loại lên, nhưng mất thăng bằng và nhào về phía trước như con chim sắt khổng lồ ba mươi lăm tấn. Tất cả chỉ trong giây lát: vỉa hè nứt toác, khối kim loại nặng nề lao đi, khi bộ cần cầu xô vào tấm gỗ xuống lưng chừng hố. Đất nứt tung tóe. Sau đó nghe có tiếng kéo kẹt, yên lặng trở lại, bộ cần cầu dựa chênh vênh vào thanh gỗ bị đẩy rời khỏi chỗ, đè lên đùi người phụ nữ nằm dưới đất.

Từ trên giàn giáo, thằng bé nhìn thấy ánh đèn vàng và nghe có tiếng đào bới rồi nó nghe thấy tiếng còi rúc và bắt đầu trèo xuống. Lúc nó chạy hết dọc con hẻm tới công trường thì người phụ nữ mở mắt nhìn khối sắt ép lên chân, khiến các giác quan trôi tuột khỏi bà, chúng hoạt động một cách ngu ngốc, đau tới mức bà thấy mình đã bị mang sang thế giới khác.

- Có một bà ở dưới này, - một cậu thiếu niên nói với thằng bé. Và hai đứa cùng những người khác đứng quanh khu vực đã được chằng dây. Vài người đóng đinh, vài người cầu nguyện, người ta đã dẫn tới một linh mục.

Có lẽ, thằng bé nghĩ, họ cần ai đó nhỏ bé và cẩn thận để mang thứ gì đó xuống cho bà ta. Cảnh sát và bác sĩ đã liên lạc được với người đàn bà. Bà ta đã giật sợi dây mà người ta thả xuống hai lần để nói "không, tôi không

thể nhắc nổi chân, giật một lần để nói “vâng, tôi vẫn ổn cả”, giật một lần để nói “vâng linh mục”.

Họ biết là bà ấy còn sống nhưng không biết làm thế nào để chuyển cần cầu đi. Cậu thiếu niên nói và chúng nhòm ngó chiếc máy dựa vào một bên thành hố, tạo thành một góc nguy hiểm, dường như chỉ chực lăn thêm xuống nữa.

- Làm không đúng là bà ấy đi đời, hả?

Thằng bé gạt đầu và lui ra, luồn lách qua đám đông tới mép khu căng dây, nghển cổ ra nhìn.

Mình nhỏ người, nó nghĩ. Mình có thể chui vừa xuống hố mà không có gì khó khăn. Sau đó giúp bà ấy ra. Nhưng khi nó đang ngó xuống hố, thì một cảnh sát đã lòi nó lên, như lòi một con chó dại và bảo nó về nhà.

Thằng bé đứng như pho tượng, như thể nó không nghe thấy gì, viên cảnh sát vẫy tay trước mặt nó.

- Hù, hù, nhóc, ta đang nói với cậu đấy. Trẻ con không được vào chỗ này. Biến đi không ta sẽ cho mì vào đồn.

Thế là thằng bé rời khỏi chỗ người đàn bà và chiếc cần cầu rồi quay lại chỗ giàn giáo nhưng lại đang có người làm việc ở chỗ vừa rời của nó. Nó đi dọc xuống một con hẻm khác, gần về tới nhà, nó đá vào một cái thùng rác rỗng nằm nghiêng khiến nó lăn đi. Sau đó nó nhảy lên trên, mất thăng bằng, ngã, rồi đứng dậy, lại nhảy lên, thăng bằng và ngã xuống con hẻm như một chiếc máy sắp hỏng, tới khi quần áo nó lấm đầy bùn đất các vết sứt sẹo khắp trên má và cánh tay khi tới cuối con

hẻm, nó rẽ sang đường khác và quay lại. Lần này nó nói thầm : “Được rồi ! Được rồi” và nắm chặt chặt hai bàn tay, nó đã tìm được cách.

Vấn đề là di chuyển chân sao cho cùng tốc độ với thùng rác, à không, di chuyển hơi chậm hơn một chút, bởi vì chân đẩy thùng rác về phía trước và khiến nó chuyển động. Vấn đề là phải ngả người ra phía sau vừa đủ để khỏi nhào qua mé trước, nhưng không nhiều quá để khỏi bị tụt về phía sau. Nhảy và thẳng bằng, nó nghĩ, thẳng bằng và nhảy. Nó nhớ lại các vận động viên thể dục vẫn đến cửa hiệu của bố nó, kiểu cách dè dặt khi họ nói về các môn thể thao. Nó thấy đã đi được ba mét, bốn mét, sáu mét một lần, cánh tay vẫy vẫy như một người điên. Nó là người duy nhất trong con hẻm lúc đó, và nó chẳng nghe thấy thứ âm thanh gì khác ngoài tiếng bùng bùng của thùng rác, tiếng chân đập thành thịch và hơi thở nặng nề của nó. Nó chẳng cảm nhận được gì ngoài chính cơ thể của mình, cho tới khi một cánh tay giật mạnh người nó khỏi cái thùng rác đang lăn, làm nó ngã khụy gối về phía trước.

- Mà lúc nào cũng xoáy của người ta thế à? Một giọng nói vang lên khi thằng bé nhò dậy, một cánh tay đặt lên vai nó và lắc mạnh. Nó nhăn nhó vì chỗ đau ở mắt cá và nhắm mắt lại như lúc mẹ nó quát mắng. Nó nghe thấy:

- Mà ở đâu đến đây? Mà tưởng thành phố này là sân phơi chó chết của mà chắc? Mà không có việc gì hay ho hơn để làm à?

Sau đó cái giọng ấy dừng lại, thằng bé mở mắt ra và thấy một người đàn ông thô kệch mặc áo phong đỏ, dắt một cô bé nhỏ xíu bên cạnh.

- Mà không có gì để nói ư? – Người đàn ông nói.

- Bố chết rồi, - thằng bé nói, lời nói chơi vơi trong con hẻm như tiếng chuông lơ lửng, nó biết điều đó là đúng sự thật.

- Chó thật, - người đàn ông nói, và giơ tay lên xoa đầu cô gái. – Hôm nay à? - Ông ta hỏi, và thằng bé gật đầu rồi nhìn đôi giày thể thao của nó, lúc này đôi giày được phủ một lớp bụi đất khá dày.

- Chó thật, - người đàn ông nói. – Mà nên về nhà đi. Ở nhà có mẹ chứ?

Thằng bé há miệng định nói không và kể với người đàn ông rằng nó sống một mình, nó luôn luôn sống một mình, nhưng thay vào đó nó gật đầu, và người đàn ông nói:

- Được, tốt lắm, - ông ta ôm cổ cô gái. – Mà nên về nhà đi, - ông ta nhắc lại, thằng bé nói “vâng” và quay đi.

Trên đường về nhà, nó lẩm bẩm: “Bố chết, mẹ chết, không có ai chú ý, vì đây là một thành phố.” Khập khiễng vì trẹo chân, cường điệu cơn đau lên một chút, nó thử hình dung ra bố nó cũng bị đau như thế, cơn đau ghê gớm nhất. Nó nung nóng người ta lên như hòn than tới khi cơ thể biến thành màu trắng, rồi màu xám và biến mất. Trước đây, thằng bé chưa bao giờ được biết mùi bệnh viện, về những cái giường nâng lên, hạ xuống như ghế của nhạc sĩ, bệnh nhân ăn uống qua ống cao su.

Bố mình, nó nghĩ thế, là một kẻ thật thà chết tiệt. Mẹ nó đã nói thế qua điện thoại với bà chị gái: “Em biết nói với lão ấy thế nào về những gì bác sĩ nói đây? Chị phải tới bảo trực tiếp lão ta là kẻ thật thà chết tiệt”. Bố nó cao có lông ở lỗ mũi và trên lưng, có kiểu lắc đầu như ngựa. Đó là tất cả những gì mình biết. Tất cả những gì mình còn nhớ, bởi vì những thứ khác sau này mới xảy ra. Nó ngồi lên cái bệ gần nhà và cúi đầu xuống gối.

Mày là thằng người róm, nó nói một mình. Mày là thằng đầu rỗng -nó dùng dũa và cố nghĩ ra thứ gì đó để làm, nhưng nó quá mệt mỏi, dường như có ai đó hút hết máu ở người nó. Nó cố nặn ra thứ gì đó nó thích, nhưng đầu óc nó trống rỗng, và thế là nó nghĩ ra thứ gì nó ghét và nhớ lại: một lần, bố nó vả vào một bên má nó, vì đã nhét bút chì vào đèn báo trong bếp. Đấy không phải là cái tát nhẹ nhàng để răn đe. Cái tát làm sái cổ nó, hằn lên một vết đỏ trên mặt. Sau đó nó dùng cái bút đó để châm những cái lỗ nhỏ li ti trên đệm xe hơi của bố.

- Chó thật, chó thật, -thằng bé thì thầm vào hai tay, bởi vì nó rất nhớ bố nó.

Khi nó về tới nhà, mẹ nó vẫn chưa về, nó kéo màn che và bò vào giường. Một lúc sau, mẹ nó về, ngó vào phòng nó và nói: “Ngủ rồi à? Mới chín giờ, nó quay đi để lộ ra vết sứt sẹo. Mẹ nó mặc áo bó màu da cam và váy in hình hoa oải hương -bà bao giờ cũng chỉ mặc những màu sáng nhất. Khi nhìn nó, bà thở dài và nói, “Ồ không, không đánh nhau đấy chứ?” và bật ngọn đèn ở cạnh giường.

- Có phải lại đánh nhau không? -Bà nói và cời khuy chiếc áo ngủ để xem nó đau chỗ nào. Nó lắc đầu trả lời,

và sau đó lần đầu tiên, ít nhất là trong năm nay, nó khóc trước mặt mẹ nó.

- Thế đấy. Những thằng con hoang ấy, -bà nói, và ngồi ghé xuống giường nó- Những thằng ranh ở cái thị trấn nhỏ khốn kiếp. Mẹ sẽ phải chuyển con tới trường khác. - Mẹ nó giơ tay ra để vuốt lại chần trên người nó và hít một hơi như đang lấy nghị lực. - Kể mẹ nghe xem nào.

Thế là nó kể cho mẹ nó nghe chuyện nó đã đi xuống bờ sông như thế nào, ở đó có chiếc cầu cầu thật to.

- Mẹ biết không, chỗ đó người ta đang xây chung cư - và khi con đang đi loanh quanh tìm chuột, bỗng nhiên đất dưới chân sụt xuống.

- Không, - mẹ nó nói. - Mẹ đã nghe chuyện đó rồi? Người ta kể đi kể lại chuyện đó ở bệnh viện.

- Vâng, và con rơi xuống sáu mét, có lẽ phải chín mét, hay mười hai mét, -nó kể, và mẹ nó xích vào ngồi gần nó hơn, rồi cầm lấy tay nó.

Khủng khiếp quá. Ông Chúa, con không bị thương nặng lắm. Lẽ ra người ta phải mang con vào bệnh viện.

- Con biết, - thằng bé nói và úp mặt vào chiếc áo ngủ. -Chẳng có ai nhìn thấy con, còn có một bà bị vùi dưới cầu cầu. Người ta để một cái thang ở mé bên kia, và con tự trèo ra.

- Thật à? - Mẹ nó nói. - Thật con làm được điều đó ư? Hoàn toàn một mình à?

- Vâng, - nó nói và biết rằng mẹ nó chẳng tin một lời nào.

Bà đang cầm tay nó, sau đó bà nói gì đó, nhưng nó không thốt ra được tiếng nào.

- Gì cơ? - Nó nói, nhưng bà lắc đầu.

- Ông ấy thích bức vẽ của con, mẹ nghĩ thế, - mẹ nó nói và một lúc sau nó không thể nhớ ra được bức vẽ nào. Sau đó nó hiểu ra, đó là bức vẽ bằng mực tàu, gương mặt của ai đó mà nó đã nghĩ ra, à một cô gái.

- Lại đây, - mẹ nó nói, lần đầu tiên từ rất lâu rồi, bà ôm nó như thể nó vẫn còn là một đứa bé, nó hít lấy hơi ấm ở ngực bà, tới khi bà buông ra và bảo rằng bà mệt và phải chuẩn bị đi ngủ.

- Mọi chuyện sẽ ổn thôi, - bà nói, khi đã quay đi, nó lấy ngón tay bịt tai và chui vào chăn, nhưng nó vẫn cảm thấy mẹ nó lảng vảng trong phòng, sau một lát, nó mở chăn ra và hạ tay xuống. - Mẹ rất tiếc, - bà nói từ cửa, chân trong chân ngoài.

- Mẹ rất tiếc về chuyện đó, - giọng bà trầm xuống, sau đó lại cất cao. - Nghỉ ngơi mới là quan trọng phải không? Ngủ ngon nhé, bí ngô?

Bà không biết một điều: nó không thể ngủ được một tiếng, hai tiếng sau khi mẹ nó đi, có lẽ là cả đêm. Nó đập ngón tay vào tường theo nhịp bài hát. Nó cầm cây đàn nhỏ làm bằng vỏ hộp sữa bên cạnh giường và xem xét các góc phòng. Nó đứng dậy và lướt các ngón tay trên các quyển sách và xe ô tô trên giá, sau đó lại quay vào giường, cầm theo cây đèn nháy và một quyển truyện thần thoại, nhưng chữ in quá nhỏ khiến nó căng mắt ra. Mình phải đến, nó tự nhủ, thế là nó tắt đèn và nó nghĩ tới ba mươi đôi ván trượt và tám mươi cây vợt bóng

chày, nhưng những con số cứ kéo dài vô tận và làm nó thao thức hơn. Những chỗ ngã ở chân đau nhức nhối.

Mẹ đang ngủ, nó nghĩ, và nó biết rõ trông mẹ lúc này như thế nào, chỗ bụng bằng phẳng dưới lần áo ngủ màu xanh vùi trong cánh tay. Bên cạnh giường là ngọn đèn hình người lính cầm đuốc, dưới gầm giường là đôi dép mềm màu hồng, và ở trên bàn ngủ có những chiếc nhẫn vàng và chiếc đồng hồ được nhà băng tặng, đồng hồ báo thức để 6 giờ 50 phút. Mẹ đang thở nhẹ rồi sâu hơn, miệng trễ, những ngón tay duỗi ra, mẹ đang ngủ.

Bố, nó nghĩ, -nhưng người ta đã đem bố vào một phòng bệnh cũ kỹ vắng vẻ, chẳng có gì đặc biệt và thằng bé chẳng còn biết nghĩ tới điều gì nữa.

Nguyễn Thị Hiền Thảo dịch

TUYỆT VỌNG

Judith Ortiz Cofer

Nhà văn Mỹ – Giải thưởng O' Henry

Ngay sau khi Dona Ernestina nhận được điện báo tin con trai bà đã chết ở Việt Nam bà bắt đầu phân phát tài sản của mình. Thoạt đầu, chúng tôi không nhận thấy việc làm này của bà. Khi chúng tôi biết được thì đã quá muộn rồi. Người của Quân đội an ủi Dona Ernestina bằng cái tin: “hài cốt” của con trai bà sẽ được “thu nhặt” và chuyển về New Jersey muộn vài ngày, bởi vì còn có những “người” khác thiệt mạng vào ngày hôm ấy. Nói cách khác là bà ta phải đợi xác của Tony được “xử lý”.

“Xử lý” Dona Ernestina nói như nguyên rửa khi kể với chúng tôi. Tất cả chúng tôi cùng đang ở El Basement - đó là tên chung tôi gọi tầng hầm của tòa nhà: không có cửa sổ chiếu sáng, nổi hơi kêu âm ỉ tới mức nếu có gào lên kêu cứu vì một vụ giết người thì cũng không ai nghe thấy. Một vài người bắt đầu tụ tập ở đây vào các buổi sáng thứ bảy - những câu chuyện để nói cũng nhiều như quần áo để giặt vậy - nhiều năm qua đi nó trở thành một thứ câu lạc bộ của đám đàn bà. Và chúng tôi gặp nhau ở đây để tán gẫu về chuyện xảy ra suốt một tuần vừa qua. Tuy nhiên thứ bảy này tôi ngại bước xuống bậc cầu thang xi măng ấy. Tất cả chúng tôi vừa nghe tin về Tony.

Phút bà xuất hiện trong bộ đồ tang, tôi hiểu rằng có cái gì đó tan vỡ trong Dona Ernestina. Bà mặc *toàn đồ đen*, từ đầu tới chân kể cả tấm khăn trùm đầu. Ngược lại, cả Lydia và Isabelita đều quần lô và mặc áo choàng tẩm: đồng phục của chúng tôi trong những lần gặp gỡ vào thứ bảy - cũng có thể là một cách để nói : “Đàn ông không được vào”. Khi tôi tới gần, Lydia liếc nhìn tôi với ánh rụt rè sợ hãi trong mắt.

Dona Ernestina chỉ đợi tôi tới cùng hai người kia cúi xuống bên chiếc máy giặt rồi lại tiếp tục kể chuyện những gì đã xảy ra khi tin tức về Tony được mang đến nhà bà ngày hôm trước. Bà nói giọng lạnh lùng, vẻ mặt khinh miệt, trong bộ đồ đen tuyệt đẹp này trông bà giống như một quý phu nhân bị xúc phạm. Bà xanh xao nhợt nhạt, nhưng mắt bà ánh lên hoang dại. Viên sĩ quan nói với bà rằng đến lúc đó họ sẽ chôn cất Tony với những nghi thức quân đội trang nghiêm; còn bây giờ họ gửi cho bà huy chương và một lá cờ. Nhưng bà nói: “Không, lạy Chúa” trước cái đám tang như thế, bà đã gửi trả lại lá cờ và huy chương có đánh dấu : “Không còn sống ở đây nữa”. Hãy nói với Tổng thống Hoa Kỳ câu tôi nói: “Không, lạy Chúa”.

Sau đó bà đợi phản ứng của chúng tôi.

Lydia lắc đầu, tỏ ý rằng cô ta là người ít nói. Còn Elentina nhìn xoáy vào tôi, buộc tôi trở thành người thay mặt cho tất cả nói lời cảm thông, để khẳng định với Dona Ernestina rằng bà đã làm đúng như mọi người chúng tôi sẽ làm nếu ở địa vị của bà: Vâng, chúng tôi sẽ nói “Không, lạy Chúa” với bất cứ vị tổng thống nào có

nhã ý trả cho cuộc đời của con trai tôi bằng vài thứ rẻ tiền và lá cờ nhàu nát.

Dona Ernestina nghiêm túc gật đầu. Sau đó bà nhắc chồng quần áo đàn ông gấp gọn gàng ở ghế sô pha lên (chúng tôi nhặt được chiếc ghế ở bên lề đường) và bà đang hoàng bước ra khỏi El Basement.

Lydia học phổ thông trung học cùng với Tony òa khóc ngay khi Dona Ernestina vừa đi khuất. Tôi và Elentina ấn cô ta ngồi vào giữa hai chúng tôi trên ghế sô pha, ôm lấy cô ta cho tới khi cô ta gần nín khóc hẳn. Lydia vẫn còn trẻ - một người phụ nữ chưa gặp nhiều thăng trầm của cuộc đời. Người chồng mới cưới được sáu tháng của cô vừa nhận được giấy gọi nhập ngũ và họ đã cố gắng để có con - cố gắng rất nhiều. Bốn bức tường của tòa nhà này quá mỏng nên điều đó đã biến thành trò cười ngấm ngầm (trừ Lydia và Roberto) rằng anh ta có nhiều khả năng trốn được quân dịch vì kiệt sức hơn là được làm cha.

- Dona Ernestina *không cảm thấy gì sao?* - Lydia hỏi giữa những tiếng nức nở. - Bác có thấy bà ấy không, ăn mặc như diễn viên điện ảnh, không một giọt nước mắt khóc con trai?

- Mỗi người chúng ta có một cách thương tiếc khác nhau, - tôi nói, mặc dù tôi không thể không nghĩ Lydia nói đúng rằng người đàn bà này có vẻ như đang đóng kịch. - Bác nghĩ rằng chúng ta cần phải chờ xem bà ấy sẽ làm gì.

- Có lẽ thế, - Elentina nói. - Hôm qua bác có được ElPadre thăm hỏi không?

Chúng tôi gật đầu, không ngạc nhiên khi biết rằng tất cả chúng tôi đều được Padre Alvaro, vị linh mục rụt rè của chúng tôi gọi điện tới, sau khi Dona Ernestina khiến ông ta sợ hãi bỏ chạy. Rõ ràng El Padre đã tới căn hộ của bà ngay sau khi nghe tin về Tony, với hy vọng được an ủi bà như khi Don Antonio chết đột ngột hồi năm ngoái. Thái độ của bà lúc đó có thể hiểu được, bà đã chôn cất chồng và vui theo cả ước mơ của mình.

Cũng như những người phụ nữ cùng tuổi khác, bà mong ước được trở về Island sau khi về hưu, mua một ngôi nhà, được chôn cất trên mảnh đất quê hương bên cạnh người thân. Ở tuổi tôi, những người sinh ra và lớn lên ở đây đã được cha mẹ khắc hình ảnh ấy vào trí não suốt cả cuộc đời. Vì thế khi Don Antonio gục đầu xuống bàn dominô, làm vung vãi các mảnh đồ chơi ưa thích làm bằng ngà và khi người ta đặt ông ta trong bộ comple đẹp nhất ở Nhà Tang Lễ Ramirez, tất cả chúng tôi đều biết phải nói như thế nào với người góa phụ đang khóc thương.

Đó là lần cuối cùng chúng tôi thấy cả hai người đàn ông của cuộc đời bà. Tony có mặt - được nghỉ hai ngày trong khóa huấn luyện cơ bản - nó khóc như một thằng nhóc bên gương mặt đẹp của cha và gọi: Ba ơi, ba ơi. Dona Ernestina đã hoàn thành nghĩa vụ của người mẹ, chăm sóc cậu bé hiếu động. Đó cũng là chuyện bình thường, người mạnh chăm sóc kẻ yếu.

Chúng tôi mai táng Don Antonio ở Vườn Tưởng Niệm Quốc Gia, ở đây có lẽ còn nhiều người Puerto Rico hơn cả Island. Padre Alvaro đọc bài thuyết giáo bằng giọng

châm thì run rẩy hầu như không nghe thấy gì trước tiếng khóc của cậu bé. Một bên cậu ta được nghe mẹ mình, người nổi bật về sự mạnh mẽ và đức hạnh nâng đỡ, còn bên kia là Cheo - chủ quán Bodega nơi Don Antonio vẫn chơi domino với những người đàn ông cùng tuổi khác trong suốt hơn hai mươi năm qua.

Gần như tất cả mọi người trong tòa nhà dự đám tang này, và nó được tổ chức rất tốt. Dona Ernestina đã cho con trai ra đi chiến đấu vì nước Mỹ và bắt đầu nhận được tiền tuất của chồng. Vài người trong chúng tôi hỏi Dona Iris (bà ta biết bói bài tây) về tương lai của Dona Ernestina và Dona Iris nói: "Có một chuyến đi xa trong năm". Điều này phù hợp với suy nghĩ của chúng tôi rằng Dona Ernestina sẽ trở về Island và cùng với họ hàng đợi Tony từ chiến trường trở về. Một vài người đàn bà nhiều tuổi trở về nhà khi họ bắt đầu nhận được sự bảo trợ xã hội hoặc lương hưu, nhưng rất hiếm. Tôi thấy hình như thường thì người ta phải chết trước khi giấc mơ trở về Island thành sự thật như trường hợp của Dona Ernestina. Giữa bạn bè, chúng tôi bàn về chuyện nghỉ ngơi ở vùng biển Caribê. Nhưng chúng tôi biết rằng nếu cuộc sống khó khăn với chúng tôi ở đây thì sẽ còn tồi tệ hơn khi về làng, nơi mà không ai biết chúng tôi (có lẽ họ chỉ nghe nói về cha mẹ chúng tôi trước khi các cụ tới Hoa Kỳ, nơi phần lớn chúng tôi sống thời thơ ấu).

Khi Padre Alvaro khẽ gõ vào cánh cửa, tôi kéo giạt nó ra vì nghĩ rằng đó là ông chồng cũ của tôi về cầu xin một cơ hội nữa để làm lại (giống như Miguel gõ cửa xin lỗi vì đã bỏ tôi - khoảng một tuần một lần - khi lão ta muốn

vay tiền). Vì thế khi đẩy cánh cửa tôi vác bộ mặt hầm hằm, và vị linh mục đáng thương suýt nữa thì ngất. Tôi thấy ông ta hít sâu vài hơi rồi mới chậm rãi hỏi tôi - ông ta cố giấu tật nói lắp bằng cách kéo dài các từ - xem tôi có biết là Dona Ernestina bị ốm hay không. Khi tôi bảo: "Không, tôi không biết thì Padre Alvaro chỉ đứng trông rất tội nghiệp cho tới khi tôi hỏi ông có muốn vào nhà không. Tôi đã ngủ trên ghế sofa và xem ti vi suốt cả buổi chiều hôm đó, và tôi không muốn ông ta trông thấy nhà cửa lộn xộn, nhưng chẳng có gì để tôi phải sợ cả. Người đàn ông đáng thương lùi lại một bước mỗi khi tôi mời. Không, ông ta đang vội, ông ta còn vài nhà giáo dân phải tới thăm v.v... Thời buổi này thật khó khăn, ông ta nói, nhiều... nhiều thanh niên sa đà vào nghiện ngập hoặc chết trong chiến ... chiến tranh. Tôi hỏi có phải ông ta nghĩ là Dona Ernestina bị ốm không, nhưng ông ta lắc đầu. Người đàn ông đứng ở cửa nhà tôi như đứa trẻ mồ côi với đôi mắt nâu buồn bã. Ông ta khấn khoản với vẻ quen thuộc: chiếc mũi dài gần chạm tới cằm mỗi khi cười, hàm răng cong to tướng khiến tim tôi như vỡ ra.

- Bà ấy không muốn nói chuyện với tôi, - Padre Alvaro vừa nói vừa mân mê cây thánh giá lớn bằng bạc treo trên sợi dây mỏng quanh cổ. Dường như ông ta công xuống vì sức nặng của nó, gầy gò và gù lưng.

Tôi cảm thấy rất muốn đãi ông ta một chút súp gà đặt trên bếp, vẫn còn ấm, còn lại sau bữa ăn tối của tôi. Ngược với điều Lydia vẫn nói sau lưng, tôi thích tự nuôi sống mình. Tôi đã không còn gì hạnh phúc hơn khi được trả cái gã Miguel con cứng trở về chỗ của gã bên bà mẹ

luôn nghĩ rằng gã vẫn còn là đứa trẻ. Nhưng cái vật thể xộc xệch bên cửa nhà tôi cần được nấu nướng cho ăn hoặc thậm chí một thứ gì đó hơn đĩa thức ăn nóng để sưởi ấm cho cuộc đời ông ta. (Tôi thậm chí cầu Chúa tha tội vì đã suy nghĩ như vậy về một linh mục của người AyBendino, nhưng ai cũng là xương thịt cả).

- Có lẽ bà ấy cần có thêm chút thời gian nữa, ông Padre ạ, -tôi nói, giọng cảm thông nhất mà tôi có thể. Khác với những người đàn bà khác trong khu nhà này, tôi không tin rằng thực sự cần thiết -thậm chí có ích-phải có linh mục trong lúc khó khăn.

- Con gái, có lẽ con đúng, -ông buồn bã thốt lên, ông ta gọi tôi là "con gái" mặc dù tôi biết chắc mình hơn ông ta năm, sáu tuổi. Tôi hứa với ông ta là sẽ để ý tới Dona Ernestina. Không nói một lời nào nữa ông ta làm dấu thánh và quay đi. Khi tôi nghe thấy tiếng chân bước chậm rãi xuống chiếc cầu thang kéo kẹt tôi tự hỏi: Linh mục thường mơ thấy gì nhỉ?

Khi tên của El Padre được nhắc đến trong ngày thứ bảy tuần đó, tôi hỏi các bà bạn xem họ nghĩ các linh mục mơ về cái gì. Đó quả là một đề tài phong phú tới mức cả thời gian giết giũa còn lại chúng tôi dành để tưởng tượng. Trước khi chiếc máy sấy cuối cùng dừng lại tất cả chúng tôi nhất trí rằng chúng tôi sẽ không được dự lễ ban thánh thể trong ngày lễ thánh Misa nếu buổi trưa hôm đó không đi xưng tội và kể cho một linh mục khác, chứ không phải Alvaro nghe những suy nghĩ không trong sạch của mình.

Trước tình trạng của Dona Ernestina, chúng tôi thống nhất là sẽ giúp đỡ bà ấy khi bà ấy gọi, nhưng việc trước mắt phải làm là để bà ta một mình. Lydia cứ nhắc đi nhắc lại một cách ngây thơ rằng “có chuyện gì đó không hay với người đàn bà này”, nhưng cô ta không xung phong đi xem cái gì khiến Dona Ernestina hành động kỳ lạ thế. Thay vì việc đó, cô ta lại nhắc đi nhắc lại rằng cô ta và Roberto nghe thấy tiếng xoong chảo rơi và tiếng xê dịch đồ vật đêm hôm qua - họ hầu như không thể ngủ được. Isabelita nháy mắt với tôi sau lưng Lydia. Lydia và Roberto vẫn không hay biết gì: nếu họ có thể nghe thấy chuyện gì đang xảy ra ở số nhà 4D thì bọn tôi còn nghe rõ tiếng trong nhà số 4A. Họ như những đứa trẻ, cứ tưởng chính mình đã phát hiện ra chuyện gối chăn. Tôi tin rằng có thể viết một thiên tiểu thuyết từ các câu chuyện trong khu nhà này.

Ngày chủ nhật, Dona Ernestina không đi dự Misa, tôi tránh mặt Padre Alvaro để ông ta khỏi hỏi về bà. Nhưng tôi lại lo. Dona Ernestina là một con chiên sùng đạo, cũng như nhiều người trong chúng tôi bà ta không làm như linh mục và cha ra lệnh, nhưng lại biết kính Chúa. Chỉ có bệnh nặng hay chuyện bi thảm gì xảy ra mới khiến bà ta không dự buổi lễ Misa. Vì thế sau đó tôi đi thẳng tới gõ cửa căn hộ của bà. Không có tiếng trả lời mặc dù tôi nghe có tiếng kéo lê, như có người đang chuyển đồ đạc. Ít nhất là bà ấy cũng đang đứng và đi lại. Có lẽ việc nhà là thứ bà ấy cần để thoát khỏi cơn choáng váng.

Tôi quyết định hôm sau thử đến một lần nữa.

Khi tôi đi ngang qua phòng Lydia, cô ta mở cửa - tôi biết cô ta đã theo dõi tôi qua lỗ cửa - bảo với tôi rằng đêm hôm qua lại có nhiều tiếng động hơn. Lydia mặc bộ áo ngủ trông như búp bê. Mặc dù cô ta chỉ thò mũi ra, nhưng tôi vẫn thấy Roberto mặc bộ đồ lót làm cái gì đó trong bếp. Tôi không thể không nghĩ đến Miguel và tôi trong lần đầu tiên ở bên nhau. Chúng tôi như một khối thuốc nổ. Sau một đêm cuồng nhiệt tôi vừa đi quanh nhà vừa nghĩ: không được châm thuốc cạnh tôi, không đốt lửa. Có mang vật liệu rất dễ cháy. Nhưng khi bà mẹ xuất hiện ở cửa, người đàn ông bốc lửa hóa thành đồng tro dưới chân bà ta.

- Hãy đợi và xem chuyện gì đang xảy ra. -Tôi nói với Lydia.

Chúng tôi không phải chờ đợi lâu. Thứ hai Dona Ernestina gọi điện mời chúng tôi tối gọi hồn cho Tony, một buổi cầu lễ cầu hồn, trong căn hộ của bà. Tin đó lan nhanh. Mọi người đều muốn làm gì đó cho bà. Cheo góp thịt gà và các sản phẩm đủ loại của đảo. Vài người góp chung nhau làm món bánh phết mút để tráng miệng. Dona Iris làm hai tá bánh nướng nhân thịt và gói vào lá chuối, thứ mà bà vẫn cất trong tủ lạnh để dành cho bữa tiệc Giáng Sinh nổi tiếng của mình. Đám phụ nữ chúng tôi mang tới những đĩa thức ăn bốc khói, còn đàn ông mang rượu rum Palo Viejo cho họ và rượu Manischewitz cho phụ nữ. Chúng tôi đã chuẩn bị để nói lời chia buồn và cầu nguyện cho linh hồn của Tony.

Dona Ernestina ra đón chúng tôi ở cửa và dẫn vào phòng khách, đèn đã tắt hết. Bức ảnh Tony và ảnh của

người chồng quá cố Don Antonio đặt trên mặt bàn, bao quanh là hơn một tá nến. Cảnh ma quái này khiến cho mấy phụ nữ đứng tuổi phải làm dấu thánh. Dona Ernestina đã xếp ghế gấp bên cạnh bàn và mời chúng tôi ngồi xuống. Bà không bảo chúng tôi mang thức ăn và đồ uống vào bếp. Bà nhìn chúng tôi lần lượt từng người một như đang đứng trước lớp học, sau đó nói:

- Tôi mời các ông bà tới đây để tạm biệt chồng tôi là Antonio và con trai tôi Tony. Các ông bà đã là bạn, là hàng xóm của tôi suốt hai mươi năm, nhưng họ là cả cuộc đời tôi. Thế mà họ đã đi rồi. Tôi thật là *tuyệt vọng, tuyệt vọng, tuyệt vọng*.

Từ ấy như một dòng nước xoáy hút mọi thứ xuống đáy. Nghe bà nói đi nói lại từ này mãi khiến tôi cảm thấy như bị ném xuống một cái hang tăm tối. Những người khác cũng lo lắng lắm nhưng ở đây còn có cả một người đàn bà đắm chìm trong đau khổ. Chúng tôi phải để cho bà ấy tự do. Bà nhìn quanh phòng rồi bước ra không nói thêm một lời nào nữa.

Chúng tôi ngồi trong im lặng, liếc trộm nhau và bắt đầu nghe thấy tiếng đồ vật trong một phòng khác. Một người phụ nữ đứng tuổi chủ trì, và rượu được rót, thức ăn được bày ra - đồng thời những tiếng động lạ vẫn vọng đến từ các phòng khác trong căn hộ. Không ai nói nhiều trừ một lần khi chúng tôi nghe thấy tiếng gì đó như bát đĩa rơi vỡ. Dona Iris chỉ tay vào tai mình rồi vẽ hai vòng tròn - thế là hết lo lắng, tôi đoán, một số người cười khúc khích như học trò.

Rất lâu sau Dona Ernestina bước ra với chúng tôi. Lúc đó chúng tôi đang thu dọn bát đĩa và kết luận là đã đến lúc phải quay về. Mỗi tay cầm một cái túi đi chợ lớn, Dona Ernestina đứng ngay trước cửa. Vài phụ nữ chùn lại xem chuyện gì. Nhưng Tito đã ăn no và cố vượt qua bà. Bà ta cầm tay anh ta, đặt vào đó một con chó xù nhỏ bằng sứ đeo sợi dây xích vàng ở cổ, Tito nhìn con chó với ánh mắt cười cợt liếc nhìn Dona Ernestina dường như sợ hãi rồi vội vã mang con chó đi.

Chúng tôi được ra từng người một sau khi bà đã ấn vào tay một món tài sản của bà. Bà ta lấy vật gì đó mà không rời mắt khỏi chiếc túi. Cho hết cả những phần thưởng quý giá, những thứ đồ lặt vặt mà một người đàn bà cả đời thu nhặt. Cho hết các đồ vật gốm sứ đủ loại, kể cả lọ hoa lẫn gạt tàn. Cho hết cả xoong chảo bát đĩa, thìa, đĩa, dao. Cho hết cả quyển lịch cũ và những đồ vật nhỏ mà hàng ngày bà vẫn chạm vào và nó vẫn chạm vào bà suốt hai mươi năm qua. Cho hết cả chiếc giày trẻ con bằng đồng -tôi nhận được thứ đó. Khi rời khỏi căn hộ, Dona Iris nói "Này" với tất cả mọi người và chúng tôi theo bà ta xuống cuối hành lang. - Dona Ernestina lúc này không được minh mẫn, - bà ta nói giọng nghiêm trọng. -Đó là cú choáng sau cái chết của con.

Chúng tôi cùng nói "Phải" và gật đầu.

- Nhưng chúng ta làm được gì? -Lydia nói, giọng khe khẽ. - Tôi phải làm gì với cái này đây? - Cô ta đang cầm một chiếc cúp bóng rổ của Tony trong tay: 1968, cầu thủ xuất sắc nhất.

Dona Iris nói:

- Chúng ta hãy giữ gìn những vật này cho tới khi bà ấy hồi phục lại. Và hãy để cho bà ấy lặng lẽ khóc thương. Việc này cũng mất nhiều thời gian đấy. Nếu bà ấy cần thì sẽ gọi.

Dona Iris nhún vai:

- Cuộc sống là như thế đấy.

Khi tôi vượt qua Tito ở cầu thang, ông ta vừa lắc đầu vừa nhìn lên cửa nhà Dona Ernestina.

- Bà ấy cần có bác sĩ tâm thần. Ai đó phải đi gọi nhân viên bảo trợ xã hội - ông ta không nhìn tôi khi cầm bấm những từ này. "Ai đó" ở đây ông ta định ám chỉ một trong số đám phụ nữ. Ông ta không muốn có rắc rối trong khu nhà và trông chờ chúng tôi giải quyết. Tôi lỡ ông ta đi.

Lên giường ngủ, tôi lại cầu xin Đức Mẹ đem lại bình yên cho tâm hồn đau đớn của bà Dona Ernestina nhưng mọi việc ngày càng tồi tệ hơn. Suốt cả tuần, qua khe cửa nhà, Lydia thấy toàn việc lạ. Mỗi lần có người tới thăm căn hộ của Dona Ernestina - để mang hoa hoặc điện từ Island hay có việc gì khác - người đàn bà ấy lại ấn một cái gì đó vào tay họ. Bà ta nài nỉ họ lấy vật này hoặc vật khác; nếu họ lưỡng lự thì bà ấy ra lệnh bằng ánh mắt đau đớn để họ chấp nhận một kỷ niệm gì đó về cuộc đời bà.

Và thế là họ đi ra khỏi nhà mang theo nào đệm, nào đèn, quần áo, giày dép, ô, thùng rác, sách giáo khoa vỡ: những vật có giá trị và không có chút giá trị nào với bất cứ ai kể cả những người đã có rồi. Thậm chí những kẻ nghiện và những người qua đường cũng biết tin này, họ

xếp hàng dưới cầu thang, bên ngoài cửa. Không có ai phải ra về tay không. Lydia sợ không dám bước ra khỏi phòng vì những bộ mặt góm guốc thập thò ngoài cửa. Còn cái mùi nữa! Bước vào khu nhà giống như vào một quán bar rẻ tiền lẫn với nhà đi tiểu công cộng.

Isabelita sống độc thân cùng hai đứa con nhỏ, lo sợ cho sự an toàn của chúng, cuối cùng đã kêu gọi các hộ hợp lại. Chỉ có đám phụ nữ tham gia còn đàn ông thực sự sợ Dona Ernestina. Không có gì lạ thường khi một người đàn ông sợ hãi lúc nhìn thấy một người đàn bà điên. Nếu họ không phải là lý do khiến người đàn bà điên loạn thì họ làm như chẳng hiểu gì và thường bỏ chúng ta lại giải quyết cái "vấn đề đàn bà" của mình. Thế càng tốt.

Có thể tôi cay đắng về chuyện Miguel -tôi biết người ta nói gì sau lưng tôi. Nhưng sự thật là: khi phụ nữ gặp rắc rối, đàn ông gọi mẹ, chị em gái hay bạn bè cô ta đến, rồi lánh mặt đi tới khi mọi việc xong xuôi. Điều ấy vẫn luôn xảy ra. Bao nhiêu lần tôi phải gọi bác sĩ, chăm sóc con cái, nấu nướng cho chồng bạn tôi ăn. Không phải là đàn ông không biết làm việc này mà chỉ vì họ biết phụ nữ giúp nhau được nhiều hơn. Có lẽ đàn ông còn nghĩ chúng tôi hiểu nhau rõ hơn họ hiểu chính vợ mình. Như tôi đã nói, khi có rắc rối, họ để chúng tôi tự do thì càng tốt. Nó khiến mọi chuyện đơn giản hơn.

Trong cuộc họp, Isabelita nói thẳng rằng chúng tôi phải lên căn hộ 4D và giải thích với Dona Ernestina. Có lẽ chúng tôi sẽ bảo được bà ấy đưa cho địa chỉ của người họ hàng ở Puerto Ri co -phụ nữ bao giờ cũng phải có

người chăm sóc. Việc bà ấy đang làm khiến chúng tôi lâm vào tình trạng hết sức khó khăn. Không có ai phản đối. Chúng tôi bầu ra một nhóm để sáng hôm sau lên nói chuyện với Dona Ernestina.

Nhưng đêm hôm đó, chúng tôi bị đánh thức vì tiếng va đập dưới phố. Trong ánh trăng rằm, tôi thấy từ trên cao các thứ đồ dùng rơi ào xuống như ma: ghế đầu, ti vi nhỏ, mẫu khung giường. Tất cả vỡ tan tành khi rơi xuống vỉa hè. Mọi người chạy đi tìm chỗ trú và gào lên chửi khu nhà của chúng tôi. Tôi lập tức hiểu, đó là căn hộ số 4D.

Mặc vội áo choàng, tôi bước ra hành lang. Lydia và Roberto đang lao xuống cầu thang, nhưng tới chiều nghĩ tôi gặp Dona Iris và Isabelita đang đi lên phía căn hộ 4D. Chúng tôi đứng ở hành lang tầng bốn, nghe tiếng còi cảnh sát đang tiến tới phía trước khu nhà. Chúng tôi nghe thấy tiếng cửa xe sập mạnh, tiếng hò hét -cả bằng tiếng Tây Ban Nha và tiếng Anh. Sau đó chúng tôi thử đẩy cửa, nó không khóa.

Chúng tôi bước vào căn hộ trống không. Thậm chí cả những bức tranh cũng được tháo xuống khỏi tường; tất cả những gì còn lại chỉ là những chiếc lỗ đóng đinh và những mảng sáng trên tường vôi, nơi các bức ảnh đóng khung đã được treo suốt nhiều năm. Vài giây sau chúng tôi tìm thấy Dona Ernestina: bà ta trần truồng nằm co cuộn tròn trong góc xa nhất của phòng khách. - *Como Salio a e ste mundo*, -Dona Iris nói và làm dấu thánh.

Y nguyên như khi bà ấy bước vào thế giới này: không quần áo, không có thứ gì xung quanh ngoài một căn

phòng trống rỗng, sạch sẽ. Bà ấy không để lại gì -trừ những lọ thuốc bác sĩ cho để giảm đau, để làm ta bất động, để làm ta không cảm thấy gì hết khi người khác chết.

Số chai lọ đó cũng rỗng không, cảnh sát lấy nó đi. Nhưng chúng tôi không để cho họ mang Dona Ernestina đi trước khi mỗi chúng tôi mang tới vài thứ quần áo đẹp nhất để mặc cho bà ấy thơm tất như trước kia. Thơm tất, không có gì thay đổi được, kể cả đau khổ. Cuộc sống là như thế đấy.

Nguyễn Thị Hiền Thảo dịch

LỜI TIÊN TRI

Elizabeth Oness

Nhà văn Mỹ – Giải thưởng O' Henry

Sau vài giờ, tôi đã từ trường đại học về đến nhà. Tôi còn chưa tháo đồ ra khỏi xe thì mẹ tôi đã kể với tôi rằng bà đã gặp được một người. Ông ấy là nha sĩ, bà nói, ông ấy vừa được cứu thoát.

- Thoát khỏi cái gì vậy? - Tôi mở tủ lạnh để lục lọi các thứ trong đó. Cứ lần nào từ trường trở về, chiếc tủ lạnh trống không của mẹ tôi lại khiến tôi ngạc nhiên. Ở trường, các ngăn tủ lạnh của chúng tôi bao giờ cũng có sốt cà chua, mù tạt và bia.

- Được cứu à? - Tôi nhắc.

- Philip, đừng có tò mò, - mẹ tôi bảo.

- Không ạ, ông ấy theo dòng đạo Cơ đốc nào?

- Ô, mẹ biết chuyện đó không quan trọng đối với con. Nhưng ông ấy đã kể với mẹ từ lần đầu tiên rồi, ông ấy kể mọi thứ đã thay đổi như thế nào với ông ấy, ông ấy đã giải quyết như thế nào với người vợ cũ và ông ấy cảm thấy như thế nào khi được giúp đỡ mọi người, không chỉ đơn giản là nhờ rằng người ta, - bà khẽ mỉm cười khi nhắc lại niềm hạnh phúc của ông ta.

Tôi chú ý đến sự đổi khác ở mẹ tôi, nhưng tôi nghĩ đó là sự vui mừng vì tôi đã học xong đại học không có trục trặc gì. Đường như mẹ tôi thoải mái và bớt gò bó hơn. Mẹ tôi không còn nâng đồ vật gì đó lên sắp xếp khi nói chuyện nữa. Đó là thói quen, có lẽ chỉ có tôi để ý thấy, mẹ tôi đã mắc phải khi cha tôi chết. Sau những tháng đầu để tang, tôi hy vọng mẹ tôi sẽ phá vỡ lớp vỏ bọc để bớt căng thẳng hơn, nhưng mẹ tôi vẫn cứ tiếp tục như thế mãi. Mẹ tôi là người phụ nữ duyên dáng, hàm vuông nhỏ, mái tóc nâu dài mới chớm bạc. Năm nào mẹ tôi cũng hỏi có nên cắt tóc không và năm nào tôi cũng nói không.

- Mẹ à, con nghĩ là mẹ đang yêu, - tôi nói.

- Ồ không đâu, - mẹ tôi mỉm cười, sau đó đặt cái đĩa đang cầm vào máy rửa bát.

- Con không biết mẹ đang xếp đĩa vào hay dỡ ra nữa, - tôi lấy chiếc đĩa sạch ra khỏi giá. - Ông ta ly dị rồi. Thế ông ta có con không?

- Ông ấy có một đứa con gái mười bốn tuổi, mới quay lại sống với ông ấy, - mẹ tôi nói. - Ngày mai ông ấy có tiệc ông ấy hỏi con có về không ông ấy muốn gặp con đấy.

Cứ khi nào lúng túng mẹ tôi lại xem xét một vật vô nghĩa nào đó, cứ như là sự có mặt của nó khiến mẹ tôi bình tâm lại. Mẹ tôi đang ngắm nghía cuốn lịch trên tường bếp dường như nó mới xuất hiện vậy. Tôi bước tới, ôm choàng lấy mẹ; mẹ tôi gầy đi lồng ngực như chiếc lồng dễ vỡ. Tôi siết nhẹ tay rồi buông mẹ tôi ra. Mẹ tôi ngẩng lên nhìn tôi, tin tưởng và mỉm cười.

Đêm hôm sau, trên đường tới nhà ông ta tôi cố nài mẹ tôi tả Hal. Mẹ tôi đỏ mặt và nói tôi sẽ tự mình gặp. Trông mẹ tôi bồn chồn về một người đàn ông thật buồn cười. Theo tôi biết, trong suốt nhiều năm kể từ khi cha tôi chết, mẹ tôi chưa ra ngoài gặp gỡ ai. Tất nhiên bạn bè khuyến khích mẹ tôi ra ngoài nhiều hơn, gặp gỡ ai đó, nhưng mẹ tôi bao giờ cũng từ chối. Sự trung thành với những kỷ niệm về cha tôi thật cổ hủ, có lẽ là sai lầm nhưng mẹ tôi bao giờ cũng bướng bỉnh ngấm ngấm. Mẹ tôi giữ thái độ xã giao khiến người ta không dám ép nữa. Chúng tôi lái xe qua đoạn đường rừng mới mở ngoằn ngoèo dẫn xuống con đường trải nhựa bằng phẳng mang những cái tên ẻo lả đến kỳ quặc: Natalie, Caroline. Cuối cùng chúng tôi dừng lại trước một ngôi nhà lớn, hiện đại. Chùm chuông treo trên cây gỗ thích Nhật Bản ở trong sân. Chiếc cửa sổ hẹp chia đôi ngôi nhà, bắt đầu từ cửa trước, kéo lên tận tầng hai. Ông Hal mở cửa khi mẹ tôi chưa kịp gõ.

- Chào Deirdre, - Ông ta hôn vào má mẹ tôi và quay sang tôi.

- Philip. Thật là mừng. Bác đã nghe nói về cháu, - ông ta bắt tay tôi thật mạnh. Ngoài trời ẩm ướt nhưng ông Hal sạch bong như vừa từ nhà tắm bước ra. Mái tóc sáng cắt cao, viền xám, đôi mắt xanh. Một lỗ hổng lớn ngăn giữa hai chiếc răng cửa. Chẳng có gì lạ, vì ông ấy là nha sĩ.

Chúng tôi đi qua nhà, xuống bếp. Ngôi nhà sáng lên vì nền nhà gỗ đánh bóng loáng và đồ đạc hiện đại. Bức tường sau của gian bếp hầu như hoàn toàn bằng kính,

nhìn ra khu vườn sau tươi tốt, sum suê. Ông Hal dẫn mẹ tôi qua căn phòng, đặt bàn tay lên tấm lưng nhỏ nhắn của bà. Ngón tay ông ta to và ngắn. Tay nông dân, bố tôi thường nói thế. Ông ta đưa chúng tôi xuống chỗ một nhóm nhỏ đang vây quanh bếp nướng thịt, thì một cô gái, ăn vận toàn đồ đen bước tới.

- Philip, đây là Megan, con gái bác, - ông Hal giới thiệu.

Không có vẻ là cô ta mới mười bốn tuổi. Tôi nghi ngờ đôi mắt mình: tôi cố chỉ nhìn mặt cô ta.

Cô ta khẽ mỉm cười và vuốt mái tóc xòa xuống má. Một mớ vòng tay nhựa đen và chuỗi dây bạc như gần vuốt xuống cổ tay.

- Philip mới tốt nghiệp Đại Học Tổng Hợp Virgima, - ông Hal nói.

- Oai nhỉ ? - Cô ta chun mũi với tôi.

Trông ông ta không thoải mái lắm.

- Bác Deirdre, trông bác thật dễ thương? -Megan hôn gió cạnh má mẹ tôi. Môi cô ta chúm lại, rồi giãn ra đầy đặn như cũ. Đó không phải là cử chỉ bình thường của một cô gái mười bốn tuổi. Sau đó tôi bắt đầu liên tưởng cái hôn gió ấy với những cô gái tôi quen ở trường đại học và tình cờ gặp lại sau nhiều năm. Những cô mà tôi chưa bao giờ âu yếm thường chào tôi bằng cách bóp vào cánh tay và khẽ chạm vào tai.

- Mọi người uống gì ạ ? - Megan hỏi.

- Cho tôi một cốc bia, - tôi nói.

Megan đi vào bếp, mẹ tôi và ông Hal hòa vào đám người bên bếp. Cô ta quay lại mang theo hai cốc bia cao cổ và hất đầu về phía bố cô ta và mẹ tôi.

- Anh nghĩ thế nào? - Cô ta hỏi.

- Về cái gì?

- Hai người, - cô ta nhìn tôi, không chớp. Cô ta có đôi mắt sáng màu xám, sẫm hơn đôi mắt học trò. Hình như cô ta đang xem tôi có giả điếc hay không. - Thực lòng quý mến nhau, - cô nói. - Bố tôi cứ luôn có ý là hai người sẽ cưới nhau.

- Tôi mới về ngày hôm qua, - tôi cố ý định giữ sự ngốc nghếch của mình - tôi cố tìm hiểu - sau đó tôi rụt rè nói: - Mẹ tôi bảo là cha cô vừa được cứu thoát.

Cô ta khịt mũi, nhìn qua bả cổ về phía ông Hal, ông ta đang nói chuyện với bạn bè, một tay ra hiệu, một tay quàng qua vai mẹ tôi. Megan uống một ngụm bia. Tôi lấy làm lạ rằng có phải ông ấy cho phép cô ta uống hay cô ta chỉ ra vẻ thế thôi.

- Phải, bố tôi được cứu thoát, - cô ta nói.

- Thế còn cô, cũng được cứu thoát chứ?

- Không. - Megan phá lên cười.

- Cô tin vào cái gì?

- Ồ, tôi không biết nữa, - cô ta cong môi lên, lúng búng trong miệng. Sự do dự khiến cô gần với tuổi của mình hơn.

- Thế còn anh tin vào cái gì? - Cô hỏi.

- Elliot, - tôi nói.

- Cái gì?

- Nước táo của Elliot. Có một đoạn trích ngắn bên trong nút chai.

Cô lắc đầu.

- Mỗi buổi sáng tôi trầm ngâm suy nghĩ suốt một giờ trước khi chọn chai đầu tiên, -tôi cúi xuống gần hơn và hạ giọng. - Tôi tin vào câu trích mà tôi đã chọn. Mỗi ngày tôi sống theo sự thông thái ghi bên trong nút chai - trừ khi tôi uống hai chai, thì tôi lại phải thay toàn bộ triết lý của mình vào buổi trưa.

- Cô ta cười rồi nhìn sang tôi để khẳng định là tôi đang nói đùa.

- Đó cũng là một thứ đáng để tin, tôi nghĩ thế, - cô ta nhìn ra sân. Cô là một trong những cô gái cố làm mình xấu đi nhưng không thành công. Tóc cô cắt ngắn quá tai một chút, một kiểu mũ đặc sắc bằng tóc đen khoe chiếc cổ dài. Cô ta làm ra vẻ một tay ăn chơi bụi đời, nhưng gương mặt lại khiến cô khác hẳn. Hai má hơi tròn, mặt lác đác tàn hương. Megan. Thật không thể thô lỗ với cái tên đó được. Chiếc áo phong đen cắt rộng, lờm xờm quanh cổ, buông xuống quá ngực vài inxơ và cứ để thả như thế. Tôi muốn luồn bàn tay vào dưới chiếc áo ấy.

- Tôi phải gọi điện, - cô ta đột ngột quay đi, bước về phía ngôi nhà.

Mẹ tôi giới thiệu tôi với những vị khách khác. Chúng tôi lắng nghe một bà cao lớn vung vẩy tay kể câu chuyện phức tạp mà cuối cùng lại hóa ra là nội dung một bộ phim. Một ông vận đồ ngựa trang nói với ông Hal về mục

tiêu huấn luyện và mua một khẩu súng trường mới. Tôi ăn đồ ăn người ta mang tới. Tôi nhận thấy mùi than củi, đôi vai trần của Megan, mùi của bóng đêm và ánh sáng quện vào nhau trong buổi tối trong xanh ấy. Ông Hal đi vòng tới chỗ mẹ tôi và tôi.

- Cháu đã có dịp nói chuyện với Megan chưa? - Ông ta hỏi.

- Rồi ạ, - tôi nói. - Cô ấy lớn quá.

Ông Hal nhìn tôi chằm chằm, cố đoán xem tôi có ý gì.

- Bác nghe nói ở trường cháu học hành khá lắm. Có lẽ cháu sẽ khuyến khích Megan. Nó thông minh nhưng không cố gắng gì.

Tôi gật đầu và cố tỏ ra hiểu vắn đề. Ông ta khiến tôi nhớ đến sự trẻ trung của cô ấy. Tôi sợ rằng bất cứ cái gì mình nói đều sai hết.

Sau đó, khi mẹ tôi chuẩn bị về, tôi thấy ông Hal kéo bà về phía mình, vòng tay qua eo để đi chào tạm biệt bạn bè của ông ta.

- Anh vui vẻ chứ? - Câu hỏi của Megan khiến tôi giật mình.

- Không đúng như kiểu liên hoan của bọn tôi, - tôi nói.

- Kiểu liên hoan của anh thế nào cơ? - Giọng cô ta nhỏ nhẹ, lắng lơ.

- Tôi không biết, - tôi nói vội, sợ bố cô ta nghe thấy giọng nói hay từng lời nói của cô ta.

- Vâng, tôi nghĩ là chúng ta sẽ còn gặp nhau nữa, - cô ta nhìn tôi, mắt mở rộng bên dưới mái tóc.

Vào mùa hè, Washington là một thành phố nhiệt đới. Suốt ngày bầu trời nặng trĩu sắp mưa và cuối cùng thì mưa như trút nước xuống nhưng bầu không khí vẫn nặng và nóng. Mùa hè năm ấy tôi tiếp tục công việc còn bỏ dở, nghiên cứu số giấy tờ đã được phân loại, gặp gỡ các sinh viên làm việc cho các công ty tôi quan tâm. Tôi cảm thấy như mình đang bước đi trong một đám mây vô tận. Tôi uống nước táo, hy vọng tìm thấy lời đoán cho tương lai. Một hôm, trong nút chai viết :

"Chỉ có một thành công duy nhất, đó là sống cuộc đời mình theo cách của mình".

(Christopher Morley)

Tôi không biết cách sống của tôi là gì. Ban đêm tôi đi chơi cùng đám bạn cũng đang mù mờ sau khi ra trường nhà tôi. Mỗi buổi sáng tôi đọc hết tờ *Bưu Điện Washington* như thể một ngày nào đó tôi sẽ tìm thấy trong trang báo đúng điều tôi phải làm. Gần như lúc nào tôi cũng nghĩ tới Megan. Tôi cố không nghĩ nữa. Tôi nhớ về cô khi tôi tỉnh dậy sớm trong cái nóng của mùa hè, cùng với những hình ảnh lơ mơ của giấc mơ. Ban đêm tôi cũng nghĩ tới Megan: cái miệng cô và cái cách cô ghé chai lên miệng. Tôi hình dung mình sống chung cùng một nhà với cô. Tôi tưởng tượng cô bước ra khỏi buồng tắm, bước qua phòng tôi, người choàng khăn tắm, ẩm ướt.

Thỉnh thoảng mẹ tôi hỏi tôi về các bạn gái tôi đã đi chơi ở trường đại học, nhưng những câu hỏi đó chỉ tình cờ thôi, mẹ tôi hỏi về giáo sư, về một kỳ thi khó. Tôi chắc là mẹ tôi chẳng muốn biết gì quá đặc biệt, câu trả lời của

tôi có thể làm mẹ tôi lúng túng. Mẹ tôi vừa là quần áo cho tôi vừa hỏi về những cuộc phỏng vấn mà thực ra chẳng phải là phỏng vấn gì hết, chỉ là vài câu chuyện với mấy người có địa vị trong xã hội. Tôi mong đến ngày nghỉ cuối tuần, lúc đó tôi không phải trả lời câu hỏi của mẹ tôi; nhưng khi tỉnh dậy một mình, ánh nắng tràn vào phòng, bên dưới nhà im ắng, tôi thấy như ông Hal có mọi thứ trong ngôi nhà kính cách đây vài dặm: ông ta cùng mẹ tôi ăn sáng trong bếp; trên gác Megan ngủ dậy muộn. Tôi hình dung mặt cô ta ửng đỏ vì ngủ, nhăn nhăn trên gối, mái tóc mượt xộc xệch. Tôi muốn cô ta không mang cái vẻ muốn làm người lớn. Tôi tưởng tượng cánh tay cô quàng lên cổ tôi cặp giò dài quấn lấy chân tôi. Tôi cố nghĩ xem trông cô ta như thế nào trong bộ đồ mỏng và tôi nằm trên giường hàng giờ, tự hỏi xem cô có còn trinh hay không. Tôi cứ tưởng tượng tới lúc kiệt sức. Sau đó tôi lại ngủ và khi tỉnh dậy tôi cố nghĩ cách làm thế nào để quên chuyện đó đi.

Một buổi sáng thứ bảy, mẹ tôi gọi từ nhà ông Hal và bảo tôi đến ăn tối. Tôi vừa mới ngủ dậy và đứng trong bếp vừa nghe mẹ tôi nói qua điện thoại vừa đợi cà phê chảy hết. Thật là lạ khi được mẹ mình mời tới ăn tối ở nhà người đàn ông khác. Đêm hôm đó, vừa lái xe tôi vừa nghĩ tới ông Hal, nhận xét của tôi về ông ta hơi thay đổi một chút sau mỗi lần gặp. Đêm nay hình như ông ta tự tin, thỏa mãn, nhưng lại có sự khác lạ giữa ông ta và mẹ tôi, như thể họ là chiếc trái và chiếc phải của một đôi giày. Ông Hal khẳng khẳng đòi nấu nướng và bê đồ ăn lên, dường như bếp nhà ông ta vẫn chưa phải chỗ của

mẹ tôi vậy. Ông ta đi lại quanh bàn phục vụ chúng tôi, tôi nhìn bóng ông ta trong chiếc cửa sổ lớn. Ông ta có dáng người vạm vỡ, vuông vức - chiếc áo cao cổ nào của ông ta cũng chật ngực - nhưng ông ta như một cái bóng xanh xao chồng lên hình ảnh của cha tôi, một bóng người tối sẫm trong suốt, bằng không khí.

Megan vội vã đi vào bếp, chộp một quả táo ở trên giá. Cô ta mặc chiếc váy ngắn màu đen, giày cao cổ áo phông thun.

- Con đi đâu vội thế? - Ông Hal hỏi:

- Con nói rồi, con sẽ đi xem phim với Jill.

Ông Hal dừng lại một lát, tay cầm chiếc thìa giờ lên chảo.

- Con đã nói với bố tuần trước rồi. Phim *Cuốn theo chiều gió*, - giọng Megan rất đĩnh đạc, nghe cứ như cô đang nói với một đứa bé. - Chúng ta còn nói rằng bộ phim đó rất dài, bố nhớ không?

Ông Hal mỉm cười, nhưng căng thẳng.

- Thế còn bữa tối thì sao?

- Hừm, món mì hấp. Để phân con một ít. Đừng để Philip ăn hết, - Megan cười nhả nhỏ với tôi và vội vã đi ra cửa.

Đêm hôm đó, về nhà tôi ngồi trước ti vi, lướt qua tất cả các kênh hai lần rồi tắt đi. Tôi cố tự nhắc mình nhớ những gì đã học được về đàn bà mấy năm vừa rồi.

Tôi thấy rằng những cô ăn mặc bụi bặm và tin tưởng ở bề ngoài của mình thì thường thích nói hơn là lên giường. Tất nhiên bạn không bao giờ biết chắc chắn

nhưng có những cô nàng thẳng thắn, cài khuy kín từ đầu đến chân, hơi vụng về, thậm chí còn xấu hổ nữa, những cô này thường có bao tránh thai trong túi.

- Ông Hal nghĩ gì về con rồi?

Tôi và mẹ tôi ngồi trong bếp. Tôi đã nấu xong bữa tối, mì ống với sò, bởi vì hình như mẹ tôi mệt mỏi và tôi lại vừa thêm một tuần nữa không làm được gì. Mẹ tôi điều hành một xưởng in ở Bethesda, in quảng cáo dán và quảng cáo phát tay. Đó không phải là một việc tồi, mà đôi khi còn rất sôi nổi. Người chủ ở đó vẫn nói rằng ông ta sẽ về hưu để mẹ tôi lên thay.

Tôi mua một chai rượu cho bữa tối, mặc dù mẹ tôi không hay uống. Tôi rót mỗi người một cốc và mẹ tôi ra hiệu dừng lại khi mới rót được một ít, nhưng tôi cứ rót tiếp. Tôi nhớ những giờ như thế này ở trường, ngồi bên ngọn nến với vài cốc bia, tán phét về các giáo sư, kể chuyện, nói dối và ngắm mặt trời lặn qua dãy núi Blue Ridge.

- Mẹ phải có bộ quần áo mới để đi nhà thờ vào chủ nhật, - mẹ tôi nói.

- Mẹ đi nhà thờ à?

- Mẹ đã đi được vài tuần rồi, - mẹ tôi xúc mì vào thìa và ăn một miếng to.

- Nó như thế nào?

- Nó đẹp lắm.

- Nhà thờ tất nhiên là đẹp rồi. Nhưng như thế nào?

Ừ đó là một buổi lễ bình thường, nhưng mọi người rất thành kính. Nó hơi lạ. Khi họ cầu nguyện, họ giơ tay lên

trời, - mẹ tôi giờ lần lượt từng tay lên cho tôi xem, lòng bàn tay xòe ra như cầu xin. - Đôi khi, - mẹ tôi cười khúc khích, - họ giờ một tay như ở lớp học.

- Ông Hal có làm như thế không?

- Không, - mẹ tôi đáp. - Nhưng lạ lắm. Đôi khi mẹ tự hỏi hay là có gì không ổn. Mẹ chẳng cảm thấy gì cả.

Mẹ tôi khẽ mỉm cười, tươi hẳn lên vì lời thừa nhận đó và rót thêm rượu ra. Mẹ tôi vừa có hai cử chỉ khác thường, giờ bàn tay lên, rót thêm rượu ra cốc. Cử chỉ lạ thường ấy khiến bà trẻ ra, tự tin hơn.

- Việc này, - mẹ tôi ngần ngại nói, quan trọng đối với ông Hal, ông ấy muốn mẹ quan tâm hơn. Mẹ không ngại, nhưng... - giọng mẹ tôi trượt đi.

- Nhưng sao?

- Mẹ nghĩ nếu mẹ quan tâm quá thì ông ấy nghĩ đã nắm chắc được mẹ rồi. Tất nhiên ông ấy không bao giờ nói thế, nhưng...

Tôi nhìn ra cửa sổ. Bầu trời xanh xao qua các tán lá cây.

- Nếu ông ấy thực lòng yêu mẹ, thì thế nào ông ấy cũng muốn có mẹ, - tôi nói.

- Mẹ nghĩ thế, - mẹ tôi thở dài và nhắc đĩa lên.

Sáng hôm sau mẹ tôi nói sẽ cùng Megan đi mua đồ.

- Mẹ và Megan à?

- Ông Hal nói ông ấy sẽ mua cho Megan vài thứ quần áo nếu nó chịu mặc cái gì đó không phải màu đen.

Khi xe của ông Hal rẽ vào con đường nhỏ, tôi nhấc tờ báo lên như thể mình không đợi ai. Mẹ tôi mở cửa và tôi nghe thấy mẹ tôi và ông Hal bàn bạc kế hoạch. Đôi giày của Megan gõ lộp cộp qua sàn bếp. Tôi nghe thấy cô ta mở chạn và lấy thứ gì đó để uống. Khi mẹ tôi đi lấy ví, Megan bước vào và ngồi cạnh tôi trên ghế sofa.

- Cô và mẹ tôi đi mua sắm à? - Tôi đặt tờ báo xuống.

- Bố tôi xếp đặt đấy, ông ấy muốn chúng tôi kết bạn, - cô ta nói như tuyên bố. Khi cô ta nhìn quanh phòng, tôi thấy nhà mình mới nhỏ làm sao. Cô ta ngả người và duỗi chân ra, nhìn lên trần nhà. Tôi muốn vuốt ngón tay dọc theo bắp chân cô.

- Nhưng tôi thích mẹ anh, bà ấy là người tốt và ngây thơ.

- Ngây thơ à?

- Bà ấy bao giờ cũng tin tưởng con người là tốt đẹp lắm.

Quan sát của cô ta khiến tôi ngạc nhiên. Điều đó đúng. Mẹ tôi bao giờ cũng có cách giải thích cho hành vi xấu xa của con người. Giết người, hiếp dâm, trộm cướp, mẹ tôi tin rằng có đủ thời gian thì cái thiện sẽ được bộc lộ hết ra ngoài. Tôi không biết nên gọi đó là sự lạc quan hay ngu ngốc.

Khi họ đi, ngôi nhà vắng hẳn. Tôi cầm cuốn tiểu thuyết lên rồi lại đặt xuống. Chiếc đồng hồ gỗ sồi kêu tích tắc to hơn, nhanh hơn dường như nó làm cho đồ sứ trong tủ bên dưới kêu lách cách.

Mẹ tôi trở về đem theo cả một bộ đồ - váy và áo sơ mi bằng vải xanh nâu với các đường chỉ màu. Một chiếc áo vét rộng thùng thình khoác ra ngoài.

- Nó đẹp tuyệt vời với bác đấy, - Megan cười nhún nhủ khi ướm bộ quần áo lên người mẹ tôi.

- Cháu có nghĩ là bố cháu sẽ thích không? - Mẹ tôi sờ ngón tay vào chúng.

- Bố cháu thích tất cả những gì bác mặc, - giọng Megan khuyến khích. Cô ta cầm chiếc thắt lưng mềm mại và nghịch ngợm quấn vào đầu mẹ tôi.

- Thế còn cô? - Tôi hỏi.

- Bố tôi bảo sẽ cho tiền mua bất cứ cái gì tôi muốn với điều kiện nó không đen và không hở rốn. - Megan lôi ra một chiếc áo xanh nhạt nhạt bằng vải bông bóng mịn. - Bông gạo đấy. Nó làm bằng hạt, trông nó treo mồi khiếp chứ - Cô ta nhìn tôi, thách thức tôi tưởng tượng cô ta trong bộ quần áo này, sau đó cô ta giơ nó lên và quay một vòng. - Không đen. Trông thật vĩ đại.

Sau đó, xong chuyện với tôi, cô ta ôm lấy mẹ tôi, cảm ơn bà vì sự tiếp đón ngọt ngào và đã dẫn cô ta đi chợ.

Vài ngày sau, mẹ tôi bảo tôi đi ăn tối với bà và ông Hal. Mẹ tôi nói rất thận trọng với hàm ý là nó sẽ quan trọng lắm.

- Megan cũng đến chứ, mẹ?

- Mẹ không nghĩ thế, - mẹ tôi nói.

- Cô ấy thích mẹ, - tôi nhớ lại lúc cô ta ôm hôn mẹ tôi.

- Chuyện li dị rất nặng nề với nó, ông Hal nói đã phải phiên toái vì nó, nhưng hình như họ sắp giải quyết xong rồi. Quả là một bước dài để nó trở về với ông ấy.

- Có chuyện gì phiên toái? -Tôi hỏi.

- Ô, đó không phải là chuyện để mẹ kể ra đâu.

- Mẹ, mẹ đã bắt đầu thì hãy kể nốt đi.

- Mẹ chỉ nói là hơi khó khăn thôi.

Mẹ tôi cứ chính xác đến bực mình. Bà không phải là kẻ ngồi lê đôi mách. Megan đã làm gì? Nghiện hút? Có thể. Có thai? Quá trẻ. Tôi cứ luẩn quẩn trong đầu. Tưởng tượng ra những khả năng ấy khiến tôi phát ghen.

Khi ông Hal đến đón chúng tôi đi ăn tối, không có Megan đi cùng. Ông ta mở cửa xe cho mẹ tôi, khẽ chạm vào tay khi bà ngồi xuống. Tôi buông mình xuống ghế sau, quan sát các dãy cửa hàng, cửa hiệu san sát khi ông Hal khéo léo điều khiển xe xuống Rock ville Pike, cẩn thận lách qua xe cộ. Vài chiếc xe nóng lòng bóp còi phía sau. Khi chúng tôi bước ra khỏi xe, cái nóng từ mặt đường bốc lên gặp cái nóng trong đầu tôi. Bên trong nhà hàng, lưới đánh cá và đồ đi biển giả treo trên tường. Mùi cá và bơ khiến tôi thấy đói. Ông Hal hỏi tôi về chuyện tìm việc làm. Tôi đọc cho ông ta nghe danh sách ngày càng dài các thất bại.

- Ừ thật khó mà biết được cháu muốn làm gì. Bác cũng không định làm nha sĩ ngay từ khi ra trường đâu.

- Bác đã làm gì khi tốt nghiệp? -Tôi hỏi.

- Bác đến California, lướt ván một thời gian, sau đó thì bác đi Alasca. Bác có một bài viết lãng mạn lắm về

công việc ở đây, nhưng rồi sự hoang vắng khiến bác phát điên lên, vì thế bác trở về và vào quân đội. Bác biết là họ sẽ trả tiền để đào tạo bác.

- Tại sao bác chọn nghề nha sĩ? - Tôi hỏi.

- Bác khéo tay. Bác biết cách nói chuyện với mọi người, và bác nói với cháu là nếu cháu phải làm việc thì đồng thời cũng phải kiếm ra tiền nữa.

Tôi thích sự thẳng thắn hay là lời giải thích của ông ta. Suốt bữa ăn chúng tôi nói về việc làm, về trường học. Ông ta có nói đến săn bắn và tôi hỏi vài câu về việc săn mòng mòng. Dường như chúng tôi đã nói chuyện đó hàng tuần rồi. Cuối cùng ông Hal uống một ngụm nước và xếp đặt lại bộ đồ ăn bằng bạc bên cạnh đĩa.

- Bác muốn nói với cháu là bác yêu mẹ cháu nhiều lắm. Bà ấy quả là người phụ nữ hiếm có. Bác cũng muốn nói là mấy năm vừa rồi bác có theo đạo. Chúa là tâm linh của cuộc đời bác. Bác biết mỗi người đến với Chúa một cách khác nhau và bác không bao giờ muốn cháu cảm thấy bác ép buộc cháu khi nói ra những suy nghĩ này về Người.

Tôi không thể nhìn mẹ tôi. Sự trung thực của ông ấy thật đau đớn. Tôi thấy mình đỏ mặt.

- Vâng, cháu rất tôn trọng những gì bác đã nói với cháu, - tôi nói.

Bác còn muốn cháu biết rằng cháu bao giờ cũng được đón tiếp nồng nhiệt ở nhà bác. Đừng có lo lắng khi phải mất nhiều thời gian mới tìm được việc làm cháu thích. Bác biết cháu là người tự lập thực sự. Hãy chu đáo với

công việc đầu tiên này của cháu, - ông ta cầm tay mẹ tôi và siết chặt.

- Cảm ơn bác.

Tôi với tay lấy cốc rượu. Nó đến hết, tôi cầm nó lên, và cảm thấy phải có ý kiến gì đó về lời nói của ông Hal, nhưng tôi lại không có gì để nói nữa. Tôi cảm thấy sự im lặng khi buông tay xuống. Chỉ còn lại một cốc rượu và tôi không muốn rót cho mình. Ông Hal đã làm việc đó cho tôi.

- Còn Megan, nó quý cháu. Đừng ngại nếu nó xử sự láu cá. Nó cần phải lớn lên chút nữa.

- Cô ấy là cô gái đáng mến, - tôi nói và cảm thấy mình đỏ mặt.

Cô chiêu đãi viên đem cà phê quay lại và cuộc nói chuyện của chúng tôi trở lại bình thường.

Tôi tỉnh dậy buổi sáng hôm sau, tôi hiểu rằng Megan không còn quan trọng nữa. Tôi phải chấm dứt nghĩ về cô ta. Tìm được việc làm để đủ thuê căn hộ riêng là lối thoát duy nhất. Vào lúc mười một giờ, tôi có cuộc hẹn ở Ngân hàng Thế giới với cha một người bạn cùng phòng. Chuẩn bị đi, tôi nhìn vào gương và thấy sáng khoái hơn. Tôi sẽ có việc làm và chỗ ở riêng. Tôi mua nước táo và bước ra khỏi tàu điện ngầm, và chiếc nút chai lần nữa khẳng định lại ý tưởng của tôi:

Với người không chú tâm vào việc gì cả thì không bao giờ có cuộc sống bình yên.

(Bhagavad Gita)

Người ta chỉ cho tôi một văn phòng trông giống như thư viện riêng. Trên tường đầy các giá sách, tranh sơn dầu và ảnh cha của Paul bắt tay các yếu nhân. Một bộ gậy chơi gôn để trong góc. Cha Paul ra hiệu bảo tôi ngồi xuống ghế bành. Cô thư ký xuất hiện ở cửa hỏi tôi có muốn uống cà phê không. Khi cô ta đóng cánh cửa lại, căn phòng có điều hòa nhiệt độ bịt kín chúng tôi. Sau khi nhìn lại bản tóm tắt của tôi và hỏi vài câu. Ông ta nói với tôi rằng hồ sơ của tôi cũng hạng thường thôi, rằng trên thực tế, học tiếng Pháp không có ý nghĩa gì hết. Lẽ ra tôi phải học tiếng Tây Ban Nha, tiếng Đức, Nhật hay tiếng Nga - những thứ tiếng quan trọng. Tôi nghe lời khuyên lịch sự của ông ta và xin cáo từ càng nhanh càng tốt.

Đi xuống đường, tôi nhìn dòng người qua lại vội vã tôi lấy làm lạ tại sao tất cả bọn họ lại kiếm được cái gì đó cần thiết để làm. Một người đi xe đạp len lỏi đi qua dòng xe cộ đông đúc; những người đi bộ tránh anh ta và nhìn theo tức giận. Tôi tháo cà vạt, áo complê của tôi ướt đầm lưng. Ở cổng tàu điện ngầm, một người đàn ông què cả hai chân tựa vào chiếc ghế vuông. Ông ta chìa cái cốc giấy ra, tôi tức giận nhìn ông ta và bước lên cầu thang máy.

Khi bước vào nhà, ngôi nhà như bé hơn. Tôi nhìn bức ảnh của tôi, mẹ và cha. Họ vừa quen thuộc vừa giống nhau. Ngôi nhà im ắng. Tôi đi tắm, đi tẩy rửa cái buổi sáng hôm nay và khi bước ra thì điện thoại reo.

- Chào Philip. Mẹ anh có đấy không? - Đó là Megan.

- Bà ấy đi làm. Cô muốn tôi nhắn lại không? - Tôi không muốn cô ta bỏ điện thoại vội.

- Không, - cô ta im lặng một lát rồi giọng nói lại vang lên. - Thôi được, tôi đoán hôm qua anh vừa có cuộc nói chuyện về Chúa đúng không?

- Phải, đó không phải là toàn bộ câu chuyện.

Megan cười khúc khích:

- Đây, anh có muốn đi vào thành phố, chỉ đi loanh quanh thôi? Tôi đang muốn đi khỏi nhà.

- Có chứ, - tôi nói không cần suy nghĩ.

- Hay lắm. Đến đây khoảng nửa giờ nữa, được không?

Tôi quần khăn tắm quanh bụng và đi mặc quần áo.

- Đêm qua ông ấy đã nói gì?

Chúng tôi lái xe về phía quận Columbia không có mục đích gì cụ thể. Tôi cảm nhận được việc mình ngồi với cô ta trong một khoảng không gian chật hẹp. Cô tựa vào cửa xe, chân nghiêng về phía tôi.

- Nói đi, ông ấy nói gì? - cô ta hỏi lại.

- Ông ấy bảo là rất yêu mẹ tôi, và nhà thờ quan trọng như thế nào, chỉ có thể thôi - tôi quá lúng túng nên không thể nhắc lại lượng từ ông ta nói.

- Chỉ thế thôi à? - Cô ta hỏi.

Megan chỉ đường khi chúng tôi tới gần thành phố: Quẹo chỗ này, rẽ trái chỗ kia. Cô ta ra lệnh cho tôi đi lòng vòng thật là nực cười. Chúng tôi đỗ lại ở Dam Morgan, chung cư của người Tây Ban Nha, giờ đây sang trọng hẳn lên vì các nhà hàng, cửa hiệu bán băng và quầy rượu.

- Tôi đói quá, - Megan nói - Tôi biết có quán của người Mêhicô rẻ lắm.

Cô ta dẫn tôi xuống một phố thương mại ở khu nghèo xơ xác của thành phố. Một người đàn bà mắt đảo điên nốc chung chai rượu với hai người đàn ông. Ở góc phố, quầy đồ tiền đông người. Nhà hàng không có khách, trừ gia đình người Mêhicô ngồi trong góc. Sự yên lặng mờ ảo ở đây thật dễ chịu: chúng tôi lánh mình khỏi thế giới đời thường. Megan kể cô ta đã tìm thấy nhà hàng này như thế nào, nhưng tôi không chú ý tới lời cô ta nói. Tôi ngắm nhìn miệng cô, những ngón tay dài, mười móng tay đỏ thắm hoàn hảo. Trái chanh ướp lạnh và muối tan trong miệng và ấm nóng lên trong dạ dày. Megan ăn chậm, nhẩn nha từng miếng cà chua.

- Em rất sốt ruột được đi học đại học, - cô ta nói. - Không có ai xung quanh theo dõi xem ta làm gì.

- Sống với bố cô tốt hơn chứ?

- Bố kỳ quặc, mẹ kỳ quái, đó là một kiểu thỏa hiệp, - cô ta khuấy ly nước, làm rớt muối xuống tạo thành một vết bẩn.

- Tại sao cha anh chết? - Cô ta hỏi.

Câu này khiến tôi ngạc nhiên.

- Ông ấy bị ung thư. Một căn bệnh khó sống sót.

- Lúc đó anh bao nhiêu tuổi?

- Mười ba.

- Tuổi đó quá non để chịu đựng chuyện ấy, - cô ta nói.

Tôi cười phá lên. Nét mặt cô ta chuyển từ quan tâm sang giận dữ.

- Cái gì? - Cô ta hỏi như ra lệnh.

- Tuổi non, giọng cô nghe từng trải quá.

- Không phải đến cái tuổi nhất định nào đó mới biết được mọi thứ, - cô ta lừ mắt nhìn tôi rồi ngồi lại xuống ghế. Sau đó, cô ta nhìn sang bức tranh treo trên tường. Chiếc cầm hơi tròn run lên.

- Tôi xin lỗi.

Cô ta khoanh tay lại và nhìn ra xa.

- Không sao, - cô ta nói. - Có lẽ chúng ta nên đi.

- Tôi thực lòng xin lỗi.

- Vậy thì trả tiền đi, - cô cúi xuống bàn và đẩy hóa đơn về phía tôi.

Chúng tôi rời khỏi đó và bước ra ngoài ánh nắng chiều muộn. Tôi muốn chạm vào cô, muốn quàng tay lên cổ cô. Chúng tôi đi bộ dọc xuống các dãy phố buôn bán, và khi dừng lại để xem vài gian hàng, tôi cảm thấy nổi tức giận của cô đã nguôi đi.

Trên đường Columbia, chúng tôi rẽ sang phía tây và ngồi xuống gần một sân chơi trên đỉnh đồi.

- Em có nghĩ là việc được cứu sống đã làm ông ấy thay đổi? - Tôi cảm thấy mình triết lý, rượu đôi khi làm ta nghĩ về Chúa.

Chúng tôi nhìn qua sân chơi. Bầu trời màu hồng và màu da cam phía sau những ngôi nhà cao tầng vây quanh công viên. Hai thằng bé mũm mĩm bắt đầu nghịch chiếc máy kéo bằng nhựa.



- Ông ấy đã thay đổi, nhưng buộc phải thế. Ông ấy đã bị bắt quả tang. Và ông ấy biết lỗi, - giọng Megan chua chát.

- Ông ấy bị bắt?

Cô dừng lại và cân nhắc điều gì đó.

- Ông ấy cần phải làm được gì đó từ tất cả những chuyện đã xảy ra. Ông ấy không thể để mọi chuyện om sòm và cứ sống theo cách của mình. Ông ấy phải làm gì đó tử tế, - cô hắt hơi khi nói từ "tử tế".

- Tử tế à?

- Phải, - cô đập chân lên tường. - Một lần em nhận được sổ học tập rất tốt, toàn loại A, chỉ một loại B. Trước đây, em luôn là một học trò đứng đầu lớp, và em vui mừng đến mức vừa tan học là đến thẳng văn phòng của ông ấy ngay, xưa nay chưa bao giờ em làm thế. Phòng đợi chẳng có ai. Văn phòng của ông ấy đóng cửa, nhưng em nghe thấy có tiếng động bên trong, em bước tới định gõ cửa, rồi nghe thấy giọng đàn bà, những âm thanh khe khẽ, rồi không khe lắm. Âm thanh nhanh dần lên, to dần lên, và em cứ đứng đó, lắng nghe. Cuối cùng, tiếng động dừng lại và em nghe thấy giọng cha em và một người đàn bà cười khúc khích, em quay đi và rời khỏi đó.

- Lúc đó em bao nhiêu tuổi?

- Mười một, mười hai, em đoán thế.

- Em không nói với ai à?

- Không, mẹ em cũng biết chuyện bằng cách khác.

Bụng tôi dội lên như vừa bắt ngờ đâm phải ổ gà giữa đường. Tôi nghĩ về mẹ tôi, không biết ông ta có làm điều đó với bà không?

- Thế khi toàn bộ câu chuyện vỡ lở là lúc cha em được cứu thoát à?

Megan gật đầu.

Cô vòng tay qua lưng tôi. Sau đó cô ngả người vào tôi và tôi trượt tay theo tay cô, vuốt mái tóc cô.

- Anh rất tiếc.

- Anh không liên quan gì tới chuyện đó, - giọng cô lạc đi như sắp khóc.

- Anh chỉ muốn nói rằng anh rất tiếc vì chuyện đó đã xảy ra.

- Phải, mọi chuyện vẫn luôn xảy ra. Em vẫn cho rằng cha em là một kẻ khốn nạn. Và em căm ghét tất cả cái chuyện xấu xa này. Em biết nguyên nhân của nó.

- Nhưng em nghĩ rằng ông ấy thực sự thay đổi.

- Em nghĩ như vậy. Đó cũng là lý do tại sao em tức giận, bởi vì bây giờ ông ấy đã cảm thấy hoàn toàn vui vẻ còn em thì vẫn thấy mình là một nhóc đứng ngoài cửa với quyển sổ học tập ngu ngốc, nghe ông ấy bậy bạ với y tá.

Tay chúng tôi vẫn quàng lên nhau và tôi bỗng nhớ đến chân tay mình, cứ như đang hát trước đám đông và không biết phải để vào đâu. Tôi khẽ ôm cô, không biết phải nói gì. Hai cô bé mang túi đi chợ sặc sỡ đi qua, và tôi tưởng tượng Megan lúc mười hai tuổi - đứng ngoài cửa, mặt xanh xao và lấm tấm tàn nhang, nghe những âm thanh của cha và y tá. Tôi vuốt ve tay cô, nhưng cô

làm ngơ và nhìn qua sân chơi. Tôi cúi xuống hôn lên vai, cô quay lại và ngắm nghía tôi, sau đó cô vòng tay qua cổ tôi và hôn tôi, đầu tiên hơi ngượng ngùng, sau đó thì không hề ngượng chút nào. Chúng tôi cứ ngồi như thế rất lâu, nói chuyện và hôn nhau tới khi trời tối.

Khi tôi về nhà, mẹ tôi đang xem ti vi, đèn tắt. Thường thì bà đọc sách, cuộn tròn trong chiếc ghế. Ánh sáng xanh làm hằn sâu những nếp nhăn trên mặt bà. Một tiếng cười bật ra từ ti vi. Mẹ tôi hỏi cuộc phỏng vấn của tôi thế nào, thoát đầu tôi không nhớ bà đang nói về chuyện gì. Sau đó tôi nhớ lại buổi sáng hôm nay và bắt đầu giải thích tại sao lại thất bại. Thậm chí trong bóng tối tôi cũng không thấy bà nghe, vì thế tôi nói dối trơn tru rằng tôi đã cùng một người bạn đi ăn tối.

- Mẹ khỏe chứ? - Tôi hỏi.

- Ừ, giọng bà khe khẽ.

- Mẹ và ông Hal cãi nhau à?

- Mẹ không cho rằng đó là cãi nhau, - bà nói. - Mẹ không muốn nói về chuyện đó bây giờ.

Mẹ tôi cố mỉm cười. Tôi muốn an ủi bà, nhưng lúc đó trong tôi đầy những suy nghĩ về hình ảnh của Megan. Khi tôi hôn lên tóc mẹ và chúc ngủ ngon, bà không hề động đậy.

- Mẹ có muốn con tắt tivi không? - Tôi đề nghị.

- Không, - mẹ tôi nói:

Tôi chạm vào tay bà và để bà ngồi một mình trước tivi những âm thanh khe khẽ. Tôi nghĩ xem ông Hal đã nói gì với mẹ tôi. Tôi sẽ phải nói gì đó với bà, nhưng tôi sợ.

Ngày hôm sau tôi lo rằng Megan sẽ lại rút lui vào cái vỏ bọc gai góc của cô. Nhưng khi tôi gọi điện cho cô thì cô gọi ý rằng chúng tôi sẽ gặp nhau. Chúng tôi chưa kịp sắp xếp thì chắc là ông Hal bước vào phòng, bởi vì giọng cô thay đổi hẳn và cô đặt máy.

Cả tuần đó là hàng loạt những cú điện thoại bị ngắt quãng và kế hoạch bị hủy bỏ. Tôi không thể đón cô, bởi vì văn phòng của ông Hal kề ngay nhà và người ta có thể nhận ra xe của tôi. Xung quanh đó lại không có tuyến xe buýt nào. Tôi bắt đầu căm ghét vùng ngoại ô.

Tôi tự nhủ rằng sẽ nói chuyện với mẹ tôi sau khi gặp lại Megan lần nữa. Tôi loại bỏ ý định ấy đi, bởi vì tôi không nghĩ ra cách nào để kể những điều tôi biết. Cuối cùng, vào một buổi tối thứ năm, mẹ tôi đi ăn tối với ông Hal về sớm. Bà vào bếp, ngồi xuống và tháo giày ra.

- Mẹ, có phải ông Hal đã kể với mẹ về cuộc hôn nhân của ông ấy, chuyện ly dị và mọi thứ khác không? - Tôi cố làm ra vẻ hỏi tình cờ.

- Phải, ông ấy đã kể, - mẹ tôi đang phân loại thư từ, đặt nó vào từng ngăn nhỏ trên bàn. Câu trả lời xác nhận của bà khiến tôi ngạc nhiên.

- Ông ấy đã nói gì?

- Đó là chuyện của mẹ và ông ấy, đúng không?

Tôi đứng bên cạnh bàn giấy, rút ra rút vào chiếc đinh nhựa lớn, tạo thành một vòng tròn các lỗ đen nhỏ xíu.

- Vâng, nhưng trông mẹ có vẻ lo lắng. Con nghĩ con có thể làm gì được.

Bà ngẩng lên nhìn tôi vẻ ngạc nhiên.



- Cuộc hôn nhân đầu tiên của ông ấy thì không thể làm gì được nữa. Ông ấy bây giờ đã khác nhiều lắm.

Lời của bà khiến tôi giật mình, bây giờ đã khác nhiều lắm.

- Con có thể giúp gì được không? -Tôi chẳng biết nói gì khác.

- Không, Philip, -bà mỉm cười mệt mỏi. - Đó chỉ là chuyện giữa mẹ và ông ấy.

Tôi nhét chiếc đinh vào cái khuôn nhựa và quyết định lái xe đi một vòng.

Đêm hôm sau, Megan gọi điện cho tôi sau khi đi ăn tối cùng bạn bè về. Giọng cô nghe như thể cô vừa khóc.

- Có chuyện gì vậy?

- Barry, bạn em vừa bị tai nạn xe hơi.

- Còn sống chứ?

- Cậu ấy đang hôn mê.

- Em có muốn anh đến đó không?

- Vâng.

- Bố em ở đâu? - Tôi hỏi.

- Đi chơi với mẹ anh.

Trên đường tới nhà cô, tôi nảy ra ý nghĩ rằng có thể Barry là bạn trai cũ của cô. Tôi tắt radio và hạ cửa xuống. Không khí ban đêm mát mẻ khi tôi lái xe xuyên qua rừng cây rậm rạp. Cửa trước không khóa, và tôi bước vào. Megan đang nói chuyện điện thoại với một người bạn của Barry.

Khi rời khỏi máy, trông cô có vẻ bình thản, dường như vừa dàn xếp xong một chuyện gì đó. Không nói gì, cô bước tới bên tủ lạnh và rót hai cốc rượu lớn. Cô mặc chiếc áo không phải màu đen đã mua cùng với mẹ tôi: vải áo được bó vào một vòng khít làm nổi bật đường cong của eo, những nét nhấp nhô của sống lưng, tất cả dồn xuống nơi thon nhất. Cô đi xuống phòng khách, và tôi bước theo đôi chân dài của cô. Chúng tôi nằm xuống giường của cô và tôi cứ để cô kể về chuyện đã xảy ra, cho tới khi cô lại bắt đầu khóc. Tôi vội đáp nhanh, lạc điệu với nỗi buồn rầu của cô. Tôi luồn tay vào dưới chiếc áo của cô và vuốt ve thật nhẹ nhàng, thật chậm. Khi cô cởi khuy áo của tôi và chạm vào quần của tôi, thì tôi hiểu mọi việc thế là ổn, chỗ quần áo còn lại của chúng tôi cũng biến khỏi người nhanh chóng và khó hiểu.

Tôi nhìn xuống mặt cô, đôi vai của cô, bộ ngực phẳng của cô xanh xao trong ánh sáng nửa tối nửa sáng. Miệng cô há ra nhưng không có âm thanh gì. Cô cũng hòa đồng cùng với tôi, nhưng mọi cử động như một tấm gương của tôi chứ không phải của riêng cô. Cơ thể cô cũng thêm muốn, nhưng dường như cô đang ở đâu đó xa xôi, ở chốn của riêng mình. Tôi chờ đợi thật lâu rồi mới tiếp tục.

Sau đó tôi lơ mơ ngủ, mọi thứ trong cơ thể đã ổn định lại. Tôi nghe thấy có tiếng người nói ở trong phòng khách. Mẹ tôi và ông Hal. Tôi vụt tỉnh dậy, toát mồ hôi, căng tai ra nghe xem họ nói gì. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu họ thấy tôi ở đây? Lúc đó tôi nhớ ra chiếc xe của mình vẫn ở trong con đường rẽ. Họ đã biết cả rồi. Tôi cảm thấy dạ dày mình đang bị một bàn tay lạnh ngắt bóp nghẹt

lấy. Tôi nghe thấy tiếng ông Hal nói to và giận dữ trong phòng khách, tôi nhìn đồng hồ cạnh giường của Megan - một giờ ba năm. Megan ngẩng đầu lên khỏi gối và nghe họ nói. Cô khẽ nguyên rủa.

Chúng tôi nằm yên một lúc, rồi cô tung chăn ra và ra khỏi giường.

- Em định...

Cô nhắc chiếc ghế bên hòm và đặt dưới quả đấm cửa.

- Em không muốn ông ấy xộc vào đây, - cô nói.

Đầu óc tôi ong lên. Tôi nghĩ về lời ông Hal nói về việc thực tập; tôi tự hỏi xem ông có sủng hay không.

- Ông ấy giết anh chết mất, - tôi nói.

- Không, ông ấy không giết đâu. Ngoài ra đây không phải là cái việc mà ông ấy chưa từng làm.

Tôi không thể nhìn thấy mặt cô trong bóng tối, nhưng giọng nói thì cay đắng và lạnh lùng.

Chúng tôi nằm yên. Ông Hal vẫn đang quát tháo trong phòng khách, sau đó mẹ tôi cũng to tiếng nói lại, những lời mà nhiều năm rồi, tôi không còn nghe thấy nữa. Cửa trước nhà sập mạnh. Tôi nghĩ xem bà có lấy xe không. Mạch máu rần rật bên tai tôi. Nếu bà lấy xe và bỏ tôi lại đây thì ông Hal giết tôi mất. Tôi biết chắc thế. Tôi sờ vào chiếc quần bò vút dưới sàn và lục lọi các túi. Tôi đang cầm chìa khóa.

Sau đó lại giọng mẹ tôi:

- Đưa tôi về nhà.

- Hãy đi xe của con cô mà về.

Giọng mẹ tôi hạ xuống. Chắc hẳn bà đang giải thích rằng không có chìa khóa xe.

Cuối cùng, họ đi khỏi. Chúng tôi nằm im, nghe ngóng, và biết chắc là họ đã đi rồi. Ngôi nhà cọt két.

Bên ngoài, tiếng gáy của con dế, tiếng chim líu lo vang to hẳn lên.

- Ông ấy sẽ làm gì em? - Tôi hỏi.

Ông ấy sẽ giận dữ, nhưng sẽ không làm gì cả, - giọng của cô thản nhiên và bướng bỉnh. - Em sẽ bảo với ông ấy rằng em vẫn chưa được cứu thoát.

- Em không sợ phải ở nhà một mình chứ?

- Không, nhưng anh nên đi đi.

Tôi cố mặc quần áo thật nhanh trong bóng tối, nhưng ngón tay tôi dường như cứng nhắc và không tuân theo ý muốn.

Megan không mặc quần áo. Cô đứng dậy cùng với tôi và nhấc chiếc ghế ra khỏi nắm cửa. Chúng tôi đứng cạnh cửa, tôi vuốt tay xuống sau lưng cô, và muốn cảm nhận điều mà một giờ trước tôi đã có, nhưng tôi quá lo lắng và run rẩy nên không thể cảm thấy làn da mịn màng của cô dưới tay mình.

- Anh sẽ gọi điện cho em sáng mai.

- Được, anh nên đi đi, - cô nói.

Tôi vội vã lao ra xe, chìa khóa cầm trong tay. Lần thứ nhất xe không nổ, tìm tôi lại đạp thành thịch, nhưng lần thứ hai thì khởi động được, tôi lao ra khỏi con đường nhỏ.

Khi tôi về tới nhà, mẹ tôi đang đợi. Bà đứng cạnh bàn bếp; một bên tóc bà cong lên, mắt sáng.

- Con cần phải làm thế à? - Bà quát.

- Mẹ, con không cố ý ...

- Đó thực sự là đòn cuối cùng con có biết không? Đòn cuối cùng, trở lại nhà ông Hal và thấy hai đứa trên giường với nhau.

Mẹ tôi nhìn chằm chằm vào tôi dường như lúc này tôi khác buổi sáng.

- Con bé cố tình nhắm vào ông Hal. Nó không quan tâm gì tới con đâu. Mẹ hy vọng rằng con hiểu điều đó. Nó là một cô gái khó hiểu. Nó sẵn sàng ngủ với bất kỳ ai nếu điều đó làm ông ấy đau đớn.

Khi mẹ tôi quát, miệng bà như hình chữ nhật, tối om, lời lẽ từ đấy trôi ra. Tôi tựa vào cửa và nhìn qua bà, tôi không trông thấy gì ngoài ánh đèn bếp. Tôi nhớ lại sự lạnh lùng, buồn bã của Megan, khi cô đặt chiếc ghế dưới nệm cửa, nó lập tức vừa ngay, dường như đã chuẩn bị trước. Mọi thứ mà tôi muốn tin là vô tình lại cứ nối với nhau: ông Hal nhẹ nhàng dẫn mẹ tôi vào cửa, Megan trườn dưới người tôi. Mẹ tôi dừng lại để thở, những đường nét của bà nhập lại, trở thành con người tôi vẫn quen thuộc.

Nguyễn Thị Hiền Thảo dịch

GÁI HAI CHỒNG

Mikhail Sholokhov
Nhà văn Nga - Giải thưởng Nobel

Trên đồi, đằng sau hàng rào thưa thớt của những cột điện báo, là những chòm bù xù, lúp xúp của các khu rừng Katsalóp, Ataman và Rôgôgin. Một gò đất khô cằn trên mọc độc một cây mạn gai lồm chồm, gốc tựa vào thôn Katsalópka, còn những ngôi nhà nhỏ bé thấp lè tè của thôn thì trải dài tới tận khu nhà xây của tập thể Katsalóp.

Lẽ bên một quả núi nhỏ có nhiều con culi, anh Acxôni Kliúcvin, chủ tịch tập thể Katsalóp, đang đứng dạng hai chân, hơi ngả mình về phía trước. Gió thổi phần phật chiếc áo sơ mi buông lơ lửng trên mình anh, mồ hôi nhỏ giọt lăn từ trán xuống sống mũi. Bên cạnh anh, bác Actem đang đưa lòng bàn tay xù xì lên mắt, theo dõi nhìn chiếc máy kéo đang lật tung những mảng đất lảng bóng trên dải đất đen hoang dại đằng sau những gò đồng béc mùi của các hang culi. Từ sáng tới giờ, chiếc máy kéo đã làm được bốn *dexiatian*. Mà đấy mới chỉ là cày thử lần đầu. Acxêni mừng đến khô quánh cả họng, dõi mắt nhìn theo cái lưng gù gù của chiếc máy kéo cho đến tận cuối luống. Liếm đôi môi nâu bóng lên vì nóng nực, anh bảo:

- Thấy chưa, bác Actem, máy nó làm thế đấy! . . .

Còn bác Actem thì đang ì ạch, rên rỉ, bước thấp bước cao lún theo luống cày lổm chổm, vừa đi vừa nắm chặt hòn đất màu mỡ trong bàn tay gân guốc, xạm đen của mình. Bác bóp vụn nó ra trong lòng bàn tay rồi quay lại phía Acxêni, quăng chiếc mũ tàng xuống mặt đất vừa bị những lưỡi thép cào bóc, cất cái giọng như muốn phát khóc lên:

- Tôi thật khổ thân khổ đời! Năm mươi năm trời tôi làm lụng nuôi bò, bò làm lụng nuôi tôi... Ngày thì cày, đêm thì cho ăn, không biết nằm mơ là gì... Mà mùa đông thì lại héo hon đói khát... Giờ thì làm sao tôi có thể chịu đựng được cảnh đó nữa?

Một tay bác cầm cán roi chỉ vào chiếc máy kéo, tay kia bác khoa lên với vẻ đắc ý, đoạn bác lấy mũ úp vào đầu mà đi thẳng, không ngoái cổ lại.

Mặt trời đã chúi xuống sau gò để ngủ đêm. Chiều tà mùa xuân đã vội vã bao phủ cánh đồng. Bác lái máy cày đã nhảy ra khỏi buồng lái, đưa ống tay áo lên xoa bụi mờ trắng ở hai bên má.

Đến giờ ăn chiều rồi. Về đi, Acxêni Andrêêvich. Bây giờ các bà đã vắt xong bò rồi, mang sữa nóng đến đây cho tớ.

Lần bước theo những hàng lúa non vụ thu thấp lè tè, Acxêni quay về nhà. Vừa từ dưới thung bắt đầu bước lên dốc, anh bỗng nghe có tiếng xe bò kéo kẹt, rồi có tiếng một người đàn bà kêu rên thảm thiết:

- Đi, lũ trời đánh này! Lũ quỷ sứ nhà trời này, tao biết làm thế nào với chúng mày bây giờ. Đi-i-i!...

Hai con bò giống vào chiếc xe gỗ đang đứng ỳ bên cạnh đường, trên nền đất sét đầm sương chiều. Lưng bò cũng đầm mồ hôi, bốc khói lên. Một người đàn bà nhỏ bé vùng roi, nhẩy chồm chồm chung quanh chúng mà chẳng ăn thua gì.

Acxêni đi đã tới.

- Chào chị.

- Lạy Chúa, anh Acxêni Andrêêvich.

Một niềm vui nóng bỏng tràn ngập trong lòng Acxêni, hai đầu gối anh run lên:

- Ô, té ra Ana đấy?

- Vâng, tôi đây. Đang mệt lử về mấy con bò này, chúng nó chẳng chịu đi gì cả... Đến khổ...

- Ở đâu về thế?

- Ở nhà máy xay. Chở lúa mì đen về, mà lũ bò này không chịu nhích chân cho.

Công việc này đối với Acxêni nào có khó khăn gì, anh nhấc chiếc áo ngoài đang vắt trên vai, ném vào tay người đàn bà, cười:

- Giúp cho đi được thì có gì đãi không nào? - Anh cố tình ngó vào mắt chị ta.

Người đàn bà đưa mắt nhìn đi chỗ khác, kéo tấm khăn trùm đầu lên.

- Vì Chúa, anh cứ giúp đi!... Sẽ tính sau...

Acxêni mới hai mươi bảy tuổi, đang sung sức. Sáu bao lúa anh vác tuốt cả lên dốc. Anh trở lại dưới thung, mình đầm mồ hôi. Anh ngồi lên xe bò, lấy lại hơi thở:

- Thế nào, có nghe tin gì về ông chồng không?

- Những người kadác từ bên kia biển, từ đạo quân của Vranghen trở về, bảo rằng ông ấy chết ở bên Thổ Nhĩ Kỳ rồi.

- Vậy cô tính sinh sống ra sao?

- Thì vẫn thế... Thôi, tôi phải đi kéo muện quá mất rồi. Cảm ơn đã giúp đỡ, anh Acxêni Andrêêvich.

- Cảm ơn sông thì ăn thua gì...

Nụ cười vụt tắt trên môi Acxêni. Anh im lặng một phút rồi cúi xuống, đưa tay trái ôm chặt lấy mái đầu trong tấm khăn trắng, gắn đôi môi mình vào đôi môi run rẩy và tươi mát, nhưng bàn tay chai sần ram ráp của Acxêni đã làm cho một bên má của cô nóng bỏng đến phát ngượng lên, đến ráp lên, Ana vùng ra được. Vừa sửa lại chiếc khăn đã trượt sang bên, cô vừa nghẹn ngào rít lên như muốn khóc.

- Cái anh khỉ gió này, không biết xấu hổ là gì nữa!

- Đây, làm gì mà hét tướng lên thế - Acxêni hạ thấp giọng, hỏi.

- Thưa, tôi là gái có chồng ạ. Không biết thế! Đi tìm người khác có được không!...

Ana giật dây mũi bò, thét cho chúng đi lên, mà trong giọng thét của cô còn có nước mắt:

- Bọn chó đực chúng mày đều cùng một giuộc cả! ... Nào, đi lên, lũ chết tiệt này! ...

Mơn mơn như những cô gái sắp lấy chồng, các khu vườn bắt đầu nở ra một màu hoa trắng trắng, hồng hồng say đắm lòng người. Trong ao làng Katsalópka, trong

vùng nước lưu cữu từ năm ngoái, bên những gốc cây cong queo, màu han gỉ, trơn nhẵn, đêm đêm như có men say làm cho lũ ếch nhái xoay vòng nhẩy múa, đàn ngỗng thốt lên lời thì thầm yêu đương và sương mù cũng từ mặt nước bốc lên cao... Ban ngày trời cũng đẹp, và cả trong lòng Acxêni, anh chủ tịch tập thể Katsalópka giờ đây cũng chói lọi một niềm vui, bởi vì nay tập thể đã có máy kéo rồi, ruộng đất không đến nỗi bỏ hoang nữa, và bởi vì cách đây không lâu, ai cũng đau lòng trước cánh đồng khô cằn cháy, sống dở chết dở... Đến ngày thứ ba thì Acxêni dậy trước cả khi gà gáy, đi ra chiếc cối xay gió phía đường mà mọi người thường lừa gia súc ra sông uống nước, ngồi xuống bên bến có chuỗi dây xích đang đung đưa cọt két. Thôi thì mai đây kệ cho các bà xì xào bàn tán kệ cho anh em trong tập thể nháy mắt trêu chọc cười cợt trước mặt hoặc sau lưng anh, - miễn sao anh gặp được Ana, miễn sao anh nói được cho Ana biết rằng kể từ vụ đập lúa mùa thu qua, từ khi anh và Ana dùng nạng đánh đồng đập rơm lúa đại mạch đến nay, thì cả công việc cũng như thế gian này đối với anh đều không có gì là tươi đẹp nữa...

Từ xa anh đã nhận ra chiếc khăn trùm đầu trắng.

- Chào cô, Ana Xécghêépna!
- Chào anh, Acxêni Andrêêvích.
- Tôi có vài lời muốn nói với cô.

Cô ta quay mặt đi, bực dọc vò nát chiếc khăn tay.

- Trước mặt mọi người cũng phải xấu hổ một tí chứ!...
- Đang cho bò đi uống nước thế này mà chuyện trò gì?...
Chị em người ta cười cho ! . . .

- Thì nghe tí đã nào!

- Không có thời giờ, bỏ nó vào ruộng ngô của người ta kia kia!

- Chờ tí đã! ... Vậy tối nay cô đến chỗ mấy cây trần cho tôi gặp có chút việc...

Cô ta cấm mặt đi, không ngoái lại.

...Cạnh những cây trần quấn chặt lấy nhau này, một cây mâm xôi rậm trời nhằng nhịt mấy bụi cây lại với nhau; và cũng cạnh những cây trần này, đêm đêm những con cun cút tụ tập lại thành từng bầy, sương mù vẩn vít theo những đường vòng vèo trên ngọn cỏ. Acxêni đợi cho đến lúc tối mịt, và khi nghe có tiếng đất sột soạt rơi lá tả dưới những bước chân vụng trộm của ai đó, anh cảm thấy những ngón tay mình bỗng lạnh toát đi, mồ hôi trán toát ra nhơm nhớp.

- Hồi nọ cô bức tôi lắm phải không? Thôi đừng giận, Ana ạ?

- Vâng chồng em quen với cảnh như vậy rồi...

- Vậy bây giờ việc tôi muốn nói với cô là... Nay cô sống cảnh góa bụa, bố chồng cũng chẳng cần tới cô nữa... Hay cô về chung sống với tôi? Tôi sẽ thương cô... Thế nào? Kìa, cô này lạ nhỉ, sứt sứt cái gì thế? Phụ nữ các cô đến là tội! Còn như cô có vương vấn gì về chồng cũ, giả dụ ông ấy có về thì tôi cũng chẳng ép buộc gì cô đâu... Cô cứ việc về với ông ấy nếu cô muốn...

Ana ngồi xuống cạnh Acxêni, trên mặt đất ẩm ướt đầm sương. Cô ta ngồi, đầu cúi gằm xuống. Cô ta lấy một cọng cỏ dài khô, vẽ trên mặt đất những hình thù gì chẳng rõ.

Acxêni rút rè ôm lấy Ana, sợ cô ta lại vùng vẫy, kêu lên, thốt ra những lời giận dữ như hồi nào ở ngoài đồng. Nhưng khi nhìn thẳng vào mắt cô ta, dưới bóng tối của tấm khăn, anh thấy những giọt lệ còn chưa khô và một nụ cười:

- Ôi Ana, kệ đời nó?... Chúng ta cứ đi đăng ký rồi vào làm việc trong tập thể. Em còn định chịu khổ biết đến bao giờ?

* *

*

Trời hạn. Trên những bãi cỏ gần nhà, tiếng lưỡi hái kêu leng xeng làm cho lũ tu hú giật mình hoảng sợ. Những người tốt bụng thì không cắt cỏ, họ bảo rằng chúng đang gặm rễ cỏ ở dưới đất. Ở tận ngoài nương Apdiuska, chiếc máy kéo của tập thể đang kéo hai máy cắt cỏ. Bụi. Nóng. Cỏ chất lên ngổn ngang từng đống ngoài đồng. Giữa buổi ăn trưa trời nắng chang chang, Acxêni quăng nạng, rũ chiếc sơ mi cho sạch bụi dậm. Đang bước về lều trại để rửa ráy thì anh thấy Anuska đi ra. Cách xa tới một *vécxta*, anh đã nhận ra vợ mình qua dáng đi nhanh nhẹn, hơi uốn éo của cô ta. Cô ta mang cơm cho những người cắt cỏ. Cô ta đã tới nơi. Ánh nắng hôn cho đôi má cô ửng đỏ.

- Một lăm không, Nhiura?... Từ nhà đến đây dễ đến mười ba *vécxta* đấy!

- Không, em không mệt lăm. Nếu trời không nóng bức thì cũng thường thôi!

Hai người ngồi bên nhau sát chân một đồng cỏ, bàn tay cứng queo cầm nạng của Acxêni vuốt ve bàn tay vợ, anh động viên vợ bằng nụ cười trong khóe mắt...

Nhưng chiều về, khi Ana ra đón anh ở bậc thềm, cô ta phải búi chặt lấy lan can như e rằng mình sẽ ngã khụy xuống. Khó nhọc lắm đôi môi tái nhợt của cô ta mới thốt ra được:

- Acxiusa! Chồng... Alếchxandr gửi thư từ Thổ Nhĩ Kỳ về nói anh ấy sắp về...

Thế là không biết rồi đây hạnh phúc sẽ về ai, ai nhiều ai ít?

Lúa mì của dân làng Katsalópka bị nắng thiêu cháy sạch, khắp cánh đồng toàn một màu nâu, và giữa những bông lúa lơ thơ, không nghe tiếng những cô gái nói cười. Mà bông lúa nào có ra bông lúa, chỉ rất một thứ cọng to xác, rỗng ruột, kêu ràn rạt trong gió. Còn vạt lúa của tập thể nằm giữa rừng Katsalóp với rừng Ataman, dọc theo đường cái, nơi từ trước mùa thu gió đã cười cợt trên một tấm biển gỗ đề mấy chữ "khu canh tác kiểu mẫu", thì ở đây, giống lúa mì Kuban mọc cao đến tận bụng ngựa. Người làm sao, của chiêm bao làm vậy. Từ mùa xuân. khi mưa trút nước xuống đồng làng Katsalópka, mà chỉ tưới qua loa cho lúa của tập thể, mới đầu Yasuróp, lão nhà giàu ở làng (có mười hai đôi bò đực, một đàn ngựa, một máy đập lúa chạy bằng hơi nước và đôi mắt sắc sảo nhưng nhỏ như mắt chuột) còn nhe những chiếc răng vàng khè, to tướng ra nhay chồm râu rậm rịt mà nói kháy rằng:

- Quả là trời có mắt... Ai vâng lời Người, ai sùng kính Chúa Kirixitô, kẻ ấy được Người ban cho nước mưa, có thể thôi!... Còn bọn cộng sản ở nhà tập thể, thì chỉ qua loa vài giọt! Đau đớn thế đấy!... Đã bảo mà, trời quả báo, ăn cháo gây răng! . . .

Lão ta còn nói linh tinh đủ thứ, và khi ruỗi ngựa theo đường cái lên quá khu rừng Katsalốp, lão ghì cương con ngựa thiện da đốm và lảng bóng của lão lại lấy roi chỉ tấm biển đang bị gió đánh lúc lắc trên cột, nhe những chiếc nanh lộn lỏi vàng khè, rung rung cái bụng mà cười rằng:

- Ki-iếu mà- ầu kia đấy!... Đến mùa thu rồi sẽ biết!...

Máy kéo cày vỡ đất sâu tới tận đầu gối, còn dân làng Katsalốpka thì chỉ cào bồi đại khái, theo kiểu “ông cha ta” xưa kia! Trong khi dân làng Katsalốpka mỗi *dèxiatian* thu hoạch được có tám thùng thì những người gia nhập tập thể vớ được tới bốn mươi thùng. Dân làng Katsalốpka không dám tỏ lòng ghen tị, đành cười mà bảo:

- Bỏ côi bỏ cút được chút trời cho...

Nhưng có điều là tới tháng chín, khi ngày hội tới, bà con làng Katsalốpka bỏ cả hội làng mà sang chơi bên sân tập thể. Họ trầm trồ trước cả những vựa thóc đầy căng, ngó ngang ngó dọc, rồi xuýt xoa, đưa những bàn tay chai cứng sờ nắn chiếc máy kéo. Trước khi ra về, bác Actem, - một lão nông làm ăn ra trò, - kéo tay Acxêni ra một bên, quẹt cả bộ râu ám khói thuốc lá vào tai anh, thủ thỉ:

- Acxêni Andrêêvich, chúng tôi có lời cầu xin anh. Anh làm phúc nhận cho cả bảy cả lũ chúng tôi được vào “chập” thể. Cả thấy chúng tôi có hai mươi hộ nghèo...

Acxêni vui mừng cúi đầu chào các cụ.

- Xin hoan nghênh các bác!...

Trong tập thể, công việc ngập đến tận mắt. Phải năm khô hạn, các làng xóm lân cận đều thiếu đói, ăn mày kéo nhau đi từng đàn trên đường cái cạnh làng Katsalópka. Họ rẽ cả vào làng. Có những tiếng yếu ớt rên rỉ bên ngoài những tấm ván bung của sổ sơn màu:

- Vì Chúa...

Cánh cửa sổ ruồi bâu đầy, bỗng mở toang, một bộ mặt râu ria xồm xoàm đưa mắt nhìn ra ngoài đường nắng như thiêu, như đốt, cất tiếng cần nhằn:

- Cái đám hành khất này, các người đi ngay cho, kéo ta thả chó ra bây giờ? Đằng kia có cái “chập” thể, ra đấy mà xin họ!... Họ lập ra cái thứ chính quyền này thì họ phải nuôi các người!

Thế là ngày nào người ta cũng lũ lượt kéo nhau tới cánh cổng rào nhẵn, thơm mùi nhựa của tập thể.

Acxêni người gầy rộc, da sạm nắng, cùng kế xua hai tay.

- Tôi nhét các bác vào đâu được bây giờ? Chỗ nào cũng đầy áp người rồi? Làm sao chúng tôi nuôi nổi tất cả các bác được?

Nhưng các bà trong tập thể thì cứ ào ào chung quanh Acxêni như ong vỡ tổ, và những cảnh như vậy thường kết thúc ở chỗ là Acxêni và nông dân đành phẩy tay, bỏ ra chỗ máy đập lúa ở sân phơi, để kệ cho các bà dẫn khách vào dãy nhà kho cạnh khu nhà ở. Thế rồi từ những khung cửa sổ nhà bếp rộng thênh thang cho chí

ngoài sân, vang lên tiếng xoong nổi loảng xoảng, tiếng bát đĩa lanh canh tới tận chiều.

Chốc chốc lại thấy bác Actem thủ kho thở hồng hộc, chạy ra sân phơi, vừa ngán ngẩm nhổ phì phì, vừa cất giọng khàn khàn nói:

- Không sao nói nổi các bà ấy nữa!... Acxêni, anh phải có cách gì quan trị quan nhậm với các bà ấy mới được. Ai lại mang một đồng ông già vào, rồi đến tước luôn cả chìa khóa kho của tôi nữa!... Đòi thuở nhà ai nấu một bữa ăn lại đóng thêm tám đấu mì?...

- Thôi, kệ các bà ấy, bố già ạ?... Acxêni mỉm cười.

Số người trong tập thể đã tăng gấp đôi, số trẻ con cũng đông lên. Một bộ phận nhân công đã đập xong lúa, chuyển sang cày ải, còn một bộ phận khác đang xây trường học.

Từ sáng sớm đến tối mịt, sân tập thể nhộn nhịp như tổ kiến.

Trong khu nhà kho chiếc máy thổi phì phò. Ngọn đèn điện tuôn những làn ánh sáng vàng xuống khu sân đã quét dọn sạch sẽ, và do có điện, mảnh trắng chênh chếch treo trên thôn Katsalópka đã mờ nhạt đi, giờ đây ánh sáng của nó hóa ra xanh xao, yếu ớt và dư thừa.

Đến lượt mình phục vụ trong khu chăn nuôi, Ana đã làm việc sang tuần thứ hai. Cùng với các bà các chị khác, ngày nào vắt sữa bò xong, Ana cũng lừa mấy con bê rồi mới đi ngủ. Nhưng chẳng bao giờ cô chợp mắt ngay được. Trăn trở lắng nghe hơi thở đều đặn của Acxêni, cô suy nghĩ về cuộc sống trước kia và cuộc sống hiện nay của mình trong tập thể.

* *

*

Ngay từ sáng, những đám mây dày đặc, xám xịt đã kéo đến bao phủ bầu trời. Chốc chốc sấm lại rền vang. Trong khoảnh đất gần nhà, đàn quạ táo tợn, những cây liễu xôn xao: bên cạnh nhà, hoa mồm chó tỏa hương thơm ngậy ngát ở bờ rào, cây tầm ma lá nhọn xòa xuống sát đất. Trên nền trời đằng sau mái nhà kho chớp chạy loằng ngoằng như những con thần lùn, sấm nổ âm âm, mưa bắt đầu rơi lộp bộp trên mái nhà, gió xoáy thành một cột bụi xám trên sân, một tấm ván lót cửa sổ bị lốc giạt tung ra. Thế rồi một trận mưa rào tháng bảy bắt đầu ào ạt nhảy múa, sỏi bong bóng trên các vũng nước.

Ana quần vội chiếc khăn lên đầu, chạy ra sân để cất quần áo phơi đã khô. Một trận gió ướn át quét ngang sân, quất vào mặt cô. Cô vừa chạy tới trước vựa thóc thì một tiếng sét nổ vang ngang trên đầu rồi lục rục rền rĩ âm vang xuống một nơi nào đó đằng sau làng Katsalópka. Ana hốt hoảng ngồi sụp xuống theo thói quen đưa tay làm dấu thánh và miệng lầm rầm cầu kinh. Khi nhòm được dậy, ngoài lại sau cô thấy cánh cổng mở toang, có một chiếc xe ngựa và một người khoác áo đi mưa. Người đó ưỡn cả bụng ra mà cười, phô hàm răng trắng nhợt. Qua làn gió, người đó cất cao giọng hỏi Ana:

- Sao, chị ơi. Chị sợ đáng tiên tri Lilia đấy hả?

Ana vén cao váy, vừa rút quần áo trên dây, vừa giận dữ lớn tiếng đáp lại:

- Đừng có bày rãng ra mà bán! Chẳng ai mua đâu!

Người bạn áo mưa nhẹ bước tiến lại gần, cười mát:

- Hẳn là chị giận tôi lắm rồi đấy, nhưng giận dữ làm gì vô ích!... Làm dấu thánh giá mà tránh khỏi sấm sét hay sao? Ôi chao, thế mà cũng tham gia tập thể rồi kia đấy?... - Nói đoạn anh ta lại bĩu môi tỏ vẻ mỉa mai.

Nhưng chính thái độ mỉa mai sâu cay này dường như đã làm Ana tỉnh ngộ. Cô ta tự cảm thấy xấu hổ thế nào ấy. Như để bào chữa, cô đáp:

- Tôi, cũng mới vào tập thể thôi...

- À mới vào thì không hề gì! - Người mặc áo mưa nói đoạn bước lên thêm nhà, tay ve vẩy chiếc mũ lưỡi trai vừa cất ra khỏi đầu.

Ana vội vã thu lượm quần áo cho nhanh rồi ba chân bốn cẳng chạy vào nhà. Cô bước vào buồng. Acxêni đang ngồi cạnh người mặc áo mưa, nói:

- Có thầy giáo mới ở thành phố về dạy tập thể chúng ta. Ai chưa biết chữ thầy sẽ dạy tuốt.

Đôi mắt sáng sủa, tươi cười của ông giáo làm cho Ana càng thêm lúng túng, ngượng ngịu. Cô bèn cất vội quần áo rồi lẩn ra ngoài.

Đến tối, trước bữa ăn, Acxêni bảo:

- Chiều mai em đi mà học chữ. Anh đã ghi cả tên em rồi đấy. Ở ta cả thầy có hai mươi người mù chữ. Lớp học ở câu lạc bộ.

- Em ngượng lắm, anh Acxêni ạ... Mình lớn tuổi rồi.

- Mù chữ lại chẳng ngượng hơn à!...

Ngày hôm sau Ana ra câu lạc bộ. Mọi người đã ngồi kín cả chiếc bàn dài. Bác Actem mồm há hốc, trán đầm

mồ hôi. Bác gái Đaria cũng đặt đồ đan sang bên cạnh, lắng nghe.

Ông giáo đang nói gì đó, đoạn lấy phấn viết lên bảng đen một chữ béo xù.

Nghe tiếng kẹt cửa, mọi người đưa mắt nhìn ra rồi lại phủ phục cả lên mặt bàn. Ana khẽ bước ra mé cửa sổ, ngồi vào một đầu ghế. Mới đầu cô cũng thấy lạ kì, nhưng cố giấu kín nụ cười; sang ngày hôm sau, cô đã chú ý nghe hơn và đã ra sức nguệch ngoạc lên mặt giấy một chữ “B” xiêu vẹo, gù gù.

Sau đó thì cô thấy ham đến câu lạc bộ; cứ về đến nhà là ăn vội ăn vàng rồi ba chân bốn cẳng chạy men theo hành lang câu lạc bộ, cuốn sách chữ cái cặp dưới nách. Bây giờ người ngồi bên bàn đã chật ních, vì số học trò đã tăng thêm. Bác Actem lăm bằm chửi đổng, khuynh cả hai bên khuỷu tay đẩy bác gái Đaria ra tận mép bàn. Trong câu lạc bộ, tiếng người rì rầm, thì thảo liên tục từ trưa đến sẩm tối.

Câu lạc bộ là một căn buồng rộng, có sáu cửa sổ. Sát tường kê một chiếc bàn phủ vải hoa đỏ, góc tường treo cờ, ảnh.

Vậy mà bác gái Đaria cũng đã bị bác Actem đẩy bật ra khỏi ghế. Bác ta phải bỏ bàn ra ngồi ở tận cửa sổ. Trong phòng nóng nực, mặt trời tò mò ngó vào mấy ô cửa sổ. Một con ruồi hoa vo ve, húc đầu vào khung kính. Lớp học im phăng phắc. Bác Actem nhấm nước bọt vào mẩu bút chì, rồi viết miệng há hốc và môi méo xoạc cả đi. Ana bị ép chặt hai bên và bị thúc cả vào mạng sườn. Ngồi cạnh Ana là Mácpha, có bốn con. Chị ta biết rằng con

mình được trông nom cẩn thận trong vườn trẻ, cho nên yên trí dán mắt vào cuốn sách chữ cái, mồ hôi nhỏ những giọt to như hạt đỗ mẩy, lăn từ mũi xuống môi trên. Chị ta lấy ống tay áo quạt ngang, đôi khi thè cả lưỡi ra liếm rồi lại mấp máy môi, xua đuổi những con ruồi đến quấy rầy.

Ana thấy tim mình đập nhanh hơn. Giờ đây lần đầu tiên cô đọc được cả một tiếng. Cô ghép một chữ này với một chữ khác, rồi một chữ nữa, thế là một cái hình loằng ngoằng khó hiểu ấy tự nhiên hợp thành một tiếng. Cô huých vào sườn bạn ngồi bên cạnh:

- Trông này, thế là thành chữ “khlêbôrốp”¹.

Ông giáo lấy phấn đập lên bảng một tiếng cộp.

- Khê chú! Đọc thâm thôi! Nào, bây giờ bác Actem đọc bài hôm nay xem sao.

Bằng cả hai lòng bàn tay, bác ấn chặt cuốn sách chữ cái xuống bàn, rồi háng giọng:

- Cháo của... chúng tôi...

Mácpha nhin không được, đưa tay che miệng cười phì.

Bác Actem giận dữ, đưa mắt lườm chị ta.

- Cháo của... chúng tôi... ngon... - bác đọc lại. Đọc xong bác dang cả hai tay - Thấy làm phúc cho biết, tôi đọc có ra gì không?

Lật đi lật lại trang sách, bác nói thâm với Mácpha:

¹ Nghĩa là “người trồng lúa mì”, (ND)

- Không ăn thua, tao già mất rồi, cháu ạ!... Hồi còn trẻ, một néo tao đập luôn ba gổ lúa mà chẳng thở chút nào, vậy mà bây giờ đọc xong một câu đã mệt nhoài. Nó đâm ra tức thở, y như kéo xe lên núi vậy!

* *

*

Dần dần Ana trở nên ham công tiếc việc. Tuần thì cô nấu nướng trong bếp, tuần thì làm công việc chăn nuôi. Trong sân phơi, chiếc máy đập lúa kêu phành phạch, người làm tít tít chung quanh. Acxêni, mình đầy bụi bặm đang đánh đồng rơm. Tối trưa, anh chạy vào bếp, gọi:

- Ana, em khỏe hơn, ra giúp ngoài sân phơi. Việc ở đây để chị Mácpha Ichnatôpna làm thay.

Đỡ cho Ana trèo lên đồng rơm, anh vỗ vào lưng cô một cái mà cười:

- Nào, bà béo, đón rơm cho kịp nhé!... Thế rồi, lấy nạng xóc một bó rơm vừa đập thơm ngát, anh lấy đà cất cao lên cho Ana đón lấy. Mới đầu rơm chỉ tới đầu gối Ana, nhưng sau Acxêni đã đánh rơm lên tới ngang lưng cô ta. Anh đưa mắt nhìn lên cười, gọi:

- Này, cái nhà cô ở trên kia! Nhanh tay lên chứ!... Mơ mộng đấy à?...

* *

*

Nỗi đau lòng của Ana lắng đi trong công việc dồn dập và nguôi đi với thời gian. Cô đã thôi không nghĩ đến chuyện chồng cũ về, và rồi sẽ ra sao . . . Mùa hè thoáng qua như một ánh chớp ngắn ngủi... Mùa thu đã lữ thừ đến bên cổng khu tập thể. Sáng sáng, lũ trẻ con nhẩy cẫng, chạy đến trường như một đàn ngựa non xổng chuồng.

Và rồi vào một ngày thu lạnh lẽo, mịt mờ, ngay từ sớm tinh sương, Alêchxandr, chồng của Ana, đã bước lên thêm, tay cầm một cành phi để xua chó. Anh ta cứng cáp nện gót giầy trên thêm gỗ, mở rộng cửa, rồi đứng bên khung cửa, cao to đen đũi trong chiếc áo choàng quân sự đã sờn cũ. Không chào hỏi gì anh ta chỉ nói đơn sơ, ngắn gọn:

- Ana, anh đến đón em đây. Em chuẩn bị đi!

Dang ngồi trên rương, Ana bỏ chạy sang giường, những ngón tay cứng queo vợ quàng vợ xiên. Cố giắt lấy chiếc khăn len treo trên mắc, nhưng rồi lại ngồi xuống, đưa mắt hết nhìn Acxêni rồi lại nhìn chồng. Mãi sau cô mới mấp máy môi đôi môi nói:

- Tôi không đi!

Không đi hả? . . . Rồi xem! . . . - Alêchxandr nhếch miệng mỉm cười, nhún vai, quay ra. Anh ta còn cẩn thận khép chặt cửa lại.

Suốt mùa thu dài đằng đẵng và u sầu đó, Ana ốm đau luôn, người vàng ệch do đau ốm, hoặc do lo nghĩ quá nhiều. Một số buổi chiều thứ bảy, cùng với các bà các chị vắt sữa bò xong, lùa bê vào chuồng thấy thiếu một con, Ana bèn chạy đi tìm. Bãng qua một bãi đất ra đồng, cô đi ngang qua chiếc cối xay gió đang mơ ngủ trong sương

chiều. Trong một nghĩa địa cũ hoang vu, những chiếc giá chữ thập mốc thối và những ngôi mộ xưa đã sứt lở, cô thấy con bê đốm của tập thể vẫn còn nhón nhơ gặm cỏ. Cô bèn dồn nó về nhà, vừa đi vừa ngoái nhìn bóng tối đang dầy đặc quanh mình. Đi tới con mương, cô ngồi thụp xuống, hai tay ép chặt vào ngực. Cùng với tiếng trống ngực đập thành thịch, cô còn nghe có tiếng bộp bộp, sột soạt đầu dây... Rồi cô lại nặng nề cất mình đứng dậy bước đi, nhếch mép mỉm cười mệt mỏi, chờ đợi.

Vườn cây đã trơ trụi, gió luồn lách dưới chòm những cây dương, những lá thắm đỏ vẫn trải ra thưa thớt dưới bước chân người. Đi đến ngôi nhà hóng mát, Ana bỗng thấy một người từ đám mận gai đi ra, đứng chắn giữa đường.

- Ana hả?

Qua giọng nói, cô biết đó là Alêchxandr. Anh ta tiến lại lưng còng xuống, hai tay xò ra:

- Vậy ra cô quên mất cả sáu năm chung sống rồi sao?... Cô đã xé toạc mất lương tâm với những người lính rồi sao? Ôi, con người đảo điên tráo trở!

Ana tưởng rằng anh ta sẽ lập tức quật mình ngã xuống đất rồi lấy giấy đinh chà đạp mình như hồi còn chung sống xưa kia, nhưng thốt nhiên cô thấy anh ta quỳ gối xuống đất bùn ẩm ướt và hôi hám, chìa cả hai tay ra:

- Anuska, hãy thương tôi!... Phải chăng tôi đã không yêu quý cô? Phải chăng tôi đã không chiều chuộng cô như chiều chuộng một em bé?... Nhiều lần mẹ tôi định mắng chửi cô thì tôi đã phải nói những lời hỗn xược xúc

phạm cả mẹ đẻ tôi, cô có nhớ không? Hay mối tình của đôi ta đã bị lãng quên rồi? Nhưng, từ nơi hải ngoại về, tôi chỉ có một điều tâm niệm là được gặp cô... Còn cô thì... Chao ôi!...

Anh ta nặng nề cất mình, đứng thẳng lên mà đi vào rừng mận gai, không ngoái lại nữa. Nhưng tới quãng đường, anh bỗng trở mình, cất lên một giọng khản đặc:

- Như-ư-ung cô hãy nhớ lấy lời tôi... Nếu cô không bỏ tình nhân về với tôi, tôi sẽ làm đủ tình đủ tội cho coi!...

Ana còn đứng đấy. Trong lòng cô vẫn leo lét một niềm thương xót đối với anh ta, đối với con người ấy, con người mà cô đã từng chung sống trong sáu năm trời... Và từ đó trở đi, tình hình là như vậy. Ana ngày càng nghĩ ngợi, ôn lại quá khứ, nhưng cô không muốn khơi lại trong trí nhớ những ngày xích mịch, những trận đòn thừa sống thiếu chết bởi tay chồng cô, mà lại chỉ nhớ đến những phút giây sáng sủa, những ngày lác đác niềm vui, và do đó trái tim cô ngày càng mặn nồng với quá khứ và với Alêchxandr, còn hình ảnh của Acxêni thì như đã mờ mịt trong sương mù, trôi dạt lại phía sau...

Acxêni không sao nhận ra con người cũ của Ana nữa, cô không còn tha thiết với anh như trước. Cô ta im lìm, uốn mình, phồn bụng đi đi lại lại trong những gian buồng, tránh mặt các bà các chị. Và Acxêni ngày càng bắt gặp cô ta nhìn mình bằng đôi mắt bơ thờ, cay đắng...

* *

*

Nửa đêm hôm đó, ở khu chứa cỏ trong thảo nguyên gần con nương Apđiuska, tập thể bị cháy mất ba đồng cỏ lớn. Gà vừa gáy đầu, bác thợ khâu giấy Mitorôkha, mặc độc có quần áo lót từ chái nhà dưới chạy lên đập âm âm vào khung cửa sổ loang lổ sương giá, gọi Acxêni.

- Dậy ngay! Cỏ cháy rồi... Có kẻ đến đốt cỏ!

Không kịp mặc quần áo, Acxêni vọt ra thêm. Qua khu vườn anh đào bờm xờm, phóng mắt nhìn ra thảo nguyên, anh nghiêng hai hàm răng chửi rửa thậm' tệt. Đằng sau gò, trên dải tuyết xanh biếc, một cột khói đỏ lừ uốn mình trong gió, bốc lên tới tận mặt trăng. Từ tàu ngựa, bác Actem dắt ra một con ngựa cái bé tí, thẳng cương vào mõm nó, áp bụng vào mạng sườn gồ ghề của nó, ị ạch quàng chân lên lưng nó mà phóng ra chỗ cỏ cháy. Đi ngang qua thêm nhà, bác hét to bảo Acxêni:

- Lại có chuyện thù hằn gì rồi đây!... Con ngựa cái đốm xám này của tôi... Nó đến chết đói mất!... Anh ra trại, buộc đuôi đàn ngựa lại mà lừa chúng ra đi thôi!

Trời vừa hừng sáng, Acxêni đã đi ra chỗ đám cháy. Chung quanh đồng tro âm ỉ. Anh thấy mặt đất tuy trải ra và còn đang bốc khói, nhưng những cọng cỏ xanh vẫn như nhô đầu lên một cách rất tin tưởng.

Acxêni ngồi xổm xuống xem xét. Trên mặt đất như đầm mồ hôi, trên mặt tuyết tan, nổi lên những vệt giấy lính kiểu Ănglê và lỗ chỗ những nốt đen do những mũi đinh giấy để lại. Acxêni châm thuốc hút rồi lần theo con đường mòn ngoằn ngoèo loạn xạ trên đồng cỏ, tiến bước chân về phía làng Katsalópka. Anh thấy những vệt giấy lúc thì vẽ lên những hình loằng ngoằng trên mặt đất, lúc

thì biến đi nhường chỗ cho những vết nứt trên mặt băng mỏng kết trên một khe trùng. Lặng lẽ và vững vàng, Acxêni dõi theo những vết chân người như dõi theo vết chân thú. Tới khu sân phơi lúa rìa làng, sát cạnh bờ rào nhà Alêchxandr, những vết chân đó mất hẳn... Acxêni kêu bật lên một tiếng, trở vai khẩu súng khai hậu do bố anh để lại anh đang đeo, rồi bước tới con đường về khu tập thể.

* *

*

Bà mụ lấy tay phát một cái vào thân hình trơn nhẵn của đứa bé, đoạn vừa rửa tay trong chậu, bà vừa gọi vọng ra ngoài tấm vách ngăn:

- Anh Acxêni, nghe thấy chưa, phụ nữ tập thể để rồi đấy nhé!... Vào đây, chắc anh không làm lễ rửa tội cho con đâu nhỉ?...

Acxêni lặng lẽ vén tấm vải hoa che giường. Anh thấy Ana mặt tái xanh, nằm dưới chiếc khăn loang lổ máu. Cô ta nhìn anh bằng đôi mắt hằn thù, nuốt nước mắt rít lên:

- Anh đáng ghét lắm, đi đi!... Đi cho khuất mắt tôi!

Rồi cô ta quay mặt vào tường, nức nở khóc.

Cuộc sống đã phẳng lặng và chắc chắn như một con đường lớn được bồi đắp vững vàng, mà sao giờ đây Acxêni cảm thấy hòng mình như thất lại, lòng mình đau như cắt.

Hai ngày sau, Acxêni ra nhà kho đập nốt số thóc còn lại. Anh cùng mọi người loay hoay sửa chiếc máy nổ cho tới tận sáng tối, và khi máy chạy được thì mặt trời đã lặn từ lâu, bóng đêm đã đen ngòm sau rừng dương tăm tối.

- Acxêni Andrêêvich, anh ra tôi gặp một chút?...

Anh bước ra. Anh thấy Ana trùm khăn san, đang đứng cạnh bức tường ván.

- Gì thế, Nhiura? Và anh không nhận ra vợ mình qua cái giọng khàn khàn, xa lạ ấy nữa.

Vì chúa Kirixitô, tôi xin anh... Anh buông tha cho tôi về với chồng!... Chồng tôi gọi tôi về... Chồng tôi bảo cứ đem theo cả con về... Còn anh, Acxêni Andrêêvich ạ, anh hãy quên tôi đi và đừng giữ tôi nữa!... Dẫu sao tôi cũng đi thôi, tôi không lưu luyến gì anh nữa đâu!

- Cho con bú rồi hãy đi, tôi cũng chẳng nài ép gì... Nhưng tôi không để cô mang con đi theo được đâu! Tôi đã chiến đấu bốn năm trời cho chính quyền Xô Viết, thương tích đầy người, còn chồng cô là một tên Kadét¹... từ đạo quân Vơranghen trở về... Tôi không muốn cho thằng con trai tôi lớn lên lại đi làm cố nông cho chồng cô... Tôi không muốn thế...

Ana sấn lại, hơi thở nóng hổi của cô phả cả vào mặt Acxêni.

- Không trả con tôi hả?...

- Không!...

1. Học sinh trường trung cấp vô bị thời Nga Hoàng, tính chất phản động.

- Không trả hả?!

Cơn điên trào sôi trong lòng Acxêni. Lần đầu tiên trong suốt thời gian chung sống với Ana, anh nắm chặt quả đấm định thoi vào giữa đôi mắt căm hờn đang nhìn anh như nẩy lửa ấy, nhưng anh kìm lại được ồm ồm nói:

- Ana, liệu hồn đấy...

* *

*

Chiều đến, ăn cơm xong, Ana cho con bú rồi trùm khăn lên đầu, bước ra sân.

Cô ta đi một hồi khá lâu. Acxêni đang ngồi trên ghế dài, lúi húi sửa cái vòng cổ ngựa. Bỗng nhiên có tiếng kẹt cửa. Tuy không ngoái lại nhưng qua tiếng chân anh biết Ana đã về. Cô ta đến cạnh nôi, thay tã cho con rồi lặng lẽ lên giường nằm. Acxêni cũng đi nằm. Anh trần trọc, không sao ngủ được lắng nghe hơi thở đứt đoạn của vợ và những tiếng đập không đều đặn của trái tim mình. Đến nửa đêm anh thiếp đi. Một cơn mê sảng đã làm anh tức thở... Và anh không hề hay biết rằng ngay sau những tiếng gà gáy đầu Ana đã nhẹ nhàng bước ra khỏi giường, không lên đèn, mặc quần áo, lấy khăn bọc thành bé con lại, rồi khe khẽ mở cửa, bước ra ngoài.

* *

*

Ana về ở với Alêchxandr đã sang tháng thứ hai. Mới đầu cô cảm thấy nửa mừng lại nửa lo, và đôi lúc cũng

phải gạt thắm nước mắt tiếc nuối cuộc sống tự do phóng khoáng trong tập thể. Nhưng sau đó cô đã được nghe những lời lầm bầm giận dữ của bố chồng:

- Rước cái đồ dĩ thảo ấy về làm gì... Lại không sắc mùi cộng sản cả cái nhà này lên hay sao... Đã quen ăn bám lại thêm một thằng nhóc con hồn láo!... Tống cổ cả lũ đi cho rồi!...

Aléchxandr cũng chỉ tỏ ra ân cần trong những ngày đầu, còn sau những ngày ân cần ngoài mặt đó là cả một chuỗi ngày đen tối cực nhọc đối với Ana. Chồng cô bắt cô phải làm lụng đầu tắt mặt tối công việc nội trợ, bản thân anh ta thì ngày càng năng đi về cuối làng, đến nhà mẹ Luska nấu rượu lậu để rồi say khướt trở về, nôn thốc nôn tháo cả ra giường và sàn nhà. Từ đó cho tới tảng sáng, anh ta cứ ngồi dạng háng trên ghế dài, đẩy chiếc mũ lông tịt ra sau gáy, ợ ra toàn mùi rượu lậu, lấy tay xoắn ria mép một cách dương dương tự đắc mà lên giọng lè nhè:

- Ana, cô là cái thá gì, hả? Cô là vô học, tối tăm, có thể thôi! Cánh tớ đã đi đây đi đó, đã bôn ba cả nơi hải ngoại cánh tớ biết được cách giao thiệp của giới thượng lưu, quý phái...! Thật ra một người như cô đâu có đáng mặt làm vợ tớ?... Xin lỗi cô thôi nhé... Bất kỳ con gái một vị tướng nào cũng theo không tớ đấy chứ!... Nhiều lần trong giới sĩ quan... à, mà thôi, bàn luận làm gì... Có nói cô cũng chẳng hiểu nổi?... Có ra nước ngoài bọn đồ đốn mặt các người mới thấy được thế nào thật sự là con người!...

Rồi anh ta ngủ gục ngay trên ghế dài. Sáng ra, tỉnh dậy, giọng khản đặc, anh ta hét.

- Con mẹ vợ đầu... Tháo ủng cho tao!... con khốn khiếp này, tao đã nuôi mày với cả con chó của mày, thì mày phải kính trọng tao chứ!... Sụt sịt cái gì? Muốn ăn roi hả?... Liệu hồn, không thì tao cho ăn roi ngay bây giờ!...

* *

*

Một ngày tuyết tan u ám trong tháng hai, có ông trưởng xóm đến gõ vào cửa sổ nhà Alêchxandr.

- Ông bà chủ có nhà không?

- Có nhà, mời bác vào.

Ông trưởng xóm bước vào, đặt lên mặt rương chiếc gậy bị chó nhảy nham nhở, rút trong bụng ra một tờ giấy vấy mỡ rồi đặt lên bàn, vuốt phẳng phiu cẩn thận:

- Mời ra họp ngay bây giờ... Với ông nhà này thì không thể khác được, đây tôi đưa giấy có ký nhận đến đây... Ký tên vào...

Ana tiến lại gần bàn, ký vào tờ giấy của ông trưởng xóm. Chồng cô nhướng đôi mày, ngạc nhiên:

- Cô học chữ bao giờ vậy?

Hồi còn ở tập thể.

Alêchxandr nín lặng, ra đóng cửa cho ông trưởng xóm, nghiêm giọng nói:



- Ana, tôi ra nghe xem bọn Xô Viết nói lếu nói láo cái gì, còn cô ở nhà dọn dẹp cho gia súc đi nhé. Mà cô đừng rút thân kê khô ra đun nữa đấy, tôi mà bắt được thì tôi vả vào mồm cho!... Cái thói làm ăn ở đâu thế? Còn hai tháng nữa mới hết mùa đông mà cô đã phá mất một nửa đồng rồi!

Anh ta vừa cài cúc áo lông ngấn vừa thở phì phò, từ dưới đôi lông mày đen chổi xể, cặp mắt của một nhà chủ keo kiệt nhìn vào cô. Ana ngạp ngừng đứng cạnh lò sưởi rồi len lén tiến lại gần chồng.

- Xania... Hay là anh cho em... đi họp với?

- Đi đa â-âu?

- Đi họp.

- Đi làm gì?

- Đi để nghe.

Một lần máu đỏ lựng bò dần trên đôi má Alêchxandr, đôi môi anh ta run lên, tay phải anh ta vói lên chiếc roi da treo trên tường ngay đầu giường.

- Đồ chó cái động dục này, mày lại muốn bôi nhọ chồng trước mặt làng nước hả?... Bao giờ mày mới bỏ được những lễ thói cộng sản ấy? - Anh ta nghiến răng ken két, co chặt nắm đấm, sấn lại chỗ Ana - Tao bảo là mày phải nghe!... Nếu không tao đấm chết mẹ mày đi!... Để đừng có mở miệng đối đáp nữa!

- Xaniuska!... Các bà các chị ấy cũng đều đi họp cả mà!...

- Câm mồm... Đồ chết giẫm! Mày không bắt tao phải theo cái mốt của mày được? Chỉ bọn đàn bà không

chồng, lũ mèo mả gà đồng, thì mới đi họp đi hành thôi!...
 Ủi chà, cũng học đòi cái thói đi họp!...

Ana tức uất người như bị kim châm. Cô tái mặt, cất lên một giọng run run, khản đặc:

- Anh không coi tôi là người nữa sao?

- Ngựa cái không là ngựa đực đực, đàn bà không là đàn ông đực!

- Thế ở tập thể...

- Mà ăn cơm của tao chứ không phải của tập thể...
 Tao nuôi thì tao phải bảo được. - Alêchxandr thét.

Nhưng Ana cảm thấy đôi má mình tái mét, máu dồn hết vào tim và làm cho các đường gân trong người cô nóng ran lên. Cô thốt ra qua hàm răng nghiến chặt:

- Anh đến dỗ dành tôi, hứa là sẽ thương tôi. Bây giờ những lời hứa của anh để đâu?

Ana loạng choạng, kêu lên, định bắt lấy tay anh ta, nhưng anh ta vừa luôn mồm chửi rủa, vừa túm lấy tóc cô, đá thốc vào bụng. Ana ngã vật xuống sàn nhà, đau đến nghẹt thở, mồm há ra đớp đớp không khí. Nhưng sau đó cô thản nhiên chịu đựng cơn đau âm ỉ của trận đòn, và dường như qua một đám sương mù kỳ dị, cô nhìn thấy bộ mặt méo mó, đỏ tía của chồng mình đang cúi xuống đánh mình.

- Này, này, cho mày biết này... Không muốn này!... ái chà, con thói thầy này... Mày lại chơi cái điệu khác ở nhà tao hả!... Này thì chơi!... Này thì chơi...

Cứ mỗi đòn nện xuống mình người vợ nằm co quắp bất động trên sàn nhà, thì Alêchxandr lại càng sôi tiết

lên hơn, càng đánh đều đặn hơn và cố đá cho trúng vào bụng, vào ngực và mặt Ana, mặc dù cô ta đã lấy hai tay bưng kín.

Anh ta đánh mãi tới khi áo sơ mi ướt đầm mồ hôi, hai chân mỏi nhừ, mới đội mũ lông lên đầu, nhổ phệt một bãi, ra khỏi nhà, đóng chặt cửa lại.

Ngoài ngõ, anh ta đứng cạnh cổng suy nghĩ một lát, rồi bước qua bờ giậu đổ trong vườn rau nhà bên cạnh, tiến về phía nhà mụ Luska nấu rượu lậu.

Ana nằm đừ trên sàn nhà cho tới tận chiều. Trước khi trời tối, bố chồng cô bước vào buồng trông thấy vậy bèn lấy mũi ủng hất vào mình cô, cắn nhằn:

- Thôi, dậy đi... Tao biết thừa cái thói giả vờ giả vệt của mày rồi... Chồng vừa đụng đến một tí là y như lăn đùng ngã ngửa ra!... Đến Xô Viết mà thưa đi... Có dậy đi không nào? Ai thay mày dọn dẹp cho gia súc được? Hay là mày lại bắt chúng tao phải đi thuê người làm? - Ông ta đi xuống bếp, lật xệch đôi ủng trên nền đất. - Nhai thì khỏe bằng bốn, mà làm thì... ôi chao, lương tâm con người!... Cái ngừ lười chầy thây ấy thì có mà người ta nhổ vào mặt!...

Ông ta mặc thêm áo vào đi dọn dẹp cho gia súc. Thằng bé nằm trong nôi bỗng cựa quậy rồi khóc oe lên. Ana sực tỉnh, quỳ gối ngồi dậy. Miệng dập nát, cô nhổ phỉ ra một bãi vừa cát, vừa nước dãi pha máu lẫn lộn. Cô mấp máy đôi môi một cách khó nhọc, cất tiếng nói:

- Khổ thân con tôi...

Đằng sau làng Katsalópka, trời đã nhập nhoạng tối nơi đỉnh gò mà tuyết đang tan thành những vòng tròn như vành tóc trên chiếc đầu hói. Những con thỏ lặn lội qua những đồng tuyết xốp thũng lỗ chỗ mà vào xóm trú qua đêm. Trong làng chỉ lác đác vài đốm sáng vàng vọt. Trên các nẻo đường, gió đưa lại mùi phân bò khô hôi nồng nặc.

Alêchxandr trở về nhà trước bữa ăn chiều. Lăn ra giường là anh ta khản giọng, thét:

- Ana?... Tháo ủng ra... - thế rồi anh ta thiếp đi, ngáy khò khò rớt dài ra nhầy nhựa trên gối.

Ana chờ cho bố chồng vừa lặn đi trên bệ lò, liền vợ vội lấy con, chạy ra sân. Cô ta đứng lại trong chốc lát, lắng nghe trống ngực mình đánh dồn dập. Đêm đang trôi trên thôn Katsalópka. Mái tranh nhỏ giọt tí tách, những đồng phân gia súc toả khói. Tuyết ẩm ướt, lép nhép dưới chân. Ghì chặt con vào lòng. Ana lò mò bước thấp bước cao trong ngõ, đi ra phía bờ ao, mặt băng xanh lơ đang sẫm lên một màu lục bản thủ. Mấy ngọn lau thưa thớt cạnh bờ ao đang rít lên trong gió, ngạo mạn gật gù những chiếc chỏm bù xù về phía Ana.

Ana lại gần lỗ băng trên mặt ao. Trên làn nước đen đã kết một lần vầng mỏng, bên cạnh lỗ là một đồng lặn lẫn lộn băng vụn với phân bò đã đóng lại thành băng.

Siết chặt con vào lòng, Ana đưa mắt nhìn cái miệng há hốc đen sì của lỗ băng rồi quỳ gối xuống. Nhưng thằng bé nằm trong tả quấn chần thình lình khóc thét, Ana bỗng cảm thấy mặt mình nóng bừng lên vì xấu hổ. Cô nhồm ngay dậy, cầm đầu chạy thẳng về phía tập thể.



Đây đã là những cánh cổng mộc vàng vọt đi trong mùa đông, và ở đây đã nghe thấy tiếng phì phò quen thuộc và thân thương của chiếc máy điện đang chạy trong vựa lúa.

Cô loạng choạng rảo bước lên thêm, mấy cánh cửa trong hành lang kêu ken két, tiếng trống ngực của cô rộn ràng xen lẫn tiếng chân bước. Cửa thứ ba bên trái đây rồi. Cô gõ cửa. Im ắng. Cô gõ mạnh hơn. Có người tiến ra phía cửa. Cửa mở. Ana đưa đôi mắt mờ đục của mình ngó nhìn, cô thấy khuôn mặt gầy guộc vàng vọt của Acxêni và cô kiệt sức gục đầu vào khung cửa.

Acxêni phải ẵm cô vào đến tận giường. Anh tháo tã đặt con vào chiếc nôi đã vắng lạnh từ hai tháng nay, rồi chạy xuống bếp mang sữa nóng lên. Vừa hôn đôi chân mẫm mĩm của đứa con trai và khuôn mặt đắm lệ của Ana, anh vừa nói:

- Chính vì vậy anh không sao đến thăm em được... Anh biết rằng thế nào em cũng sẽ trở về với tập thể, và mau chóng trở về thôi ! . . .

Hà Ngọc dịch

NHỮNG CUỘC ĐỜI SAU KHI CHẾT

Tim O'brien

Nhà văn Mỹ – Giải thưởng sách quốc gia Mỹ

Cả điều đó cũng là thật, rằng những câu chuyện có thể cứu vớt chúng ta. Tôi bốn mươi ba tuổi, hiện là nhà văn, và vẫn cứ, thậm chí ngay chính lúc này đây; vẫn đang mơ thấy Linda còn sống. Cả Ted Lavender nữa, cả Kiowa, Curt Lemon và cả chàng trai mảnh khảnh mà tôi đã giết, ông già nằm chết cạnh con heo con, cả những người mà tôi đã bê xác họ vút lên một chiếc xe tải. Tất cả họ đều đã chết. Nhưng trong một câu chuyện, kiểu như giấc mơ, những người chết đôi khi mỉm cười, ngồi dậy và trở về trần gian này.

Hãy bắt đầu từ chỗ này: một thi thể không tên. Đó là một buổi chiều năm 1969. Trung đội bộ binh của chúng tôi bị du kích của một làng nhỏ ven biển Đông bắn tỉa. Sự kiện diễn ra trong vài phút và cũng không ai bị thương cả. Mặc dầu vậy, trung úy Timmy Cross vẫn liên lạc điện đàm: gọi không quân đến oanh tạc trả thù. Trong nửa giờ đồng hồ sau, chúng tôi ngồi nhìn cái làng đó bốc cháy. Ngày hôm ấy mát mẻ và trong sáng, giống như đầu mùa thu, những chiếc phản lực đen bay loang loáng ngang dọc bầu trời. Khi trận đánh kết thúc, chúng tôi được lệnh di chuyển về phía Đông, xuyên qua ngôi

làng nọ. Tôi còn nhớ mùi rơm cháy khét, tôi còn nhớ những hàng rào đổ rạp, cây cối đứt ngang thân và những đồng đá, gạch, vôi vữa đổ nát. Cả vùng hoang lạnh - không một bóng người, không một bóng chim chóc muông thú - và xác chết duy nhất là một ông già nằm úp sấp xuống đất, bên cạnh một con heo con. Cánh tay phải ông ta đã bay đâu mất. Ruồi, muỗi đã kịp kéo tới bu đầy trên khuôn mặt.

Dave Jensen bước đến, túm lấy tay ông già, lúc lắc:

“Khỏe không?” Anh ta hỏi.

Những người khác, người nọ tiếp người kia cũng làm như vậy. Họ không quấy rầy thân thể ông già, chỉ nắm tay ông nói vài lời gì đó rồi đi tiếp.

Rát Kiley cúi xuống cái xác: “Đưa tay cho tôi nào”.

Anh ta nói. “Thật là một người đáng kính”.

“Ông sướng vì mập”. Henry Dobbins bảo. Tôi là lính mới tò te. Mới là ngày thứ tư vào trận. Tôi chưa biết tếu. Như thể phải nuốt một cái gì đó lờm lợm. Tôi cảm thấy nôn nao, nghẹn trong họng. Tôi ngồi xuống bên con heo con, nhắm mắt lại, gục đầu giữa hai đầu gối.

Lát sau Dave Jensen vỗ vào vai tôi.

“Giờ hãy lịch sự chút đi”. Anh ta nói. “Hãy giới thiệu tên cậu xem nào. Chẳng có gì phải sợ, chỉ là một ông cụ đẹp lão thôi. Hãy tỏ chút lòng kính trọng của cậu với người lớn tuổi hơn”.

“Tôi không thể”.

“Điều này có vẻ quá thực tế với cậu chăng?”

“Vâng” tôi nói.

Jensen kèm sau tôi, nhưng tôi vẫn không bước lại gần cái xác. Tôi cũng không dám nhìn, trừ khi vô tình nhìn lướt qua. Suốt ngày hôm đó, cảm giác nôn nao, rã rời vẫn ở trong tôi, nhưng không phải vì cái thấy người, mà chủ yếu vì hành động kinh khiếp là chào hỏi, chuyện trò với người chết. Tôi nhớ có lúc họ dựng cái xác ngồi dựa vào hàng rào. Họ bắt chéo chân cái xác lại, rồi trò chuyện với nó.

“Người khách quý”. Mitchell Sander đặt một lon nước cam vào lòng bàn tay ông cụ. “Vitamin C đấy”. Anh ta nói dịu dàng. “Rất quan trọng cho sức khỏe một chàng trai đấy”.

Họ mời ông cụ bánh mì nướng. Họ nâng bi đông lên và uống mừng gia đình cùng tổ tiên ông lão, mừng con đàn cháu đống, mừng cuộc sống mới của ông trong thế giới bên kia. Ngày càng buồn cười hơn. Hình như đó là một thứ lễ nghi, giống như một đám ma không có buồn đau.

Dave Jensen nhìn qua tôi.

“Này, O'brien”. Anh ta nói. “Cậu đang ăn bánh mì nướng trong tưởng tượng chắc? Vẫn chưa quá muộn đâu để cậu thể hiện chút lịch sự”.

Tôi tìm được việc cho đôi tay mình. Tôi nhìn đi chỗ khác và cố không nghĩ ngợi gì hết. Chiều muộn hơn, đúng trước lúc hoàng hôn xuống, Kiowa đến gần và hỏi liệu anh ta có thể ngồi trong hầm cá nhân của tôi một chút được không. Anh ta mời tôi một cái bánh Noel mà cha anh ta gửi cho trong đóng quà nhận từ hồi cuối năm. Hôm đó đã là tháng ba, nhưng bánh vẫn ngon, thơm lắm.

Kiowa ngẩng nhìn bầu trời hồi lâu.

“Hôm nay cậu đã làm một việc được lắm”. Anh ta nói. “Bắt tay cái thầy ma chẳng phải là việc lịch sự, đứng đắn gì. Các cậu ấy xúi giục kích động cậu mãi, nhất là Jensen. Nhưng cậu vẫn nhất quyết từ chối. Thà làm như tôi. Chỉ chén thôi, tôi hiểu mà”.

“Không phải thế. Tôi sợ”. Kiowa nhún vai. “Cũng vậy thôi”. “Không, tôi không thể. Một thực thể tinh thần, có tâm hồn... Tôi không hiểu, tôi chỉ thấy rừng mình, run rẩy”.

“Ồ, cậu là lính mới. Cậu sẽ quen thôi”. Anh ta ngừng một lát, chăm chú quan sát những đốm xanh, đỏ trên cái bánh. “Tôi đoán hôm nay là lần đầu tiên cậu nhìn thấy một cái thầy ma thực thụ phải không?”

Tôi lắc đầu. Suốt ngày hôm đó, tôi đã vẽ đi vẽ lại trong tâm trí khuôn mặt Linda, cái cười của nàng.

“Nghe thật nực cười”, tôi nói “Nhưng ông già đángn thương đó gọi tôi nhớ đến... tôi muốn nói, cô gái mà tôi từng biết. Có một lần tôi đã đưa cô đi xem phim. Đó là cuộc hẹn hò đầu tiên trong đời tôi”.

Kiowa nhìn tôi một lúc. Rồi ngả người ra, mỉm cười.

- “Con người”, anh ta nói, “Đó là một cuộc hẹn tồi tệ, thảm thương”.

Khi ấy Linda mới lên chín, bằng tuổi tôi, nhưng chúng tôi yêu nhau. Đúng như vậy. Hôm nay đây khi viết về Linda, có đến ba thập kỉ đã trôi qua, có vẻ tôi bị dụ dỗ để bỏ qua chuyện đó, chỉ như một chuyện phải lòng, mê say vớ vẩn của con nít, nhưng tôi biết rằng

đúng là những gì chúng tôi từng cảm nhận về nhau thực sự sâu sắc và trọn vẹn như tình yêu muôn thuở vậy. Nó có tất cả mọi sắc thái, mọi sự phức tạp của mối tình giữa những người trưởng thành, mà có lẽ còn phong phú hơn, vì nó không cần đến lời lẽ không phù hợp với bất cứ sự so sánh nào, bất cứ sự ghi chép sự kiện nào, hay bất cứ cách thức nào mà những người trưởng thành dùng để đo giá trị chuyện tình của họ.

- Tôi chỉ yêu nàng, có thế thôi.

Linda đang hoàng và tự trọng. Đôi mắt cô, tôi nhớ, cũng nâu thắm như mái tóc cô. Linda mảnh dẻ, lạng lẽ và yếu ớt.

Ngay cả lúc đó, mới chín tuổi, tôi đã khao khát được sống bên cô. Tôi muốn tan chảy vào xương thịt cô - kiểu yêu thế đó.

Mùa xuân năm 1956, chúng tôi đang học lớp bốn, tôi đã dắt cô đi, cuộc hẹn hò đầu tiên trong đời. Thật ra là một hẹn hò kép, cuộc hẹn của cả mẹ và cha tôi nữa. Dù tôi không còn nhớ chính xác, nhưng mẹ tôi đã hẹn sao đó với cha mẹ Linda, và đêm xuân ướt át ấy, cha tôi lái xe, còn tôi và Linda, ngồi ở ghế sau, nhìn ra ngoài qua những cửa sổ xe đối diện, cả hai đều cố giả vờ như không có gì đặc biệt quá. Sâu thẳm trong lòng, tôi có những điều hệ trọng, hệ trọng lắm phải nói với cô, nhưng tôi không sao thốt nổi nên lời. Tôi cảm thấy khó thở. Đôi lúc, tôi liếc nhìn cô, thầm nghĩ cô đẹp biết bao, làn da trắng, đôi mắt nâu sẫm, và cái cách cô luôn mỉm cười với thế gian này - dường như, luôn luôn mỉm cười - cứ như khuôn mặt cô được tạo ra trong nụ cười vậy. Nụ cười

không bao giờ tắt. Đêm đó, tôi còn nhớ cô đội một chiếc mũ mới màu đỏ, đối với tôi nó rất hoàn hảo, rất có phong cách, rất khác thường. Phần chóp mũ thon hình búp măng có vẻ hơi dài, gần như là quá dài, giống như một cái đuôi vắt vẻo sau lưng cô. Nó khiến tôi nhớ tới những cái mũ ông già Tuyết Santa Claus thường đội, cũng màu sắc và hình thù như vậy, cũng những núm tua màu trắng lộn xộn vui mắt đỉnh trên chóp. Ngồi ở ghế sau, tôi những muốn tìm cách nào đó thể hiện cảm tình đối với cô, thán phục, ngưỡng mộ gì đó, nhưng tất cả những gì tôi có thể nói nên lời là một câu bình luận xuẩn ngốc về cái mũ. “Xì”, có lẽ tôi đã nói đại loại “cái mũ mới lạ chứ”.

Linda nhìn ra cửa sổ xe, mỉm cười - cô hiểu điều tôi muốn nói - nhưng mẹ tôi đã quay lại, nhìn tôi một cách nghiêm khắc. Tôi ngạc nhiên quá. Cứ như là tôi đã tiết lộ một điều bí mật kinh khủng lắm ấy.

Đoạn đường còn ít lại, tôi ngồi nín lặng. Chúng tôi đỗ lại trước cửa hiệu Ber Franklin, rồi bước theo Đại lộ Chính đi về phía Nhà hát Quốc gia. Cha mẹ tôi đi đầu, vai sánh vai, rồi đến Linda đội mũ đỏ, sau là tôi, cách cô chừng mười hay hai mươi bước. Tôi, chín tuổi, không được phú cho tài ăn nói. Lúc lúc, mẹ tôi quay đầu nhìn lại, ra hiệu cho tôi bước nhanh hơn.

Tôi còn nhớ, khi tới cửa bán vé, Linda đứng tránh sang một bên. Tôi bước đến khu sảnh nghỉ, chăm chú ngắm nghía cái kẹo. Cả hai đứa tôi đều cẩn thận giữ gìn để những trao đổi đầu mảy cuối mắt không bị phát hiện. Chúng tôi cảm nghiệm tình yêu như vậy đó, hết sức thuần khiết, hết sức trong trẻo. Tôi cho rằng không ai

trong số hai chúng tôi nghĩ tới từ đó, tình yêu, nhưng thể hiện bằng cách không dám công khai nhìn nhau, không hề thổ lộ, chúng tôi hiểu rằng mình đang cùng chia sẻ một điều gì đó, lớn lao và vĩnh cửu.

Trong nhà hát, tôi nghe, phía sau mình có tiếng nhạc phim hoạt hình.

“Này, nhanh lên”. Tôi nói. Tôi gần như thu được đủ can đảm để nhìn cô bạn muốn ăn bắp rang hoa hay món gì nào?

Một câu chuyện mơ mộng của ta và khi kể lại, ta hi vọng rằng người khác cũng mơ theo ta vậy. Trong quá trình đó, hồi ức và tưởng tượng hòa trộn cùng ngôn từ để tạo nên những thực thể tinh thần trong tâm trí. Tạo nên ảo ảnh sống động chẳng hạn như khi ở Việt Nam, Ted Lavender có thói quen sáng sáng nuốt năm viên thuốc giảm thống. Đó là cách anh ứng phó với thực tại, và những viên thuốc giúp anh dễ chịu hơn trong ngày. Tôi nhớ đôi mắt anh trông thật yên bình. Ngay cả trong những tình huống tồi tệ, nét mặt anh vẫn nhẹ nhõm, mơ màng, anh thích cái đó, một kiểu đào tẩu khỏi hoàn cảnh. “Chiến sự hôm nay ra sao?” nếu ai đó hỏi như vậy, Ted Lavender sẽ ngược lên trời, khẽ mỉm cười: “Êm ả - hôm nay chiến sự bình lặng lắm”. Sau đó, vào tháng tư, anh bị bắn vào đầu, ở bìa làng Tân Khê. Kiowa và tôi cùng với vài người khác được lệnh sửa sang thi thể anh để mai táng. Tôi nhớ đã ngồi xuống bên anh, không muốn nhìn, nhưng sau đó phải nhìn. Xương má phải của Lavender vắng đi đâu mất. Một vùng đen sùng húp quanh mắt anh. Cố gắng không cảm nghĩ gì, chúng tôi

nhANH chóng lục soát các túi quần túi áo của anh. Tôi nhớ mình đã mong có một đôi găng tay. Tôi không khiếp máu me, nhưng tôi kinh sự chết chóc. Chúng tôi cho tư trang, giấy tờ cá nhân của anh vào một cái túi nhựa rồi buộc cái túi vào cổ tay anh. Chúng tôi cởi hết quần trang, tháo hết quần dụng, tất cả một đồng to, rồi bọc thi thể trong chiếc áo choàng của anh, sau đó đưa đến một cánh đồng khô ráo, đặt anh xuống.

Rất lâu, không ai nói gì. Rồi Mitchell Sanders bỗng cười phá lên và nhìn xuống cái áo choàng nhựa màu xanh.

“Lavender này.” - anh ta nói. “Chiến sự hôm nay ra sao?”

Lặng đi một lát.

“Êm ả”. Ai đó nói.

“Ồ, thế là tốt, Sanders lắm bầm. “Thật tốt, tốt thực sự.

- Bây giờ nằm ở đây mát quá”.

“Ồ không hề có mồ hôi”.

“Ngả lưng thật dễ chịu. Không cần uống thuốc nữa.

Chúng ta đi máy bay trực thăng, lần này, trong cuộc viễn du của linh hồn”.

“Ồ vâng. Bình an, êm ả”.

Mitchell Sanders mỉm cười: “Ồ đây nhé, ông bạn của tôi máy bay trực thăng sẽ đưa anh lên cao, cao và mát mẻ. Anh sẽ được nghỉ ngơi, thư giãn. Anh sẽ có một viễn cảnh mới, khác hẳn cái tình trạng đáng buồn này”.

Chúng tôi gần như có thể nhìn thấy hiển hiện đôi mắt mơ màng của Ted Lavender. Chúng tôi như nghe anh nói.

“Roger này”, ai đó nói. “Tớ bay đi đây”

Đó là một câu chuyện đã diễn ra. Những xác chết tràn đầy sinh khí. Bạn làm cho người chết chuyện trò. Đôi khi họ nói những câu đại loại như “Roger này”, hoặc “Timmy, đừng khóc nữa” – như Linda đã nói với tôi sau khi cô chết.

Thậm chí đến tận giờ đây tôi vẫn như thấy trước mắt hình ảnh cô đang bước xuống lối đi giữa những hàng ghế trong nhà hát Quốc gia Worthington, Minnesota cũ kĩ. Tôi thấy nét nghiêng khuôn mặt cô, bên cạnh tôi, đôi má dịu êm, quyến rũ.

Bộ phim đêm đó có nhan đề “Người đàn ông không bao giờ tồn tại”. Tôi còn nhớ rất rõ cốt truyện, ít nhất cũng nhớ hoàn toàn chính xác tên phim, bởi lẽ nhân vật chính là một xác chết. Chỉ riêng đề tài đó đủ gây ấn tượng mạnh đối với tôi. Đó là bộ phim về chiến tranh Thế giới lần thứ hai. Quân Đồng minh bày mưu để đánh lừa quân Đức về địa điểm họ sẽ đổ bộ vào châu Âu. Họ đã tiến hành với một xác chết - tôi tin rằng, đó là xác một người lính Anh - họ mặc cho anh ta một bộ quân phục sĩ quan, đặt những tài liệu giả mạo vào các túi quần, túi áo, rồi thả anh ta xuống biển để dòng chảy sẽ đưa anh ta tới bờ biển của bọn phát xít. Quân Đức tìm thấy những tài liệu đó, và việc đánh lừa đã đem lại chiến thắng cho quân Đồng minh. Đến tận bây giờ, tôi vẫn nhớ nước đã bắn văng lên không khi cái thây

rơi tùm xuống biển. Tôi nhớ, lúc đó tôi liếc sang Linda, nghĩ rằng cảnh này thật quá sức chịu đựng của cô. Nhưng trong ánh sáng mờ ảo, hình như tôi thấy cô vẫn mỉm cười. Cô hơi nheo mắt, đôi môi hé mở hơi cong lên duyên dáng. Tôi không hiểu nổi. Chẳng có gì đáng cười cả. Một đôi lần, tôi phải nhắm mắt lại, nhưng cũng chẳng tích sự gì mấy. Thậm chí tôi còn phải xem cái xác người lính nhào lộn trên mặt nước, va đập lẫn lóc, nặng nề và vô cảm, chết đi chết lại nhầu nhĩ tột cùng.

Thật nhẹ nhõm khi bộ phim kết thúc.

Sau đó, xe chúng tôi tới Dairy Quen ở ngoại ô. Đêm sâu lắng, trĩu nặng, và chung quanh chúng tôi những cánh đồng Minnesota trải rộng những làn sóng ngô và đậu tương, tất cả đều bình lặng, êm ái. Tôi nhớ ngồi ăn kem ở ghế sau chiếc xe Buick, chiếc xe đi lạng lẽ trong đêm, một đoạn dài lắm, rồi đỗ lại trước cửa nhà Linda. Chắc chắn chúng tôi có nói vài lời với nhau, nhưng tôi quên hết rồi, chỉ còn nhớ vài hình ảnh cuối cùng. Tôi bước theo cô đến trước cửa nhà. Tôi nhớ ánh sáng vàng chói chang của ngọn đèn cổng, đôi chân tôi đứng đó, những bụi cây dọc lối vào, cỏ ướt và Linda sát bên cạnh tôi. Chúng tôi yêu nhau. Mới chín buổi, vâng, nhưng yêu thực sự và bây giờ đây, chúng tôi chỉ có hai người trên lối vào. Cuối cùng, chúng tôi nhìn nhau.

“Tạm biệt”, tôi nói.

Linda gật đầu: “Tạm biệt”.

Mấy tuần sau đó, ngày nọ Linda cũng đội chiếc mũ đỏ đến trường. Cô không bao giờ cởi ra, ngay cả khi ngồi trong lớp, vì vậy cô bị bạn bè chòng ghẹo, nhất là thằng

Nick Veenhof. Đến giờ giải lao, ngoài sân chơi, Nick nhảy bổ tới sau lưng cô, chụp lấy mũ, giật mạnh rồi chạy biến. Cứ như vậy suốt mấy tuần: bọn con gái rúc rích cười, còn bọn con trai thì xúi bẩy thêm. Tất nhiên là tôi muốn làm gì đó để chấm dứt tình trạng này nhưng không thể. Tôi sợ bị chế giễu. Và ngại Nick Veenhof nữa. Tôi đành đứng ngoài cuộc, như một khán giả, trong lòng cầu mong có thể làm được điều mình đã không thể làm. Tôi nhìn Linda tay giữ chặt cái mũ, trong khi vẫn mỉm cười hướng về phía Nick như thể chẳng lấy làm phiền lòng.

Tuy nhiên, đối với tôi, điều đó rất khó chịu. Mọi việc vẫn tiếp diễn. Lẽ ra tôi đã phải xông vào mới đúng; lí do mới học lớp bốn chẳng biện hộ được gì cả. Thêm nữa, cuộc sống càng ngày càng chẳng dễ dàng hơn - và mười hai năm sau, khi cuộc chiến ở Việt Nam đặt ra những lựa chọn khắc nghiệt hơn nhiều, những luyện tập thử thách lòng can đảm đã có thể giúp đỡ tôi chút ít.

Thật ra tôi cũng có thể ngăn chặn những gì xảy ra tiếp theo. Có thể không ngăn chặn được, nhưng ít nhất là cũng có khả năng.

Hầu hết các chi tiết tôi quên hết rồi, nhưng tôi nhớ đó là một buổi chiều cuối xuân, chúng tôi đang thi đánh vần, giữa chừng thì Nick Veenhof giơ tay xin phép được dùng cái gọt bút chì. Ngay lập tức bọn bạn phá lên cười. Không nghi ngờ gì rằng chính Nick đã cố tình làm gãy bút chì, nhưng không ai có thể chứng minh được điều ấy, và thầy giáo gật đầu đồng ý. Đó là một sai lầm. Trong lớp, Nick chậm chạp hơn ở đâu hết. Nó từ từ lôi cái gọt bút chì ra, cẩn thận cho cái bút chì vào rồi cứ thế mà

xoay, xoay mãi. Lúc đó, tôi thấy buồn cười lắm. Nhưng trên đường về chỗ ngồi, Nick bỗng quành ngang. Nó len lỏi giữa hai cái bàn, rẽ sang phải đến hàng ghế Linda ngồi.

Tôi thấy nó cười nhăn nhở với một thằng trong bọn của nó. Ngay lập tức tôi hiểu điều gì sắp xảy ra.

Khi đi qua chỗ Linda, nó thả rơi cái bút chì và ngồi xuống nhặt. Khi đứng dậy, tay trái nó vòng nhanh ra sau lưng Linda. Chừng nửa giây ngập ngừng. Có lẽ nó đang đấu tranh để tự kiểm chế, có thể trong thoáng chốc, nó cảm thấy chút lầm lũi gì đó. Nhưng không đủ để kìm nó lại. Nó túm lấy núm tua trắng, kéo dựng lên và nhẹ nhàng lôi cái mũ ra.

Một số đứa cười phá lên. Một tiếng cười theo nho nhỏ. Tôi nhớ Nick Veenhof cũng nhếch mồm cười. Đâu đó sau lưng tôi, một đứa con gái nói: “Ừ” hay một tiếng gì gần như thế.

Linda không động dậy.

Bây giờ đây, khi nhớ lại điều đó, tôi vẫn có thể hình dung màu trắng kì dị trên da đầu cô. Không phải cô bị hói. Không hói hoàn toàn. Có vài túm tóc, mảnh mai, màu nâu xám. Nhưng cái mà tôi nhìn thấy lúc đó và bây giờ vẫn đang nhìn thấy là tất cả một màu trắng. Trắng nhợt, trong mờ, êm dịu. Tôi có thể nhìn thấy xương và mạch máu; tôi có thể thấy cấu trúc chính xác của hộp sọ. Đằng sau gáy cô có một tấm băng dính lớn, trên tai trái dính một miếng gạc.

Nick Veenhof bước lùi lại. Nó vẫn đang cười nhưng nụ cười đã trở nên dị dạng.

Suốt thời gian đó, Linda nhìn thẳng về phía trước, mắt cắm vào bảng đen, tay đặt nhẹ trong lòng. Cô không nói lời nào. Tuy nhiên, một lúc sau, cô quay lại và nhìn tôi - chỉ chừng một khoảnh khắc nhưng tôi cảm nhận được toàn bộ cuộc đối thoại giữa chúng tôi. "Có sao không?" Cô hỏi, và tôi trả lời: Có, ồ thôi, chắc chắn thế.

Rồi cô khóc. Hồi lâu. Thầy giáo giúp cô đội mũ lại, rồi chúng tôi kết thúc bài thi. Cuối buổi học, Nick Veenhof và tôi đưa cô về nhà.

Giờ đây đã là năm 1990. Tôi đã bốn mươi ba tuổi, dường như không thể nào hình dung năm học lớp bốn nữa, khi tôi nhìn những bức ảnh của mình chụp năm 1965, tôi nhận ra rằng trên những nét lớn, tôi chẳng thay đổi chút gì. Khi ấy, tôi là Timmy, giờ đây tôi là Tim. Nhưng bản chất chỉ là một. Giờ tôi không còn có vẻ ngốc nghếch trong những cái quần phồng rộng thùng thình với cái đầu húi cua hoặc, nụ cười vui sướng nữa - tôi hiểu đôi mắt của chính mình - nhưng vẫn không nghi ngờ gì rằng Timmy đang cười trước ống kính kia chính là Tim hôm nay. Trong thân thể - chúng ta, hay là trên siêu thân thể chúng ta, có cái gì đó bất biến và tuyệt đối. Đời con người, tất cả là một dòng chảy, giống như một lưới kiểm để lại những đường rạch trên băng: một đứa bé, một trung sĩ bộ binh hai mươi ba tuổi, một nhà văn trung niên đã biết thế nào là tội lỗi và khổ đau.

Và, hôm nay, với tư cách một nhà văn, tôi muốn cứu rỗi cuộc đời Linda. Không phải thân xác cô - mà cuộc sống của cô.

Cô đã chết rồi, tất nhiên thế. Mới chín tuổi và cô đã chết. Đó là một khối u trong não. Cô sống qua mùa hè và đầu tháng chín thì chết.

Nhưng trong một câu chuyện, tôi có thể đánh cắp linh hồn cô. Tôi có thể tái sinh, ít nhất thì cũng chút ít nào đó, cái tuyệt đối và bất biến ấy. Trong một câu chuyện, có thể xảy ra những điều kì diệu. Linda có thể mỉm cười và ngồi dậy. Cô có thể vươn tay ra, chạm vào cổ tay tôi, mà nói: "Timmy à, đừng khóc nữa nhé".

Tôi cần điều kì diệu đó. Ngay đến lúc tôi hiểu ra rằng cô bị bệnh, có thể, cô đang hấp hối nữa, tôi vẫn yêu cô, và không chịu chấp nhận thực tế khắc nghiệt. Tôi nhớ, quãng giữa mùa hè, mẹ tôi đã cố giải thích cho tôi nghe về bệnh u não. Bà bảo, đôi khi những trục trặc, bệnh tật gì đó hình thành, phát triển bên trong chúng ta. Đôi khi người ta có thể cắt bỏ chúng, nhưng nhiều khi đành chịu, và đối với Linda, đó chính là một trong những trường hợp phải bất lực bó tay.

Tôi ngẫm nghĩ mấy ngày liền. Cuối cùng tôi hỏi: "Thôi được, bây giờ bạn ấy sẽ khá hơn chứ?"

"Ồ, không", mẹ tôi nói. "Mẹ không nghĩ vậy". Bà nhìn vào điểm nào đó sau vai tôi. "Đôi khi người ta không bao giờ đỡ được. Đôi khi người ta chết".

Tôi lắc đầu, không chịu.

"Không phải Linda". Tôi nói.

Nhưng rồi một buổi chiều tháng chín, trong giờ nghỉ trưa, Nick Veenhof đến bên tôi. "Cô bạn gái của chúng mình", nó nói, "chết rồi".

Thoạt tiên, tôi không hiểu gì. “Chết rồi”, nó nói. “Mẹ tớ bảo tớ hồi trưa. Tớ không nói dối đâu. Bạn ấy chết thật rồi”. Tất cả những gì tôi có thể làm được lúc đó là gật đầu. Tuy nhiên, điều đó chẳng có gì là hoàn toàn chắc chắn. Tôi quay đi, nhìn xuống đôi tay mình rồi bỏ về nhà, không nói năng gì với ai.

Lúc đó khoảng hơn một giờ chiều, tôi vẫn nhớ, và căn nhà trống không.

Tôi uống chút sữa chocolate rồi nằm vệt xuống ghế sofa trong phòng khách, không hẳn là buồn đau, chỉ bỗng bênh trôi, cố nghĩ xem chết là thế nào. Tôi chẳng nghĩ được gì nhiều. Tôi còn nhớ đã khép chặt mắt lại và thầm thì gọi tên cô, gần như tôi cầu nguyện, van xin, cố để cô quay trở lại “Linda”? Tôi nói. “Làm ơn đi, nào”. Sau đó tôi quyết tâm tập trung tư tưởng. Tôi quyết làm cô sống lại. Có lẽ đó là một giấc mơ, một giấc mơ ban ngày, nhưng tôi đã khiến nó phải xảy ra. Tôi thấy cô đi giữa Đại lộ Trung Tâm, chỉ có một mình, đơn độc. Đêm đen thăm tối, đường phố hoang vắng, không một bóng người, xe qua lại, Linda bước đi, cô mặc váy hồng và đi đôi giày đen sáng bóng. Tóc cô mọc trở lại, mượt mà. Những vết sẹo, những mảnh gạc biến mất hết. Trong giấc mơ, nếu đó là một giấc mơ, cô đang chơi một trò chơi gì đó, cười vang và chạy nhảy trên đường phố vắng, đá đá chân vào một xô nước lớn sáng óng ánh.

Đến đó, tôi òa lên khóc. Lát sau, Linda dừng lại, xách xô nước lên vĩa hè và hỏi tại sao tôi buồn đến vậy. “Ôi trời ơi”, tôi nói, “bạn đã chết rồi”.

Linda gật đầu. Cô đang đứng dưới ánh đèn đường màu vàng nhạt. Một cô gái chín tuổi, chỉ một bé gái thôi, nhưng có một cái gì đó không có tuổi trong đôi mắt cô - không phải trẻ con, không phải người lớn - chỉ là sự vĩnh hằng chói sáng, cũng cùng cái ánh sáng tuyệt đối mà tôi nhìn thấy hôm nay, trong đôi mắt chính mình khi Timmy cười với Tim từ những bức ảnh thời thơ ấu đã xám màu.

“Chết rồi”. Tôi nói.

Linda mỉm cười. Đó là một nụ cười bí ẩn, như thể cô biết những điều không ai có thể biết, rồi cô vươn tay ra, chạm vào cổ tay tôi, cô nói:

“Timmy à, đừng khóc nữa đi. Chẳng có gì đâu”.

Ở Việt Nam cũng vậy, chúng tôi có những cách thức để khiến cho người chết dường như không chết hoàn toàn. Bắt tay họ lắc lắc, ấy là một cách. Bằng cách coi khinh cái chết chúng tôi giả vờ coi nó chẳng phải là điều khủng khiếp quá như bản chất khủng khiếp của cái chết. Chúng tôi dùng những lời lẽ, những cách nói năng, vừa tàn nhẫn vừa thâm trầm để chắt những thây ma ấy vào đồng rác rưởi vô nghĩa. Vì vậy, khi có ai đó bị giết, như khi Curt Lemon bị giết chẳng hạn, thân thể anh ta chẳng còn ra thân thể nữa, nó giống một ụ rác giữa đồng rác lớn. Tôi hiểu ra rằng ngôn từ tạo ra những sự khác biệt. Ta sẽ chịu đựng dễ dàng hơn, nếu cái xác không phải là người chết mà là một cái gì khác nếu nó không phải là người thì cái chết của nó chẳng đáng gì. Do đó, một y tá Việt cộng chết bỗng vì bom napan là một con vật nào đó đã bị thui giòn. Đứa bé Việt Nam nằm chết

cạnh cô ta là hạt đậu phộng chiên. “Nhai giòn rau rầu - Rat Kiley nói khi anh ta bước qua xác họ.

Chúng tôi gìn giữ để những người chết vẫn sống trong những câu chuyện. Khi Ted Lavender bị bắn vào đầu, chúng tôi đã chuyện trò những chuyện như trong anh lúc đó, thanh thản, yên bình làm sao, có lẽ chưa bao giờ thanh thản, yên bình đến vậy, hay có lẽ không phải viên đạn như là chính những viên thuốc giảm thống đã xuyên vào óc anh. Anh chàng chết, lại phải ngồi dậy. Trong số chúng tôi có những người theo đạo Kitô, như Kiowa chẳng hạn, họ tin vào những câu chuyện của kinh Tân Ước về cuộc sống sau khi chết. Những câu chuyện khác cũng được truyền tụng như huyền thoại, từ người cựu binh sang chàng lính mới. Tuy nhiên, phần lớn các câu chuyện do chúng tôi tự xây dựng nên, thường thì chúng quá cường điệu, hoặc bịa đặt rành rành, nhưng chúng là cách thức để mang linh hồn trở về lại với thân xác, hoặc tạo ra những thân xác mới để linh hồn bơ vơ có nơi trú ngụ. Chẳng hạn câu chuyện kể về Curt Lemon đi lang thang, chơi trò *trick-or-treat*¹ chọc mọi người từng dịp lễ Halloween. Chuyện kể rằng một đêm tối trời, ma quỷ đi lang thang, Lemon chụp cái mặt nạ ma vào mặt, rồi vẽ đủ các màu sắc khác nhau lên người gần như trần truồng, sau đó, bò qua đồng cỏ đến một ngôi làng đang say ngủ. Anh ta chỉ xỏ đôi giày ống, mang theo những

1. Câu trẻ con nói vào dịp lễ Halloween (Đêm trước ngày lễ các thánh) khi chúng đến gõ cửa mọi nhà xin kẹo và dọa đập phá nếu chủ nhà không cho.

viên đạn và khẩu tiểu liên M16 – trong đêm đen, Lemon đi từ nhà này sang nhà khác, gọi cửa.

Vài giờ sau, Lemon bò về doanh trại, mang theo một bị đầy kẹo bánh anh chia cho bạn bè: những cái kẹo, một bộ đồ ngủ và những bức tượng nhỏ đức Phật mỉm cười. Dù sao, đó cũng chỉ là chuyện kể. Còn nhiều dị bản phức tạp hơn, chi tiết phong phú hơn và có cả những mẫu đối thoại cụ thể nữa. Rat Kiley thích phát triển câu chuyện bằng nhiều tình tiết bổ sung: “Này nhé, lúc đó chừng bốn giờ sáng, Lemon chụp mặt nạ ma, lén vào một căn lều. Mọi người đang ngủ cả, phải thế không nào? Anh ta bèn đánh thức một cô gái nhỏ xinh xắn: Cù vào chân cô ta “Này, mẹ trẻ, *Trick-or-treat*?” Anh ta nói bằng giọng thật êm ái. Anh ta ngắm nhìn khuôn mặt cô ta. Rồi đưa khẩu tiểu liên M16 lại sát tai cô ta và thì thầm: “Mẹ trẻ ơi! *Trick-or-treat*”? Rồi anh ta cởi bộ đồ ngủ của cô gái ra. Chiếm đoạt cô ta. Nhét bộ đồ vào bị của mình, sau đó lại đặt cô ta vào giường như cũ và đi sang nhà khác”.

Ngừng một lát, Rat Kiley cười nhả nhổ và lắc đầu:

“Trời ạ”. Anh ta lẩm bẩm: “*Trick-or-treat*”. Lemon hẳn làm như vậy đấy”.

Nghe chuyện đó, đặc biệt là qua giọng kể của Rat Kiley, bạn sẽ không thể nào biết được rằng Curt Lemon đã chết. Anh vẫn còn ở ngoài kia, trong bóng đêm, trần truồng và vẽ màu lên người, đi lang thang chòng ghẹo mọi người, lén từ nhà này qua nhà kia, đeo mặt nạ ma quỷ khủng khiếp. Nhưng thực ra, anh đã chết rồi.

Tháng chín đó, một ngày sau ngày Linda mất, tôi xin ba tôi đưa đến Nhà Tang Lễ Benson để nhìn cô. Lúc đó

tôi đang học lớp năm, tính tò mò, hiếu kì. Trên đường đi, ba luôn nhìn thẳng phía trước. Có một lúc, tôi nghe ba ậm ừ trong cổ. Lâu lắm, ba mới châm lửa được điếu thuốc.

“Timmy này”, ông hỏi, “con đã nghĩ kĩ rồi chứ?”

Tôi gật đầu. Tất nhiên rồi, trong thâm tâm tôi đã nghiền ngẫm vấn đề và tôi vẫn muốn nhìn cô lần nữa. Tôi cho rằng, cái mà tôi cần là sự khẳng định cuối cùng, điều gì sẽ đến với tôi sau khi cô đã ra đi.

Khi xe dừng trước cửa nhà tang lễ, ba quay lại nhìn tôi: “Nếu con cảm thấy khó chịu thì chỉ cần bảo ba. Chúng ta sẽ về ngay. Được chứ?”

“Vâng”. Tôi nói.

“Hoặc nếu con bắt đầu cảm thấy mệt hoặc là sao đó...”

“Con sẽ không...” Tôi bảo ông.

Trong phòng, điều đầu tiên tôi cảm thấy là mùi thơm, ngào ngạt, như ai đó đã dùng bình xịt nước hoa làm thơm phòng. Căn phòng trống chỉ có Linda, ba tôi và tôi. Khi bước lên lối đi, tôi cảm thấy bồn chồn, lo âu. Mùi thơm làm tôi chóng mặt. Tôi cố gắng chống đỡ cảm giác đó, tôi đi chậm lại một chút, hít những hơi thở ngắn bằng miệng. Nhưng đồng thời, tôi cũng cảm thấy một sự kích động nức cười. Cảm giác đợi chờ, hồi hộp, như khi bước đến nhấn chuông trước cửa nhà cô hôm hẹn hò đầu tiên của chúng tôi. Tôi muốn tác động đến cô, muốn gây một ảnh hưởng gì đó. Tôi ao ước điều gì đó sẽ xảy ra giữa hai chúng tôi, một dấu hiệu bí ẩn nào đó chẳng hạn. Căn phòng sáng mờ, gần như tối thì đúng hơn, nhưng ở phía cuối quan tài

màu trắng của Linda được chiếu sáng bởi một dây đèn nhỏ trên trần. Tất cả đều lặng lẽ. Ba đặt tay lên vai tôi, thì thầm nói gì đó, rồi quay lưng đi. Lát sau, tôi bước thêm vài bước nữa, nhón chân để nhìn cho rõ hơn.

Có vẻ không thật. Chắc lắm lẫn, tôi nghĩ. Cô gái nằm trong quan tài trông không phải Linda. Có thể là giống, nhưng Linda thanh mảnh, mỏng manh, còn cái thân thể trong hòm này quá mập và phồng lên. Trong thoáng chốc, tôi tự hỏi hay là ai đó đã phạm sai lầm khủng khiếp. Một lỗi lầm về kỹ thuật, họ đã quá tay khi ngâm cô vào quá nhiều chất *formaldehyde*, hoặc dùng quá nhiều dầu ướp thơm, hoặc quá nhiều một loại chất gì đó. Khuôn mặt, đôi tay cô đều sưng húp. Làn da ở má bị kéo căng như thể quả bóng cao su sắp nổ tung và sẽ vỡ. Tôi quay lại, liếc nhìn ra sau lưng, nơi ba tôi đứng, nghĩ rằng đây có thể là một trò đùa - tôi hi vọng nó là một trò đùa - tôi gần như tin rằng Linda sắp từ sau chiếc rèm nào đó nhảy ra, cười phá lên và kêu to tên tôi.

Nhưng Linda chẳng làm như thế. Căn phòng im ắng. Khi quay lại nhìn chiếc quan tài, tôi lại cảm thấy chóng mặt. Trong thâm tâm, tôi biết đó là Linda, nhưng ngay cả như vậy tôi cũng không thể tìm thấy nhiều nét để nhận ra cô. Tôi cố tự lừa mình rằng cô chỉ đang chợp mắt nghỉ trưa, tay đặt trên bụng, đến chiều cô sẽ thức dậy. Có điều trông giống như đang ngủ. Cô trông như người chết. Trông nặng nề và có vẻ chết hoàn toàn rồi.

Tôi nhớ mình đã nhắm mắt lại. Lát sau, ba tôi bước tới.

"Bây giờ thì đi thôi con" - ông nói. "Hãy đi ăn kem".

Mấy tháng sau khi Ted Lavender chết, nhiều người khác cũng bị chết. Tôi không bao giờ bắt tay họ, lắc lắc - không bao giờ - nhưng một buổi chiều tôi đã trèo lên cây để lấy xuống phần thân thể còn lại của Curt Lemon. Tôi nhìn xác của Kiowa, bạn tôi, ngập trong bùn sông Trà Bồng. Và đầu tháng bảy, sau một trận đánh ở vùng núi, tôi được xếp vào một nhóm sáu người đi thu dọn chiến trường đầy xác chết quân đối phương. Có tất cả hai mươi bảy thân thể còn nguyên vẹn và những phần thân thể của những người khác. Xác chết nằm la liệt khắp nơi. Một số chất lên nhau thành đống. Một số khác nằm lẻ loi. Tôi nhớ, có một cái xác trông như người đang quỳ. Một cái xác khác phần thân trên vất trên một tảng đá, chóp đầu chấm xuống đất, đôi tay cứng đờ, đôi mắt lác xệch như thể anh ta sắp trình diễn một màn nhào lộn. Đó là ngày tồi tệ nhất trong đời chiến tranh của tôi. Trong ba tiếng đồng hồ, chúng tôi phải mang những cái xác xuống núi để dọn sạch con đường núi nhỏ hẹp. Chúng tôi ăn trưa ở đó, rồi sau đấy một chiếc xe tải đến, chúng tôi làm việc theo từng nhóm hai người, chất những cái xác lên xe. Tôi nhớ chúng tôi đã quăng những cái xác như thế nào. Michell Sanders cầm chân, tôi cầm tay, chúng tôi đếm đến ba, lấy đà, rồi lẳng cái xác lên cao, xem nó bật lên và lặn vào nằm giữa những xác chết khác. Những người chết đã chết hơn một ngày. Tất cả đều trương phình lên kinh khủng. Quần áo họ bị kéo căng ra như lớp da xù xịch và khi chúng tôi nâng họ lên, một số xì hơi như hơi gas. Họ đều nặng trĩu. Chân họ xanh tái và lạnh ngắt. Bốc mùi ghê tởm. Có một lúc,

Mitchell Sanders nhìn tôi và nói: “Này bạn, tớ vừa phát hiện một điều”.

“Cái gì?”

Anh ta chùi mắt và nói rất khê, như kinh sợ bởi chính phát kiến thông minh của mình.

“Người chết họ đang ngáp ngáp hít thở”.

Ban đêm, nằm trên giường, tôi tưởng tượng ra những câu chuyện bộn bề chi tiết để Linda sống lại trong giấc ngủ. Tôi sáng chế những giấc mơ cho chính mình. Nghe có vẻ không thể thực hiện được, tôi biết, nhưng tôi thực sự đã làm được điều đó. Tôi đã vẽ nên tiệc sinh nhật của ai đó - tôi nghĩ đến một cái phòng đông đúc, ồn ào, một cái bánh sôcôla lớn với những ngọn nến hồng - như vậy, tôi sẽ sớm mơ thấy cảnh tượng đó và một lát sau, Linda sẽ xuất hiện. Tôi biết cô sẽ xuất hiện, và trong giấc mơ, chúng tôi nhìn nhau, không nói năng: gì nhiều, vì chúng tôi ngượng ngùng, e thẹn. Nhưng sau bữa tiệc, tôi sẽ đưa cô về chúng tôi sẽ ngồi ở những bậc cửa trước nhà cô, nhìn bóng đêm và chỉ ngồi bên nhau, thế thôi.

Đôi khi cô nói những điều đáng kinh ngạc. “Người ta từng sống thì người ta không bao giờ chết cả”.

Hoặc cô nói: “Trông em như người chết sao”?

Đó là một kiểu tự thôi miên. Một phần là lòng tin, một phần là năng lực ý chí, những câu chuyện đã hình thành thế đó.

Nhưng nó giống như một phép lạ. Những giấc mơ của tôi trở thành nơi chốn gặp gỡ bí mật, và nhiều tuần sau khi Linda chết, tôi không thể nào đợi đến đêm mới đi

ngủ. Tôi lên giường sớm lắm, và ngày càng sớm hơn, đôi khi ngay khi trời vẫn còn sáng. Tôi nhớ, có lần trong bữa sáng, cuối cùng, mẹ đã hỏi: “Timmy, con có bị làm sao không”?

Những điều tôi có thể làm là nhún vai và nói: “Không sao cả. Con chỉ muốn ngủ thôi mà”. Tôi không dám nói thật. Tôi ngượng, tôi lúng túng, hơn nữa, điều đó là một bí mật quý giá, và cũng giống như một phép màu ma thuật, nếu tôi tìm cách giải thích, thậm chí chỉ nói đến điều đó thôi, sự xúc động cùng những điều thần bí sẽ bay đi mất. Tôi không muốn mất Linda.

Nàng đã chết. Tôi hiểu điều đó. Sau tất cả mọi điều, tôi đã nhìn thấy xác nàng; nhưng dù mới chín tuổi, tôi bắt đầu thực hiện phép màu nhiệm của những câu chuyện. Một số chuyện tôi chỉ mơ thấy. Một số khác tôi viết ra - những cảnh và những đoạn đối thoại. Và đêm đêm, tôi tìm đến giấc ngủ, biết rằng Linda đang ở đó, đợi tôi. Tôi nhớ, có lần chúng tôi đi trượt băng đêm, lượn những vòng tròn dưới ánh đèn vàng nhạt. Sau đó, chúng tôi ngồi bên lò sưởi trong một căn nhà ấm áp, chỉ có hai đứa với nhau. Ngồi một lúc, tôi hỏi Linda cái chết như thế nào. Rõ ràng Linda cho rằng đó là một câu hỏi ngắn gọn. Cô mỉm cười và nói: “Trông em như người chết sao”?

Tôi bảo không, cô có vẻ hoảng hốt. Tôi đợi một lát, rồi lại hỏi, và Linda khẽ thở dài. Tôi có thể ngửi thấy mùi những đôi găng tay len của chúng tôi khô dần bên lò sưởi.

Cô im lặng hồi lâu.

“Thế này nhé, chính giờ phút này thì em không chết. Nhưng khi mà em, nghĩa là... em không biết, em nghĩ cũng giống như em ở trong một cuốn sách mà không ai đọc cả”.

“Một cuốn sách ư”? Tôi hỏi.

“Một cuốn sách cổ. Nằm trên giá sách thư viện, an toàn và mọi điều ổn cả. Nhưng cuốn sách ấy chẳng được giở ra bao giờ, lâu, lâu lắm. Tất cả những điều người ta có thể làm được là chờ đợi. Hi vọng có ai đó sẽ cầm cuốn sách lên và bắt đầu đọc”.

Linda mỉm cười với tôi.

“Tuy nhiên; điều đó cũng không quá tệ đâu”. Cô nói. “Em muốn nói là, khi người ta chết, người ta chỉ trở thành chính mình”. Cô đứng dậy, đội cái mũ đỏ: lên đầu. “Điều đó thật ngốc nghếch. Thôi, chúng ta hãy trượt băng nữa nào”.

Tôi theo cô xuống hồ băng. Muộn lắm rồi, không còn ai ở đó. Chúng tôi nắm tay nhau, và trượt băng gần như thâu đêm, dưới ánh sáng vàng nhạt.

Bây giờ đã là năm 1990. Tôi bốn mươi ba tuổi, hiện tôi là nhà văn, vẫn tiếp tục mơ thấy Linda còn sống, theo cái cách của những giấc mơ ngày xưa. Nàng không phải một Linda hóa thân, nàng gần như được tạo tác, có một diện mạo mới và một cái tên mới, như một con người không bao giờ tồn tại. Tên thực của nàng đâu quan trọng gì. Nàng chín tuổi. Tôi yêu nàng, sau đó nàng chết. Nhưng đến tận phút này đây, trong hồi ức và tưởng tượng, tôi vẫn có thể nhìn thấy nàng, như thể qua lớp băng, như thể tôi đang chăm chăm nhìn vào thế giới bên

kia, nơi không có u não và những nhà tang lễ, nơi không có một cái xác chết nào. Tôi có thể nhìn thấy cả Kiowa, Ted Lavender và Curt Lemon, đôi khi tôi còn có thể thấy cả Timmy trượt băng với Linda dưới ánh sáng màu vàng nhạt. Tôi trẻ trung và hạnh phúc. Tôi sẽ chẳng bao giờ chết cả. Tôi đang bay lướt qua lớp bề mặt lịch sử bản thân mình, lướt rất nhanh, như thanh trượt dưới giấy trượt băng lướt trên mặt băng để lại những vạch ngoằn ngoèo, những vòng lượn. Nhưng bây giờ đây, khi tôi bay vút lên vào bóng đêm và ngược trở lại ba mươi năm trước, tôi nhận ra rằng chính Tim đã cứu rỗi đời Timmy bằng một câu chuyện.

Phan Thu Hiền dịch

CÁI CHẾT CỦA LÔHENGRIN

Heinrich Böll

Nhà văn Đức – Giải thưởng Nobel

Họ khiêng cáng lên cầu thang hơi chậm lại một chút. Cả hai đều bực dọc, họ đã bắt đầu vào việc cách đây một giờ, nhưng vẫn chưa kiếm được một liều thuốc lá thết đãi nào, một trong hai người là lái xe, và những người lái xe thực ra không cần phải khiêng cáng. Nhưng bệnh viện không cử một ai giúp sức, còn họ không thể để chú bé ấy cứ nằm mãi trong xe, còn phải chờ một ca bị viêm phổi cấp tính và một người tự tử, - người này vào phút chót đã được cắt dây treo. Họ bực dọc, và đột nhiên họ khiêng chiếc cáng nhanh bước hơn. Hành lang chỉ chiếu sáng mờ mờ, và tất nhiên có mùi của bệnh viện.

- Tại sao lại cắt dây cho hắn? - Một người lầm rầm nói, anh ta ám chỉ kẻ tự tử, anh ta khiêng phía sau, và người khiêng phía trước đáp lại giọng ồm ồm: - Phải đấy, cứu hắn để làm gì? - Vì trong khi nói anh ta quay người lại nên va mạnh vào cửa, và người nằm trên cáng chột tỉnh, phát ra những tiếng kêu thảm thiết và ghê rợn, đó là tiếng kêu của đứa trẻ.

- Lặng yên, lặng yên, - bác sĩ nói, đó là một người trẻ, cổ áo kiểu sinh viên, tóc vàng hung và gương mặt dễ xúc động. Người đó nhìn đồng hồ: đã tám giờ, lẽ ra anh đã

được đổi ca từ lâu. Anh đã đợi bác sĩ Lômaio hơn một tiếng, nhưng vô ích, có thể ông ta đã bị chúng nó bắt: ngày nay, mỗi người đều có thể bị bắt vào bất cứ lúc nào. Người bác sĩ giật giật chiếc ống nghe theo thói quen, anh nhìn chăm chăm vào đứa trẻ nằm trên cang, mãi bấy giờ anh mới để mắt tới hai người khiêng cang, họ nôn nóng đứng chờ cạnh cửa, anh khó chịu hỏi họ: - Gì thế, các anh muốn gì nữa?

- Chiếc cang, - người lái xe đáp lại, có thể chuyển nó sang giường không? Chúng tôi phải đi ngay.

- A, phải rồi, đây, đây? - Bác sĩ chỉ vào chiếc ghế divăng da. Đúng lúc đó cô y tá trực đêm bước vào trông cô lãnh đạm nhưng nghiêm túc. Cô y tá khiêng trên, đỡ lấy vai chú bé, còn một trong hai người khiêng cang, không phải người lái xe, tóm ngay lấy chân chú.

Chú bé lại kêu lên như điên dại, bác sĩ nói vội vã: "Lặng yên, im nào, yên nào em, sẽ không sao đâu mà..."

Những người khiêng cang vẫn đứng đợi. Đáp lại ánh mắt xúc động của bác sĩ, một người nói: "Cái chăn", giọng trầm tĩnh. Cái chăn không phải của đứa bé. Tại nơi xảy ra tai nạn, một người đàn bà đã đưa cho họ cái chăn đó, vì không thể chở đứa bé với đôi chân gãy nát như thế vào bệnh viện. Nhưng một người khiêng cang nghĩ rằng: bệnh viện sẽ giữ lại cái chăn, mà bệnh viện lại có dư thừa chăn, còn người đàn bà cho mượn sẽ không được hoàn lại, vậy là cái chăn ấy không phải là của chú bé, chẳng phải của bệnh viện. Nhưng vợ anh ta thế nào cũng tẩy sạch được cái chăn, và ngày nay, người ta trả khối tiền để mua chăn.

Chú bé vẫn kêu rên thảm thiết. Họ đã cởi cái chăn quấn quanh chân chú bé, đưa vội cho người lái chiếc xe. Cô y tá và bác sĩ nhìn nhau. Chú bé trông thê thảm: Toàn bộ phần dưới của cơ thể dẫm trong máu, 0 chiếc quần đùi vải lanh đã rách mướp, những mảnh vải quện với máu thành một khối bầy nhầy ghê rợn. Chân chú bé để trần và chú vẫn kêu rêu, kêu liên tục và dai dẳng thật đáng sợ.

- Nhanh lên, nhanh lên! – Cô y tá chuẩn bị rất thuận thục và mau lẹ nhưng bác sĩ vẫn thì thào thúc giục:
- Nhanh lên, nhanh lên – Miệng anh há hốc trên gương mặt xúc động. Chú bé vẫn rên xiết, nhưng cô y tá không thể chuẩn bị mũi tiêm nhanh hơn được.

Người bác sĩ xem mạch, bộ mặt nhợt nhạt của chú bé giật giật vì kiệt sức. “Im lặng nào, im nào”, - bác sĩ thì thầm một đôi lần như ngậy dại. Nhưng chú bé vẫn kêu lên thảm thiết, như thể chú sinh ra cốt để kêu rên. Cuối cùng cô y tá đã mang đồ tiêm tới, bác sĩ tiêm cho chú rất thuận thục và mau lẹ.

Khi anh thở dài rút mũi tiêm ra khỏi lớp da của chú bé, một lớp da dai găn như là da thuộc, thì cánh cửa bật mở, và một nữ tu sĩ bước vội vào phòng với vẻ hốt hoảng, nhưng khi nhìn thấy người bị nạn và bác sĩ, miệng bà đương mở to định nói bỗng khép lại, bà lặng lẽ bước chậm rãi đến gần họ. Bà gặt đầu thân mật, chào bác sĩ và cô y tá mặt xanh xao, rồi đặt bàn tay lên trán của chú bé. Chú bé mở mắt ra kinh ngạc nhìn cái bóng đen bên đầu mình. Hình như chú bé cảm thấy dễ chịu vì có bàn tay mát dịu đặt trên trán, và lúc này thuốc tiêm cũng đã

có tác dụng. Người bác sĩ vẫn cầm ống tiêm ở trên tay, anh thở dài một lần nữa, lúc này thật yên tĩnh, yên tĩnh thật kỳ diệu, yên tĩnh tới mức mọi người đều có thể nghe thấy hơi thở của chính mình. Họ không nói lời nào.

Có lẽ chú bé không cảm thấy đau đớn nữa, chú tò mò và lặng lẽ nhìn quanh.

- Bao nhiêu? - Bác sĩ hỏi nhỏ cô y tá .

- Mười, - cô ta cũng đáp lại nhỏ nhẹ.

Người bác sĩ nhún vai:

- Hơi nhiều đấy, thôi được, đợi xem đã. Chị Liôba, chị giúp chúng tôi một tay chứ?

- Vâng, sẵn sàng, - nữ tu sĩ đáp lại, hình như bà giật mình và bưng tỉnh. Tất cả rất yên ắng. Người nữ tu sĩ đỡ lấy đầu và hai tay chú bé, cô y tá giữ hai chân, họ thận trọng tách những mụn vải quện máu dính chặt vào người chú. Và lúc này họ thấy máu pha trộn với một thứ gì đó đen sẫm, tất cả đều đen, hai chân chú bé đầy bụi than, cả hai tay chú nữa, tất cả chỉ là máu, mảnh vải vụn và bụi than, một thứ bụi than đặc, sền sệt như là pha dầu.

- Rồi rồi, - người bác sĩ lẩm bẩm, - ăn cắp than trong khi tàu đang chạy và ngã xuống, phải không?

- Vâng, - chú bé nói ngắc ngứ, - đúng thế.

Mắt chú bé rất tỉnh, ánh lên một niềm hạnh phúc thật lạ lùng. Có lẽ thuốc tiêm đã có một tác động kỳ diệu. Người nữ tu sĩ kéo chiếc áo sơ mi của chú lên phía trên, cuộn cuộn lại trên ngực chú sát tới cằm. Nửa người trên của chú bé gầy đét, chỉ có da bọc xương, trông thảm hại như

thể xác của một con ngỗng già. Ở dưới xương bả vai, những lỗ thủng thâm lại rất lạ lùng, những hốc sâu tới nỗi người tu sĩ có thể giấu cả bàn tay trắng muốt và to rộng của mình vào trong đó. Bây giờ họ mới nhìn xuống chân, đúng hơn là họ nhìn những gì còn nguyên lành của đôi chân. Đôi chân chú rất mảnh, trông mịn màng và thanh thoát. Bác sĩ gật đầu và nói với hai người đàn bà: "Có lẽ bị gãy xương cả hai chân, cần phải chụp X quang".

Cô y tá lấy khăn thấm cồn lau sạch chân cho chú bé, lúc này trông chân chú không đến nỗi tệ như trước nữa. Chỉ có điều chú bé gầy guộc thật thảm hại. Người bác sĩ lắc đầu trong lúc anh quán băng. Lúc này, anh lại lo ngại cho bác sĩ Lômaio, có thể chúng đã bắt ông, và ngay cả khi Lômaio không tiết lộ điều gì thì lòng anh vẫn cứ thấy áy náy, để ông ấy phải ngồi tù vì món thuốc tây Strôphantin trong khi mình được sống tự do, thật là chuyện đau lòng, lẽ ra trong tình huống khác, người ta đã có thể được dự phần lời lãi. Thật là đáng nguyên rủa, chắc đã tám rưỡi rồi, và lúc này yên tĩnh thật ghê rợn, không có động tĩnh gì ngoài đường phố. Bác sĩ quán xong băng, người nữ tu sĩ kéo áo chú bé xuống. Bà ra tủ, lấy một chiếc chăn trắng phủ lên người chú.

Bà lại đặt bàn tay lên trán chú và nói với bác sĩ đương rửa tay:

Thưa bác sĩ, tôi tới đây là vì Sôranx, tôi không muốn làm bác sĩ bận tâm trong khi đương cứu chữa chú bé này.

Bác sĩ đương lau tay bằng ngừng lại, mặt anh hơi méo mó đi, và điều thuốc lá còn bám nơi môi dưới của bác sĩ rùn rẩy.

Gì á? - Anh hỏi lại, - chuyện gì xảy ra với chú bé Soranx thế?

Vẻ xanh má trên mặt anh lúc này hầu như trở sang vàng nhạt.

Ôi chao, trái tim bé bỏng ấy nó không muốn đập nữa, đơn giản là không muốn đập nữa, có lẽ sắp kết thúc.

Người bác sĩ cầm điều thuốc lên tay, treo khăn lên móc bên cạnh chậu rửa mặt.

Thật khốn kiếp, - anh kêu lên bất lực, - tôi phải làm gì bây giờ, chẳng thể làm được gì nữa rồi!

Nữ tu sĩ vẫn để tay lên trán của chú bé. Cô y tá ấn những mảnh giẻ lau dầm máu vào thùng rác, nắp thùng mạ kền hắt ánh sáng lấp loáng lên mặt tường.

Bác sĩ trầm ngâm đưa mắt nhìn sàn nhà, bỗng nhiên anh ngẩng đầu, nhìn chú bé một lần nữa rồi lao vội ra cửa.

- Tôi phải tới đó ngay.

- Bác sĩ không cần tôi hay sao? - Cô y tá hỏi với theo, anh quay đầu lại lần nữa và đáp vội:

Không, chị ở lại đây, chuẩn bị cho đứa bé chụp điện và tìm cách lập hồ sơ bệnh án.

Chú bé vẫn yên ắng, lúc này cô y tá đứng bên cạnh divăng.

- Mẹ em đã biết chưa? - Người nữ tu sĩ hỏi.

- Chết rồi.

Cô y tá không dám hỏi gì về cha chú.

- Thế báo tin cho ai?

- Anh trai em, nhưng bây giờ anh ấy không có nhà. Nhưng mấy đứa bé cần báo tin, chúng ở nhà một mình.

- Mấy đứa bé nào cơ?

Hanxơ và Adônphơ, chúng nó đợi em về nấu ăn.

- Thế anh trai của em đương làm việc ở đâu?

Chú bé im lặng, người nữ tu sĩ không hỏi thêm gì nữa.

- Chị muốn viết phải không?

Cô y tá gạt đầu, đi tới chỗ chiếc bàn nhỏ màu trắng trên đó đầy thuốc men và ống nghiệm. Cô ta kéo bình mực lại gần, nhúng bút và dùng tay trái vuốt thẳng tờ giấy trắng.

- Họ em là gì? – Người nữ tu sĩ hỏi.

- Bếckơ.

- Tôn giáo nào?

- Không gì cả. Em không làm lễ thánh.

Người nữ tu sĩ rúm người lại, bộ mặt cô y tá vẫn đứng đung.

- Em sinh bao giờ?

- Năm ba mươi ba. . . vào ngày mười tháng chín.

- Đương đi học phải không?

- Vâng.

- Và ... tên gọi, - cô y tá nói thầm với tu sĩ.

- Phải. . . tên gọi em là gì?

- Grini.

- Gì kia? - Hai người đàn bà nhìn nhau và mỉm cười.

- Grini chú bé nhắc lại chậm rãi và tỏ ra bực bội như tất cả mọi người có cái tên khác thường.

- Viết bằng i ngắn chứ? – Cô y tá hỏi lại.

- Vâng, hai i, và chú nhắc lại một lần nữa: Grini.

Thực ra chú bé tên là Lôhengrin, sinh năm 1933, đúng năm ấy, khi những bức hình đầu tiên của Hitle trong ngày hội Bairoithơ được chiếu trong tất cả các chương trình thời sự. Nhưng mẹ chú vẫn gọi chú là Grini.

Người bác sĩ đột ngột lao vào phòng, mắt anh trông đỏ ra vì mệt mỏi, mái tóc vàng thưa xõa xuống trên bộ mặt còn trẻ nhưng có nhiều vết nhăn .

- Nào, nhanh lên, nhanh lên, cả hai người, nhanh lên. Tôi muốn tiếp máu một lần nữa xem sao, nhanh lên nào?

Người tu sĩ đưa mắt nhìn chú bé.

- Được rồi, được rồi, - bác sĩ nói, hãy để chú bé nằm một mình một lát.

Cô y tá đã dừng ở cạnh cửa.

- Em có chịu nằm yên một lúc không, Grini? – Người nữ tu sĩ hỏi.

- Vâng, - chú bé đáp.

Nhưng khi mọi người đã rời khỏi căn phòng, chú bèn để mặc cho nước mắt ròng ròng. Hình như bàn tay của người nữ tu sĩ đặt trên trán của chú đã kìm giữ nó lại. Chú bé không khóc vì đau đớn, chú khóc vì sung sướng. Và cũng khóc vì đau đớn và sợ hãi. Cứ mỗi khi nghĩ tới mấy đứa bé thì chú lại khóc vì đau đớn, và chú cố quên



đi không nghĩ tới chúng nó, chú chỉ muốn được khóc vì sung sướng. Chưa bao giờ trong đời mình chú cảm thấy sung sướng, kì diệu như bây giờ, sau khi người ta tiêm cho chú. Như thể đương có một dòng sữa kỳ diệu, hơi ấm ấm, đương chảy qua người chú, làm cho chú choáng váng nhưng tỉnh táo, trên đầu lưỡi chú cảm thấy có cái gì ngon ngon, một thứ gì đó ngon lắm chưa hề thấy trong đời, nhưng chú vẫn phải nghĩ tới mấy đứa nhỏ. Anh Hubec sớm mai chắc chưa về tới nhà, còn cha phải ba tuần lễ nữa mới về và mẹ. . . Mấy đứa bé đương ở nhà một mình, chú biết lắm, chúng nó đồng tai nghe từng tiếng động nhỏ nhất trên cầu thang, có biết bao nhiêu là tiếng động trên cầu thang, biết bao nhiêu lần thất vọng cho chúng. Không chắc gì bà Grôxman để mắt tới chúng nó, bà chưa hề làm thế, không lý gì hôm nay bà ấy lại. . . biết được là chú. . . là chú bị tai nạn. Có lẽ Hanxơ sẽ an ủi Adônphơ, nhưng Hanxơ yếu ớt lắm, hơi tý là đã khóc, có lẽ Adônphơ sẽ an ủi Hanxơ, nhưng Adônphơ mới lên năm, còn Hanxơ lên tám tuổi rồi. Nhưng Hanxơ yếu ớt lắm, Adônphơ cứng cỏi hơn. Có lẽ cả hai đứa sẽ khóc, vì tới lúc bảy giờ, hai đứa chẳng thích chơi đùa nữa, chúng đói bụng và biết rằng bảy rưỡi thì chú sẽ về nhà cho chúng ăn. Chúng nó không dám tự ý đến gần ổ bánh mì, không đâu, không bao giờ chúng dám làm như thế, chú đã cấm đoán chúng chuyện đó rất nghiêm khắc, từ bữa bọn chúng ăn sạch cả suất ăn cả tuần lễ, lẽ ra hai đứa có thể lần tới chỗ để khoai tây. Hanxơ đã biết luộc khoai tây, nhưng mà chúng không dám, vì chú trừng phạt chúng nghiêm khắc, phải, thậm chí đã có lần chú buộc phải đánh chúng, vì không thể nào khác được, hai đứa

đã ăn sạch cả một ổ bánh mỳ, không thể nào khác được, nhưng bây giờ có lẽ chú rất sung sướng, giá như ngày ấy chú không trừng phạt chúng, hai đứa sẽ tìm ổ bánh mỳ và ít ra chúng không bị đói. Vậy mà chúng nó cứ phải ngồi mà đợi, nghe mỗi tiếng động trên cầu thang là nhảy lên hồi hộp, áp sát mặt xanh xao của chúng vào khe cửa, như đã bao lần, có lẽ hàng ngàn lần, chú đã thấy hai đứa như thế. Ôi, bao giờ về chú cũng thấy gương mặt chúng nó trước, chúng hân hoan khi chú về. Ngay cả khi chú đánh hai đứa, chúng vẫn hân hoan khi chú về, chúng nó biết lỗi mà. Và bây giờ, mỗi một tiếng động là một sự thất vọng, có lẽ chúng nó sẽ lo sợ. Hanxơ đã run bắn mỗi khi nó nhìn thấy dù là một viên cảnh sát và có lẽ chúng sẽ khóc to, đến nỗi bà Grôxman phải chửi rửa, vì buổi tối bà thích được yên tĩnh. Chúng nó cứ khóc mãi, bà Grôxman phải sang ngó xem sao, rồi bà thương hại chúng, bà Grôxman không đến nỗi nào. Nhưng Hanxơ sẽ không tự mình sang chỗ bà Grôxman, nó rất sợ bà, cái gì Hanxơ cũng sợ cả...

Giá hai đứa đến chỗ để khoai tây!

Từ lúc nghĩ đến mấy đứa bé, chú chỉ còn khóc vì đau đớn. Chú để tay che mặt để khỏi trông thấy mấy đứa em, rồi chú bỗng cảm thấy bàn tay của chú ướt, chú càng khóc dữ hơn. Chú cố nghĩ xem bây giờ là mấy giờ. Có lẽ đã chín giờ, có thể mười, thật khủng khiếp. Chưa bao giờ chú về nhà muộn hơn bảy giờ rưỡi, nhưng hôm nay con tàu được canh gác nghiêm ngặt, mấy đứa phải hết sức cẩn thận, vì bộ lính Luexăbua rất thích bắn. Có lẽ trong đại chiến chúng ít được bắn nên bây giờ mới thích bắn như thế. Nh-

ưng chúng không thể chop được chú, không bao giờ, chưa bao giờ chúng nó tóm được chú, bao giờ chú cũng trốn thoát khỏi tay chúng. Ôi, lạy Chúa, than Ăngtraxit, chú không thể để sống thứ than Ăngtraxit. Ăngtraxit, họ trả bảy mươi, tám mươi mác cho than Ăngtraxit, chú không thể để nó lọt qua tay. Nhưng bọn Lucxămbua đã không tóm được chú, chú đã thoát khỏi tay cả bọn Mỹ và bọn Bỉ, chẳng lẽ bọn Lucxămbua tức cười ấy lại có thể tóm chú? Chú đã thoát khỏi chúng, nhảy phắt lên thùng tàu, lấy than đầy bao tải và ném xuống, rồi ném tiếp những gì còn lấy được. Nhưng rồi, tàu đột ngột dừng lại, chú chỉ biết là mình đau khủng khiếp, cho tới lúc chú không còn biết gì nữa, rồi khi va vào cửa chú chợt tỉnh, nhìn thấy gian phòng trắng. Rồi họ cho chú một mũi tiêm. Bây giờ chú chỉ còn khóc vì sung sướng, hạnh phúc. Mấy đứa bé không thấy nữa, hạnh phúc là một thứ gì đó thật tuyệt vời, chú chưa hề biết đến, hình như hạnh phúc là những giọt nước mắt hạnh phúc đang chảy ra từ nơi chú, nhưng mà cái khối ngọt ngào, chập chờn, chao đảo trong ngực chú không bé đi, cái khối kì lạ được biến thành nước mắt chảy ra khỏi người chú không bé đi.

Bất chợt chú nghe thấy tiếng súng nổ, bọn lính Lucxămbua, chúng nó có súng máy và tiếng nổ thật ghê rợn trong buổi tối mùa xuân tươi mát này, có mùi hương của cánh đồng, mùi khói tàu hỏa, mùi than, có cả một chút gì đó của mùa xuân thực sự. Hai phát súng sủa gần lên bầu trời sẫm tối, tiếng vọng dội vào chú hàng ngàn lần và ngực chú nhoi nhói như kim châm, bọn lính Lucxămbua khốn kiếp không thể bắt được chú, chúng

không được bán chú gục xuống? Than kia, bây giờ chú nằm trên than, cứng và nhọn, than Ăngtraxit, người ta trả tám mươi, đến chín mươi mác một tạ. Chú có nên mua cho mấy đứa bé kẹo sôcôla không nhỉ? Không, không đủ tiền, một phong sôcôla giá bốn mươi, thậm chí bốn mươi năm, chú không thể khuân được nhiều đến thế. Chúa ơi, một tạ than để có được ba phong sôcôla, và bọn Lucxămbua như một lũ chó điên, chúng nó lại nhả đạn, và đôi chân trần của chú rét lạnh, đau nhói vì than sắc, những cái chân đen đui và bẩn thỉu, chú biết thế. Tiếng nổ xé những hốc lớn trên bầu trời, nhưng chúng không thể bắn gãy cả bầu trời, hay bọn Lucxămbua có thể bắn cả bầu trời?...

Liệu có nên nói cho cô y tá biết là cha chú đang ở đâu không nhỉ? Và đêm đêm, anh Hubec của chú thường đi đâu? Họ không hỏi chú về điều đó, người ta không nên trả lời, nếu như không được hỏi. Ở trường người ta dạy như thế ... thật đáng nguyên rủa bọn Lucxămbua, chú phải về với mấy đứa bé... chắc là bọn chúng điên. Bọn Lucxămbua này, chắc chúng đã hoàn toàn rồ dại.

Thật khốn kiếp, không, chú không cho y tá biết là cha chú ở đâu, có thể mấy đứa bé sẽ đến chỗ ổ bánh mì ... hoặc sẽ lấy khoai tây. . . hoặc có thể là bà Grôxman sẽ nhận thấy có chuyện gì không ổn, vì có cái gì đó thật không ổn, thật lạ lùng, luôn luôn có chuyện gì đó thật không ổn. Ông hiệu trưởng có lẽ sẽ chửi bới. Mũi tiêm tốt đẹp đấy, chú cảm nhận ngay, và hạnh phúc đã đến thật đường đột! Cô y tá xanh xao ấy đã đưa hạnh phúc vào ống tiêm, chú chẳng nghe rõ mồn một là gì, cô ấy đã cho

quá nhiều hạnh phúc vào xylanh, nhiều lắm, một hạnh phúc quá liều, chú đâu có ngu ngốc, Grini viết hai "i" . . . không, không chết. . . không, Grini. . . chỉ mất tích. Hạnh phúc thật kỳ lạ, có lẽ chú sẽ mua hạnh phúc trong xylanh đem cho mấy đứa bé, người ta có thể mua tất cả... bánh mì... cả một núi bánh mì ...

Thật khốn kiếp, viết bằng hai i ngắn, chẳng lẽ ở đây người ta không biết những cái tên người Đức nhất hay sao? . . .

Không, chú đột ngột kêu lên, - em không làm lễ thánh.

Liệu mẹ có còn sống hay không? Không, bọn Lucxămbua đã bắn mẹ, không. . . không phải thế, ai biết được có thể bọn Nadi bắn mẹ chết, mẹ đã chửi thậm tệ... không, bọn Mỹ... Ôi, mấy em cứ ăn bánh mì đi cứ ăn bánh. . . chú muốn mua cho chúng cả một núi bánh mì. . . cả một toa xe đầy bánh mì... đầy than Ăngtraxit, hạnh phúc trong mũi tiêm.

Thật khốn kiếp, hai chữ i!

Người nữ tu sĩ chạy tới chỗ chú bé, cầm vội tay xem mạch và hốt hoảng nhìn quanh. Chúa tôi, bà có nên đi gọi bác sĩ không. Nhưng bà không thể bỏ mặc chú bé đương mê sảng ở đây. Bé Soranx đã chết, đã đi rồi, lạy Chúa, cô gái có gương mặt Nga ấy đã đi rồi! Bác sĩ ở đâu nhỉ?... Bà chạy quanh chiếc ghế divăng.

Không, - chú bé thét lên, - em không làm lễ thánh.

Mạch đập rối loạn. Mồ hôi vã ra trên trán nữ tu sĩ. "Bác sĩ, bác sĩ ơi!" - bà gọi to, nhưng bà biết đích xác,

không một âm thanh nào có thể lọt qua cánh cửa lót nệm kia...

Lúc này chú bé vật vờ thật thảm thương.

Bánh mì . . . cả một núi bánh mì cho mấy đứa bé . . . Sôcôla... Ăngtraxit... bọn Lucxămbua, những con lợn ấy, không được bán nó, khốn kiếp, khoai tây, các em cứ đến chỗ khoai tây... đi lấy khoai tây đi? Bà Grôxman ... bố .. mẹ... Hubec . . . qua khe cửa , nhìn qua khe cửa.

Người nữ tu sĩ khóc vì sợ, bà không dám bỏ đi, lúc này chú bé bắt đầu vật mình, và bà cố sức giữ vai chú. Ghế divăng trơn quá mức. Bé gái Soranx đã chết rồi. Trái tim bé bỏng ấy giờ đã ở thiên đường. Xin Chúa rủ lòng thương, ôi, hãy thương xót ... bé gái ấy vô tội, một thiên thần bé bỏng, một thiên thần Nga bé bỏng rất xấu xí. . . Nhưng bây giờ xinh đẹp...

- Không, - chú bé kêu lên và tìm cách đập tay quanh mình, -em- không làm lễ thánh.

Người nữ tu sĩ ngược mắt lên hải hùng, bà chạy tới chỗ chậu rửa mặt, sợ sệt đưa mắt theo dõi chú, không tìm thấy cốc nước, quay lại, vuốt ve vùng trán nóng hầm hập của chú. Rồi bà đi tới...chỗ chiếc bàn nhỏ màu trắng, cầm một ống nghiệm. Chiếc ống nhanh chóng chứa đầy nước, lạy Chúa, một chiếc ống nghiệm đựng được ít nước quá...

Hạnh phúc, - chú thì thào, xin hãy cho nhiều hạnh phúc vào ống tiêm, cho tất cả những gì bà có, cho cả mấy đứa bé nữa mà...

Người nữ tu sĩ làm dấu thánh thật trang trọng, rất chậm rãi, rồi đổ nước từ ống nghiệm lên trán của chú bé và nói trong tiếng khóc: - Tôi rửa tội cho em... - nhưng chú bé bất chợt tỉnh lại vì nước lạnh, bất chợt ngẩng đầu lên, khiến chiếc ống nghiệm rơi khỏi tay người nữ tu sĩ và vỡ vụn trên nền nhà. Chú nhìn người đàn bà hốt hoảng, miệng thoáng cười và nói giọng đã kiệt: - Rửa tội ... vâng ..., - rồi chú ngã ngựa ra, đầu đập xuống ghế divăng và mặt chú lúc này trông già dặn và quắt queo, vàng vố thật đáng sợ, chú nằm đó bất động, bàn tay choãi ra để cầm nắm...

- Đứa bé chụp điện chưa! – Người bác sĩ trẻ cất tiếng hỏi, khi anh tươi cười cùng bác sĩ Lômaio bước vào phòng. Người y tá lắc đầu, bác sĩ tiến gần lại, cầm ống nghe lên theo thói quen, nhưng lại bỏ ra ngay và nhìn Lômaio. Bác sĩ Lômaio ngả mũ. Lôhengrin đã chết rồi...

Quang Chiến dịch

CHUỘT RÚT

Cao Hành Kiện
Nhà văn Trung Quốc - Giải thưởng Nobel

Dĩ nhiên anh ta nghĩ rằng mình có thể bơi xa hơn, nhưng từ bờ ra mới được một cây số, anh đã cảm thấy bị chuột rút. Chuột rút bắt đầu ở bụng. Lúc đầu, anh chỉ tưởng bị đau bụng và nếu cứ tiếp tục cử động thì rồi sẽ hết. Nhưng bụng dưới của anh càng lúc càng căng ra và anh không bơi tiếp được nữa. Anh lấy tay sờ bụng và bắt gặp phía bên phải một cục cứng. Anh biết ngay là các bắp thịt bụng đang co lại vì nhiễm lạnh. Trước khi nhảy xuống nước, anh đã không khởi động cho người nóng lên như thường lệ.

Sau bữa cơm tối, anh rời tòa nhà trọ sơn màu trắng để ra bãi. Trời vào thu, gió bắt đầu mạnh. Mùa này ít ai còn đi bơi vào buổi tối, họ thường tùm năm tùm ba trong nhà tán chuyện gẫu hoặc đánh bài.

Trên bãi biển, bọn con trai, con gái nằm nghỉ trưa nay chỉ còn năm sáu mống, chúng đang đánh bóng chuyền: một cô gái mặc áo tắm đỏ giữa các chàng trai quần còn sũng nước. Họ cũng vừa mới từ dưới biển lên vì cái lạnh của nước mùa thu.

Dọc bờ biển không còn ai tắm cả. Anh nhảy ùm xuống biển, không ngoái lại, nhưng vẫn hy vọng cô bé kia sẽ



dối mắt nhìn theo anh. Bây giờ anh không còn có thể nhìn thấy bọn trẻ ấy nữa. Anh quay mặt lại, hướng về phía ánh sáng, mặt trời đang xuống dần sau dãy núi và sắp sửa khuất sau ngọn đồi phía đầu hồi ngôi nhà nghỉ. Những tia sáng cuối cùng của mặt trời sắp tắt càng chói chang. Chúng tỏa xuống mặt nước phản chiếu làm mọi vật trở nên mờ ảo. Căn nhà trên đỉnh núi nhìn ra biển, bóng mờ mờ ảo ảo của hàng cây bên bờ và bóng ngôi nhà nghỉ sừng sững như một chiếc tàu lớn nhiều tầng. Và bọn trẻ, không biết chúng còn đánh bóng chuyền không nhỉ? Anh lấy chân khua nước.

Chung quanh anh chỉ có tiếng thì thầm của sóng và những đám bọt trắng trên màn biển đen, không thấy một chiếc tàu đánh cá nào quanh chân trời. Anh quay người lại, để mặc cho sóng cuốn đi. Phía xa, anh thoáng thấy trên những làn sóng một điểm đen. Đúng lúc đó anh bị lôi tuột xuống giữa hai con sóng. Thế là anh không nhìn thấy mặt biển nữa. Nước bắt đầu đen như mực, trơn và bóng hơn cả vải sa tanh. Bụng anh càng co lại dữ tợn hơn. Anh nằm phoir người trên nước để nghỉ rồi lấy tay xoa bóp phần cứng ở bụng. Cơn đau dịu dần. Trước mắt anh, trên nền trời chênh chênh, một đám mây lơ lững như một cụm bông; gió ở trên kia chắc thổi còn mạnh hơn nhiều!

Cứ để cho sóng nhồi, lúc lên đỉnh lúc xuống đáy như kiểu này chắc chắn không phải là một giải pháp hay. Anh phải gấp rút bơi vào bờ. Anh lại úp người xuống, quấy mạnh hai chân để vượt sóng và trườn lên phía trước. Nhưng cái bụng đau lúc nãy hơi đỡ giờ lại râm

ran. Rồi cơn đau quặn lên một cách nhanh chóng đến nỗi làm anh tưởng chừng toàn bộ sườn phải cứng đờ lại. Tức thì nước ủa ngập đầu, anh không còn nhìn thấy gì ngoài một màu xanh đen của biển, rất trong và yên tĩnh nếu không có đám bọt nước anh thổi ra khi thở. Anh nhô đầu lên mặt biển, hấp háy mắt cho nước rơi ra. Anh vẫn không nhìn thấy bờ. Mặt trời đã biến mất, chỉ còn bầu trời phía đỉnh đồi là ánh lên một màu hồng. Anh bắt đầu chìm xuống, cơn đau làm anh cong người lại. Anh huơ tay nhoai người ra, nhưng khi hít hơi vào thì đã uống phải một ít nước mặn chát. Lúc ho dội ra, anh nghe như có một cái kim đang đâm sâu vào bụng. Một lần nữa anh lại phải nằm ngửa trên nước, dang cả chân tay ra để nghỉ, cuối cùng lúc đuối người ra, anh mới cảm thấy cơn đau dịu xuống. Bầu trời trên cao bắt đầu tối đen lại. Không biết bọn trẻ có còn chơi bóng chuyền? Tất cả tình thế có thể còn tùy thuộc vào bọn chúng. Không biết cô gái mặc áo tắm đỏ có để ý là anh đã nhảy xuống bơi không? Bọn trẻ có để ý quan sát biển? Còn cái điểm đen xa xa đằng sau anh là một con tàu hay một thứ gì trôi nổi từ trong bờ ra? Nhưng đầu sao đi nữa, hơi đầu chú ý đến cái vật ấy? Anh chỉ có thể tự lo liệu lấy thân mình mà thôi. Anh cũng có thể kêu lên, nhưng cứ nghe tiếng sóng đều đặn, đơn điệu, không ngừng nghỉ như thế này, một nỗi cô đơn sâu thẳm chưa bao giờ thấy bỗng vấy phủ lấy anh. Người anh chợt nghiêng hẳn đi, anh vội vơ lấy lại thăng bằng.

Thế rồi một dòng nước lạnh buốt xuyên qua người từ từ cuốn anh đi. Anh nằm sấp xuống, dùng tay trái bơi,

tay phải ôm bụng. Anh vừa đập chân, vừa xoa bóp một bên bụng, cơn đau vẫn còn đó, nhưng xem chừng có thể chịu đựng được. Anh hiểu rằng chỉ có thể thoát khỏi cái dòng nước lạnh này với sức của hai chân mình. Anh phải cố chịu đựng tất cả, ngay những thứ dường như không thể nào chịu nổi. Đó là cách duy nhất để thoát. Anh không muốn quá bị thấm hóa hoàn cảnh hiện thời. Nhưng dù sao đi nữa bụng đang bị chuột rút và anh đang ở trong vùng nước sâu, cách bờ những một cây số. Thật ra, anh không rõ mình đang cách bờ một cây số hay không, nhưng anh biết đang bị nước cuốn trôi dọc theo ven biển. Cuối cùng đôi chân anh cũng thắng được dòng nước lạnh. Anh phải bơi được vào bờ nếu không muốn như cái điểm đen trên sóng kia, giờ này đã biến mất trong nước biển đen.

Anh phải ráng mà chịu đau, cố giữ cho lòng bình thản, bơi mạnh bằng chân, không được ngồi nghỉ, lơ là, và tối kỵ không được hốt hoảng. Anh phải phối hợp một cách hoàn hảo nhất những động tác của chân, hơi thở và xoa bóp bụng. Ngoài những việc này, anh không được phép nghĩ đến gì khác, và phải đuổi xa những ý nghĩ lo sợ.

Mặt trời xuống nhanh, bóng tối bao trùm lấy biển, thế mà anh vẫn chưa nhìn thấy ánh sáng trên bờ. Ngay cả bãi biển cũng không còn rõ ràng, đường cong của ngọn đồi cũng thế... Chân của anh chạm phải một vật gì đó! Anh co người và cơn đau lại xuyên qua bụng dưới. Anh quơ chân nhẹ nhẹ. Chân anh bị cái gì đó quăn quại ran ở mắt cá; anh đã đụng vào râu của một con sứa.

Đúng thế, anh đã thoáng thấy trong nước một hình thù. Cái khối xám xám giống một cái ô với những mép có màng. Đúng là anh hoàn toàn có thể tưởng tượng rõ ràng các đường viền và đếm được từng khoang trên những cái râu con vật. Những ngày gần đây, bắt chước những đứa trẻ bên bờ biển, anh đã đi săn sứa và ướp muối phơi khô. Bên ngoài rìa cửa sổ phòng trọ, anh đã dùng một tảng đá để cán mỏng bảy con như thế sau khi cào những râu và xát muối. Chỉ vài ngày sau chúng đã trở thành mấy tấm da khô. Anh cũng thế, anh có thể trở thành một bộ da như vậy, một cái xác trôi nổi bập bềnh trên nước chưa chắc gì dạt được vào bờ. Đáng lẽ phải để cho chúng sống, lòng ham sống của anh lại bùng lên mạnh mẽ, trong tương lai có lẽ anh sẽ không còn bắt sứa nữa; nếu anh vào được đến bờ, thôi chẳng bao giờ anh đi bơi. Anh cố đập chân, tay phải vẫn ôm bụng, anh phải dừng nghĩ ngợi gì, chỉ tập trung vào nhịp chân đang bơi đều đặn. Anh bắt gặp những ngôi sao đang long lanh một cách tuyệt vời. Điều này có nghĩa là anh đang đi vào trong bờ. Cái cục cứng ở bụng đã biến mất từ bao giờ, nhưng rất thận trọng, anh vẫn tiếp tục xoa bóp chỗ đó. Tiến độ thật chậm...

Khi anh vào được đến bờ, trên bãi biển đã chẳng còn ai và thủy triều đang dâng lên. Anh tin rằng chính nhờ dòng nước đẩy mà anh mới vào được đến bờ. Thân thể trần của anh run lên trong gió. Anh cảm thấy còn lạnh hơn cả lúc ở trong nước. Anh nằm xoài trên bãi, nhưng cát cũng quá lạnh. Anh đứng lên và cầm đầu chạy. Anh háo hức muốn loan tin anh vừa chết hụt.

Trong phòng khách nhà trọ, mọi người đang đánh bài. Người này theo dõi mặt người kia, chăm chú vào các lá bài của đối thủ. Không ai thèm ngẩng đầu lên nhìn anh. Anh đi về phía phòng mình, nhưng người bạn cùng phòng cũng không có đấy, có lẽ y đang tán gẫu ở bên cạnh. Anh quơ lấy cái khăn mặt mắc trên cửa sổ. Anh biết rằng ở dưới bậc cửa kia là những con sứa ướp muối đang còn rỉ nước. Sau đó, anh thay quần áo, đi giày cho ấm rồi trở ra bãi.

Biển dâng cao trong tiếng ồn ào của sóng. Gió càng thổi mạnh. Những lưỡi sóng xám ủa lên cát sỏi... và lúc lên đến bờ, làn nước đen tỏa rộng ra nhanh chóng. Không kịp lùi lại, anh bị ướt giày. Rồi khỏi bờ nước, anh thả bộ chậm chậm trên bãi trong bóng đêm. Những ngôi sao không còn nhấp nháy nữa. Bỗng anh nghe thấy tiếng người, giọng con gái xen giữa giọng con trai, rồi lơ mờ thấy ba bóng người. Anh dừng lại. Mấy bóng người đang đẩy hai cái xe đạp. Trên một chiếc, có một cô gái tóc dài ngồi đằng sau trên chỗ đeo hàng. Xem ra họ đẩy xe một cách rất khó khăn, vì bánh xe lún xuống cát. Cả ba không ngừng cười đùa và giọng của cô gái ngồi đằng sau xe đặc biệt mang tiết điệu vui tươi. Họ ngừng lại trước mặt hần rồi dựng hai chiếc xe đạp vào nhau một trong hai người con trai lôi từ sau xe ra một cái túi to đưa cho cô gái. Sau đó họ bắt đầu cởi quần áo. Trông người nào cũng gầy như que củi. Khi hai người con trai cởi quần áo xong, chúng bắt đầu hươ chân múa tay kêu to trên bãi "Chết công! Chết công!" giữa những chuỗi cười tươi vui của cô gái.

- Chúng ta uống một hớp nào? Cô gái đề nghị, cô đứng tựa người vào hai cái xe đạp.

Hai người kia cầm lấy chai rượu cô gái đưa thay nhau uống rồi trả lại cho cô gái trước khi chạy ủa ra biển.

- A... A...!

- A...!

Trong tiếng gầm của sóng, thủy triều tiếp tục dâng.

- Về ngay nhé! Người con gái kêu lên bằng một giọng cao vút, nhưng chỉ có tiếng thủy triều dâng tràn trả lời cô.

Nhờ ánh sáng yếu ớt hắt lên từ biển, anh mới thấy rõ cô gái đứng bên cạnh những chiếc xe đạp kia đang dựa người trên đôi nạng.

Nguyễn Hồi Thủ dịch

ĐÁ ĐỐI

Rabindranath Tagore
Nhà văn Ấn Độ – Giải thưởng Nobel

Tôi cùng với một người bà con đi trải hội Puija, trên đường trở về Cancota thì gặp người ấy trên tàu. Nhìn cách ăn mặc và cử chỉ của hắn, thoát tiên, chúng tôi nghĩ hắn là người Manômêđan miên ngược, nhưng khi nghe hắn nói chuyện thì chúng tôi phải kinh ngạc. Hắn giảng giải mọi điều với một vẻ tự tin cứ y như là Đấng tối cao nhất nhất cái gì cũng hỏi ý kiến hắn khi an bài mọi sự. Từ trước đến nay chúng ta sống thật hạnh phúc vì chúng ta không biết đến hoạt động của những thế lực thần bí chưa hề có ai nói đến, không biết được những chuyện như người Nga đã tiến đến gần nước ta, người Anh cũng có những chính sách thâm hiểm, và mối bất hòa giữa các thủ lĩnh ở trong nước đã lên đến đỉnh cao. Nhưng người bạn đường mới quen biết kia nói với một nụ cười ranh mãnh: “Này, Hôratô¹, ở trên trời và dưới đất còn xảy ra nhiều chuyện hơn cả những gì đăng trên các báo của nhà người”... từ trước đến nay chúng tôi chưa hề bước chân ra khỏi nhà cho nên cách ăn mặc của hắn làm chúng tôi phải há hốc mồm kinh ngạc. Vấn đề

1. Hai câu thơ trong vở Hăm let của Sêchpia

dù tâm thường đến đâu hấn vẫn đem được khoa học ra trích dẫn, hoặc bình giảng về kinh Vệ Đà hay đọc mấy đoạn thơ tứ tuyệt của một thi sĩ Ba Tư nào đó và cũng do chúng tôi không biết tí gì về khoa học hay kinh Vệ Đà hay thơ Ba Tư nên chúng tôi mỗi lúc khâm phục hấn hơn và riêng người bà con tôi, vốn theo thuyết thần trí, thì tin chắc chắn rằng ông bạn đồng hành này hấn phải có một đầu óc siêu phàm nhờ một “ma lực” kỳ lạ hay một “thế lực huyền bí” nào đó xui khiến. Người bà con tôi lắng nghe những lời sáo mồn nhất tuôn ra từ miệng ông bạn đồng hành kỳ dị ấy với một vẻ say mê sùng kính và kín đáo ghi chép lời hấn. Tôi cho rằng con người khác thường kia có nhìn thấy và lấy làm thích thú.

Khi tàu đến ga đầu mối, hành khách tụ tập cả trong phòng đợi để chờ nối tàu. Lúc đó đã mười giờ tối. Nghe nói con tàu kia có thể đến muộn do có chuyện trục trặc trên đường, tôi bèn rải chiếc đệm nằm của tôi trên mặt bàn, định ngủ một giấc thật khoan khoái, thì con người đặc biệt kia bắt đầu thông thả kể câu chuyện dưới đây. Cố nhiên, đêm hôm đó tôi không tài nào chợp mắt được...

“Do bất đồng ý kiến về một vài vấn đề hành chính, tôi bỏ việc ở Junagác và xin làm cho quan Nizam cai trị bang Haidorabát¹. Tôi là một thanh niên trai tráng nên ngay tức khắc được cử về làm nhân viên thu thuế trông bóng ở Barich.

1. Một bang ở miền nam Ấn Độ, nay là một phần của bang Andhra Pradesh. Có kỹ nghệ dệt vải.

Barich là một vùng đẹp. Nước sông Xuxta chảy róc rách trên lòng sông rải sỏi, len lỏi và nhảy nhót như một vũ nữ tài ba qua những vạt rừng dưới chân những quả đồi trơ trọi. Bến tắm bên sông có một trăm năm mươi bậc chạy xuống lòng sông và bên trên chuỗi bậc thang đó, ngay cạnh bờ dưới chân các quả đồi sừng sững một tòa lâu đài bằng cẩm thạch đứng lẻ loi. Xung quanh không một nếp nhà, còn làng Barich và chợ bông thì xa.

Khoảng hai trăm năm mươi năm về trước, Hoàng đế Mamút Sa II đã xây tòa lâu đài lẻ loi này cho cuộc sống hoang toàng phóng dăng của mình.

Thời đó trong tòa lâu đài có những vòi phun lên những cột nước hồng, và trên sàn đá cẩm thạch mát lạnh của những gian phòng được làm mát bằng bụi nước, có những trinh nữ Ba Tư ngồi xoa tóc trước lúc xuống tắm, khua đôi chân trần mịn màng vào bể nước trong vắt và hát theo tiếng đàn đệm những bản tình ca gadan quen thuộc của các vùng trồng nho bên xứ Ba Tư.

Các vòi nước này không còn phun nước nữa, và những lời ca tiếng nhạc không còn ngân vang nữa, và những bàn chân trắng muốt như tuyết không còn uyển chuyển bước trên nền đá cẩm thạch trắng đục như sữa nữa. Bây giờ, đây chỉ còn là chỗ mênh mông và quanh quê của nhân viên thu thuế như chúng tôi, những người phải sống trong cảnh nặng trĩu cô đơn và xa vắng phụ nữ. Cụ Karim Khan, một thư lại già ở chỗ tôi làm việc, cứ nhắc mãi tôi là chó lấy nơi đó làm nhà. Cụ bảo: "Ở đây ban ngày thì được, nếu anh muốn nhưng chó có bao giờ ngủ lại ban đêm". Tôi mỉm cười coi thường. Mấy

người hầu của tôi nói họ chỉ làm việc đến sáu tối rồi ra về, tôi ưng thuận ngay. Tòa nhà ấy có tiếng là dữ đến nỗi khi tối trời, ngay kẻ trộm cũng không dám lảng vảng đến gần.

Ban đầu về quạnh hiu của tòa lâu đài hoang vắng đè nặng lên tôi như một cơn ác mộng. Tôi thường ra ngoài làm việc cật lực càng lâu càng tốt, rồi đến đêm về nhà mệt lử, lên giường nằm ngủ ngay.

Chưa hết một tuần, tòa dinh thự đã bắt đầu tác động đến tôi bằng một sự quyến rũ kỳ quặc. Khó mà mô tả hoặc diễn đạt cho người khác hiểu, nhưng tôi cảm thấy dường như tòa nhà là một cơ thể sống, nó tiêu hóa tôi một cách chậm chạp không thể nhận ra, bằng một thứ men làm cho con người u mê dần dần.

Có lẽ quá trình tiêu hóa đó đã bắt đầu ngay từ khi tôi đặt chân đến tòa nhà này, nhưng tôi nhớ rõ cái ngày lần đầu tiên tôi nhận thức được nó.

Lúc ấy vào mùa hè, chợ họp thưa thớt, tôi không có việc gì làm. Trước lúc mặt trời lặn ít lâu tôi ra ngồi chơi trong một chiếc ghế bành đặt gần mé nước dưới chân những bậc bến tắm. Con sông Xuxta đã co mình lại và chìm xuống thấp. Một dải cát rộng bên kia bờ lấp lánh những sắc màu của ráng chiều. Bên này bờ, sỏi đá óng ánh dưới làn nước nông trong suốt. Không một chút gió, bầu không khí im phăng phắc, nặng trĩu một thứ hương ngọt ngào tỏa ra từ các bụi cây hăng hắc mọc trên những ngọn đồi gần đó.

Khi mặt trời khuất sau đỉnh đồi, một tấm màn đen dài buông xuống sân khấu ban ngày, và những ngọn đồi

đứng cắt ngang đã rút ngắn khoảng thời gian ánh sáng xen trộn với bóng tối lúc hoàng hôn.

Tôi định ra ngoài đi bộ một lát. Lúc sắp đứng dậy, tôi nghe thấy có tiếng bước chân trên những bậc thang đằng sau lưng. Tôi ngoảnh lại, nhưng không có ai.

Cho đó là ảo giác, tôi ngồi xuống thì lại nghe thấy nhiều tiếng bước chân như có nhiều người chen nhau chạy xuống các bậc thang. Một niềm hân hoan rộn ràng kỳ lạ pha đượm đôi chút sợ hãi lan khắp người tôi, và tuy không có bóng dáng ai trước mắt, tôi cứ như thấy một đoàn trinh nữ vui tươi ríu rít chạy trên các bậc đá xuống tắm trong dòng sông Xuxta buổi tối hè ấy. Trong thung lũng, dưới lòng sông hay trong tòa lâu đài, không một âm thanh nào phá tan sự tĩnh mịch, thế mà tôi vẫn nghe thấy rõ mồn một tiếng cười khúc khích của các nàng trinh nữ như tiếng rì rào của hàng trăm thác nước đổ ra từ con suối, khi họ đùa cợt chạy đuổi nhau vụt qua tôi về phía dòng sông mà không để ý đến tôi. Do tôi không nhìn thấy được họ nên họ không thấy được tôi. Dòng sông yên lặng như tờ nhưng tôi cảm thấy như làn nước nông phẳng lặng và trong veo của con sông bỗng dựng có nhiều cánh tay đeo đầy vòng xúng xoảng khuấy động, như thấy các cô gái đùa nghịch té nước vào thau, như thấy bàn chân xinh xắn nồn nà của họ hất lên tung tóe những lớp sóng nhỏ thành những hạt màu ngọc trai.

Tôi cảm thấy trong lòng bồn chồn náo nức không biết vì sợ hãi, vui sướng hay tò mò. Tôi thiết tha ao ước nhìn thấy họ rõ hơn, nhưng trước mắt tôi vẫn chỉ là một cái gì hư ảo mơ hồ. Tôi tưởng như nếu chịu khó lắng tai thì có

thể nghe được hết mọi chuyện họ nói với nhau. Nhưng dù lắng tai nghe đến đâu tôi vẫn không nghe thấy gì ngoại tiếng ve sầu kêu ve ve trong rừng cây. Tưởng đâu có một tấm rèm tối đen của hai trăm năm mươi năm buông xuống trước mặt và tôi háo hức muốn được run rẩy vén lên một góc rèm, lén nhìn vào bên trong, mặc dầu đám người ở phía bên kia hoàn toàn chìm trong bóng tối.

Một cơn gió mạnh bỗng xua tan bầu không khí ngột ngạt lúc sẩm tối, mặt nước sông Xuxta đang phẳng lặng bỗng nhấp nhô, cuộn lên như mái tóc của một nữ thần sông nước và cùng lúc đó, từ cánh rừng được bọc trong ánh sáng mơ hồ của chiều tối vọng ra một tiếng rì rầm. Tưởng như tất cả vừa mới bừng tỉnh khỏi một giấc mộng nặng nề. Dù là thực hay mộng, hình ảnh thoáng qua của ảo ảnh vô hình đó phản chiếu từ một thế giới xa xôi cách đây hai trăm năm mươi năm, bỗng vụt tan đi trong chớp mắt. Những hình dáng huyền bí sột soạt lướt qua tôi với bước lân thoăn thoắt mà không thấy người, với tiếng cười vang lên khanh khách mà không nghe thấy tiếng, nhẩy ào xuống dòng sông, rồi không thấy quay trở lại để vừa đi vừa vắt nước khỏi tà áo. Như mùi hương theo làn gió đưa đi, chỉ một hơi thở của mùa xuân cũng làm cho họ tan biến hết cả.

Lúc đó, tôi bỗng thấy nhói lên một nỗi sợ, cho rằng. Nàng thơ đã lợi dụng cảnh cô quạnh của tôi mà bỏ bùa cho tôi - mụ phù thủy ấy đã đến làm hại một kẻ khốn khổ là tôi vốn chỉ biết kiếm sống bằng nghề thu thuế trông bông. Tôi quyết định ăn một bữa tối thật thịnh

soạn - chính cái dạ dày trống rỗng thường là cái môi ngon cho mọi thứ nan y bệnh tật. Tôi gọi người bếp bảo anh ta làm cho món môgolai¹ ngay béo, thơm phức các mùi gia vị cho nhiều ghi².

Sáng hôm sau, toàn bộ sự việc đêm qua xem ra chỉ là chuyện hoang tưởng. Tâm hồn thư thái, tôi đội chiếc mũ xôla³ lên đầu như người châu Âu rồi đi làm. Hôm đó tôi phải viết cho xong bản báo cáo hàng quý và chắc sẽ về muộn. Nhưng trời chưa tối tôi đã cảm thấy có một cái gì kỳ lạ thôi thúc tôi về nhà, khó nói rõ được là cái gì. Tôi cảm như thấy tất cả đều đang ngóng chờ, tôi đứng dậy đội chiếc xôla và làm cho con đường đất hoang vắng tối sẫm bóng cây phải giật mình vì tiếng xe lóc cóc, tôi trở về với tòa lâu đài mông mênh, im lìm, sừng sững bên rìa các quả đồi mờ tối.

Ở tầng một, cầu thang dẫn đến một sảnh đường rất rộng, mái nhà bát ngát gác trên những khung vòm có nhiều hình vẽ trang trí đặt trên ba hàng cột lừng lững, đêm ngày rên rỉ dưới sức nặng của nỗi cô đơn nhức nhối. Ngày vừa mới tàn và đèn chưa thấp lên. Mở cửa ra, tôi thấy hình như có tiếng xô xao, sột soạt ở bên trong, như thể có một đám người vội chen lấn bỏ chạy qua các cửa ra vào và cửa sổ, qua các hành lang, hàng hiên và, các gian phòng.

1. Món ăn Ba Tư rất béo bổ và nhiều gia vị.

2. Mỡ nấu ăn lấy từ sữa trâu.

3. Mũ che nắng làm bằng một thứ vỏ cây, người Anh ở Ấn Độ thường đội.

Tôi không nhìn thấy một ai nên cứ đứng ngơ ngác, tóc dựng ngược, người chìm đắm một trong trạng thái mê mẩn một mùi hương thoang thoảng gần như đã bị phai nhạt vì thời gian lắng đọng bên mũi tôi. Đứng giữa sảnh đường mông mênh vắng lặng và tối om này, giữa các hàng cột cổ xưa, tôi nghe thấy tiếng nước óc ách từ các vòi chảy ra bắn tung tóe trên nền đá cẩm thạch, tiếng đàn kỳ lạ đầu đó, tiếng xúng xoảng của các đồ trang sức, tiếng lanh tanh của các vòng chân, tiếng chuông đồng hồ ngân vang, tiếng nhạc nahabát¹ xa xa vọng lại, tiếng kêu lạnh lạnh của các dây tua pha lê dưới các chùm đèn đung đưa trước gió, tiếng chim bunbun hót trong những chiếc lồng treo ngoài hành lang, tiếng cò kêu quạc quạc ngoài vườn, tất cả tạo nên quanh tôi một thứ nhạc dị kỳ huyền ảo.

Lúc đó người tôi mê đi, cảm thấy những hình ảnh mơ hồ, vô hình, hư ảo này là thực tại duy nhất trên trần gian, còn tất cả những cái khác chỉ là mộng ảo. Cảm thấy chính tôi, tức anh chàng Xrijut X, anh con cả của ông X đáng tưởng nhớ nào đó, làm việc thu thuế bông với đồng lương hàng tháng bốn trăm năm mươi rupi, và hàng ngày mặc áo khoác ngắn, đội mũ xôla, đi xe chó đến sở, lại là một ảo giác lơ bịch đến kinh ngạc, khiến tôi phá lên cười khi đang đứng giữa sảnh đường mênh mông im lìm và nhập nhạng này.

1. Dân nhạc thường đến biểu diễn trước cung điện của các vua chúa vào các giờ nhất định trong ngày.

Vừa lúc đó, người hầu của tôi cầm chiếc đèn dầu đã thấp bước vào. Không biết hẳn có nghĩ là tôi điên không, nhưng tôi thực sự nhận ra ngay tức khắc rằng tôi đích thực là anh chàng Xrijut X kia, con trai ông X đáng tưởng nhớ. Và tuy chỉ có các nhà thơ của chúng ta, lớn hay nhỏ, mới có thể cho biết bên trong hoặc bên ngoài quả đất, ở đâu có những vòi nước vô hình không ngừng phun nước, có những chiếc đàn thần được những ngón tay mất thường không nhìn thấy bấm dây làm vang lên một âm điệu bất diệt, nhưng dù sao cũng có một điều chắc chắn là tôi đang thu thuế tại các chợ bông Barich, hưởng lương mỗi tháng bốn trăm năm mươi rupi. Tôi cười giòn giã về cái ảo giác kỳ quặc ấy và ngồi xuống trước tờ báo đặt trên chiếc bàn xếp bên ngọn đèn dầu.

Đọc báo, ăn xong món môngolai, tôi tắt đèn ngả mình trên chiếc giường kê trong một phòng xếp nhỏ. Qua cửa sổ mở, một ngôi sao lấp lánh trên dãy đồi Avali viên một vệt rừng tối sẫm, từ cõi xa xăm triệu triệu dặm nhìn chăm chăm vào ông thu thuế đang nằm dài trên chiếc giường gấp hèn mọn. Tôi lấy làm lạ khi nghĩ đến cảnh ngộ tôi và lấy làm thích thú. Tôi không biết mình thiêu thiêu ngủ từ lúc nào, hoặc đã ngủ được bao lâu, nhưng bỗng nhiên, tôi giật mình tỉnh giấc, tuy không nghe thấy một tiếng động nào và không thấy có ai vào - chỉ có ngôi sao trên đỉnh đồi là đã lặn và ánh trăng non bằng bạc len lén chiếu vào phòng qua cửa sổ mở như lấy làm xấu hổ cho sự đột nhập sỗ sàng của nó.

Tôi không nhìn thấy ai nhưng cảm thấy có người khẽ lay mình. Tôi nhồm dậy, người đàn bà ấy không nói một

tiếng nào, chỉ vẫy năm ngón tay đeo dây nhẫn ra hiệu bảo tôi hãy cẩn thận đi theo. Tôi đứng dậy không một tiếng động, và tuy không có tiếng người nào khác ngoài tôi trong vô số gian phòng ở tòa lâu đài hoang vắng với những tiếng động nhẹ nhàng lặng lẽ, những tiếng vang âm u vọng lại, nhưng mỗi lần nhấc bước, tôi vẫn cứ sợ lẽ làm ai tỉnh dậy. Hầu hết các gian phòng trong tòa lâu đài đều luôn luôn đóng kín cửa im lìm; và tôi chưa hề bao giờ đặt chân vào đó.

Tôi nín thở lặng lẽ bước theo người dẫn đường vô hình - giờ đây tôi không biết là lúc ấy đi đâu. Tôi đi qua biết bao lối đi tối hẹp, sâu hun hút, biết bao hành lang dài vô tận, biết bao sảnh đường trang nghiêm lặng ngắt và những căn phòng kín mít tối như bưng!

Tuy không nhìn thấy được người dẫn đường xinh đẹp, song hình dáng nàng lại không phải là vô hình đối với con mắt của tâm trí tôi: nàng là một cô gái Ả-rập, cánh tay thon chắc và mịn màng như cẩm thạch lấp lánh qua ống tay áo, chiếc mạng mỏng tang từ rìa mũ rủ xuống mặt và ngang lưng giắt một lưới gươm cong cong. Tôi tưởng như một trong Ngàn lẻ một đêm Ả-rập từ cõi mộng đang dạt đến với tôi, và giữa đêm khuya mịt mùng, tôi đang len lỏi qua các lối đi tối hẹp ở kinh thành Batđa chìm đắm trong giấc ngủ im lìm, đến một nơi hẹn hò đầy bất trắc nguy hiểm.

Cuối cùng, người dẫn đường kiều diễm của tôi đột ngột dừng lại trước một tấm màn xanh thắm và hình như chỉ vào một cái gì đó ở bên dưới. Ở chỗ ấy không có gì cả nhưng bỗng tôi lạnh toát người vì khiếp sợ - hình

như tôi nhìn thấy trên nền nhà, dưới chân bức màn, một tên hoạn quan da đen góm ghiếc, mặc đồ gấm thêu kim tuyến, đang ngồi duỗi chân ngủ gật, trong lòng đặt một thanh kiếm tuốt trần. Mỹ nhân dẫn đường của tôi khẽ nhón chân bước qua chân tên hoạn quan và vén tấm màn lên. Tôi có thể thoáng nhìn thấy một phần gian phòng rải thảm Ba Tư. Có ai đó đang ngồi trên một chiếc giường trong phòng, tôi không nhìn thấy nàng mà chỉ thoáng thấy đôi chân tuyệt diệu đi hài vàng ló ra từ chiếc quần rộng vàng sẫm đang lơ đãng đặt trên một tấm thảm nhung màu da cam. Cạnh nàng là một khay pha lê xanh dịu đựng táo, lê, cam và nhiều chùm nho, hai ly rượu, một chiếc bình rượu thất cổ mạ vàng rõ ràng đang chờ khách. Một mùi hương ngậy ngất tỏa ra từ một thứ hương lạ kỳ đốt trong một chiếc lư làm dê mê mọi giác quan của tôi. Run rẩy, tôi toan bước qua cặp chân duỗi dài của tên hoạn quan thì hần bỗng giật mình bừng tỉnh, thanh gươm trong lòng rơi đánh keng một tiếng xuống mặt sàn cẩm thạch.

Một tiếng khiếp đảm làm tôi bật dậy thấy mình đang ngồi trên giường gấp, mồ hôi vã ra như tắm.

Mảnh trăng lưỡi liềm trong cảnh trời băng lảng ban mai trông nhọt nhạt như một người bệnh mất ngủ mỗi vừa đi trên con đường vắng ngắt ngoài tòa lâu đài vừa gào lên như mọi ngày: “Xéo đi! Xéo đi!”.

Đó là sự kết thúc đột ngột của một trong Ngàn lẻ một đêm của tôi. Nhưng hãy còn một ngày đêm nữa.

Sau đó diễn ra một sự khác biệt lớn giữa những ngày và đêm của tôi. Ban ngày tôi đi làm, bơ phờ mệt mỏi,

nguyên rửa đêm tối đã bỏ bùa cho tôi với những giấc mơ trống rỗng của nó nhưng khi đêm đến thì cuộc sống ban ngày của tôi với những sợi dây xiềng xích trói buộc của công việc trở nên nhỏ mọn, giả dối và phù phiếm đến buồn cười.

Khi màn đêm buông xuống thì tôi bị mắc và ngợp vào trong một cái bẫy làm tôi mê mẩn lạ lùng. Lúc ấy, tôi biến thành một nhân vật vô danh nào ấy của thời kỳ xa xưa, đóng vai của tôi trong một lịch sử không thành văn, và chiếc áo khoác kiểu Anh ngắn cũn cỡn cùng chiếc quần chạt túm ống đang mặc chẳng hợp với tôi chút nào. Với chiếc mũ nhung đỏ đội lên đầu, chiếc quần pijama ống rộng, một chiếc áo ngắn thêu một chiếc áo lụa rủ dài và những chiếc khăn tay sặc sỡ ngào ngạt mùi ata¹, như vậy tôi đã sửa soạn xong cho phục sức phức tạp, câu kỳ của mình, sau đó ngồi xuống một chiếc ghế bành đệm dày thay điều thuốc bằng chiếc tàu nácghilê² đổ đầy sương hoa hồng như thể đang náo nức chờ đợi giờ phút kỳ ngộ với tình nương.

Tôi không có khả năng miêu tả những sự việc kỳ diệu đã tự nhiên diễn ra khi màn đêm tối dần. Tôi cảm thấy dường như trong các phòng quái đản của tòa dinh thự bao la này, những khúc đoạn của một câu chuyện đẹp mà tôi có thể đứng xa theo dõi nhưng không bao giờ thấy kết thúc bị một ngọn gió xuân bất thần xua tan đi. Và

1. Dầu thơm chiết từ cánh hoa hồng.

2. Một loại tàu thuốc Ba Tư.

đồng thời tôi lại muốn đi phiêu dạt hết phòng này sang phòng khác, đuổi suốt đêm theo những khúc đoạn đó.

Giữa cơn lốc các khúc đoạn mộng ảo ấy, giữa mùi hương cây móng và tiếng đàn ngân nga, giữa những làn gió quện hương thơm, tôi chợt nhìn thấy một nàng trinh nữ xinh đẹp tuyệt trần thoáng qua và vụt biến đi nhanh như tia chớp. Nàng chính là cô gái mặc chiếc quần pijama vàng sẫm, đôi chân nõn nà trắng hồng đi đôi hài mũi cong thêu kim tuyến, chiếc áo lót vàng bó sát lấy thân, đầu đội chiếc mũ đỏ có hàng diềm vàng rủ xuống vàng trăn và đôi má trắng muốt như tuyết.

Nàng đã làm tôi điên dại. Rượt theo nàng, tôi đã phiêu dạt hết phòng này sang phòng kia, hết lối này đến lối khác, trong mạng đường rối mù ở xứ sở mộng mơ kỳ ảo.

Đôi khi, tôi đến, trong lúc ăn mặc sang trọng như một ông hoàng thực thụ trước một tấm gương lớn, hai bên đốt hai cây nến, tôi thấy bóng dáng mỹ nhân Ba Tư bỗng hiện lên ngay cạnh bóng tôi trong gương. Đầu nàng quay ngoắt một cái, đôi mắt to đen lay láy lấp loáng một ánh nhìn háo hức, nồng nàn, đắm đuối và đau đớn, cặp môi đỏ mọng chỉ hơi mấp má, khuôn mặt thanh tú, tươi mát như một cành hoa đang nở loáng ngáng lên nghiêng nghiêng duyên dáng, một niềm khao khát quặn đau và mê mẩn lên rồi vụt tắt, một nụ cười, một ánh mắt thoáng bùng lên cùng với ánh lấp lánh của những lụa là châu báu gấm vóc, và thế là nàng tan đi mất. Một cơn gió mạnh, đượm mọi thứ hương của núi rừng và cây cỏ, thổi vụt tắt ngọn nến, tôi quẳng quần

áo sang một bên và ngả người trên giường, nhắm mắt lại, toàn thân run lên vì khoái cảm. Và quanh tôi, trong làn gió nhẹ, giữa mùi hương của núi rừng và cây cỏ, bỗng bình giữa ánh sáng mờ ảo lặng lẽ là những cái ve vuốt, những cái hôn, những bàn tay mơn man êm ái, những tiếng thì thầm du dương bên tai, những hơi thở ngọt ngào lướt trên trán và một chiếc khăn tay thơm ngát phớt qua phớt lại trên đôi má. Rồi một cơn rần rần huyền bí chầm chậm cuộn mình quanh tôi. Buông ra một bóng thở dài nặng nề, tôi trôi dần vào một trạng thái u mê, không cảm giác, và cuối cùng chìm vào trong một giấc ngủ im lìm.

Rồi một tối tôi định cưỡi ngựa đi chơi - không biết ai nài nỉ tôi ở lại, nhưng hôm ấy tôi không chịu nghe theo một lời khấn nài nào. Chiếc mũ và chiếc áo khoác kiểu Anh của tôi để trên giá, tôi sắp sửa lấy xuống thì bỗng một cơn gió lốc cuộn theo những hạt cát của con sông Xuxta và đám lá rụng của dãy đồi Avari cuốn lấy chiếc mũ chiếc áo xoay tròn tít mù trong khi một chuỗi cười lạnh lạnh vang lên giòn tan, mỗi lúc một cao, qua hết mọi cung bậc đùa giỡn, cho đến khi tan chìm đi trong xứ sở hoàng hôn.

Tôi không đi chơi được nữa và hôm sau tôi phải bỏ hẳn chiếc mũ và chiếc áo khoác kỳ quặc ấy. Hôm đó nữa, vào đúng nửa đêm tôi lại nghe thấy những tiếng nức nở nghẹn ngào xé lòng của ai đó, tưởng đâu từ bên dưới giường, bên dưới sàn nhà bên dưới nền móng bằng đá của tòa lâu đài, từ khoảng sâu thẳm của một nấm mồ tối đen ẩm ướt, một giọng ai oán nào nùng than khóc và cầu

khẩn tôi: “Ôi xin hãy rủ lòng cứu vớt tôi! Hãy phá toang hộ tôi những cánh cửa của ảo giác mê muội, của những giấc ngủ nặng nề như chết và những giấc mơ vô ích kia đi. Xin hãy đặt tôi bên cạnh Người trên yên ngựa, hãy ghì chặt tôi vào trái tim Người và vượt qua sông suối, núi rừng trùng điệp đưa tôi lên với ánh sáng rực rỡ, ấm áp ở các phòng ngợp nắng của Người trên dương thế!”.

Tôi là ai cơ chứ? Ôi! Làm sao tôi có thể cứu vớt được nàng? Tôi sẽ lôi kéo về đẹp đẽ đắm đuối nào đây, hiện thân nào đây của sự đam mê khỏi cơn lốc mộng yêu? Nàng đã lớn lên nơi nào và tự bao giờ? Nàng đã sinh ra bên con suối mát lạnh nào, dưới bóng cây chà là lão, trong lòng kẻ phiêu lãng nào nơi sa mạc? Tên Ả-rập nào đã giật nàng ra khỏi cánh tay mẫu thân như bứt một nụ hoa chớm nở khỏi một thân cây dại, đặt nàng lên một con tuấn mã phi như chớp, vượt qua những bãi cát nóng bỏng, đưa nàng đến khu chợ nô lệ ở kinh thành quốc vương nào? Và đó, viên quan nào của quốc vương thấy vẻ đẹp lộng lẫy của nàng ở tuổi xuân rực rỡ và bẽn lễn, đã trả giá bằng vàng mười rồi đặt nàng lên một chiếc kiệu vàng đem tiến vào hậu cung của hắn? Và ôi, lịch sử ở nơi đó! Tiếng đàn xareng¹, tiếng vòng chân lanh tanh, ánh gươm sáng lòe, cốc thuốc độc sòng ánh như rượu nho sứ Sirađo, và ánh mắt xuyên suốt như ánh chớp lửa! Ôi, niềm vinh quang không cùng, nỗi ô nhục bất tận! Các nô tì đứng hai bên nàng vung lên chiếc roi chamma² và Các

1. Một loại đàn dây ở Ấn Độ.

2. Roi đuôi bò, biểu dương của vương quyền.

hạt kim cương lấp lánh trên các vòng tay của họ. Đại vương Ba Tư, ông vua trên các bậc vua, quỳ sụp bên đôi chân đi hài trắng muốt như tuyết của nàng, và bên ngoài, tên hoạn quan ghê gớm xứ Abixini trông như sứ giả của thần chết nhưng lại ăn mặc như thiên sứ, đứng cầm lăm lăm trong tay một lưỡi gươm tuốt trần. Nhưng rồi, hỡi ôi, cánh hoa của sa mạc, bị cuốn đi bởi đại dương vinh quang sáng chói và loang lổ vết máu với bọt sóng ghen tuông và những tảng đá ngầm mưu chước của nó, nàng đã trôi giạt đến bến bờ nào của cái chết tàn khốc hay đến một xứ sở nào khác tráng lệ hơn và cũng tàn khốc hơn?

Bỗng nhiên, đúng lúc đó, tiếng thảng rồ Mêhe Ali đi bên ngoài gào lên: “Xéo đi! Xéo đi! Giả dối cả! Giả dối cả!”. Tôi bừng mở mắt, thấy trời đã sáng Người hầu bước vào, đưa tôi một xếp thư, và người bếp đã đứng vòng tay chờ lệnh.

Tôi bảo: “Thôi, ta không thể ở đây được nữa”.

Ngày tối hôm đó, tôi thu dọn đồ đạc và chuyển về phòng làm việc. Ông cụ Karim Khan tủm tỉm cười khi thấy tôi. Tôi cảm thấy bị trêu trọc, nhưng không nói gì và lao vào công việc.

Gần đến tối, tôi trở nên bồn thần ngơ ngẩn, cứ như có một cuộc hẹn hò nào cần phải đến. Công việc sổ sách thuế má đối với tôi như hoàn toàn vô nghĩa, ngay uy quyền của quan Nizam dường như cũng không có gì đáng kể. Tất cả những gì thuộc về hiện tại, tất cả những gì chuyển động, hành động và lao động vì cái ăn cái mặc dường như tầm thường, vô nghĩa và đáng khinh bỉ.

Tôi quẳng bút, gấp sổ sách lại, bước lên chiếc xe chó và phóng đi. Tôi nhận thấy chiếc xe tự nó dừng bánh trước cổng tòa lâu đài cẩm thạch đúng vào lúc hoàng hôn. Tôi bước nhanh qua các bậc thang và vào phòng.

Tòa lâu đài chìm trong một bầu không khí im lặng nặng nề. Các gian phòng âm u và hờn dỗi như thể chúng mệt lòng. Một nỗi niềm ân hận tràn ngập lòng tôi, nhưng không có một ai để tôi giải bày nỗi lòng hoặc xin thứ lỗi. Tôi lững thững qua các gian phòng u tối, tâm trí để tạt đâu đâu. Tôi ước có chiếc đàn trong tay có thể cất tiếng ca với cái hư vô:

“Ôi ngọn lửa, con thiêu thân khốn khổ đã hoàn công cố bỏ bay đi, nay đã trở về với Người! Xin hãy tha thứ cho nó chỉ một lần này nữa thôi, hãy thiêu đốt đôi cánh nó và thiêu hủy nó trong ngân lửa của Người!”.

Bỗng có hai giọt nước mắt không biết từ đâu rơi xuống trán tôi. Những đám mây u ám bao phủ các mỏm đồi Avali hôm đó. Cánh rừng ảm đạm và dòng nước đen ngòm của con sông Xuxta đang ngóng chờ trong nỗi khắc khoải ghê sợ và một vẻ yên lặng đáng ngại. Đột nhiên, mặt đất, dòng nước và bầu trời chao đảo, một trận cuồng phong gầm rú tràn qua cánh rừng mịt mù xa xa, nhe những chiếc răng chói lòa như ánh chớp, khác nào một thành diên hung dữ đã giật tung xiềng xích. Cánh cửa các gian phòng hoang vắng lật mở ra rồi đóng sầm lại và rên rỉ trong nỗi thống khổ chưa xót.

Đám người hầu đều ở ngoài sở hết, không có ai để thấp đèn. Đêm đầy mây và không trăng. Qua ánh sáng lơ mơ trong phòng, tôi có thể rõ ràng cảm thấy có một

phụ nữ nằm úp sấp mặt xuống tấm thảm dưới chân giường, những ngón tay tuyệt vọng giằng rút mở tóc dài xoắn tung. Từ vầng trán xinh xắn của nàng rỉ ra một dòng máu, và nàng khi thì bật ra những tiếng nức nở, thốn thức xé lòng, khi thì xé nát chiếc áo lót dầm tay vào bộ ngực trần của mình trong lúc gió rít lùa qua khung cửa sổ ngỏ và mưa ào ào như thác đổ làm ướt sũng người nàng.

Suốt đêm không ngớt tiếng gào thét của cơn bão và tiếng than khóc thảm thiết. Tôi lang thang hết phòng này sang phòng khác chìm ngập trong bóng tối, lòng trĩu nặng một mối u sầu vô cớ không sao vơi bớt. Tôi biết an ủi ai đây khi không có một ai ở đây? Nỗi đau đớn thống khổ này là của ai vậy? Vì đâu mà nảy sinh ra nỗi đau buồn khôn nguôi này? Và ngoài kia thẳm rồ lại kêu: “Xéo đi! Xéo đi! Giả dối cả! Giả dối cả!”.

Tôi nhận ra trời đã rạng sáng và Mêhe Ali đang đi quanh quần ngoài lâu đài với tiếng kêu than thường lệ của nó giữa cảnh thời tiết ghê sợ kia. Bỗng nhiên, tôi sực nghĩ có lẽ hẳn đã từng sống dưới mái nhà này và dù đã hóa diên, hàng ngày hẳn vẫn cứ lảng vảng xung quanh đây, bị mê hoặc bởi lá bùa kỳ quái của con quỷ bằng đá cẩm thạch này.

Mặc dầu trời đang mưa bão, tôi chạy theo hắn, nói: “Này; Mêhe Ali, cái gì giả dối?”.

Hắn không đáp, chỉ gạt tôi sang một bên và bước đi quanh quần với tiếng kêu gào diên đại như hẳn tuyệt vọng cố tự nhắc nhở mình: “Xéo đi! Xéo đi! Giả dối cả! Giả dối cả!”.

Tôi chạy như người hóa điên dưới trời mưa trút nước đến sở và hỏi Karim Khan: “Xin cụ nói cho con biết tất cả chuyện này là thế nào”.

Cụ bèn kể cho tôi nghe như sau: Có một thời, trong tòa lâu đài kia đã xôn xao, ngùn ngụt không biết bao nhiêu dục vọng không được thỏa mãn, những khát vọng không được toại nguyện, những ngọn lửa khủng khiếp của những niềm say mê điên dại, và lời nguyện rửa của tất cả những trái tim tan vỡ ấy đã làm cho từng phiến đá ở đây trở nên đói khát, lăm le nuốt chửng bất kỳ người sống nào lỡ chân đến gần nó như một con yêu tinh háu đói. Không một ai ở đây ba đêm liền mà thoát khỏi nanh vuốt tàn bạo của nó, trừ có Mêhe Ali mà hẳn có thoát ra được cũng phải trả giá bằng cái giá là bị mất trí.

Tôi hỏi: “Có cách nào thoát khỏi ma lực ấy không?”. Ông cụ trả lời: “Chỉ có mỗi một cách, nhưng rất khó, già sẽ mách cho anh, nhưng trước tiên, anh hãy nghe già kể câu chuyện cô gái Ba Tư đã từng sống trong lâu đài hoan lạc kia. Trên quả đất này chưa bao giờ diễn ra một tấn bi kịch nào kỳ lạ hơn và đau lòng hơn...”

Đúng lúc đó, bọn phu khuân vác vào báo tàu đã đến. Sớm thế? Chúng tôi vội vã thu xếp hành lý vì tàu đang vào ga. Một người Anh, có lẽ vừa tỉnh giấc, đang thò đầu ra ngoài toa hạng nhất, cố đọc tên ga. Vừa chợt thấy ông bạn đồng hành của chúng tôi, người Anh kia gọi: “Này ông bạn ơi”. Rồi kéo hẳn ta sang toa mình. Vì chúng tôi đi toa hạng hai nên không có cách nào tìm hiểu xem người bạn đồng hành ấy là ai, cũng như câu chuyện kết thúc ra sao.

Tôi bảo: “Tay này rõ ràng coi chúng ta là bọn cả tin và muốn đùa cợt chúng ta đấy thôi. Câu chuyện của hắn được bịa đặt hoàn toàn từ đầu chí cuối”. Cuộc tranh cãi diễn ra tiếp theo sau giữa tôi và người bà con theo thuyết thần trí kết thúc bằng sự tuyệt giao vĩnh viễn giữa hai chúng tôi.

Hoàng Cường dịch

DÒNG MÁU

N. ĐUMBATZE

Nhà văn Gruzia – Giải thưởng Lê Nin

Thằng bé, tóc ngắn với một xâu cá bống trên tay đứng gục đầu dưới gốc cây da, đưa cặp mắt buồn rầu ngắm phía đôi chân trần bê bết bùn đất của mình và thầm nghĩ: “ Cái ông già này sao mà giống cha mình thế không biết! Cũng mái tóc màu xám, lông mày đen... mũi rộng...cặp mắt đẹp...và giọng nói - giọng trầm, rất dễ chịu...Giả nhảm mắt lại, có thể hình dung ông ấy chính là cha!...”.

Và thằng bé nheo mắt.

- Vâng, chính vì vậy mà tôi mời ông đến đây, ông Kisvardi đáng kính ạ!... Tôi đến chết vì nó mất! Tôi không sao bảo ban cái thằng vô dụng ấy được nữa!...Con nhà người ta thì không lúc nào rời cuốn sách trên tay, còn nó thì suốt ngày chỉ lo bắt cá bống!...Ông có biết nó đã làm gì hôm mừng ba không? Nó với thằng Gôpôtze đã ném một quả dưa hấu to tướng xuống cái giếng làng! Quả dưa vỡ toác ra, và thế là cả tuần nay các gia đình thay vì uống nước lã thì đành uống nước quả!...

Lạy Chúa! Có đúng thế không cháu? Thôi được rồi, bà Iulia đáng kính ạ, bà không phải lo nữa! Tôi sẽ mang

nó về Guria và ngay lập tức sẽ treo ngược nó lên cây tiêu huyền. Nó sẽ biết tay tôi!

- Tôi chẳng biết ông sẽ treo cổ nó ra sao, nhưng thưa với ông, mẹ nó thật là may vì chẳng còn sống đến bây giờ để phải chứng kiến những trò xằng bậy của nó. Cả bố nó cũng vậy...

- Bà Iulia, chẳng lẽ bà cho rằng không thể dạy dỗ nó được nữa hay sao?

- Tôi chẳng biết, tôi chẳng biết gì cả... Nhưng ông thử nghĩ mà xem, cách đây không lâu tôi sai nó đến nhà máy xay, khi đi nó mang theo một pút¹ ngô hạt, thế mà khi về chỉ có năm phuntơ bột ở trong bao. Hóa ra số bột còn lại nó đã phân phát cho bọn trẻ hư hỏng nhà Valicô Kukhalasvili! “Nhà họ đông người”,- nó bảo vậy.- “Họ sống khổ quá ...”. Thế đấy!

- Lạy chúa! Có đúng thế không cháu?

- Lại còn chuyện này nữa! Nó với thằng bạn của mình, cái thằng lưu manh Kukuri Ugilava, lẻn vào vườn thầy giáo địa lý Đaticô Sverav của nó! Chúng vật trộm đào rồi đi đổi lấy thuốc lá! Thế đấy!

- Lạy chúa! Có đúng thế không cháu?

- Sao ông cứ lải nhải: “Có đúng thế không cháu? Có đúng thế không cháu?”. Chẳng lẽ ông cho là tôi nói láo hay sao?

- Ôi, sao bà lại nói vậy, bà Iulia đáng kính! Tôi đâu có ý nói thế, tôi chỉ muốn nói rằng, chẳng lẽ đối với nó

¹ Một Pút bằng 16,38kg, một phuntơ bằng 409,5 gram.

không còn cách nào nữa hay sao? Chẳng lẽ nó đã hư hỏng hoàn toàn?

- Không, sao lại thế được... Thực ra nó cũng chưa đến nỗi nào, nhưng việc dạy dỗ nó vượt khả năng của tôi. Đối với nó, cần phải có bàn tay cứng rắn của đàn ông! Hơn nữa, ngoài nó ra tôi còn hai thằng quý sứ nữa, thằng Durav và thằng Vakhơtăng, con của thằng Côlia. Hai thằng kia khá hơn. Đấy, lát nữa chúng ở bãi chăn gia súc về, ông sẽ thấy.

- Chà- à- à... Tôi biết nói sao bây giờ, thưa bà Iulia!... Khi bố mẹ nó còn sống, bố mẹ nó có cho tôi gần thằng bé đâu... Còn bây giờ tôi biết xoay xở ra sao! Dạy dỗ, chăm sóc nó thế nào đây? Bà biết không, tôi hầu như là người lạ đối với nó! Như người lạ ấy!

- Ông đừng nói thế, ông Kisvardi đáng kính ạ! Dù sao đi nữa ông với nó cũng là đàn ông, mà đàn ông dễ nói với nhau hơn... Ngoài ra nó còn là người nối dõi tông đường của ông cơ mà...

- Thì đúng là như vậy thật... Thế còn việc học hành của nó ra sao, thưa bà Iulia?

- Hừ... một thằng bé đã dám cả gan ăn cắp đào ở vườn nhà thầy giáo, đã dám bán những chiếc thìa bạc của bà ngoại để mua cuốn sách Đêcamêrông¹ trộm lách thì xin hỏi ông, việc học hành sẽ ra sao?

- Có đúng như thế không cháu? Thôi được rồi, tôi sẽ mang nó về Guria và sẽ treo ngược nó lên cây tiêu huyền.

1. Đêcamêrông- Tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Italia G. Bôcaxiô (1313-1375).

- Đấy, xin mời ông hãy nhìn nó mà xem! Chúng ta thì khốn khổ vì nó, còn nó có động tâm gì đâu! Nói tai này lọt tai kia.

Thằng bé đứng dưới cây đa, nhắm mắt lại và trầm nghĩ: “Bà ngoại Iulia khốn khổ của mình quả là già yếu lắm rồi...Trước kia bà có giọng nói ngọt ngào biết bao, thế mà bây giờ - thật là manh ác...Mà có thể đó là do mình tưởng tượng mà ra như vậy chăng? Còn ông lão này, hình như là ông nội thì phải? Ông ấy nói năng nhỏ nhẹ và dịu dàng thật. Đúng là bà ngoại đã già yếu lắm rồi...Chỉ mong sao bà ngoại đừng gửi mình đi với ông này - chắc là ông nội. Nếu được như vậy mình sẽ không bao giờ làm bà ngoại phải phật lòng nữa!...Miễn là bà đừng gửi mình đi...Miễn là bà đừng gửi mình đi...”.

- Dẫu sao thì nó cũng là thằng bé mồ côi, bà Iulia ạ...Ngoài roi vọt ra nó cũng cần được âu yếm nữa...

- Mồ côi cũng có dăm bảy loại! Nó có thiết gì âu yếm! Âu với chả yếm!

- Có đúng như vậy không cháu? Thôi được, tôi sẽ mang nó về Guria và treo ngược nó lên...Khi nào tôi có thể đưa nó đi được, bà Iulia!

- Ngay bây giờ cũng được! Có gì phải chuẩn bị lâu la lắm đâu?

- Sao lại thế ạ...Thằng bé trần trụi như con đại bàng thế kia!

- Thì năm ngoái tôi mang nó từ Ápchan về cũng trần trụi như thế. Nếu ông muốn, tôi sẽ may sắm quần áo và chuẩn bị giấy tờ cho nó.

- Thật khốn khổ thằng bé.

- Trước khi lên đường mời ông ăn tạm thứ gì, ông Kisvardi.

- Thôi ạ, xin bà đừng bận tâm, bà Iulia đáng kính... Chúng tôi sẽ nhấm nháp chút đỉnh ở Xamtrezia, từ đó về nhà cũng chẳng còn bao xa nữa...

- Tùy ông vậy... Chúc ông lên đường may mắn... Cầu thánh Gioócgi phù hộ cho ông.

- Chúc bà hạnh phúc, chào bà Iulia!

- Ông mang theo những thứ này luôn thể, ông Kisvardi.

- Cái gì vậy?

- Thì những giấy tờ của nó... Tôi nghĩ, đến tháng chín ông sẽ gửi nó đến trường, cần phải cho nó học. Nó đã học lớp bốn rồi... Đúng ra thì trong giấy chứng nhận có một sai sót nhỏ: Đáng lẽ phải viết Lomgiaria Nôdari, thì người ta lại viết: Lomgiaria Nadari¹. Theo tôi, viết vậy cũng chẳng sai đâu, thực tế đúng là như vậy.

- Có đúng thế không cháu? Thôi được, tôi sẽ mang nó về Guria và treo ngược nó lên cây tiêu huyền...

- Ông muốn treo thế nào thì tùy ông, miễn là tôi không nhìn thấy nó ở đây là được!

- Tôi sẽ treo ngược nó lên, sẽ treo ngược nó lên.

- Cầu chúa phù hộ cho ông!

- Còn nếu cách ấy mà không xong, tôi sẽ cho nó một trận thấy ông bà ông vải!

1. Nadari - tiếng Gruzia có nghĩa là: Thú dữ.

-Thôi chào ông, ông Kisvardi đáng kính ạ.

Cái thủ tục bàn giao và tiếp nhận ấy diễn ra vào một buổi trưa tháng Tám năm 1938, tại làng Khônhi, giữa bà ngoại người Imeretin, nghĩa là mẹ của mẹ cậu bé Lômgiaria Nôdari- bà Iulia Mikelátde đáng kính và ông lão người Guria, có nghĩa là cha của cha cậu - ông Kisvardi Lômgiaria đáng kính.

Còn sau đó một tiếng, cậu bé Nôdari Lômgiaria, sinh ngày 14-7-1928 tại thành phố Tbilixi, trong một gia đình công chức, đã phải lồm lũi bước theo ông nội như một chú bê con bị xỏ mũi, trên con đường đầy bụi và nóng như rang...

Từ Khônhi đến Cólasi hai ông cháu đi bằng xe ngựa có mui, còn từ Cólasi đến Xamtrezia bằng xe ngựa không mui. Tại đây không kịp lót dạ, hai ông cháu chuyển sang chiếc xe tải của nhà máy chè đi về Txôkha Tauri. Đến đó hai ông cháu đi bộ về làng Intabueti.

Ông đi trước cháu đi sau. Ông lão mệt mỏi vì tuổi già sức yếu, thở hổn hển và không ngớt miệng rên rảm. Vừa thoáng thấy ai đó đi ngược lại, ông lão im bật, nghiêng mình cúi đầu chào, rồi sau đó chờ khoảng dăm phút ông lại tiếp tục thở hổn hển và không ngớt miệng rên rảm. Đôi lúc ông quay lại nhìn đứa cháu như con nghêu già nhìn chú ngựa con của mình, chỉ lo đánh mất kẻ nối dõi tông đường cuối cùng trong dòng họ.

Còn thằng bé vừa bước vừa nghĩ thầm "Đấy, phía trước mình là ông lão gầy gò, ốm yếu, rên rảm luôn miệng với chiếc mũ bạc phếch trên đầu...Ông ấy hứa sẽ treo ngược mình lên cây...Ông ấy chính là ông nội mình,

là cha của cha mình...Là ông nội. Điều gì đã bắt mình phải theo ông ấy? Tại sao mình lại ngoan ngoãn khuất phục như một kẻ nô lệ lang thang trên con đường lấm bụi này? Mình chỉ cần phóng sang hai bước và thế là có thể bay được! Có một sức mạnh nào đấy đang đẩy sau lưng mình: Phải bước theo ông già, không được ho he! Sức mạnh nào thế nhỉ? Tại sao mình, vừa mệt vừa đói vì nóng bức và khát nước, thế mà vẫn không dám ngoặt khỏi con đường? Tại sao vậy? Cái sức mạnh ấy gọi là gì nhỉ?

- Cháu nghĩ ngợi gì thế? - Ông lão quay lại hỏi.

- Chẳng nghĩ gì cả ạ! - Thành bé vội đáp không kịp nghĩ. Nó đã chờ đợi tất cả mọi chuyện có thể xảy ra nhưng hoàn toàn không đợi một câu hỏi như thế.

- Ông lão ngoặt sang vệ đường, ngồi xuống. Sau khi đã thở và rên rầm chán chê, ông lão nhìn sang đứa bé và bắt đầu tính trên những ngón tay: 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38.

- Cháu sinh năm hai mươi tám, giờ là năm ba mươi tám rồi. Vậy là cháu đã bước sang tuổi mười một...Lớn rồi còn gì nữa...Thế mà cháu chẳng suy nghĩ gì cả sao? Hay là cháu giấu ông?

- Không đâu ạ, cháu chẳng nghĩ gì cả. - Thành bé nói dối.

- Đã đến lúc cháu phải nghĩ rồi đấy, đã đến lúc rồi cháu ạ!...

Ông lão lại bắt đầu rên rầm, thở hổn hển và tiếp tục con đường của mình. Và thành bé, giống như chú bê con bị xỏ mũi ngoan ngoãn bước theo ông...

Thằng bé, mặt mày sạm nắng với mái tóc bờm xờm đứng dựa vào chiếc xẻng dưới gốc cây tiêu huyền, đưa cặp mắt buồn rầu ngắm nghía đôi chân trần của mình và thầm nghĩ: “Bà ngoại đã già đi nhiều, mới chỉ có một năm mà lưng bà đã còng cả xuống!...Khuôn mặt đầy những nếp nhăn...Giọng nói đã trở nên khàn khàn. Nhưng dù sao bà cũng rất giống mẹ - người mẹ trẻ trung xinh đẹp, điệu huyền, tốt bụng có cặp mắt nâu của mình. Ngay cả mái tóc và dáng đi cũng giống...Giá nhắm mắt lại mình có thể hình dung bà ngoại chính là mẹ!...”

Nhưng thằng bé không nheo mắt lại. Nó sợ.

- Tôi không thể nào sống cho yên được, ông Kisvardi đáng kính ạ! Tôi nhìn thấy hồn ma của mẹ nó trong giấc mơ và ngay cả ban ngày nữa. Lương tâm tôi bị dẫn vật cấu xé...Từ ngày ông mang nó đi, tôi như người mất hồn, cứ như là có ai đã rút quả tim của tôi ra khỏi lồng ngực. Xin ông hãy trả lại thằng bé cho tôi, ông Kisvardi đáng kính ạ!...

- Hừm, khi tôi mang nó đi thì nó vẫn là một đứa bé, còn bây giờ nó đã thành một người đàn ông thật sự, vậy thì hãy để nó tự quyết định. Nếu nó muốn quay về với bà, tôi chẳng giữ.

- Nó giận tôi...Nếu như ai đó có thể hòa giải được hai bà cháu thì người đó chính là ông, ông Kisvardi đáng kính ạ! Ông là người thông thái...

- Nhưng bà vẫn còn hai đứa cháu nữa cơ mà, bà Iulia...ít ra bà cũng phải nhường cho tôi một đứa chứ?

- Chẳng lẽ trong chuyện này người ta lại đi tính toán về số lượng hay sao? Hai đứa, mười đứa, một trăm đứa -

thì cũng chỉ là một thôi. Đã là cháu có nghĩa là cháu của bà, ông Kisvardi đáng kính ạ!

- Đúng là như vậy...Nhưng tôi thì sao? Sau khi chết đi thì chính nó là kẻ nối nghiệp dòng họ Lônggiaria chứ còn ai nữa!

- Thì tôi vẫn giữ nguyên họ của nó cơ mà! Ngay cả hai thằng cháu kia tôi cũng cho mang họ Lônggiaria miễn là ông trả lại thằng bé này cho tôi.

- Vậy là bà đến đây để bắt nó đi phải không? Thưa bà Iulia?

- Xin ông đừng bắt tôi sang thế giới bên kia mà vẫn mang tội trong lòng. Làm sao tôi dám nhìn mặt mẹ nó ở đó?

- Hừm, bà Iulia ạ, đấy lại là chuyện khác rồi, giữa tôi và bà chưa biết ai sẽ ra đi trước. Nếu tôi đi trước bà thì làm sao tôi dám nhìn mặt bố mẹ nó ở thế giới bên kia?

- Cầu Chúa cho ông sống lâu, ông Kisvardi đáng kính ạ!

- Bà nên biết rằng thằng cháu tôi, nó không chỉ là cháu, nó còn là cánh đồng của tôi, là vườn nho, cối xay lúa, là nấm mồ, là tấm bia chí...Không, tôi không thể giao nó cho bà được, bà có giết tôi đi cũng thế thôi!

- Nếu vậy tôi sẽ tự giết mình! Ngay tại đây trước mặt ông!

- Cầu chúa phù hộ cho bà, bà Iulia đáng kính ạ! Bà nói gì lạ vậy! Đây, cháu có đồng ý đi với bà không?

- Làm sao nó dám nói, nó ngại ông!

- Có đúng thế không cháu?

- Nó cần bàn tay chăm sóc âu yếm của người mẹ, ông Kisvardi đáng kính ạ! Nào giặt ủi, ăn uống, kỳ lưng chải tóc... Chẳng lẽ ông có thể thay mẹ nó được à?

- Về chuyện ấy thì thưa bà, cho đến nay tôi chăm sóc nó cũng không đến nỗi nào... ít ra tôi có cần đến sự giúp đỡ của bà đâu?

- Ông nói đúng, nào tôi có dám tranh cãi với ông về chuyện ấy, thưa ông Kisvardi đáng kính. Nhưng dù sao đi nữa...việc rửa chân cho nó trước khi đi ngủ, chạy theo nó đến trường học...chẳng lẽ đó là việc của đàn ông hay sao?

- Nhưng ở trường chỗ chúng tôi nó có bị ai bắt nạt đâu...Chẳng qua là ở trường chỗ bà nó mới bị gọi là thú dữ đấy chứ. Còn bà, chắc bà vẫn nhớ chính bà đã tán thành chuyện ấy...Mà nó, nói chung, chẳng phải là thú dữ...

- Ôi, tại sao lúc ấy tôi không cụt lưỡi đi cho rồi!

- Tuy nhiên bà cũng đừng nghĩ rằng, ở với tôi nó đã trở thành thiên thần và không ăn trộm đào nữa.

- Thì nó cứ việc ăn cho khỏe!

- Hay bà nghĩ rằng nó không còn mang bột đi phân phát cho người ta?

- Mặc xác cái đám bột ấy! Tất cả của cải của tôi đều thuộc về nó. Dầu nó có làm tôi khuynh gia bại sản, tôi nào có phản đối!

- Thằng quỷ ấy lại còn học đòi hút thuốc nữa cơ đấy.

- Có đúng thế không cháu?

- Thì bà cứ hỏi tôi, hỏi tôi đây này! Nó khoắng sạch túi quần, túi áo, và túi đựng thuốc của tôi!

- Thì nó cứ việc hút cho khỏe! Chính ông đã nói, nó trở thành một người đàn ông thực thụ rồi còn gì nữa!

- Thôi được, bà hãy chờ một tháng nữa. Tôi sẽ nhận tiền thưởng số kén tằm rồi tôi sẽ sắm sửa may mặc cho nó. Không lẽ tôi lại để nó đi với bà trong tình trạng rách rưới như vậy được sao?

- Miễn là ông cho nó đi với tôi, còn việc may sắm quần áo, giày dép là việc của tôi! Cần thiết tôi sẽ cởi áo váy của tôi cho nó mặc.

- Gớm, bà tưởng bộ áo váy của bà phù hợp với nó lắm đấy!

- Tất nhiên là ông có thể đùa được, còn tim tôi cứ đau nhói nhói!

- Tôi đã nói với bà rồi, thưa bà Iulia, rằng nó đã lớn, hãy để tự nó quyết định!

- Đối với nó, ông chính là bức tranh thánh của người sùng đạo, mỗi lời nói của ông là một bài thuyết giáo của Chúa... Xin ông hãy nói với nó, ông Kisvardi đáng kính ạ!

- Bà phải biết sợ Chúa chứ, bà Iulia! Làm sao tôi có thể nói với đứa cháu đích tôn của mình rằng mày hãy đi đi, đi khỏi nhà của tao?

- Thế chẳng lẽ tôi là người dưng nước lã với nó? Chẳng lẽ nó không phải đứa cháu ruột thịt của tôi? Tôi chỉ còn sống được một năm nữa thôi! Tôi van ông đừng bắt tôi phải về hầu Chúa trước thời hạn, xin ông hãy tặng cho mẹ già này thằng bé kia!

- Thưa bà Iulia...

- Tôi sẽ quỳ xuống van xin ông!

- Bà làm gì thế! Lạy Chúa, bà đứng lên đi! Thôi được rồi, bà sẽ được toại nguyện!

- Cầu Chúa toàn năng ban cho ông hạnh phúc và niềm vui!

- Tôi sẽ chẳng bao giờ còn được nhìn thấy hạnh phúc và niềm vui nữa đâu!

- Lạy Đức mẹ đồng trinh...

- Cháu hãy đi với bà đi, cháu của ta!...

Cuộc đối thoại này xảy ra đúng một năm sau cái sự kiện đã mô tả phần trên, giữa ông nội người Guria và bà ngoại người Imeretin của thằng bé. Nhưng bây giờ, chuyện đó không chỉ đơn giản là cái thủ tục bàn giao và tiếp nhận nữa, mà là sự sôi trào của hai dòng máu nóng, là tiếng kêu đau xót của hai trái tim run rẩy. Và cuộc độ sức không phân thắng bại về tình cảm ấy đã làm cho trái tim của đứa bé đập dồn dập, cổ họng như có cái gì chèn ngang, toàn thân run rẩy đến toát mồ hôi lạnh, còn trong tim thì đau nhói nhói. Một sức mạnh vô hình và đầy quyền lực nào đó lúc thì kéo nó đến với bà ngoại, lúc thì đẩy nó về phía ông nội. Đôi lần nó bỗng cảm thấy một nỗi đau nhức nhối-có cảm giác như cơ thể nó đang bị một lưỡi dao nung nóng xuyên qua. Và trong khi cuộc đối thoại kỳ lạ và cay đắng giữa ông lão và bà già diễn ra, thằng bé luôn luôn cảm thấy một nỗi sợ hãi, lo âu và hồi hộp không rõ nguyên do.

Bà lão đứng dậy, bước về phía thằng bé và ôm chầm lấy nó.

- Niềm hạnh phúc của bà, ánh sáng của mắt bà, cháu hãy đi với bà, hãy ban tặng cho bà thêm hai ngày nữa trong cõi đời này...

Bà lão khóc nức nở, và những giọt nước mắt nóng hổi tuôn lã chã trên đầu thằng bé. Sau khi đã khóc thỏa thuê, bà kéo thằng bé về phía mình nhưng nó cứ đứng im không nhúc nhích, như một cái sọc sắt, như một thân cây mà những chiếc rễ của nó đã bám sâu vào lòng đất.

- Cháu hãy đi với bà đi, hãy đi với bà ngoại già yếu của cháu... Cho đến khi nào bà đã ngấm cháu thỏa thuê thì hãy quay về với ta... Tất nhiên ta sẽ buồn vì nhớ vì vắng cháu... Thế cháu nghĩ sao? Làm một đứa cháu cũng chẳng dễ dàng gì đâu! Khó lắm, rất khó cháu ạ, nhất lại là đứa cháu của những kẻ già nua ốm yếu như ta và bà ngoại của cháu... Thôi, cháu hãy đi với bà đi, cháu yêu quý... Còn chiếc rìu, chiếc xẻng, chiếc cối xay, chiếc máy ép, chiếc giỏ, con bò cái, con bê, con cừu, con lợn của cháu-chúng chẳng chạy đi đâu mất mà sợ, chúng sẽ chờ cho đến khi cháu quay trở lại...

Thằng bé đứng nghe, nhìn khắp xung quanh và cảm thấy kinh ngạc vô cùng: chiếc xẻng, chiếc giỏ nằm lẫn lóc trong sân, con bò cái, con bê, con cừu, con lợn cũng đang thơ thẩn trong sân, vậy mà ông nội, mắt đã mờ nhưng chỉ rất chính xác từng thứ một hiện đang nằm ở đâu...

Còn ông lão vẫn tiếp tục:

- Đây, chiếc cặp của cháu, sách giáo khoa tiếng Gruzia, cuốn lịch sử... Ông cháu ta còn gì nữa nhỉ? Có lẽ chỉ thế thôi... Quần áo thì cháu đang mặc trên người, giày dép ở dưới chân. Từ đây đến Xamtrezia tốt nhất là cháu nên đi chân đất, nếu không, về được đến nơi đôi giày sẽ hỏng mất. Vậy thôi, đi đi!...

Ông lão Kisvardi Lômgiaria hiểu rằng giờ đây đứa cháu của mình đã biến thành chiếc cọc sắt, thành một thân cây mà những chiếc rễ của nó đã bám sâu vào lòng đất, sâu đến nỗi những lời khuyên nhủ bình thường không thể búng nó lên được. Ở đây cần phải tiếp cận vấn đề theo một cách khác. Nhưng cách nào?

Ông lão Kisvardi Lômgiaria hiểu rằng giờ đây đứa cháu của mình đang đứng giữa một vòng tròn ma thuật mà những lực hút của hai mái nhà đang kéo nó về hai phía khác nhau. Lực nào mạnh hơn? Dòng máu nào sẽ chiến thắng? Tuy nhiên không nên đứng chờ kết quả cuộc đo sức ấy... Một trong hai người cần phải tự giác ngăn cái dòng máu gia tộc đang nổi loạn và sôi lên sùng sục...

Và ông lão Kisvardi Lômgiaria là người đầu tiên làm việc ấy:

- Nào, cháu còn đợi gì nữa? Ta đã nói hết với cháu rồi!

Thằng bé hoảng sợ nhìn ông nội.

- Đi đi, và đừng có ngoái đầu lại, hiểu chưa!

Cùng lúc, thằng bé cảm thấy nỗi xúc phạm chua chát đối với ông nội và một tình thương yêu trĩu mền đối với bà ngoại. Những giọt nước mắt ứa ra làm mắt nó mờ đi, mái đầu gục xuống. Và nó không thốt một lời, ngoan ngoãn như chú bê con bị xô mũi bước theo bà ngoại già yếu, lưng còng, trong bộ váy tuyến một màu đen, trên con đường Tsôkhatauri lấm bụi...

Ông lão Kisvardi Lômgiaria cứ ngồi mãi bên bếp lò cho đến khi nước trong chảo đồng sôi lên.

Ông lão nhìn ngọn lửa và ngẫm nghĩ. Ông lão vừa suy nghĩ vừa cố xua đi những ý tưởng buồn bã trong đầu. Nhưng con người làm sao có thể trốn khỏi những nỗi u hoài của chính mình? Con người đâu phải là thần thánh... “Lẽ ra không nên cho thằng bé đi... Nhưng ta không thể nhẫn tâm trước nỗi đau của một bà già... Còn bây giờ thì chính ta lại rơi vào tình cảnh của bà ấy. Tuần tới ta sẽ đến chỗ bà ấy và sẽ xin thằng bé về. Không chịu, ta cũng cứ lấy... Ta sẽ nói: bà có quyền gì mà cướp đi máu thịt của tôi? Bà đâu phải là Chúa. Nhưng nếu bà ấy đáp lại cũng bằng những lời lẽ y như vậy thì sao? Ta cũng đâu phải là Chúa, mà chỉ là một kẻ sắp xuống lỗ... Thằng bé thuộc về ta cũng như thuộc về bà ấy... Giá như ta là Chúa thì sự việc hẳn đã khác! Ôi chao, làm người quả là khó, khó hơn nhiều so với Chúa... Lạy Chúa, chính đáng cứu thế Giêsu Crit cũng phải thừa nhận điều đó... Tuần tới ta sẽ đến chỗ bà ấy, và sẽ phủ phục dưới chân bà ấy mà van lạy... Nhưng mà không, một tuần chắc là ta sẽ không chịu đựng nổi... Ngày kia ta sẽ đi... Không, ngay ngày mai! Ngay ngày mai khi trời vừa rạng ta sẽ lên đường... Lạy Chúa! Mong sao cho trời mau sáng”.

Ông lão Kisvardi Lômgiaria đã nghĩ như vậy khi ngồi bên bếp lò và chờ cho đến khi nước trong chiếc chảo đồng sôi lên. Đột nhiên cánh cửa bỗng bật ra và trên ngưỡng cửa thằng bé xuất hiện với mái đầu gục xuống và đôi giày vải vắt trên vai.

- Lạy Chúa toàn năng!- Ông lão thốt lên.
- Cháu đã quay về đây,- thằng bé thì thào.

- Ông biết trước là cháu sẽ quay về,- ông lão đáp lại.

Sau đó ông lão Kisvardi Lomgiaria rót nước nóng từ chiếc chảo đồng vào chiếc chậu đồng và kỳ cọ rất lâu đôi chân mệt mỏi của đứa cháu. Sau đó ông dọn giường cho nó trên chiếc đi văng, còn mình thì ngủ trong căn phòng xếp.

Nửa đêm, ông lão bị đánh thức dậy bởi tiếng nói của đứa cháu:

- Ông ơi, cháu có thể sang ngủ với ông được không?

- Lại đây cháu ạ!- Ông lão đáp và lùi sát vào tường.

Thằng bé nằm xuống và ép vào người ông nội.

"Người ông lạnh quá"- đứa cháu nghĩ.

"Người nó nóng thật!"- Ông lão nghĩ.

Một lát sau người ông hỏi:

- Cháu có biết điều gì đã dẫn cháu quay về với ông không?

- Không ạ.

- Vậy thì ông sẽ nói cho cháu biết: dòng máu đã dẫn cháu về với ông đấy, hiểu chưa? Dòng máu chính là một sức mạnh vô địch cháu ạ!...

Trong đêm đó hai ông cháu không nói thêm gì nữa. Chẳng nghĩ ngợi và cũng chẳng nói gì thêm.

Cả hai thiếp đi trong một giấc mơ ngọt ngào.

Dòng máu quả là biết suy nghĩ và biết nói năng. Nhưng dòng máu ấy đã nghĩ gì và nói gì, điều đó chỉ một mình Chúa mới biết!

Đào Minh Hiệp dịch

CÁI CHẾT KHÔNG BÌNH ĐẲNG

Katia Toure Cote d'Ivoire

Nhà văn Cote d'Ivoire – Giải thưởng lớn lần thứ VI (Cuộc thi truyện ngắn hay nhất viết bằng tiếng Pháp)

Đất nuôi sống người và tiếp nhận người khi người chết. Song, kẻ đang sống trên đời này lại không mở được lòng đất để xem nó đã làm gì người chết. Giả như tôi có thể mở được ngôi mộ cha tôi thì tôi sẽ hỏi ông đã có những cảm nghĩ gì khi ở bên kia, rằng ông đã có được một chút hạnh phúc nhỏ nhoi mà ông từng ôm ấp lúc còn sống chưa. Vâng, tôi sẽ hỏi ông có phải mọi người đều bình đẳng trước và sau cái chết không?

Cha tôi vốn là một tiểu thương bán quần áo cũ, sống nghèo xơ nghèo xác, lần hồi bữa sớm lo bữa tối, cho nên lúc nào cũng nơm nớp bất chợt xảy ra những chuyện chẳng lành. Quả nhiên một bất hạnh thành linh giáng xuống thật: cha tôi bị ốm nặng. Trạm xá khu phố chả làm sao cứu nổi; phải cấp tốc đưa ông lên bệnh viện trung tâm. Khi chuyển ông tới nơi, ông được khám ngay, bác sĩ quyết định mổ gấp và ông phải nằm viện trong tám ngày.

Phòng mổ lúc này đang sẵn sàng. Cha tôi nhanh chóng được gây mê và bác sĩ phẫu thuật cũng đã mặc chiếc áo choàng trắng. Chúng tôi ngồi chờ ở bên ngoài. Bỗng một chiếc Mécxêdét to màu đen từ trên thành phố

xốc thẳng tới ngoắt vào lối dành riêng cho xe bệnh viện trong những trường hợp thật khẩn cấp. Nó leo lên tầng hai. Nghe tiếng ồn ào, ông bác sĩ mở cửa bước ra xem có chuyện gì. Người ta chuyển từ xe ra một người đàn ông to béo bóng nhẫy mỡ. Ông ta được bốn gã cũng to như hộ pháp khiêng. Theo sau là một phu nhân kiêu kỳ, nước mắt đầm đìa luôn mồm nhắc “Chồng ta đấy... chồng ta đấy... hãy cứu ông”. Chồng bà, một ông lớn giàu sụ trong đảng cầm quyền chẳng may bị bội thực sau một bữa tiệc linh đình do ngài G chiêu đãi. Ông đã ăn hết một con trăn nuốt con linh dương, liên tiếp hết một góc tư con cừu thui lại đến một góc tư gà quay, nhưng ông quên mất rằng con trăn sau khi nuốt hết con linh dương phải nằm bất động cả một tuần để tiêu hóa. Đằng này, ông lại là một con trăn đại đột nên tan tiệc, về nhà nhớ đến món tôm rồng xưa nay thích ăn nhất, ông lại chén tiếp. Và thế là ông bội thực; bây giờ không mổ ngay thì ông chết mất.

Một phòng mổ thứ hai cũng sẵn sàng. Hiếm một nỗi bác sĩ phẫu thuật phòng này hãy còn đang ở nhà mà ngài đây lại là một ông lớn của Nhà nước, lẽ nào để tên nhà quê tầm thường kia hơn ngài được. Ông thầy thuốc nắm chắc nghề nghiệp của mình nhưng không nắm được số phận kẻ khác. Lá trên cây rung rung và rụng xuống là tại gió chứ đâu tại rễ. Ông ta đi từ phòng mổ này sang phòng mổ kia nhưng đã không cứu được “con trăn”. Rồi, trong lúc vội vàng và nôn nóng, đến lượt cha tôi, ông cũng không cứu được nốt. Thi hài hai người hầu như được đưa xuống nhà xác cùng một lúc và đặt ở hai ngăn gần nhau.

* *

*

Bệnh viện nháo nhào cả lên. Những lá cờ tam tài buông rủ trên khắp các góc mái nhà. Từng đoàn xe hơi sang trọng chen chúc nhau trên bãi đỗ. Ai cũng muốn mình phải là người đến viếng sớm nhất vì quá cố lừng lẫy. Dân nghèo bị cảnh sát xô đẩy thô bạo ra khỏi khu vực. Gia đình tôi chỉ mong sao lấy được xác cha mình về để được bình thản khóc và chôn ông theo tập quán dân tộc mình, nghĩa là muộ n lăm cũng không quá ba hôm sau khi chết.

Nhưng người ta cấm chúng tôi bén bằng tới nhà xác. Một y tá cho biết chúng tôi chỉ có thể đưa thi hài cha mình ra sau khi thi hài ông lớn của quốc gia được chuyển đi rồi.

Tôi nhớ tới một vị bộ trưởng trẻ vốn là người cùng bộ tộc. Ông ta rất quen biết bố tôi vì bố ông ta với bố tôi vốn xưa kia là đôi bạn. Tôi tin chắc ông ta sẽ thông cảm nỗi đau thương của chúng tôi mà vui lòng can thiệp với bệnh viện. Con khỉ sinh ra và sống ở trên cây. Khi khỉ rớt từ cây xuống thì ai cũng biết nó chẳng thể làm gì khác được. Tôi cũng vậy.

Ông bộ trưởng tỏ ra rất xúc động trước cái chết của cha tôi. Ông nói "Các bạn thân thiết của tôi ạ, tôi rất hiểu các bạn nhưng đây là một việc không thể nào làm nổi. Bây giờ mọi người đang rối cả lên trước cái tang chung của quốc gia. Thậm chí còn ngờ đây là một vụ ám hại. Tôi chỉ có thể khuyên các bạn hãy đi mà lo mua áo quan và nơi chôn cất. Khi thi hài ông lớn được chuyển đi

là tôi can thiệp ngay để người ta trao thật sớm cụ nhà cho các bạn”. Con khỉ phải tập cho quen với cái ngã của mình. Chúng tôi đành tuân theo.

* *

*

Đất nước chúng tôi sản sinh ra nhiều gỗ. Nhưng gỗ lại vô cùng đắt đối với những kẻ sinh ra ở trong rừng và đã từng nuôi cây. Chúng tôi đi duyệt tất cả các quan tài, song hình như không một chiếc nào muốn nhận cha tôi. Giá quan tài quá cao. Chúng tôi quanh đi quẩn lại suốt gần một tiếng đồng hồ, đếm đi, đếm lại số tiền có trong túi. Chủ hiệu bắt đầu sốt ruột. Vừa lúc một chiếc Mécxêdét lớn vùn vụt lao tới. Một bà, đúng là bà đã khóc hôm rồi ở bệnh viện, bước ra khỏi xe. Bà ăn vận toàn đồ đen rất lịch sự, cổ đeo dây chuyền vàng, đính một trái tim to tướng gắn hạt kim cương giả. Trông bà, khó mà nhận ra được là bà chịu tang hay đang đi dự hội. Bà được tháp tùng bởi ba chàng trai trẻ cũng mặc toàn đồ đen gài một bông hoa đỏ trên ngực trái. Họ bước vào nhà hàng trong cảnh tung bừng và long trọng. Ông chủ quên khuấy ngay chúng tôi, ông ta bày tỏ niềm vinh hạnh được phu nhân cùng ba vị bộ trưởng hạ cố tới chọn chiếc quan tài cho đức lang quân lừng lẫy. Chủ hiệu vòng ra cửa sau, tuôn ra một vài mệnh lệnh. Tức thì các nhân viên ù té đi các ngả. Lát sau, họ quay lại với một chiếc áo quan tuyệt vời. Tôi những muốn mình chết giá như mình cũng được chôn trong cái thứ lộng lẫy nhường này. Chiếc quan tài đẹp thật. Nó được đóng bằng gỗ hồng sắc

phủ một lớp formica. Trên nắp được khắc một tấm huy chương to tướng bằng bạc mang hình chúa Giêsu trên thánh giá. Chiếc áo quan riêng mình nó đã đủ sức uy hiếp lũ quỷ sứ. Nó được dùng làm hộ chiếu đi thẳng lên thiên đường. Bên trong quan tài rải một tấm nhung đỏ.

Trong lúc ông chỉ mắc bệnh bán cái trước tác của mình thì chúng tôi đã có đủ thời giờ để bàn lại với nhau. Giả thử chúng tôi được toàn quyền tự quyết thì chúng tôi sẵn sàng chôn cha mình mà chẳng cần đến áo quan. Làm như vậy, cơ thể ông sẽ được tiếp xúc thẳng với đất và nhanh chóng trở về với cát bụi. Linh hồn ông được siêu thoát cùng các âm hồn khác bay lượn về phù hộ cho những người đang sống. Song, vì sự cần thiết phải có bằng được một chiếc quan tài để làm vừa lòng xã hội, chúng tôi buộc phải tự xoay xở bằng đồng tiền ít ỏi của mình. Chỉ cần một chiếc hòm chữ nhật bằng gỗ tạp chẳng phải bào nhẵn gì hết, một thứ gỗ của dân đen. Đó mới thật là chiếc áo quan hợp với thân phận của cha tôi. Chúng tôi chẳng có gì phải phàn nàn. Thượng đế đã nặn cơ thể mỗi chúng sinh có hai cái lỗ tháo ra ngoài: một lỗ để đi ngoài, còn lỗ kia để đi tiểu và làm tình. Riêng loài chim thì chỉ có một lỗ vừa đại tiện vừa để làm tình. Cũng chẳng vì thế mà chúng phải than phiền.

* *

*

Vào được nghĩa trang là cả một vấn đề. Người cai quản nó cho hay: Lúc này cả nước và gia quyến ông Lớn đang dựng lên ở đây cho ngài một nơi an nghỉ cuối cùng.

Cho nên nghĩa trang cấm cửa tất cả bọn hiếu kỳ và bần dân như chúng tôi. Có hai lính canh thường xuyên đi tuần tra trước cổng vào.

May thay, một trong hai lính canh đó lại là con em một nhà nghèo. Khi nghe chúng tôi khóc lóc trình bày cảnh ngộ, anh ta đồng ý giúp đỡ, tất nhiên đây là một việc liều lĩnh vì nó có thể nguy hại cho chính bản thân anh. Cần miễn sao đừng để ai trông thấy cả chúng tôi phải tàng lờ đi như chả có chuyện gì.

Nghĩa trang rộng mênh mông. Bên phải con đường trung tâm là khu dành cho các bậc giàu sang ở trên một quả đồi. Khu bên trái, đứng trên đường khó nhìn thấy, nằm sâu trong lũng là khu của những người chết nghèo. Phu đào huyết cho khu này được tuyển trong số thất nghiệp hoặc lang thang, không có chuyên môn. Còn khu “văn minh” thì lại là những kiến trúc sư thật sự, những thợ nề, mộc, sơn thực sự. Các ngôi mộ nghèo đều một loạt giống nhau: một hố chôn chữ nhật với kích thước như nhau có thể tiếp nhận các cỗ người lớn cũng như bé.

Sau khi được sở hữu chỗ sẽ là nơi an nghỉ cuối cùng của cha tôi, - cái sở hữu duy nhất mà ông có được trên trái đất này - tôi đi lẫn vào đám thợ, sang xem ngôi mộ người “kình địch” của cha mình. Đối với tôi, ông lớn “con trần” đó chỉ là một kình địch của cha tôi trong cái chết. Ông ta đã khước từ không cho tôi lấy được thi hài cha ra: ông ta nhạo báng cha tôi ở nhà đòn. Bây giờ, ở nghĩa trang, ông ta lại ngáng đường vào. Và tôi hiểu chưa phải đã hết những chuyện ông lớn nhà giàu này tranh với cha tôi con đường tới nơi an nghỉ vĩnh hằng.

Ôi, ngôi mộ mà người ta đang xây cho ông ta một kỳ quan thứ tám của thế giới này chứ chả phải chơi! Thật khó mà hình dung ra nổi. Giá đem khu vườn treo Babylon đặt bên cạnh nó thì vườn cũng chẳng có nghĩa lý gì hết. Nơi an nghỉ cuối cùng của ông lớn “con trần” sẽ là tòa lâu đài sau rớt của ngài. Riêng cái hố chôn cũng đã có thể để ngài dùng làm phòng cơ mật và giữ được xác ngài đến một nghìn một đêm lẻ. Nóc hố là một pháo đài thực sự với một cây thánh giá chót vót mang hình một ông Jêsu bằng bạc. Và thế là ông lớn lại đồng thời có thêm một nhà thờ riêng của mình.

* *

*

Vấn đề chiếc xe tang lại còn gây cản hơn. Tiền thì cạn mà phải có một chiếc xe tang. Do vậy, chúng tôi lại một lần nữa đến nhà hàng đám ma. Tại đây có đủ loại xe tang cho thuê với giá khác nhau.

Chẳng cần mất công hỏi giá thuê các xe hòm nhỏ cổ lỗ từ thế chiến thứ hai khác nữa. Địa vị xã hội và cảnh ngộ đã mách chúng tôi chọn chiếc này. Việc ngã giá rất chóng vánh. Nhà hàng thuận sẽ đánh xe tới bệnh viện chuyển thi hài cha tôi về nhà - lẽ dĩ nhiên là khi đã được phép - rồi hôm sau lại đưa tiếp ông từ nhà đến chỗ ở cuối cùng.

Lúc còn sống, cha tôi là một tấm gương ngoan đạo. Ông là một trong những người đầu tiên tự nguyện đóng góp số tiền nghèo ít ỏi của mình và làm những việc chân

tay không lấy công để xây dựng nhà thờ. Bởi vậy, cần có một sứ giả của Chúa đến làm lễ cho linh hồn ông.

Chúng tôi tới nhà thờ đúng vào cái giờ các tín đồ thường đến cầu nguyện tối cao xá tội. Thế mà cứ trống không. Chúng tôi vào thẳng chỗ các cha ở. Cha thứ hai có nhà nhưng chúng tôi cảm thấy cha đang vội sắp đi đâu. Cha cho biết tối nay trên khu những người văn minh có cuộc túc trực bên thi hài một ông lớn quốc gia (tôi hiểu ngay đó vẫn là cái ông kinh địch của cha mình). Đức tổng giám mục cùng đoàn tùy tùng đích thân đến chủ trì buổi lễ với sự có mặt của vị đại diện ngài Quốc trưởng đang mắc bận và đông đủ các thành viên Nhà nước. Cha nhất xứ đạo chúng tôi đã đi trước rồi. Bây giờ cha phó của người chỉ còn chờ thỉnh xong hồi chuông lễ, buổi 19 giờ là đi nốt.

Biết thế nhưng tôi lại nghĩ rằng, là người của Chúa ắt cha hiểu kẻ nghèo. Hơn nữa đứng trước Chúa thì ai nấy đều bình đẳng. Trong buổi lễ viếng ông lớn “con trần” đã có khối chúc sắc giáo hội rồi, sự vắng mặt của cha nào có bổ bèn gì. Nghĩ vậy, tôi cứ yêu cầu cha tới nhà làm lễ cho cha mình. Tôi quên một điều là: trong trật tự giáo hội sự thăng chức cũng quan trọng như ở ngoài đời, cho nên muốn lên chức thì phải được lòng cha bề trên; một khi bề trên đã lệnh thì nhất nhất phải làm. Do vậy, người của Chúa đã khước từ.

* *

*

Sáng hôm sau, chiếc xe tang tới đưa cha tôi đến nghĩa trang. Nhờ vào số tiền ít ỏi của bà con thân thuộc, chúng tôi thuê được hai xe tắc xi chở các cụ già, số còn lại đi bộ hết. Đám tang khởi hành từ nhà chúng tôi vào lúc 15 giờ. Khách dọc đường tò mò nhìn chúng tôi. Một số xe hơi do mấy ông tài nghèo lái dừng lại nhường lối cho đoàn đưa đám. Những xe sang trọng khác thì cứ phóng vèo vèo vượt lên.

Đường vào nghĩa trang bị quá nhiều xe làm tắc nghẽn. Nhờ có kinh nghiệm trong nghề, bác tài xế lái xe tang cha tôi lách được một lối đi. Nhưng rồi trước mặt chúng tôi dựng lên một hàng rào cảnh sát. Họ ra lệnh cho đoàn chúng tôi dừng lại. Một cảnh sát viên bước tới cho biết nghĩa trang đang cấm mọi sự ra vào cho đến khi chôn cất xong ông lớn.

Cha tôi được chôn rất vội vàng. Đất nuốt ông nhanh chẳng kém anh lính nuốt mẫu bánh ăn tạm giữa trận tiền. Cha xứ đọc liền lầu lời cầu nguyện.

“...Từ cát bụi mà ra, nay lại trở về với cát bụi, Chúa dạy thế, hồi đứa con tuổi tác vừa được hưởng sự an nghỉ vĩnh hằng, cầu Chúa hãy tiếp nhận con vào xứ sở của Người. Amen!”

- Amen!

Đọc xong kinh, cha xứ bảo tôi hãy nói nhanh nhanh mấy lời cuối cùng với người mất. Nước mắt lưng tròng, tôi bắt đầu câu nói như sau:

- Cha ơi, cha đã mồ yên mả đẹp. Phải chăng con người ta đều bình đẳng trong cái chết. Đừng khóc cho phận nghèo của mình trên đời nữa cha ạ. Cha và ông

nhà giàu mà người ta vừa chôn kia, cả hai cùng mất một ngày, cả hai sẽ được bình đẳng...từ nay.

Cha xứ hích khuỷu tay vào sườn tôi, chữa lại:

- Cả hai đã bình đẳng từ trước hôm nay rồi.

- Bình đẳng rồi ư, tôi nhắc lại. Vừa hỏi, tôi vừa trông theo lớp đất đỏ người ta đang đổ xuống cha tôi và cũng ngược mắt lên cao nhìn ánh mặt trời hắt xuống ngôi mộ kẻ bên kia ở trên ngọn đồi của nghĩa trang...

Trần Việt dịch

DÀN HỎA THIÊU

Rabindranath Tagore

Nhà văn Ấn Độ – Giải thưởng Nobel

• 1

Mahaymaya và Rajib gặp nhau trong một ngôi đền đồ nát bên bờ sông.

Không nói một lời, Mahaymaya ngược lên nhìn Rajib với con mắt nghiêm nghị đượm vẻ trách móc như muốn bảo: “Sao anh dám gọi em đến đây vào giờ bất thường này? Anh dám làm như vậy vì bao giờ em cũng nghe theo anh chứ gì?”.

Rajib xưa nay vẫn có phần sợ Mahaymaya và bây giờ thì ánh mắt kia làm anh bối rối, anh bỏ ngay ý định ngâm thơ là đọc hẵn một bài diễn thuyết với nàng. Dầu vậy anh vẫn phải nhanh chóng nói cho nàng hay lý do của buổi hẹn hò này. Bằng một giọng hấp tấp Rajib buột miệng ra những lời sau đây: “Anh muốn nói với em chúng mình hãy trốn khỏi nơi đây và lấy nhau”. Quả là qua đó Rajib đã bày tỏ được những điều anh nghĩ trong óc, nhưng phần mở đầu anh đã âm thầm chuẩn bị thế là uổng phí. Tiếng Rajib vang lên khô khốc và táo tợn, thậm chí vô lý nữa. Anh cảm thấy rất lúng túng sau khi buột ra câu đó và không nói nổi thêm lời nào để làm dịu

bớt. Nhấn được Mahaymaya đến ngôi đền đổ nát ven sông vào lúc giữa trưa, anh chỉ biết nói với nàng: “Chúng mình lấy nhau đi”.

Mahaymaya là một cô gái thuộc tầng lớp đại quý tộc Bengan, một cô gái Kulin¹. Nàng hai mươi bốn tuổi đang độ thanh xuân rực rỡ và kiều diễm nhất khác nào một bức tượng bằng vàng ròng với nước da như ánh nắng thu đẹp óng, người người như vàng dương, con mắt phóng khoáng không chút sợ hãi tựa ánh sáng ban ngày.

Mahaymaya mồ côi bố mẹ, anh nàng, Bavanicharan Chatlôpadīay, là người trông nom nàng. Hai anh em tính tình giống hệt nhau, lầm lì, nhưng sức mạnh tinh thần ngùn ngụt bốc cháy trong người như mặt trời ban trưa. Người ta nể sợ Bavanicharan mà không hiểu vì sao.

Còn Rajib là người phương xa đến vùng này cùng với viên giám đốc xưởng dệt tơ ở đây. Cha anh trước kia đã làm việc cho *xanhip* đó, cho nên khi người cha qua đời, ông ta nhận trông nom việc học hành của anh và đem

1. Vào thế kỷ thứ VII, khi ý thức đạo lý của người Bà La Môn và người Kayatha (đẳng cấp thứ hai) ở Bengan rất sa sút vua Adixura cho đưa năm người Bà La Môn và năm người Kayatha đạo đức thật vẹn toàn từ Ranauj ở miền Bắc Ấn Độ đến sinh cơ lập nghiệp ở Bengan. Con cháu số người này tạo thành hạt nhân của một đẳng cấp quý tộc mới. Đến thế kỷ thứ X, đẳng cấp quý tộc này được vua Balan Xen chính thức công nhận và đặt tên là đẳng cấp Kulin họ chỉ được phép lấy nhau trong cùng một đẳng cấp. Do họ tạo thành một cộng đồng rất bé nhỏ cho nên nhiều người không kiếm được vợ được chồng vì không tìm ra ai được coi là môn đăng hộ đối.

anh đến xưởng máy ở Bamahati này. Rajib sống cùng với người cô đi cùng với anh và hai cô cháu ở gần nhà hai anh em Bavanicharan. Mahaymaya là người bạn chơi đùa thuở nhỏ của anh và được bà cô rất quý mến.

Rajib lớn dần lên, mười sáu, mười bảy, mười tám rồi mười chín, thế mà mặc dầu bà cô khấn nài anh vẫn không chịu lấy vợ. Viên giám đốc đỡ đầu anh rất hài lòng thấy một thanh niên Bengan lại tỏ ra có một ý thức hiểu biết hiếm có đến vậy, và tưởng rằng Rajib đã lấy ông làm mẫu người lý tưởng trong cuộc sống. Tôi phải nói rằng viên giám đốc người Âu đó sống đời độc thân. Ít lâu sau cô anh qua đời.

Còn Mahaymaya, vì không có ai thuộc đẳng cấp quý tộc như nàng tiến hỗi nên cô không lấy được chồng. Lấy chồng thì phải có một món hồi môn lớn mà gia đình nàng lại nghèo.

Có cần phải nói với độc giả rằng nếu như vị thần xe tơ kết tóc đã quên lãng quá lâu đôi trai gái này thì vị thần xe những sợi giây yêu đương lại không để uổng phí suốt thời gian đó. Trong khi vị thần già Prajapati ngủ gà ngủ gật thì vị thần tình ái Kāṇḍarpa lại tỉnh như sáo.

Sự tác động của thần Kāṇḍarpa đối với mỗi người một khác.

Do sức mạnh của thần Kāṇḍarpa xui khiến, Rajib tìm kiếm mọi cơ hội thì thầm nói lên những khát vọng của lòng mình, nhưng Mahaymaya lại không bao giờ để cho anh có dịp thổ lộ; con mắt nghiêm nghị lạnh lẽ của nàng khiến cho trái tim nồng cháy của anh phải lạnh cứng lại vì sợ hãi.

Hôm nay, sau biết bao nhiêu lời cầu xin van vãn, cuối cùng, Rajib đã khiến nàng đến ngôi đền đồ nát này. Anh dự định giải bày hết với nàng, nói hết những điều anh muốn nói, rồi sau đó, hoặc là hạnh phúc hoặc là cái chết. Thế mà đúng vào giây phút tốt đỉnh, anh chỉ biết nói: "Em ơi, chúng mình bỏ trốn đi, chúng mình lấy nhau đi", rồi đứng ngây ra như phỗng, lúng túng như một cậu học trò nhỏ không thuộc bài. Một lúc lâu Mahaymaya không đáp lại, như thể nàng không hề bao giờ chờ đợi một lời đề đạt như vậy của Rajib.

Mặt trời ban trưa có nhiều âm thanh nỉ non khó tả riêng của nó. Những âm thanh ấy bắt đầu nổi lên giữa cảnh tĩnh mịch lúc bấy giờ. Cánh cửa gãy nát của ngôi đền, gần tung hết bản lề, bị gió đưa đẩy mở ra khép lại với tiếng cọt kệt trầm trầm ai oán, con bồ câu đậu trên cửa sổ bắt đầu gù gù. Ngoài kia, con chim gõ kiến tiếp tục tiếng mổ đều đều của nó trên cành cây *si mun*. Con thằn lằn vọt qua đồng lá khô đánh xoạt một cái như một mũi tên. Một cơn gió nóng cuộn lên từ những cánh đồng xa xa bỗng thổi ào qua các lùm cây làm cả đám lá rít lên. Đột nhiên nước sông bùng tỉnh thành những đợt sóng, vỗ ì oạp vào những bậc thềm dưới thấp của ngôi đền. Giữa những âm thanh thưa thớt vắng vắng đó, vọng lên từ xa tiếng sáo của một chàng trai chăn bò ngồi dưới bóng cây. Rajib tựa lưng vào chân tường ngôi đền như một người mơ mộng mết mết mắt đắm đắm nhìn xuống dòng sông. Anh không đủ can đảm nhìn vào mặt Mahaymaya.

Một lúc sau, anh quay lại phía nàng và lại nhìn nàng với con mắt van xin. Mahaymaya lắc đầu đáp: "Không, không được".



Tức thì toàn bộ lâu đài mong ước của anh đổ sụp xuống đất, vì Rajib biết rõ rằng nếu Mahaymaya nói không đó là tự ý nàng chứ không một ai trên đời có thể ép buộc được nàng. Niềm kiêu hãnh lớn lao của dòng dõi đã chảy trong mạch máu nàng từ biết bao nhiêu thế hệ; liệu có bao giờ nàng có thể bằng lòng chịu lấy Rajib tuy cũng thuộc đẳng cấp Bà La Môn¹, nhưng ở hàng thấp hơn? Tình yêu là một chuyện, hôn nhân lại là chuyện khác hẳn. Song, Mahaymaya giờ đây hiểu ra rằng chính cách ứng xử thiếu suy nghĩ của mình trước đây đã kích lệ Rajib nuôi một hy vọng táo tợn đến thế, nên ngay lập tức nàng sửa soạn ra khỏi đền.

Rajib hiểu, anh nói nhanh:

Ngày mai anh sẽ đi khỏi vùng này.

Thoạt tiên, Mahaymaya thấy nên tỏ ra thờ ơ với tin đó nhưng không nổi. Chân nàng không chịu nhấc bước khi nàng định đi. Nàng hỏi, giọng bình thản:

- Vì sao?

Rajib trả lời:

1. Theo quan niệm tôn giáo của những tín đồ theo đạo này, Brahm (Bram) (phạn thiên) vị thần tối cao lần lượt hiện thân vào Brahma (Brama), Vichnou (Vichnu) và Civa (Siva), tạo thành tam vị nhất thể (Trinite). Riêng Brama hiện thân đầu tiên của Bram có bốn con trai, từ đó tạo nên bốn đẳng cấp ở Ấn Độ: Bà La Môn, Pêhát'ria, Tvanxia và Sudra. Ngoài ra và ở dưới những đẳng cấp ấy là lớp người pha tạp và lớp người Darta. Vào khoảng thế kỷ thứ III và thứ II trước kỷ nguyên công giáo, Bà La Môn giáo tiến triển thành Ấn Độ giáo (Hindoutsme).

- Ông chủ anh được chuyển đến xưởng máy Xônapua, ông ta đem anh đi theo.

Mahaymaya lại im lặng một lúc lâu, nghĩ ngợi lan man: cuộc đời hai người đi theo hai hướng ngược nhau, ta không thể mong giữ mãi một người con trai cho riêng mình, làm người tù của đôi mắt ta. Rồi hơi hé đôi môi mím chặt, nàng khẽ nói: "Thôi được!" nghe như một tiếng thở dài.

Chỉ sau khi thốt ra tiếng đó rồi thì Mahaymaya mới lại đứng dậy để ra về. Bổng Rajib thì thầm: "Kìa anh em!": Mahaymaya ngoảnh lại thấy Bavanicharan đang đi về phía ngôi đền. Nàng hiểu là anh nàng đã biết chuyện hẹn hò giữa hai người.

Sợ Mahaymaya lâm vào một tình thế khó xử, Rajib toan lánh đi bằng cách nhảy qua một lỗ hổng trên tường ngôi đền, nhưng Mahaymaya nắm chặt lấy anh tay anh giữ lại. Bavanicharan bước vào, nhìn hai người với con mắt hằn học.

Mahaymaya nhìn Rajib và nói bằng một giọng điềm tĩnh:

- Rajib, em sẽ đến nhà anh. Anh hãy chờ em.

Bavanicharan lảng lạng ra khỏi ngôi đền. Mahaymaya bước theo sau, cũng lảng lẽ. Còn Rajib anh đứng sững ngơ ngác như vừa nghe xong một lời tuyên án tử hình.

2

Ngay đêm đó, Bavaricharan trao cho Mahaymaya một tấm *xari* bằng lụa đỏ và bảo: ‘

- Mặc vào.

Mahaymaya làm theo lời. Đoạn anh bảo:

- Đi theo ta.

Chưa ai bao giờ làm trái lệnh Bavaricharan, Mahaymaya cũng không làm trái.

Đêm ấy, hai anh em đi ven bờ sông đến gần chỗ dựng các giàn hỏa thiêu. Ở đó, không xa ngôi nhà của họ lắm, trong một túp lều dành cho những kẻ hấp hối đã được người ta đưa đến bên bờ thiêu này của con sông, có một ông già Bà La Môn đang nằm chờ chết. Người anh và cô em đến bên giường ông lão. Ở góc nhà còn có một tu sĩ Bà La Môn. Bavanicharan giơ tay ra hiệu và vị tu sĩ chuẩn bị ngay những gì cần thiết cho buổi lễ, Mahaymaya hiểu ra nàng sẽ bị kết hôn với kẻ hấp hối kia nhưng nàng không mấy may phản kháng. Chính tại gian phòng tối om, lơ mơ ánh lửa của hai dàn hỏa thiêu gần đấy, lễ cưới của Mahaymaya được cử hành với tiếng lầm rầm đọc kinh hành lễ hòa lẫn tiếng rên rỉ của kẻ sắp chết.

Hôm sau, Mahaymaya trở thành góa phụ. Nhưng nàng không quá đau khổ vì tin này như khi Rajib bất ngờ được nghe báo Mahaymaya lấy chồng. Anh có phần hí hửng là đằng khác. Nhưng niềm vui đó không lâu, một xúc động ghê gớm thứ hai làm Rajib choáng váng. Anh được nghe nói ngay hôm ấy sẽ có một lễ cử hành tại khu dàn hỏa thiêu vì chính Mahaymaya sẽ bị hỏa thiêu trên dàn cùng với chồng.

Thoạt tiên, anh định đến báo tin cho ông chủ và tìm cách dùng vũ lực ngăn cản sự hy sinh tàn nhẫn ấy. Sau anh nhớ ra ông ta đã chuyển giao chức trách cho người

đến thay thế và hôm đó đã đi Xônápua rồi. Ông ta muốn đem Rajib theo, nhưng anh ở lại sau khi xin nghỉ một tháng.

Mahaymaya đã bảo: "Chờ em!", anh không thể vì bất cứ lý do gì không làm theo lời yêu cầu đó. Ban đầu anh xin nghỉ một tháng nhưng nếu cần anh sẽ nghỉ hai tháng rồi ba tháng và cuối cùng có thể xin thôi việc ở chỗ ông giám đốc, sống bằng nghề hành khất, dù thế nào anh cũng sẽ chờ đợi nàng cho đến tận cuối đời.

Sau khi biết tin Mahaymaya sẽ bị hỏa thiêu, Rajib như điên như dại sắp sửa lao ra ngoài với ý định tự vẫn hoặc làm một việc gì đó để ngăn cản cái chết của Mahaymaya, thì đúng lúc ấy nổi lên một trận cuồng phong dữ dội và một trận mưa như thác. Gió bão gầm rú có cơ quật đổ mái nhà xuống đầu song anh lại cảm thấy thư thái khi nhận thấy những chấn động dữ dội của thiên nhiên bên ngoài đồng điệu với cơn giông tố trong tâm hồn mình. Tưởng chừng tất cả trời đất đã hỗ trợ ý nguyện của anh và sẽ đem lại cho anh một phương thức cứu vãn. Bạo lực mà anh đã định dùng đối với bản thân bây giờ đang nằm trong tay thiên nhiên ở dưới đất và ở trên trời.

Bỗng có ai đẩy mạnh cửa. Rajib vội ra mở. Một người đàn bà bước vào buồng, quần áo sũng nước, đầu trùm một tấm khăn dài và dày, che kín hết mặt, Rajib biết ngay đó là Mahaymaya.

Giọng tràn ngập xúc động, anh hỏi:

- Mahaymaya, có phải em ở đàn hỏa thiêu về đấy không?

Mahaymaya trả lời:

- Đúng, em đã hứa với anh sẽ đến nhà. Em giữ lời hứa: em đến đây. Nhưng Rajib ạ, em không còn là con người xưa kia nữa, em đã hoàn toàn khác trước. Chỉ có trong tâm hồn, em mới còn là cô gái Mahaymaya khi xưa. Bây giờ, anh nói đi, em vẫn còn kịp quay trở lại dần hỏa thiêu. Nhưng nếu anh thế với em sẽ không bao giờ nhắc bỏ tấm khăn trùm mặt em, không bao giờ nhìn vào gương mặt đó, thì em sẽ sống ở nhà anh.

Giành lại được Mahaymaya từ tay thần chết đã là quá sức tưởng tượng rồi, mọi điều khác đều không có nghĩa lý gì trước sự việc ấy, do vậy Rajib vội vã trả lời:

- Em hãy sống ở đây theo cách em muốn; nếu em bỏ anh, anh chết mất.

Mahaymaya bèn bảo:

- Nếu thế chúng ta hãy rời đây đi ngay tức khắc. Chúng ta đến chỗ ông chủ của anh vừa chuyển đến.

Bỏ lại mọi của cải trong nhà, Rajib ra đi với Mahaymaya giữa trời mưa bão. Gió thổi mạnh đến nỗi họ phải chúc đầu mà đi. Sỏi đá bị cuốn bay bắn vào bắp chân họ như những viên chì. Hai người đi bằng ngang đồng, sợ cây cối ven đường đổ xuống đầu. Gió thốc dữ dội vào lưng họ đẩy đi như thể cơn bão đã giật đôi trai gái này ra khỏi nơi ở của loài người và thổi bạt họ đi xa để hủy diệt họ.

Bạn đọc chớ nên ngờ vực câu chuyện của tôi, cho rằng nó không có thật hoặc là siêu tự nhiên. Có những ví dụ

về một vài sự việc như vậy đã từng xảy ra thời còn có lệ thiêu sống các góa phụ trên đàn hỏa thiêu xác chồng họ.

Mahaymaya đã bị trói chặt chân tay và đặt lên đàn hỏa thiêu rồi lửa lễ được đốt lên vào giờ ấn định. Vừa lúc ngọn lửa từ đồng củi bùng lên thì ập đến một cơn giông tố dữ dội và một trận mưa ào ào như thác. Những người dự lễ hỏa thiêu vội bỏ chạy đến náu mình trong túp lều của những kẻ hấp hối và đóng chặt cửa lại. Mưa nhanh chóng dập tắt ngọn lửa trên đàn hỏa thiêu. Trong khi đó những sợi dây trói cổ tay Mahaymaya bị cháy thành tro khiến đôi tay nàng được giải thoát. Không một tiếng kêu rên mặc dầu đau đớn cực độ vì những vết bỏng, nàng ngồi xuống cởi dây trói chân. Rồi quàng lên mình tấm *xari* cháy dở, nàng đứng lên, người nửa trần, rời khỏi đàn hỏa thiêu và thoát đầu trở về nhà. Trong nhà không có một ai, mọi người đã ra hết chỗ hỏa thiêu. Nàng thắp một ngọn đèn, quấn một tấm *xari* sạch và soi mặt trong gương. Vứt mảnh gương xuống đất, nàng suy nghĩ một lúc, sau đó, trùm lên đầu một tấm khăn dài và dày, đi về phía nhà Rajib cách đó không xa. Bạn đọc đã biết những gì diễn ra sau đó.

Mahaymaya sống trong ngôi nhà của Rajib, nhưng cuộc sống của hai người không có một chút hạnh phúc nào. Tấm khăn trùm đầu ngăn cách người nọ với người kia có đáng gì đâu thế nhưng tấm khăn đó như cái chết và còn thảm khốc hơn chính cái chết. Nỗi tuyệt vọng dục dần với thời gian như nỗi đau của sự cách biệt âm dương còn hy vọng sống động thì hằng ngày hằng giờ bị tiêu tan thì sự cách biệt mà tấm khăn này đặt ra giữa hai người:

Cô gái Mahaymaya xưa kia vốn đã trầm lặng đảm chiêu, nên bây giờ điều bí mật đằng sau tấm khăn càng thêm nặng nề, nhúc nhối. Nàng sống mà dường như bị trùm trong một tấm khăn liệm. Cái chết âm thầm đó bóp nghẹt lấy cuộc sống của Rajib và hết ngày này sang ngày khác nung nấu lòng anh. Anh đã mất đi rồi cô gái Mahaymaya anh hằng quen thuộc và trong khi ấy người đàn bà trùm khăn kín mít, lúc nào cũng ngồi lặng lẽ bên cạnh, không để cho anh đưa vào cuộc sống của mình những kỷ niệm êm đềm anh còn giữ được về nàng hồi nàng còn nhỏ, Rajib đau khổ, day dứt: "Tạo hóa đã đặt ra khá nhiều hàng rào ngăn cách giữa con người. Mahaymaya sinh ra đã khác thường, như dũng sĩ Kacna trong sử thi *Mahabarata* được một yêu lực tự nhiên che chở chống lại mọi tai họa. Có một hàng rào vây quanh người nàng. Bây giờ dường như nàng lại sinh ra lần thứ hai và đến với mình hai hàng rào bảo vệ vây quanh người. Ngay cả khi ngồi cạnh, nàng vẫn xa vời đến nỗi mình không đụng tới nổi. Mình phải đứng ngoài cái vòng tròn ma thuật không gì xâm phạm nổi đó và với tất cả tâm hồn bị một nỗi khao khát khôn nguôi giày vò, mình cố xuyên thủng điều bí ẩn mỏng manh không sao dò biết được kia, như các vì sao hết giờ này sang giờ khác trong suốt các đêm trường hoài mong xuyên thủng tấm màn bí mật của đêm tối với những con mắt cúi nhìn chong chong không ngủ và không chớp".

Trong một thời gian dài, hai kẻ cô đơn và không người đồng hành ấy cứ thế sống qua ngày bên nhau.

Một đêm, đêm thứ mười của tuần trăng mới, lần đầu tiên trong mùa mưa, các đám mây tản đi và mặt trăng hiện ra. Dưới ánh nắng của thiên thể bất động kia, đêm dường như muốn thức để canh cho thế gian đang chìm trong giấc ngủ. Đêm ấy, Rajib cũng dậy khỏi giường đến ngồi bên cửa sổ nhìn ra ngoài. Từ cánh rừng ngọt ngào vì nóng, một mùi hương đặc biệt và tiếng dế kêu uể oải len vào buồng. Trong lúc anh ngấm nhìn, mặt ao yên ngủ lấp lánh như một chiếc đĩa bạc nhẵn bóng bên cạnh các rặng cây tối sẫm. Khó nói được trong giây phút ấy con người có nghĩ đến một cái gì cụ thể hay không. Chỉ có trái tim anh đập rộn rã hướng về một phía nhất định, trong khi cánh rừng tỏa hương và màn đêm vọng lại những tiếng rì rầm.

Rajib nghĩ gì tôi không được biết. Nhưng, hình như đối với anh, đêm ấy mọi luật lệ cũ đều bị gác sang một bên. Lúc này đêm của mùa mưa đã gỡ bỏ tấm mạng mây che mặt mình và hiện ra lạng lẽ, diêm lệ, nghiêm trang như cô gái Mahaymaya thời trước. Mọi dòng máu trong người anh cuộn cuộn chảy về phía cô gái Mahaymaya đó.

Như một kẻ bước đi trong mơ, Rajib vào buồng Mahaymaya. Nàng đang ngủ.

Anh đứng cạnh và cúi xuống ngắm nàng. Ánh trăng soi đúng vào gương mặt Mahaymaya. Nhưng kinh hoàng thay còn đâu gương mặt xưa kia nữa! Ngọn lửa của dàn hỏa thiêu với cái lưỡi háu đói và bạo tàn đã cướp đi cả một phần má trái và để lại những tàn phá mà cơn thèm khát của nó gây ra.

Rajib giật mình chẳng? Một tiếng kêu ghen ngào bật ra khỏi cổ anh chẳng. Cũng có lẽ! Mahaymaya giật mình bừng tỉnh và thấy Rajib trước mặt. Ngay lập tức, nàng trùm lại tấm khăn rồi bước ra khỏi giường đứng thẳng người trước mặt anh. Rajib hiểu là sấm sét đã nổ. Anh quỳ sụp xuống, ôm hôn hai bàn chân nàng, khóc lóc: "Em tha thứ cho anh".

Không đáp lại một lời, không ngoái lại sau một lần, Mahaymaya bước ra khỏi buồng. Nàng không bao giờ trở lại nữa. Không tìm thấy tấm tích nàng đâu cả. Ngọn lửa thịnh nộ lặng lẽ của nàng trong lúc chia ly vĩnh viễn và không lời tha thứ này để lại suốt cuộc đời Rajib một vết sẹo dài.

Hoàng Cường dịch

GỬI CỦA

Rabindranath Tagore
Nhà văn Ấn Độ – Giải thưởng Nobel

1

Brindaban Kunda hăm hăm đến gặp bố. "Tôi bỏ đi ngay đây".

Quân vô ơn! – Người bố, Jaganat Kunda, khinh bỉ cười khẩy. - Bao giờ mày trả hết tiền tao nuôi mày ăn mặc rồi hãy biến.

Cái ăn cái mặc thường lệ ở nhà Jaganat chẳng tốn kém gì lắm. Các thầy tu *risi*¹ ở nước ta ngàn xưa đã tận tiện trong sự ăn mặc đến mức khó ai tưởng tượng nổi. Cách sống của Jaganat cho thấy lý tưởng của lão về mặt này cũng cao vời vợi không kém. Sở dĩ lão không thực hiện được đầy đủ lối sống đó, một phần do ảnh hưởng xấu của xã hội đồi bại xung quanh, một phần do những đòi hỏi vô lý của tự nhiên muốn cố giữ cho phần hồn liên phần xác.

Chừng nào Brindaban còn là con trai chưa vợ thì mọi chuyện còn khá êm ấm. Lấy vợ rồi anh bắt đầu từ bỏ lối

1. Nhà tu hành từ bỏ cuộc sống thân tục để chuyên thờ phụng Trời Phật.

sống cao cả và thanh bạch mà cha anh ưa thích. Rõ ràng, các quan niệm của con người về cuộc sống tiện nghi đã chuyển từ lĩnh vực tinh thần sang lĩnh vực vật chất, và bắt chước lối sống của thế gian. Anh không muốn chịu nóng, chịu rét, nhịn đói nhịn khát; cái mức tối thiểu của anh về ăn mặc tăng vọt lên.

Những cuộc cãi cọ giữa cha và con xảy ra luôn. Sau cùng, vợ Brindaban lần ra ốm nặng, và một thầy lang *kabiraj* được mời đến thăm bệnh. Nhưng khi thầy lang kê cho người bệnh một đơn thuốc đắt tiền thì Jaganat coi đó là một bằng chứng bất tài hoàn toàn và tổng cổ thầy lang ra khỏi nhà tức khắc. Ban đầu, Brindaban van xin bố cho vợ được chữa chạy tiếp sau anh to tiếng cãi vã với bố, nhưng rốt cuộc cũng chẳng ích gì. Khi vợ chết, anh lăng mạ bố và gọi lão là kẻ sát nhân.

- Tâm bậy! - Người bố nói - Dù đã nốc đủ các thứ thuốc, người ta vẫn chẳng chết nhăn răng ra đấy ư? Thuốc men đắt tiền mà cứu được mạng người thì có sao vua chúa không sống bất tận? Chắc mày không chờ mong vợ mày chết một cách linh đình và âm i hơn mẹ mày và bà mày trước kia chứ?

Những lời ấy có thể đã làm Brindaban được khuây khỏa thực sự nếu như anh không quá đau khổ nên không hiểu nổi điều ngay lẽ phải. Cả mẹ lẫn bà anh đều không dùng một tí thuốc men nào trước khi rời bỏ dương thế và đó là một nền nếp lâu đời vẫn được gìn giữ trong gia đình. Nhưng hồi ôi thế hệ trẻ lại không muốn chết theo nền nếp cổ xưa. Vào thời gian chúng ta đang kể đây, người Anh vừa mới đặt chân lên nước này. Nhưng

ngay cả ở thời buổi xa xưa ấy, các cụ vẫn kinh hãi trước những cách sống không chính thống của thế hệ mới, các cụ chỉ ngồi im, lặng thinh tìm nguồn an ủi trong chiếc điếu *huka*.

Sự thể là người con trai tân tiến Brindaban nói với ông bố già cổ hủ của mình: "Tôi bỏ đi đây!"

Người bố ừ ngay tức thì và lớn tiếng thề rằng, nếu sau này đừng có bao giờ lão cho con trai lấy một đồng *anna* nào thì Trời Phật hãy coi hành động đó như hất đổ đi dòng máu thiêng của bò cái¹. Brindaban cũng thề rằng nếu có bao giờ anh nhận bất kỳ cái gì của bố anh thì việc làm đó sẽ bị coi là tội giết mẹ.

Dân làng coi sự đảo lộn nho nhỏ ấy là một trò giải buồn sau một thời gian dài tẻ nhạt. Và khi Jaganat truất quyền thừa kế của đứa con trai duy nhất thì mọi người ra sức an ủi ông. Mọi người đều nhất trí cho rằng vì vợ mà cãi lại bố là điều chỉ có thể xảy ra thời buổi suy bại phong tục này, và lý họ dẫn ra cũng đúng. Họ bảo "Vợ chết thì kiếm vợ khác được ngay. Chứ bố chết thì không tìm nổi ai thay thế về mặt tình thương và tiền bạc". Lập luận của họ rõ ràng rất đúng, song chúng tôi ngờ rằng cảnh ngộ không kiếm được bố khác chẳng hề làm bận tâm anh con trai lầm đường lạc lối kia, ngược lại anh ta còn coi đó là một điều hay.

Sự chia ly với đứa con trai cũng không đè nặng lên tâm trí Jaganat. Trước hết không có nó lại bớt được chi

1. Giết bò cái là một trọng tội trong xã hội Hindî vì bò được coi là biểu tượng thiêng liêng của thần Krisna.

tiêu trong nhà. Ngoài ra, người bố còn cất bỏ được một nỗi lo lắng lớn. Xưa nay lão vẫn sợ bị con trai và là kẻ thừa kế mình đầu độc. Khi ăn bát cơm đạm bạc, lão không bao giờ xua được cái ý nghĩ ám ảnh đầu óc lão về thuốc độc. Nỗi lo sợ đó có phần giảm bớt từ ngày cô con dâu chết, và bây giờ anh con trai bỏ đi thì nỗi lo ấy mất hẳn.

Nhưng có một chỗ mềm yếu trong trái tim ông già. Brindaban đã mang đi đứa con trai lên bốn của anh tên là Gokun Chandra. Đến tuổi ấy, tiền nuôi nấng đứa bé tương đối ít, vì vậy sự yêu thương của Jaganat đối với thằng cháu nội không vấp phải trở ngại gì. Tuy nhiên, khi Brindaban đem nó đi, lão có buồn thật, song ban đầu nỗi buồn đó vẫn xen lẫn với những tính toán xem không có bố con nó thì mỗi tháng lão để dành thêm được bao nhiêu, trong một năm số tiền ấy sẽ bao nhiêu và muốn có số lãi bằng ấy thì lẽ ra phải có một số vốn bao nhiêu.

Nhưng ngôi nhà trống trải vắng bóng thằng bé Gokun Chandra nghịch ngợm trở thành một nơi ngày càng khó sống đối với Jaganat. Giờ đây không có đứa nào trêu chọc lão khi lão làm lễ *Puial*, không có đứa nào giành lấy ăn tranh bát cơm lão đang ăn, không có đứa nào lấy trộm lọ mực chạy đi khi lão ngồi tính toán sổ sách. Cuộc sống thường lệ hằng ngày giờ đây không bị ai quấy rầy lão cảm thấy nặng nề không chịu nổi. Lão nhớ ra là sự yên tĩnh thanh thản này chỉ có thể gánh chịu nổi ở thế giới bên kia. Khi nhìn thấy những lỗ thủng ở chiếc đệm bông đắp chân của lão mà thằng cháu gây ra, và những vết mực cũng do người nghệ sĩ ấy bôi nguệch ngoạc trên chiếu, thì lòng lão nặng trĩu buồn. Có lần lão

đã mắng mỏ thậm tệ thằng bé vì đã làm rách tan cái quần mới mặc có hai năm; giờ đây Jaganat rung rung nước mắt khi nhìn những mảnh quần rách bần thiu ấy để trong buồng ngủ. Lão cất cẩn thận những mảnh ấy vào trong hòm và thề rằng nếu bây giờ mà thằng Gokun trở về thì dù nó có làm rách một cái quần trong một năm cũng sẽ không bị mắng gì hết.

Nhưng thằng bé Gokun không trở về và lão Jaganat già đi rất nhanh. Căn nhà trống trải của lão mỗi ngày như càng thêm hoang vắng.

Lão không thể ngồi yên ở nhà được nữa. Ngay giữa trưa lúc mọi người già cả trong làng đều chợp mắt một lúc sau bữa ăn, vẫn thấy Jaganat lang thang trong làng, chiếc điệu *huka* cầm tay. Nhìn thấy lão, bọn trẻ con liền bỏ dở trò đang chơi, tụ tập nhau chạy nấp vào một chỗ cách lão khá xa để được an toàn và đọc những bài về do một nhà thơ trong làng đặt ra để ca ngợi nếp sống tận tiện của lão. Không đứa nào gọi đích danh lão, sợ lão sẽ không nuốt nổi bữa cơm hôm đó và vì vậy người ta cứ tự ý đặt tên cho lão theo ý thích của mình. Người già thì gọi chệch đi là Jaganasơ¹ nhưng vì sao bọn trẻ con lại thích gọi lão là ma cà rồng thì khó mà đoán được. Có thể thân hình khô xác, nặn không ra một giọt máu của lão phần nào giống ma cà rồng.

1. *Nasơ* có nghĩa là tàn phá.

Tiếng Phạn Jagat là thế giới, natha là chúa tể. Ghép lại với nhau, Jaganat có nghĩa là chúa tể thế giới. Còn Jaganasơ có nghĩa là kẻ tàn phá thế giới.



Một buổi chiều, lúc Jaganat đang đi vợ vẫn như mọi ngày trên đường làng râm mát dưới rặng xoài, lão thấy một thằng bé, có vẻ là một đứa trẻ lạ ở nơi xa đến, đang bày cho bọn trẻ con trong làng một trò chơi mới. Trước vẻ đàn anh và những trò mới lạ của thằng bé, bọn trẻ trong làng đều mê nghe theo nó. Không như bọn trẻ kia, thằng bé không bỏ chạy khi thấy lão Jaganat đi tới, mà nó lại đến sát người lão, rũ rũ mảnh *chada*¹ nó đang mặc. Kết quả là một con thằn lằn còn sống hằn hoi từ mảnh *chada* nhẩy ra, bò lên người lão, bò dọc sống lưng xuống rồi lẩn vào rừng khiến lão sợ rừng mình từ đầu đến chân làm bọn trẻ reo hò thích thú. Jaganat bỏ đi miệng chửi rủa, nhưng mới đi được một quãng thì chiếc khăn *gamsa*² đang vắt trên vai bỗng biến mất, và phút sau đã lại thấy nó quấn trên đầu đứa trẻ lạ kia.

Những trò trêu chọc tinh nghịch này của thằng bé làm lão thấy vui vui, đã lâu không có đứa trẻ nào nghịch tự nhiên như thế với lão. Dễ ngon dễ ngọt và hứa hẹn đủ điều mãi, cuối cùng lão rũ được đứa bé về ở cùng. Sau đấy là những lời đối đáp giữa Jaganat và thằng bé:

- Cháu tên là gì?
- Nitai Pan.
- Nhà cháu ở đâu?
- Không nói.

1. Mảnh vải quấn quanh phần trên của thân dùng làm áo.

2. Dải vải hẹp và dài vắt qua vắt qua vai dùng làm khăn quấn cổ hoặc khăn mặt.

- Bố cháu là ai?
- Không nói.
- Tại sao cháu lại không nói?
- Vì tôi bỏ nhà đi.
- Tại sao cháu phải bỏ nhà đi?

Jaganat cũng nghĩ rằng cho một đứa trẻ như thằng bé đến trường là một việc tiêu phí vô ích, và bố nó phải là một kẻ ngu ngốc mới không nghĩ như thế.

- Này, cháu có thích về ở với ông không?

- Cũng được, - thằng bé nói. Và ngay lúc ấy nó về ở nhà Jaganat. Nó tự nhiên không có tí gì e ngại, cứ như nhà lão chỉ là cái bóng cây ven đường. Không những thế, nó còn đòi ăn, đòi mặc một cách thản nhiên, tưởng như nó đã trả tiền đầy đủ trước rồi. Và nếu không vừa ý điều gì là nó cãi nhau ngay với lão Jaganat trước kia vẫn dễ dàng bắt con cháu trong nhà phải vâng lời, nhưng đây là con cháu người ta nên lão đành chịu thua.

3

Dân làng ngạc nhiên thấy không ngờ Jaganat lại quý chiều thằng bé Nitai Pan đến thế. Họ cho rằng lão đã kể miệng lỗ và đau lòng nghĩ đến việc lão có thể bỏ lại hết của cải cho thằng nhóc con không biết là con cái nhà ai. Tức tối vì ghen tị, họ rắp tâm làm hại đứa bé, nhưng lão trông nom nó cẩn thận cứ như là một cái xương sườn mình.

Thỉnh thoảng thằng bé dọa bỏ đi, lão lại dỗ dành: "Ông sẽ để lại cho cháu tất cả tài sản của ông". Tuy còn bé, nó cũng đã hiểu hết ý nghĩa lớn lao của lời hứa đó.

Dân làng bắt đầu đi dò hỏi xem bố thằng bé là ai. Họ mũi lòng thương hại bố mẹ nó đang lo lắng đau khổ, và bảo rằng nó phải là một đứa trẻ hư lắm mới gây cho bố mẹ nhiều nỗi đau buồn đến vậy. Họ trút lên đầu nó những lời chửi rủa nhưng thái độ bức tức ấy chỉ biểu lộ lòng ghen tị nhiều hơn là một ý thức đạo lý.

Một hôm, Jaganat được một khách qua đường cho biết có người tên là Đamôđa Pan đang đi tìm đứa con trai đã bỏ nhà, và người ấy sắp đến làng này. Nghe thấy thế thằng Nitai rất lo, nó lăm le chực chạy trốn bỏ mặc chỗ của cải tương lai của nó. Jaganat dỗ dành cho nó yên tâm: "Ông sẽ giấu cháu ở một nơi không ai tìm nổi, kể cả dân làng này".

Lời nói đó khơi dậy trí tò mò của thằng bé. Nó hỏi:

- Ở đâu? Ông chỉ cho cháu đi.

- Ông chỉ cho cháu bây giờ thì người khác biết mất.

Đợi đến tối hăng hay.

Nitai hí hửng hy vọng sẽ biết được một chỗ trốn thật kín. Nó tính thầm trong bụng là đợi cho bố nó không tìm thấy và đi xa rồi, nó sẽ thách các bạn chơi trò ú tim và sẽ không có đứa nào tìm nổi nó. Kể thích đấy chứ? Cả bố nó nữa, có sục sạo khắp làng cũng không tìm ra, đấy cũng là một trò vui hiếm có.

Đến trưa, Jaganat nhốt thằng bé trong nhà, đóng cửa lại và đi đâu một lúc. Khi lão về, Nitai lẳng nhăng giục lão. Vừa chập tối, nó đã bảo:

- Ông ơi, ông cháu ta đi bây giờ chứ?

- Đã đến đêm đâu, - Jaganat đáp.

Một lát sau, thằng bé lại nhắc:

- Đêm rồi, ông ơi, ta đi thôi.
- Dân làng còn chưa đi ngủ, - Jaganat thì thảo.

Nitai chờ một lúc rồi lại giục:

- Họ đi ngủ rồi, ông ạ. Cháu tin chắc là họ đã ngủ cả rồi. Ta đi thôi, ông.

Đêm đã khuya, mi mắt thằng bé tội nghiệp trĩu xuống vì buồn ngủ, nó phải cố lắm mới thức được. Đến nửa đêm, Jaganat nắm lấy tay thằng bé dắt nó ra khỏi nhà, mò mẫm qua các đường làng tối đen chìm trong giấc ngủ. Không có một âm thanh nào lay động cảnh im lìm lặng lẽ, trừ thỉnh thoảng có tiếng chó hú xa xa hoặc tiếng chim đêm vỗ cánh hoảng sợ vì tiếng chân người vào giờ phút khuya khoắt khác thường này. Nitai rừng mình sợ, nắm chặt lấy tay Jaganat.

Hai người vượt qua nhiều quãng đồng, cuối cùng đến một khu rừng có một ngôi chùa đồ sộ, bên trong không còn thờ cúng gì nữa. “Sao, đây à!” Nitai thốt lên chừng hứng. Hoàn toàn không giống như nó tưởng tượng, chẳng có gì bí hiểm. Từ ngày bỏ nhà đi, nó đã nhiều lần ngủ đêm trong những ngôi chùa hoang như thế này. Chơi ú tim ở đây kể cũng hay, nhưng rất có thể các bạn vẫn tìm được.

Jaganat nhắc một phiến đá ở giữa nền nhà trong chùa, và trước đôi mắt kinh ngạc của thằng bé là một gian hầm, dưới hầm đốt một ngọn đèn. Sợ hãi và tò mò bóp nghẹt trái tim bé nhỏ của nó. Jaganat tụt xuống bằng một cái thang và Nitai xuống theo lão.

Nhìn xung quanh, thằng bé thấy toàn là những hình *gurat*¹ giữa phòng rải một tấm thảm *atxan*² để cầu kinh, và phía trước tấm thảm bấy la liệt nào son đỏ, nào keo đàn hương và hoa cùng những đồ tế khác cho lễ *Puja*. Để thỏa trí tò mò, thằng bé vục tay vào một vài bình, vốc lên những thứ đựng bên trong nó thấy toàn là những đồng *rupi* và đồng *môhua*³ bằng vàng.

Jaganat nói với thằng bé:

- Nitai này, ông đã bảo với cháu là ông sẽ cho cháu tất cả tài sản của ông. Ông không có nhiều - tất cả chỉ ở mấy cái bình *gura* này thôi. Ông sẽ giao cho cháu hết hôm nay.

Thằng bé nhảy cẫng lên mừng rỡ:

- Tất cả à! Ông không giữ lại một rupi nào chứ?

- Nếu ông làm thế - lão nói với giọng trịnh trọng - thì hủi sẽ ăn cụt bàn tay ông. Nhưng có một điều kiện: Nếu bao giờ cháu trai ông tên là Gokun Chandra hoặc con trai nó, cháu trai nó, chắt trai nó, hay bất cứ một đứa nào thuộc dòng giống nó mà qua đây thì cháu trao lại cho nó hoặc cho chúng nó hết tất cả những đồng *rupi* và đồng *môhua* này.

Thằng bé cho rằng ông già lắm cảm nói mê, nó đáp:

- Được được

- Vậy thì cháu ngồi lên tấm thảm kia, - Jaganat bảo.

1. Bình đựng nước bằng đất hoặc bằng đồng

2. Tấm thảm để quỳ cầu kinh

3. Đồng vàng thời trước bằng 15 rupi

- Để làm gì? .
- Để cháu nhận lễ *Puja*.
- Sao lại phải làm như vậy? - Thằng bé sùng sốt hỏi.
- Lệ phải như thế.

Thằng bé nghe lời ngồi xếp chân bằng tròn trên thảm. Jaganat lấy keo đàn hương bôi lên trán nó rồi đánh dấu son đỏ giữa hai hàng lông mày, quàng vào cổ nó một vòng hoa và bắt đầu đọc kinh *mantora*.

Ngồi ngay đơ như một ông thần nghe kinh *mantora* làm thằng Nitai tội nghiệp thấy bứt rứt. Nó khẽ gọi: "Ông ơi!".

Jaganat không đáp, cứ lầm rầm cầu kinh.

Cuối cùng, lão khó nhọc lê từng bình *gura* lại trước mặt thằng bé và mỗi lần bắt nó nhắc lại lời thề sau đây:

"Tôi xin long trọng hứa rằng tôi sẽ trao lại tất cả chỗ của cải này cho Gokun Chandra, con trai Brindaban Kundu, cháu nội Jaganat Kundu, hay cho con trai hoặc cháu trai, chất trai của kẻ tên là Gokum Chandra, hoặc cho bất kỳ ai khác thuộc dòng giống kẻ đó và là người thừa kế chính đáng".

Thằng bé phải nhắc đi nhắc lại mãi cho đến lúc nó mệt người đi, lưỡi bắt đầu cứng đờ trong mồm. Xong lễ, không khí trong gian hầm ngọt ngào vì khói ngọn đèn đất nung và thán khí của hai người thở ra. Thằng bé thấy miệng khô như rang, tay chân nóng giãy, nó gằn như nghẹt thở.

Ngọn đèn lại dần rồi tắt hẳn. Trong bóng tối đen kịt, thằng bé Nitai nghe thấy tiếng lão già leo thang lên miệng hầm: Hốt hoảng, nó hỏi:

- Ông ơi, ông đi đâu đấy?

- Ông đi về, - Jaganat đáp, - Cháu ở lại đây nhé, không ai tìm nổi cháu đâu. Cháu hãy nhớ lấy cái tên Gokum Chandra, con trai Brindaban Kundu, cháu nội Jaganat nhé.

Nói xong, lão rút thang. Giọng nghẹn ngào tuyệt vọng, thằng bé cầu khẩn:

- Ông cho cháu về với bố cháu, ông ơi.

Jaganat đặt trả lại phiến đá vào chỗ cũ, rồi lão quỳ xuống, áp tai vào phiến đá. Lão còn nghe thấy một lần nữa tiếng thằng bé gọi: "Bố ơi", rồi vọng lên tiếng một vật gì nặng đổ đánh bịch một cái, sau đó là im lặng như tờ.

Giao tất cả của cải vào tay thần giữ của xong, Jaganat bắt đầu phủ đất lên trên phiến đá, rồi chất gạch vụn và trát vữa lên. Lão còn trồng thêm mấy nắm cỏ lên trên. Đêm sắp tàn nhưng lão không dứt ra đi nổi. Thỉnh thoảng lão lại áp tai xuống đất lắng nghe. Lão thấy hình như từ trong lòng đất, vọng lên một tiếng rên rĩ. Lão thấy hình như tiếng kêu đó tràn ngập cả bầu trời đêm tối làm cả loài người đang ngủ ở khắp thế gian đều tỉnh dậy và đang ngồi trên giường lắng tai nghe.

Trong cơn mê sảng điên loạn, lão cứ xúc đất đổ lên cao mãi. Lão cố tìm cách bịt cái tiếng ấy đi, nhưng lão vẫn thấy văng vẳng tiếng gọi: "Bố ơi!".

Lão dùng xẻng phang hết sức vào chỗ đó một cái thật mạnh và nói: "Im đi, kẻo có người nghe thấy mất", song lão tưởng như vẫn còn nghe thấy những tiếng "Bố ơi".

Mặt trời đã chiếu sáng chân trời phía đông, Jaganat rời khỏi ngôi chùa ra cánh đồng.

Đến đây, cũng lại có kẻ nào đó gọi "Bố ơi". Giật mình, lão quay lại và thấy con trai lão đã đến cạnh lão. Bố ơi, - Brindaban nói - con nghe người ta nói thằng bé nhà con đang trốn ở nhà bố. Con phải đến lôi nó về.

Mắt tròn tròn, miệng méo xệch, lão già nhô người ra phía trước, hỏi: "Con mày?".

- Vâng, thằng Gokun nhà con. Nó bây giờ tên là Nitai Pan. Và con bây giờ cũng đổi tên là Đamôđa Pan. Tiếng tăm bố lan ra khắp các vùng lân cận nên con buộc phải giấu giếm gốc tích, kéo người ta không chịu gọi tên.

Lão già từ từ giơ cả hai tay lên quá đầu. Những ngón tay lão bắt đầu run run, xoáy vặn như thể đang cố cầm lấy một vật gì tưởng tượng trong không trung, rồi lão ngã vật ra đất.

Sau khi hồi tỉnh, lão kéo con trai đến ngôi chùa hoang. Vào trong chùa, lão hỏi con:

- Mày có nghe thấy tiếng kêu rên nào không?

- Không, con không nghe thấy gì cả, - Brindaban trả lời.

- Nghe kỹ xem. Mày cố nghe thấy tiếng ai gọi "Bố ơi" không?

- Không.

Nghe vậy, xem ra lão thấy nhẹ người đi rất nhiều.

Từ hôm đó, lão thường đi lang thang hỏi mọi người: "Ông có nghe thấy tiếng kêu rên nào không?". Mọi người đều cười lão già lẩm cẩm nói mê.

Khoảng bốn năm sau, Jaganat nằm trên giường hấp hối. Khi ánh sáng của thế giới này mờ dần trong đôi mắt

lão, và miệng thở mỗi lúc một khó nhọc trong cơn mê sảng, lão bỗng ngồi nhồm dậy. Vươn cả hai tay lên trời, lão như sờ soạng hai một vật gì đó và lầm bầm: "Nitai, đứa nào nhấc cái thang của tao đi đâu rồi?"

Không tìm được cái thang để trèo ra khỏi cái ngục tối tăm ghê sợ của lão, nơi không có ánh sáng để nhìn không có không khí để thở lão ngã vật xuống giường một lần nữa và biến đi vào cái xứ sở không sợ bị ai tìm thấy bao giờ trong trò chơi ú tim vĩnh cửu của thế gian.

Hoàng Cường dịch

QUA CẤP NHĨ TÂN

A Thành
Nhà văn Trung Quốc – Giải thưởng văn học Lỗ Tấn

Bạn tôi là Đồng Quân sắp sửa đi Vancuvơ¹.

Vợ và con cái anh đã sang bên đó định cư chính thức từ mấy năm trước. Vợ Đồng Quân là một cô gái lai giữa Âu và Á. Trong khoảng thời gian giữa và sau hai cuộc chiến tranh thế giới, những người lai như vậy ở Cấp Nhĩ Tân rất nhiều, có người lai Trung – Nga, Trung – Nhật, Trung – Ý, Trung – Pháp; có người lai lai Nga – Pháp, Ý – Đức, Đan Mạch – Mỹ ... đâu đâu cũng gặp. Anh bạn Đồng Quân của tôi không phải người lai. Trước kia, cái ý định đi Canada mới chỉ bất chợt lóe lên trong đầu anh ta thôi, vậy mà ngày nay, điều đó lại sắp trở thành hiện thực. Sự đan xen dòng máu và những bất hạnh cá nhân là những điều rất nặng nề.

Bị vợ con thúc ép liên tục, Đồng Quân cũng dự định di cư, song tôi vẫn có cảm giác là anh bạn tôi chưa có được quyết tâm cuối cùng. Anh chàng nói với tôi là sẽ sang Vancuvơ trước một chuyến để thử cảm giác xem sao đã...

1. Vancuvơ: Một thành phố thuộc miền Tây Canada – N.D

Rốt cuộc, quê hương vẫn là nơi không dễ gì có thể rời xa được.

Trước khi lên đường, kể như tiễn biệt anh ta, chúng tôi kéo nhau vào ngồi trong quán rượu đã sắp đóng cửa. Quán rượu ấy là nơi trước kia tôi với anh ta rất hay vào đó nhâm nhi.

Quán rượu này nằm sâu trong một ngõ vắng. Trong quán, toàn bộ trang trí nội thất hoàn toàn mang phong cách Êvenki¹. Những cái sừng hươu, những tranh khắc gỗ vẽ mặt theo kiểu dân tộc Tôtem, ăn mặc theo kiểu Samen, những cái trống, mô hình Xôlôvơ thu nhỏ, bát làm bằng vỏ bạch hoa, mũ đầu báo, quần áo da hươu, giày tạp dịch, bộ dây đi săn bắn, bàn ghế và cây cột thần tiên làm bằng gỗ bạch hoa, lại có cả các ngọn đuốc cắm chéo trên các rụ tường đang cháy rừng rực, vùn, vùn, khiến cho quán rượu – cả phê này chứa đầy không khí bí ẩn.

Sở dĩ tôi chọn nơi này là vì, ông bố Patơn của Đồng Quân là một người Êvenki. Chỉ có điều, quán này đã đến lúc sắp sập tiệm, ông chủ sắp sửa bỏ về quê, quê ông ở phía đông con sông Engôna trên ngọn núi Hưng An. Từ phía Bắc ngọn núi một con ngựa trắng đang đợi ông tới cuối.

Trong quán rượu, lần đầu tiên Đồng Quân kể cho tôi nghe về người cha và người mẹ đã mất của anh ta cùng với dân tộc Nêchitan đã bị tuyệt chủng từ lâu mà mẹ anh là một người thuộc dân tộc ấy.

1. Êvenki: Một tộc người thiểu số ở Nội Mông – Hắc Long Giang, ngôn ngữ thuộc họ Tungut.

Đồng Quân nói, tộc người Nêchitan là một dân tộc u uất. Người của dân tộc này không thích kết bạn, quanh năm ở trong rừng sâu, tự nhốt mình trong những căn nhà được dựng toàn bằng những cây gỗ tròn, xưa nay chưa hề có một mảy may những tâm trạng vui sướng. Hơn nữa họ vô cùng nhát gan, cứ y như một đàn hươu rất dễ dàng bị tao tác. Sự tiêu khiển duy nhất của họ là đến uống rượu ở một quán rượu ngay rìa làng, tựa hồ chỉ có làm vậy mới làm họ quên được hoàn cảnh hiu quạnh...

Tôi cười nói, anh bạn ạ, thực ra trong con người anh đã có hình bóng của dân tộc Nêchitan rồi đó.

Anh ta nói: Đúng thế.

Tôi hỏi: Mẹ anh còn chứ?

Anh trả lời: Mẹ tôi mất từ khi tôi còn rất nhỏ. Những người u uất thường không tài nào có thể kéo dài cuộc sống.

Nghe xong tôi thở dài não nuột.

Anh ấy nói, người Nêchitan cùng với các tộc người Êvenki, người Sách Luận, người Hách Triết, Người Mãn đều thuộc tộc người Tunguxơ cả. Những người này lại có nhiều đức tính quý là sắc sảo, dũng cảm, thông minh, hoạt bát, hào phóng, cơ thể rắn chắc, có tinh thần liều lĩnh mạo hiểm, trong khi đó, mặc dù cùng một tộc người như vậy song người Nêchitan thì lại khác hẳn, đã chẳng có niềm yêu thích nào, cũng chẳng có tí kỹ nghệ nào đáng tự hào cả, trạng thái tinh thần trước nay chưa bao giờ tốt đẹp cả, suốt ngày chỉ chìm đắm trong rượu cồn, bất kể đàn ông hay đàn bà, tình trạng sức khỏe thì hết sức kém cỏi...

Nghe anh ta nói vậy, tôi chả biết tham gia ý kiến gì cho phải, bởi riêng trong việc này, tôi chỉ là dân ngoại đạo.

Im lặng một lúc, bỗng Đồng Quân hỏi tôi Vancuvơ có quạ không?

Mấy năm trước đây tôi đã có dịp đi Vancuvơ.

Tôi nói với anh, trước hết nói về người Hoa ở Vancuvơ rất đông, sang bên đó, anh sẽ không cảm thấy đơn độc. Ngoài ra ở Vancuvơ, quạ là thần linh của thổ dân người Anhdiêng¹ ở đó, không những có mà chúng còn được bảo vệ rất tốt nữa là khác.

Đồng Quân nói, mình nghe nói người Anhdiêng rất giống với người Trung Quốc phải không?

Tôi nói, đúng thế, nghe đâu tổ tiên của họ trước kia là người Trung Quốc, vào triều đại nhà Ân, do một nguyên nhân mà người đời sau không được biết, họ đã bị bắt buộc phải xuyên qua eo biển Beerring sang Bắc Mĩ. Cụm từ Anhdiêng tức là Ânđiêng vậy. Nghe nói đó là một câu chào hỏi đối với vùng đất Indi này. Nhưng vì sao anh lại hỏi thế?

Anh ta bảo, ở Giang Bắc, nơi anh ta ở có rất nhiều quạ.

1. Người Anhdiêng (American Indians) cũng gọi là Idian, là cư dân bản địa châu Mỹ, thuộc đại chủng tộc Mônggôlôit, vốn từ châu Á di cư sang, bị người châu Âu khi xâm lược châu lục này tưởng lầm là người Ấn Độ hoặc người "da đỏ" và đã giết hại trên qui mô lớn – N.D.

* *

*

Nói đúng ra, Đồng Quân là một người cô độc, anh ta thích ngồi một mình, thích đi câu một mình, thích trồng cây, thích tưới hoa, xem sách, uống rượu một mình, mà người cô độc thì bao giờ cũng thích uống rượu. Nguồn thu nhập của anh ta chủ yếu nhờ vào việc cho thuê các cửa hàng ở Giang Nam. Cửa hàng ấy vốn là của vợ anh ta. Trước kia vợ anh ta đã từng mở một quán cơm tây ở đó. Cửa hàng ăn ra, làm nên, toàn làm các món ăn mang khẩu vị các nước Đông Âu. Vợ anh ta sẵn mang trong mình dòng máu Nga, nên chẳng cần phải hết lòng hết sức, hàng quán vẫn đắt như tôm tươi.

Tuy nhiên người đàn bà này lại không yêu chồng. Chị ta thường than thở với tôi rằng Đồng Quân, anh ấy u uất quá, ôi tôi đến đứt hơi vì anh ấy mất thôi.

Sau khi chị vợ đi Canada rồi, Đồng Quân bèn cho thuê cửa hàng đó. Anh ta ở miền Giang Bắc tỉnh mịch, nên anh ta không thích Giang Nam. Có điều, cuộc sống của Đồng Quân tiếng thế nhưng cũng rất xênh xang.

Trong giờ phút sắp chia tay, anh ta đưa cho tôi cả một chùm chìa khóa và bảo: A Thành ạ, cậu sang bên đó mà ở. Các thứ trong tủ lạnh ít nhất cũng đủ cho cậu ăn trong một tuần đấy. Ngoài ra trong chạn còn có hộp chè Long Tỉnh nữa, lấy ra mà uống. Ngoài ra ... anh ta có vẻ ngượng ngập, ấp úng....

Ngoài ra còn gì nữa?

Anh ta nói, ngoài sân nhà mình có để sẵn cái chậu gỗ, cậu nhớ hàng ngày giúp mình đổ ít thịt vụn và hạt cao lương vào đấy...

Để làm gì cơ?

Để nuôi lũ quạ.

Tôi nheo mắt nhìn anh ta và không nói câu gì.

Anh ta bảo: Cậu ở đấy mà viết lách thì tha hồ yên tĩnh. Nói xong, anh ta bỗng bật cười to như người mắc chứng thần kinh.

Xem ra, con tim anh ta hết sức mềm yếu.

Tôi nhận lấy chùm chìa khóa, bắt tay anh ta thật chặt, anh bạn, vui lên chứ!

Sau đó chúng tôi chia tay nhau.

Tôi biết, bản thân anh ta không hề muốn ra đi chút nào, mồ hôi trong lòng bàn tay anh ta nghe rất nặng. Bỗng dưng đem vất một con người từ một môi trường quen thuộc, ăm ắp những tình cảm nồng nàn, vứt sang một nơi đất khách quê người lạ hươ lạ hoắc, đó không phải là một việc khiến tâm trạng con người ta thư thái.

Mùa này đang là mùa thu, mưa dầm dề kéo từ ngày này sang ngày khác, mới từ sáng sớm, đường phố đã bị bao phủ bởi một lớp lá cây vàng ươm vừa rụng xuống, trong khoảng không giữa đất và trời hiện ra một điệu khuê tình ca vô cùng buồn bã. Sau khi chia tay nhau, tôi đi ngược lại hướng con đường anh ta ra đi. Tôi biết, giờ này, phút này muôn vàn sợi mưa thu đã khiến cho sự trông ngóng giữa hai con tim tôi và anh ta trở nên nhạt nhòa, mờ ảo. Chắc chắn rằng, chiếc máy bay chở Đồng

Quân đi, giờ này đã cất cánh bay lên trong màn mưa dày đặc. Mong rằng, bên trên tầng mây mưa xám xịt ấy, ánh mặt trời chói lọi, sẽ đem lại cho anh một tâm trạng vui vẻ hơn.

Anh con trai của người dân tộc Néchitan như thế đó.

Trong thập kỉ năm mươi, tôi và Đồng Quân cùng học với nhau trong trường tiểu học Giang Diên; anh ta ở Giang Bắc, hằng ngày ông bố phải chèo thuyền qua sông, đưa đón anh ta từ nhà tới trường và từ trường về nhà. Tôi còn nhớ, trên cổ Đồng Quân lúc nào cũng đeo một cái túi da hươu, bên trong đựng một cái mặt người bằng gỗ. Nghe nói, râu ria của bức tượng mặt người đó được dán bằng lông gấu. Đó là một bộ bùa hộ mệnh. Cho mãi tới sau này tôi mới biết, đó là phong tục của người Êvenki.

Ở thập kỉ năm mươi, trong thành phố này thường trông thấy những người thiểu số như Cát Nhĩ, Ngọc Lâm Xuân, Mông Cổ... các dân tộc này, người nào cũng đeo trên mình một lá bùa hộ mệnh với các hình dáng hết sức khác nhau.

Ngay hồi ấy, Đồng Quân đã là một cậu bé thâm trầm và ít nói. Rất nhiều năm sau tôi tình cờ gặp lại Đồng Quân ngay trong quán cơm tây của vợ anh ta. Do vậy tôi thường đến quán cơm tây của anh ra, hoặc đến các quán rượu – cà phê do ông già Êvenki đó mở, ngồi với nhau, uống với nhau chén rượu và cùng nhau kể lể sự đời. Tuy nhiên, trong những trường hợp bình thường, anh ta rất ít nói.

* *

*

Tôi siết chặt tấm áo badơxuy đi về phía nhà tôi. Tôi phải về chuẩn bị một chút, tối nay đã phải sang ngủ bên nhà Đồng Quân rồi. Biết đâu, cũng như Đồng Quân đã nói, thời gian này, lòng tôi có thể tĩnh lặng lại để viết nên một cái gì đó chẳng.

Mưa thu dầm dề vẫn đang giăng không ngớt.

* *

*

Bốn giờ chiều tôi xách túi hành lý ra khỏi nhà, vẫy một chiếc taxi sang Giang Bắc tìm nơi ở của Đồng Quân.

Trên xe taxi, cái gạt nước liên tục gạt những giọt nước mưa xối xả giáng xuống tấm kính chắn. Các tòa nhà hai bên phố bị mưa thu tắm cho ướt rượt. Đồng Quân ơi! Từ mặt đất này, A Thành chúc cho anh thuận buồm xuôi gió.

Xe taxi dừng lại ở bến đò Cửu Trạm. Tôi xách túi hành lý xuống xe, tụt xuống mặt đê để lên đò.

Mặt sông mờ mịt bởi mây mưa, gió trên mặt sông thổi vào cát da cát thịt, xem ra, mùa thu muộn lạnh lùng cũng đã sắp kết thúc.

Trong quán rượu của ông già người Êvenki, tôi đã nghe Đồng Quân nói: Ngày xưa cứ vào tháng năm hàng năm, trên bãi sông Tùng Hoa người ta lại mở "Chợ trời". Rất nhiều dân tộc thiểu số từ khắp các nơi đã đi vơ hoặc đi đường thủy kéo nhau tới chợ. Đồng Quân nói, vào

những ngày mở “Chợ trời” như thế, trên bãi sông Tùng Hoa, hàng da lông thú chất cao như núi, bò ngựa ngút mắt, người ta vạch đường trên bãi cát làm ranh giới, bày tất cả các mặt hàng họ mang tới như da sống, cá, lâm thổ sản, dược liệu, da chồn, các loài thú săn bắt được như linh miêu, rái cá, sóc xám ... cùng các hàng mỹ nghệ bằng vỏ cây bạch hoa... để mua bán trao đổi, lấy về những thứ mà người ta cần, như súng kíp, muối, rượu, chè, dầu tây, lụa, lương thực ...

Đồng Quân nói, hồi đó trên bãi sông đầy rẫy những “xô lô zơ” và “sào tổ tông”. Trên ngọn cây “sào tổ tông” đó người ta buộc một túm lông sóc, bên trên có một thanh gỗ xuyên ngang, một đầu găm một cái chong chóng con làm bằng gỗ, tự quay theo gió, đầu kia găm một ngọn đèn gió. Đêm đến, gió sông thổi, ngọn đèn gió lắc lư, nước sông cuốn réo, trời đất và con người vừa vắng lặng lại vừa thiêng liêng.

Đồng Quân nói, cha và mẹ của anh đã kết nối nhân duyên với nhau trong hoạt động “chợ trời” như vậy. Sau khi chợ tan, mọi người ra về cả, nhưng đôi nam nữ thanh niên đó đã cùng nhau ở lại, săn bắt để sinh sống.

Nhưng ngày nay, cái cảnh tượng “chợ trời” diễn ra trên bãi sông năm xưa qua sự miêu tả của Đồng Quân, đã tiêu tan như một giấc mơ, tất cả đã đô thị hóa.

Chiếc ca nô chở khách qua sông, khách không mấy nổi. Tôi châm một điếu thuốc, đứng hút một mình, khoang thuyền sặc sụa mùi dầu ma dút, người phải bị sặc, có người bật ho. Cửa kính khoang thuyền bị một lớp sương mù trắng đục như sữa che lấp. Lớp tôn trên nóc ca

nô bị những giọt mưa gõ đập liên hồi lúc khoan lúc nhặt theo nhịp gió lùa trên mặt sông. Lúc đó đã khiến tôi nhớ lại các bài hát của người Êvenki mà ông chủ quán rượu nô vẫn thường hay hát.

*Dòng sông bạc Yaruchang Pu
Sóng như vẩy cá nhấp nhô nhấp chồn
Sông Tùng Hoa sáng như gương
Nhấp nha nhấp nhánh cánh vàng mênh mông
Mỗi khi nhắc đến tên sông
Quê hương khắc khoải trong lòng Êvenki
Ngựa hồng dựng vó lên phi
Ông cha - dấu ấn từng ghi chốn này.*

Ngồi trong khoang ca nô, không nhìn rõ những tòa nhà cao tầng hiện đại đứng sừng sững trên bờ nam sông đang xa dần, chỉ nghe thấy tiếng con thuyền rẽ nước, cùng với tiếng còi buồn thảm rít lên.

Ông thuyền trưởng lăm bắm một mình, rằng con sông này sau khi vào đông đóng băng cứng lại, ca nô này chắc cũng cho vào kho phế phẩm thôi. Tiếp đó ông ta không nén nổi buồn rầu nói: Cái ca nô này trước đây đẹp lắm chứ! Nó đã trở đi trở lại trên con sông này già nửa thế kỷ rồi, sau này sẽ không bao giờ có ca nô đẹp như vậy nữa.

Quả thực cái ca nô màu sữa này đi lại trên dòng sông giữa lúc mưa thu thế này, trông rất giống với một bức tranh sơn dầu. Thật không ai dám nghĩ tới một bức tranh đẹp thế mà vẫn có lúc bị tiêu tan.

Ông thuyền trưởng nói, chỉ mấy hôm nữa thôi là con sông Tùng Hoa này sẽ có băng tảng trôi đầy. Thực ra đến giờ, trong nước sông cũng đã có băng tảng trôi rồi, các vị không nhìn thấy cũng là phải thôi, tảng nào cũng trong suốt như những lưỡi dao sắc lạnh trôi trong nước, hễ ca nô chạm phải là vỡ tan tành. Cái canô này của tôi đã bị thương tích đầy mình... Ôi! Dù sao cũng sắp đến lúc tôi phải nghỉ hưu rồi.

Trên canô không có ai lên tiếng đáp lời, chỉ nhìn bóng lưng của ông thuyền trưởng đang lái canô. Một con quạ đậu mãi trên mũi ca nô

* *
*

Ca nô đã cập bến, lên bờ tôi lên một cái xích lô máy vẫn đứng đợi khách ở bờ sông. Trên xích lô có mái che mưa đơn giản bằng vải bạt, hành khách bên trong có thể được che gió che mưa. Sau khi nghe tôi nói địa chỉ nơi tôi cần đến, anh lái xe quay lại nhìn tôi rất kĩ. Tôi lấy tay ra hiệu, bảo tôi là bạn của Đồng Quân.

À ra thế! Anh lái xe “à” lên một tiếng rồi bắt đầu cho xe chạy.

* *
*

Bên bắc bờ sông Tùng Hoa, cư dân thưa thớt, chỉ thấy lơ thơ mấy nhà trên tuyến sát bờ sông. Rõ ràng ở nơi đây, các hộ đều quen biết nhau, nếu không thì anh lái xe

chả thể biết được cái anh chàng Đồng Quân đó. Những ngôi nhà đó đại bộ phận là nhà cũ hoặc nhà gác cũ mà người Nga đã vứt bỏ từ lâu do chỗ ở sát bên bờ sông, hoặc con sông chia làm nhiều nhánh, nên gia đình nào cũng có một chiếc thuyền tam bản. Những chiếc thuyền này thường buộc ven sông suốt ba mùa xuân, hè và thu, mãi đến mùa đông nhà nào nhà nấy mới đem về gác lên mái nhà hoặc xếp gọn vào gian chái.

Đồng Quân nói, khi anh ta còn bé ban đêm thường cùng cha chèo thuyền ra các nhánh sông. Dưới ánh trăng bạc, mặt sông phẳng lặng như gương, hai mái chèo sục mạnh xuống nước, mũi thuyền dềnh lên đập xuống, cá dưới sông sợ hãi nhảy vọt lên cứ thế lao vào thuyền, cá chuối, cá quả, cá rô, cá chày, cá măng...mỗi chuyến phải được hơn chục cân. Mỗi khi thuyền chèo ra đến giữa sông bao giờ cha cũng bảo anh: con ạ, hãy uống lấy ngụm nước giữa dòng này đi, nước rìa bờ đàn bà con gái người ta ra giặt giũ bẩn lắm. Vậy là Đồng Quân lại cúi xuống, lấy hai bàn tay chum lại vục nước lên uống, nước chỗ này ngọt lắm, Đồng Quân bảo anh ta còn nhớ có lần cha bảo:

- Con ạ! Mai kia khi nào ta chết, con hãy đặt thầy cha lên cái thuyền này cho nó trôi xuôi theo dòng, là thế nào nó cũng trôi xuống tận Hắc Long Giang cho mà xem. Cha nói với anh ta, trên lưu vực các con sông Yaguchangpu, Azôn, Gơ ni, Jô min, Mô kha tu, Thơ ni, Pen xơ, Kim Hà đều có các bộ lạc người Êvenki. Người Êvenki hay chọn nơi nào gần nước để sinh sống. Tuy nhiên, Đồng Quân đã không làm thế. Anh muốn để cha anh lại làm bạn với

người mẹ mất sớm của anh. Đồng Quân bảo, đôi khi cha cho thuyền cập đảo mặt trời. Để xin muối, hai cha con phải nhóm lên đó một đồng lửa trại. Cha nói cho anh nghe về các điệu múa Nukha, Apôkhan, Aikhataxilâng, điệu múa vật nhau với lợn lòi...của người Êvenki. Cha anh bảo các điệu múa đó đều nhảy về ban đêm, người trong bộ lạc tụ tập cả ở bên sông, bảy tám người hoặc vài chục người nắm tay nhau thành một vòng tròn, vây quanh đồng lửa, chuyển động theo chiều quay của mặt trời vừa hát vừa múa, suốt cho đến sáng... Đồng Quân bảo mỗi lần như thế, bao giờ cha cũng bật lên nhảy và hát rằng:

*Gặp nhau đây quý hơn vàng
Anh chị em cứ nhảy tràn cung mây
Nữa rồi lại sắp chia tay
Cầu mong hạnh phúc giở đầy thú săn
Trùng phùng hạnh phúc bao năm
Vui say ta nhảy thâu đêm mặn mà
Vui say mặc sức hát ca
Hát không hay chẳng sợ ma nào cười
Bàn chân xoáy bụi tung trời
Lún sâu mặt đất mồ hôi đầm đìa
Hát lên đi, múa lên đi
Cái lưng uốn thẳng, tay thì vung ra.*

Sau khi cha chết, Đồng Quân mai táng cha dưới gốc cây du lớn sau vườn nhà, mẹ anh đã được mai táng ở đấy từ trước. Đồng thời cũng chôn theo những thứ theo

phong tục của người Êvenki bắt buộc phải có là một con dao, một cái đỉnh ba và một đôi đũa.

* *

*

Anh xích lô máy vừa lái xe vừa nói, anh Quân bảo anh là nhà văn.

Tôi bảo: Sao cơ? - Anh ấy nói với anh cả về tôi sao?

- Anh ta bảo vậy! Anh đến ở đây thì anh ấy yên tâm rồi. Lũ quạ của anh ấy chắc chắn sẽ có người chăm sóc.

Tôi cười, chết tiệt té ra lại là như thế.

Anh xích lô nói! Cái anh Đồng Quân này tốt lắm, chỉ phải tội anh ấy hơi lập dị. Chắc điều đó liên quan đến việc anh ấy lấy phải một cô vợ Nga chẳng?

Tôi bảo, cô vợ Nga của anh ta nói tiếng Hoa xuya lắm!

Anh xích lô nói, hai việc khác hẳn, đó là hai việc khác hẳn nhau. Vợ anh ta vô cùng hoạt bát, hay hát lại hay cười. Còn anh ta suốt ngày ỉu xìu xìu, chỉ thích nói chuyện với lũ quạ. Nói tóm lại, gà và vịt không nhốt chung vào một được. Anh xích lô vừa nói vừa lắc đầu liên tục.

Tôi nói, ối dào, mỗi rắn mỗi đuôi, mỗi người mỗi tính.

Anh xích lô nói, anh Quân đã bảo em rồi, anh mà cần đến thứ gì như là rượu, thuốc lá chẳng hạn, cứ bảo em một tiếng em sẽ mang về cho anh. Ở đây hàng hóa không dễ mua như ở bên Giang Nam các anh, nhất là

khi nào trời lạnh, dò ngang ngừng chỗ, đường lại khó đi, trời thì rét, ra khỏi nhà đi tít mù tấp mới mua được bao thuốc về, chả bỏ, của đáng tội.

Tôi nói, xin cảm ơn. Tối khi đó thế nào tôi cũng phải phiền đến anh.

Chiếc xích lô máy ngoặt vào một con đường nhỏ lát đá vuông phủ đầy lá khô là dẫn đến nhà của Đồng Quân.

Nhà Đồng Quân là một ngôi nhà một sân, một cửa, là nhà mái ngói ghép gỗ, trát đất theo phong cách Nga cổ xưa. Cái sân bên trong hàng rào ngập ngụa những lá rụng ướt nhoen nhoét. Sao người mới rời khỏi nhà một ngày mà ngôi nhà đã trở nên hoang sơ lạnh lẽo thế? Chả lẽ lại là cây cỏ nặng tình sao? Chung quanh nhà rất nhiều cây du. Dây đó cũng xen kẽ vài cây bạch hoa, có cảm giác nơi đây như một cánh rừng mini. Trên cành cây du có rất nhiều ổ quạ. Tôi nghĩ bụng, những cái ổ này liệu có qua nổi mùa đông không đây?

Khi chiếc xích lô máy dừng trước cửa sân bên cạnh hàng rào, mấy con quạ đậu trên ngọn hàng rào giật mình bay vụt đi. Tôi để ý thấy trên cánh mấy con quạ lóe lên thứ ánh sáng màu biếc. Tôi còn phát hiện ra trên nóc ngôi nhà này, trên đỉnh ống khói, đang đây những quạ là quạ. Tôi thoáng nghĩ, tội này ắt hẳn đối mềm rồi đây.

Anh xích lô hỏi: Anh ở đây một mình có thấy sợ không?

Tôi bảo, không sao, tôi thường đi du lịch ở ngoài một mình quen rồi.

Anh xích lô nhận tiền xe, để lại cho tôi số di động rồi nổ máy lái xe đi.

Tôi mở cổng bước vào bên trong.

* *

*

Trong nhà cũng khá.

Trên một mặt tường treo đầy những vật nom hết sức kì lạ: Bộ cung tên với những mũi tên bằng xương, dao đá, túi làm bằng da cá, cái ván trượt băng giản đơn tự tạo, cái đỉnh ba, ngọn đuốc, cái yên hươu, bộ quần áo da nai, cái tẩu hút thuốc có cái cán rất dài, dao, những súc gỗ nửa mảnh vẽ mặt mũi vị sơn thần bằng tiết hươu, túi đựng thuốc sợi và cái kẹp tiền làm bằng da báo biển. Lại còn từng hàng những tượng người nhỏ, mấy cái ở hàng trên làm bằng tôn mỏng, mấy cái ở hàng dưới làm bằng lá đồng thau, và khâu trên tấm vải mộc nhuộm màu xanh. Tất cả những thứ này chắc hẳn là đồ dùng của người Êvenki, tôi trộm nghĩ, trong đó rất có thể có cả vật phẩm của người Nêchitan. Đồ dùng của một dân tộc, vẫn luôn như thế cái bóng của một con người, con người đi đến đâu thì bóng của họ đi theo luôn tới đó.

Cái lò sưởi liên tường kiểu cũ ở trong nhà rõ ràng là vẫn đang dùng. Bên cạnh cái lò sưởi đó, tôi thấy hai đồng củi mới chẻ mà Đồng Quân đã sắp sẵn cho tôi. Tôi nghĩ, vợ đi nước ngoài nhiều năm, mình anh ta ở lại trước cái lò sưởi này, để làm bạn với bao thứ đồ trang sức không lời, không tiếng, chắc chắn anh ta rất đơn độc.

Nhưng điều làm tôi hài lòng nhất là cái bàn viết kiểu Nga làm bằng gỗ cây Cao An chỉ cần có nó thôi là đủ! Cảm ơn nhé, tôi nói lảm bảm một mình.

Cởi bỏ áo khoác xong, tôi đi tìm chỗ thức ăn nuôi quạ. Anh ta đã sắp sẵn cho tôi đầy một thùng gỗ to. Quả không còn gì phải lẩn tẩn nữa. Mặc kệ, hãy cứ tôn trọng thói quen của anh ta đã. Tôi xúc lấy một ít, đội mưa ra ngoài sân, đổ chỗ thức ăn đó vào cái chậu gỗ để sẵn ngoài sân. Lúc này, lũ quạ đậu trên ngọn cây, trên mái nhà và trên ống khói lũ lượt bay xuống, lợi dụng ánh sáng chiếu ra từ cửa sổ, xúm xít chung quanh cái chậu gỗ đó và bắt đầu ăn. Tất cả đều câm lặng, không có vẻ gì là tranh cướp lộn xộn, chỉ thỉnh thoảng mới có vài tiếng quạ kêu.

Quay trở lại trong nhà, trước tiên tôi xuống bếp, đun ít nước sôi trong cái ấm sành kiểu Nga, lục trong chạn tìm thấy hộp chè Long Tỉnh, đem pha nước. Sau đó mở túi hành lý lấy máy tính xách tay ra, bắt đầu viết.

Điều đó, mẹ kiếp là cái định mệnh của một con người, bản thân tôi vừa không tài nào giải thích nổi, cũng không sao chống lại được.

Ngoài trời mưa thu vẫn đang rơi sùnn sượt, tiếng gió trên mặt sân gầm réo rất to, tiếng mưa rơi và tiếng những tàn lá bị hạt mưa quét rào rào đan xen vào nhau, tựa hồ bên ngoài mưa to như trút. Rõ ràng ở Giang Bắc gần gũi thiên nhiên hơn, chẳng trách Đồng Quân chẳng muốn xuống Giang Nam tí nào.

Tôi đang viết một bài nói về lịch sử Cáp Nhĩ Tân. Tôi phải hết sức tranh thủ thời gian viết bài này, bởi vì

trong vòng mấy năm qua, thành phố thay đổi nhanh quá, cứ như thể những màn trình diễn thời trang, nếu không tìm cách nhanh chóng ghi chép lại những điều tai nghe, mắt thấy cũng như những cảm nhận được thì rồi chúng sẽ trôi tuột đi mất. Nên biết rằng, sáng tác văn học mà chỉ dựa vào trí nhớ và tình cảm trong thời thơ ấu là chưa đủ. Sự đích thân trải qua trong lịch sử dẫu là phiến diện, song rốt cuộc vẫn là đích thân trải qua.

Lẽ dĩ nhiên, tôi cũng rất cần đến nhuận bút để duy trì cuộc sống của bản thân và gia đình. Làm người đàn ông chỉ sống thôi đã đủ vất vả lắm rồi.

Mưa đang rơi, gió đang rít, dòng sông đang trôi và lịch sử cũng đang trôi, và tôi ngồi viết văn bằng cách gõ tay trên bàn phím. Đó là hình ảnh một nhà văn ghi chép trong một thành phố nhỏ nhoi và không ai để ý.

* *

*

Vào lúc nửa đêm, tôi nghe có tiếng gõ cửa.

Tôi nghĩ, có khả năng anh chàng Đồng Quân này thay đổi ý định rồi chăng?

Anh ta vốn là người hay tạm thời thay đổi ý định như vậy. Tôi đã từng được nghe chính miệng người vợ lai Âu Á của anh ta nói, Đồng Quân ở nhà thường hay có tật sắp xếp lại đồ dùng, hôm nay đặt cái bàn này ở đây, ngày mai lại chuyển cái giường ra chỗ khác, kể cả những vật trang trí treo đầy trên tường, cũng không ngừng bị anh ta di chuyển. Vợ anh ta nói: A Thành ạ, anh đừng có

cho Đồng Quân là người thực thà nhé, anh ta quá thích thú với vai trò mèo chuyển con, bản thân tôi cũng bị anh ấy xoay xở sắp phát điên lên đây này.

Điều đó lẽ nào lại là đặc điểm của người Êvenki sao?

Mà anh chàng này quay về bằng cách nào nhỉ? Sông Tùng Hoa ban đêm làm gì có đò? Chỉ có mỗi cách cậu ta phải đi đường vòng rất xa, đi bộ qua cầu Tân Giang mà về thôi. Tôi nhớ có lần anh ta đã kể cho tôi nghe chuyện anh ta đi qua cầu Tân Giang về nhà vào ban đêm. Tôi còn nói với anh ta, sao vợ cậu không có ở trong nước, mà cậu cứ nằng nặc đòi về bằng được thế? Ngủ lại Giang Nam một đêm không được sao? Nay xem ra anh ta lại không yên tâm với lũ quạ đang nhao nhao vì đói khát này chứ gì. Lẽ dĩ nhiên người ta ở đời cũng rất cần phải quan tâm đến một cái gì đó, thế mới gọi là cuộc sống nồng đượm chứ.

Tôi mở cửa. Một người đàn ông lùn lẹ lẫm đứng ngay trước mặt tôi.

- Chào anh! Ông ta nói.

- Vâng, xin chào anh!

- Ông ta nói, xem ra anh chính là người bạn đó của Đồng Quân rồi.

- Ông là?

- Tôi cũng là bạn của anh ta. Tôi ở gần đây. Anh ta chưa nói gì với anh về tôi sao?

- Tôi hơi mỉm cười nhìn ông ta.

- Nhưng không sao, ông ta nói.

- Vừa nói, ông ta vừa bước vào trong nhà.



Ông ta nói, tôi lại mất ngủ, thấy trong phòng anh vẫn còn đèn, nên tôi định sang đây tán gẫu với anh một lúc. Không làm phiền anh chứ?

Tôi nói, có gì mà phiền, không sao cả đâu.

* *

*

Người đàn ông lạ này tuy không vạm vỡ lắm, nhưng thân thể rất rắn chắc, khuôn mặt hơi bẹt, xương gò má rộng, cái cằm hình chiếc niêm rộng mà nhô ra, sống mũi thì ngắn mà hai lỗ mũi lại toang hoác ra, môi dày, tóc dày mà cứng, ria mép và râu cằm thưa thớt, mặc một cái áo ba đồ xuy dạ kiểu cũ. Cái kiểu ăn mặc không hợp thời trang như vậy xem ra có vẻ cổ lỗ sĩ. Tất nhiên nếu muốn tất cả mọi người trong thành phố đều phải triệt để đổi mới, vẫn cần phải có thời gian.

Tôi phát hiện ra, sắc mặt ông ta không tốt lắm, trắng bệch, hơi có vẻ tiêu tụy, trông mắt vẫn những tia máu đỏ ngầu, nhìn thoáng qua cũng biết là người mất ngủ điển hình. Chỉ có điều trong phút chốc tôi chưa thể đoán ra được ông ta rốt cuộc vào tầm bao nhiêu tuổi.

Tôi pha cho ông ta một cốc trà¹ và hỏi, có cho đường vào không?

1. Phong tục tiếp khách của người Trung Quốc thường không dùng ấm chén, bỏ chè khô vào cốc sứ hoặc thủy tinh có nắp đậy rồi rót đầy nước sôi vào, đậy nắp đưa cho khách, khách thường lấy nắp gạt nhẹ bã chè lên phía trên rồi xoay xở tìm cách uống nóng, nếu không phải chờ đợi trong một thời gian tương đối dài cho nguội bớt mới uống được trà - N.D

Ông ta xua xua bàn tay.

Ông ta đón lấy cốc trà, ngoẹo đầu xem những dòng chữ hiện lên trên màn hình máy tính xách tay của tôi, hỏi, anh đang viết văn đấy à?

- Vâng, để lấy nhuận bút.

- Viết về lĩnh vực nào đấy?

Tôi nói, về những vấn đề liên quan đến lịch sử thành phố này...

Ông ta nói với giọng đầy cảm khoái, rằng đầu nguồn lịch sử của một thành phố cần phải bắt đầu từ những câu chuyện thần thoại, lịch sử Cáp Nhĩ Tân cũng thế cả thôi.

Tôi nghe ông ta nói, bất giác giật mình kinh ngạc.

Ông ta nhấp một ngụm trà, bỗng hỏi tôi, anh có thích quạ không?

- Thích, tôi nói.

Ông ta than thở, quạ đã từng là tổ tiên của cái thành phố này của chúng ta đó, anh viết văn thì phải bắt đầu từ đó.

Tôi nói, điều này đối với tôi quả thực là hiếm có chưa từng thấy.

Ông ta nói, bây giờ chẳng còn ai nhớ tới chúng nữa.

Tôi nói, nhưng anh Đồng Quân của tôi lại rất thích quạ.

Ông ta nói, Đồng Quân thì lại có một tình cảm hết sức đặc biệt đối với quạ. Phải rồi anh viết bài văn này mà không nhờ anh Quân chỉ bảo thêm cho sao?

Tôi cười nói, anh ta không có hứng thú gì với việc sáng tác văn học của tôi cả.

Ông ta nói, anh cho là vậy à?

Vừa nói, ông ta vừa đứng dậy xem những thứ trang trí trên tường.

Ông ta nói, viết về lịch sử cái thành phố này, anh cần nhờ anh Quân chỉ bảo thêm cho. Dân tộc của anh ta Dân tộc Êvenki, là một trong những ông tổ của cái thành phố này đó. Anh xem đây, lịch sử của thành phố này, đa phần đều đã được treo trên mặt tường này rồi đây này, lại còn lịch sử của cái dân tộc Êvenki đã mất đó nữa.

Tôi bảo, mẹ của Đồng Quân chính là người Nêchitan.

Ông ta nói, đúng thế, Đồng Quân rất giống mẹ.

Tôi nói, anh cũng biết mẹ của Đồng Quân sao?

Ông ta nói, vâng, đúng vậy, tôi và bà ta là hàng xóm lâu năm.

Tôi hỏi, vậy ông là người dân tộc nào?

Ông ta nói, dân tộc Êvenki.

Tôi hỏi, Êvenki có nghĩa là gì?

Ông ta nói, “Êvenki” có nghĩa là “những người sống trong núi cao rừng thẳm”. Họ không có chữ viết, trong các sách cổ có nói, họ ở tản mát trong các hang núi, có tài săn bắn, bắn được cả gấu, hổ, tê giác. Hơn nữa, âm thanh của người Êvenki phát ra, nghe mượt mà, tròn trịa, rất giống với người kinh thành.

- Ông nói là giống tiếng Bắc Kinh ấy à?

Ông ta nói, đúng thế. Nước uống của họ đa phần là sữa lạc đà, sữa bò, sữa ngựa, hơn nữa mọi người đều thích hút thuốc...

Tôi nói, quên mất, ông có hút thuốc không?

Ông ta nói, không. Cảm ơn.

Tôi nói, tôi chỉ biết người Êvenki thạo về việc thuần dưỡng hươu. Tôi đã từng được uống rượu tiết hươu ở một quán rượu do người Êvenki mở. Tôi nghĩ, Cáp Nhĩ Tân chắc chắn không phải là quê hương đầu tiên của họ chứ?

Ông ta nói, quê hương đầu tiên của người Êvenki ở sông Lơna cơ. Con sông Lơna rộng lắm, chim bay không tới được bờ bên kia. Người Êvenki vốn rất hiền lành và đoàn kết. Trong bộ lạc người Êvenki có câu nói thế này: “Đầu có sứt cũng sứt trong mũ” “Chân có đứt cũng đứt trong ống quần”. Đối với khách khứa, họ hết sức nhiệt tình. Người Êvenki nói “Người ngoài có đến cũng chẳng ai khiêng được nhà cửa của ông đi, ông có ra ngoài cũng chẳng thể công nổi nhà cửa ông đi. Nếu không tiếp đón khách khứa cho tử tế, ông có ra ngoài cũng chẳng có ai ở ề gì đến ông cả!”

Tôi cười nói, tôi thì tôi chưa bao giờ thấy được cái nhiệt tình đó trong con người Đổng Quân, anh ta cũng chưa bao giờ mời tôi tới nhà chơi. Lần này sở dĩ anh ta để tôi tới trông nhà cho anh ta, chính là muốn nhờ tôi nuôi hộ anh ta lũ quạ.

Ông ta nói, có lẽ anh nói đúng, dù sao trong con người Đổng Quân cũng có một nửa dòng máu người Nêchitan, mà người Nêchitan thì không thích giao tiếp. Nhưng người Êvenki thì lại khác, khách tới nhà người ta có thể



hiến dâng cho khách cả thịt ức, thịt thăn lẫn lòng của hươu, nai cùng món sữa hươu thuần dưỡng để khách thưởng thức.

Tôi nói, vậy dân tộc này đã tới nơi đây như thế nào?

Ông ta nói, họ đã vượt qua những dòng sông chảy xiết ở Nội Mông, theo dòng Encôna, sông Cấn, sông Hải Lan, sông Jômin, sông Arôn, sông Yarchangpu, xuyên qua bức tường Thành Cát Tư Hãn...

Tôi nói, bức tường biên của Thành Cát Tư Hãn ư?

Ông ta nói, đúng vậy. Bức tường biên đó trước đây xây toàn bằng đá, thế đi của bức tường biên Thành Cát Tư Hãn gần như ngang với ngọn Đại Hưng An. Họ ven theo tả ngạn sông Cấn đi về phía tây, mãi đến cửa sông, lại ven theo dòng Encôna, vượt qua thành Sách Luân thẳng tới Tê Tê Cáp Nhĩ, sau đó đến vùng Cáp Nhĩ Tân.

- Đi xa thế chắc chắn phải khổ cực lắm.

Ông ta nói, tất nhiên rồi. Lang, sói, hùm, beo chả cần phải nói. Suốt dọc đường, những đầm ao lầy lội, những khe núi thác bay, những ngọn núi hiểm trở, những đường sông quanh co, khúc khuỷu, trên những con đường tưởng như đã bị bịt kín, mọi người trong bộ tộc đã phải đi ngược dòng như con ốc sên, cứ thế ra đi. Có khi trên đầu là những đám mây mưa dày đặc, những con mồi hút máu, muỗi, ruồi trâu, y hết những đám mây dày đặc lao thẳng vào những con ngựa, hươu thuần dưỡng. Khi qua sông một chiếc xuồng gỗ mới, mỗi chuyến cũng chỉ chở được một chiếc xe, nước lại chảy xiết như vậy, hết sức nguy hiểm. Nhiều khi dừng nói, người cũng chẳng có cái cóc khô gì mà ăn, nguyên cả hàng đàn én

mưa đuôi nhọn cũng xông bừa ra giữa trời mưa mà tìm bắt côn trùng... vả lại họ chỉ có thể đốt đuốc đi đêm được thôi. Chỉ có ban đêm những con hươu thần dưỡng mới có thể chỗ được đồ.

Tôi nói, nếu vậy thì khổ quá! Anh nói cứ như thể anh đã đích thân trải qua vậy.

Ông ta nói, lịch sử người Êvenki vốn được lưu truyền theo cách kể chuyện, đời này truyền cho đời khác.

Ông ta nói, anh có biết, việc họ lặn lội đường xá xa xôi trên suốt chặng đường như vậy đối với thành phố này có ý nghĩa thế nào không?

- Gì cơ?

Ông ta nói, đã thai nghén một thành phố.

- Cáp Nhĩ Tân ư?

- Vâng.

Vừa nói, ông ta vừa quay lại chỗ ngồi và tiếp tục uống trà.

Tôi ngồi đối diện với ông ta, hỏi, vậy người Nêchitan?

Ông ta nói, mẹ Đồng Quân là người Nêchitan cuối cùng, bà đã mất và dân tộc Nêchitan đến lúc này đã hoàn toàn mai một.

Tôi nói, chẳng nhẽ cả một dân tộc lại mai một dễ dàng như vậy sao?

Ông ta nói, đúng vậy đấy. Người Nêchitan có đặc điểm là tư tưởng của họ luôn trong trạng thái kìm nén, thêm vào đó là bệnh tật, ngộ độc rượu cồn, một dân tộc cả thầy không đầy một ngàn người, cứ mai một dần như

vậy cho đến lúc mất hẳn. Cho đến phút lâm chung, mẹ Đồng Quân đã nói với anh rằng, bà muốn lưu lại trên mảnh đất này, không muốn ra đi nữa. Bà nói, nơi đây là thiên đường, đã cho bà cả một ngôi nhà, một người chồng và một đứa con...

Giữa lúc đó, từ phía con sông vắng tới tiếng còi canô của chuyến tàu đêm, trong đêm mưa tiếng còi càng làm nổi bật một thế giới vô cùng cô tịch.

Lòng tôi cảm thấy hết sức buồn phiền, vì một dân tộc đã mất đi.

Ông ta nói, về sau, Đồng Quân và người cha đã định cư ở nơi đây. Sau khi Đồng Quân lớn lên, hầu như anh ta đã dành toàn bộ tinh thần và sức lực để tìm kiếm ra ngọn nguồn của cái thành phố này. Anh ta, chẳng những là người ghép tranh lịch sử dân tộc Evenki và dân tộc Nêchitan, mà còn là người ghép tranh của cả thành phố Cáp Nhĩ Tân này nữa. Anh xem đây, tất cả những thứ treo trên tường này, chính là một bộ phận nằm trong bức tranh ghép đó đấy! Bức tranh này cho tới nay anh ấy vẫn còn để dang dở...

Tôi nói, tất cả những điều này tôi không hề hay biết chỉ biết anh ta rất thích quạ...

Tôi run rẩy chăm cho mình một liều thuốc, cảm thấy mình bị đẩy vào chỗ bí.

Ông ta nói, anh biết được chừng nào về Cáp Nhĩ Tân? Có biết Cáp Nhĩ Tân mang hàm ý như thế nào không?

Tôi nói, ba từ "Cáp - Nhĩ - Tân" có thể giải thích theo tiếng Mông cổ là "mặt đất bằng phẳng" "bãi bờ màu

đen”, tiếng Mãn là “nước đen”, “bãi phơi lưới”, “làng chài cỏ nước”, “làng nhỏ nghèo túng”, tiếng Nga là “mồ mả lớn”, là tiếng phổ thông cổ sơ “bến đò”, ngoài ra còn có tiếng nữ chân là “vẻ vang”, hoặc “mơ tưởng”, “Alaghin”, “thiên nga” và tiếng Mãn “tên anh hùng” ...

Tôi nói, những điều đó nghe có buồn cười lắm không ông?

Ông ta bảo, không! Những cái đó Đồng Quân cũng đã nói tới.

Tôi hỏi, buổi tối các ông thường trò chuyện với nhau à?

- Vâng.

Tôi nói, nhưng anh ta không hay nói chuyện.

Ông ta nói, đó là vì giữa các anh chưa tìm được đề tài chung.

Tôi gật đầu.

Bên ngoài cửa sổ, trời mưa như trút, những tổ quạ trên cây kia giờ này chắc là ướt sũng cả rồi. Với tâm tính thất thường, tôi nghĩ, mẹ kiếp, tao cũng đang chết chán ở đây này.

Ông ta nói, Đồng Quân có kể cho tôi nghe một câu chuyện, thời kỳ chiến tranh giữa các bộ lạc, Nurkhachi¹ bị thua, rơi vào tuyệt lộ và lặn từ trên lưng ngựa xuống. Trong lúc nguy nan, một bầy quạ đông đặc đã chen chúc nhau rơi xuống, phủ kín người ông và giấu kín ông dưới

1. Nukhachi (Tiếng Hán phiên âm là Nỗ Nhĩ Cáp Xích) 1560 – 1626 người dân tộc Mãn, cha đẻ của Hoàng Thái Cực, là thủy tổ sáng lập ra triều đại nhà Thanh, tức là Thanh Thái Tổ.

gốc cây du. Quân giặc truy đuổi tới nơi, thấy đàn quạ trên cây vẫn đang bình thản rửa lông, rửa cánh trên cây du liền bỏ đi không truy tìm nữa. Sau chuyện đó, Nakhachi đã thế, ông ta nhất định sẽ phong quạ là chim thần và cây du là cây thần.

Tôi hỏi, vậy thì tại sao quạ lại cứu người Nakhachi?

Ông ta nói, vì quạ là hóa thân của linh hồn tổ tiên. Người xưa chết đều được an táng dưới gốc cây du, về sau trở thành một con quạ, cùng chung sống với tổ tiên.

Tôi nói, tôi có được xem một tư liệu nói rằng, một phụ nữ Nga tới thành phố Cáp Nhĩ Tân, đã gọi mỗi cây du ở nơi này đều là một lăng mộ nghệ thuật.

Ông ta nói, ngày nay trong thành phố cây du ngày càng ít, các vong linh tổ tiên đã mất cả chỗ ở, rất nhiều quạ không biết đã phiêu bạt nơi đâu, không còn biết đâu là cửa ngõ quê hương nữa. Nay Đồng Quân cũng đi rồi, những cái cây du đáng thương này, đàn quạ đáng thương này, ôi!...

Xem ra tôi quả thật chẳng hiểu gì về Đồng Quân cả. Trước kia tôi cứ ngỡ Đồng Quân là anh chàng ngu độn cơ chứ.

Bên ngoài cửa sổ trời tối đen như mực, chỉ có những cây bạch hoa loáng lên những ánh như nước trong đêm mưa.

Tôi nói, nếu quạ mà là chim thần, cây du là cây thần thì trong sự giải thích ý nghĩa của cái từ “Cáp Nhĩ Tân” cần thêm một ý nữa là “thành phố thần”.

Ông ta nói, đúng thế, Cáp Nhĩ Tân quả là một thành phố thần.

Lúc đó, trên trần nhà rơi xuống một con nhện to, mập, trắng như sữa. Tôi thấy ông ta vội vồ ngay lấy con nhện nắm rõ chặt trong tay, dứt mồm ăn luôn.

Thấy tôi trợn tròn mắt nhìn anh kinh ngạc, ông giải thích, loài côn trùng này rất giàu chất Anbumin, tôi thích ăn lắm, nhất là khi uống trà.

Tôi nói, trong ấn tượng của tôi chỉ có người châu Phi mới thích ăn côn trùng.

Chúng tôi yên lặng, nghe tiếng mưa rơi sùnn sượt bên ngoài, nước mưa quất vào trên bậu cửa sổ, bắn lên tung toé. Gió thổi hù hù, xao xác.

Trong phòng có vẻ lạnh.

Tôi nói, để tôi nhóm lửa trong lò sưởi liên tường được không?

Ông ta nói, được chứ sao không.

Tôi bắt đầu châm lửa vào những thanh củi trong cái lò sưởi gắn liền với tường trong nhà.

Vừa nhóm lửa, tôi vừa bảo ông nội tôi khi xưa là một công nhân đường sắt ở Trung Đông, ông rất thích lò sưởi liên tường... Ông nội còn giấu được cả vàng vụn trong lớp tôn vỏ lò cơ.

Nhưng ông ta lại nói, nên biết rằng, chính đường sắt đã phá hoại quê hương của chúng ta - tôi không thích cái thứ lò sưởi liên tường của người Nga - tôi thích thứ lửa trại trong rừng sâu.

Tôi gạt đầu ra vẻ hiểu biết.

Ông ta đột nhiên hỏi tôi, không biết liệu Đồng Quân có quay trở về nữa không?

Tôi nói, có trời mà biết được. Nếu quay lại thì còn cái gia đình của anh ta, sẽ phải giải quyết thế nào? Chẳng lẽ vì mấy con quạ này, anh ta lại nỡ bỏ cả vợ con sao?

Nghe tôi nói vậy, ông ta cúi đầu lặng lẽ, rồi lẩm bầm, rút cuộc trong con người của Đồng Quân vẫn còn nửa dòng máu của người Nêchitan, nếu anh ta ra đi thật, thì cái dân tộc này cũng sẽ bị biến mất nốt hoàn toàn!

Tôi tới rót thêm nước vào cốc trà cho ông ta.

Ông ta đứng dậy nói, thôi, không uống nữa, hôm nay chơi trò ghép tranh đến đây thôi, tôi hơi buồn ngủ rồi... phải về thôi.

Ông có thể ngủ luôn lại đây mà...Tôi nói, lòng cảm thấy thu hoạch hôm nay quá lớn.

Ông ta nói, tôi về đây!

Nói rồi ông ta từ biệt tôi.

* *
*

Cửa mở, mưa thu trút xuống như thể to hơn, dữ dội hơn.

Tôi bảo, để kiểm cho ông cái ô nhé!

Ông ta nói, chả cần. Tôi hỏi, tối mai ông có sang nữa không?

Ông ta bảo, cũng có thể. Phải rồi, nếu anh liên lạc được với Đồng Quân, nhờ anh nói giúp là tôi nhớ anh ta lắm. Tôi có thể sẽ cùng anh ta hoàn thành bức tranh ghép dở. Để anh ta nhớ rằng, anh ta chẳng những là con

cháu người Êvenki mà còn là con cháu người Nêchitan nữa. Mẹ anh ta không muốn con bà rời bỏ nơi đây đâu.

Tôi nói, tôi biết rồi, tôi sẽ gọi điện sớm cho anh ta, tôi sẽ nói với anh ta đúng từng câu từng chữ của ông. Xin hỏi, ông tên là gì?

Ông ta nói, là Patơn.

Tôi bất giác kinh hoàng sợ hãi, Patơn? Anh hùng? Là bố của Đồng Quân?

Tôi thấy ông ta đi ra đến cái cổng ngoài hàng rào, bỗng biến thành một con quạ, bay vụt lên trời cao.

Võ Toán dịch

VIÊN PHẤN THẦN KỲ

Kobo Abe

Nhà văn Nhật Bản – Giải thưởng Akutawa

Ở ngoại vi thành phố, nơi quanh năm lầy lội bởi mưa và nồng nặc mùi nhà bếp, trong một căn phòng thuê gần phòng ở của người dọn rác, có một họa sĩ nghèo tên là Argon. Căn phòng hẹp - mỗi chiều ba mét - mà hoá ra rộng thênh, bởi ngoài chiếc ghế kê sát tường chẳng còn một thứ gì khác. Bàn, giá sách, bảng màu, và ngay cả hộp thuốc màu đều đã phải đánh đổi lấy bánh ăn rồi. Giờ thì trong phòng chỉ còn lại mỗi chiếc ghế và họa sĩ Argon. Nhưng liệu cái bộ đôi này có còn ở đây được bao lâu?

Đến giờ ăn tối. “Sao mũi mình lại thính thế”- Argon nghĩ. Trong cái hỗn hợp phức tạp của của các mùi, anh dễ dàng phân biệt được từng mùi một. Ôi! Con heo quay vàng nhẫy ở quầy hàng thịt cạnh đường sắt. Gió đưa tới mùi tươi mát lạ lùng của quầy rau quả. Cái vỏ vàng rộm của bánh nướng. Làn mây xanh ảo não bay lên từ nhà dưới, nơi bà chủ đang rán cá thu . . .

Chà. Từ sáng đến giờ, Argon chưa được ăn gì cả.

Mặt nhợt nhạt, trán đầy nếp nhăn, cục yết hầu không chịu yên chỗ, đôi vai so lại, chân tay run run, Argon sục

tay vào túi và ngáp liên ba cái. Ngay lúc đó, tay anh chạm phải một vật gì dài dài nho nhỏ. Còn cái gì nữa - một viên phấn đỏ. Lạ nhỉ, sao nó lại ở trong túi này? Mân mê viên phấn trong tay, hoạ sĩ lại ngáp dài. Trời ơi, sao thêm ăn đến thế!

Như một cái máy, hoạ sĩ đưa viên phấn lên vẽ vào tường, rồi mỗi lúc một say sưa, anh liên tục vẽ. Đầu tiên là một quả táo. Táo ra táo - chén một quả thế này là đủ no rồi. Cạnh đó là con dao, để bổ táo cho dễ ăn. Rồi nướ nước miếng, được cổ vũ bởi mùi thức ăn tạt quả hành lang và cửa sổ, anh vẽ một ổ bánh. Bánh có kèm mút quả, được phết một lớp bơ, to bằng cỡ đầu người. Trước mắt anh, hiện ra cái vỏ bánh được nướng giòn, với những vết khía đầy hấp dẫn, mùi thơm quyến rũ làm nổi cả gai ốc. Cạnh ổ bánh là một phiến bơ to bằng viên gạch. Còn phải vẽ cả cà phê nữa. Phải là cà phê mới pha, còn bốc khói. Trên chiếc đĩa nhỏ là ba cục đường, mỗi cục to bằng hộp diêm...

Một làn sương dần dần bao bọc đầu óc anh. Trước mặt anh hiện lên những núi đồi hộp, những biển sữa, những khu vườn đầy pho mát và thịt bò. Đến đây, hoạ sĩ kiệt sức thiếp đi.

... Anh chợt thức giấc bởi nghe thấy một vật gì rơi và tiếng bát đĩa va vào nhau. Mặt trời đã lặn, trong phòng tối lại. Gì vậy? Argon nhìn về phía phát ra tiếng động, nín thở. Chiếc chén vỡ. Chắt lỏng đang chảy ra vẫn còn bốc khói kia không thể là thứ gì khác được đích thị cà phê rồi. Cạnh đó là quả táo, ổ bánh, tảng bơ, ba cục đường, chiếc thìa, con dao và chiếc đĩa, cũng may, đều



còn nguyên. Còn bức tranh vẽ bằng phấn trên tường thì đã biến mất tự lúc nào.

Không có lẽ... Máu chạy rần rạt khắp người, Argon nhón chân lại gần. Không, không làm gì có chuyện ấy. Vâng nhưng tất cả những chuyện ấy lại đang xảy ra trước mắt mình. Mùi cà phê thơm đến nỗi có thể hít lấy hít để, chứ sao lại không? Anh chạm ngón tay vào vỏ bánh. Sau đó, anh lè lưỡi nếm thử cục đường. Còn sao nữa, Argon còn chưa tin à? Không, đây là sự thật. Tin rồi. Nhưng sợ lắm. Tin, nhưng mà sợ lắm!

Sợ đó là một thực tế. Nhưng mà có thể ăn!

Cuối cùng, ăn xong Argon thở phào, ngay lúc đó anh lại nhớ ra nguyên nhân đã làm mình no bụng và anh lại thêm lo lắng. Anh cầm viên phấn trong tay và chăm chú nhìn. Nhìn thì nhìn, cũng chẳng vì thế mà dễ hiểu hơn được. Để cho thật tin, phải thử làm lại một lần nữa. Nếu mọi chuyện vẫn diễn ra như thế, thì đó ắt là sự thực. Anh muốn vẽ một cái gì mới, nhưng vì nôn nóng, lại vẽ quả táo. Anh chưa kịp thu viên phấn về, đã thấy quả táo trên tường rơi xuống sàn nhà. Có nghĩa là thực. Nếu hiện tượng tái diễn, tức là trên thực tế nó có thật.

Mọi quy luật vũ trụ đều thay đổi: số phận thay đổi, nỗi bất hạnh biến mất. Ôi, kỷ nguyên của cái dạ dày căng! Ôi, cái thế giới trong đó mọi ước vọng đều thành sự thực.

Trời ơi, buồn ngủ quá thể.

Thì hãy vẽ lấy một cái giường. Mẩu phấn lúc này cũng quý giá ngang với cuộc sống. Nhưng chiếc giường là một vật dụng tối cần thiết khi cái bụng đã no căng. Còn

phấn, phải vẽ nhẹ nhẹ tay thôi cũng được, cho nên chẳng phải đắn đo làm gì. Ôi, lần đầu tiên trong đời được ngủ một giấc ngon lành! Một con mắt nhắm lại ngay lập tức, nhưng còn con mắt kia không tài nào nhắm nổi. Nỗi lo về ngày mai cứ ám ảnh: hôm nay thì mọi chuyện tốt đẹp cả, nhưng ngày mai thì sao? Cuối cùng, con mắt thứ hai cũng chịu nhắm lại. Suốt đêm, với hai con mắt khác nhau như thế, họa sĩ thấy những giấc mơ đủ các sắc màu.

Cái buổi sáng đầy những lo âu đã diễn ra như thế này...

Anh mơ thấy có người đuổi theo mình và anh bị ngã từ trên cầu xuống sông. Song điều đó không có nghĩa là anh bị rớt khỏi chiếc giường. Trong phòng vẫn chỉ có một chiếc ghế như cũ. Còn những sự kiện đêm qua thì sao? Argon sợ sệt ngẩng đầu nhìn lên bức tường.

Trên tường là hình chiếc chén (đã vỡ), chiếc thìa, con dao, mấy miếng táo và gói bơ, được vẽ bằng phấn đỏ. Bên dưới những thứ đó là hình chiếc giường mà anh vừa ngã từ đấy xuống.

Trong những cái anh đã vẽ ra từ hôm qua, trên tường chỉ còn lại các phần chưa ăn hết. Argon thấy đau ở vai và thắt lưng. Anh phải thấy được nỗi đau đó, nếu như kỳ thực anh ngã từ giường xuống sàn. Khi áp tay vào hình chiếc khăn trải giường nhăn nhúm, anh cảm thấy chỗ giường đó còn ấm sực.

Họa sĩ lấy tay xóa hình con dao. Đây là thứ phấn vẽ hết sức thông thường, nên anh xóa được ngay, để lại một vết bấn. Thử vẽ một quả táo nữa xem nào. Song, quả táo

anh vừa vẽ không hề có ý định biến thành một quả táo thật để rơi xuống sàn. Khi Argon lấy tay xóa quả táo đi nó cũng biến mất tăm mất tích.

Hạnh phúc té ra chỉ là giấc mộng một đêm. Mọi chuyện đã chấm dứt, cuộc đời lại như cũ. Có thật thế không? Không, cuộc đời càng cay đắng gấp mười lần hơn. Có lẽ, những thứ chiều qua ăn phải đã biến thành những mẩu phấn và mớ giấy lộn trong dạ dày anh.

Argon đến chỗ rửa mặt và uống đến một lít nước lã, lại còn vốc thêm một vốc nữa. Xong, anh bước ra đường, nơi còn đắm chìm trong sương mai. Cúi xuống cái rãnh thoát nước chạy dài đến trăm mét từ nhà bếp khách sạn ra, anh vục tay vào cái thứ nước nhờn nhộp đen đúa như nước tro và lôi lên một vật. Đó là cái lưới sắt: Rửa sạch lưới sắt, anh thấy trong đó có một thứ ăn được. Đây là cơm! Cách đây không lâu, ông lão láng giềng có kể cho anh biết là nếu lấy lưới sắt chắn cái rãnh ấy, mỗi ngày có thể hứng được cơm đủ ăn một bữa. Độ một tháng trước đây, ông lão không biết đã làm giàu bằng cách nào, hoặc đã có thể chén được cả bã hạt dầu nên lão mới nhường cái rãnh cống khách sạn cho Argon.

Cái thứ bỏ đi này thì sánh sao nổi với bữa tiệc tối qua. Tuy vậy, nó lại không phải là một món quà thần kỳ, mà là một món ăn thật, có thể làm đầy dạ dày, bỏ qua sao được.

Thứ bỏ đi, ấy là của thực.

Gần trưa, Argon vào phố thăm một người bạn đang làm việc ở nhà băng. Anh này cười chẳng lấy gì làm vui vẻ, hỏi: “Sao hôm nay đến lượt tôi phải làm gì đây?”

Argon gật đầu, mặt lạnh tanh, không lộ một thái độ gì. Anh ăn nửa suất bữa sáng của anh bạn rồi co ro ra phố.

Argon suy nghĩ mất nửa ngày.

Ngả lưng vào thành ghế, cầm viên phấn, anh mơ đến một điều kỳ diệu, và sau giấc mơ, đã thấy có một niềm hy vọng. Rồi đến một dự cảm là khi mặt trời lặn, phép thần kia sẽ tái diễn. Điều dự cảm này trở thành một niềm tin.

Đài nhà bên thông báo đã năm giờ chiều. Argon đứng dậy, vẽ lên tường bánh mì, bơ, hộp cá và tách cà phê. Bên dưới những thứ đó, anh không quên vẽ một chiếc bàn để các thứ không rơi xuống sàn như tối trước. Và anh chờ đợi.

Mặt trời lặn. Hoạ sĩ có cảm giác là thị lực anh khác thường, bởi vì hình vẽ trên tường bắt đầu chập chờn. Đường như giữa mặt anh và bức tường có giăng một màn sương. Những hình vẽ mờ đi, màn sương dày hơn. Cuối cùng, sương dày đến nỗi sắp biến thành thể rắn, thế là - (đúng thật rồi!) - tất cả các thứ trên tường đều biến thành thật.

Cà phê toả mùi ngon lành, bánh mì vừa ra lò, còn nóng. Ôi, còn quên vẽ con dao mở đồ hộp? Argon vẽ con dao lên tường, lấy tay trái giữ cho nó khỏi rơi, và con dao dưới đầu phấn liền có ngay trọng lượng và hình thù. Thế mới là sáng tạo chân chính!

Bỗng anh vấp phải một vật. Chiếc giềng tối qua vẫn ở chỗ cũ. Trên tường vẫn còn chuôi con dao bổ táo (vì anh đã xoá lưỡi dao đi), gói bơ và những mảnh tách vỡ.

Đẹp cơn đói, Argon ngã mình xuống giường. Chà. Rồi tiếp đó thì sao? Hoàn toàn rõ ràng là ánh mặt trời đã làm cho phép thần trở nên vô hiệu. Mặt trời vừa hiện lên là sự khốn khó kéo về liền. Liệu có thể nghĩ cách nào để điều đó không xảy ra được không? Bỗng nhiên, trong đầu anh nảy ra một ý nghĩ thiên tài. Phải lấy cái gì che kín cửa sổ để ánh sáng ban ngày không thể lọt vào.

Muốn thực hiện ý định đó, phải có tiền. Để che mặt trời, cần có những đồ vật thật chống được nắng song, về tiền không phải là việc dễ. Phải tính sao đây nhỉ? Đây, một cuộn giấy đây! Mở cuộn giấy ra,

Argon thấy ý định của mình đã được thực hiện. Trong cuộn giấy có một số tín phiếu nhà băng, có thể đủ dùng được.

Số tín phiếu có thể biến mất khi ánh sáng ban ngày chiếu đến, nhưng chúng sẽ không để lại dấu vết gì cho nên không có gì phải lo. Tuy vậy, anh cũng đi mua đồ ở một cửa hiệu thật xa. Hai tấm chăn dày, năm tờ giấy đen, một hộp đinh, bốn thanh gỗ. Dọc đường, anh còn tiện tay mua một cuốn sách dạy nấu ăn. Tiền còn lại, Argon uống cà phê và phát hiện ra rằng thứ cà phê anh vẽ ra cũng chẳng thua kém chút nào. Điều này khiến anh phấn chấn. Cuối cùng, anh mua một tờ báo.

Trước hết, họa sĩ đóng chặt cửa, lấy chăn và hai tờ giấy đen che kín. Sau đó, anh bịt cửa, lấy gỗ đóng đinh chốt chặt bốn góc. Thấy lòng nhẹ nhõm và bỗng thờ ơ với mọi chuyện trên đời, buồn ngủ, anh ngã mình xuống giường và thiếp đi.

Mở mắt, anh thấy trong người như có một cái lò xo chực bật tung vào bất cứ lúc nào. Một ngày mới, một cuộc đời mới. Cái ngày mai, rồi ngày kia, rồi nhiều ngày tiếp theo nữa, chúng toả đầy hào quang và ngoan ngoãn chờ đón anh. Argon mỉm cười mỹ mãn, tuy trong lòng hơi hoang mang. Chỉ cần một nháy mắt, tự tay anh sẽ tạo ra những thứ tha hồ lựa chọn. Ôi, cái thời chói lọi? Nhưng cơ sao một nỗi buồn mơ hồ lại nhói lên trong tim? Có lẽ cảm giác đó chỉ có Thượng đế mới thấy được trong cái khoảnh khắc trước lúc ngài tạo lập thế gian. Đôi môi anh giãn ra thành một nụ cười.

Argon vẽ một đồng hồ treo tường rất to. Tay anh run run vẽ chiếc kim chỉ mười hai giờ. Từ thời khắc đó, bắt đầu một kỷ nguyên mới. Trong phòng ngột thở và Argon vẽ lên tường một ô cửa thông ra hành lang. Nhưng, sao lại thế này? Ô cửa vẫn nguyên là hình vẽ. Nghĩ một lát, anh hiểu ra, còn thiếu một khung cảnh bên ngoài cho cửa sổ, có nghĩa là anh đã vẽ không đầy đủ, vì thế nó không thể biến thành một ô cửa thật. Được, vậy thì vẽ thêm vào. Vẽ cảnh gì đây nhỉ? Dãy Alpes, biển Neapoiy, cảnh đồng quê, hay là cảnh rừng Taiga Siberi nhỉ? Trước mắt anh hiện lên những cảnh đẹp mà anh đã thấy qua những tấm bưu thiếp và sách hướng dẫn du lịch. Song, khi nhận ra rằng mình chỉ được chọn một thứ, thật khó quyết định. Thôi, hãy tạm vẽ một chai whisky với một cục phomat đã, rồi sẽ nghĩ sau, cho bình tĩnh.

Nhưng, càng nghĩ, bài toán đặt ra cho anh lại càng thấy khó. Dù sao thì đây cũng không phải chuyện đùa. Nó quan trọng hơn tất cả những thứ anh đã vẽ từ trước

đến nay. Không, nó còn quan trọng hơn bất kỳ một bức tranh nào do con người vẽ ra, sông, suối hoặc vườn tược thôi, - chưa đủ. Giả dụ, anh vẽ núi chẳng hạn. Nhưng anh tạo ra ở đó không chỉ có núi rừng. Cùng với nó phải là những gì nữa? Thành phố, biển cả, hay là bãi hoang? Rồi ở đó sẽ có những con người sinh sống, sẽ chăn nuôi những cảm thú gì đây? Bởi vì, tuy rằng chưa biết tương tận tất cả, nhưng anh sẽ tạo ra chúng: Hơn nữa, không nên coi đó chỉ là thứ phụ trợ cho việc tạo ra một cái cửa sổ. Đây là cả một quá trình tạo lập thế giới. Bàn tay anh quyết định vận mệnh của cả vũ trụ, liệu anh có đặt vào đây một cái gì ngẫu nhiên không? Không, thế giới sau khung cửa là cả một điều hệ trọng, mình cần phải vẽ một bức tranh chưa từng ai vẽ nổi...

Argon đắm chìm trong suy nghĩ...

Tuần đầu tiên, anh bức bối cảm thấy công việc tạo lập thế giới là quá tầm tay mình. Căn phòng lại bề bộn những khung vải và đầy mùi thuốc màu. Khắp phòng, những bức phác thảo vương vãi. Càng nghĩ, càng thấy công việc của mình không thể thực hiện nổi. Có lần, suýt nữa anh phũ tay đối với mọi chuyện, phó mặc hết, nhưng rồi anh trấn tĩnh lại và nghĩ rằng nếu thế thì vai trò sáng tạo của anh cũng chỉ bằng không. Ngoài ra, theo ý anh, chẳng qua anh cũng chỉ tạo ra phần nhỏ của vũ trụ, nhưng nếu có đảm bảo rằng những hoàn cảnh không lệ thuộc vào anh có bắt anh quay về cuộc sống cũ. Hay không? Nét phấn có thể bị xoá đi bất kỳ lúc nào cơ mà. Không, phải tạo ra cho mình cả một thế giới.

Tuần sau, anh bị cuốn vào cơn hưng phấn say sưa.

Đến tuần thứ ba, Argon lâm vào cảnh tuyệt vọng, gần như bế tắc. Những khung vải lại phủ đầy bụi, mùi thuốc màu phả theo gió bay.

Sang tuần thứ tư. Cuối cùng, anh đi tới quyết định. Quyết định đó nảy sinh bởi nỗi tuyệt vọng, bởi anh không thể chờ lâu hơn nữa. Dem bàn tay mình ra để tạo cả thế giới, anh không dám đảm đương trách nhiệm đó và định phó thác cho hoàn cảnh, vẽ lên tường một cái cửa ra vào, và anh xác định thế giới theo kiểu thấy gì làm nấy. Nếu ý đồ đó không thành, và sau khung cửa sẽ vẫn là cái cảnh ngoại vi thành phố đó, như thế lại càng tốt hơn là phải chịu trách nhiệm về cả vũ trụ. Phải xỏ toét hết, chỉ cần tìm được lối thoát ra khỏi cái ngõ cụt này thôi.

Lần đầu tiên sau một thời gian dài, Argon lại mặc veston dù sao thì vận mệnh của cả vũ trụ cũng đã được xác định. Anh cầm viên phấn thần kỳ và quả quyết vẽ khung cửa lên bức tường... Nín thở. Còn sao nữa: Đối với một con người, có lẽ hồi hộp nhất là lúc sắp mở một cánh cửa mà sau nó mình còn chưa biết sẽ là cái gì. Rất có thể, thay vì phần thưởng lại là một cái chết?

Đã thế thì anh ra tay: Lùi một bước, anh đẩy cánh cửa.

Ánh sáng đập vào mắt như một tiếng mìn nổ. Argon dè dặt hé mắt ra liền thấy một bãi bằng thênh thang trong ánh sáng ban trưa. Nhìn đâu chẳng nữa, cho đến tận chân trời cũng không hề thấy một bóng râm. Trên nền trời xanh sẫm tĩnh không một bóng mây. Gió nóng và khô cuốn bụi từ chỗ này đi chỗ khác. Thì đấy cũng chỉ



là sự biến hoá của một nét vẽ đường chân trời, từ đó có thể là khởi đầu cho bất kỳ một bức tranh nào. Thế đấy...

Viên phấn chẳng quyết định nổi cái gì. Phải làm lại hết từ đầu. Phải vẽ lên mặt phẳng đó nào là mũ nón, nào là sông nước, mây trời, cây cỏ cầm thú, cá tôm và ao hồ. Tóm lại, phải làm lại toàn bộ thế giới Argon ngã lòng, nằm phịch xuống giường. Nước mắt anh chảy ròng ròng.

Có cái gì sột soạt trong túi. À đấy là tờ báo anh đã mua trong buổi chiều đầu tiên, vậy mà anh quên bém đi mất. Trên cột đầu, nổi bật dòng chữ đậm: “Vi phạm ranh giới ở vĩ tuyến 30”. Ở cột thứ hai, đậm hơn nữa, là bức ảnh “Hoa hậu Nhật Bản”. Dưới nữa, nhỏ hơn, “Phản ứng của tổ chức quần chúng vùng N, về việc đặt đường ống”, và “Sa thải hàng loạt ở xí nghiệp X...”

Argon chăm chú ngắm bức ảnh “Hoa hậu Nhật Bản” bán khoả thân. Anh đã quên điều quan trọng nhất. Những chuyện khác thì gượng hăng, phải bắt đầu từ Adam và Eva. Đúng rồi, phải bắt đầu từ Eva. Phải vẽ Eva trước.

Nửa giờ sau, nàng Eva đã xuất hiện trước mặt Argon. Nàng ngạc nhiên nhìn quanh và hỏi:

- Ôi anh là ai? Tôi gặp chuyện gì thế này?

- Tôi là Adam, và nàng là Eva. - Argon đỏ mặt, ấp úng trả lời.

- Đâu mà! Tôi chẳng là Eva nào cả: Tôi là “Hoa hậu Nhật Bản” thôi!

- Nàng là Eva thật đấy, Eva.

- Sao cơ? Làm sao tôi lại có thể tin vào một chàng Adam mặc quần và sống trong cái phòng trống lỏ này được? Lạ thật. Làm sao mà tôi lại ở đây? Tôi còn phải lên phát biểu trong buổi khai mạc triển lãm ảnh cơ mà.

- Biết nói thế nào với nàng đây nhỉ! Nàng là Eva thật đấy!

- Eo ôi, anh làm tôi phát ngáy lên rồi. Thôi được. Vậy thì trái cây tiềm thức của anh đâu rồi? Anh muốn nói rằng đây là khu vườn Thiên Đàng chứ gì? Thôi, đừng có quấy rầy tôi nữa.

- Nàng hãy nghe tôi. Hãy ngồi tạm xuống đây đã. Tôi sẽ giải thích cho nàng rõ... À, nàng có muốn ăn uống gì không?

- Có.

Nàng muốn ăn món gì nào? Trong cuốn sách dạy làm bếp này, nàng muốn chọn món gì thì chọn.

- À ra thế! Thật không đấy? Còn anh, xem ra anh cũng không đến nỗi nghèo đâu, tuy phải sống trong cái hũ nút này. Tôi nghĩ lại rồi. Có lẽ anh đúng là Adam, chứ còn là ai nữa? hay là một.....gã gangster nào đó chẳng?

- Không, tôi là Adam, đấy là một chàng họa sĩ, đồng thời cũng là người sáng tạo ra cả vũ trụ.

- Tôi không hiểu.

- Tôi cũng chưa hiểu hết đâu. Cho nên tôi đang thất vọng đây.

Lúc này, Eva có dịp thấy Argon làm món ăn Pháp bằng cách vẽ chúng theo sách như thế nào.

- Tuyệt, thế mới tài? Đây đúng là vườn Thiên Đàng. Tôi tin đấy! Nhờ viên phấn này có phải là muốn gì được



nấy hay không? Ôi, thú vị biết bao? Tôi đã bằng lòng rồi đấy. Ừ thì tôi sẽ làm Eva. Chúng ta sẽ trở thành nhà triệu phú.

- Khoan đã nào, Eva. Nghe đây này.

Argon kể cho cô nghe chuyện viên phấn, rồi anh kết luận:

- ... Cho nên với sự giúp đỡ của nàng, tôi phải xây dựng một thế giới mới. Ở đó, tiền cũng chẳng để làm gì. Chúng ta phải làm tất cả, ngay từ đầu.

“Hoa hậu Nhật Bản” ngênh mặt nhìn anh:

- Sao lại “tiền cũng chẳng để làm gì?” Tôi không hiểu. Thế nghĩa là thế nào?

- Thôi, nếu đã vậy thì nàng hãy nhìn vào cửa đây. Liếc qua cánh cửa, rồi nhìn chòng chọc vào anh họa sĩ, sau đó trở vào khung cửa thật bị tấm chắn che kín:

- Còn cái này... Cái cửa này có lẽ không giống cái kia chứ?

- Không được đụng vào đấy! Cái thế giới ấy sẽ bị huỷ diệt hết thảy. Cả thức ăn, cả bàn, cả giường, và ngay cả nàng nữa. Từ giờ, nàng phải là Eva của một thế giới mới. Chúng mình sẽ đẻ ra một nhân loại mới!

- Tôi không muốn thế! Khó chịu lắm. Nói chung, tôi theo phái hạn chế sinh đẻ. Và tôi không muốn ai huỷ được tôi.

- Nàng sẽ bị biến mất, hãy tin tôi!

- Tôi chẳng biến đi đâu hết. Bản thân tôi biết rõ điều ấy hơn anh. Lúc cần, tôi khắc biến đi.

- Eva, nàng có hiểu không: Nếu chúng mình không chịu làm lại thế giới, rốt cuộc chỉ có đói nghèo đón đường mà thôi...

- À ra thế, anh chàng đã thân mật với tôi đến thế cơ à. Nhưng tôi có phải một con ngốc dẫu cơ chứ. Tôi sẽ gặp đói nghèo à? Liệu đúng thế thật không? Này, giá tôi đắt lắm đấy nhé!

- Giá nàng ngần nào, giá viên phấn này đáng ngần ấy. Nếu không làm lại thế giới, nàng sẽ phải biến mất như mây khói vậy. Như là chưa hề có nàng trên đời.

- Được rồi, tránh luận thế là đủ. Đã đến lúc tôi phải đi. Không hiểu vì sao mình lại ở đây nhỉ? Tôi biết làm gì bây giờ? Chỉ vì anh với những thứ vớ vẩn của anh thôi. Hoạt bát lên nào, vị chúa sùng của tôi ơi, có lẽ cũng được dịp rồi đó. Thôi thì, thỉnh thoảng tôi sẽ ghé lại đây. Có điều là anh phải vẽ cho tôi bất kỳ thứ gì tôi muốn.

- Đồ ngốc, không thể như thế được?

Eva vênh mặt nhìn Argon, kinh ngạc trước cơn khùng bất ngờ của anh. Họ nhìn nhau, im lặng một phút. Cuối cùng, nghĩ ngợi gì đó, Eva buông giọng:

- Thôi được, tôi sẽ ở lại đây mãi mãi. Nhưng muốn thế, anh phải làm một việc, được không?

- Việc gì? Nếu quả là nàng sẽ ở lại, tôi xin làm tất cả những gì nàng muốn.

- Thế thì anh cho tôi nửa viên phấn.

- Ngốc thế! Nàng có biết vẽ đâu. Nàng chẳng làm nổi trò gì đâu.

- Làm được. Trước kia tôi đã từng làm nghề tô màu ảnh. Nào, đưa đây, tôi cần hoàn toàn bình đẳng.

Lúc đầu, Argon còn lắc đầu hoài nghi, nhưng rồi anh gật đầu:

- Thôi được.

Anh thận trọng bẻ đôi viên phấn và đưa cho Eva một nửa. Cô quay phắt vào tường, hí hoáy vẽ.

Đó là một khẩu súng lục.

- Thôi đi! Nàng vẽ súng làm gì?

- Tử thần. Tôi tạo ra tử thần. Muốn tạo lập thế giới, trước hết phải xác định rành mạch từng người.

- Không được, thế thì hỏng hết? Thôi! Cái đó chúng ta chẳng dễ làm gì.

Nhưng muộn mất rồi! Trong tay Eva đã loé một khẩu súng lục bở túi. Cô giương súng, nhắm vào ngực Argon:

- Giơ tay lên! Nếu động đây, tôi bắn. Chao ôi, chàng Adam ngốc nghếch kia ơi, chẳng lẽ chàng lại không biết là đừng dại gì mà tin vào lời hứa suông hay sao? Chính anh đã buộc tôi phải lừa dối.

- Nàng còn vẽ gì nữa đấy?

- Một chiếc búa, để phá cái cửa này.

- Không được!

- Hề động đây, tôi bắn liền!

Argon nhảy một cú, nhưng tiếng súng đã vang lên. Họa sĩ ôm ngực, ngã khụy xuống sàn. Lại làm sao: Không thấy một giọt máu nào.

- Chàng Adam ngốc nghếch ạ. - Eva cười vung búa phá cửa:

- Bất thần, ánh sáng ban ngày ủa vào phòng. Ánh sáng ấy không đến nổi chói mắt, nhưng là ánh sáng thật, từ mặt trời phát ra. Hình hài Eva tan thành khói, biến mất. Cả bàn, giường và các món ăn Pháp cũng biến mất. Mọi thứ trong phòng, - trừ anh hoạ sĩ, cuốn sách dạy nấu ăn và chiếc ghế - lại hoá thành hình vẽ trên tường.

Argon chậm chạp đứng dậy. Vết thương ở ngực cũng biến mất.

Nhưng một cái gì còn mạnh hơn cái chết rất nhiều cứ xâm chiếm lấy anh. Bức tường? Bức tường đang gọi anh. Trong bốn tuần qua, cơ thể Argon được nuôi dưỡng toàn bằng những hình vẽ trên tường nên anh đã biến thành một phần của bức tường. Có kháng cự cũng vô ích. Argon bước đi eo lả, lại gần bức tường và nhập vào đó.

Khi những người cùng nhà nghe thấy tiếng súng và tiếng búa phá cửa, chạy vào phòng thì Argon đã hoá thành bức vẽ. Mọi người chẳng trông thấy gì ngoài chiếc ghế, cuốn sách dạy nấu ăn và bức tường đã kín các hình vẽ. Có người nhận xét: "Trông kìa, Argon được vẽ y như thật".

- Kỳ quái thật! Phá cả cửa, bôi phấn khắp tường. Chuyện này khó lòng bỏ qua được. Anh ta chui rúc vào đâu rồi, cái anh chàng lem luốc và bất hạnh ấy? - Chủ nhà lầu bầu.

Khi mọi người rút đi, một giọng nói từ bức tường vang ra khe khẽ: "Không, chỉ dùng đến phần thôi, thì làm lại cả thế giới sao được!" Và, tiếp đó đúng ở chỗ tường có vẽ con mắt Argon, một giọt nước chậm chậm ứa ra.

“ĐÂY, NƯỚC MỸ ĐÂY...”

John Updike

Nhà văn Mỹ – Giải thưởng O’Henry

Sau khi đã ngồi sau tay lái cả một ngày, lúc gần ba giờ trưa bạn tới một thành phố nào đó, lái xe dọc theo con phố chính được kí hiệu trên bản đồ là một đại lộ mang con số nào đó, và bạn sẽ chọn một mô-ten¹ theo thị hiếu của riêng mình. Trong khi vợ bạn lại thích những mô-ten đầy đủ tiện nghi nằm chìm trong bóng cây xanh, cách xa những con đường chính ồn ào nhộn nhịp, nhưng dứt khoát không phải theo kiến trúc nhà gỗ một tầng. Còn đám trẻ con nhất định cần có bể bơi (điều này là hoàn toàn tất yếu), có máy thu hình màu trong phòng (tuy nhiên điều này không phải là quá cần thiết) và những chiếc máy chơi bạc tự động ở đại sảnh (để khách giải trí, không thấy buồn chán). Khi đã hỏi rõ ý kiến của từng thành viên trong gia đình, bạn đậu xe ở bãi đỗ bên cạnh khách sạn và đi gặp nhân viên quản lí. Hai chân bạn đã tê cứng và không thể gặp lại dễ dàng – ấy là kết quả của tám tiếng ngồi lì bên vô lăng xe hơi. Tám biển trên cửa ra vào cho biết mô-ten này thuộc sở hữu của "gia đình ông bà Plummer". Như vậy, người đang ngồi bệ

¹ Mô-ten: Một loại khách sạn nhỏ dành cho khách đi xe hơi, thường nằm ở những trục đường chính (Mỹ).

vệ, nghiêm trang sau quầy lễ tân chính là bà Plummer. Nom bề ngoài bà ta chừng năm mươi lăm tuổi, bà có mái tóc xoắn đã bạc với những lọn tóc màu đồng, còn khuôn mặt có thể mang nét ân cần chu đáo của người mẹ nếu như không có lớp son quá đậm, quá chói trên đôi môi và không có cái nhìn soi mói nơi đôi mắt quá sắc sảo của bà ta. Bà Plummer cần chưa đầy một giây là đủ để xác định bạn là một gã thế nào: một lũ khách với gánh nặng gia đình - có nghĩa là sẽ không phải bận tâm lo lắng nhiều về bạn. Bà Plummer là con người khôn ngoan, đáng yêu và đã từng nếm trải bao điều kinh hoàng trên đời rồi? Bạn chia cho bà ấy xem thẻ tín dụng của mình. Bạn sẽ nhận thấy bà ta nghiên cứu tấm thẻ ấy chăm chú như thế nào: hệt như nữ công nhân trên dây chuyền đang đóng gói các bao thuốc lá thành từng tút. Bạn hãy cầm lấy chùm chìa khóa phòng quý giá có treo lủng lẳng miếng plastic hình một quả trứng bị bẹp rúm. Hãy suy nghĩ nghiêm túc về bao nhiêu thứ việc phải lo toan của bà chủ: bà ta phải bán những thứ ta không thể mua được: nghỉ ngơi cho những người mệt mỏi, ơn huệ cao sâu cho những kẻ bị săn đuổi, khoảng không gian sống cho tất cả mọi người khác. Hơn nữa, bà ta còn cho bạn được sử dụng truyền hình và điện thoại - những sợi dây nối bạn với thế giới không có thực của quá khứ và của tương lai. Chỗ trú ngụ là món hàng tiêu dùng cổ xưa nhất.

Bạn dỡ các vali từ nóc xe hơi xuống. Đôi chân bạn vẫn còn đau nhức khi đi bộ trên mặt đất. Bọn trẻ đã bắt tay vào công việc quen thuộc của chúng: chỉ cần ba phút là



đủ để chúng quăng ngay balô vào góc phòng rồi chạy biến ra bể bơi! Bạn hãy theo gương chúng, nhưng đừng vội vã, vì bạn đâu còn là con trẻ! Và hãy canh chừng đừng bối tung thành đồng mọi thứ đồ đã được xếp gọn gàng cẩn thận trong vali khi bạn giục tìm những đồ tắm. Chỉ trong khoảnh khắc ✱ bạn sẽ cho bạn được chiêm ngưỡng nàng lỏa thể - quả thực là một tòa thiên nhiên đẹp đẽ, sau đó nàng cam đoan rằng nàng đau đầu sau chuyến đi mệt mỏi đến thế.

Bạn hãy đợi cho đến khi lũ trẻ hò hét và bơi lội thỏa thích. Đến khi đó thì sự tĩnh lặng trong trẻo lại ngự trị trên bể bơi. Hãy hướng thân thể mình đón ánh nắng mặt trời. Hãy lắng nghe những thanh âm của chốn đô thị. Bạn đến đây là lần đầu tiên - và đây là một cảnh huống không kém phần quan trọng. Sự thể sẽ khác đi nếu như bạn đã biết trước là có thể nghỉ ngơi ở đây như thế nào và như vậy có thể bắt đầu đưa ra những kế hoạch hoàn toàn khả thi ra sao. Tuy nhiên điều đó tuyệt nhiên không phải có nghĩa là thành phố lại nhỏ đến thế. Nước Mỹ chứa trong lòng mình những bí ẩn không tài nào hiểu được ở đây đang sống hàng ngàn sinh linh và luôn bồn chồn, lo lắng khôn nguôi - và bạn không thể hiểu thấu được họ, cũng hệt như không biết những ngọn núi trên Mặt trăng. Giả sử đó là thành phố ở California gần những triền núi khô nẻ của dãy Siera, những đô thị ấy cũng có thể nằm ở tiểu bang Iowa, hay là Kentucky, hoặc ở Conneeticut. Châu thành ấy xuất hiện dường như từ chốn không đâu. Bạn hãy lắng nghe xem. Nước trong bể bơi êm ái vỗ vào tường ốp gạch men. Tiếng âm ĩ của

những chiếc xe hơi lao nhanh trên con lộ mang số nào đó vọng vào tai bạn. Con lộ đang hát lên, đang thở dài, đang sôi sục, đang chảy êm đềm như một dòng sông. Nhưng kìa, tiếng ồn ào đang mạnh lên, đang tiến lại gần. Tiếng lốp xe ràn rạt trên lớp sỏi. Cái gì ở đó vậy? Hai cậu bé tóc dài với khuôn mặt nhợt nhạt - họ bạn quần jeans dãi dầu mưa nắng, trên áo bu đông đầy huy hiệu, nom dáng vẻ thì họ lớn tuổi hơn các con bạn - họ đã ra khỏi chiếc "Volkswagen" màu xanh lá cây đã cũ và bước tới phòng quản lý của khách sạn. Tiếng cửa ra vào đóng sầm. Tiếng soạn soạt của lớp xe trở nên càng khê khàng hơn. Còn ở phía bên kia là chiếc xe hòm đang xinh xịch, nó chở đám vải ga giường bán tới hiệu giặt là. Và bên trên tiếng ồn ào đó vọng tới tiếng xào xạc mơ hồ bao trùm hết thảy bằng một vòm thanh âm trong trẻo hệt như tiếng vo ve đều đều của đàn ong trên tổ, hay những tiếng riu rít của đám chim non trong hốc cây đang đòi ăn.

Tiếng còi rít lên. Tiếng còi ấy vang lên từ đằng xa, sau đó gần lại và rồi lại xa đi và chuyển thành những âm thanh trầm. Tiếng còi báo động ấy cắt xé làn không khí lúc ban trưa tựa như vết rạn trên chiếc bình pha lê cắm hoa. Rủi ro, bất hạnh chăng? Ở ngay đây sao? Tại nạn trên con lộ mà bạn có thể không tránh khỏi nếu như không dừng lại ở mô-ten này. Hay là ai đó sống trong làng trên núi bị nhồi máu cơ tim chăng? Bạn hãy bình tâm. Hãy để cho vắng mặt trời trắng lè, huy hoàng làm khô những giọt nước mịn nhỏ trên da bạn. Hãy tưởng tượng mình là một người California cổ xưa với bộ râu dài



màu bạc và một cái nhìn' dần dần không nét thiện cảm mà cuộc đời anh ta đã trôi qua ở nơi cảnh quan núi non này. Cho đến tận thời khắc này anh ta vẫn chẳng được ai biết đến và giờ đã phán định anh ta vẫn bị quên lãng cả vào ngày kia xa xôi nữa - bạn hãy hình dung rằng anh ta đã qua đời, rằng sự sống đã thoát khỏi lồng ngực trống kiện của anh ta như cái gốc cây đã bị bứt khỏi đất. Ý nghĩ ấy, mặc dù thật lạ lùng, cũng khiến bạn xao xuyến, âu lo không nhiều hơn tiếng ràn rạt của lớp xe trên con lộ mang số nào đó, không nhiều hơn tiếng la hét của lũ con bạn đang nô giỡn, không hơn cái giọng nói khó hiểu đằng xa, không rõ vì sao đang đơn điệu và liên tục nhắc đi nhắc lại các con số trên loa: "mười lăm... hai mươi...". Điều đó có dính dáng gì đến vụ tai nạn trên con lộ hay không? Mà có thể đó là báo động máy bay thì sao? Giọng nói lạnh lạnh, hòa tan vào bầu không khí thanh bình chung quanh. Tiếng còi hú lại vang lên. Một chiếc xe cảnh sát màu đen cùng một chiếc xe tải nhỏ màu trắng với các vệt sọc xanh da trời trên thùng xe nhẹ nhàng lao vút trên con lộ mang số nào đấy gần cách khu mô-ten với một quán ăn nhỏ của người Mêhicô.

Đằng sau mái ngói đỏ của quán ăn trải dài cả một khu thung lũng có sắc màu của loại rượu whisky lưu niên, còn xa nữa là những ngọn núi nhô cao màu xám thẫm đủ mọi sắc thái - nào màu tro, màu than chì, màu xanh thẫm của oải hương, rồi màu bìa các tông phế bỏ. Khi cái vẻ đẹp đến thế đập vào mắt thì nước mắt bắt giác trào ra. Kia cái giọng nói vẫn tiếp tục lúng búng trong loa: "... hai mươi... ba mươi". Bọn trẻ đã đến lúc cãi

cọ, còn bạn đã chán nằm sưởi nắng. Đến lúc đi tìm hiểu thực địa nơi này.

Vợ bạn bảo rằng cơn đau đầu đã dịu, nhưng nàng muốn nghỉ thêm chút nữa trong phòng và đi gọi đầu. Vậy là bạn, một người chủ gia đình tốt và tử tế, chỉ còn việc đi dạo trên đại lộ chính cùng lũ trẻ. Hơi nóng từ mặt đường nhựa làm nhộn nhạo nơi mắt cá chân. Văng mặt trời trên cao tạo ra những văng hào quang mỏng mảnh trên những tấm biển quảng cáo màu da cam, cả trên những chiếc kim hình lưỡi màu đỏ của đồng hồ trên nóc những bãi đỗ ô tô, cả trên những chiếc quần sóc màu hồng của các cô gái mà những tấm lưng cháy nắng của họ vẫn ngang đồng đánh những dây mảnh của áo lót thấp thoáng, cả trên những chiếc bludông nhà binh đã bạc màu mà những gã trai với cơ bắp cuộn cuộn và những ông già lụ khụ khoác trên người. Những người dân cổ xưa này cảm thấy vô cùng thoải mái ở đây. Bạn hãy mở lòng yêu mến họ, vì họ là những người bản địa. Đối với tình yêu thì chẳng có gì tốt hơn thế. Họ tò mò liếc nhìn bạn. Để tăng vẻ đáng hoàng bạn hãy ghé vào một cửa hàng nhỏ kế cận và hãy mua một cái gì đó. Bạn sẽ thấy rằng thành phố này có thể giới thiệu với bạn một tập bưu ảnh chụp hình những thắng cảnh của nó. Hóa ra là cư dân thành phố này đã tạo cho mình vốn vinh quang, nổi danh bằng lòng tự tôn, bằng thương mại và bằng sự thịnh vượng. Ở đây còn có nhiều cửa hàng bán đồ thể thao, nơi có thể mua được những chiến cụ đích thực dành cho cuộc tranh đấu với thiên nhiên hoang dã: cần câu, gậy trượt tuyết, súng săn, bè nổi bơm hơi, lều,

ba lô, kẹo hoa quả bọc giấy trang kim, bọ gậy đựng trong các hộp nhựa sáng màu làm mỗi câu cá, vợt chơi tennit và những quả bóng tennit có màu kẹo caramen. Mấy đứa con trai của bạn ngắm nhìn mọi thứ kì diệu đó mà há hốc mồm ra, song những đứa con gái thì thấy rầu rĩ, buồn chán. Bạn hãy mua năm cái bưu ảnh, một vài quả lê sấy khô dành cho chuyến đi dài ngoài hoang mạc và hãy lên đường. Bạn lại bước chân trên lớp nhựa đường nóng rẫy - vài cái quai mỏng nơi chiếc dép của cô gái út bạn đứt tung ngay. Đã biết bao nhiêu lần nó bảo bạn mua cho nó đôi dép mới! Mái tóc của nó vẫn còn chưa khô sau khi tắm: Bạn đi tới hiệu giày. Người bán hàng long trọng bế nó đặt lên ghế và đo bàn chân. Bạn sẽ ngạc nhiên khi thấy người bán hàng khéo léo và duyên dáng thế nào khi chạm vào cái chân nhỏ thắm mỡ hôi của con cái người khác. Than ôi! Nó không thích đôi giày người ta mang ra, còn đôi giày nó thích thì lại cỡ khác. Bạn hãy tỏ ý lấy làm tiếc và lui ra ngoài. Khi đi ngang qua một con phố nguy hiểm bạn hãy nắm tay cô con gái nhỏ - nắm với vẻ trù mến hơn thường lệ bởi bạn vừa mới thấy một người xa lạ đã tỏ ra trù mến hơn thế nào với nó. Khi sang bên kia đường phố bạn lọt vào một công viên bé xiu mà hàng năm đều trở nên nhỏ đi vì phải nhường bước cho sự xâm lăng của mặt đường đang mở rộng. Thay vì một pho tượng theo truyền thống thì ở đây có một chiếc xe hòm có mui cũ kỹ. Bạn hãy nghĩ tới những nạn nhân vô danh - những linh hồn mệt mỏi của họ vẫn luôn luôn lững lơ trong không trung, - những người đã liều lĩnh vượt qua sa mạc mênh mông trên con đường không có người đi, khi chưa hề có những xa lộ cao tốc,

những máy điều hòa, chẳng hề có thậm chí (bạn hãy nhìn xuống dưới chân mình để tin cho chắc) cả giảm xóc nữa, bởi thế những cặp bánh xe của cỗ xe này lộc cộc và nảy tung tung trên mỗi hòn đá nhỏ, và họ làm thế chỉ để đến được đây và xây dựng nên thành phố mà cư dân của nó đã biến chiếc hòm lâu đời kia thành một thứ thùng rác (bạn hãy thử nhòm vào bên trong để biết rõ) họ đổ vào đấy cơ man các vỏ lon nước chanh và bia.

Nước Mỹ - ấy là điều bí mật không thể hiểu thấu được đem lại hạnh phúc cho chúng ta!

* *

*

Hay đây là một phương án khác: bạn ngồi vào ô tô và lên đường tham quan theo những ngõ hẻm của thành phố. Ngôi nhà thờ nhỏ bằng gỗ, tòa nhà trường tiểu học xây bằng gạch với sân bóng rổ - một cái ao trắng nhựa át-phan giữa vùng đất bỏ hoang trống vắng - rồi những hình chữ nhật khuôn những ngôi nhà sạch sẽ thấp lè tè làm không khí nơi đây thoảng mùi bông khử trùng. Những bãi cỏ non như vừa được tưới tắm và lớp cỏ mới chắc sắp sửa vươn ra: những bãi cỏ ấy thật tương phản với những cánh đồng quạnh hiu, trống trải vương vãi lộn xộn các đồng cỏ khô. Những khuôn cửa sổ của những ngôi nhà kéo dài thành một đường thẳng mãi mãi, chúng hơi lấp lánh và dường như muốn nói điều gì đó, chính cái điều mà bạn muốn nghe, và bạn sẵn sàng lái xe đi và cứ đi chừng nào những lời nói ấy chưa vọng được đến tai bạn. Nhưng bọn trẻ đã mệt và chúng đòi quay về nhà.

Về nhà tức là về mô-ten. Nhờ có dầu gội mà tóc vợ bạn đã trở nên mềm mại mịn màng. Bể bơi đã vắng ngắt và đường như đông cứng lại rồi. Bóng chiều đang trườn dọc theo các sườn núi. Mặt trời phía Tây tỏa sáng cả vùng chân trời. Dãy núi màu bạc trắng đông chìm trong các tia sáng của buổi hoàng hôn, hết như một khúc xương kì ảo. Ăn tối ở đâu đây? Bạn hãy bàn với mọi người về vấn đề này. Bọn trẻ muốn ăn bánh *hamburger* bên chiếc bàn nhỏ trắng nhựa trong một quán ăn nhanh "*Mac Donald*" sạch sẽ để được trông thấy qua khuôn cửa sổ được lau rửa sạch dòng xe ô-tô vô tận, điều bảo đảm cho niềm tin tưởng vào tương lai.

Bạn cùng vợ muốn ngồi ở một góc ấm cúng theo phong cách địa phương, chỗ người ta bán rượu. Có thể, trong cuộc tranh luận này bọn trẻ thắng và bạn, khi đang ngồi trong quán "*Mac Donald*", sẽ nhìn ra cửa sổ và nghĩ: "Đấy, nước Mỹ đấy, đế chế thịt rán của nghệ thuật nấu ăn tiêu chuẩn dưới sự coi sóc của Chúa trời, một đế chế thống nhất và không thể chia cắt, với dưa chuột muối và khoai tây rán giòn tan dành cho tất cả và cho mỗi người! Những gì bạn nhìn thấy qua lớp kính được lau đến bóng loáng này đã nhạt màu: cuối cùng vào đoạn chót một ngày bạn bỏ cặp kính râm xuống, cặp kính đã đem lại cho cảnh vật một vẻ đẹp phi tự nhiên: bầu trời xanh có sắc thái màu cô ban, còn vùng bán sơn địa màu huyết dụ và những sườn núi màu da cam lại được tô màu dường như được vẽ lên bởi một nhà họa sĩ buồn những bức tĩnh vật xấu xí ngoài hội chơi làng mà chẳng ai ngó ngang tới cả.

Có thể bạn thuyết phục được bọn trẻ vào một quán ăn Mêhicô, và dưới ánh nến, trong khi chúng đang chiến đấu với những chiếc bánh ngô và đậu trong thứ nước sốt cay nồng, thì bạn sẽ nhấm nháp li rượu cốc tay "*Margarita*" và nghĩ: "Đấy, nước Mỹ đấy, nơi chúng ta tiêu hóa tất cả. Cả món bánh ngô, cả món vịt Bắc Kinh, cả bánh pizza, cả món thịt rán thành viên với dưa cải bắp, bởi vì chúng ta chính là những gì chúng ta đang ăn, chúng ta là những gì chúng ta đang nói về bản thân mình. Khi người Nhật phát âm "Nhật Bản", anh ta sa vào cái bẫy của những phạm trù chủng tộc, còn khi chúng ta phát âm "Mỹ" thì điều đó không chỉ đơn thuần là sự kiện mà còn là hành động - hành động của đức tin, một đức tin gắn bó với sự sắp xếp các nét trên bản đồ địa lý và những từ viết trên giấy, một đường nét nào đó có sứ mạng tô điểm thêm cho nhiều thế hệ trong vòng nhiều thế kỷ...". Và tất nhiên, cô hầu bàn, người mang ra cho bạn món điểm tâm và hóa đơn thanh toán đã mình chứng hùng hồn cho những suy tưởng đó, bởi lẽ cô thật xinh xắn, trẻ trung và không có tổ quốc - cô sinh ra từ một dòng dõi đã biến mất trên mảnh đất hoang mạc của chúng ta, mảnh đất trải rộng suốt từ đại dương này đến đại dương khác. Bộ xương tươi trẻ của cô cứng cáp lên nhờ thứ đồ ăn giản dị, sự miễn dẽ của cô được bảo đảm về mặt hóa học nhờ những viên thuốc hoóc môn, cách phát âm đáng yêu của cô không hề cho biết cô thuộc chủng tộc nào, làn da cô ngăm ngăm như của một thiếu nữ người da đỏ, còn đôi mắt cô xanh biếc và mái tóc rực rỡ thoải mái rủ xuống đôi bờ vai như tóc nàng Eva bất tử.



Bạn sẽ cẩn thận đi ngang con lộ. Tại bãi đỗ xe bên cạnh mô-ten, khi hầu như đã ngụp hẳn vào những tiện nghi vô danh trong căn phòng của mình, thì bạn chạm trán ngay với bà Plummer. Bà ta nắm trong tay những tờ phiếu gì đó, đi lon ton đến gặp bạn với nụ cười đơn đả. Điều đó làm hỏng mọi sự. Bởi bà ta biết bạn rồi. Và bạn biết bà ta. Mà khi điều bí mật chấm dứt thì buộc phải xây dựng các kế hoạch và suy tính cho một tương lai không thể đảo ngược. Nhưng trước hết phải ngủ đã. Và sáng sớm mai, khi ngoài con lộ vẫn còn ít ô tô và mặt trời đang đông vẫn chưa nung nóng, bạn hãy lên đường.

Nguyễn Chiến dịch

VẬT THÍ NGHIỆM

Henri Troyat

Nhà văn Pháp – Giải thưởng Goncourt

Albert Penchelet vừa mới treo mình lủng lẳng dưới cái móc đèn chùm thì cửa ra vào mở tung một người nhỏ thó đen đúa bước vào miệng chào hỏi hồ hởi. Con người đang treo cổ kia lâu bầu chửi thực sự, hai chân đạp lung tung trong không khí tỏ vẻ phẫn nộ. Không hề bối rối với cảnh đang diễn ra, con người nhỏ thó đen đúa ấy đặt lên giường chiếc cặp to tướng bằng da dê thuộc, chiếc mũ nổi và đôi găng tay màu xám.

Ông ta có khuôn mặt tái vẻ rầu rĩ, có cái nhìn thẳng và buồn bã của một gã chuyên nuôi chim bồ câu và một cái mụn trên cằm. Ông ta chẳng chút vội vã khi trèo lên chiếc ghế đầu và cắt đứt sợi dây thừng. Thân xác Albert Penchelet rơi xuống đánh bịch như tiếng con bò cái dằn mình xuống để nghỉ ngơi vậy. Sau đó con người nhỏ thó đen đúa kia sửa lại cổ tay áo và bảo:

- Tên tôi là Fosten Vantre. Anh đã quên khóa cửa đây.

Albert Penchelet không đáp vì anh đã coi mình là kẻ chết rồi. Lo lắng vì sự im lặng này, con người nhỏ thó đen đúa rút ra khỏi cặp một chai rượu rum, cái quạt,

muối ngửi, miếng bọt biển và bắt tay vào cấp cứu hồi sức cho kẻ bất hạnh.

Ông ta làm việc này bằng những động tác nhẹ nhàng, chính xác lưng cúi xuống, uốn thẳng người, quay người một chút, và chỉ nghe thấy tiếng răng rắc khô khốc của các khớp xương nơi cơ thể ông ta như có người đang gặm bánh bích quy trong phòng vậy.

Ông ta khe khẽ hát.

- Nơi biển cả, biển thanh bình, ha... ha...

Albert Penchelet mở mắt và thở sâu:

- Ông làm gì ở đây thế?

- Tôi đang đưa anh trở lại với cuộc sống. - Fosten Vantre đáp.

- Đó không phải là việc của ông.

- Anh lí luận cứ như đứa trẻ ấy. Tốt hơn là hãy uống một cốc nhỏ này, thứ này công hiệu đấy.

Albert Penchelet ngẩng đầu, nuốt một ngụm nhỏ và nhổ toẹt ra sàn:

- Tôi đã mất hết vị với mọi thứ rồi. Nếu như ông chỉ cần biết...

- Tôi biết. Tôi biết hết. Tôi biết anh hai mươi lăm tuổi, chẳng địa vị gì, chẳng có tương lai, chẳng có gia đình, chẳng tình nhân và mười tháng qua anh chẳng trả đồng xu nào tiền căn phòng này.

- Ông im đi! - Albert Penchelet rên rỉ.

- Tôi theo dõi anh đã vài tuần nay rồi... Tôi đã gửi cho anh tờ quảng cáo: "Hồi những người tuyệt vọng, xin

hãy biến sự thất vọng của mình thành tiền bạc. Tất cả mọi thông tin quý vị cần biết xin liên lạc với ngài Fosten Vantre, phố Aurehen Lomber, số nhà 17". Vì sao anh không phúc đáp hả.

- Tôi không nghĩ điều này là nghiêm chỉnh.

- Chà!... Tất cả các người đều như nhau cả! Hãy nghe đây, tôi bây giờ là để khuyến dụ anh một biện pháp kiếm tiền và bảo cho mình một tuổi già không phải nghèo túng.

- Tôi muốn đi ngủ. - Albert Penehelet lẩm bẩm.

Fosten Vantre nhấn nạt bật ngón tay.

- Hượm đã! Xin hãy nghe tôi nói. Anh dĩ nhiên giáo sư Otto Pupont rồi chứ?

- Ông ta là bác sĩ chỉnh hình chứ gì?

- Đại loại là như vậy. Chỉ có điều ông ấy không sửa nắn tứ chi mà là sửa tính cách.

Nếu thế thì không phải, tôi chưa hề nghe nói.

Bệnh viện thực hành của giáo sư Otto Dupont nổi tiếng khắp thế giới. Ông áp dụng ở đây phương pháp chữa trị riêng nhằm thay đổi và tạo kiểu các loại tính cách. Chẳng hạn, một con người rụt rè đề nghị: "Tôi muốn trở nên đầy quyền uy". Một phát tiêm. Mười ngày yên tĩnh, nghỉ ngơi. Và sau đó anh bạn của chúng ta trở về nhà với những cung cách độc tài của một diễn giả ngoài quảng trường. Chuyên ngành hiệu chỉnh tâm lý là một ngành non trẻ, tinh tế. Một sai lầm dù nhỏ bé nhất đều có thể dẫn đến những tai biến không thể khắc phục. Vì vậy, trước khi tiêm cho khách hàng, giáo sư Dupont



kiểm tra hiệu quả các loại thuốc của mình trên cơ thể các trợ lí mà chúng tôi gọi là "những người thử nghiệm tính cách". Họ có chừng hai mươi người. Nhưng vì hàng ngày lượng khách hàng trở nên ngày càng đông nên tôi nhận được lệnh tuyển mộ thêm một số trợ lí nữa. Tôi đã lập tức nghĩ đến anh. Các điều kiện rất tuyệt vời. Phòng làm việc phục vụ chu đáo, công viên để đi dạo, hiệp hội các đồng nghiệp tổ chức rất thanh tao. Lương bổng dạng ông hoàng bà chúa. Sau hai năm anh có thể già từ chúng tôi và sẽ lĩnh trợ cấp suốt đời tùy thuộc theo thậm niên công việc.

Fosten Vantre nghỉ lấy hơi và nuốt nước miếng đầy khoái cảm:

- Thế nào, anh bạn trẻ, ông ta nói tiếp, - anh đang nghĩ ngợi đấy ư?

- Nếu làm việc cho các ông có lợi đến thế thì tại sao tuyển những người làm vật thí nghiệm lại phức tạp đến vậy?

- Những người thử nghiệm tính cách ấy à? Đâu phải ai cũng phù hợp với công việc này! Họ cần phải có những phẩm chất thể lực nhất định chứ. Sức đề kháng này. Tinh thần trong sáng thuần khiết này. Rồi thể chất phát triển hài hòa với tâm lí ổn định, trí tuệ cao bậc nhất nữa! Đó là những tố chất mà anh có đầy đủ. Anh đọc hợp đồng mà xem! Hãy kí tên ở dưới phía bên trái. Nhưng xin anh đừng vội vàng. Người ta vừa mới báo tôi hay về một vụ tự vẫn gần quảng trường Bastille đấy.

Ông ta nút chai rượu rum lại và sắp xếp đồ dùng của mình một cách cẩn thận.

Albert Penchelet nhìn lên cái móc trên trần nhà, nhìn tờ tín chỉ của hợp đồng và nhún vai:

- Hoặc là điều này, hoặc là cái nút thông lưng kia?

- Anh nói hay lắm, - Fosten Vantre lên tiếng và chìa tay sang phía anh. Albert Penchelet đặt tờ giấy lên sàn và kí với vẻ mệt mỏi.

- Anh hãy chuẩn bị ngày mai lúc mười giờ sáng. Người ta sẽ đưa ô tô tới đón anh. Trước khi đi tôi sẽ thanh toán hóa đơn tiền phòng của anh.

Khi ông ta đã về, Albert Penchelet nằm vật xuống giường và một giấc ngủ nặng nề đầy những cơn mê choáng ngợp lấy anh. Anh đang lang thang trên một con đường đầy bụi tiến tới chỗ ánh sáng màu da cam đang nhấp nháy ở đằng xa. Cứ sau ba bước anh lại mất đi một bộ phận nơi cơ thể mình. Ngón tay, môi, mí mắt. "Hãy cố gắng làm sao chỉ cần tới đích!" - Anh nghĩ. Bất thành linh anh ngoái lại và nhìn thấy Fosten Vantre đang chạy lúc thúc đằng sau với chiếc cặp làm bằng da dê cấp sau nách. Cứ sau vài bước ông ta lại cúi xuống để nhặt lên một mẩu thịt của anh và nói: "Chà chà! Cái ngón tay ngon quá! Chà chà! Cái mí mắt thật tuyệt!" Xin ông dừng lại? Hãy dừng lại! Albert Penchelet kêu lên. Nhưng ông kia chỉ lắc đầu: "Anh có quyền gì mà ngăn với chặn? Chính anh đã đặt bút ký rồi có đúng không? Chà chà? Cái tai tuyệt trần đời?"

Khi Albert Penchelet tỉnh giấc thì chàng nhận thấy mình đã khóc ướt cả gối.

* *

*

Bệnh viện thực hành của giáo sư Otto Dupont tọa lạc ở ngoại ô Paris. Đó là một ngôi nhà to lớn vuông vức có nhiều cửa sổ và ban công, tòa nhà nhô cao ở giữa một khu công viên có những lối đi hai bên trồng cây được thiết kế phức tạp nom chẳng kém gì chữ kí của tay kế toán. Dưới bóng râm của đám cây cao ẩn khuất những chiếc ghế tựa dài dành cho những người đang bình phục, họ nghỉ ngơi ở đây để thả mình cho những suy tưởng về những thay đổi mạnh mẽ sâu sắc vừa qua nơi nhân cách của mình. Tòa nhà ngang dành cho những người thử nghiệm tính cách, một ngôi nhà ba tầng xây gạch màu hồng với cửa vào sặc sỡ nằm sau khối nhà chính. Những dãy hành lang trong ngôi nhà này được trải vải lót sàn có màu xanh dịu. Trên mỗi chiếc cửa đều đính tấm biển nhỏ: “Người dễ nổi giận”, “Người trầm tư” “Người cởi mở”, “Người ham thích văn chương và nghệ thuật”, bên dưới có ghi ngày tháng lần tiêm gần đây nhất với lời chỉ dẫn: “Không sử dụng trước...”

Bên phải cửa treo tấm biển ghi chú cho cá trực: “Trạng thái bình thường”... hoặc “Cần hiệu chỉnh” hay “Kết quả tiêm của anh”. Những bức tường trần trụi, chiếc giường gấp và một tủ sách.

- Sau khi thử nghiệm, dĩ nhiên chúng tôi sẽ thay đổi sách ở đây, cô ta nói. - Mỗi tính cách có gu đọc sách riêng. Giáo sư đề nghị anh chuẩn bị sáu một giờ nữa.

*

Giáo sư Otto Dupont tiếp Albert Penchelet bên chiếc bàn viết to tướng có kích thước ít ra là bằng một chiếc quan tài bằng đá thời La Mã chất đầy điện thoại, máy ghi âm, đèn báo hiệu trên các bảng điều khiển bằng nhựa êbonit, những chiếc máy tính với các chiếc bút tự ghi có ngòi tháo lắp được. Những xấp giấy với các mép giấy thò ra có màu trắng xóa cả hai bên nom thật dữ tợn. Rồi còn một chiếc đèn với cái chân đèn cong một cách xảo trá tỏa ra thứ ánh sáng vệ sinh sạch sẽ lên khuôn mặt của chủ nhân. Màu sắc khuôn mặt ông ta thật tươi tỉnh, cái nhìn đượm vẻ ân cần, thân mật, ngài giáo sư không để ria mép.

- Anh là người thử nghiệm số 14 phải không? - Ông ta hỏi Albert Penchelet.

- Đó là con số gắn trên cửa phòng tôi...

- Con số đó đi liền với anh đấy. Mời ngồi. Chúng tôi sẽ xem xét hồ sơ của anh. Anh hăm lăm tuổi. Các thói xấu: không có.

Albert Penchelet thấy tốt hơn là khiêm tốn đưa mắt nhìn xuống.

- Tính cách: bình thường. Phản ứng: bình thường. Phát triển trí tuệ: bình thường. Trình độ học vấn: bình thường. Các phức cảm tình dục bình thường. Trác tuyệt! Trác tuyệt! Anh đúng là một con người như vậy, một con người rất cần cho tôi.

- Tôi nghe mà thấy mát lòng lắm. - Albert Pencbelet thốt lên.

- Hôm nay tôi sẽ tiêm cho anh huyết thanh tự tin vô hạn với sắc thái kiêu hãnh và đôi chút thăng hoa của thần bí. Đây là một loại dung dịch rất phức tạp, tôi đã điều chế nó lần đầu tiên theo đơn đặt hàng của một chính khách. Sau khi tiêm anh sẽ nghỉ ngơi trong mười ngày. Sau đó tôi sẽ tiêm thử cho anh huyết thanh mơ mộng. Rồi tiếp theo...

- Như vậy có nghĩa là tính cách của tôi sẽ thay đổi cứ sau mười ngày sao?

- Gần như thế.

- Nhưng điều đó thực khủng khiếp!

- Anh nhầm rồi. Bất kì một ai trong số các đồng nghiệp của anh sẽ khẳng định rằng những chuyển biến này hoàn toàn vô hại, lành mạnh.

- Và cứ như thế suốt hai năm sao?

- Thậm chí còn lâu hơn nếu anh mong muốn. Mà chắc chắn anh sẽ thích thân muốn điều đó. Vì đổi mới bản chất của mình nên anh sẽ làm gia tăng các khả năng sống của mình. Anh sẽ sống, sẽ nếm trải từ ba mươi đến ba mươi lăm cuộc đời trong một năm, trong đó những kẻ khác, đồng loại của anh chỉ sống có mỗi một cuộc đời. Và lại, đời mà chẳng ra đời! Vì lẽ ấy mà anh đã toan quyền sinh có đúng không mà con người ta tự tử khi họ không thể chịu đựng được nữa cảnh của họ và cả chính bản thân họ nữa...

- Vâng, đúng vậy.

- Đây là lí do mà tôi đề nghị anh thôi không là chính mình nữa. Anh phải thỏa mãn với điều này.

Albert Penchelet thấy choáng váng. “Thế nếu như thí nghiệm không thành mình sẽ bị chết, điều này có thể hay không?” Anh không hề muốn chết. Nhưng ngài giáo sư đã đứng dậy và đẩy chiếc cửa được ngụy trang trong tường dịch sang bên.

Albert Penchelet đi theo ông ta vào một căn phòng sơn trắng như cửa hàng bán sữa. Trong đó sức mùi hiệu thuốc tây và cao su cháy. Trên tường gá toàn những giá xích đồng chất những chiếc lọ đựng các loại chất lỏng có màu sắc khác nhau. Ở giữa phòng trên một cái quây bằng đá cẩm thạch chen chúc cả một lô một lốc những bình cổ cong, ống nghiệm, các dụng cụ chung cất và những chiếc ống xoắn ruột gà. Ánh nắng hắt từ cửa sổ chiếu vào mọi thứ đồ thủy tinh và tạo thành những luồng sáng lấp lánh. Thứ chất lỏng xanh nhạt nào đó với sắc tím hoa cà chảy ồ ạt ọc giện dữ trong một cái bình thủy tinh tròn.

Fosten Vantre đeo kính thợ hàn chăm chú quan sát thứ nước đang sôi đó.

- Tất cả đã chuẩn bị xong chưa? Ngài giáo sư Dupont hỏi.

Cả người bạn đồ trắng toát như các bức tường xung quanh, viên trợ lí bước ra khỏi căn phòng kế cận và trên bàn tay với những tay bị axit ăn mòn anh ta cầm một cái ống nghiệm được đầy bằng một cái nút gạc bông. Ngài giáo sư nhìn cái ống nghiệm ở chỗ sáng và nói:

- Tôi nghĩ là cần phải pha loãng tí chút. Chắc, ta sẽ xem xét theo kết quả. Số đăng kí 14, xin mời cởi quần ra, anh bạn của tôi. Hãy quay lưng lại phía tôi. Đừng căng cơ bắp mà thả lỏng thôi.

Đứng quay mặt vào tường Albert Penchelet chìa cái móng trần trụi ra để chịu một cuộc phẫu thuật mà anh chưa hề biết tí gì cả. Mồ hôi nhỏ thành những giọt to lăn trên mặt anh. Đằng sau lưng, nhìn xuống chiếc hộp kim loại, tiếng thở dài của cái nút được rút ra, tiếng nước rỉ ra từ muôn của chiếc khóa vòi nước. Sau đó là tiếng những bước chân đang tiến lại gần. Hơi thở ấm nóng phả vào gáy. Mùi da thuộc. Cảm giác về miếng bông ẩm chạm cần thận vào da thịt. Anh nhắm mắt. Hai hàm răng cắn chặt để sẵn sàng chịu đựng đau đớn cắt da cắt thịt. Phát tiêm nhẹ vào móng khiến anh giật mình. Anh chờ đợi những thao tác tiếp theo.

- Xong rồi! - Ngài Otto Dupont nói. - Anh được nghỉ ngơi.

- Sao?...

- Chắc anh chờ đợi tôi sẽ đặt anh ngồi lên chiếc cọc nhọn chứ gì. Mười mười lăm phút nữa anh sẽ cảm thấy hiệu quả. Anh sẽ thay đổi cá tính như con rắn lột da vậy. Anh sẽ có được một ý chí, sự minh mẫn của lí trí và sự tự tin mà trước đây anh thiếu vắng.

- Xin cảm ơn ông. - Albert Penchelet nói. Anh uốn người ra chần chỉnh lại áo quần và rời căn phòng cùng Fosten Vantre đi kèm:

Albert Penchelet đi trong công viên rất chậm rãi để quan sát sự sinh thành một nhân cách mới trong bản thân mình. Tựa hồ một người đàn bà đang bụng mang dạ chửa, anh cố gắng tránh những cử động đột ngột vì sợ vấp hay ngã để khỏi vô tình hủy hoại một sinh thể mới lớn lên trong anh. Anh có cảm thấy điều gì không?

Chưa, hiện thời chưa có gì. Thế còn bây giờ? Vẫn chưa có gì như lúc trước. Có thể, chỉ có hơi văng đầu, hơi buồn nôn, một nỗi kinh sợ, cảm giác đợi chờ vui vẻ trước sự sinh thành. Ngày mai anh sẽ là ai? Hay sau một tiếng nữa. Anh sẽ có cảm thấy sự chuyển tiếp không? Anh sẽ có tiếc về quá khứ của mình không? Có nỗi tiếc về bản thân mình không?

Càng suy nghĩ, anh càng cảm thấy buồn bã. Anh có cảm giác như đang có mặt tại một buổi tiễn đưa: Người bạn thân nhất của anh đang ra đi, ra đi mãi mãi. Người bạn với nhiều nhược điểm, con người nhỏ nhoi và nhu nhược, không tốt bụng lắm, không hoàn toàn chân thành, nhưng đâu sao cũng là một gã trai đáng yêu. Anh suy nghĩ về bộ quần áo cũ, đã sờn rách, thật quen thuộc đến độ khó có thể chia lìa, anh nghĩ tới vẻ quyến rũ của những khu ngoại ô bản thủ, vẻ quyến rũ ấy sẽ không rời bỏ con người ta cho tới lúc lìa đời. Anh bùi ngùi nghĩ về số phận mình. Anh khóc than cho cái chết của chính mình. Thà chết còn tốt hơn là trở nên một con người khác. Trời ơi, tất thấy những điều đó để làm gì cơ chứ? Để đổi lấy những đồng tiền thảm hại, sự nghỉ ngơi ngoài bầu không khí trong lành sao? Và đó là sự trả công cho sự phản bội chẳng? Mà nếu như anh sẽ không muốn thay đổi? Nếu anh muốn là chính bản thân mình thì sao?

Cảm giác rất bồng bềnh nơi mông đít đã đưa anh trở lại hiện thực. Anh quay sang Fosten Vantre với khuôn mặt méo xệch vì tức giận và kiên quyết:

- Nay ông, người nuôi cấy vắc xin kia, các ông đã tiêm thứ thuốc chết tiệt đó vào tôi! - Anh kêu toáng lên. Như-

ng tôi cảnh cáo ông sáng mai tôi sẽ bỏ đi! Tôi sẽ báo cảnh sát về việc các ông buôn bán người làm thí nghiệm! Tôi sẽ bỏ tù cả hai các người, ông và ông Otto quý mến của ông nữa trước khi các ông dúi lỗ chỗ các vết tiêm trên người tôi! Đừng có nhe răng ra như thế, không tôi sẽ nổi xung lên đấy!

- Trời! - Fosten Vantre thốt lên. - Liều thuốc quá cao mất rồi.

Ông ta đưa chiếc còi nhỏ bằng bạc lên môi.

- Ông làm cái gì thế - Albert Penchelet hỏi.

- Không có gì cả anh bạn thân mến ạ. Chúng ta sẽ tiếp tục đi dạo. Anh có nhìn thấy hai phụ nữ trẻ kia không? Đó cũng là hai người thử nghiệm tính cách đấy. Số đăng kí của họ là 1 - bis và 5 - bis nếu tôi không nhầm. Ở đây phụ nữ mang thêm cái phần "bis" cho số đăng kí.

- Cô bên tay phải làm tôi thích đấy. - Albert Penchelet tuyên bố. - Ông sẽ cất công...

Nhưng anh không thể nói hết. Hai gã nom về dê tiện chạy tới sau khi nghe tiếng còi của Fosten Vantre liên tục bấm bấm anh. Hãy truyền đạt cho ông ấy biết là cần hiệu chỉnh ngay.

Albert Penchelet kháng cự vùng vẫy như một kẻ điên khùng, anh kêu, nhỏ bọt, cắn. Giáo sư Otto Dupont ra lệnh trói anh vào bàn và tiêm cho anh một phát mới cách chỗ cũ hai xăngtimét.

- Xin lỗi. - Ngài giáo sư nói. - Không phải lúc nào cũng thăm dò thành công tính cách đã định được ngay

đâu. Những chi phí sản xuất đâu có được đáp ứng lập tức. Giờ anh cảm thấy thế nào?

- Tốt, thưa ngài. - Albert Penchelet đáp. - Nhưng tôi không muốn ngài động vào tôi nữa. Tôi sẽ tự trở về phòng được.

Fosten Vantre xuất hiện nơi cửa ra vào nửa khép nửa mở:

- Ái chà, - ông ta nói, - thế là chúng ta đã an lòng được rồi.

Penchelet nhún vai. Anh thấy bình tĩnh, mạnh mẽ và tự tin.

Anh cảm nhận thấy một ý muốn ra lệnh, ra lệnh bất cứ cái gì cũng được cho ai không cần phân biệt.

- Tôi muốn người ta mang hoa vào cắm trong phòng của tôi. - Anh nói.

Giọng nói của chính mình khiến anh hài lòng. Cái chất giọng ấy nghe lạnh lạnh, can trường.

- Tôi nghĩ lần này chúng ta đã đạt được mục tiêu. - Ngài giáo sư Dupont bảo Fosten Vantre. Đây là một trong những thí nghiệm thành công nhất của tôi.

Albert Fenchet nén trải một cảm giác tự hào vì điều anh đã gây cho cả hai nhà khoa học kia phải sửng sốt.

- Xin hãy cởi dây thừng ra. - Anh nói.

Khi người ta đã để anh tự do, anh liền đứng dậy và bắt tay giáo sư.

- Xin tạm biệt, số 14, - ngài giáo sư đáp lễ, - chúng ta sẽ gặp nhau sau mười ngày nữa.

Một nỗi buồn bất chợt nhói trong tim Penchelet.

- Sau mười ngày nữa sẽ thế nào đây?

- Ô, tất nhiên là để khiến anh trở thành người mơ mộng.

- Nhưng tôi không muốn! Thế thôi! Thế này là tôi thấy tuyệt rồi! - Anh gõ nắm tay xuống bàn. Ngài Otto Dupont không đáp lại câu nào. Và số 14 rời khỏi phòng với vẻ trịnh trọng, hai tay vung vẩy, sải bước dọc theo những viên gạch lát sàn.

*

Sáng ngày hôm sau 14 tỉnh giấc muộn, sau đó anh mặc chiếc áo khoác màu nâu và đội chiếc mũ của bệnh viện, đoạn bước xuống khu vườn. Một hàng rào mỏng mảnh ngăn cách khu vườn dành cho những người thử nghiệm với khu công viên nơi các khách hàng đang đi dạo. Albert Penchelet ngồi xuống bên gốc sồi với quyển sách đặt trên hai đầu gối. Làn không khí ấm áp. Trên thảm cỏ xanh nhả nhót, run rẩy những vệt nắng. Chẳng bao lâu sau anh đã thiu thiu, cuốn sách tuột khỏi tay.

Tiếng cười giòn tan đánh thức anh dậy. Anh mở mắt, hai người phụ nữ gặp hôm qua ngồi cách anh có vài bước và đang nói chuyện sôi nổi.

Albert Penchelet ngả mũ chào họ. Họ gật đầu đáp lại. Bất thành linh cô trẻ hơn hỏi:

- Anh là người thử nghiệm mới hả?

- Vâng, thưa bà.

- Cô thôi anh ạ.
- Tôi xin lỗi.
- Thế cái gì nơi anh hôm nay?
- Cái gì nơi tôi ấy à?
- Vâng, tính cách nơi anh hôm nay là gì?
- Quyền uy với sắc thái kiêu hãnh và đôi chút thần bí.
- Thật tuyệt! Còn nơi em là sự hiền dịu với sắc thái ngây thơ và nét thi vị.
- Cũng thú đấy. Được bao nhiêu ngày hả cô?
- Còn năm ngày nữa.
- Còn tôi có trọn vẹn chín ngày.
- Anh thật may mắn.
- Vì sao cô lại nói thế?
- Chà, thay đổi thật chẳng thú chút nào.
- Thế thì cô chối từ đi!
- Mẹ ơi, mẹ nghe xem, anh ấy thật quả quyết! Điều đó thật tuyệt vời.
- Bà đây là mẹ cô sao?
- Cô gái mỉm cười.
- Không đâu, em gọi chị ấy là mẹ vì chị ấy ở đây lâu hơn tất cả mọi người. Chị ấy khuyên nhủ bọn em, giáo huấn, chỉ bảo nữa.

Albert Penchelet dịch gần lại chỗ hai người phụ nữ, và cuộc tâm tình tiếp tục thật vui vẻ và tự nhiên đến nỗi họ thậm chí quên cả bữa ăn trưa. Số 14 kể về những nỗi bất hạnh của mình và biết rằng cô gái trẻ kia tên là

Iolande Vensane, rằng cha mẹ cô đã mất và cô đã toan nhảy xuống sông Seine tự vẫn. Cô có một khuôn mặt trái xoan nom rất đáng yêu, đôi má nhợt nhạt và đôi mắt xanh to mà cái nhìn nơi đôi mắt ấy dường như đã khiến mọi sự trở nên dịu dàng, dễ chịu.

- Em đã muốn trầm mình xuống sông. Em thấy khi ấy thật kinh khủng. Và bỗng nhiên người ta tóm lấy tay em.

- Cô thật hạnh phúc xiết bao!

- Anh đáng mến lắm.

- Không, tôi chỉ là một kẻ ích kỉ thôi mà.

- Có hai người thử nghiệm khác cũng mặc áo choàng màu nâu thẫm như của Albert Penchelet đi ngang qua trước mặt họ.

- Số 7 hôm nay là “kín đáo, không cởi mở”, Iolande nói. - Còn số 12 hôm nay có ngày cuối cùng của tâm tính giận dữ nhưng sâu thẳm tâm hồn và tốt bụng”.

- Vâng, cuộc sống ở đây quả chẳng vui vẻ gì. - Albert Penchelet nhận xét.

- Anh đừng nghĩ như thế, - “bà mẹ” phản đối, - nơi chúng ta là một nhóm người tuy ít ỏi nhưng rất thân ái... Và nếu anh sẽ ở lại đây lâu...

- Tôi sẽ ở lại đây lâu. - Albert Penchelet tuyên bố. Rồi anh nhìn Iolande với dáng vẻ của kẻ chinh phục người Mông Cổ là Thành Cát Tư Hãn, vì đó mà cô gái cúi gằm xuống.

* *

*

Ngài Otto Dupont đã gọi mời tất cả, các số chẵn tối để trình diễn các mô thức tính cách trong vòng một ngày. Trong một căn phòng lớn với những chiếc ghế đi văng nhỏ được trang hoàng đẹp để người ta đã bố trí một sân khấu, dây đèn trang trí và lắp đặt các micrô. Các vị khách hàng ngồi trong ánh tranh tối tranh sáng của gian phòng. Từ trên sân khấu, Fosten Vantre tuyên bố đọc các nhận xét tư cách, khả năng, sau đó khán giả đặt câu hỏi cho số được giới thiệu. Vị chính khách đặt hàng khí chất của Albert Penchelet hóa ra một ông béo tốt hồng hào thấp lùn với mái tóc hung và đôi mắt ti hí ranh mãnh. Ông ta hài lòng và thần phục kết quả.

- Ngài tin chắc là tác động như thế sẽ ảnh hưởng đến tôi chứ? - Ông ta hỏi ngài giáo sư.

- Tôi tuyệt đối tin tưởng. Chúng tôi chỉ cần phải chú ý đến phức hợp tinh thần của ông thôi, và kết quả sẽ tương tự như thế.

- Tuyệt! Tuyệt lắm! Ngày số 14, anh sẽ nói với tôi rằng anh không bao giờ hoài nghi về sự đúng đắn trong ý kiến của riêng mình chứ?

- Vâng, không bao giờ Albert Penchelet trả lời.

- Nhưng nếu kỉ luật đảng không cho phép thể hiện các ý kiến của các anh cho đến cùng thì sao?

- Dẫu sao tôi cũng sẽ nêu ra!...

- Ồi chao ơi! Nhưng điều đó là nguy hiểm?

- Tôi sẽ gia nhập đảng khác... hoặc sẽ thành lập đảng mới của mình.

- Tốt. Và nếu anh biết vợ anh không chung thủy với anh thì sẽ ra sao?... Ở đây tôi chỉ nêu giả định thôi, anh hiểu ý tôi chứ?

- Tôi sẽ tống cô ta khỏi nhà.

- Được. Ngài thấy không, điều cuối cùng này nên g-
ượng nhẹ tí chút. - Ông béo thở dài khi quay sang nói với
ngài Otto Dupont.

- Xin tùy ông. Nhưng ông hãy lưu ý rằng bất cứ lúc
nào cũng có thể đến gặp chúng tôi để có những hiệu
chỉnh bổ sung.

Albert Penchelet đi xuống khỏi sân khấu trong tiếng
reo tán thưởng. Có bà nào đó thậm chí còn kêu to với
anh từ mãi cuối phòng:

- Hoan hô!

Người ta chúc mừng anh, tuy nhiên không phải là
không có lời châm chọc ở hậu trường.

- Anh làm cho người ta thích đấy

- Anh cố gắng thế thật vô ích.

- Tất nhiên, tính cách của anh rất có lợi thế. Thật thú
vị nếu biết được làm sao anh có thể xử lý được tính cách
khác đây. Albert Penchelet bắt đầu thất khó chịu với tất
cả sự ghen tị nghề nghiệp này, với sự làm bộ làm tịch
đáng thảm hại anh bỏ ra khu vườn Iolande, Vensene đã
đợi anh ở chỗ họ gặp anh từ trước. Lần này cô chỉ có một
mình.

- Cô đấy ư! Hay quá! - Anh tỏ vẻ sung sướng. - Tôi cần
phải tránh thoát khỏi vở hài kịch ngu ngốc này. Con
người ta thật nhỏ mọn và đố kị.

- Thế là nghĩa là mỗi sự nơi anh đều trót lọt phải không?

- Vâng, tôi cho là như thế.

Cô xoay xoay lòng bàn tay, còn cái nhìn của cô tỏa rạng vẻ trung thành đầy cảm mến:

- Em tự hào vì anh đấy. Anh kể em nghe về những ấn tượng của anh đi.

Anh ngồi xuống bên cạnh cô và không rời mắt khỏi cô trong khi nói chuyện. Cô thật xinh xắn và mảnh mai, yếu ớt đến nỗi khiến cho người ta bất giác những muốn bảo vệ cô, đồng thời Albert Penchelet thấy trong anh thức dậy niềm mong muốn được bảo trợ cho ai đó. Bên cạnh cô gái dịu dàng ấy anh cảm thấy mình mạnh hơn, can đảm hơn, anh nếm trải được một cảm thức dễ chịu về trách nhiệm. Anh là kẻ làm chủ tình hình. Anh đặt bàn tay lên gối Iolande Vensene. Cô giật mình và cúi đầu xuống thấp.

Vào những ngày sau đó Albert Penchelet hăng say tranh đấu với những suy nghĩ về tình yêu. Điều đó tuyệt nhiên không phải vì được làm kẻ thâm yêu trộm nhớ là việc chẳng lí thú gì. Chỉ đơn thuần do anh nghĩ sẽ là khôn ngoan, lí trí hơn nếu không chấp nhận một cách nghiêm chỉnh những tình cảm của mình để đánh giá chúng tỉnh táo hơn. Song ngay sau đó anh hiểu rằng chỉ cần nhìn thấy Iolande Vensene là những mối nghi hoặc nặng nề nhất trong thâm tâm anh liền tan biến đi ngay. Anh nghĩ về cô, mơ ước về cô, vẽ nên trong trí tưởng tượng của mình những cảnh đam mê làm anh mệt mỏi hơn là những vuốt ve trìu mến thực sự.

Vào một buổi chiều tối chủ nhật, một vài phút trước lúc tan giờ làm việc, anh hôn cô. Cô gái không cưỡng lại mà chỉ rên rỉ như con thú nhỏ. Trong ánh chàng vạng anh nhận thấy vẻ thỏa mãn trên khuôn mặt cô. Anh hôn cặp môi cô hơi hé mở và cảm thấy hương đưa thoảng nhẹ. Anh ngây ngất với hạnh phúc.

Đến ngày hôm sau anh gặp Iolande Vensene chỉ vào lúc năm giờ chiều. Anh bước đi vẻ dứt khoát và kiên quyết trên con đường nhỏ mà họ đã chọn để gặp gỡ. Anh bước lại gần cô và cầm lấy tay cô. Nhưng cô đột ngột rút tay ra và cười vang.

- Em sao thế? - Anh hỏi.

- Sao à? Chẳng có gì cả đâu.

Anh chăm chú nhìn cô. Nơi cô gái đã có điều gì đó thay đổi. Cái nhìn của cô đầy vẻ khiêu khích. Iolande Vensene ngẩng cao đầu và cười với khoe miệng mở to, cười một cách thành thực và thậm chí có vẻ xác xược. Những điều này đã khiến anh ngỡ ngàng.

- Vì sao anh đã không thấy em khi sáng?

- Em đi tiệm mà.

- Nổi kinh hoàng choán ngợp lấy mọi suy nghĩ của Albert Penchelet.

- Thế bây giờ em là ai?

- "Một phụ nữ khôn ngoan, chín chắn, có quyền lực, tháo vát thạo việc, thích nghệ thuật ẩm thực". Ngài giáo sư đã hoàn toàn hài lòng. Dường như cô vui mừng với bộ mặt có tính cách mới như thích thú với bộ cánh mới vậy.

Albert Penchelet ngồi phịch xuống ghế mà trong lòng thấy sâu muộn khôn xiết.

- Không thể được? - Anh rên rỉ. - Một tạo vật kiêu diễm, một sự thù mị nết na, tình cảm sâu lắng, suy nghĩ mộng mơ, chính em là thi ca mà.

- Anh có thể già biệt với tất cả những điều đó.

- Thế có nghĩa là anh phải chia tay với tình yêu của mình sao?

- Chà đó là một việc khác! Chúng ta sẽ bắt đầu từ việc anh là một kiểu đàn ông đích thực. Em chỉ yêu cầu anh để ria và cắt ngắn móng tay đi.

- Iolande! Iolande ơi! Điều này có thể là thực được chăng?

- Ở đây trong tòa nhà này mọi sự đều có thể, anh yêu ạ. Anh không có xì gà à? Thật tiếc em mê xì gà lắm. Anh hãy ngồi gần lại em đi. Anh đừng có tự nguyện tạo những tấn kịch nữa. Để em hôn anh nào.

Cô cúi mình xuống bên anh và đặt lên đôi môi anh một cái hôn khéo léo, thành thạo của một người phụ nữ đã lọc lõi chuyện đời.

- Ồi chào? Thật tuyệt! – Cô kết luận.

Một cơn giận dữ thâm lắng trỗi dậy trong con người Albert Penchelet. Trong cơn bùng phát dữ dội anh buộc tội Iolande cứ như điều đó là do chính cô gây ra vậy. Anh khinh bỉ cô vì niềm vui đó nơi cô.

- Cô là... một gã nam tính sao! - Anh gầm gừ, giọng rít qua kẽ răng. Nhưng cô đừng có quên: tôi chi phối mọi sự ở đây. Tôi sẽ đuổi cô tôi sẽ tiêu diệt cô.

Cô mỉm cười với tiếng cười đầy vẻ lố bịch.

- Thôi im đi. - Anh kêu lên.

Cánh tay anh đã giơ lên chực giáng một cái tát nhưng chưa kịp làm điều đó thì một cú tát đã làm má anh rất bồng.

- Hãy đi đi anh yêu ạ. - Cô nói.

Và cô bỏ đi, miệng huýt sáo vang và lạc điệu một giai điệu bài hát nào đó của dân chèo miền viễn Tây nước Mỹ.

Sau sự biến ấy Albert Penchelet đã trải qua mấy giờ đồng hồ trong nặng nề đau khổ. Anh đã buồn thảm cho tình yêu đã chết, anh thấy căm thù ngài giáo sư, thề rằng ngày mai sẽ bỏ bệnh viện này mà đi. Nhưng một sự yếu đuối, nhụt chí khó hiểu nào đó đã níu anh lại. Và lại anh đã đi tìm gặp Iolande, anh đi vợ vẫn gần khối nhà phụ nữ, lúc đó cô đang ngậm xì gà đi dọc theo chỗ hàng rào chắn song. Khi anh nhìn thấy cô, một sự chấn động rần rật nơi các sợi thần kinh trong anh. Anh buộc phải thừa nhận rằng anh yêu cô cả khi cô có khuôn mặt tinh thần mới này. Sau cái khí chất của một người đàn bà bạo liệt mà đã khiến anh tuyệt vọng, sau khuôn mặt kín đáo lạnh lùng làm anh phải rối trí buồn chán kia ẩn giấu một sinh thể dịu dàng mà những nét quyến rũ của sinh thể ấy chưa hề tan biến mất. Những phát tiêm của giáo sư Dupont đã làm thay đổi bề mặt, nhưng những sức mạnh bề sâu, những góc kín của tâm hồn, những nguồn nóng hổi của cuộc sống và tình yêu vẫn không hề bị xâm phạm. Albert Penchelet đã tìm được nơi anh lòng can đảm làm lạnh với Iolande, chịu đựng những cơn đờn đánh của cô, lắng

nghe một cách nhẩn nại những lời huyền thuyên không dứt. Anh nhìn vào thẳm sâu trong tâm hồn cô. Anh đã toan giải thích cho cô nghe điều đó. Cô chẳng hiểu gì và bèn gọi anh là chàng thông minh.

Tuy nhiên, một vài ngày sau đó, cả số đăng kí 14 cũng thay đổi bộ mặt của mình. Huyết thanh “mơ mộng” - do không đủ nồng độ nên đã biến thành “nhu nhược”. Cũng lúc đó, hợp đồng đã bị bãi bỏ và ngài Otto Dupont chẳng vội vã gì trong việc sửa chữa sai sót đã phạm trong tính cách người thử nghiệm của mình Iolande Vensen đón gặp sự chuyển hóa ấy với vẻ khó chịu ra mặt.

- Với em thì tình yêu là cuộc chiến đấu. - Cô nói. -
Vậy thì làm sao có thể tranh đấu với một kẻ suy nhược như trùng amíp đây?

- Em nói đúng, anh cũng thấy đáng ghét với chính mình. Albert Penchelet than vãn. - Anh là một con người nhỏ bé thảm hại! Anh không xứng với em. Chao, giá như anh có đủ lòng can đảm tự vẫn nhỉ !...

Đầy lòng thương cảm, cô cố gắng thổi vào anh dấu chỉ đôi chút lòng dũng cảm và tự tin. Nhưng cô không thể thực hiện được việc giáo dục ấy vì chẳng bao lâu sau cô đã trở thành một “bà chủ xinh xắn với khuynh hướng đạo đức giả và có những khả năng toán học”. Từ ngày hôm đó Albert Penchelet thôi không lôi cuốn sự chú ý của cô nữa. Anh liền ve vãn tán tỉnh cô, thì thầm những lời bộc bạch tình tứ nhét thư qua khe cửa. Thậm chí có lần anh đã đề nghị Fosten Vantre đứng ra bênh vực cho anh. Nhưng sang ngày hôm sau chính anh lại trở thành “Kẻ hoang phí đời, được phụ nữ chiều chuộng và say mê trò

bài bạc". Trở nên thất vọng và mê đắm tình yêu, Iolande Vensene cố gần gũi anh. Nhưng anh xử sự với cô một cách cao ngạo, làm bộ làm tịch với vẻ lỗ mãng của một kẻ tán gái sốt sáng và tỏ ý muốn theo đuổi các cô y tá hơn. Anh không bỏ qua một người phụ nữ nào hết. Anh chặn họ lại, lấy tay hất cằm họ lên và nói với họ bằng thứ giọng êm ái:

- Cặp mắt nhỏ đẹp quá?... Anh muốn thì in trong ấy và quên lãng mọi sự!

Nhưng ở nơi sâu thẳm tâm hồn, sự quyến luyến của anh với Iolande Vensene không hề giảm bớt chút nào.

Cả hai con người, hai sinh thể ấy mà những tính cách của họ thay đổi chẳng hợp lúc chút nào đều đau khổ vì sự tồn tại một hạnh phúc chỉ ngẫu nhiên và chóng qua. Chiếc bơm tiêm của ngài Otto Dupont với sự nghiệt ngã nhẫn tâm của số phận đã chi phối cuộc đời họ. Toàn bộ những niềm vui và đau khổ của họ đều phụ thuộc vào phát tiêm tâm thường nơi mông đít. Vào những thời khắc hiếm hoi của sự hòa hợp trọn vẹn họ than khóc cho tình trạng dễ đổ vỡ chẳng chút vững bền trong mối tình gắn bó họ. Được ở bên nhau, tâm tình, hiểu nhau, yêu nhau như người ta vẫn yêu, và biết rằng chẳng lâu la gì họ sẽ lại trở thành những kẻ xa lạ với nhau. Họ sống trong nỗi kinh hoàng mãi mãi trước tương lai. Sợ hãi chính bản thân mình. Sợ người yêu của mình. Được cãi cọ, được xúc phạm nhau, rồi tha thứ, làm người mình yêu kinh ngạc và tự mình ngạc nhiên, rồi cứ liên tục thay đổi. Sự xoay vần liên tục đó của cảm giác và tình cảm đã khiến họ mệt mỏi đến nỗi không còn tỉnh trí nữa.

Họ đã không còn nói thế này nữa: “Anh yêu em” hay “Em yêu anh” mà nói: “Hôm nay anh yêu em xiết bao”, “Em yêu anh quá hôm nay!” Họ không còn nói: “Chúng ta sẽ làm điều đó, nào hãy đi chơi đâu đó đi”, mà họ nói: “Nếu em sẽ không thay đổi nhiều thì chúng ta sẽ làm điều đó, sẽ đi chơi nơi nào đó”. Lịch trình bệnh viện với họ đã trở thành một thời gian biểu quy định có những niềm hi vọng hay nỗi kinh hoàng.

Đến ngày hai mươi lăm em được ấn định là “người đàn bà nhẹ dạ, yêu quý con cái của người khác”.

- Em nghĩ thế nào, chúng ta sẽ có thể thỏa thuận và ăn ý với nhau được không?

Cô nhìn anh với nỗi buồn sâu sắc:

- Em e là không đâu anh Albert ạ.

Anh bèn chạy tới chỗ Fosten Vantre và khẩn cầu lui thời hạn tiêm lại đôi ngày và tiêm truyền cho Iolande tính cách phù hợp với tính cách của riêng anh đang có. Tất cả những yêu cầu đó đều vô ích. Các đồng nghiệp của Albert Penchelet rất thông cảm với đôi lứa yêu nhau ấy. “Đôi lứa tác kè hoa⁽¹⁾”, như số 13 đã gọi họ, là đề tài rộng khắp của những cuộc nói chuyện. Albert Penchelet toan tính lợi dụng sự nổi tiếng ấy để gây nên một cuộc dấy loạn của những người thử nghiệm chống lại ngài giáo sư Dupont. Nhưng người ta không ủng hộ anh. Như đã dự đoán trước, những kẻ âm mưu đã không có đủ sự nhất quán trong các ý tưởng.

¹ Tác kè hoa: một loài bò sát luôn thay đổi màu sắc bề ngoài của mình tùy thuộc theo môi trường. (ND).

Về phần mình, Iolande đề nghị bà mẹ giúp đỡ. Chà, giá như con vẫn được yêu anh ấy dù chỉ ngày mai nữa thôi! - Cô nhắc lại.

- Tương lai nằm trong tay của ngài giáo sư. - Bà mẹ lắc đầu.

Cho tới cuối tháng chín, đôi lứa yêu nhau bị hành hạ đau khổ ấy đã quyết định thôi việc. Họ lên phòng ngài Otto Dupont, họ giải thích cho ông ta hay về nguyên nhân và xin lỗi vì họ không thể hoàn toàn thực hiện hết thời hạn hợp đồng hai năm. Ngài Otto Dupont không chỉ đại lượng tha thứ cho sự bội ước của họ mà thậm chí còn hứa cấp khoản trợ cấp nhỏ trong ba năm đầu tiên khi họ bước vào cuộc sống gia đình. Phát tiêm cuối cùng đã trả lại cho họ những tính cách có từ lúc ban đầu. Họ tiếp nhận lần tiêm này với một vẻ sùng kính.

Một tháng sau đó họ kết hôn và thuê một căn hộ hai phòng ở khu cổng Ý Đại Lợi.

*

Trong thời gian đầu, cuộc sống lứa đôi của họ thật hạnh phúc. Cặp vợ chồng trẻ thấy khó mà tin được rằng cuối cùng họ đã được ở bên nhau, được đi ngủ và tỉnh giấc với chính con người mình đã yêu quý, được biết rằng khi đi vắng thì khi trở về sẽ được chính khuôn mặt yêu thương đó chờ đợi và được nghe chính những lời nói ấy, và được thừa nhận chính mình có lỗi trong những điều hiểu lầm có thể xảy ra chứ không phải là ai khác!

- Em mừng tượng mình đang mơ? - Iolande thăm thò.

Albert nâng những ngón tay cô lên môi mình:

- Được hi vọng, được tin tưởng và xây dựng xiết bao? Em còn nhớ những trò tếu nực cười của cô gái bạo liệt chứ?

- Nực cười sao? Hoàn toàn không phải thế. Thế còn anh ở vai trò một gã tán gái suông sã thì sao đây!

Họ cũng cất tiếng cười về những nỗi đau khổ đã qua.

Có một lần vào chủ nhật họ quyết định đi thăm xã giao ngài giáo sư Dupont. Họ quay trở về nhà với tâm trạng phảng phất buồn và hơi lo lắng.

- Thế anh có nhận thấy là người ta đã xây thêm một căn nhà nữa lấn vào khối nhà của những người thử nghiệm ở phía bên dành cho phụ nữ không?

- Và họ đã thu hẹp cái vườn.

- Không, đấy là trước đây chúng ta có cảm giác khu vườn là to đấy thôi.

Ngày tháng trôi đi, và Albert Penchelet trở nên trầm ngâm, im lặng và căng thẳng. Iolande không muốn ra ngoài nhà nữa và suốt ngày ngồi trong ghế bành trước cửa sổ, cô nhìn những chiếc ô tô ngược xuôi tất tả trong mưa. Anh đứng dậy, lại gần cô, hôn cô vào trán và chậm rãi lê bước về góc của mình. Đồng hồ cứ điểm chuông báo thời khắc trôi.

- Em yêu, chúng mình sẽ làm gì tối hôm nay?

- Anh muốn làm gì cũng được, anh ạ.

Albert Penchelet buộc phải thừa nhận rằng anh cảm thấy quá buồn tẻ khi sống với vợ mình. Còn cô cũng phải công nhận nơi tính cách chồng cô không có đủ sự bất ngờ nuôi dưỡng tính hấp dẫn.

- Ngày này qua ngày khác cũng vẫn người đàn ông ấy và cũng vẫn người đàn bà ấy. Họ nhớ về những ngày xưa ở bệnh viện thực hành khi cuộc gặp gỡ nào cũng tiêm chứa một cái gì đó chưa lường trước được. Con cuồng hứng của tưởng tượng đã chuẩn bị thật kém cỏi để họ thích ứng với thời điểm hiện tại này. Giờ đây thì chẳng có gì có thể xảy ra, cả những điều đau khổ lẫn vật lẫn những điều tuyệt vời sung sướng. Hiện tại chỉ là một địa ngục của đơn điệu và bình an, no ấm. Albert Penchelet đã kiếm cho mình một cô nhân tình mà vợ không hề hay biết. Iolande cũng tìm được nhân ngãi. Nhưng rồi những mối quan hệ ấy thật chóng phai tàn. Trong buồn khổ và ăn năn hối hận, họ trở lại với nhau. Cả hai người đều bực bạch.

- Em đã phản bội anh, anh yêu quý của em.

- Em yêu, cả anh cũng đã lừa dối em.

Cả hai đều nom thật nhợt nhạt. Trán nhăn lại, Albert Penchelet biện bạch một cách rầu rĩ: Em thấy không, trước đây anh đã phản bội em là với chính em. Hết tuần này sang tuần khác em cứ vừa là em vừa là cô gái khác, và anh cũng vừa là anh và cũng không phải là anh...

- Ôi, anh hiểu em rõ quá đi thôi!

- Anh đã sợ mất em. Nhưng khi mất em, không hiểu sao anh lại có em trong người con gái khác: Em vừa hiển hiện vừa ẩn khuất: Em vừa thuộc về anh và cũng lại không thuộc về anh.

- Anh có còn nhớ khi xưa em đã bảo anh: "Với em thì tình yêu là một trận chiến đấu!" không? Khi đó anh là

một con người bạc nhược thảm hại mà. Ôi chao, em sao mà muốn anh lại trở thành con người như thế nữa.

- Còn anh ước ao em lại biến thành cô gái thông thái kì quặc với những khả năng xuất sắc về toán kia.

- Ôi, anh Albertt! Anh Albert nhĩ? Bọn mình đã mất thật quá nhiều!

Cô bắt đầu bật khóc:

- Cả đời, - cô than thở thật cay đắng, - anh sẽ là anh, còn em sẽ chỉ là em? Điều đó quả thực không thể chịu đựng nổi, phải không anh?

Bằng những nụ hôn nồng nàn âu yếm anh lau khô những giọt nước mắt của cô, rồi anh thầm thì:

- Đúng rồi Iolande ạ! Điều đó quả không thể chịu được! Không thể chịu đựng nổi!

Ngày hôm sau, Albert Penchelet cùng vợ mình trở lại phục vụ tại bệnh viện thực hành của ngài giáo sư Otto Dupont.

Nguyễn Chiến dịch

SẮM RÊN

Ray Bradbury

Nhà văn Mỹ - Giải thưởng Franklin/O' Henry

Tám bảng hiệu trên tường dường như chao đảo, rung rinh. Mi mắt rần rật, Eckels nhìn chòng chọc vào hàng chữ: DỊCH VỤ SĂN THÚ NGƯỢC THỜI GIAN TỔ CHỨC CHO BẠN NHỮNG CHUYẾN SĂN VÀO BẤT KỲ NĂM NÀO TRONG QUÁ KHỨ SĂN BẤT KỲ LOẠI THÚ NÀO BẠN MUỐN.

Một cục đờm nghẹn lại nơi cuống họng Eckels; anh cố nuốt cho nó trôi xuống. Những cơ bắp quanh miệng anh căng ra thành một nụ cười khi anh chậm chạp đưa tay lên ra hiệu với người đàn ông đang ngồi sau quầy; trong bàn tay Eckels là tám chi phiếu mười ngàn đôla.

- Dịch vụ có bảo đảm là sau chuyến săn tôi sẽ trở về hiện tại an toàn chứ?

- Chúng tôi không bảo đảm gì hết, ngoại trừ những con khủng long. - Gã nhân viên trả lời Eckels rồi giới thiệu anh với người bên cạnh. - Ông ta sẽ cho anh biết phải bắn cái gì và bắn vào đâu. Nếu ông ấy bảo không bắn là tuyệt đối không bắn. Trong trường hợp anh không tuân theo sự hướng dẫn thì anh phải chịu thêm khoản tiền phạt mười nghìn đôla nữa khi anh trở về, có khả năng còn bị truy tố trước pháp luật là khác.

Eckels đưa mắt về cuối cái vãn phòng rộng mênh mông này nhìn vào một khối chằng chịt nào là dây điện ngoằn ngoèo, nào là những hộp thép linh kính, lại thêm một vầng sáng từ đó tỏa ra lập lòe lúc đỏ, lúc bạc, lúc xanh. Cũng từ mớ bong bong ấy vẳng đến tai anh một âm thanh giống như tiếng một bếp lửa khổng lồ thiêu cháy mọi thời đại, mọi tháng năm, mọi niên lịch, bao nhiêu giờ khác tự thiên thu đều được chồng chất và châm lửa đốt sạch.

Chỉ cần một cái chạm tay thì ngay lập tức cả khối lửa mênh mông ấy sẽ tự nó đảo ngược một cách tuyệt diệu. Những tháng năm xa xưa, những tháng năm tươi trẻ vụt hiện ra những con rồng thần thoại hồi sinh từ tro tàn, từ than bụi; hương hoa hồng sẽ đượm ngát không gian, mái tóc bạc sẽ đổi màu đen bóng, những nếp nhăn tan biến; tất cả đều trở về ngay từ nguồn cội, trốn thoát cái chết, lao vọt lại khỏi thủy, những mặt trời sẽ mọc trên những bầu trời phương tây và lặn xuống bên phía những trời đông lộng lẫy, mọi vật bao bọc lấy nhau lớp lớp, trùng trùng, cùng quay về với cái chết tươi nguyên, cái chết cội nguồn, cái chết xanh non, cùng quay về thời đại chưa hề có khởi đầu.

- Thật phi thường, Bộ Máy Thời Gian chính hiệu! - Eckels thốt lên, ánh sáng từ Bộ Máy hắt vào khuôn mặt gầy gò của anh. Anh lắc đầu bảo: - Nghĩ mà xem, nếu cuộc bầu cử hôm qua mà có chiều hướng tai hại thì hôm nay mình có lẽ đã chạy trốn những kết quả bầu cử ngay trong lúc này. May mà Keith đã đắc cử. Ông ta sẽ là một vị tổng thống anh minh của đất nước Hoa Kỳ.

- Đúng vậy, thật may mắn cho chúng ta. - Người ngồi sau quầy tán thành. - Tay Deutscher đó mà nắm quyền thì chúng ta sẽ lãnh đủ một ách độc tài kinh khủng nhất. Tay đó là một kẻ chống đối tất cả mọi thứ trên đời, một tên quân phiệt, chống Ki-tô, chống nhân bản, chống trí thức. Nói thật chứ không đùa đâu nghe, thiên hạ đã tới tấp gọi điện thoại cho hãng chúng tôi; họ bảo rằng Deutscher mà trở thành tổng thống thì họ chỉ có nước quay ngược về năm 1492 mà sống. Tất nhiên, dịch vụ chúng tôi đâu có tổ chức cho khách hàng những cuộc Đào Tẩu Hiện Tại, mà chỉ tổ chức những Chuyến Săn Quá Khứ thôi. Dù sao thì Keith đã đắc cử tổng thống rồi. Điều đáng cho anh bận tâm lúc này chính là...

- Bắn hạ những con khủng long của tôi. - Eckels tiếp lời gã.

- Một con khủng long loài Tyrannosaurus; một loại quái vật khó tin nhất lịch sử. Hãy kí vào biên bản này đi. Chúng tôi không chịu trách nhiệm bất cứ chuyện gì xảy ra cho anh. Mấy con khủng long là kinh khủng nhất.

Eckels đỏ bừng mặt tức tối:

- Định dọa tôi đấy hả?

- Thực tình là thế. Chúng tôi không thích bất kỳ du khách nào hoảng hốt ngay phát súng đầu tiên. Năm ngoái, sáu hướng dẫn viên và cả tá du khách bị chết đó. Nhiệm vụ của chúng tôi là tạo cho khách những cảm giác mạnh rùng rợn nhất mà một thợ săn chính thống luôn cần đến. Đưa anh ngược dòng sáu mươi triệu năm

để săn loài thú to lớn nhất của mọi Thời Đại mà. Tấm chi phiếu của anh vẫn còn đó. Xé nó đi, nếu sợ.

Eckels nhìn tấm chi phiếu. Mấy ngón tay anh co quắp lại.

Người ngồi sau bàn giấy lên tiếng:

- Chúc may mắn. Ông Travis đây sẽ tận tình phục vụ anh.

Cầm súng lên, Eckels theo Travis bước về cuối phòng, về Bộ Máy Thời Gian, về khối kim loại ngời ánh bạc và những ngọn đèn lấp lánh.

Ngày rồi đêm, ngày rồi đêm và ngày - đêm - ngày - đêm vùn vụt lướt đi. Một tuần một tháng, một năm, một thập niên! 2055, 2019, 1999, 1957! Qua mau! Bộ Máy Thời Gian gầm thét.

Họ đội mũ bảo vệ có hệ thống dưỡng khí vào và kiểm tra các bộ phận nội đàm.

Eckels ngồi lắc lư trên ghế đệm, mặt nhợt nhạt, hàm tê cứng. Nhận thấy hai cánh tay mình run bần bật, anh nhìn xuống và bắt gặp hai bàn tay anh đang siết chặt khẩu súng trường. Trong bộ máy này, ngoài anh và Travis ra còn có thêm ba người nữa. Lesperance, phụ tá của Travis, cùng hai vị khách đi săn tên là Billings và Kramer. Tất cả ngồi nhìn nhau trong khi bao tháng năm bốc cháy chung quanh họ.

- Những khẩu súng này có thể bắn gục được khủng long không?

- Eckels lên tiếng hỏi.

Nếu như anh bắn trúng đích. - Tiếng Travis trả lời qua hệ thống radio trong mũ. - Hai phát súng đầu tiên anh phải bắn vào mắt cho nó mù đi, sau đó nhắm bắn ngay bộ não. Một số khủng long có hai bộ não, một trên đầu và một nằm tít dưới cột sống: Gặp mấy con khủng long loại đó kể như xui tận mạng. Tránh xa chúng thì hơn.

Máy Thời Gian gào rú. Thời Gian là một cuốn phim quay ngược. Những mặt trời cuống cuống bỏ trốn và hàng triệu mặt trăng cũng bỏ chạy theo. Mọi tay thợ săn xưa nay chắc là sẽ ganh tị với chúng ta lắm, Eckels nghĩ thầm. Bộ máy này làm cho những xứ sở và thời điểm xa xôi thu ngắn trong tầm tay.

Bộ máy chậm lại, tiếng rú của nó giảm dần thành một tiếng rì rầm khe khẽ. Bộ máy ngừng hẳn. Mặt trời đứng sững giữa mây xanh. Đám sương mù che phủ bộ máy tan biến đi và nhóm người thấy mình đang đứng giữa một thời đại xa xưa, xa xưa lắm. Travis bảo:

- Lúc này đây, Đấng Ki-tô vẫn chưa ra đời. Thánh Moses vẫn chưa lên non gặp Đức Chúa Trời. Các Kim Tự Tháp vẫn còn là những khối đá chôn sâu trong đất chưa được đục lia, chưa được dựng lên. Xin hãy nhớ điều đó. Ngay cả Alexander Đại Đế, cả Caesar, cả Napoleon, cả Hitler, những kẻ ấy không một người nào tồn tại cả.

Eckels gật đầu. Travis vừa vung tay chỉ trỏ, vừa nói tiếp:

- Kia là rừng già của sáu mươi triệu hai nghìn không trăm năm mươi lăm năm trước thời Tổng Thống Keith.

Gã chỉ vào một lối đi bằng kim loại đâm thẳng vào sâu trong chốn hoang vu xanh tươi, băng qua đầm lầy ngập nước, len giữa những hàng dương xỉ và cọ dừa.

- Còn đây là Con Đường, do dịch vụ chúng tôi lắp đặt cho du khách sử dụng. Nó nổi bênh bằng cách mặt đất một thuốc rưỡi. Không chạm tới một phiến cỏ, một đoá hoa hay một cành cây, nó được làm bằng một thứ kim loại kháng trọng lực nhằm giữ cho quý vị khỏi động chạm đến thế giới của quá khứ này bằng bất kỳ cách nào.

Luôn luôn đi theo Con Đường. Đừng bước trệch ra ngoài. Tôi lặp lại. Đừng bước chệch ra ngoài. Vì bất kỳ lý do nào! Nếu như quý ông rơi khỏi con đường này, các ông sẽ phải nộp tiền phạt đấy. Và không được bán bất kỳ con thú nào chúng tôi không đồng ý.

- Tại sao vậy? - Eckels hỏi.

Họ ngồi giữa miền hoang dã cổ xưa. Tiếng chim xa xa theo gió vọng về cùng với mùi hắc ín, mùi biển mặn hươu cỏ ướt, và những bông hoa màu huyết dụ.

- Chúng tôi không muốn thay đổi Tương Lai. Chúng tôi và các ông đều có thuộc về xứ sở này, về Quá Khứ này. Chính phủ cũng không thích chúng tôi đi ngược về đây. Chúng tôi đã phải trả những món tiền kếp xù hối lộ chính phủ để cho dịch vụ chúng tôi được quyền hoạt động. Du hành ngược thời gian là một vấn đề hoàn toàn không đơn giản. Nếu chúng ta vô tình làm chết một con thú quan trọng, một con chim nhỏ, một con gián, hay thậm chí chỉ đoá hoa thôi, thì điều đó rất có thể sẽ hủy

diệt cả một môi liên kết quan trọng trong quá trình phát triển giống loài.

- Tôi chưa hiểu rõ lắm. - Eckels nói.

- Thế này nhé, giả sử ở nơi đây chúng ta ngẫu nhiên làm chết một con chuột. Như vậy tức là toàn thể những gia đình tương lai của con chuột đó cũng bị tiêu diệt, đúng chưa?

- Đúng.

- Và toàn thể những gia đình của những gia đình của con chuột duy nhất đó nữa! Chỉ cần một cái giẫm chân, anh đầu tiên hủy diệt một con, rồi đến một tá, rồi cả ngàn, cả triệu, cả tỉ con chuột sẽ không thể ra đời trong tương lai!

- Coi như chúng chết cả, - Eckels nói. - Thế thì sao?

- Thì sao ư? - Travis đáp với vẻ khinh bỉ lạnh lùng. - Hừ, thế thì những con cáo cần đến thịt của những con chuột đó để sống sẽ ra sao? Vì thiếu một con sư tử mà tất cả côn trùng, kền kền, cùng hàng hà sa số những dạng sinh vật khác bị dồn vào trạng thái hỗn loạn và bị tận diệt. Tất cả những điều đó rốt cuộc sẽ đưa đến hiểm họa này: Năm mươi triệu năm sau, một người nguyên thủy - toàn thể giới này chỉ có chừng một tá người nguyên thủy - sẽ đi săn một con lợn rừng hay một con báo rừng kiếm làm thức ăn. Nhưng chính anh, Eckels, đã giẫm chết sạch lợn rừng hay báo ở vùng đó; chỉ vì đã giẫm chết một con chuột duy nhất. Thế là người nguyên thủy ấy chết đói. Và xin anh nhớ cho, người nguyên thủy ấy là cội nguồn cho cả một quốc gia trùng lai đấy. Từ hắn sẽ cho ra đời mười người con trai, rồi mười con trai của hắn

sẽ cho ra đời trăm người con trai khác, cứ thế mà hình thành cả một nền văn minh. Hủy diệt một con người nguyên thủy là anh hủy diệt cả một chủng tộc, một quốc gia, một lịch sử trọn vẹn của cuộc sống. Một cái giẫm chân của anh lên một con chuột có thể gây nên một trận động đất, những tác động của nó có thể làm lay chuyển cả trái đất và những số phận suốt dòng Thời Gian. Với cái chết của một người nguyên thủy, cả tử con người khác chưa sinh ra đã bị bóp chết ngay trong trứng. Có lẽ thành La Mã sẽ không bao giờ vươn cao chỉ có mỗi Á Châu là sinh sôi, phát triển. Giẫm lên một con chuột là anh để lại dấu chân mình xuyên suốt vĩnh hằng. Có thể Nữ hoàng Elizabeth sẽ không bao giờ chào đời. Washington sẽ không bao vượt sông Delaware, quốc gia Hoa Kỳ sẽ không bao giờ tồn tại. Cho nên phải cẩn thận. Luôn luôn đi trên con đường. Không bao giờ được bước chệch ra!

- Tôi hiểu rồi. Như thế thì chỉ chạm vào một phiến cỏ thôi cũng có thể gây ra một dây chuyền tác động đến tương lai?

- Hoàn toàn đúng. Nghiến nát một loài thực vật nào đó cũng có thể gây ra một chuỗi tác động ghê gớm gấp bội phần sau tám mươi triệu năm nữa, không sao lường trước. Tất nhiên, giả thuyết chúng tôi có thể là sai lầm. Có thể nói là Thời Gian không thể nào bị đổi thay vì những con người vô nghĩa như chúng ta. Hoặc giả Thời Gian sẽ thay đổi một cách hết sức tinh tế khó nhận ra. Một con chuột chết ở đây biết đâu lại chẳng gây ra một sự mất cân đối của số lượng côn trùng ở nơi khác, một sự phân bố dân số không điều hòa về sau một sự thất thu

kế tiếp, rồi đến một cuộc khủng hoảng kinh tế, cuộc chết đói hàng loạt, và cuối cùng là một sự thay đổi về bản xã hội tại các quốc gia khổng lồ. Sự thay đổi có thể sẽ tinh tế như vậy đấy. Hay còn hơn nữa. Có lẽ chỉ là một hơi thở nhẹ, một tiếng thì thầm, một sợi tóc, một hạt phấn hoa giữa trời, những thay đổi tinh vi đến mức nếu anh không chú tâm quan sát thì sẽ không thấy được. Ai biết được ngày mai? Thật sự có kẻ nào dám nói mình biết không? Chúng tôi không biết. Chúng tôi chỉ ước đoán. Nhưng chừng nào ta còn chưa biết chắc chắn rằng việc chúng ta xen vào Quá Khứ có khả năng gây ra một biến động lớn hay chỉ là một xê xích con con trong lịch sử thì ta vẫn phải thận trọng. Bộ Máy Thời Gian này, Con đường này, y phục du hành của anh, tất cả đều được khử trùng để khỏi ô nhiễm bầu khí quyển tiền sử bằng những vi khuẩn hiện đại của chúng ta.

Thế làm sao tôi biết được mình nên bắn con thú nào - Chúng đã được đánh dấu bằng sơn đỏ. - Travis đáp. - Hôm nay trước chuyến đi này, chúng tôi đã gọi Lesperance dùng Máy Thời Gian trở về từ Quá Khứ. Anh ta trước đó đã đến vùng này theo dõi những con thú đặc trưng.

- Nghiên cứu chúng ư?

- Đúng, - Lesperance lên tiếng, - tôi dò theo dấu chúng suốt toàn bộ lịch sử, lưu ý xem con nào sống lâu nhất, truyền giống được bao nhiêu lần... Cuộc sống của chúng cũng ngắn ngủi lắm. Khi tôi tìm ra một con sẽ chết vì bị cây đè hay vì rơi xuống đầm lầy, tôi liền ghi nhận chính xác giờ, phút, giây nó chết và bắn vào chúng

những quả bom sơn. Quả bom sẽ để lại một vết đỏ bên sườn chúng; ta không nhầm được đâu. Sau đó tôi hoạch định giờ giắc ta sẽ đến nơi trong thời điểm nào sao cho chúng ta sẽ gặp con thú đó không sớm hơn hai phút trước khi nó chết vì những lý do trên. Đằng nào nó cũng chết thôi, vì thế chúng ta chỉ giết đi một con thú không tương lai, một con con thú không bao giờ truyền giống được nữa. Anh thấy chúng tôi có thận trọng không nào?

Eckeis háo hức hỏi:

- Nhưng nếu anh xuôi dòng Thời Gian trở về Hiện Tại vào sáng hôm nay thì chắc chắn anh phải thấy trước đoàn săn của chúng ta. Cuộc săn này kết quả thế nào? Có thành công không? Tất cả chúng ta có sống sót sau cuộc săn không?

Travis và Lespearncce liếc mắt nhìn nhau.

- Có một nghịch lý ở đây, - Lesperance đáp, - Thời Gian không cho phép một người gặp gỡ chính hấn; tức là, hấn ta không thể nào biết trước diễn tiến hay kết quả của một ý đồ sắp thực hiện cho dù hấn có thể bỏ qua Hiện Tại để đi về Tương Lai mà thăm dò, tìm kiếm. Trong những trường hợp như thế thì Thời Gian tránh sang một bên. Ngay trước khi chúng ta dừng lại, anh có cảm thấy Bộ Máy Thời Gian giật nảy lên một cái không? Đó là lúc chúng ta, những kẻ đi ngược về Quá Khứ, đang lướt ngang qua chính bản thân mình trên đường quay lại Tương Lai. Chúng tôi không thấy gì hết. Không có cánh nào biết trước chuyến săn này có thành công hay không, ta có hạ được con quái vật tiền sử hay không,

hoặc là tất cả chúng ta - tức cả anh nữa đấy, Eckels - có trở về an toàn, sống sót hay không.

Eckels cố gắng gương một nụ cười héo hắt.

- Đẹp chuyện đó đi. - Travis nóng nảy cắt ngang. - Tất cả đứng lên.

Họ chuẩn bị rời khỏi Bộ Máy Thời Gian.

Rừng già cao vút, rừng già mệnh mông, rừng già là toàn bộ thế giới này vĩnh viễn. Ngập trời là những âm thanh du dương như tràng nhạc chen lẫn tiếng đập cánh phần phật của những con bò sát biết bay, những con dơi khổng lồ vừa thoát khỏi cơn rối cuộn nộ của đêm Giữ thăng bằng trên Con Đường chật hẹp, Eckels giương súng nhắm tứ phía với vẻ bồn chồn. Travis quát:

- Thôi đi! Nhắm chơi cũng không được đâu đấy, nghe chưa? Nếu như súng anh vô ý cướp cò thì...

Eckels đỏ mặt.

- Thế thì những con khủng long Tyrannosaurus đâu?

- Thẳng ngay trước mặt. - Lesperance vừa kiểm tra nói. - Sáu mươi giây nữa là chúng ta sẽ cắt ngang đời nó. Hãy tìm dấu sơn đỏ! Chờ chúng tôi ra hiệu mới được nổ súng. Luôn luôn đi trên Con Đường. Đi trên Con Đường!

Họ tiến bước trong cơn gió sớm. Eckels lăm bắm một mình.

- Thật kì lạ. Thẳng ngay trước mặt, sáu mươi triệu năm, Ngày Bầu Cử đã qua, Keith đã trở thành tổng thống, mọi người đang ăn mừng. Còn chúng mình ở đây, lạc loài bên vực thẳm thời gian, không có bất cứ kẻ nào tồn tại. Những điều ta lo lắng suốt bao tháng năm suốt

cả cuộc đời, ngay lúc này ta chưa hề được nghĩ tới, thậm chí cũng chưa ra đời.

- Tất cả tháo chốt an toàn! - Travis ra lệnh. - Eekels, anh bắn trước. Kế đến là Billings. Cuối cùng là Kramer.

- Tôi đã từng săn hổ, lợn rừng, trâu rừng, voi, vậy mà bây giờ lại run bắn cả người như con nít thế này. - Eekels nói. - Kia? - Travis kêu lên.

Mọi người dừng lại. Travis đưa tay lên, nói thầm thì:

- Ngay phía trước. Trong màn sương. Nó đấy. Chúa Tể Tiên Sử đấy.

Rừng già bao la âm vang muôn vàn tiếng động: tiếng huyết chuyt, tiếng xột xoạt, tiếng rì rầm và tiếng gió thổi dài xao xát. Đột ngột tất cả im bất dường như một cánh cửa vừa bất ngờ xập xuống nhốt kín mọi âm thanh.

Im lặng

Một tiếng sấm rền.

Từ màn sương mù cách đó khoảng trăm thước, con khủng long xuất hiện.

- Nó kia, - Eekels, - nó...

- Suyt!

Nó tiến tới trên hai cẳng chân sau trơn nhợt, nhún nhảy, sải từng bước dài. So với hơn nửa số cây trong rừng, nó cao ngất ngưỡng hơn cả chục thước, một con ác quỷ khổng lồ, hai cẳng chân trước nhỏ bé gập sát vào bộ ngực nhầy nhụa bám đầy sâu bọ.

Mỗi cẳng chân sau là cả tấn xương trắng ngập sâu trong mô cơ bắp chằng chịt được bọc kín bên ngoài bằng

một lớp da sần sùi u bướu chẳng khác nào bộ giáp phục của một chiến binh khủng khiếp. Mỗi cái đùi là hàng tấn thịt, xương, cùng lớp da thép rắn. Và từ lồng ngực của thân trên, hai cánh tay nhỏ nhoi lòng thông ra trước mặt, với hai bàn tay có thể nhấc bổng một con người lên mà xem xét như một món đồ chơi, trong khi cái cổ dài như rắn cuộn tròn hạ thấp đôi mắt xuống để quan sát cho tường tận. Ngay cái đầu của nó cũng là cả tấn xương thịt liên kết chặt chẽ, dễ dàng ngẩng cao đến tận trời. Mồm nó há hốc phô ra một hàng răng lởm chởm như những thanh đoản kiếm. Đôi mắt tròn tròn, to bằng trứng đà điểu, hoàn toàn vô cảm ngoại trừ một biểu hiện đói khát. Nó ngậm phập mồm lại, răng va sầm vào nhau thành một tiếng kinh hoàng. Nó chạy băng băng, hai xương chậu quật ngã cây cối cùng bụi rậm hai bên đường, bàn chân móng vuốt vồ xuống đất ướt, để lại những dấu chân sâu hoắm cả thước bất kì nơi nào sức nặng thân hình nó đè lên. Bước chân nhún nhảy, lênh khênh con khủng long tiến tới thoăn thoắt với sự thăng bằng không thể ngờ được đối với một trọng lượng hàng chục tấn của nó. Nó thận trọng bước vào vùng đất ngập nắng, hai bàn tay bám đầy sâu bọ vung vẩy dò dẫm không khí.

- Trời, trời, nó mà vươn thẳng lên chắc cao hơn cả mây xanh. - Eekels lấp bắp nói.

- Suyt! - Travis nổi giận. - Nó vẫn chưa thấy bọn ta.

- Sao mà giết nó được? - Eckels lặng lẽ thốt ra lời phán quyết như thể không còn gì để tranh cãi nữa. Anh đã cân nhắc mọi chứng cứ và đây là ý kiến đã suy nghĩ cẩn thận của anh. Anh thấy khẩu súng tối tân trong tay

mình thật sự ấu trĩ không hơn gì khẩu súng bắn nút chai của trẻ con.

- Chúng ta là những thằng khùng mới mò đến đây. Không thể nào giết con thú này được.

- Im đi. - Travis rít lên.

- Kinh khủng quá!

- Quay lại. - Travis ra lệnh. - Bước lạng lẽ về Máy Thời Gian đi. Chúng tôi sẽ hoàn lại anh một nửa phí tổn.

- Tôi đâu dè nó lại to lớn đến thế. Tôi đã lầm. Bây giờ tôi chỉ muốn thoát cho mau.

- Nó thấy chúng ta rồi!

- Có dấu sơn đỏ ngay trên ngực nó kìa Con khùng long vượn mình. Bộ da u bướu của nó lấp lánh dưới nắng tựa hồ hàng nghìn đồng xu xanh màu lá. Những đồng xu đầy chất nhớt bốc khói. Trong lớp nhầy nhựa ấy, những con côn trùng li ti đang quần quai khiến toàn bộ thân hình con khùng long dường như cũng co giật nhấp nhô theo, ngay cả lúc con quái vật tiền sử ấy đứng yên không nhúc nhích mảy may. Nó thở khi. Một mùi thịt sống hôi tanh tỏa rộng trên miền hoang dã. Eckels kêu lên:

- Cho tôi rời khỏi nơi này! Ai mà ngờ, tôi cứ đinh ninh là mình sẽ an toàn vượt qua. Tôi có hướng dẫn viên giỏi, chuyên săn hấp dẫn, tổ chức chu đáo. Lần này tôi lầm to. Làm sao tôi có thể hạ được một con thú khổng lồ đến thế hả trời!

- Đừng bỏ chạy! - Lesperance cố tiềm thế kích động của Eckels - Quay lại. Nấp vào Máy Thời Gian.

- Vâng. - Eckels dường như tê bại cả người. Anh nhìn xuống chân tựa hồ đang cố sức bắt nó phải dịch chuyển rồi bật ra một tiếng rên bất lực.

- Eckels!

Anh kéo lê chân được vài bước, mắt lóa hắc đi.

- Không phải lối đó?

Ngay cử động đầu tiên của Eckels, con khủng long gầm lên một tiếng kinh hồn, lao vụt tới. Chỉ trong sáu giây nó đã vượt qua khoảng cách trăm thước. Máy khẩu súng trường giật nảy lên khạc lửa. Một cơn lốc từ họng con thú bao trùm đoàn săn trong mùi hôi nồng nặc của nhớt nhầy và máu ú. Con thú rống lên, hàm răng lấp lánh trong nắng.

Không dám nhìn lui, Eckels quờ quạng bước chệch ra rìa Con Đường, khẩu súng buông thõng trong hai cánh tay; anh bước ra ngoài Con Đường, chạy thẳng vào rừng già mà chẳng hề hay biết. Bàn chân anh lún sâu vào thảm rêu xanh. Đôi chân kéo lê cả thân người anh đi theo, Eckels thấy mình lẻ loi và xa vời với tất cả những gì đang xảy ra sau lưng anh.

Những khẩu súng lại khạc đạn. Tràn tiếng nổ bị át đi trong tiếng rú gào như sấm động của con thú tử thương. Chiếc đuôi khổng lồ của nó giật ngược lên trời, quật sang hai phía. Cây cối nổ tung thành một đám mây mù những lá và cành. Con quái vật hạ phất hai cẳng chân trước xuống toan vồ lấy nhóm người, để bẻ đôi họ ra, nghiền nát bẩy, nhét họ vào hàm răng, vào cổ họng đang gầm rú của nó. Đôi mắt to lớn của con thú hạ xuống ngang tầm đoàn săn. Họ nhìn thấy chính mình

trong đáy mắt khủng long. Những khẩu súng khạc đạn vào đôi mi mắt rắn danh và đôi tròng đen bốc lửa.

Như một tượng thần bằng đá, như một trận núi lở, Chúa Tể Tiên Sử gục ngã. Vừa gằm rống, nó tóm lấy cây cối giật chúng đổ theo nó. Con thú giằng xé Con Đường Kim loại. Nhóm người thoái lui mình tránh xa. Súng nổ. Khối thân xác mười tấn thịt xương trúng đạn. Con quái vật quật đuôi, hàm răng giật thót một cái rồi nằm im. Một suối máu phun vọt ra từ cuống họng đầu đó trong cơ thể nó, một túi chất lỏng bùng vỡ xối xả giội lên người nhóm thợ săn một thứ nước nhờn nhờn hôi thối. Họ đứng đó, người đỏ ngầu máu loang.

Tiếng gầm thét câm bật.

Rừng già lại tĩnh lặng. Sau cơn ác mộng là buổi ban mai trong lành. Sau trận núi lở là bình yên xanh lá.

Billings và Kramer ngồi trên đường đi nôn thốc nôn tháo. Travis và Lesperance đứng chải rửa liên hồi, hai khẩu súng trên tay còn bốc khói.

Trong Bộ Máy Thời Gian, Eckels nằm sấp mặt, run bắn cả người. Anh đã tìm lối quay lại Con Đường và trèo vào Bộ Máy.

Travis bước vào, liếc nhìn Eckels không nói năng gì. Gã lấy trong một hộp kim loại ra mấy miếng vải bông rồi quay lại với ba người còn ngồi trên con đường.

- Chùi sạch đi.

Họ lau sạch vết máu dính trên mũ bảo vệ, miệng lầm bầm nguyên rửa. Con quái vật nằm đó như một núi thịt đông cứng. Sâu bên trong, họ có thể nhận ra những

tiếng xì xì rầm rì lúc những góc ngách khuất kín nhất trong lòng con khủng long ngừng hoạt động các bộ phận cơ thể gãy chết, tất cả bị ngắt lìa, bị chặn đứng mãi mãi. Xương cốt rỗng rạc gãy; sức nặng của khối trọng lượng chết thẳng bằng đổ ập đã nghiền gãy hai chân trước cục mịch của con quái vật: Núi thịt nằm rũ xuống, rung rinh.

Một tiếng rảng rạc khác! Trên cao, một thân cây khổng lồ lìa giăng thẳng xuống đầu con thú chết.

- Thấy chưa - Lesperance kiểm tra đồng hồ; - Đúng vào giờ dự đoán mà! Con thú này không chết vì chúng ta thì cũng chết vì thân cây khổng lồ này như số phận đã định. Hấn liếc nhìn hai vị khách sẵn. Quý vị có muốn chụp ảnh kỉ niệm không?

- Sao cơ?

Chúng ta không thể mang con thú này về Tương Lai. Cái xác này phải nằm yên ngay nơi nó lẽ ra đã chết một cách tự nhiên, những côn trùng, chim chóc và vi khuẩn có thể xâu xé nó đúng như đã an bài. Tất cả đều trong trạng thái cân bằng. Cái xác nằm lại đây. Nhưng bọn tôi có thể chụp ảnh quý vị đứng cạnh nó để quý vị làm kỉ niệm.

Hai người khách ngẫm nghĩ rồi lắc đầu từ chối.

Họ lui thủi đi theo hai hướng dẫn viên trở về Máy Thời Gian. Buông phịch người trên nệm ghế, họ đắm đắm nhìn con quái vật bị tiêu diệt nằm thành đồng; những con bò sát biết bay cùng lũ côn trùng nhanh chóng tìm tới đang bận bịu rửa ròi bộ da con khủng long.

Một tiếng động trên sàn Bộ Máy Thời Gian làm họ giật mình thảng thốt. Eckels vừa run lấy bầy vừa lồm cồm ngồi dậy. Anh gắng gượng mãi mới nói nên lời:

- Tôi... tôi xin lỗi.

- Đứng dậy! - Travis quát lên.

Eckels răm rắp tuân theo.

- Đi ra Con Đường một mình. - Travis dùng mũi súng chỉ ra ngoài. - Anh sẽ không quay lại Bộ Máy Thời Gian nữa. Chúng tôi bỏ anh lại nơi này!

Lesperance nắm cánh tay Travis.

Khoan đã...

Đừng xen vào chuyện này - Travis giật cánh tay ra. - Suýt nữa thì thằng ngu này đã giết chết cả lũ. Nhưng điều đó không đáng nói. Hãy nhìn đôi giày hần kia! Hần đã chạy ra khỏi Con Đường. Chính điều đó mới làm hại chúng ta! Chúng ta sẽ bị thua thiệt! Mất tới hàng chục nghìn đô la bảo hiểm! Chúng ta đã cam đoan không để ai rời Con Đường thế mà cái thằng ngu này... Tôi buộc phải báo cáo với chính phủ và vì thế dịch vụ của ta có thể bị tước giấy phép hoạt động. Ai biết được hần ta đã gây ra những tai hại nào đối với Thời Gian, đối với Lịch Sử!

- Bình tĩnh đã nào, anh ta chỉ đá tung một ít bụi đất thế thôi chứ có gì đâu.

- Làm sao ta biết được là không có gì đâu? - Travis kêu to. - Chúng ta không hay biết bất cứ gì. Tất cả đều là bí mật! Cút khỏi nơi này, Eckels!

Eckels vừa mò mẫm các túi áo vừa nài nỉ:

- Tôi xin nộp tiền phạt, nộp hết! Một trăm nghìn đô la!

Travis quắc mắt nhìn sổ chi phiếu của Eckels và nhỏ toẹt: Đi ra ngoài kia. Con khủng long nằm sát bên Con Đường. Thò hai cánh tay mày vào họng nó ngáp đến tận khuỷu. Nếu mày dám làm thế thì cho mày theo bọn ta trở về.

- Vô lí quá!

- Con khủng long này chết rồi, đồ ngu! Còn những viên đạn nữa! Không thể bỏ những viên đạn lại đây. Chúng đâu có thuộc về Quá Khứ; những viên đạn lạc lõng đó có thể làm thay đổi một cái gì đó ai ngờ được. Dao đây. Mãi hết đạn trong bụng nó ra!

Rừng già lại hồi sinh, rền vang tiếng chim kêu, tiếng cánh đập phành phạch xao xác. Eckels chầm chậm quay người quan sát cái núi rác tiền sử ấy, cái núi ác mộng và kinh hoàng ấy. Sau một lúc lâu, anh lê chân như kẻ mộng du men theo Con Đường.

Năm phút sau, anh quay về, người run bần bật, hai cánh tay ướt đẫm máu đỏ đến tận khuỷu. Anh chìa hai bàn tay ra. Trên mỗi lòng bàn tay ấy là mấy viên đạn thép. Rồi anh té quỵ bất động.

- Việc gì anh phải bắt hắn làm thế! - Lesperance trách Travis.

- Việc gì ư? Còn quá sớm để nói. - Travis hích chân vào thân hình sõng soài của Eckels. - Hắn không chết đâu. Lần sau, hắn ta sẽ không dám đi săn theo kiểu này nữa.

Gã mệch mỗi vẩy tay ra hiệu cho Lesperance:

- Mở máy! Ta trở về thôi.

- Năm 1492. Năm 1776. Năm 1812...

Họ rửa sạch mặt mũi tay chân. Họ thay những bộ đồ vấy bùn đất. Eckels đã hồi tỉnh, ngồi yên một chỗ, không hé răng. Anh Travis dán cứng vào mặt Eckels.

- Đừng có nhìn tôi như thế! - Eckels kêu lên. - Tôi có làm gì xấu xa đâu.

- Ai mà biết?

- Tôi chỉ chạy khỏi Con Đường, giày tôi dính chút bùn đất thôi mà... Anh muốn tôi phải làm gì nữa đây? Quỳ xuống mà van lạy sao?

- Cũng có thể cần điều đó đấy. Eckels, ta báo cho mi biết trước có thể ta sẽ giết mi. Súng đã sẵn sàng rồi đó.

- Tôi vô tội. Tôi có làm gì đâu?

Năm 1999. Năm 2000. Năm 2055.

Bộ Máy Thời Gian ngừng lại.

- Bước ra. - Travis ra lệnh.

Họ đã trở về nơi họ khởi hành, nhưng gian phòng dường như không còn giống như lúc họ ra đi. Vẫn người đàn ông ngồi sau chiếc quầy, nhưng có lẽ không phải người đàn ông mà Eckels đã gặp và chiếc quầy có lẽ cũng không phải chiếc quầy ban sáng. Travis đảo mắt nhìn quanh, gằn giọng hỏi:

- Ở đây mọi chuyện vẫn bình thường chứ?

- Tốt cả. Chào mừng các bạn trở về!

Travis vẫn chưa an lòng. Gã cơ hồ đang dò xét từng nguyên tử một của cả bầu không khí này, từng sóng nắng xuyên qua khung cửa sổ cao.

- Được rồi, xéo về nhà đi, Eckels. Đừng bao giờ trở lại. Eckels không nhúc nhích.

Mi có nghe không?- Travis quát lên. - Mi nhìn chăm chăm cái gì vậy?

Eckels đứng sững hít dài dài mấy hơi liền. Phảng phất trống không khí là một mùi gì đó rất nhạt, rất mờ đến mức những giác quan cực kì nhạy bén của anh cũng chỉ nhận ra một cách mơ hồ. Những màu sắc trên tường, trên đồ đạc, trên bầu trời sau khung cửa sổ, trắng, xám, xanh, cam, chính là... chính là... Và một cảm giác lạ thường. Bắp thịt anh rần rật. Hai bàn tay rần rật. Anh đứng yên cảm nhận những trạng thái kì dị thấm sâu vào từng chân lông cơ thể. Ở đâu đó, một kẻ nào đó chắc hẳn đang gào lên một tiếng thét lạnh lạnh mà chỉ có những lỗ tai cực thính của loài vật mới phát hiện ra. Cơ thể anh âm thầm lên tiếng thét hồi đáp. Ngoài căn phòng này, ngoài bức tường này, ngoài gã đàn ông không phải gã đàn ông cũ đang ngồi sau chiếc bàn giấy không phải chiếc bàn giấy cũ... là toàn thể giới của đường phố và con người. Không có cách gì biết được thế giới hiện tại đang ở trạng thái nào. Anh cảm thấy họ đang chuyển động ngoài kia, sau những bức tường, như những quân cờ bị thổi tung trong cơn gió lốc...

Nhưng nằm ngay trước mắt anh là tấm bảng hiệu sơn trên tường văn phòng dịch vụ này, vẫn là tấm bảng

anh đã đọc sáng sớm hôm nay lúc bước chân vào lần đầu tiên.

Không hiểu sao, những dòng chữ quảng cáo này đã thay đổi.

DYKH VW SAN THW NGWÒK THÒY GYAN

TỔ KHWK KHO BẠN NHWNG KHWYẾN SAN VÀO
BẮT KJ NAM NÀO TRONG QWÁ KHW

SAN BẮT KJ LOA THW NÀA BẠN MUỐN

Eckels nhận ra mình ngã phịch xuống ghế. Anh loay hoay với lớp bùn khô cứng bám dưới đôi giày như một kẻ mất trí. Run bắn người, anh gơ lên một mảnh đất.

- Không, không thể thế được! Không thể nào lại là một vật nhỏ nhoi như vậy được! Không!

Đỉnh cứng trong mảnh bùn khô là một con bướm có đôi cánh lấp lánh xanh biếc, vàng rực, đen huyền, đen tuyệt vời và chết thản nhiên. Eckels rú lên;

- Sao lại là một vật nhỏ nhoi như thế! Sao lại là một con bướm!

Con bướm chết khô rơi xuống sàn nhà, con vật lộng lẫy ấy, con vật bé bỏng ấy mà có thể phá vỡ sự cân bằng sinh thái và tạo ra một chuỗi hậu quả dây chuyền khủng khiếp xuyên suốt thời gian. Đầu Eckels quay cuồng. Sao lại thế được! Làm chết một con bướm mà lại ghê gớm thế sao! Sao lại thế!

Mặt anh buốt lạnh. Môi run run, anh lắp bắp hỏi;

- Ai... ai đã đắc cử tổng thống ngày hôm qua?

Người ngồi sau quay bật cười - Anh giỡn chơi? Làm như anh không biết vậy. Deutscher chứ còn ai nữa? Thằng ngốc Keith làm sao mà đắc cử nổi. Giờ thì chúng ta đã có một nhà lãnh đạo sắt đá, một người dũng cảm rồi! Ủa, có chuyện gì vậy? Hấn bỗng ngạc nhiên.

Eckels rên rỉ quỳ phịch xuống. Mấy ngón tay run rẩy vò lấy con bướm vàng.

Chẳng lẽ nào..., - Anh van xin với cả thế giới, với chính mình với các nhân viên hãng du lịch, với Bộ Máy Thời Gian... - Lẽ nào không thể đem nó quay lại, lẽ nào ta không thể làm cho nó hồi sinh. Chúng ta không bắt đầu lại từ khởi điểm được sao? Chẳng lẽ nào...

Anh không nhúc nhích. Mắt nhắm nghiền, người run bần, anh đợi chờ. Anh nghe tiếng Travis thở hắt ra trong phòng; anh nghe tiếng Travis trở đầu súng, mở khóa an toàn, và nhắc súng lên vai.

Một tiếng sấm rền.

Trần Đức Tài dịch

CÔ GÁI ƯA MÀU TRẮNG

Asaddulla Habib - Nhà văn Afghanistan
- Giải thưởng truyện ngắn hay nhất báo Anix

Chaman Lala rảo bước trên con đường đất hẹp nổi lên giữa cánh đồng mía, chốc chốc ông lại phải đưa tay gạt những tàu lá cong dài cho khỏi quệt vào mặt. Chiếc khăn đen *chalma*⁽¹⁾ chít trên đầu ông cứ thấp tha thấp thoáng lúc ẩn lúc hiện trên đám lá mía xanh rậm rạp. Ông chỉ muốn mau mau về tới nhà mình.

Vàng mặt trời sắp lặn nom như một chiếc đĩa nung đỏ trên cánh đồng mía, những tia nắng xiên khoai đỏ dài trên đất: Chaman Lala sục đôi dép dúc của mình trên con đường làng bụi bặm, tới nơi ông hất khỏi vai chiếc bao tải nhét đầy vỏ bào và đấm cửa thình thình.

Nhưng chẳng ai ra mở cửa cho ông ngay. Chaman Lala cắn môi giậm dứ, ông tìm quanh, nhặt lên một hòn đá to và cứ thế đập vào cánh cửa. Có tiếng chân bước vội vã trong sân, rồi lại hoàn toàn im. Lát sau, cánh cửa cọt két mở ra, và trước ngưỡng cửa, Linki, con gái ông xuất hiện. Cô muốn bê đỡ chiếc bao tải vào nhà, nhưng ông gạt tay cô ra.

¹ Loại khăn chít đầu của người theo đạo Hồi.

- Mày vừa ở đâu về, hả đồ hư hỏng kia? Lại chạy sang cô Zaynabu phải không? Cô ấy có hay ho gì đâu cơ chứ. Ngay cả chồng, cô ta cũng còn đuổi xuống mồ nữa là, vậy mà còn chưa thấy đủ...Không sao, đến một lúc nào đó, tao sẽ cho cô ta biết tay.

Cô Zaynabu sống ở nhà bên cạnh, có thể chui qua một lỗ hổng to tướng ở bờ rào để sang nhà cô, song lúc này, cái bờ rào đó đã tối đen lại như thể trên người. Chaman Lala bức dọc đưa mắt về phía lỗ hổng đó, không biết lấy gì để trút nỗi giận dữ của mình. Vấn đề không phải ở chỗ cô con gái ông không chịu ở nhà. Đã từ lâu nay, Chaman Lala thấy khổ sở bởi một mối lo thường xuyên ám ảnh, con gái đã trở thành một cô gái xinh đẹp và vẫn thường hay ngấm ngấm bóng dáng của mình. Sau khi bà vợ mất đi, ông lại càng lo lắng hơn. Bây giờ, khi Chaman Lala bỏ mặc con gái ở nhà một mình để vào xưởng làm việc, tâm trí ông lúc nào cũng để cả ở nhà. Cầu trời đừng có cho một gã chó đẻ nào quyến rũ con bé. Nó còn trẻ dại, rất dễ làm hoen ố thanh danh của cha mẹ. Cũng là lẽ tự nhiên thôi, biết làm sao được... Chẳng nên than thân trách phận làm gì. "Tốt hơn hết là đừng để con gái! - Đã có lúc Chaman Lala nghĩ vậy. - Song lẽ, ý trời đã định, đã cho một mụn con gái, sao chẳng cho kèm của cải và sức lực để khỏi mang tiếng bất công". Giữa lúc đó thì thằng Validar vác mặt đến. Cứ như từ kẻ nể chui lên.

- Sao ông lại nhốt con gái trong nhà, hả Chaman Lala? Hay là chúng tôi có điều gì làm ông không vừa lòng? mà cũng rất có thể ông có điều gì làm chúng tôi

không vừa lòng cũng nên... Con gái xinh đẹp như thế mà khóa chặt trong nhà! Phải coi chừng đấy, ông không tử tế với chúng tôi là không được đâu!

Chaman Lala chăm chú nhìn con - có phải là nó xinh đẹp như người ta nói không? Trong làng này, tất cả đàn bà con gái đều vận đồ đen, chỉ có mỗi con gái ông là vận toàn đồ trắng. Nó bảo: "Vận đồ đen nom như người có tang ấy. Mẹ đã khuất rồi, nhưng cha còn sống sờ sờ ra đây. Con có phải là đứa mồ côi cả cha lẫn mẹ đâu? Nghe thấy thế, trong lòng ông cũng thấy vui vui: Thì ra con ông cũng biết mừng là nó còn có cha, nên nhất quyết không chịu mặc áo đen. Bởi vậy, cả làng đều gọi con ông là cô gái áo trắng.

Không biết đã bao lần ông bảo con rằng vải trắng chỉ dùng may áo đàn ông được thôi, chứ đem may áo dài con gái, coi không hợp. Con gái ông có chịu nghe đâu. Nó khâu áo cho cha, và dùng phần còn lại của chính tấm vải đó cắt may cho mình một chiếc áo dài.

Nó xinh đẹp hệt như mẹ nó, cả cái tướng bướng bỉnh ấy cũng thế. Trong ánh hoàng hôn, trên cái nền màu trắng của hai chiếc nơ buộc tóc, cặp mắt vốn đã đen của nó trông lại càng long lanh thăm thẳm. Sống mũi nó thẳng và thanh.

"Ừ thằng Validar nói đúng đấy, mình có một đứa con gái kể cũng xinh xắn". - Chaman Lala nghĩ thầm trong bụng. Nhưng giá mà nó đừng nói ra điều đó có phải tốt hơn không. Thằng Validar vốn có tiếng chẳng hay ho gì. Từ hồi còn bé, nó đã ăn trộm gà của hàng xóm. Lớn lên,

nó lêu lổng chơi bời với con gái, có khi chơi cả vợ người ta. Sau đó, nó gây án mạng rồi biến đi đâu mất mặt. Gần đây nó lại xuất hiện. Đeo súng nghênh ngang, gặp chuyện gì không vừa lòng, nó cũng dọa bắn. Người cứ hay cà khía như thế, tội gì mình gả con gái cho nó?

Chưa bao giờ Linki thấy cha dăm chiêu tư lự như thế. Cô không biết cha đang có chuyện gì lo nghĩ, nên cảm thấy mình hoàn toàn đơn độc tựa hồ cô vừa đi đưa đám mẹ chiều qua.

- Cha có chuyện gì thế hở cha? Cô hỏi khe khẽ. - Hay là người ta nói chuyện gì không hay với cha. Cha không việc gì phải buồn!

Chaman Lala rất hiểu tính con gái. Hễ gặp chuyện gì buồn, nó sẽ khóc suốt hai ngày, không làm cách nào dỗ nó được đâu.

- Không sao - ông nói. - Ai mà bịt được miệng thế gian? - Chỉ có hạng người mất hết lương tâm thì mới đi nói xấu người khác. Ngoài cái thằng Validar ấy ra thì còn ai nữa cơ chứ. Đi đâu mất mặt mấy năm, còn dám vác mặt đến đây xin cưới con làm vợ. Nó còn kê mũi súng vào người tao, dọa bắn chết, nếu như không chịu gả con cho nó.

Tim Linki thót lại. Nếu cái thằng vô lại ấy mò đến cô nghĩ thầm trong bụng - mình sẽ móc mắt nó ra. Mà có làm sao mình lại phải làm thân con gái trên cõi đời này! Mình cũng khổ, mà vì mình, mọi người cũng chẳng được yên thân.

Chaman Lala vào trong nhà, ngồi lên ghế đầu và gõ khăn *chalma* trên đầu đặt vào lòng. Ánh đèn dầu lù mù không đủ chiếu sáng trong nhà. Chaman Lala ngồi yên chỗ, mắt nhìn trần trần về phía trước, chốc chốc ông lại đưa tay vuốt bộ râu đen đã điểm nhiều sợi bạc. Ông đang mải nghĩ ngợi về chuyện hồi nãy, khi từ chỗ làm việc về nhà, đến giữa đồng mía, thằng Validar xô ra chặn đường ông, kèm theo nó có hai thằng khác với súng tiểu liên trong tay.

- Hãy coi chừng đấy, Validar đe - không chịu gả con gái cho tôi, tôi giết chết. Chúng tôi chiến đấu cũng vì một niềm tin, vậy mà ông dám tiếc một mụn con gái à! Ôi dào, đồ chó má. Hay là ông giữ cho đứa nào? Giữ cho một thằng đảng viên, một đứa vô thần nào đó phải không?

Miệng Chaman Lala khô se cả lại.

- Đó không phải là việc của mày - ông đáp. - Con gái tao, tao muốn gả cho ai thì gả!

Lần đầu tiên trong đời Chaman Lala thấy cái họng súng đen ngòm kẻ sát mặt mình. Nhìn vào đó đã thấy lạnh buốt đến tận gan tận ruột. - Linki thấy cha ngân - ngân nước mắt, nhưng ông Chaman Lala đã vội vàng lấy tay che mặt đi như không muốn nghe những lời an ủi chực tuôn ra từ miệng con gái, cô sửa lại bím tóc, đặt chiếc đĩa to trước mặt cha và rút từ chiếc bình gốm thon cổ ra món *surba*⁽¹⁾ hầm với chiếc chân bò mà cô đã đổi được bằng một túi vỏ bào. Cô chỉ muốn giúp cha bớt khỏi những ý nghĩ buồn bực:

¹ Surba: món mì nấu với nước thịt.

- Cha ạ - cô nói - chân bò nấu *surba* cũng ngon không thua gì thịt nạc. Cha nếm thử xem, đặc và béo ra trò, cha ạ!

Nhưng Chaman Lala vẫn im lặng âu sầu như trước. Cô con gái nhận thấy hai gò má trên mặt bố mình đã nhô cao hẳn, riêng những nếp nhăn trên trán lại càng hiện rõ. Ông vẫn ngồi ủ rũ, mắt nhìn đắm đắm vào tấm khăn *chalma* để ở trên đùi. Đĩa *surba*, ông cũng chẳng thèm đụng đến.

Bỗng ông nghe thấy tiếng ai đó đang trèo lên mái nhà và ông động tai nghe ngóng. Lát sau ông đứng lên, vẻ tuyệt vọng nhìn vào hai bàn tay mình. Với đôi tay này ông đã làm ra bao thứ trong đời, có khi còn dùng để đánh đấm nữa là khác. Nhưng, để chống chọi với súng tiểu liên thì đôi tay này đành bất lực. Để phải dùng răng cắn đứt cổ họng thằng ăn cướp mới xong.

Cánh cửa sổ bị mở toang, từ trong bóng tối, một người nhảy ra dùng cả thân hình bịt kín khung cửa. Mặt gã giấu kỹ sau tấm khăn *chalma* đen.

- Ai đấy? Validar đấy phải không? - Trong nỗi kinh hoàng, Chaman Lala chỉ kịp hỏi có thể, chưa kịp nhắc chân thì một lưỡi rìu đã bay theo hình cánh cung bổ vỡ đầu ông.

Linki kêu lên một tiếng đồng thời nhào đến với người cha bị quỵ xuống nền nhà. Bọn cướp nhảy xô đến, túm tóc, bịt miệng cô lại. Sau đó chúng lấy dải khăn *chalma* trên đầu cha cô để trói tay cô quật ra đằng sau. Khi bọn cướp lôi cô ra khỏi nhà, cô vùng vẫy định thoát thân,

nhưng hai tay cô đã bị chúng giữ chặt. Tên Validar chạy sau cùng trong bọn đã lôi từ túi ra một vật gì đó quăng qua cửa sổ. Ngôi nhà bùng cháy những lưỡi lửa liếm sang cả tường nhà hàng xóm.

Trong nỗi kinh hoàng, Linki nghĩ ngay tới cái cảnh ngọn lửa đang nuốt chửng món gia sản nhỏ mọn của nhà cô: một chiếc giường nằm, một hòm gỗ đựng quần áo, vài thứ trang sức nho nhỏ mẹ cô để lại, rồi cả thân hình thể thắm của người cha nằm giữa vũng máu nữa.

Chúng đã bịt chặt mồm khiến cô không thể kêu cứu, đành bất lực đưa mắt tìm trong bóng tối mong gặp được một người có thể cứu viện. Ngoài đường vắng lặng như cõi chết. Hàng xóm láng giềng đều kinh sợ chùng trăn kín mắt kín tai. Trong cái làng quê nhỏ bé này, bọn cướp có vũ trang tha hồ hoành hành, chúng có thể cướp bóc, đốt phá, bắn giết một cách tùy tiện mà không lo bị trừng phạt.

Mỗi bước đi Linki càng thấy nặng nhọc, mặc dù họ đi chưa được là bao. Đôi chân trần của cô càng bị đau đớn, phần vì bị đá sắc cửa vào, phần vì bị muỗi đốt. Chỉ nghĩ đến những chuyện sắp tới đang chờ mình, tưởng chừng trái tim cô đã ngừng đập. Nhưng khủng khiếp hơn hết vẫn là cái cảnh ngôi nhà chìm trong lửa, và người cha có thể vẫn chưa chết hẳn lúc này đang bị thiêu sống. Nghĩ đến đó, cô càng đau lòng.

- Validar, cô gái không đi nổi nữa đâu, phải khiêng cô ta thôi! - Thằng cướp có tên là Zhama Goly nói.

Validar gí họng tiểu liên vào lưng hắn ta và giục:

- Sao mày lại mềm yếu thế nhỉ. Coi chừng đấy, kéo kết cục sẽ chẳng hay ho gì đâu!

- Dù sao thì người ta cũng là đàn bà con gái. - Zhama Goly nói.

- Người thì đàn bà, người thì già lão, kẻ thì ốm yếu... ai mày cũng thương được... Thủ lĩnh nói cấm có sai, rồi mày sẽ chẳng chịu nổi đâu kêu ca vừa vừa chứ... Biết thế còn đi theo chúng tao làm gì!

- Tôi có theo đâu... Các ông cưỡng tôi phải theo đấy chứ! Tôi chỉ là một anh dân cày bình thường. Cày được luống nào hay luống ấy. Ông quên rồi hay sao: các ông ừa vào nhà tôi, trói giết cánh khuỷu tôi lại rồi lừa đi. Các ông giam giữ tôi hàng tháng ròng, bỏ đói bỏ rét. Roi quật không tiếc tay. Trước đây, tôi chỉ biết mỗi cái cày cái liềm, vậy mà bây giờ tôi phải vác cả tiểu liên để đi săn người như thế này đây!

- Mày nghe thấy gì chưa? Validar quay sang phía tên cướp có tên là Sams.

- Thôi, mặc kệ nó, ông chấp đũa ngu ấy làm gì! - Sams trả lời.

Validar lặng thinh, nhưng sự im lặng của hắn thật là thâm độc. Thời gian trôi đi chậm chạp đến không chịu nổi. Đường đi lấm cát lấm gai, có đoạn còn phải men theo một dòng sông lòng suối gì đó đã cạn, đá sắc lởm chởm bày ra như một sự cố tình. Đến lúc dừng chân nghỉ lấy sức, Linki lục lại trí nhớ về những sự việc đã xảy ra trong cái đêm khủng khiếp vừa rồi, suýt nữa thì cô ngã khụy. Nhưng một tiếng hét như sấm vang lên, cô lại lê

bước đi tiếp theo bọn chúng. Vừa ì ạch nhấc đôi chân bị thương vừa liếc nhìn cô gái, Validar ra lệnh:

- Zhama Goly, mày đi lên trước? Còn mày, Sams đi sau tao.

Nói xong câu ấy, hắn hất khẩu tiểu liên ra trước ngực, rồi xóc Linki trên lưng.

Mùi mồ hôi đàn ông nồng nặc xộc vào mũi cô. Cô giãy giụa hai chân muốn vùng ra, nhưng Validar quật cô thật chặt vào lưng mình. Linki nghệt thở bởi tức giận nhưng đành bất lực, nước mắt trào ra, toàn thân cô rung lên trong tiếng nấc nghẹn ngào. Validar giọng dõ dành:

- Thôi, nức nở làm gì, có ai định giết em đâu cơ chứ? Anh sẽ không cho ai được đụng đến người em. Sẽ làm vợ anh chứ, hồi con dê con!

Linki lấy hết sức cắn vào cổ Validar, trong lòng cô hả hê bởi nỗi đã tìm ra cách trừng phạt kẻ gây ra đau khổ cho cô.

Validar điên tiết hất Linki xuống lòng suối cạn mà họ vẫn men theo từ này đến giờ. Cô bị va vào đá một cái đau điếng người, không còn cựa quậy được nữa, cơn đau làm cô nín thở.

- Đồ chó đẻ? - Tiếng Validar rít qua kẽ răng. - Tao sẽ bắn mày như bắn một con chó cho tắt thở ở ngay bãi đá này! Linki nhìn vào nòng súng thép lạnh lùng đang lóe lên trong lúc trời mờ mờ sắp sáng. Trên chặng đường khổ ải tưởng chừng vô tận này, cái chết trở thành một

điều ao ước trong cô, nó sẽ đem đến sự nghỉ ngơi yên tĩnh. Nhưng khẩu tiểu liên vẫn chỉ im lặng.

Một giờ nữa trôi qua. Con đường mòn hẹp đang trườn lên sườn núi. Họ vượt qua một đỉnh cao và bắt đầu xuống dốc. Đến bên một tảng đá to, cả bọn dừng chân để nghỉ. Validar gỡ khăn bịt mắt Linki.

- Giờ thì mày có thể thả sức mà kêu...

Nhưng Linki thừa hiểu, ở đây, cô có kêu thì cũng vô ích. Cô buồn bã nhìn vào khoảng tối của khe núi. Cô thấy vầng đầu chóng mặt từ lúc bị vấp vào đá, cơn đau vẫn chưa chịu dứt cho.

Trời đã sáng. Giữa những tảng đá và hang hốc là một bóng đen trải dài. Khe núi vẫn giữ vẻ u tịch. Làn gió ban mai lạnh mát lùa qua, khiến Linki co ro. Cô cố tập trung những ý nghĩ trong đầu, những mũi súng tiểu liên lạnh lùng huých vào lưng, buộc cô sự tỉnh.

- Thế nào, có chịu làm vợ tao không? - Tiếng Validar vang lên.

- Vì đức tối cao, hãy thả tôi ra? - Cô gái cầu khẩn. - Phải biết sợ thượng đế chứ!

Sam vừa trao đổi xong với Zhama Goly một điều gì đó, gọi với lên: Validar, ông xong chưa đấy... Còn chúng tôi thì sao?... ta chia đều, có được không?

Sam, những câu pha trò vớ vẩn của mày sẽ có lúc đem đến một kết cục không hay ho gì đâu! - Vahdar nói có vẻ nhũn nhặn, rõ ràng là hắn không muốn gây sự với các đồng minh của mình.

Sam không đáp, làm như chẳng nghe thấy gì, mãi cho tới lúc bọn chúng tiếp tục lên đường, hấn mới gỡ cái giọng cũ ra:

- Mau mau lên, Validar! Không thì sẽ muộn đấy! Ông biết không, tớ với lão ta kết bạn với nhau từ hồi nằm trong tù kia - hấn nói với Zhama Goly. - Từ hồi đó tớ đã biết: lão này mê gái. Chứ tớ thì, nói thật đấy có cũng được, mà không cũng xong, cần quái gì!

- Các ông ngồi tù vì tội gì? - Zhama Goly hỏi.

- Cánh tớ vợ vét một nhà hàng mà...

Họ bước chậm lại một chút, Validar đứng chờ, và lúc này thì cả ba tên đã đi thành hàng ngang. Chớp được thời cơ, Linki vùng chạy về phía miệng vực. Cô chỉ cần chạy đến miệng vực để gieo mình xuống cái nơi yên lặng ngàn đời ấy là xong... Nhưng Validar đã đuổi kịp, hấn túm vai cô, tát một cái, rồi văng ra một tràng những câu chửi tục tĩu...

Trong khe núi có một đám người mang súng ống đang chờ bọn chúng. Từ đám họ, một người tầm thước, không cao lắm, có cặp mắt tí hí như mắt heo bước lên và hỏi:

- Thế nào, Validar, đó chính là con dê non ấy phải không?

Validar im lặng một lúc lâu rồi cuối cùng cũng lên tiếng:

- Thừa thủ lĩnh, nếu ngài muốn thì cứ chém đầu tôi đi, nhưng đừng có đụng đến cô gái này!

Validar và hai người từ nãy tới giờ vẫn theo hần đi vào vườn cây ở đó dưới bóng cây có mấy người đang nằm, bên cạnh họ, những khẩu súng nằm chờ chông.

Chúng nhốt Linki trong một căn phòng thuộc dãy nhà một tầng nằm ở tận cuối vườn. Cô ngồi ở đó, bụng đói meo, tay bị trói chặt, hoàn toàn mất hết ý niệm về thời gian. Cô đã nghe thấy tên thủ lĩnh đòi Validar phải thực hiện lời hứa nhường lại cô cho hần. Validar không chịu, cãi lại tên thủ lĩnh. Hai tên chửi bới, lăng mạ nhau một hồi lâu, bọn đàn em cố can ngăn nhưng không được. Cứ như thế cho đến giữa trưa. Lát sau nghe có mấy tiếng súng nổ vọng về, rồi thì yên ắng hoàn toàn.

Được một lát, cánh cửa hé mở, và trước ngưỡng cửa xuất hiện một sinh vật có đôi chân trần lấm láp đất bùn. Hần đội trên đầu một chiếc mũ có lá bùa rủ xuống trán. Mỗi khi hần cử động, lá bùa lại đập một cái vào hàng lông mày, khiến hần rung lên bần bật.

- Chỉ vì cô mà thủ lĩnh đã ra lệnh xử bắn Validar cùng một lúc với Zhama Goly, vì ông ấy xin thả cô ra.

"Thế là hết, - Linki nghĩ thầm, - mình đã đặt hy vọng cuối cùng vào Zhama Goly".

Tên mới vào chạy xun xoe quanh Linki, cười cười một cách ngớ ngẩn, rồi đến gần cởi dây trói ở tay cô. Cho đến lúc này Linki mới nhận ra đó là một gã đàn ông.

- Lệnh của thủ lĩnh đã ban, nhất nhất đều phải tuân theo. Ai chống lại, người đó sẽ chịu chung số phận với Validar....Hần lại tiếp tục đứng đối chân tại chỗ. - Ấy chớ có động đến cái ấy - hần trở tay vào một góc nhà, nơi

xếp gọn ngang những thùng gỗ, hòm gỗ với những vật tròn tròn, cỡ to gần bằng quả táo.

Linki đánh bạo hỏi:

- Cái gì thế?

- Cái ấy phải cầm như thế này này, rồi lấy răng cắn vào cái vòng này, rồi thì phải ném đi, ném cho rõ xa vào, chứ không thì sẽ ngã quay đơ ra giữa vũng máu đấy! - Hấn nói với vẻ tự hào. - Có biết chúng tôi được học những cái ấy ở đâu không? Ở đằng sau trại đấy?

- Thế cái gì ở trong hòm kia? - Linki hỏi.

- Dạn đại liên đấy. Nhưng cô phải cẩn thận, cô em ạ. Cứ ngồi yên đấy, và cầu trời, cô chớ có đụng vào một thứ gì. Lệnh của thủ lĩnh đấy. Từ giờ trở đi thì cô phải thành bà thủ lĩnh rồi, thế đấy! Còn tôi thì sẽ phải phục dịch cơ, cần gì, tôi sẽ đem đến, tôi sẽ trông coi hầu hạ cô. Đây là lệnh của thủ lĩnh!

Người đàn ông vừa định quay ra thì Linki đã vội vàng chạy đến nói với giọng khẩn khoản:

- Bác ơi, bác quý hóa! Bác làm ơn nói với thủ lĩnh giùm tôi để ngài lo đám cưới theo đúng luật lệ của đạo Hồi chúng tôi! Nhờ bác làm ơn nói hộ! Tôi xin suốt đời làm nô lệ của ngài, nhưng phải theo đúng luật lệ...

Những tia nắng của vầng mặt trời sắp lặn chiếu qua cửa sổ. Người đầy tớ lại hiện ra trước ngưỡng cửa. Có lẽ là cái nụ cười ngớ ngẩn kia chẳng bao giờ biến mất khỏi bộ mặt anh ta. Anh ta đặt trước mặt Linki một bát *surba* và một nửa tấm bánh.

Thủ lĩnh ra lệnh gọi thầy cúng đến. Bây giờ mọi người tụ tập cả trong vườn, chỗ cây đào ấy. Đang giờ ăn trưa. Chờ ăn xong, thầy cúng đến là vừa. Cô cũng phải ăn đi. - Anh ta chỉ tay vào bát *surba*. Đây là lệnh của thủ lĩnh, ai không tuân theo, người ấy phải... - Người đây tỏ trợn tròn hai con mắt, đưa bàn tay lên kề cổ làm một điệu bộ oai rồi quảy đi.

Linki bóp vụn miếng bánh trong tay: "Biết bao nhiêu cô gái chịu một số phận như mình? Và sẽ còn bao nhiêu người con gái phải bất hạnh như thế? Rồi mình sẽ còn bị dày dọ đến đâu?"

Cô gọi người hầu lại, bảo đem đến một bình nước để cô rửa mặt rửa tay. Người hầu nhanh nhẩu chạy đi thực hiện yêu cầu của cô...

Cả bọn ngồi dưới bóng cây đào như theo một mệnh lệnh sắt, mặt hướng về dãy nhà có Linki đứng bên cạnh. Trong nỗi kinh hoàng, mắt chúng như chạy lên trên trán, không đứa nào nói được nên lời, chỉ biết mấp máy môi.

- Nó có lựu đạn đấy! - Một tiếng kêu thất thanh vỡ ra.

Cả bọn nhồm ngay dậy. Linki cắn răng vào chiếc vòng giắt mạnh một cái và quăng lựu đạn. Một tiếng nổ âm phá vỡ sự tĩnh lặng của giờ cuối trưa. Khói cay tràn ra khắp vườn. Linki nhanh nhẹn chạy trở lại căn phòng nọ. Những tiếng súng loạn xạ vang lên chát chúa. Hai thằng lính canh chạy bổ vào phòng cô. Quả lựu đạn tiếp theo nổ sát dưới chân chúng, ở ngay ngưỡng cửa. Tiếp

theo tiếng nổ, những mảnh kính cửa sổ văng vào trong phòng Linki, vỡ tan tành như xác pháo.

Gió xua khói tan dần. Những tên cướp còn sống sót chạy nháo nhác khắp vườn để thu nhặt xác chết và đặt thành một dãy trên bãi cỏ bị lửa lựu đạn làm cho cháy xém. Linki nằm ở một đầu dãy. Bụi bay thành một làn xám xịt phủ lên mái tóc đen dày và thấm khăn trắng quấn quanh cổ Linki. Thấm qua vải áo trắng tinh, những vết máu đỏ tươi loang ra mỗi lúc một rộng. Những ngón tay cô vẫn còn nắm chặt một quả lựu đạn.

Đặng Bảo dịch

MỤC LỤC

Tình yêu.....	3
Amy Boom - Nhà văn Mỹ - Giải thưởng O'Henry	
Nguyễn Thị Hiền Thảo <i>dịch</i>	
Trong công viên	19
Cao Hành Kiện - Nhà văn Trung Quốc – Giải thưởng Nobel	
Nguyễn Hồi Thủ <i>dịch</i>	
Phải lòng	33
Andre Dubus - Nhà văn Mỹ – Giải thưởng Pen/Malamud	
Tô Đức Huy <i>dịch</i>	
Đom đóm của tình yêu.....	53
Luigi Pirandello - Nhà văn Ý – Giải thưởng Nobel	
Hoàng Hải – Lê Sơn <i>dịch</i>	
Con quỷ già	66
Pearl Buck - Nhà văn Mỹ – Giải thưởng Nobel	
Dương Tường <i>dịch</i>	

Tuyết bỗng nhiên rơi.....84

Sihabaki Yoshiko - Nhà văn Nhật Bản – Giải thưởng quốc gia

Phan Thu Hiền *dịch*

Những ngày tươi sáng ở phía trước..... 116

Catherie Young - Nhà văn Mỹ – Giải thưởng khu vực

Trần Nhật Lệ *dịch*

Ngôi nhà có ma 132

Virginia Woolf - Nhà văn Anh – Giải thưởng khu vực

Lê Huy Bắc *dịch*

Thằng bé ngã từ độ cao 12 mét 135

Elizabeth Graver - Nhà văn Mỹ – Giải thưởng O' Henry

Nguyễn Thị Hiền Thảo *dịch*

Tuyệt vọng.....150

Judith Ortiz Cofer - Nhà văn Mỹ – Giải thưởng O' Henry

Nguyễn Thị Hiền Thảo *dịch*

Lời tiên tri 165

Elizabeth Oness - Nhà văn Mỹ – Giải thưởng O' Henry

Nguyễn Thị Hiền Thảo *dịch*

Gái hai chồng 195

Mikhail Sholokhov - Nhà văn Nga - Giải thưởng Nobel

Hà Ngọc dịch

Những cuộc đời sau khi chết 225

Tim O'Brien - Nhà văn Mỹ - Giải thưởng sách quốc gia Mỹ

Phan Thu Hiền dịch

Cái chết của Lôhengrin 250

Heinrich Böll - Nhà văn Đức - Giải thưởng Nobel

Quang Chiến dịch

Chuột rút 265

Cao Hành Kiện - Nhà văn Trung Quốc - Giải thưởng Nobel

Nguyễn Hồi Thủ dịch

Đá đỏi..... 272

Rabindranath Tagore - Nhà văn Ấn Độ - Giải thưởng Nobel

Hoàng Cường dịch

Dòng máu..... 292

N. Dumbadze - Nhà văn Gruzia - Giải thưởng Lê Nin

Đào Minh Hiệp dịch

Cái chết không bình đẳng.....308

Katia Toure Cote d'Ivoire - Nhà văn Cote d'Ivoire – Giải thưởng lớn
lần thứ VI (Cuộc thi truyện ngắn hay nhất viết bằng tiếng Pháp)

Trần Việt *dịch*

Dàn hỏa thiêu..... 318

Rabindranath Tagore - Nhà văn Ấn Độ – Giải thưởng Nobel

Hoàng Cường *dịch*

Gửi của 331

Rabindranath Tagore - Nhà văn Ấn Độ – Giải thưởng Nobel

Hoàng Cường *dịch*

Quạ Cáp Nhĩ Tân..... 345

A Thành - Nhà văn Trung Quốc – Giải thưởng văn học Lỗ Tấn

Võ Toán *dịch*

Viên phấn thần kỳ..... 376

Kobo Abe - Nhà văn Nhật Bản – Giải thưởng Akutawa

Nhật Chiêu *dịch*

“Đấy, nước Mỹ đấy!” 392

John Updike - Nhà văn Mỹ – Giải thưởng O'Henry

Nguyễn Chiến *dịch*

Vật thí nghiệm403

Henri Troyat - Nhà văn Pháp – Giải thưởng Goncourt

Nguyễn Chiến *dịch*

Sấm rền 432

Ray Bradbury - Nhà văn Mỹ - Giải thưởng Franklin/O' Henry

Trần Đức Tài *dịch*

Cô gái ưa màu trắng 455

Asaddulla Habib - Nhà văn Afghanistan - Giải thưởng truyện
ngắn hay nhất báo Anix

Đặng Bầy *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI

Điện thoại: 04 7 161 518 - 04 7 161 190 - Fax: 04 8 294 781

Email: nxbvanhoc@hn.vnn.vn

Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh

290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3

Điện thoại: 08. 8469859; Fax: 08 8483481

GÁI HAI CHỒNG

*Tuyển truyện ngắn đặc sắc của các tác giả đoạt giải
Nobel, O'Henry, sách quốc gia Mỹ...*

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN CỬ

Biên tập: Phạm Thanh Diệp

Trình bày & vẽ bìa: NS Đống Đa

Sửa bản in: NS Đống Đa

TỔNG PHÁT HÀNH

MIỀN BẮC:

NHÀ SÁCH ĐỒNG ĐA

834 Đường Láng - Đống Đa - HN

ĐT: (04) 37752939 - Fax (84.4) 37755723

E-mail: sachdongda@gmail.com

MIỀN NAM:

CÔNG TY TNHH SÁCH PHƯƠNG NAM

940 đường Ba Tháng Hai, phường 15, quận 11, Tp. HCM

ĐT: (08) 8663447 - 8663448 - Fax: (84.8) 8663449

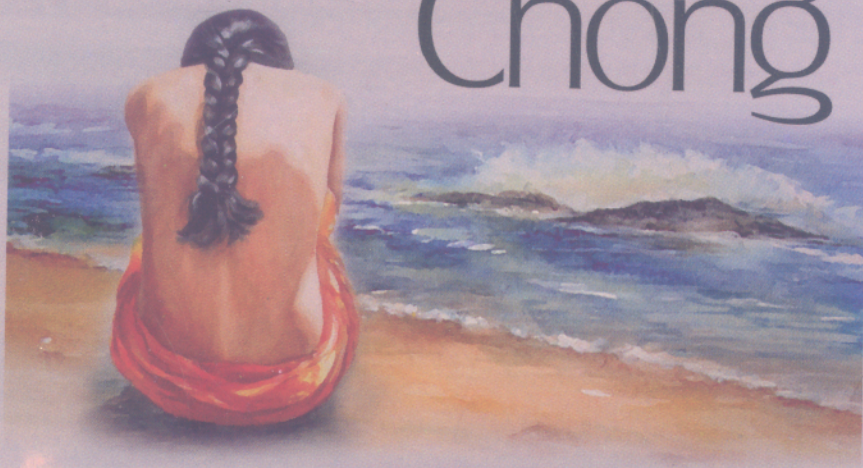
Website: www.phuongnam.vn

In 1.000 cuốn, khổ 14.5x20.5cm, tại Xưởng in Báo Thể Thao Việt Nam.

Giấy phép xuất bản số: 761-2008/CXB/5-86/VH do CXB cấp ngày 15/8/2008.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2008.

Gái hai Chồng



“Mahaymaya đã bị trói chặt chân tay và đặt lên đàn hỏa thiêu rồi lửa lễ được đốt lên vào giờ ấn định. Vừa lúc ngọn lửa từ đồng củi bùng lên thì ập đến một cơn giông tố dữ dội và một trận mưa ào ào như thác. Những người dự lễ hỏa thiêu vội bỏ chạy đến náu mình trong túp lều của những kẻ hấp hối và đóng chặt cửa lại. Mưa nhanh chóng dập tắt ngọn lửa trên giàn hỏa thiêu. Trong khi đó những sợi dây trói cổ tay Mahaymaya bị cháy thành tro khiến đôi tay nàng được giải thoát. Không một tiếng kêu rên mặc dầu đau đớn cực độ vì những vết bỏng, nàng ngồi xuống cởi dây trói chân. Rồi quàng lên mình tấm xari cháy dở, nàng đứng lên, người nửa trần, rời khỏi đàn hỏa thiêu và thoát đầu trở về nhà. Trong nhà không có một ai, mọi người đã ra hết chỗ hỏa thiêu. Nàng thắp một ngọn đèn, quần một tấm xari sạch và soi mặt trong gương. Vứt mảnh gương xuống đất, nàng suy nghĩ một lúc, sau đó, trùm lên đầu một tấm khăn dài và dày, đi về phía nhà Rajib cách đó không xa. Bạn đọc đã biết những gì diễn ra sau đó.”

Tổng phát hành tại:
Nhà sách Đồng Đa - 834 Đường Láng - Hà Nội
Tel: 04.37752939 - Fax: 04.37755723
Email: sachdongda@gmail.com

Công ty TNHH sách Phương Nam
940 Đường Ba Tháng Hai, phường 15, quận 11, TP. HCM
ĐT: (08) 38663447 - 39616759 - Fax: (84.8) 38663449
Website: www.phuongnamvn.com



Gái hai chồng



Giá: 78.000 VNĐ